NGƯỜI BIẾN MẤT
JEFFERY DEAVER
Trần Trọng Hải Minh dịch

NGƯỜI BIẾN MẤT

Jeffery Deaver

Trần Trọng Hải Minh *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Số 175 Giảng Võ - Hà Nội

Điện thoai: (024) 3851 5380; Fax: (024) 3581 5381

Email: info@nxblaodong.com.vn

Website: www.nxblaodong.com.vn

Chi nhánh phía Nam

Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3839 0970; Fax: (028) 3925 7205

Chịu trách nghiệm xuất bản:

MAI THỊ THANH HẰNG

Biên tập: Đặng Thị Mai Anh

Sửa bản in: Lê Hạnh Nguyên

Trình bày: Trần Thị Thơm

Họa sĩ: Tidus Fair Supertramp

Trình bày bìa: Lê Tuấn Anh

Liên kết xuất bản **Công ty CP Bách Việt**

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 9, ngõ 55/9 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Tel: (024) 3776 5580 - Fax: (024) 3776 5579

Chi nhánh Tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 233 Nguyễn Thượng Hiển, P.6, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM.

Tel/Fax: (028) 3517 1788

Website: http://www.bachvietbooks.com.vn

http://www.facebook.com/bachvietbooks.com.vn

In 3.000 cuốn, khổ 16x24 cm tại: Công ty TNHH In Thiên Minh. Địa chỉ: Số 8, ngõ 197, phố Thúy Lĩnh, P. Linh Nam, Q. Hoàng Mai, Hà Nội. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2690-2019/CXBIPH/07-123/LĐ cấp ngày 22/7/2019. Quyết định xuất bản số: 1505/QĐ-NXBLĐ, cấp ngày 19/9/2019. Mã ISBN: 978-604-932-807-4. In xong và nộp lưu chiếu năm 2019.

Dành tặng Madelyn Warcholik

“Các ảo thuật gia coi một mánh ảo thuật bao gồm một hiệu ứng và một phương pháp. Hiệu ứng là những gì khán giả nhìn thấy... Phương pháp là bí mật đằng sau hiệu ứng và cho phép hiệu ứng xảy ra.”

– Peter Lamont và Richard Wiseman, *Magic in Theory*

I
HIỆU ỨNG

Thứ Bảy, ngày 20 tháng Tư

"Nhà ảo thuật bậc thầy tìm cách đánh lừa tâm trí, chứ không phải đôi mắt."

– Marvin Kaye, *The Creative Magician's Handbook*

Chương một

Xin chào mừng quý khán giả thân mến. Hoan nghênh!

Xin chào mừng tới buổi diễn của chúng tôi!

Chúng tôi sẽ có hàng loạt màn trình diễn hồi hộp dành cho quý vị trong hai ngày tới khi những ảo thuật gia, những thầy phù thủy với đôi tay khéo léo sẽ trình diễn phép lạ của họ để làm vui lòng các bạn và khiến các bạn say đắm.

Màn trình diễn đầu tiên của chúng tôi là sự tái hiện tiết mục của một nghệ sĩ trình diễn mà ai cũng đã biết: Harry Houdini[1], nghệ sĩ thoát hiểm xuất sắc nhất ở Mỹ, nếu không muốn nói là toàn thế giới, một người đã trình diễn trước những nguyên thủ quốc gia và các tổng thống Hoa Kỳ. Một số màn trốn thoát của ông khó tới mức suốt bao nhiêu năm trời sau cái chết không đúng lúc chút nào của ông vẫn không ai dám thử.

---

[1] *Harry Houdini (1874 - 1926), người Mỹ gốc Hungary, được coi là một trong những ảo thuật gia vĩ đại nhất mọi thời đại (các chú thích trong sách là của người dịch, nếu không có ghi chú gì thêm).*

Hôm nay chúng tôi sẽ tái hiện cuộc trốn thoát mà ông đã mạo hiểm với nguy cơ chết ngạt trong tiết mục có tên gọi là Kẻ lười bị treo cổ.

Trong màn trình diễn này, nghệ sĩ của chúng tôi nằm sấp, tay bị còng sau lưng bằng còng tay Darby kinh điển. Mắt cá chân bị cột lại với nhau và một sợi dây thừng dài quấn quanh cổ như một sợi thòng lọng, rồi cột vào mắt cá. Do chiều hướng chân duỗi thẳng ra kéo thòng lọng thít lại và khiến quá trình chết ngạt kinh khủng bắt đầu.

Tại sao nó được gọi là Kẻ "lười" bị treo cổ? Vì kẻ bị kết án tự hành hình mình.

Trong nhiều tiết mục nguy hiểm hơn của Houdini, các trợ lý luôn có mặt với sẵn dao và chìa khóa để giải thoát cho ông trong trường hợp ông không thoát ra được. Thường thì một bác sĩ cũng sẵn sàng.

Hôm nay, sẽ không có những dự phòng như thế. Nếu không thoát ra được trong vòng bốn phút, nghệ sĩ trình diễn sẽ chết.

Chúng ta sẽ bắt đầu trong phút chốc… nhưng trước hết là một lời nhắn nhủ: Đừng bao giờ quên rằng khi đã bước vào màn trình diễn của chúng tôi thì bạn đã từ bỏ thực tại.

Những gì bạn tin tưởng tuyệt đối rằng mình đã thấy có thể không hề tồn tại. Những gì bạn coi là một ảo giác có thể lại là sự thật phũ phàng của Chúa.

Người bầu bạn với bạn trong màn trình diễn của chúng tôi hóa ra lại là một người hoàn toàn xa lạ. Một người đàn ông hay phụ nữ trong đám khán giả mà bạn không nhận ra có thể lại biết bạn quá rõ.

Thứ có vẻ an toàn có thể lại đầy chết chóc. Và những nguy cơ kinh khủng mà bạn luôn đề phòng có thể chẳng là gì ngoài sự phân tâm để lôi kéo bạn tới mối nguy lớn hơn.

Trong màn trình diễn của chúng tôi các bạn có thể tin điều gì? Có thể trông cậy ai?

Thưa quý khán giả kính mến! Câu trả lời là bạn đừng nên tin bất kỳ điều gì cả. Và đừng trông cậy vào ai. Không ai hết.

Giờ thì màn đã kéo lên, ánh sáng mờ dần, nhạc đang tắt dần, chỉ còn lại những tiếng tim đập thình thịch chờ đợi mà thôi.

Và màn trình diễn của chúng tôi xin phép được bắt đầu…

***

Căn nhà có vẻ đã chứng kiến không ít những bóng ma.

Kiểu gô-tích, đầy bồ hóng, đen tối. Nằm kẹp giữa hai tòa nhà cao tầng ở khu Upper West Side, trên nóc là sân thượng có rào và rất nhiều cửa sổ hai cánh. Tòa nhà từ thời Victoria[2] và có lúc đã là một trường nội trú, rồi một viện điều dưỡng, nơi những kẻ tâm thần phạm tội sống nốt cuộc đời tàn tạ của mình.

---

[2] *Thời Victoria: Giai đoạn lịch sử gọi theo tên Nữ hoàng Anh Victoria, người cai trị từ 1837 tới 1901, cũng là thời kỳ nước Anh là cường quốc số một thế*

giới.

Trường Âm nhạc và Nghệ thuật biểu diễn Manhattan có thể đã là nơi trú ngụ của vài tá hồn ma bóng quế.

Nhưng không bóng ma nào mới như bóng ma đang lởn vởn ở đó ngay lúc này, trên cơ thể còn ấm của một phụ nữ trẻ nằm sấp, trong hành lang mờ ảo bên ngoài một khán phòng nhỏ. Mắt cô trợn trừng nhưng vẫn chưa mờ đục, máu trên gò má vẫn chưa biến thành màu nâu.

Mặt cô tím tái như một trái mận bởi sợi thừng căng siết chặt cột cổ cô với mắt cá chân.

Xung quanh cô là một hộp đựng sáo, giấy chép nhạc và một ly cà phê Starbucks lớn đã đổ hết ra ngoài, thứ chất lỏng màu đen ấy làm ố quần bò và chiếc áo phông Izod màu xanh lá cây của cô, để lại một đường như hình dấu phẩy trên sàn đá cẩm thạch.

Cũng có mặt ở đó là gã đàn ông đã giết cô, gã đang cúi người và kiểm tra cô cẩn thận. Gã rất từ tốn và không thấy có gì phải vội vã cả. Hôm nay là thứ Bảy, vẫn còn sớm. Gã biết không có lớp học nào ở trường này vào các ngày cuối tuần. Đám học trò có sử dụng phòng tập nhạc, nhưng những phòng đó ở mé khác của tòa nhà. Gã nghiêng người gần lại người phụ nữ, liếc nhìn, tự hỏi liệu mình có nhìn thấy một linh hồn, một bóng ma trỗi dậy từ cơ thể cô. Chẳng có gì cả.

Gã đứng thẳng dậy, cân nhắc xem còn có thể làm gì với hình dáng bất động trước mặt mình.

“Anh chắc chắn đó không phải tiếng thét chứ?”

“Phải… Không,” tay bảo vệ nói. “Có lẽ không phải là tiếng thét thật, cô biết đấy. La hét. Giận dữ. Chỉ một hai giây thôi. Rồi ngừng hẳn.”

Diane Franciscovich, một cảnh sát tuần tra đang làm việc ở khu vực Hai Mươi, hỏi tiếp, “Có ai nghe thấy gì khác không?”

Tay bảo vệ cao lớn, thở nặng nhọc, liếc nhìn nữ cảnh sát dong dỏng, tóc nâu, lắc đầu và mở đôi tay to lớn của anh ta. Anh ta chùi hai tay lên chiếc quần tây xanh.

“Có gọi hỗ trợ không?” Nancy Ausonio hỏi, một cảnh sát tuần tra

trẻ, thấp hơn đồng nghiệp của cô, tóc vàng.

Franciscovich không nghĩ thế, dù không thật chắc chắn. Cảnh sát tuần tra đi tuần ở khu vực này của Upper West Side chủ yếu chỉ phải xử lý các vụ tai nạn giao thông, ăn cắp vặt, và trộm xe (cũng như nắm tay an ủi những người bị cướp). Đây là vụ đầu tiên với họ – hai nữ cảnh sát, vào phiên tuần tra sáng thứ Bảy, khi đang ở trên vỉa hè thì được tay bảo vệ ra hiệu đi gấp vào trong để kiểm tra tiếng thét. Một tiếng thét giận dữ.

"Hãy từ từ đã," Franciscovich trầm tĩnh nói. "Để xem chuyện gì đang diễn ra."

Tay bảo vệ nói, "Nghe có vẻ tới từ đâu đó trong này. Không biết nữa."

"Một nơi rờn rợn," Ausonio bình luận, cảm thấy khó chịu lạ lùng; cô là kiểu cảnh sát tuần tra có thể nhảy ngay vào giữa một vụ ẩu đả, ngay cả khi những kẻ đó có to gấp đôi cô.

"Âm thanh đó, cô biết đấy. Khó mà diễn tả được. Cô hiểu ý tôi không? Nơi xuất phát ấy."

Franciscovich đang tập trung vào những gì đồng đội của cô nói. *Quả là* một nơi rờn rợn, cô nghĩ thầm.

Có vẻ như hàng dặm hành lang u ám kéo dài không thấy có gì khác thường, tay bảo vệ dừng lại.

Franciscovich hất đầu về phía cánh cửa ở trước họ. "Trong đây có gì?"

"Lý nào bọn học trò lại ở đây. Chỉ là..."

Franciscovich đẩy cánh cửa ra.

Bên trong là một hành lang nhỏ dẫn tới cánh cửa có biển Hội trường A. Và ở gần cánh cửa đó là thi thể một phụ nữ trẻ bị trói gô lại, dây thừng quanh cổ, tay bị còng. Mắt mở trừng, đã chết. Một người đàn ông tóc nâu, râu ria, khoảng ngoài năm mươi đang khom lưng phía trên cô ta. Gã nhìn lên, ngạc nhiên khi thấy họ bước vào.

"Không!" Ausonio hét lên.

"Ôi, Chúa ơi," tay bảo vệ kêu lên.

Hai cảnh sát rút vũ khí ra và Franciscovich nhìn xuống người đàn ông mà cô nghĩ là một tay vững vàng đáng ngạc nhiên. “Không được động đậy! Đứng lên từ từ. Tránh xa cô ấy và giơ tay lên.” Giọng cô kém cứng rắn hơn nhiều so với những ngón tay đang nắm chặt khẩu súng ngắn Glock.

Gã làm theo mệnh lệnh.

“Nằm úp xuống sàn. Để tay ở chỗ thấy được!”

Ausonio bắt đầu tiến về phía cô gái.

Đó là lúc Franciscovich để ý thấy bàn tay phải của gã, giơ cao khỏi đầu, đang nắm chặt.

“Xòe tay…”

Póc…

Cô không còn thấy gì khi một luồng sáng chói mắt tràn ngập căn phòng. Có vẻ như nó được chiếu thẳng từ tay của nghi phạm và lơ lửng một lát trước khi tắt ngấm. Ausonio tê liệt, Franciscovich cúi người, loạng choạng lùi lại phía sau rồi liếc nhìn, hươ khẩu súng tới lui. Hoảng loạn, bởi cô biết kẻ giết người đã nhắm mắt và khi luồng sáng tắt, gã sẽ chĩa khẩu súng của mình về phía họ hoặc lao vào họ với một con dao trong tay.

“Đâu, đâu, đâu?” Cô hét lên.

Rồi cô nhìn thấy – mờ ảo bởi thị lực đã sút kém và làn khói đang tan – kẻ giết người chạy vào trong hội trường. Gã đóng sầm cửa lại. Có tiếng kéo lệt xệt bên trong khi gã di chuyển bàn ghế để chặn cửa.

Ausonio quỳ trước cô gái. Cô dùng một con dao quân đội của Thụy Sĩ cắt sợi thừng ở cổ, lật cô gái lại, và dùng van miệng[3] bắt đầu hô hấp nhân tạo.

---

[3] Van miệng: hay ống ngậm miệng (disposable mouthpiece) là dụng cụ dùng để giữ mở khoang miệng bệnh nhân.

“Còn lối thoát nào khác không?” Franciscovich hét lên với tay bảo vệ.

“Chỉ có một lối… phía sau, ở góc quanh. Về phía bên phải.” “Cửa sổ

thì sao?"

"Không có."

"Này," cô vừa gọi Ausonio vừa bắt đầu chạy thật nhanh. "Canh chừng cửa chính!"

"Rõ," viên cảnh sát tóc vàng đáp và thổi một hơi nữa vào đôi môi đã tím tái của nạn nhân.

Lại có thêm tiếng kéo lê đồ đạc bên trong khi kẻ giết người tăng cường cho rào chắn của gã; Franciscovich chạy thật nhanh ở góc quanh về phía cửa mà tay bảo vệ đã nói, gọi hỗ trợ từ bộ đàm Motorola. Khi nhìn về phía trước, cô thấy có người đang đứng ở cuối hành lang. Franciscovich dừng ngay lại, nhắm vào ngực người đàn ông và chiếu luồng sáng chói từ chiếc đèn pin halogen của cô vào gã.

"Chúa ơi," người gác cổng kêu lên, buông cây chổi đang cầm.

Franciscovich cảm ơn Chúa vì cô đã không đặt ngón tay lên cò súng. "Ông có thấy ai ra khỏi cánh cửa đó không?"

"Có chuyện gì vậy?"

"Ông có *thấy* ai không?" Franciscovich hét lên.

"Không, thưa sĩ quan."

"Ông ở đây bao lâu rồi?"

"Tôi không biết. Chắc là mười phút."

Lại có thêm tiếng kéo đồ đạc bên trong khi tên sát nhân tiếp tục chặn cửa. Franciscovich ra lệnh cho ông già đi vào hành lang chính với tay bảo vệ rồi lần lại chỗ cửa hông. Súng giơ cao, mắt nhìn thẳng, cô nhẹ nhàng thử vặn tay nắm. Nó không khóa. Cô bước sang một bên để mình không nằm trong đường đạn nếu gã khốn đó bắn qua cánh cửa gỗ. Một mẹo mà cô nhớ nhờ phim *NYPD Blue*, dù một giáo viên có lẽ cũng đã nhắc tới chuyện đó lúc cô học ở Học viện Cảnh sát.

Lại có tiếng rầm rầm bên trong.

"Nancy, có đó không?" Franciscovich thì thầm vào bộ đàm của cô.

Giọng Ausonio, run rẩy, nói, "Cô ấy chết rồi, Diane. Tôi đã cố.

Nhưng cô ấy chết rồi."

"Gã đó không thoát ra lối này. Gã vẫn còn trong phòng. Tôi có thể nghe tiếng gã." Im lặng.

"Tôi đã cố, Diane. Tôi đã cố."

"Quên chuyện đó đi. Coi nào. Cô để tâm vào vụ này chứ? Có để tâm không?"

"Ừ, tôi không sao. Thật mà." Giọng của viên cảnh sát đanh lại. "Hãy bắt gã nào."

"Không," Franciscovich nói, "chúng ta sẽ giữ gã ở trong đó cho tới khi Đơn vị Phản ứng Khẩn cấp[4] tới. Tất cả những gì chúng ta phải làm là thế. Hãy ở yên đó. Tránh xa cửa trước ra. Và ở yên đó."

---

[4] ESU (Emergency Service Unit): Đơn vị Phản ứng Khẩn cấp, gọi tắt là Đội Khẩn cấp.

Đó cũng là khi cô nghe tiếng người đàn ông hét lên bên trong, "Tao có con tin. Tao giữ một con bé trong này. Nếu bọn mày tìm cách vào đây, tao sẽ giết nó!"

Ôi, Chúa ơi…

"Này anh!" Franciscovich hét lên. "Không ai làm gì hết đâu. Đừng lo. Chỉ là đừng làm hại ai nữa." Quy trình không biết có phải như thế này không, cô tự nhủ. Cả chương trình ti-vi cô xem lẫn việc huấn luyện ở Học viện không giúp ích gì lúc này. Cô nghe Ausonio gọi Trung tâm và báo cáo lại tình hình hiện tại là có rào chắn và bắt giữ con tin.

Franciscovich gọi gã sát nhân. "Từ từ thôi! Anh có thể..."

Một tiếng súng lớn vang lên bên trong. Franciscovich nhảy lên như một con cá. "Có chuyện gì vậy? Là cô hả?" Cô hét lên trong bộ đàm.

"Không," đồng đội của cô đáp, "tôi nghĩ đó là cô." "Không. Là gã. Cô không sao chứ?"

"Không sao. Gã nói mình có con tin. Cô có nghĩ là gã đã bắn cô ấy không?"

“Tôi không biết. Làm sao tôi biết được?” Franciscovich nghĩ: Đội hỗ trợ *ở chỗ quái nào* rồi chứ?

“Diane,” Ausonio thì thầm một lát sau đó. “Chúng ta phải vào thôi. Có thể cô ấy đã bị bắn. Có thể cô ấy bị thương.” Rồi hét lên: “Này anh!” Không có tiếng trả lời. “Này!”

Vẫn không có gì.

“Có thể gã đã tự sát,” Franciscovich phỏng đoán.

Hay có thể gã nổ súng để khiến chúng ta nghĩ rằng gã tự sát và đợi sẵn bên trong, chờ một mục tiêu rõ ràng ở lối vào.

Rồi hình ảnh kinh khủng đó trở lại với cô: cánh cửa tồi tàn dẫn vào hành lang hội trường mở ra, chiếu ánh sáng mờ ảo lên nạn nhân, mặt cô ta đã chuyển sang màu xanh và lạnh lẽo như một buổi sáng mùa đông. Ngăn những chuyện như thế này xảy ra là lý do cô muốn trở thành cảnh sát.

“Chúng ta phải vào trong, Diane,” Ausonio thì thầm.

“Tôi cũng đang nghĩ thế. Được rồi. Chúng ta sẽ vào.” Cô nói có phần hơi cuồng nhiệt khi nghĩ tới gia đình mình và việc phải đặt tay trái lên tay phải khi bắn một khẩu súng ngắn tự động trong tình huống phải nổ súng chiến đấu. “Nói với bảo vệ là chúng ta cần ánh sáng trong hội trường.”

Một lát sau Ausonio nói, “Công tắc ở ngoài này. Anh ta sẽ bật lên khi tôi nói.” Franciscovich nghe thấy một tiếng thở sâu qua bộ đàm. Rồi Ausonio nói, “Sẵn sàng. Đếm đến ba. Cô đếm đi.”

“Được rồi. Một… Đợi đã. Tôi sẽ vào từ hướng hai giờ của cô. Đừng bắn tôi.”

“Được rồi. Hướng hai giờ. Tôi sẽ…”

“Cô sẽ ở bên trái tôi.”

“Tiến lên.”

“Một.” Franciscovich nắm chặt nắm đấm cửa. “Hai.”

Lần này ngón tay của cô trượt vào bao vũ khí, nhẹ nhàng sờ vào cò thứ hai – chốt an toàn của khẩu súng ngắn Glock.

“Ba!” Franciscovich hét lớn để chắc chắn là đồng đội của cô nghe

thấy mà không cần bộ đàm. Cô đẩy cửa bước vào căn phòng hình chữ nhật lớn ngay khi ánh sáng chói mắt bật lên.

"Đứng yên!" Cô hét lên – với một căn phòng trống.

Khom người, da lấm tấm mồ hôi vì căng thẳng, cô vung vũ khí của mình từ bên này sang bên kia rồi quét mắt nhìn qua từng góc của không gian này.

Không có dấu vết gì của kẻ giết người, không có dấu vết gì của con tin.

Cô liếc sang bên trái, lối vào phía cửa kia, nơi Nancy Ausonio đang đứng, cũng đang hoảng hốt nhìn khắp căn phòng. "Đâu?" Người phụ nữ thì thầm.

Franciscovich lắc đầu. Cô để ý thấy có khoảng năm mươi chiếc ghế gỗ gập xếp thành hàng thẳng thớm. Bốn hay năm chiếc ghế nằm ngửa hoặc nằm nghiêng. Nhưng chúng không có vẻ gì là một rào chắn; chúng được đá ngả ra một cách ngẫu nhiên. Bên phải cô là một sân khấu thấp. Trên đó có một chiếc âm-ly và hai loa, một đàn dương cầm lớn đã mòn vẹt.

Hai cảnh sát trẻ có thể nhìn thấy gần như mọi thứ trong phòng. Ngoại trừ kẻ thủ ác.

"Chuyện gì đã xảy ra, Nancy? Nói cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra."

Ausonio không trả lời; giống như đồng đội của cô, cô đang nhìn quanh hoảng hốt, kiểm tra từng cái bóng, từng món đồ đạc, dù rõ ràng là gã đàn ông không có ở đó.

Rờn rợn…

Căn phòng về cơ bản là một khối lập phương khép kín. Không có cửa sổ. Máy điều hòa và lỗ thông khí chỉ rộng hơn mười lăm xen-ti-mét. Trần nhà bằng gỗ, không có gạch cách âm. Không có cửa sập nào mà cô nhìn thấy được. Không có cửa chính nào ngoài cánh cửa mà Ausonio đã dùng và cửa thoát hiểm mà Franciscovich vừa đi qua.

Ở đâu chứ? Franciscovich nhăn nhó.

Đồng đội của cô trả lời điều gì đấy. Viên cảnh sát không thể hiểu được, nhưng có thể đọc được thông điệp trên mặt cô: Tôi chẳng hiểu gì cả.

“Này,” một giọng nói lớn vang lên ở lối vào cửa. Họ quay về phía đó, chĩa súng nhắm vào sảnh trống không. “Xe cứu thương và một số sĩ quan khác đã tới đây.” Đấy là tay bảo vệ, trốn ở ngoài tầm nhìn.

Tim đập rộn ràng vì cuộc vây ráp, Franciscovich gọi anh ta vào trong.

Anh ta hỏi, “Thế nào, ừm… ý của tôi là quý vị có bắt được gã không?”

“Gã không có ở đây,” Ausonio nói giọng run rẩy.

“Sao cơ?” Người đàn ông thận trọng nhìn vào trong hội trường.

Franciscovich nghe tiếng các sĩ quan và kỹ thuật viên EMS[5] đang tới. Tiếng kêu chói tai của trang thiết bị. Dẫu vậy, hai người phụ nữ vẫn chưa thể tới gặp các đồng đội của mình. Họ đứng đờ đẫn giữa hội trường, cảm thấy bất an và khó hiểu, nỗ lực vô ích để cố hiểu xem kẻ sát nhân đã thoát khỏi một căn phòng không có lối thoát như thế nào.

---

[5] *EMS: Dịch vụ Y tế Khẩn cấp.*

Chương hai

"Anh ấy đang nghe nhạc."

"Tôi không nghe nhạc. Nhạc chỉ tình cờ bật. Vậy thôi."

"Nhạc hả?"

Lon Sellitto lầm bầm khi anh bước vào phòng của Lincoln Rhyme. "Thật trùng hợp."

"Anh ấy lại còn thích nhạc jazz," Thom giải thích với tay thanh tra cảnh sát bụng phệ. "Phải nói là tôi ngạc nhiên đấy."

"Như tôi đã nói," Lincoln Rhyme nóng nảy nói tiếp, "tôi đang làm việc thì nhạc tình cờ bật lên. Ý anh là gì, trùng hợp là sao?"

Gật đầu với màn hình phẳng phía trước giường Flexicair của Rhyme, người trợ lý mảnh khảnh, trẻ trung, mặc một cái áo sơ-mi trắng, quần tây màu nâu vàng và đeo cà-vạt tím đậm, nói, "Không, anh ấy không làm việc. Trừ khi việc nhìn chằm chằm vào một trang giấy cả tiếng đồng hồ là làm việc. Anh ấy sẽ không để tôi thoát với công việc như thế."

"Lệnh, lật trang." Máy tính nhận ra giọng của Rhyme và tuân theo mệnh lệnh của anh, lật qua một trang mới của tờ *Tạp chí Khoa học Pháp y* trên màn hình. Anh hỏi Thom với giọng gay gắt, "Nói đi, anh muốn đánh đố tôi xem tôi đang *nhìn chằm chằm* vào thứ gì hả? Cấu tạo của năm loại chất độc lạ hàng đầu được tìm thấy trong các phòng thí nghiệm khủng bố gần đây ở châu Âu? Và nếu chúng ta đánh cược một chút vào những câu trả lời thì sao?"

"Không, chúng ta có việc khác phải làm," người trợ lý đáp, ý chỉ đủ kiểu chức năng cơ thể mà những người chăm sóc phải lưu tâm vài lần một ngày khi bệnh nhân của họ là người liệt cả tứ chi như Lincoln Rhyme.

"Vài phút nữa chúng ta sẽ chuyển sang việc đó," nhà tội phạm học

nói, tận hưởng một đoạn lặp đặc biệt dữ dội của kèn trumpet.

“Chúng ta chuyển sang việc đó ngay bây giờ. Xin thứ lỗi, Lon.”

“Được rồi, được rồi.” Sellitto cao to, đầu bù tóc rối bước vào hành lang bên ngoài phòng ngủ ở tầng hai căn nhà phố trên đường Central Park West của Rhyme. Anh đóng cửa lại.

Vào lúc Thom thực thi phận sự của mình một cách khéo léo, Lincoln Rhyme lắng nghe tiếng nhạc và tự nhủ: Chỉ là trùng hợp thôi sao?

Năm phút sau, Thom để Sellitto quay trở lại phòng ngủ. “Cà phê chứ?”

“Ừ. Quả là cần chút cà phê. Mẹ kiếp, sáng sớm thứ Bảy mà đã phải làm việc.”

Người trợ lý rời đi.

“Nhìn tôi thế nào, Linc?” Tay thanh tra cảnh sát tuổi trung niên xoay một vòng rồi hỏi. Bộ vest xám là thứ quần áo điển hình trong tủ đồ của anh ta – có vẻ như được may bằng thứ vải nhàu vĩnh viễn.

“Trình diễn thời trang sao?” Rhyme hỏi.

Phải chăng là trùng hợp?

Rồi tâm trí anh trở lại với đĩa CD. Làm sao một người có thể chơi trumpet mượt mà đến thế? Làm sao ta có thể tạo ra thứ âm thanh đó từ một nhạc cụ kim loại chứ?

Tay thanh tra cảnh sát nói tiếp: “Tôi đã giảm hơn bảy cân. Rachel bắt tôi ăn kiêng. Chất béo là vấn đề. Ta phải giảm chất béo, anh sẽ kinh ngạc thấy mình giảm được bao nhiêu cân.”

“Chất béo, phải. Tôi nghĩ tôi biết chuyện đó rồi, Lon. Vậy…?”

Nghĩa là, đi thẳng vào vấn đề đi.

“Tôi có một vụ lạ lùng. Tìm thấy một thi thể nửa giờ trước ở một trường Âm nhạc phía trên đường này. Tôi là sĩ quan phụ trách vụ việc và cần chút trợ giúp.”

Trường Âm nhạc. Và mình đang nghe nhạc. Quả là một sự trùng hợp thảm hại.

Sellitto nêu ra một số dữ kiện: sinh viên bị giết, thủ phạm suýt bị bắt nhưng trốn thoát qua một cánh cửa bí mật nào đấy mà không ai tìm ra được.

Âm nhạc là toán học. Chuyện đó thì Rhyme, một nhà khoa học, có thể hiểu được. Âm nhạc là logic, âm nhạc được cấu trúc hoàn hảo. Nó cũng là sự vô tận, anh ngẫm nghĩ. Số giai điệu có thể viết ra là vô hạn. Ta không bao giờ chán việc viết nhạc. Anh tự hỏi người ta làm việc đó thế nào. Rhyme tin là anh không có chút sáng tạo nào. Anh từng học đàn dương cầm năm mười một hay mười hai tuổi gì đó, mặc dù anh đã cảm nắng cô Osborne dạy đàn suốt một thời gian dài, những bài học tự thân nó chẳng ra gì cả. Những kỷ niệm đẹp nhất của anh về nhạc cụ đó là việc chụp các bức ảnh phơi sáng của những sợi dây đàn cộng hưởng cho một dự án ở hội chợ khoa học.

"Anh nghe tôi nói không, Linc?"

"Một vụ án, anh đang nói về một vụ án. Lạ lùng."

Sellitto cung cấp thêm chi tiết, từ từ thu hút sự chú ý của Rhyme. "Phải có cách nào đấy để thoát ra khỏi hội trường. Nhưng không ai trong trường hay nhóm của chúng tôi tìm ra được."

"Hiện trường giờ thế nào?"

"Vẫn còn khá nguyên vẹn. Chúng ta có thể để Amelia xem thử được không?"

Rhyme liếc vào đồng hồ. "Cô ấy còn kẹt việc trong khoảng hai mươi phút nữa."

"Không vấn đề gì," Sellitto nói, vỗ vào bụng mình như thể anh đang tìm phần cân nặng đã mất. "Tôi sẽ nhắn tin cho cô ấy."

"Lúc này đừng làm cô ấy phân tâm."

"Tại sao, cô ấy đang làm gì?"

"À, chuyện có hơi nguy hiểm," Rhyme nói, tập trung trở lại vào thứ âm thanh óng như tơ từ kèn trumpet. "Còn gì nữa không?"

***

Cô ngửi thấy mùi gạch ẩm ướt của bức tường nhà chung cư trước mặt.

Lòng bàn tay cô đổ mồ hôi và phía dưới mái tóc đỏ như lửa nhét trong chiếc mũ bám bụi, da đầu cô ngứa kinh khủng. Dẫu vậy, cô hoàn toàn bất động khi một cảnh sát mặc đồng phục tiến lại gần và cũng áp mặt anh ta vào bức tường gạch.

"Được rồi, tình hình là thế," người đàn ông nói, hất hàm về phía bên phải họ. Anh ta giải thích rằng ngay chỗ góc quanh của khu nhà chung cư là một bãi đất trống, ở giữa bãi đất đó là chiếc xe dùng để tẩu thoát vừa gặp nạn vài phút trước, sau cuộc rượt đuổi tốc độ cao.

"Còn lái được không?" Amelia Sachs hỏi.

"Không. Lao vào một thùng rác và không chạy được nữa. Ba nghi phạm. Chúng đã thoát ra nhưng chúng ta cầm chân được một. Gã ngồi trong chiếc xe với khẩu súng trường đi săn rất dài. Một cảnh sát tuần tra đã bị thương."

"Tình trạng thế nào?"

"Ngoài da thôi."

"Xác định được vị trí chưa?"

"Chưa. Ngoài phạm vi. Một dãy nhà ở phía tây chỗ này."

Cô hỏi, "Tay nghi phạm thứ ba thì sao?"

Viên cảnh sát thở dài. "Chó chết, gã đã lẻn vào được tầng một tòa nhà." Anh ta hất đầu về phía khu nhà chung cư mà họ đang ở gần. "Đó là một rào chắn. Hắn có một con tin. Người phụ nữ đang mang thai."

Sachs tiêu hóa đống thông tin khi cô đổi chân trụ, làm thế để giảm bớt cơn đau vì bệnh thấp khớp ở những khớp xương. Mẹ kiếp, đau thật. Cô nhìn vào bảng tên trên ngực người đồng hành. "Vũ khí của kẻ bắt con tin là gì, Wilkins?"

"Súng ngắn. Không rõ loại gì."

"Phe ta ở đâu?"

Người đàn ông trẻ chỉ vào hai cảnh sát đứng sau bức tường ở cuối khu đất. "Hai người nữa phía trước tòa nhà, để kiềm giữ H-T[6]."

---

[6] *H-T, tức "hostage-taker," nghĩa là "kẻ bắt con tin."*

“Tôi không rõ. Tôi đã để mất bộ đàm của mình khi chúng tôi bắt đầu nổ súng.”

“Anh có mặc áo chống đạn không?”

“Không. Tôi đang tuần tra giao thông mà… Giờ chúng ta sẽ làm cái quái gì đây?”

Cô ấn vào bộ đàm Motorola để chỉnh một tần số cụ thể rồi nói, “Hiện trường Năm Tám Tám Năm gọi cấp trên.”

Một lát sau: “Đây là Đại úy Bảy Bốn. Nói đi.”

“Mười - mười ba đang ở khu đất phía đông khu sáu không năm Delancey. Có cảnh sát bị bắn hạ. Cần hỗ trợ, xe cứu thương và Đội Khẩn cấp ngay lập tức. Hai đối tượng, đều có vũ khí. Một đang giữ con tin; chúng ta sẽ cần một người đàm phán.”

“Rõ, Năm Tám Tám Năm. Cần trực thăng quan sát không?” “Không, Bảy Bốn. Một nghi can có súng trường hỏa lực lớn. Và chúng sẵn sàng bắn cảnh sát.”

“Chúng tôi sẽ đưa lực lượng hỗ trợ tới ngay khi có thể. Nhưng Đặc vụ Cảnh vệ đang phong tỏa một nửa thành phố vì phó Tổng thống sắp tới từ JFK[7]. Sẽ có chậm trễ. Hãy tự xử lý tình huống. Hết.”

---

[7] Tức sân bay quốc tế của thành phố New York, đặt theo tên cố tổng thống Mỹ John Fitzgerald Kennedy.

“Rõ. Hết.”

Chà, phó Tổng thống cơ à, cô nghĩ. Ông vừa mất lá phiếu của tôi rồi.

Wilkins lắc đầu. “Nhưng chúng ta không thể đưa một người đàm phán vào gần khu căn hộ được. Tay súng vẫn còn trong xe.”

“Tôi sẽ xử lý chuyện đó,” Sachs đáp.

Cô đi tới chỗ góc khu chung cư và liếc nhìn chiếc xe, một chiếc xe rẻ tiền cắm đầu vào thùng rác, cửa mở toang, một người đàn ông gày gò đang cầm một khẩu súng trường ngồi ở trong.

Tôi sẽ xử lý chuyện đó…

Cô hét lên, "Này anh trong xe, anh bị bao vây rồi. Chúng tôi sẽ nổ súng nếu anh không bỏ vũ khí. Làm ngay đi!"

Gã cúi xuống và chĩa súng về hướng cô. Cô lom khom để tìm chỗ nấp. Trên bộ đàm Motorola, cô gọi cho hai cảnh sát ở phía sau khu đất. "Có con tin trong xe không?"

"Không."

"Các anh chắc chứ?"

"Chắc" là lời đáp của viên cảnh sát. "Chúng tôi nhìn rõ trước khi gã bắt đầu bắn."

"Được rồi. Các anh bắn được không?"

"Có thể là qua cửa."

"Không, đừng bắn bừa. Hãy vào vị trí. Nhưng chỉ bắn khi các anh đã rõ mọi thứ."

"Rõ."

Cô thấy hai người di chuyển vào vị trí bên hông. Một lát sau các cảnh sát nói, "Tôi có góc bắn có thể hạ hắn ngay. Tôi có nên hành động luôn không?"

"Ở yên đó." Rồi cô hét lên, "Anh trong xe. Với khẩu súng trường. Anh có mười giây để hạ vũ khí, còn không chúng tôi nổ súng. Hạ vũ khí đi. Anh hiểu không?" Cô nhắc lại điều đó bằng tiếng Tây Ban Nha.

"Mẹ mày."

Cô coi câu đó là xác nhận đã nghe thấy.

"Mười giây," cô hét lên. "Chúng tôi đang đếm đây."

Cô nói qua bộ đàm với hai cảnh sát, "Cho hắn hai mươi giây. Rồi các anh được bắn."

Khi sắp hết mười giây, gã hạ khẩu súng trường xuống và đứng lên, tay giơ cao. "Đừng bắn, đừng bắn!"

"Tiếp tục giơ thẳng tay lên. Đi về phía góc tòa nhà. Nếu hạ tay

xuống anh sẽ bị bắn."

Khi gã tới góc nhà, Wilkins còng tay và lục soát gã. Sachs vẫn cúi thấp người. Cô nói với nghi phạm, "Gã ở trong đó. Bạn của anh. Là ai vậy?"

"Tôi sẽ không nói…"

"Có, anh sẽ nói đấy. Vì nếu chúng tôi hạ gã, điều chúng tôi sắp làm, thì anh sẽ mắc trọng tội giết người. Nào, gã ở trong đó có đáng bốn mươi năm ở Ossining[8] không?"

---

[8] Ossining, tức làng Ossining, hạt Westchester, bang New York, nơi có nhà tù an ninh tối đa khét tiếng nước Mỹ Sing Sing.

Gã thở dài.

"Nào," cô quát. "Tên, địa chỉ, gia đình, sở thích, tên của mẹ gã, có người thân nào có tiền án không – tôi cá là anh có thể nghĩ ra rất nhiều thông tin hữu ích về gã."

Gã thở dài và bắt đầu nói; Sachs nguệch ngoạc viết ra những chi tiết.

Chiếc bộ đàm Motorola của cô kêu lên. Người đàm phán giải thoát con tin và Đội Khẩn cấp vừa xuất hiện phía trước tòa nhà. Cô đưa các ghi chú cho Wilkins. "Đưa cái này cho người đàm phán."

Cô vừa đọc cho gã cầm súng trường về các quyền của hắn vừa tự nghĩ xem mình đã xử lý tình huống một cách tốt nhất chưa? Cô có gây nguy hiểm một cách không cần thiết cho sinh mạng nào không? Liệu cô có nên tự mình đi kiểm tra viên cảnh sát bị thương không?

Năm phút sau, viên đại úy đi qua góc tòa nhà. Anh ta mỉm cười. "Tay H-T đã thả người phụ nữ. Không ai bị thương. Chúng ta bắt được ba gã. Cậu cảnh sát bị thương sẽ ổn. Chỉ sây sát nhẹ thôi."

Một nữ cảnh sát với mái tóc vàng cắt ngắn dưới chiếc mũ kếp tham gia cuộc nói chuyện. "Này, kiểm tra đi. Chúng ta có một phần thưởng thêm đây." Cô đang xách một túi ni-lông đầy bột trắng và ống thủy tinh hút ma túy cùng đủ thứ đồ nghề khác.

Viên đại úy nhìn qua đó và gật đầu đồng tình, Sachs hỏi, "Những thứ đó ở trong xe của chúng?"

“Không. Tôi tìm thấy nó trong một chiếc Ford bên kia đường. Tôi đang thẩm vấn chủ xe trong vai trò nhân chứng thì hắn ta bắt đầu toát mồ hôi và có vẻ lo sợ nên tôi cho lục soát xe.”

“Nó đậu ở đâu?” Sachs hỏi. “Trong ga-ra nhà gã.”

“Cô có xin lệnh lục soát không?”

“Không. Như tôi nói, hắn tỏ vẻ lo sợ và tôi có thể thấy một góc túi ni-lông ở lối đi. Đó có thể là cái cớ hợp lý.”

“Không.” Sachs lắc đầu. “Đó là một cuộc khám xét phi pháp.”

“Phi pháp sao? Chúng ta đã thổi hắn tuần trước vì chạy quá tốc độ và thấy một ký cần sa sau xe. Chúng ta có thể bắt quả tang hắn được chưa.”

“Ở ngoài đường thì khác. Quyền riêng tư trong một phương tiện di động trên công lộ thấp hơn nhiều. Tất cả những gì cô cần để bắt giữ là có một cái cớ hợp lý. Nhưng khi chiếc xe đang ở trong một khu đất tư nhân, ngay cả nếu cô nhìn thấy ma túy, cô vẫn cần lệnh khám xét.”

“Điên thật,” nữ cảnh sát nói với vẻ đề phòng. “Hắn có gần ba trăm gram ma túy tinh chất ở đây. Hắn là một tay buôn bán ma túy liều lĩnh. Bên chống ma túy mất nhiều tháng mới bắt được một kẻ như thế này.”

Viên đại úy nói với Sachs, “Cô chắc chắn chứ, cô cảnh sát?”

“Chắc.”

“Có đề xuất gì không?”

Sachs nói, “Tịch thu đồ vật, dọa cho hắn sợ chết khiếp và đưa thông tin của hắn cho bên chống ma túy.” Rồi cô liếc nhìn nữ cảnh sát. “Và cô tốt hơn là học lại một khóa về khám xét và tịch thu đi.”

Nữ cảnh sát bắt đầu cãi lại, nhưng Sachs không quan tâm. Cô đang quan sát khu đất trống, nơi chiếc xe của kẻ phạm tội húc đầu vào thùng rác. Cô liếc nhìn chiếc xe.

“Sĩ quan...” Viên đại úy lên tiếng.

Cô phớt lờ anh ta và quay sang nói với Wilkins, “Anh nói là có ba gã đúng không?”

“Đúng.”

“Làm sao anh biết?”

“Đó là báo cáo từ cửa hàng đồ trang sức mà chúng đã cướp.”

Cô bước vào khu đất ngập rác, rút khẩu Glock ra. “Nhìn chiếc xe kìa,” cô quát.

“Chúa ơi,” Wilkins nói.

Tất cả cửa xe đều mở toang. Bốn gã đã thoát ra ngoài.

Khom người, cô nhìn quanh khu đất và nhắm khẩu súng về nơi trú ẩn duy nhất có thể gần đó: một ngõ cụt đằng sau thùng rác. “Có vũ khí!” Cô kêu lên, gần như trước khi cô thấy có sự chuyển động.

Tất cả mọi người xung quanh quay lại khi gã đàn ông cao lớn, mặc áo phông với khẩu súng hoa cải nhảy ra khỏi khu đất, định chạy về phía con đường.

Khẩu Glock của Sachs nhắm thẳng vào ngực gã đàn ông khi gã ra khỏi chỗ trốn. “Bỏ vũ khí xuống!” Cô ra lệnh.

Gã lưỡng lự một chút rồi cười khẩy và chĩa khẩu súng về phía các cảnh sát.

Cô giương khẩu Glock lên.

Với giọng vui tươi, cô nói, “Pằng, pằng… Anh chết rồi nhé.”

Người đàn ông dừng lại và cười lớn. Anh ta lắc đầu khâm phục. “Giỏi đấy. Tôi cứ nghĩ là mình đã được tự do về nhà rồi.” Vắt khẩu súng lớn trên vai, anh ta đi về phía các đồng đội cạnh khu nhà chung cư. “Nghi phạm” kia, người đã ở trong xe, quay lưng lại để được gỡ còng. Wilkins thả anh ta ra.

“Con tin,” do một sĩ quan cảnh sát gốc Latinh không hề có thai mà Sachs quen biết nhiều năm đóng vai cũng tới chỗ họ. Cô vỗ lưng Sachs. “Giỏi lắm, Amelia, cứu được tôi rồi nhé.”

Sachs vẫn giữ khuôn mặt nghiêm trang, dù cô thấy hài lòng. Cô thấy mình như một sinh viên vừa ghi điểm cao cho một kỳ thi quan trọng.

Mà thực tế, mọi chuyện chính xác là như thế.

Amelia Sachs đang theo đuổi một mục tiêu mới. Cha cô, Herman là một cảnh sát tuần tra thuộc Đội Tuần tra khu vực suốt cuộc đời ông. Sachs giờ đang ở cùng cấp bậc đó và có thể sẽ phải hài lòng với việc ở lại vị trí đó thêm vài năm nữa trước khi được thăng cấp, nhưng sau vụ 11 tháng Chín, cô quyết định cống hiến nhiều hơn. Nên cô đã nộp hồ sơ để được thăng cấp thành trung sĩ cảnh sát.

Không có lực lượng thực thi pháp luật nào chiến đấu chống tội phạm giống như các thanh tra của NYPD[9]. Truyền thống của họ có từ thời của viên thanh tra cứng rắn, sáng láng Thomas Byrnes[10], người được bổ nhiệm đứng đầu Sở Cảnh sát còn non trẻ vào những năm 1880. Mẹo của Byrnes bao gồm đe dọa, nắm đầu và sự suy diễn tinh vi – ông có lần đã phá một đường dây trộm cắp lớn bằng cách lần theo một sợi vải nhỏ xíu tìm thấy ở hiện trường tội ác. Dưới sự chỉ huy khoa trương của Byrnes, các điều tra viên ở cục trở nên nổi tiếng là những kẻ bất tử và họ góp phần giảm mạnh tỉ lệ tội ác trong thành phố mà thời đó loạn không kém gì miền Viễn Tây.

---

[9] NYPD, viết tắt của "New York Police Department," nghĩa là "Sở Cảnh sát thành phố New York."

[10] Thomas Byrne (1842 - 1910), người Mỹ gốc Ireland, cảnh sát trưởng đầu tiên của thành phố New York.

Cảnh sát Herman Sachs là một người sưu tập các kỷ vật về sở cảnh sát. Không lâu trước khi qua đời, ông đã cho con gái mình cổ vật ông thích nhất: một cuốn sổ tay nhàu nát từng thực sự được Byrnes sử dụng để ghi chú về các cuộc điều tra. Khi Sachs còn trẻ – và mẹ cô không có bên cạnh – cha sẽ đọc lớn những đoạn còn đọc được cho cô và hai người họ cùng nghĩ những câu chuyện xoay quanh đoạn đó.

Ngày 12 tháng 10 năm 1883. Đã tìm thấy cái chân kia! Trong thùng than của Slaggardy, năm điểm. Chắc Cotton Williams sắp thú tội.

Nhìn vào vị thế đầy uy tín của nó (và lương bổng rất khá trong lực lượng chấp pháp), thật mỉa mai là phụ nữ lại tìm thấy nhiều cơ hội ở Cục Điều tra hơn là những phòng ban khác của NYPD. Nếu Thomas Byrnes là một thanh tra biểu tượng của nam giới, thì Mary Shanley[11] là nhân vật điển hình cho nữ giới – và là một tron những người hùng của riêng Sachs. Bắt tội phạm trong suốt những năm 1930, Shanley là một cảnh sát hung tợn, không khoan nhượng. Người từng nói, "Ta có súng thì ta bắn thôi," và đó

là điều bà làm khá thường xuyên. Sau nhiều năm chống tội phạm ở Midtown, bà nghỉ hưu khi là thanh tra cảnh sát bậc nhất.

---

[11] Mary Shanley (1896 - 1989), nữ cảnh sát nổi tiếng của thành phố New York.

Tuy nhiên, Sachs không chỉ muốn trở thành thanh tra cảnh sát, một công việc vốn chỉ mang tính chuyên môn; cô muốn có cả quân hàm nữa. Ở NYPD, giống như trong hầu hết lực lượng cảnh sát, người ta trở thành thanh tra dựa trên năng lực và kinh nghiệm. Tuy nhiên, để trở thành trung sĩ, ứng viên phải trải qua một kỳ thi ba môn cực nhọc: thi viết, thi vấn đáp và – điều Sachs vừa trải qua – một bài tập đánh giá, một tình huống giả lập để kiểm tra những kỹ năng thực tế về quản trị nhân sự, sự nhạy cảm với cộng đồng và phán đoán dưới áp lực.

Viên đại úy, một cựu binh ăn nói nhỏ nhẹ có phần giống Laurence Fishburne, là người đánh giá chính bài thi đó và đã ghi nhận thành tích cho cô.

"Được rồi, sĩ quan," anh nói, "chúng ta sẽ viết kết quả ra và chúng sẽ được gửi kèm vào bản đánh giá của cô. Nhưng tôi xin được nói một nhận định không chính thức." Anh xem sổ tay của mình. "Việc đánh giá nguy cơ của cô với dân thường và các sĩ quan là hoàn hảo. Việc gọi hỗ trợ là đúng lúc và phù hợp. Việc triển khai người đã loại bỏ mọi khả năng thủ phạm thoát khỏi nơi bị bao vây nhưng vẫn giảm thiểu tiếp xúc với thủ phạm. Việc cô nói cuộc lục soát ma túy là bất hợp pháp là đúng. Việc thu thập thông tin cá nhân từ một nghi phạm cho người đàm phán giải thoát con tin là một động thái hay. Chúng tôi không nghĩ tới việc đưa điều đó vào danh sách. Nhưng giờ chúng tôi sẽ làm thế. Và cuối cùng, thành thật mà nói, chúng tôi không bao giờ nghĩ là cô sẽ xác định được có một nghi phạm khác đang lẩn trốn. Chúng tôi đã lên kế hoạch rằng anh ta sẽ bắn sĩ quan Wilkins đây để xem cô xử lý tình huống cảnh sát bị bắn hạ và tổ chức vây ráp một tên tội phạm trốn chạy thế nào."

Phần nhận xét không chính thức kết thúc ở đó và anh mỉm cười. "Nhưng cô đã bắt được gã khốn."

Pằng, pằng.

Rồi anh hỏi, "Cô đã làm xong phần thi viết và vấn đáp rồi đúng không?"

“Vâng, thưa sếp. Kết quả sẽ có bất cứ lúc nào.”

“Nhóm của tôi sẽ hoàn tất đánh giá và gửi cho hội đồng những khuyến nghị của chúng tôi. Giờ cô có thể ra về.”

“Vâng, thưa sếp.”

Viên cảnh sát đóng vai kẻ xấu cuối cùng – gã có khẩu súng hoa cải – đi lại chỗ cô. Anh ta là một tay người Ý điển trai, nửa đời sống ở những cầu cảng Brooklyn, cô đoán, và có cơ bắp của một võ sĩ quyền Anh. Bộ râu tua tủa bẩn thỉu bao phủ gò má và cằm anh ta. Anh ta đeo một khẩu súng mạ crôm tự động cỡ lớn cao trên vòng eo gọn gàng và nụ cười ngạo nghễ khiến cô liên tưởng đến việc anh ta có thể muốn sử dụng hình ảnh phản chiếu trên khẩu súng của mình làm gương cạo râu.

“Tôi phải nói với cô. Tôi đã làm vài chục cuộc đánh giá rồi và đây là cuộc khá nhất mà tôi từng thấy, bé cưng.”

Cô cười lớn ngạc nhiên trước từ đó. Chắc chắn là vẫn còn vài kẻ cổ hủ trong sở – từ Đội Tuần tra tới các vị trí cấp cao tại trụ sở chính – nhưng họ thường ra vẻ khinh thị hơn là công khai phân biệt giới tính. Sachs đã không bị một cảnh sát nam gọi là “bé cưng” hay “em yêu” ít ra là một năm rồi.

“Gọi là ‘sĩ quan’ nhé, nếu anh không phiền.”

“Không, không không,” anh ta nói, cười lớn. “Giờ cô có thể thoải mái rồi. Cuộc sát hạch đã xong.”

“Thì sao?”

“Khi tôi nói ‘bé cưng,’ thì nó không còn là một phần của cuộc sát hạch nữa. Cô biết đó, cô không phải đối phó với nó một cách chính thức. Tôi chỉ nói thế vì tôi thấy ấn tượng. Và vì cô… cô biết mà.” Anh ta mỉm cười, sự hấp dẫn của anh ta cũng lấp lánh như khẩu súng của anh ta vậy. “Tôi không hay khen. Nếu tôi đã khen, thì không phải chuyện nhỏ đâu.”

Vì cô… cô biết mà.

“Này, cô không tức giận đấy chứ?” Anh ta hỏi.

“Không giận gì cả. Nhưng vẫn là ‘sĩ quan’ nhé. Anh sẽ gọi tôi vậy và tôi sẽ gọi anh thế.”

Ít ra là trước mặt anh ta. “Này, tôi không có ý xúc phạm hay gì đâu. Cô là một cô gái xinh xắn. Và tôi là đàn ông. Cô hiểu chuyện đó mà… Vậy thôi.”

“Vậy thôi,” cô đáp lại và bắt đầu bước đi.

Anh ta bước lên trước cô, nhíu mày. “Này, đợi đã. Chuyện này không ổn tí nào. Cho phép tôi mời cô một ly cà phê nhé. Cô sẽ thích tôi khi biết tôi rõ hơn.”

“Không chắc vậy đâu,” một người bạn của anh ta lên tiếng rồi cười lớn.

Gã Bé cưng tốt tính giơ ngón tay thối với người bạn đó rồi quay lại với Sachs.

Đúng lúc đó máy nhắn tin của cô kêu và cô nhìn xuống thấy số của Lincoln Rhyme trên màn hình. Chữ “KHẨN CẤP” hiện ra.

“Tôi phải đi rồi,” cô nói.

“Không có thời gian uống cà phê hả?” Anh ta hỏi, môi hơi bĩu ra trên khuôn mặt đẹp trai.

“Không có thời gian.”

“Vậy số điện thoại thì sao?”

Cô làm hình một khẩu súng với ngón trỏ và ngón cái rồi nhắm vào anh ta. “*Pằng, pằng,*” cô nói. Và đi nhanh về phía chiếc Camaro màu vàng của mình.

Chương ba

Đây là một trường học ư?

Kéo một chiếc vali phục vụ hiện trường tội ác cồng kềnh màu đen ra phía sau, Amelia Sachs bước qua hành lang mờ mịt. Cô ngửi thấy mùi rêu và gỗ cũ. Những mạng nhện bụi bặm đã cứng lại gần sàn nhà và những mảng sơn màu xanh lá cong lên trên các bức tường. Làm sao lại có người học nhạc ở đây được? Chỗ này giống hệt bối cảnh ở một trong những tiểu thuyết của Anne Rice[12] mà mẹ Sachs vẫn đọc.

---

[12] Anne Rice, sinh năm 1941, tiểu thuyết gia người Mỹ chuyên các thể loại tiểu thuyết gothic, văn học Ki-tô giáo và tiểu thuyết khiêu dâm.

"Rờn rợn," một cảnh sát phản ứng nhanh lầm bầm, giọng nửa đùa nửa thật.

Điều đó nói lên tất cả.

Sáu cảnh sát – bốn sĩ quan tuần tra và hai người mặc quần áo thường – đứng gần chỗ cửa chính có hai cánh ở cuối hội trường. Lon Sellitto tóc tai rũ rượi, đầu cúi xuống và tay nắm chặt một tập ghi chú, đang nói chuyện với một tay bảo vệ. Giống như những bức tường và trần nhà, bộ đồ của tay bảo vệ bám bụi và ố màu.

Qua cửa chính mở rộng, cô liếc thấy một không gian u ám nữa, ở giữa là một hình người mờ nhạt. Nạn nhân.

Cô nói với kỹ thuật viên hiện trường tội phạm đứng bên cạnh, "Chúng ta sẽ cần đèn. Vài chiếc." Chàng trai trẻ gật đầu và quay lại chiếc RRV[13] – xe phản ứng nhanh với hiện trường tội phạm, một chiếc xe có đầy đủ thiết bị thu thập bằng chứng pháp y. Nó ở bên ngoài, một nửa ghếch lên vỉa hè, nơi anh ta đã đậu nó sau khi lái tới đây (có lẽ là với tốc độ dễ chịu hơn Sachs trong chiếc Camaro SS

đời 1969 của cô, chiếc xe đã chạy với tốc độ hơn 112 km/h từ chỗ thực hiện bài sát hạch tới ngôi trường).

---

[13] RRV: Viết tắt của "Rapid Response Vehicle."

Sachs nghiên cứu người phụ nữ trẻ tóc vàng nằm ngửa cách đó khoảng ba mét, bụng cong lên vì cả hai tay bị trói ở dưới người cô ta. Ngay cả trong ánh sáng mờ mịt của sảnh này, đôi mắt nhanh nhẹn của Sachs vẫn lưu ý thấy những vết hằn trên cổ, máu trên môi và cằm nạn nhân – có lẽ vì đã cắn vào lưỡi, một điều thường thấy trong những vụ siết cổ.

Một cách tự nhiên, cô cũng quan sát được: đôi hoa tai màu ngọc lục bảo, đôi giày chạy xộc xệch. Không có dấu hiệu bị cướp, xâm hại tình dục hay cắt xẻo. Không nhẫn cưới.

"Ai là người đầu tiên tiếp cận hiện trường?"

Một phụ nữ cao với mái tóc ngắn màu nâu, bảng tên ghi D. FRANCISCOVICH, nói, "Là chúng tôi." Một cái hất đầu về phía đồng đội tóc vàng của cô. N. AUSONIO. Ánh mắt họ có vẻ bồn chồn lo lắng và Franciscovich gõ một giai điệu ngắn lên bao đeo súng của cô. Ausonio cứ liếc mãi thi thể. Sachs đoán rằng đây là vụ giết người đầu tiên họ phát hiện ra.

Hai cảnh sát tuần tra tường thuật lại sự việc. Tìm thấy hung thủ, một quầng sáng, gã biến mất, một hàng rào. Rồi gã biến mất hoàn toàn.

"Các cô nói rằng gã tuyên bố giữ một con tin?"

"Gã nói thế," Ausonio nói. "Nhưng đã kiểm tra tất cả mọi người trong trường. Chúng tôi chắc chắn là gã chỉ lừa."

"Nạn nhân?"

"Svetlana Rasnikov," Ausonio nói. "Hai tư tuổi. Sinh viên." Sellitto quay ra khỏi tay bảo vệ. Anh nói với Sachs, "Bedding và Saul đang thẩm vấn mọi người có mặt trong tòa nhà này vào sáng hôm nay."

Cô hất đầu về phía hiện trường. "Có những ai ở trong đây?"

Sellitto nói, "Hai sĩ quan đầu tiên đây." Hất đầu về phía hai phụ nữ. "Rồi hai nhân viên y tế và hai người của Đội Khẩn cấp. Họ rời khỏi ngay khi dọn dẹp xong. Hiện trường vẫn còn khá sạch sẽ."

“Tay bảo vệ cũng ở trong tòa nhà,” Ausonio nói.

“Nhưng chỉ một phút. Chúng tôi đưa anh ta ra ngay khi có thể.”

“Tốt,” Sachs nói. “Có nhân chứng không?”

Ausonio nói, “Có một người gác cổng ở bên ngoài phòng khi chúng tôi vào đây.”

“Ông ta không nhìn thấy gì,” Franciscovich bổ sung.

Sachs nói, “Tôi vẫn cần dấu giày của ông ta để so sánh. Một trong hai người tìm ông ta cho tôi được không?”

“Chắc chắn rồi.” Ausonio bước đi.

Từ một trong những chiếc vali đen, Sachs lấy ra một túi nhựa trong có khóa kéo. Cô mở túi và lấy ra một bộ áo liền quần Tyvek màu trắng. Mặc nó vào, cô kéo mũ trùm qua đầu. Rồi tới găng tay. Bộ đồ giờ là tiêu chuẩn với mọi kỹ thuật viên pháp y ở NYPD; nó ngăn những dị vật – bằng chứng tiếp xúc, tóc, tế bào da biểu mô và các ngoại vật – rơi ra từ cơ thể cô và làm ô nhiễm hiện trường. Bộ đồ có cả ủng, nhưng cô vẫn làm điều Rhyme luôn khăng khăng là bắt buộc – quấn dây cao su vào chân để phân biệt dấu chân của cô với nạn nhân và hung thủ.

Đeo tai nghe lên và chỉnh lại loa nói, cô kết nối chiếc bộ đàm Motorola của mình. Cô gọi cho một số cố định và lát sau, một hệ thống sắp xếp liên lạc phức tạp đưa giọng trầm trầm của Lincoln Rhyme tới tai cô.

“Sachs, em có đó không?”

“Có. Đúng như anh nói, họ đã dồn gã vào góc và gã biến mất ở đó.”

Anh cười khúc khích. “Và giờ họ muốn chúng ta tìm gã. Chúng ta có phải dọn dẹp sai lầm của tất cả mọi người không? Đợi một phút nào. Lệnh, âm lượng nhỏ hơn… nhỏ hơn.” Tiếng nhạc nền tắt dần.

Người kỹ thuật viên đã đi cùng Sachs xuống hành lang tối om trở lại với những ngọn đèn cao trên giá ba chân. Cô dựng nó ở sảnh và nhấn nút bật.

Có rất nhiều cuộc tranh luận về cách thức đúng nhất để xử lý một hiện trường. Nhìn chung các điều tra viên nhất trí rằng càng ít người càng tốt, dù hầu hết các phòng ban vẫn sử dụng những đội

lục soát hiện trường vụ án. Tuy nhiên, vì vụ tai nạn, Lincoln Rhyme đã tìm hiểu hầu hết các hiện trường một mình và anh khăng khăng Amelia Sachs cũng nên làm thế. Có những người khác xung quanh, ta có xu hướng bị phân tâm và thường kém cảnh giác hơn vì ta cảm thấy – ngay cả chỉ là vô thức – rằng đồng đội của ta sẽ tìm ra điều mà ta bỏ lỡ.

Nhưng còn một lý do khác cho việc nên kiểm tra hiện trường một mình. Rhyme nhận ra rằng có một sự gần gũi đáng sợ với tội ác. Người kiểm tra hiện trường làm việc một mình có thể xây dựng mối quan hệ tâm lý với nạn nhân và thủ phạm tốt hơn, thu thập những tri kiến về các bằng chứng liên quan và nơi tìm thấy chúng tốt hơn.

Đó là một trạng thái tâm lý khó khăn mà Amelia Sachs đang rơi vào khi cô nhìn trừng trừng thi thể của người phụ nữ trẻ, nằm trên sàn nhà, gần chiếc bàn bằng sợi ép.

Gần thi thể có một ly cà phê đã đổ, giấy chép nhạc, hộp đựng sáo và một mảnh cây sáo bạc của người phụ nữ, có vẻ cô đang lắp nó vào thì bị kẻ sát nhân tròng sợi thừng qua cổ. Trong lúc giãy giụa trước khi chết, cô đã túm chặt một ống hình trụ khác của nhạc cụ. Phải chăng cô định dùng thứ đó làm vũ khí?

Hay người phụ nữ trẻ tuyệt vọng ấy chỉ muốn cảm nhận thứ gì đó quen thuộc và có thể an ủi trong tay khi cô chết?

“Em đang ở chỗ thi thể, Rhyme,” cô nói khi chụp những bức ảnh xác chết.

“Tiếp đi.”

“Cô ấy nằm ngửa – nhưng những cảnh sát có mặt đầu tiên ở hiện trường tìm thấy cô ấy trong tư thế nằm sấp. Họ xoay cô ấy lại để tiến hành hô hấp nhân tạo. Các vết thương phù hợp với việc bị siết cổ.” Sachs giờ đang nhẹ nhàng lật người phụ nữ lại trong tư thế nằm sấp. “Tay bị trói theo kiểu còng tay cổ điển. Em không nhận ra chúng. Đồng hồ bị vỡ. Ngừng chạy ở chính xác tám giờ sáng. Không có vẻ là tình cờ.” Cô nắm bàn tay đeo găng của mình quanh cổ tay nhỏ bé của người phụ nữ. Nó vỡ tan. “Phải, Rhyme, gã đã giẫm lên đó. Và đó là một cái đồng hồ đẹp. Hiệu Seiko. Tại sao lại giẫm vỡ nó? Sao không lấy nó đi?”

“Câu hỏi hay đấy, Sachs… Có thể là một đầu mối, có thể chẳng là gì cả.”

Một câu khẩu hiệu thật hay ho cho khoa học pháp y, cô nghĩ. "Một trong các cảnh sát đầu tiên có mặt tại hiện trường đã cắt sợi thừng quanh cổ nạn nhân. Cô ấy đã bỏ qua chỗ nút thắt." Cảnh sát không bao giờ được cắt nút thắt để gỡ dây khỏi một nạn nhân bị siết cổ; nó có thể tiết lộ rất nhiều thông tin về kẻ đã cột nút đó.

Sachs sau đó sử dụng một cuộn băng keo để thu thập bằng chứng tiếp xúc – tư duy pháp y gần đây cho rằng máy hút bụi xách tay, vốn giống một chiếc Dustbuster, thu mất quá nhiều bằng chứng tiếp xúc. Hầu hết các đội điều tra hiện trường đã chuyển sang dùng những máy nhỏ hơn giống các máy hút lông chó. Cô bỏ bằng chứng tiếp xúc vào túi và sử dụng một dụng cụ lấy các mẫu tóc, móng tay từ cơ thể người phụ nữ.

Sachs nói, "Em sẽ dò từng ô một."

Cách nói đó – do chính Lincoln Rhyme nghĩ ra – xuất phát từ cách làm ưa thích của anh khi kiểm tra một hiện trường tội ác. Mô thức phân ô là phương pháp toàn diện nhất: đi tới và đi lui theo một hướng, rồi rẽ vuông góc và lại đi tới đi lui cùng một diện tích như thế, luôn nhớ kiểm tra trần nhà và tường cũng như mặt đất hay sàn.

Giờ cô bắt đầu cuộc tìm kiếm, tìm những món đồ vật bị bỏ lại hay đánh rơi, bằng chứng tiếp xúc, chụp ảnh tĩnh điện các dấu chân và ảnh kỹ thuật số. Nhóm chụp ảnh thường sẽ chụp ảnh tĩnh và ghi hình toàn bộ hiện trường, nhưng để có được những hình ảnh đó mất nhiều thời gian và Rhyme luôn khăng khăng là phải ghi lại một số bằng chứng hình ảnh ngay lập tức.

"Sĩ quan này?"

Sellitto gọi. Cô liếc lại.

"Tôi chỉ muốn nói là… Do chúng ta không biết gã khốn này đang ở đâu, cô có muốn thêm người hỗ trợ ở đây không?"

"Không," cô nói, lặng lẽ cảm ơn anh vì đã nhắc nhở cô rằng có một kẻ giết người tẩu thoát được nhìn thấy lần gần nhất ở đây. Một châm ngôn ở hiện trường tội ác nữa của Lincoln Rhyme: tìm kiếm cho kỹ nhưng hãy cảnh giác cho bản thân. Cô gõ vào báng khẩu Glock của mình để nhắc nhở bản thân chính xác nó ở đâu trong trường hợp cô cần rút súng ra thật nhanh – bao súng đã trượt lên cao hơn một chút khi cô mặc bộ áo liền quần Tyvek vào – và tiếp tục cuộc tìm kiếm.

“Được rồi, đã tìm thấy một thứ,” một lát sau cô nói với Rhyme. “Trong sảnh. Cách nạn nhân khoảng ba mét. Một mảnh vải đen. Lụa. Ý em là có vẻ là lụa. Nó phủ trên một phần cây sáo của nạn nhân nên nó hẳn phải là của hắn ta hay cô ta.”

“Thú vị đấy,” Rhyme nói. “Không biết thứ đó là gì.”

Trong sảnh không còn gì nữa và cô bước vào khu vực biểu diễn, tay cô tiếp tục mò mẫm báng khẩu Glock. Cô thư giãn một chút, thấy rằng thật ra không thể có chỗ nào mà hung thủ có thể trốn được, không có lối vào hay lối thoát bí mật nào. Nhưng khi cô bắt đầu dò từng ô ở đây, cô nhận thấy cảm giác khó chịu ngày càng tăng lên.

Rờn rợn…

“Rhyme, lạ thật…”

“Anh không nghe được em, Sachs.”

Cô nhận ra trong sự khó chịu rằng mình đang thì thầm.

“Có một sợi dây cột quanh những chiếc ghế nằm trên sàn nhà đã bị đốt. Có vẻ có cả dây dẫn cháy nữa. Em ngửi thấy mùi nitrat và lưu huỳnh còn sót lại. Báo cáo nói hắn nổ một phát súng. Nhưng đây không phải là mùi của thuốc súng. Là thứ gì đó khác. À, được rồi… Đó là một bánh pháo màu xám. Có lẽ đó là tiếng súng mà họ nghe thấy… Đợi đã. Còn một thứ khác – ở dưới cái ghế. Đó là một bảng mạch nhỏ màu xanh lá cây có gắn loa.”

“‘Nhỏ’ ư?” Rhyme hỏi châm chọc. “Một xen-ti-mét là nhỏ so với một mét. Một mét là nhỏ so với một trăm mét, Sachs.”

“Xin lỗi. Kích cỡ vào khoảng năm nhân mười ba xen-ti-mét.”

“Như thế là lớn so với một đồng xu, đúng không?”

Đã hiểu thông điệp rồi, cảm ơn rất nhiều, cô âm thầm đáp lại.

Cô bỏ tất cả mọi thứ vào túi, rồi đi ra bằng cửa thứ hai – cửa thoát hiểm – và chụp ảnh tĩnh điện cùng ảnh chụp những dấu chân cô tìm thấy ở đó. Cuối cùng, cô lấy các mẫu kiểm soát để so sánh với các bằng chứng tiếp xúc tìm được ở nạn nhân và ở nơi đối tượng đã đi qua.

“Đã có mọi thứ rồi, Rhyme. Em sẽ về trong nửa giờ nữa.”

“Còn cánh cửa sập, lối vào bí mật mà ai cũng nói tới thì sao?”

“Em không tìm thấy.”

“Được rồi, về nhà đi, Sachs.”

Cô trở lại sảnh và để nhóm Ảnh và Dấu tay của cảnh sát tiếp quản hiện trường. Cô gặp Franciscovich và Ausonio ở lối vào. “Cô tìm thấy người gác cổng chưa?” Cô hỏi. “Tôi cần phải xem giày của ông ta.”

Ausonio lắc đầu. “Ông ta nói với tay bảo vệ là ông ta phải đưa vợ đi làm. Tôi đã để lại lời nhắn yêu cầu ông ta gọi lại.”

Đồng đội của cô cũng nói nghiêm trang, “Này, sĩ quan, chúng tôi đã nói hết mọi chuyện đúng không, Nancy và tôi? Và chúng tôi không hề muốn gã khốn này chạy thoát. Nếu chúng tôi có thể làm thêm điều gì, thì cô biết đấy, xin cứ báo với chúng tôi.”

Sachs hiểu chính xác họ cảm thấy thế nào. “Tôi sẽ xem mình có thể làm được gì,” cô nói với họ.

Bộ đàm của Sellitto réo và anh nhận cuộc gọi. Anh lắng nghe một lát. “Là hai tay thám tử. Họ đã thẩm vấn xong nhân chứng và đang ở sảnh chính.”

Sachs, Sellitto và hai nữ cảnh sát tuần tra trở lại phía trước trường. Họ gặp Bedding và Saul ở đó, một người cao, một người thấp, một người có tàn nhang, một người da sáng. Đây là các thám tử ở trụ sở chuyên về thẩm vấn – thẩm vấn nhân chứng sau vụ án.

“Chúng tôi đã nói chuyện với bảy người có mặt ở đây vào buổi sáng.”

“Cộng thêm tay bảo vệ.”

“Không có thầy cô giáo nào…”

“… Chỉ có học trò.”

Đó là lý do họ được gọi là Cặp song sinh. Dù ngoại hình rất khác nhau, bộ đôi này lại khéo léo trong việc đồng thời thẩm vấn cả nghi phạm lẫn nhân chứng. Sẽ rất rối trí nếu ta tìm cách phân biệt họ. Gom họ lại và coi họ như một người, thì dễ hiểu họ hơn.

“Thông tin không sáng tỏ lắm.”

“Chắc chắn một điều là ai cũng sợ hết.”

“Địa điểm này cũng không tốt.” Một cái hất đầu về phía đống mạng nhện treo trên trần nhà tối đen, vấy bẩn.

“Không ai biết rõ nạn nhân. Khi cô ấy tới đây sáng nay, vào hội trường với một người bạn. Cô ấy…”

“Người bạn.”

“… Không thấy ai trong này cả. Họ đứng ở sảnh năm, mười phút, nói chuyện. Người bạn rời đi lúc khoảng tám giờ.”

“Vậy,” Rhyme, đã nghe được qua bộ đàm, nói, “hắn ở trong hành lang đợi cô ấy.”

“Nạn nhân,” người thấp hơn trong hai viên thám tử tóc màu cát nói, “tới đây từ Georgia…”

“Đó là Georgia gần Nga, không phải Georgia có cây đào[14].”

“… Khoảng hai tháng trước. Cô ấy có phần cô đơn.”

---

[14] Georgia gần Nga là nước Gruzia. Georgia có cây đào là bang Georgia ở Mỹ, quả đào là một đặc sản lâu đời ở bang này.

“Lãnh sự quán đã liên lạc với gia đình nạn nhân.”

“Hôm nay tất cả các sinh viên khác tập ở những phòng khác và không ai nghe thấy gì hay nhìn thấy ai mà họ không biết.”

“Tại sao Svetlana không ở trong phòng tập nhạc?”

Sachs hỏi. “Bạn cô ấy nói Svetlana thích âm thanh trong hội trường hơn.” “Có chồng, bạn trai hay bạn gái gì không?” Sachs hỏi, nghĩ tới quy tắc số một trong điều tra án mạng: kẻ thủ ác thường biết nạn nhân.

“Không có người nào mà các sinh viên khác biết.”

“Nghi phạm đã lọt vào tòa nhà thế nào?” Rhyme hỏi và Sachs truyền đạt lại.

Tay bảo vệ nói, “Chỉ có cửa trước là mở. Tất nhiên là chúng tôi có cửa thoát hiểm. Nhưng không thể mở được nó từ bên ngoài.”

“Vậy là gã phải đi qua anh, đúng không?”

“Và đăng ký nữa. Và được ghi hình.”

Sachs liếc lên. “Có máy quay an ninh, Rhyme, nhưng có vẻ ống kính đã không được lau chùi nhiều tháng rồi.”

Họ tập hợp lại đằng sau chiếc bàn. Tay bảo vệ nhấn nút và bật đoạn băng. Bedding và Saul đã hỏi chuyện bảy người. Nhưng họ nhất trí rằng một người – gã tóc nâu, có râu, lớn tuổi, mặc quần bò và áo khoác phồng – không có trong số đó.

“Là gã,” Franciscovich nói. “Đó là kẻ sát nhân.” Nancy Ausonio gật đầu.

Trong đoạn băng mờ ảo, gã đang ký sổ đăng ký rồi bước vào trong. Tay bảo vệ nhìn vào cuốn sổ, chứ không nhìn mặt gã.

“Anh có nhìn được gã không?” Sachs hỏi.

“Không để ý,” anh ta nói vẻ đề phòng. “Nếu họ ký thì tôi để họ vào. Tất cả những gì tôi phải làm là thế. Việc của tôi là thế. Tôi ở đây chủ yếu là để ngăn không cho người ta vào mang đồ ra.”

“Ít ra chúng ta có chữ ký của gã, Rhyme. Và một cái tên. Đó sẽ là đồ giả nhưng ít ra là một mẫu chữ viết tay. Gã ký dòng nào?” Sachs hỏi, cầm cuốn sổ đăng ký bằng mấy ngón tay có đeo găng.

Họ chiếu lại cuốn băng, tua nhanh về đầu. Kẻ sát nhân là người thứ tư ký vào cuốn sổ. Nhưng ở dòng thứ tư là một tên phụ nữ.

Rhyme lên tiếng, “Đếm tất cả những người đã ký.”

Sachs yêu cầu tay bảo vệ làm thế và họ thấy chín người điền tên – tám sinh viên, bao gồm nạn nhân, và kẻ giết cô ấy.

“Chín người đã ký, Rhyme. Nhưng chỉ có tám cái tên trong danh sách.”

“Sao lại thế được?” Sellitto hỏi.

Rhyme: “Hãy hỏi tay bảo vệ xem anh ta có chắc chắn là nghi phạm đã ký không. Có thể là gã giả vờ.”

Cô nêu câu hỏi với người đàn ông đang lặng yên.

“Có, gã có ký. Tôi nhìn thấy. Không phải lúc nào tôi cũng nhìn mặt

họ, nhưng tôi đảm bảo chắc chắn là họ có ký."

Tất cả những gì tôi phải làm là thế. Việc của tôi là thế.

Sachs lắc đầu và bấm vào ngón tay cái của cô.

"Rồi, mang cho anh cuốn sổ đăng ký cùng mọi thứ khác và chúng ta sẽ xem xét ở đây," Rhyme nói.

Ở góc phòng, một phụ nữ gốc Á đang đứng khoanh tay và nhìn ra ngoài lớp kính pha chì lồi lõm. Cô quay lại và nhìn Sachs. "Tôi nghe thấy cô nói chuyện. Ý tôi là, cô nói nghe như thể cô không biết liệu gã có ra khỏi tòa nhà sau khi gã... sau đó. Cô nghĩ là gã vẫn còn ở đây hả?"

"Không, không phải," Sachs nói. "Ý tôi chỉ là chúng ta không biết chắc gã đã thoát ra thế nào."

"Nhưng nếu cô không biết điều đó, thì nó có nghĩa là gã có thể vẫn còn lẩn trốn đâu đó quanh đây. Đợi một người nào đó. Và cô không hề biết gã ở đâu."

Sachs nở một nụ cười trấn an cô. "Sẽ có rất nhiều cảnh sát ở xung quanh đây tới khi chúng tôi hiểu rõ chuyện gì đã xảy ra. Cô không phải lo đâu."

Dù cô đang nghĩ: Cô gái này hoàn toàn có lý. Phải, gã có thể ở đây, đang đợi một ai đó khác.

Và, đúng, chúng tôi không có bất cứ đầu mối nào về việc gã là ai hay đang ở đâu.

Chương bốn

Và giờ, quý khán giả thân mến, chúng ta sẽ giải lao trong chốc lát. Hãy tận hưởng ký ức về Kẻ lười bị treo cổ… và chờ đợi những gì sắp tới.

Hãy thư giãn.

Màn tiếp theo của chúng tôi sẽ bắt đầu không lâu nữa…

Gã đi dọc theo đường Broadway ở khu Upper West Side của Manhattan. Khi tới một góc phố, gã dừng lại, như thể quên điều gì đấy, và bước vào bóng râm một tòa nhà. Gã rút điện thoại khỏi thắt lưng và nâng nó lên tai. Khi gã nói, thỉnh thoảng lại mỉm cười, cách người ta vẫn làm với điện thoại di động, gã nhìn quanh thoải mái, cũng là điều hay thấy ở người dùng điện thoại di động.

Tuy nhiên, thực ra gã không phải đang gọi điện. Gã đang tìm kiếm xem có dấu hiệu nào cho thấy mình bị theo dõi từ lúc rời trường Âm nhạc không.

Vẻ ngoài của Malerick rất khác với khi gã thoát khỏi ngôi trường sáng nay. Gã giờ là một người tóc vàng, không để râu và mặc đồ chạy bộ cùng một cái áo phông thể thao cao cổ. Nếu người qua đường quan sát, họ có thể đã lưu ý tới vài điểm lạ lùng trong ngoại hình của gã: một vết sẹo ngoằn ngoèo phía trên cổ áo chạy dọc theo cổ, và hai ngón tay – ngón út và ngón đeo nhẫn – bên bàn tay trái dính lại với nhau.

Nhưng chẳng ai nhìn cả. Vì cử chỉ và biểu cảm của gã thật tự nhiên, và – như mọi ảo thuật gia đều biết – hành xử tự nhiên khiến bạn vô hình.

Rốt cuộc khi đã hài lòng rằng mình không bị theo đuôi, gã tiếp tục cuộc tản bộ thoải mái, rẽ ở góc đường tại một ngã tư, rồi tiếp tục đi dọc vỉa hè rợp bóng cây về căn hộ của gã. Xung quanh gã chỉ có vài

người chạy bộ và hai hoặc ba người dân sống trong khu đó đang trở về nhà với những tờ Times[15] và túi Zabar, sẽ uống cà phê, có một quãng thời gian thoải mái với tờ báo trên tay và có thể là chút vui vẻ trên giường vào sáng cuối tuần không vội vã.

---

[15] Tức tờ The New York Times, một nhật báo được xuất bản tại thành phố New York và được phát hành khắp Hoa Kỳ và nhiều nơi trên thế giới.

Malerick đi lên cầu thang tới căn hộ gã đã thuê vài tháng trước, một tòa nhà u ám, lặng lẽ, rất khác với căn nhà và xưởng của gã ở sa mạc ngoại ô Las Vegas. Gã đi đường cửa sau lên căn hộ.

Như tôi đã nói, màn biểu diễn thứ hai của chúng ta sẽ bắt đầu trong giây lát.

Còn lúc này, quý khán giả thân mến, hãy bình luận về màn ảo thuật quý vị vừa xem, hãy trao đổi với những người xung quanh quý vị, hãy cố gắng đoán xem tiết mục tiếp theo sẽ là gì.

Màn biểu diễn sắp tới của chúng tôi sẽ bao gồm những kỹ năng rất khác để thử thách nghệ sĩ trình diễn, nhưng tôi cam đoan với quý vị, nó cũng sẽ hấp dẫn không kém màn Kẻ lười bị treo cổ chút nào.

Những từ đó và hàng chục từ nữa tuôn trào tự động qua tâm trí Malerick. *Quý khán giả thân mến…* Gã liên tục nói chuyện với một đám đông tưởng tượng. (Gã đôi khi nghe thấy tiếng vỗ tay và tiếng khúc khích của họ và thỉnh thoảng là những tiếng kêu lên kinh hoàng.) Một mớ hỗn độn những từ ngữ, trong tiếng ngân nga đầy điệu bộ của một người chủ trò phủ phấn đầy mặt hay một nhà ảo thuật thời Victoria. Hồ ngôn loạn ngữ, người ta gọi những lời đó như thế – một màn độc thoại nhắm vào khán giả để cho họ thông tin cần thiết khiến màn trình diễn hiệu quả, để xây dựng quan hệ với họ. Để khiến họ mất cảnh giác và phân tâm nữa.

Sau vụ cháy, Malerick đã cắt đứt hầu hết liên lạc với đồng loại, và quý khán giả thân mến tưởng tượng dần thay thế họ, trở thành những người bạn đồng hành thường trực của gã. Những lời lộn xộn nhanh chóng lấp đầy suy nghĩ cả lúc thức lẫn lúc ngủ và gã đôi khi cảm thấy những thứ đó đe dọa khiến gã trở nên hoàn toàn điên loạn. Tuy nhiên, đồng thời, nó cũng mang tới cho gã sự an ủi ghê gớm khi biết rằng gã không hoàn toàn bị bỏ mặc một mình trên đời sau tấn thảm kịch ba năm trước. Quý khán giả thân mến của gã luôn ở bên.

Căn hộ bốc mùi sơn véc-ni rẻ tiền và mùi thịt kì dị từ giấy dán tường và sàn nhà. Nơi này hầu như không bài trí gì: những chiếc trường kỷ và ghế bành giá rẻ, một bàn ăn đủ để dùng được, hiện chỉ dành cho một người. Trong khi đó, các phòng ngủ chật kín – đầy những dụng cụ của nghề ảo thuật: những cột, những dàn, những dây thừng, những trang phục, thiết bị tạo khuôn cao su, tóc giả, những mảnh vải, một cái máy khâu, sơn, pháo, đồ hóa trang, bảng điện tử, dây rợ, pin, bông và giấy cháy nhanh, các cuộn dây chì, các thiết bị khắc gỗ… hàng trăm thứ khác nhau.

Gã pha trà thảo mộc và ngồi ở bàn ăn, nhấp từng ngụm thứ đồ uống nhạt nhẽo đó rồi ăn trái cây và một thanh lương khô ít béo. Ảo thuật là một môn nghệ thuật phải dùng sức và một màn diễn chỉ tốt đẹp nếu cơ thể khỏe mạnh. Ăn uống lành mạnh và tập thể dục là tối quan trọng với thành công.

Gã hài lòng với màn diễn sáng nay. Gã đã giết người trình diễn đầu tiên dễ dàng – gã nhớ lại với sự hài lòng tới độ run người về cách cô ta tê liệt vì sốc khi gã xuất hiện ngay đằng sau và tròng sợi thừng quanh cổ cô ta. Cô ta không thể nào biết được gã đang đợi trong góc phòng, dưới tấm màn lụa đen, đã nửa tiếng đồng hồ. Việc cảnh sát bất ngờ xông vào – chà, việc đó làm gã run sợ. Nhưng giống như mọi nhà ảo thuật tài ba, Malerick đã chuẩn bị phương án thoát thân và gã đã thực hiện một cách hoàn hảo.

Gã ăn nốt bữa sáng và cầm chiếc tách vào trong bếp, rửa cẩn thận rồi để lên giá cho khô. Gã làm gì cũng tỉ mỉ; thầy dạy của gã, một nhà ảo thuật dữ tợn, bị ám ảnh, không biết đùa, đã truyền sự kỷ luật đó cho gã.

Gã bước vào căn phòng ngủ lớn và bật đoạn video gã đã quay về địa điểm màn trình diễn tiếp theo. Gã đã xem đoạn băng này vài chục lần và dù gần như đã thuộc lòng, giờ gã vẫn sẽ nghiên cứu nó lần nữa. (Thầy dạy của gã cũng đã truyền cho gã – đôi khi theo nghĩa đen – tầm quan trọng của quy tắc 100:1. Ta phải diễn tập một trăm phút cho một phút trên sân khấu.)

Lúc xem băng, gã kéo một chiếc bàn phủ vải nhung dùng để trình diễn về phía mình. Không nhìn vào tay, Malerick thực hành một số trò đơn giản với các lá bài: trò giả vờ tráo bài, trò giả vờ cắt làm ba chồng bài; rồi một số trò khó hơn: tráo bài ngược, trượt và chia búng bài. Rồi gã làm một số trò ảo thuật thực sự, phức tạp như trò bài ma của Stanley Palm, trò ảo thuật sáu lá bí ẩn nổi tiếng của Maldo, vài trò khác của bậc thầy ảo thuật với bài và cũng là diễn viên nổi tiếng Ricky Jay, các trò khác nữa của Cardini.

Malerick cũng làm một số trò với lá bài có trong những tiết mục biểu diễn thời kỳ đầu của Harry Houdini. Hầu hết mọi người nghĩ Houdini là một người chuyên thoát hiểm, nhưng người nghệ sĩ ấy thực ra là một ảo thuật gia toàn diện, người trình diễn các ảo giác – những trò trên sân khấu với quy mô lớn như làm biến mất các trợ lý và những con voi – lẫn những trò ảo thuật giản dị hơn. Houdini có ảnh hưởng lớn tới cuộc đời gã. Vào lần đầu tiên biểu diễn, lúc còn là thiếu niên, Malerick dùng nghệ danh "Houdini Trẻ." Phần "erick" trong tên hiện giờ của gã vừa là một phần sót lại của cuộc đời trước – cuộc đời gã trước vụ hỏa hoạn – vừa là một sự tưởng nhớ dành cho chính Houdini, vốn tên khai sinh là Ehrich Weisz. Còn về tiền tố "Mal," một ảo thuật gia có thể ngờ rằng nó lấy từ tên của nghệ sĩ nổi tiếng thế giới, Max Breit, người trình diễn với nghệ danh Malini. Nhưng thật ra, Malerick đã chọn ba chữ cái đó vì chúng là gốc tiếng Latinh của từ "quỷ dữ," điều phản ánh bản chất đen tối trong thương hiệu ảo thuật của gã.

Giờ gã nghiên cứu đoạn băng, đo các góc, ghi chú các cửa sổ và nơi có thể có nhân chứng, tìm cách che chắn những vị trí của gã như tất cả những nghệ sĩ trình diễn giỏi vẫn làm. Trong lúc gã xem, những lá bài trong tay gã lao vào nhau trong những cú xáo bài nhanh như chớp, tiếng rít lên như rắn kêu. Các lá K, J, Q và joker cùng tất cả chỗ bài còn lại trượt lên trên tấm vải nhung đen và rồi có vẻ phản trọng lực khi chúng nhảy trở lại vào đôi tay mạnh mẽ của gã – nơi chúng biến mất. Chứng kiến màn trình diễn bột phát đó, đám đông khán giả hẳn sẽ lắc đầu, nửa tin rằng thực tế đã nhường chỗ cho ảo giác, rằng một con người không thể nào làm được điều họ vừa thấy.

Nhưng sự thật thì ngược lại: trò làm biến mất những lá bài vào trong tấm vải đen mà Malerick đang biểu diễn không hề là một phép lạ; chúng chỉ đơn giản là những bài tập được tập luyện một cách khéo léo và có hiểu biết, do những quy tắc vật lý bình thường quy định.

Ồ, phải, quý khán giả thân mến, những gì quý vị đã thấy và sắp sửa thấy là rất thật.

Thật như lửa đốt cháy thịt da vậy.

Thật như một sợi thừng siết chặt quanh cái cổ trắng ngần của một cô gái trẻ vậy.

Thật như vòng xoay của những chiếc kim đồng hồ đang dần tiến về phía kinh hoàng mà nghệ sĩ trình diễn tiếp theo của chúng tôi sẽ trải

qua.

***

"Này."

Người phụ nữ trẻ ngồi xuống cạnh chiếc giường mà mẹ cô đang nằm. Bên ngoài cửa sổ, trong một cái sân được chăm sóc kỹ lưỡng, cô nhìn thấy cây sồi cao, ở trên thân có mọc một dây tường vi tạo thành hình thù mà cô đã cố diễn giải theo nhiều cách trong mấy tháng qua. Hôm nay sợi dây ẻo lả đó không phải là một con rồng hay một bầy chim hay một người lính. Nó chỉ đơn giản là một loại thực vật trong thành phố đang gắng sức sống sót.

"Vậy. Mẹ cảm thấy sao, mẹ?" Kara hỏi.

Cái tên đó xuất phát từ một trong nhiều kỳ nghỉ của gia đình – lần này là đi Anh. Kara đã đặt đủ thứ biệt danh cho mọi người: "Điện hạ" và "Bà má nữ hoàng" với cha mẹ cô. Bản thân cô là "Nhóc hoàng gia."

"Ổn thôi, con yêu. Và cuộc đời đối xử với con ra sao?"

"Tốt hơn một số người, không bằng một số người khác. Này, mẹ có thích không?" Kara chìa tay ra để khoe bộ móng cắt ngắn, đều đặn của cô, với màu sơn đen như của một chiếc đại dương cầm.

"Đáng yêu lắm, con gái. Ta có hơi mệt mỏi với màu hồng rồi. Ngày nay ở đâu cũng thấy màu đó. Tầm thường kinh khủng."

Kara đứng lên và chỉnh lại cái gối dưới đầu mẹ. Rồi lại ngồi xuống và nhấp từng ngụm trong ly Starbucks lớn của cô; cà phê là thứ duy nhất cô nghiện, và nghiện cũng khá nặng, chưa kể nó khá đắt, và đây đã là cốc thứ ba của cô trong sáng nay.

Tóc cô cắt kiểu con trai, hiện nhuộm màu tím nâu, nhưng đã từng được nhuộm gần như mọi màu trong phổ màu trong những năm tháng cô sống ở New York. Tinh quái, một số người nói về mái tóc như vậy, sự miêu tả mà cô rất ghét; bản thân Kara đơn giản cho rằng kiểu tóc này "thuận tiện." Cô có thể ra khỏi nhà chỉ vài phút sau khi bước ra khỏi phòng tắm – một lợi thế thật sự với người thường không lên giường trước ba giờ sáng, và chắc chắn không phải là kiểu chim sâu.

Hôm nay cô mặc quần tây dài màu đen và dù chỉ cao hơn mét rưỡi một chút, cô vẫn mang giày đế bằng. Cái áo phông màu tím đậm

của cô không có tay, để lộ những cơ bắp căng, gọn ghẽ. Kara học đại học ở Sarah Lawrence, một trường mà nghệ thuật và chính trị được ưu tiên hơn so với các trò thể dục thể thao, nhưng sau khi tốt nghiệp, cô gia nhập phòng thể hình Gold's Gym và giờ là một người nâng tạ và chạy máy thường xuyên ở đó. Người ta hẳn nghĩ một cư dân đã sống tám năm ở khu phóng túng Greenwich Village, vào cuối độ tuổi hai mươi, sẽ đầy hình xăm nghệ thuật trên cơ thể hay ít ra là có một chiếc khuyên hay khuy bấm trên người, nhưng Kara không xăm hình và cũng không đeo khuyên.

"Coi thử thứ này đi, mẹ. Con có một buổi diễn ngày mai. Của ông Balzac. Mẹ biết mà."

"Ta nhớ."

"Nhưng lần này khác. Lần này ông ấy sẽ để con diễn một mình. Con là người diễn màn khởi động và sau đó là màn chính."

"Thật sao, con yêu?"

"Thật."

Bên ngoài lối vào, ông Geldter chen qua.

"Xin chào."

Kara gật đầu với ông. Cô nhớ lại khi mẹ cô lần đầu tới Stuyvesant Manor, một trong những cơ sở dành cho người cao tuổi tốt nhất thành phố, bà góa phụ đã gây ra kha khá ồn ào.

"Họ nghĩ là chúng ta có quan hệ với nhau," bà thì thầm với con gái.

"Có không?" Kara hỏi, nghĩ rằng đã tới lúc mẹ nên có quan hệ yêu đương nghiêm túc với một người đàn ông sau năm năm góa bụa.

"Tất nhiên là không!" Mẹ cô rít lên, thật sự giận dữ. "Sao lại đồn thế." (Biến cố đó định nghĩa người phụ nữ này một cách hoàn hảo: dăm tin đồn bậy bạ thì không sao, nhưng ranh giới là rất rõ ràng – được thiết lập một cách độc đoán – vượt qua làn ranh đó và bạn sẽ trở thành kẻ thù của bà, kể cả bạn có là người ruột thịt.)

Kara tiếp tục, đầy phấn khích cho mẹ cô hay với giọng điệu diễn cảm về những gì cô dự định làm ngày mai. Trong lúc nói, cô quan sát thật kỹ mẹ mình, làn da tươi tắn kỳ lạ với một phụ nữ đã ở tuổi giữa bảy mươi, hồng hào khỏe mạnh như của một đứa trẻ, tóc gần

như bạc trắng, nhưng vẫn còn nhiều lọn màu đen ngang ngược lác đác đó đây. Người chuyên chăm sóc sắc đẹp của cơ sở này đã búi nó lên thành một búi thật sành điệu. "Dù sao đi nữa, mẹ, vài người bạn của con sẽ có mặt ở đó và sẽ rất tuyệt nếu mẹ cũng có thể tới."

"Ta sẽ cố."

Kara, giờ đang ngồi ở cạnh ghế bành, bỗng nhiên nhận ra rằng tay cô đang nắm chặt lại, cơ thể cũng trở nên căng thẳng hơn hẳn. Hơi thở của cô trở thành những cơn tức ngực ngắn ngủi.

Ta sẽ cố…

Kara nhắm mắt lại, giấu những giọt nước mắt. Mẹ kiếp!

Ta sẽ cố…

Không, không, không, sai hết cả rồi, cô nghĩ đầy giận dữ. Mẹ cô sẽ không nói, "Ta sẽ cố." Đó không phải là cách nói chuyện của bà. Có thể là: "Ta sẽ tới, con yêu. Ngay hàng đầu." Hay bà sẽ nói lạnh lùng, "À, mai ta *không* đi được. Lẽ ra con phải báo sớm hơn."

Dù mẹ cô có nói gì, thì bà không bao giờ kiểu "Ta sẽ cố." Ủng hộ hết mình hoặc căm ghét hết sức.

Trừ lúc này – khi bà gần như không còn là một người toàn vẹn nữa. Nhiều lắm cũng chỉ là một đứa trẻ khi ngủ vẫn mở to mắt.

Cuộc nói chuyện vừa rồi của Kara với bà chỉ diễn ra trong trí tưởng tượng đầy hy vọng của cô gái. Về phần Kara thì đúng. Nhưng phần của mẹ cô, từ chỗ "Ổn thôi, con yêu. Và cuộc đời đối xử với con ra sao?" tới câu mấp máy "Ta sẽ cố," đều do Kara tự nghĩ ra.

Không, mẹ cô cả ngày hôm nay đã không nói một lời nào. Cả trong chuyến thăm hôm qua. Cả trước đó nữa. Bà chỉ nằm cạnh cửa sổ với dây tường vi trong trạng thái hôn mê dù đã tỉnh giấc. Có những ngày bà như thế. Vào những ngày khác, bà tỉnh hoàn toàn nhưng lại lắp bắp những điều vô nghĩa đáng sợ, vốn chỉ xác nhận cho sự thành công của đạo quân vô hình di chuyển không ngừng trong não bà, đốt cháy những ký ức và tư duy duy lý.

Nhưng còn một phần tệ hại hơn trong thảm kịch đó. Thỉnh thoảng trong khoảnh khắc hiếm hoi, sẽ có một thời khắc mong manh của sự sáng tỏ, dù ngắn ngủi nhưng nó đã phủ nhận hoàn

toàn nỗi tuyệt vọng của cô. Đúng vào lúc Kara đã đi tới chỗ chấp nhận điều tồi tệ nhất – rằng người mẹ mà cô biết đã biến mất mãi mãi – bà sẽ trở lại, đúng như trước khi xảy ra sự cố xuất huyết não. Và những sự phòng vệ của Kara biến mất, giống như cách một người vợ bị bạo hành tha thứ cho tay chồng vũ phu ngay khi có dấu hiệu ăn năn nhỏ nhất của gã. Trong những khoảnh khắc như thế, cô tự thuyết phục rằng mẹ mình đang khá hơn.

Tất nhiên, các bác sĩ nói gần như không còn hy vọng nữa. Dẫu vậy, họ đã không ở cạnh mẹ cô khi mà vài tháng trước, bà thức dậy và bỗng nhiên quay sang Kara. "Chào con, con yêu. Ta đã ăn những cái bánh quy con mang tới hôm qua. Con đã bỏ thêm hạt hồ đào như ta thích. Mặc kệ calo." Một nụ cười như bé gái. "À, ta mừng là con ở đây. Ta muốn kể với con những gì bà Brandon đã làm tối qua. Với cái điều khiển từ xa."

Kara chớp mắt kinh ngạc. Vì, quỷ tha ma bắt, cô đã mang cho mẹ bánh quy hạt hồ đào hôm trước và đã bỏ thêm hạt vào đó. Và đúng, bà Brandon điên khùng ở tầng năm đã ôm chặt cái điều khiển ti-vi và bấm tín hiệu lung tung từ cửa sổ nhà bên sang phòng đợi của nhà dưỡng lão, gây bối rối cho những cư dân ở đó nửa tiếng liền bằng cách cứ chuyển kênh và bật tiếng lên xuống như một con ma phá phách.

Đây rồi! Ai cần bằng chứng tốt hơn về bà mẹ đầy sinh lực của cô, bà mẹ *thật sự* của cô vẫn còn ở lại trong cái vỏ của cơ thể đã tổn thương và có thể một ngày nào đó sẽ thoát ra được.

Nhưng ngày hôm sau, Kara đã lại thấy bà nhìn trừng trừng con gái mình đầy nghi hoặc, hỏi tại sao cô lại ở đó và cô muốn gì. Nếu là vì hóa đơn tiền điện hai mươi hai đô và năm mươi xu, thì bà đã trả rồi và có séc làm bằng chứng. Kể từ màn trình diễn bánh quy hạt hồ đào và điều khiển ti-vi, không có thêm những buổi diễn tương tự.

Kara chạm vào cánh tay bà, ấm áp, không nếp nhăn, hồng hào như da trẻ em. Cảm nhận điều cô luôn cảm nhận được ở đó trong những chuyến thăm mỗi ngày: bộ ba ước muốn câm lặng rằng bà sẽ qua đời thật thanh thản, rằng bà sẽ trở lại với cuộc đời sôi động – và rằng chính Kara có thể thoát khỏi gánh nặng khủng khiếp của việc mong muốn cả hai lựa chọn không thể hòa hợp với nhau đó.

Cô liếc đồng hồ. Trễ giờ làm rồi, lúc nào cũng vậy. Ông Balzac sẽ *không* vui. Thứ Bảy là ngày bận rộn nhất của họ. Cô uống hết ly cà phê, ném nó đi và ra ngoài hành lang.

Một người phụ nữ da đen cao lớn mặc đồng phục trắng giơ tay chào. “Kara! Cô tới lâu chưa?” Một nụ cười rộng trên khuôn mặt tròn trĩnh.

“Hai mươi phút.”

“Tôi định ghé qua xem,” Jaynene nói. “Bà ấy còn thức không?” “Không. Bà ấy vừa thiếp đi khi tôi tới đây.”

“Ôi, xin lỗi.”

“Trước đấy bà ấy có nói gì không?” Kara hỏi.

“Có. Chỉ những chuyện lặt vặt thôi. Không thể biết được liệu bà ấy có tỉnh không. Có vẻ thế… Hôm nay là một ngày thật đẹp nhỉ? Sephie và tôi, lát nữa chúng tôi sẽ đưa bà ấy đi dạo ngoài sân nếu bà còn thức. Bà ấy thích điều đó. Bà ấy luôn khá hơn sau những cuộc đi dạo.”

“Tôi phải đi làm bây giờ,” Kara nói với cô y tá. “Này, tôi có một buổi diễn ngày mai. Ở cửa hàng. Chị còn nhớ chỗ đó không?”

“Nhớ chứ. Mấy giờ?”

“Bốn giờ. Ghé qua nhé.”

“Mai tôi nghỉ sớm. Tôi sẽ tới. Sau đó chúng ta sẽ uống thêm món margarita đào. Như lần trước nhé.”

“Ổn đấy,” Kara đáp. “Này, hãy rủ Pete đi luôn.”

Người phụ nữ cau có. “Này cô gái, không có ý gì đâu, nhưng cách duy nhất để gã đó gặp cô vào Chủ nhật là nếu cô có buổi trình diễn giữa hiệp cho đội Knicks hay đội Lakers[16] và nó có trên truyền hình cáp.”

---

[16] Các đội bóng rổ chuyên nghiệp của Mỹ New York Knickerbockers và Los Angeles Lakers.

Kara nói, “Mong là những gì chị nói sẽ thành sự thật.”

Chương năm

Một trăm năm trước, một nhà tài chính tương đối thành công hẳn đã gọi nơi này là nhà.

Hay chủ nhân của một hiệu may ở một khu mua sắm sang trọng trên đường Mười Bốn.

Hay có thể là một chính trị gia có quan hệ với Tammany Hall[17], khéo léo trong nghệ thuật muôn thuở của việc làm giàu bằng một vị trí trong chính quyền.

---

[17] Tammany Hall, một tổ chức vận động chính trị nhiều ảnh hưởng ở Mỹ, thành lập vào năm 1786 và ngừng hoạt động từ giữa những năm 1960.

Tuy nhiên, chủ sở hữu hiện tại của căn nhà phố trên đường Central Park West này lại không biết, hoặc không quan tâm về lai lịch của nó. Những đồ đạc thời Victoria hay đồ trang trí hồi cuối thế kỷ mười chín từng một thời tô điểm cho những căn phòng này cũng không hề hấp dẫn Lincoln Rhyme. Anh đang tận hưởng những gì xung quanh mình lúc này: một đống lộn xộn những chiếc bàn chắc chắn, những chiếc ghế đẩu xoay, máy tính, các thiết bị khoa học – một chiếc kệ chất đầy đồ đạc, một máy sắc ký khí/máy đo khối phổ, các kính hiển vi, những hộp nhựa đủ màu sắc, những cốc thí nghiệm, bình lọ, nhiệt kế, bình khí gas, kính bảo hộ, vali đen hay xám với hình thù kì lạ, tưởng chừng dùng để đựng những nhạc cụ bí truyền.

Và dây rợ.

Dây điện và dây cáp ở khắp mọi nơi, phủ kín phần lớn diện tích nhỏ hẹp của căn phòng, số ít cuốn gọn gàng và kết nối những mảnh liền kề của máy móc, số khác biến mất trong những lỗ thủng không đều được đục một cách đáng xấu hổ vào những bức tường nhẵn mịn được tạo bởi thạch cao và gỗ từ hàng thế kỷ

trước.

Bản thân Lincoln Rhyme lúc này không cần dây rợ gì cả. Những tiến bộ trong công nghệ hồng ngoại và vô tuyến đã kết nối chiếc micro trên xe lăn của anh – và giường ngủ của anh trên lầu – với một bộ điều khiển bởi môi trường xung quanh và máy tính. Anh lái chiếc xe lăn Storm Arrow bằng ngón đeo nhẫn tay trái trên một tấm cảm ứng MKIV, nhưng tất cả những lệnh khác, từ gọi điện thoại tới gửi thư điện tử, tới chuyển hình ảnh từ kính hiển vi kép lên màn hình máy tính đều có thể thực hiện bằng giọng nói.

Nó cũng có thể kiểm soát được máy thu vô tuyến điện Harman Kardon 8000 mới của anh, lúc này đang phát ra một bản jazz solo êm dịu khắp phòng thí nghiệm.

"Lệnh, tắt máy thu phát," Rhyme miễn cưỡng yêu cầu khi nghe tiếng đập cửa trước.

Âm nhạc tắt, thay thế bằng tiếng bước chân không đều ở sảnh trước và phòng đợi. Một trong những vị khách là Amelia Sachs, anh nhận ra ngay; với một phụ nữ cao ráo, cô có bước đi thật nhẹ nhàng. Rồi anh nghe tiếng chân nặng nề, dễ phân biệt của đôi chân to lớn, không ai khác ngoài Lon Sellitto.

"Sachs," anh thì thầm khi cô bước vào phòng, "hiện trường có rộng không? Có lớn quá không?"

"Không quá lớn." Cô nhíu mày. "Sao anh lại hỏi như vậy?"

Mắt anh nhìn vào những thùng màu xám có chứa bằng chứng mà cô và vài cảnh sát khác đang mang theo. "Anh tự hỏi thế vì có vẻ mất quá nhiều thời gian để kiểm tra hiện trường và trở lại đây. Em có thể sử dụng đèn nháy trên xe em mà. Đó là lý do người ta làm ra nó, em biết mà. Còi hụ cũng được phép luôn." Khi Rhyme thấy chán, anh trở nên xấu tính. Sự chán chường là kẻ thù lớn nhất trong cuộc đời anh.

Tuy nhiên, Sachs cứ trơ ra với sự chua chát đó – cô có vẻ đang có tâm trạng đặc biệt tốt – và chỉ nói, "Chúng ta có một vài bí ẩn ở đây, Rhyme."

Anh nhớ lại rằng Sellitto đã dùng từ "lạ lùng" để chỉ vụ giết người này.

"Nói cho anh diễn biến vụ này đi. Chuyện gì đã xảy ra?"

Sachs kể lại đại khái các sự kiện, kết thúc bằng việc kẻ thủ ác thoát ra khỏi hội trường.

"Những cảnh sát tới hiện trường nghe có tiếng súng bên trong hội trường rồi họ phá cửa vào. Cùng lúc đi qua hai cánh cửa duy nhất của căn phòng. Gã đã biến mất."

Sellitto nhìn vào những ghi chú của anh. "Các cảnh sát tuần tra nói gã khoảng ngoài năm mươi, chiều cao trung bình, tầm vóc trung bình, không có gì khác thường ngoài râu và tóc màu nâu. Có một người gác cổng nói ông ta không thấy ai đi vào hay ra căn phòng đó cả. Nhưng có thể ông ta bị hội chứng nhân chứng, anh biết đấy. Bên trường sẽ gọi lại báo tên và số điện thoại của ông ta. Tôi sẽ xem xem liệu có thể giúp ông ta nhớ lại không."

"Còn nạn nhân thì sao? Động cơ thì thế nào?"

Sachs nói, "Không có xâm hại tình dục, không cướp bóc."

Sellitto bổ sung, "Vừa nói chuyện với Cặp song sinh. Cô ấy không có bạn trai trước đây hay bây giờ. Không có vấn đề gì với ai trong quá khứ."

"Cô ta là sinh viên thôi hả?" Rhyme hỏi. "Hay có đi làm nữa?"

"Sinh viên thôi. Nhưng có vẻ cô ấy có đi diễn để kiếm tiền. Họ sẽ tìm ra là nơi nào."

Rhyme nhờ trợ lý của mình, Thom, làm người ghi chép, như thường lệ, ghi lại bằng chứng bằng chữ viết tay thanh mảnh lên những tấm bảng trắng lớn trong phòng thí nghiệm. Người trợ lý lấy bút ra và bắt đầu viết.

Có tiếng gõ cửa và Thom biến mất chốc lát khỏi phòng.

"Có khách thăm!" Anh nói với ra từ hành lang.

"Khách thăm sao?"

Rhyme hỏi, không hứng thú lắm với vị khách lúc này. Tuy nhiên, người trợ lý có vẻ rất vui. Bước vào phòng là Mel Cooper, người kỹ thuật viên mảnh khảnh, đầu hói mà Rhyme, lúc còn là người đứng đầu bộ phận pháp y của NYPD, đã gặp vài năm trước trong một vụ hợp tác phá án cướp của/bắt cóc với một sở cảnh sát vùng Thượng New York. Cooper không đồng tình với phân tích của Rhyme về một loại đất cụ thể và hóa ra anh ta đã đúng. Bị ấn

tượng, Rhyme đã đào xới quá khứ của tay kỹ thuật viên và phát hiện ra rằng, giống Rhyme, anh ta là một thành viên tích cực và rất được tôn trọng của Hiệp hội Nhân thân Quốc tế – các chuyên gia chuyên xác định nhân thân từ những mảnh bằng chứng nhỏ bé, DNA, tái dựng pháp y và dấu răng. Có bằng toán, vật lý học và hóa học hữu cơ, Cooper cũng là bậc thầy trong phân tích bằng chứng vật chất.

Rhyme lập một kế hoạch để đưa anh ta trở lại thành phố quê hương và anh ta cuối cùng đã đồng ý. Người kỹ thuật viên pháp y ăn nói nhỏ nhẹ kiêm nhà vô địch khiêu vũ làm việc ở phòng thí nghiệm tội phạm của NYPD thuộc khu Queens, nhưng anh thường xuyên hợp tác với Rhyme khi nhà tội phạm học cần tư vấn trong một vụ án đang diễn ra.

Những lời chào vang lên rồi Cooper đẩy cặp kính dày kiểu Harry Potter của anh trên mũi và liếc nhìn một cách không hài lòng những thùng bằng chứng như một kỳ thủ đang dò xét đối thủ của mình. "Chúng ta có gì ở đây?"

"'Những bí ẩn,'" Rhyme nói. "Theo đánh giá của Sachs. Những bí ẩn."

"Để xem liệu chúng ta có thể khiến chúng ít bí ẩn hơn không."

Sellitto kể qua hiện trường vụ giết người cho Cooper trong khi anh đeo găng tay cao su vào và bắt đầu xem xét các túi và chai lọ.

Rhyme đẩy xe lăn lại gần. "Cái này." Anh hất đầu. "Cái này là gì?" Anh đang nhìn vào một tấm bảng mạch màu xanh lá cây có gắn loa.

"Tấm bảng mạch em tìm thấy trong hội trường," Sachs nói. "Không biết nó là gì. Chỉ có điều đối tượng để lại ở đó – em chắc chắn thế vì có dấu tay."

Có vẻ như nó được lấy ra từ một chiếc máy tính, điều không khiến Rhyme ngạc nhiên; bọn tội phạm luôn đi trước trong việc nắm bắt công nghệ. Bọn cướp nhà băng vũ trang khét tiếng hồi năm 1911 đã trang bị súng ngắn bán tự động Colt.45 chỉ vài ngày sau khi mẫu súng này ra mắt, bất chấp việc sở hữu nó là bất hợp pháp, trừ khi cho lực lượng quân đội. Bộ đàm, điện thoại đổi tần số, súng máy, ống ngắm laser, GPS, công nghệ di động, thiết bị giám sát và mã hóa máy tính đều đã được bọn tội phạm sử dụng trước khi các nhân viên chấp pháp dùng tới.

Rhyme là người đầu tiên thừa nhận rằng một số đề tài nằm ngoài chuyên môn của anh. Những đầu mối như máy tính, điện thoại di động và thứ thiết bị đáng tò mò này – tất cả anh đều gọi là "bằng chứng NASDAQ[18]" – anh chuyển nó lại cho các chuyên gia.

---

[18] NASDAQ: Sàn giao dịch chứng khoán chuyên cho các cổ phiếu mảng công nghệ ở Mỹ.

"Gửi nó đi. Tới chỗ Tobe Geller," anh chỉ thị.

FBI có một tay tuổi trẻ tài cao ở văn phòng tội phạm máy tính New York của họ. Geller từng giúp anh trong quá khứ và Rhyme biết rằng nếu có ai nói cho họ biết thiết bị này là gì và nó có thể tới từ đâu, thì đó là Geller.

Sachs đưa chiếc túi cho Sellitto, anh giao nó lại cho một cảnh sát mặc đồng phục mang đi. Nhưng người đang muốn thành trung sĩ cảnh sát là Amelia Sachs đã ngăn anh ta lại. Cô muốn đảm bảo rằng anh đã điền vào một phiếu chứng nhận chuỗi hành trình tang chứng, vốn ghi lại tất cả những ai đã chạm vào một mảnh bằng chứng từ hiện trường tới tòa án. Cô kiểm tra tấm phiếu cẩn thận rồi để anh ta đi.

"Còn bài tập đánh giá thì sao, Sachs?" Rhyme hỏi.

"À," cô nói. Hơi lưỡng lự. "Em nghĩ em làm rất tốt."

Rhyme ngạc nhiên trước câu trả lời đó. Amelia Sachs thường không thích được người khác khen và hiếm khi nào tự khen mình.

"Anh không hề nghi ngờ việc em sẽ làm được thế," anh nói.

"Trung sĩ Sachs," Lon Sellitto trầm tư. "Nghe hay đấy."

Họ chuyển sang những đồ vật khác dùng cho trò pháo hoa tìm thấy trong trường dạy nhạc: dây dẫn cháy và pháo hoa.

Sachs ít ra đã hiểu được một bí ẩn. Cô giải thích rằng kẻ sát nhân đã lật những chiếc ghế lại để chúng đứng trên hai chân, làm chúng cân bằng bằng những mảnh dây vải. Hắn cột dây dẫn cháy vào giữa những sợi dây vải đó và đốt chúng. Sau khoảng một phút, ngọn lửa trên dây dẫn cháy tới chỗ sợi dây vải và khiến chúng đứt ra. Những chiếc ghế sau đó đổ xuống sàn, tạo ra âm thanh như thể kẻ sát nhân vẫn còn bên trong. Hắn cũng đốt sợi dây dẫn cháy cuối cùng để làm nổ quả pháo mà cảnh sát tưởng

nhầm là một phát súng.

“Anh có thể truy ra nguồn gốc thứ nào trong đây không?” Sellitto hỏi.

“Dây dẫn cháy loại bình thường – không thể truy nguồn gốc – và quả pháo đã nổ tan. Không nhà sản xuất, không có gì cả.” Cooper lắc đầu. Rhyme có thể thấy tất cả những gì còn lại là mấy mảnh giấy nhỏ xíu với một lõi kim loại đã cháy của dây dẫn cháy gắn vào đó. Những sợi dây vải hóa ra là 100% cotton khổ hẹp, loại thường, bởi thế không thể truy ra nguồn gốc.

“Có cả ánh đèn chớp nữa,” Sachs nói, nhìn qua những ghi chú của cô. “Khi mấy cảnh sát thấy gã cùng nạn nhân, gã giơ tay lên và có ánh sáng chói lòa. Như pháo sáng. Nó khiến hai người họ không nhìn thấy gì.”

“Có dấu vết nào không?”

“Em không tìm thấy. Họ nói nó chỉ đơn giản là biến mất trong không trung.”

Được rồi, Lon, đúng như anh nói: lạ kỳ.

“Tiếp theo. Dấu giày thì sao?”

Cooper lôi bộ dữ liệu của NYPD về dấu giày ra, một phiên bản kỹ thuật số của hồ sơ bằng giấy mà Rhyme đã thu thập được khi anh còn là trưởng bộ phận pháp y của NYPD. Sau vài phút xem kỹ, anh nói, “Mấy đôi giày là loại giày lười hiệu Ecco. Có vẻ là cỡ mười.”

“Có bằng chứng tiếp xúc nào không?” Rhyme hỏi.

Sachs nhặt vài chiếc túi nhựa ra khỏi một thùng sữa. Bên trong là những dải băng dính lớn được lột ra để lấy bằng chứng tiếp xúc. “Những thứ này là ở nơi hắn đã đi qua, và ở cạnh thi thể.”

Cooper cầm những chiếc túi nhựa và lấy từng tấm băng dính hình chữ nhật ra, trải lên những chiếc khay riêng biệt để kiểm tra, nhằm tránh làm ô nhiễm chéo bằng chứng. Phần lớn bằng chứng tiếp xúc trên băng dính là bụi, khớp với các mẫu kiểm soát của Sachs, có nghĩa là nguồn gốc của nó không phải từ hung thủ hay nạn nhân, mà được tìm thấy tự nhiên ở hiện trường tội ác. Nhưng trên một số mảnh băng dính có những sợi mà Sachs chỉ tìm thấy ở những nơi hung thủ đã đi qua hay trên những đồ vật mà gã đã đụng vào.

“Xem kỹ chúng đi.”

Kỹ thuật viên dùng nhíp gắp chúng ra và đặt lên bệ trượt. Sau đó anh ta đặt nó dưới ống kính hiển vi hai mắt – loại thiết bị được ưa thích để phân tích các đồ vật dạng sợi – rồi nhấn nút. Hình ảnh anh đang nhìn qua thị kính hiện lên trên màn hình phẳng cỡ lớn của chiếc máy tính để tất cả mọi người đều có thể thấy. Những sợi đó có vẻ là sợi dày, màu xám.

Các đồ vật dạng sợi là đầu mối pháp y quan trọng vì chúng phổ biến, chỉ bao gồm hai loại: tự nhiên và nhân tạo và có thể dễ dàng phân biệt. Rhyme ngay lập tức để ý rằng đây không phải là vật liệu sợi nhân tạo hay polymer, do đó nó phải có nguồn gốc tự nhiên.

“Nhưng cụ thể là gì mới được?” Mel Cooper hỏi thành tiếng.

“Hãy nhìn vào cấu trúc tế bào xem. Tôi cá nó là chất thải.”

“Cái gì cơ?” Sellitto hỏi. “Chất thải hả? Như là phân ấy hả?”

“Phân, như tơ. Nó được thải ra từ hệ tiêu hóa của con tằm. Nhuộm màu xám. Được gia công thành màu xỉn. Bên kia có gì, Mel?”

Anh chĩa kính hiển vi sang đó và thấy chúng là những sợi giống nhau.

“Hung thủ có mặc đồ màu xám không?”

“Không,” Sellitto thông báo.

“Nạn nhân cũng không,” Sachs nói. Lại thêm những bí ẩn nữa.

“A,” Cooper nói, nhìn vào thị kính, “có thể có tóc ở đây.”

Trên màn hình hiện ra một sợi tóc dài màu nâu.

“Tóc người,” Rhyme nói, lưu ý thấy hàng trăm vảy tóc. Lông động vật chỉ có tối đa vài chục vảy. “Nhưng là tóc giả.”

“Giả sao?” Sellitto hỏi.

“À,” anh nói một cách sốt ruột, “nó là tóc thật nhưng từ một bộ tóc giả. *Rõ ràng là thế.* Nhìn đi, ở phía cuối đấy. Đó không phải là nang tóc. Là keo dán. Tất nhiên, có thể không phải là tóc giả của gã, nhưng vẫn đáng để đưa vào sơ đồ đấy.”

“Như thế tóc gã không phải là màu nâu?” Thom hỏi.

“Dữ kiện,” Rhyme nói cộc lốc, “là tất cả những gì chúng ta quan tâm. Hãy ghi rằng đối tượng có thể đội tóc giả màu nâu.”

“Rõ, thưa sếp.”

Cooper tiếp tục kiểm tra và thấy rằng trên hai mảnh băng keo có một chút bụi nhỏ xíu và một thứ gì đó từ thực vật.

“Xem mẩu thực vật trước, Mel.”

Khi phân tích những hiện trường tội ác ở New York, Lincoln Rhyme luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của hệ sinh thái, bằng chứng thực vật và động vật; vì thực ra chỉ một phần tám thành phố là nằm trên lục địa Bắc Mỹ, phần còn lại là các hòn đảo. Điều đó có nghĩa là khoáng chất, hệ thực vật và động vật ít nhiều tương đồng ở những khu cụ thể và thậm chí giữa các tiểu khu trong đó, khiến việc truy tìm nguồn gốc bằng chứng tiếp xúc gắn với địa điểm cụ thể dễ dàng hơn.

Một lát sau, một hình ảnh khá đẹp mắt của một nhánh cây màu đo đỏ và một mẩu lá hiện lên trên màn hình.

“Tốt,” Rhyme tuyên bố.

“Sao lại tốt?” Thom hỏi.

“Tốt vì nó hiếm. Đây là cây hồ đào gỗ đỏ. Ta hầu như không thấy chúng trong thành phố. Nơi duy nhất tôi biết có chúng là ở các công viên Trung Tâm và Riverside. Và… Ồ, nhìn này. Mảng màu lục - lam nhỏ đó là gì vậy?”

“Đâu?” Sachs hỏi.

“Em không thấy sao? Ngay đó!” Rhyme cảm thấy hết sức bực bội vì không thể nhảy khỏi chiếc ghế của mình để chỉ vào màn hình. “Góc dưới bên phải. Nếu nhánh cây là nước Ý thì mảng đó là Sicily.”

“Thấy rồi.”

“Anh nghĩ sao, Mel? Địa y đúng không? Và tôi sẽ nói đó là địa y Parmelia.”

“Có thể,” người kỹ thuật viên nói thận trọng. “Nhưng có rất nhiều loại địa y.”

“Nhưng không nhiều loại có màu lục-lam và xám,” Rhyme đáp ráo

hoảnh. “Thật ra, hầu như không còn loại nào khác. Và loại này mọc rất nhiều ở công viên Trung Tâm… Chúng ta có hai liên hệ với công viên đó. Tốt. Giờ xem đám bụi đất nào.”

Cooper để bệ trượt kia vào. Hình ảnh trong kính hiển vi – những hạt bụi nhìn như các thiên thạch – không gợi mở lắm về mặt pháp y và Rhyme nói, “Chạy thử một mẫu qua GC/MS đi.”

Máy sắc ký khí/đo khối phổ[19] là sự kết hợp của hai thiết bị phân tích hóa học, cái đầu tiên tách một hợp chất chưa biết ra những đơn vị thành phần và cái thứ hai xác định xem mỗi thành phần đó là gì. Lấy ví dụ, một chất bột trắng trông có vẻ đồng nhất lại có thể bao gồm vài chục loại hóa chất khác nhau: muối nở, a-sen, phấn thơm trẻ em, phenol và cocaine. Sắc ký khí được so sánh với một cuộc đua ngựa: các hợp chất di chuyển qua thiết bị cùng lúc nhưng với tốc độ khác nhau, và nhờ thế có thể phân tách được. Ở “vạch đích,” máy đo khối phổ so sánh mỗi chất đó với một bộ dữ liệu cực lớn những chất đã biết để xác định nó là loại gì.

---

[19] Tức GC/MS, viết tắt của: “gas chromatograph/mass spectrometer.”

Kết quả phân tích của Cooper cho thấy bụi mà Sachs thu về được tẩm một loại dầu. Tuy nhiên, bộ dữ liệu chỉ cho biết rằng nó có nền khoáng chất – không phải thực vật hay động vật – và không thể xác định cụ thể là gì.

Rhyme ra lệnh, “Gửi cái đó cho FBI. Xem liệu người ở phòng thí nghiệm của họ từng gặp nó chưa.” Rồi anh nheo mắt nhìn vào một cái túi nhựa. “Đây là mảnh vải đen em tìm thấy đúng không?”

Có thể là một đầu mối, có thể chẳng là gì cả…

Cô gật đầu. “Nó ở góc hành lang nơi nạn nhân bị siết cổ.” “Liệu có phải của cô ấy không nhỉ?” Cooper tự nhủ.

“Có thể,” Rhyme nói, “nhưng lúc này hãy giả sử rằng đó là của tên sát nhân.”

Cooper thận trọng nhấc thứ đó lên. Anh xem xét nó. “Lụa. Viền bằng tay.”

Rhyme thấy rằng dù nó có thể được gấp lại thành một cuộn nhỏ xíu nhưng khi mở ra nó khá lớn, khoảng 1,8 x 1,2 mét.

“Qua mốc thời gian, chúng ta biết là gã đợi cô ấy trong sảnh,”

Rhyme nói. “Tôi cá là gã đã làm thế này: trốn trong một góc với mảnh vải đó quấn trên người. Gã sẽ trở nên vô hình. Gã có lẽ đã mang nó theo nếu những sĩ quan cảnh sát không xuất hiện và khiến gã phải bỏ chạy.”

Cô gái tội nghiệp hẳn phải cảm thấy kinh hoàng lắm khi kẻ sát nhân hiện ra như trong một trò ảo thuật, còng tay cô và tròng sợi thừng quanh cổ cô.

Cooper tìm thấy vài mảnh gàu dính trên tấm vải đen. Anh đưa nó vào bệ kính hiển vi. Một hình ảnh nhanh chóng hiện lên trên màn hình. Khi phóng đại lên, những mảnh đó nhìn giống những mảnh rời rạc của một lá rau diếp héo. Anh dùng một chiếc que thí nghiệm để chạm vào nó. Thứ đó đàn hồi.

“Cái quái gì đấy?” Sellitto hỏi.

Rhyme gợi ý, “Một kiểu cao su gì đấy. Mảnh vụn của bóng – không, quá dày. Và nhìn kìa, Mel. Có thứ gì đó bị nhòe ra. Màu da người nữa. Cho qua máy GC đi.”

Trong khi họ đợi kết quả thì chuông cửa reo.

Thom ra mở cửa và quay lại với một chiếc phong bì.

“Dấu vân tay,” anh tuyên bố.

“Tốt,” Rhyme nói. “Vân tay đã trở lại. Cho qua AFIS[20] đi, Mel.”

---

[20] AFIS: viết tắt của “automated fingerprint identification system,” hệ thống nhận dạng vân tay tự động.

Những máy chủ cực mạnh thuộc hệ thống nhận dạng vân tay tự động của FBI, đặt ở West Virginia, sẽ tìm kiếm hình ảnh số hóa của những mảnh vân tay – và cả nguyên vân tay – trên khắp đất nước và trả lại kết quả trong vài tiếng, thậm chí có thể chỉ vài phút nếu nhóm vân tay được tìm thấy trong tình trạng tốt, rõ ràng.

“Nhìn thế nào?” Rhyme hỏi.

“Khá rõ.” Sachs giơ những bức ảnh ra cho anh xem. Rất nhiều trong số đó chỉ là một phần vân tay. Nhưng họ có hình vân tay còn tốt của toàn bộ bàn tay trái của gã. Điều đầu tiên Rhyme chú ý là kẻ sát nhân có hai ngón tay dị dạng – ngón đeo nhẫn và ngón út. Chúng dính lại, có vẻ thế, và da ở đầu ngón tay trơn láng, không có

vân tay. Rhyme có tri thức khá ổn về bệnh học pháp y, nhưng không thể khẳng định đây là tình trạng bẩm sinh hay là kết quả của một thương tật.

Khi nhìn trừng trừng vào bức ảnh, Rhyme thấy thật trớ trêu, ngón đeo nhẫn bàn tay trái của đối tượng bị tật; trong khi ngón đó của anh là thứ duy nhất ở dưới cổ còn nhúc nhích.

Rồi anh nhíu mày. "Để yên hình đấy một chút đã, Mel… Gần hơn, Sachs. Anh muốn thấy chúng gần hơn."

Cô bước lại cạnh Rhyme và anh kiểm tra các vân tay lần nữa. "Có để ý thấy điều gì khác thường về chúng không?"

Cô nói, "Không hẳn… Đợi đã." Cô cười lớn. "Chúng giống nhau." Lật qua những bức hình. "Tất cả các ngón tay của gã đều *giống nhau.*

Vết sẹo nhỏ đó, nó ở cùng vị trí trong từng vân tay một."

"Gã hẳn phải đeo một kiểu găng tay nào đấy," Cooper nói, "với những vân tay giả. Tôi chưa bao giờ thấy điều đó."

Tay hung thủ này là người kiểu quái gì vậy?

Kết quả từ máy sắc ký khí/đo khối phổ hiện lên trên màn hình máy tính. "Được rồi, tôi có cao su thuần chất… và cái gì đây?" Anh tự hỏi. "Thứ gì đó mà máy tính xác định là một chất alginate. Chưa bao giờ nghe nói tới…"

"Răng."

"Cái gì cơ?" Cooper hỏi Rhyme.

"Đó là một loại bột anh trộn với nước để làm khuôn. Nha sĩ sử dụng nó làm chụp răng và các công việc nha khoa khác. Có lẽ hung thủ của chúng ta từng là nha sĩ."

Cooper tiếp tục nhìn màn hình máy tính. "Vậy thì chúng ta có những bằng chứng tiếp xúc rất nhỏ bao gồm dầu thầu dầu, propylene glycol, cồn cetyl, mica, ô-xít sắt, titanium dioxide, nhựa than đá và một số chất màu tự nhiên."

"Một số chất được tìm thấy trong mỹ phẩm," Rhyme nói, nhớ lại một vụ mà anh xác định được hung thủ ở hiện trường sau khi hắn viết những thông điệp tục tĩu lên gương của nạn nhân bằng bút

trang điểm, rồi anh tìm thấy những vết mỹ phẩm đó trên tay áo hắn. Khi điều tra vụ đó, anh đã nghiên cứu các loại mỹ phẩm.

"Của cô ấy hả?" Cooper hỏi Sachs.

"Không," nữ cảnh sát trả lời. "Tôi đã lấy gạc thấm lên da cô ấy. Cô ấy không dùng mỹ phẩm."

"Ghi lên bảng đi. Chúng ta sẽ xem nó có ý nghĩa gì không."

Chuyển sang sợi thừng, vũ khí của kẻ giết người, Mel Cooper nhổm khỏi chỗ ngồi để nhìn tấm bảng ghi chép bằng sứ. "Đó là một sợi thừng với lớp vỏ trắng quanh lõi màu đen. Chúng đều là lụa tết – rất nhẹ và mỏng – điều đó giải thích tại sao nhìn nó không dày hơn một sợi thừng bình thường dù thật ra là hai sợi hợp lại."

"Làm thế để làm gì? Phải chăng phần lõi giúp sợi thừng chắc hơn?" Rhyme hỏi. "Dễ cởi ra hơn? Hay khó cởi ra hơn? Để làm gì?"

"Không biết."

"Chuyện này ngày càng bí hiểm," Sachs nói với sự nhạy bén đầy kịch tính mà Rhyme hẳn sẽ thấy khó chịu nếu anh không đồng tình với cô.

"Phải," anh xác nhận, hơi bối rối. "Chuyện này mới với anh. Hãy tiếp tục nào. Tôi muốn thấy thứ gì đó *quen thuộc*, thứ gì đó chúng ta có thể *sử dụng*."

"Và nút thắt?"

"Là của một chuyên gia, nhưng tôi không xác định được," Cooper nói.

"Chụp một bức hình của nó và gửi tới Cục. Và… Chúng ta có biết ai ở Bảo tàng Hải dương học không?"

"Họ đã giúp chúng ta vài lần về các nút thắt," Sachs nói. "Em sẽ gửi một bức ảnh cho cả họ nữa."

Một cuộc gọi từ Tobe Geller ở phòng Tội phạm Máy tính tại tổng hành dinh FBI ở New York. "Chuyện này vui đây, Lincoln."

"Mừng là bọn tôi vẫn làm anh vui," Rhyme lầm bầm. "Anh có thể nói điều gì *hữu ích* về món *đồ chơi* đó không?"

Geller, chàng trai trẻ tóc xoăn, không để ý tới sự khó chịu của Rhyme, nhất là khi có một thứ gì đó liên quan đến máy tính. "Đó là một thiết bị ghi âm kỹ thuật số. Một thứ nhỏ bé hấp dẫn. Đối tượng của anh đã ghi âm điều gì đó, lưu âm thanh lại trong ổ cứng rồi lập trình để nó bật lên sau một quãng thời gian. Chúng tôi không biết âm thanh đó là gì – gã đã viết một chương trình để hủy dữ liệu."

"Đó là giọng của gã," Rhyme lầm bầm. "Khi gã nói mình có con tin, đó chỉ là một băng ghi âm. Giống như những chiếc ghế. Là để chúng ta nghĩ gã vẫn ở trong phòng."

"Hợp lý. Nó có một cái loa đặc biệt, loại nhỏ nhưng có tiếng bass và âm vực trung tuyệt vời. Nó giả tiếng người rất giống."

"Không còn gì trên chiếc đĩa hả?"

"Không. Đã xóa sạch."

"Mẹ kiếp. Tôi muốn có dấu vết giọng nói." "Rất tiếc. Mất rồi."

Rhyme thở dài thất vọng và quay lại với những khay chứng cứ; việc nói với Geller lời cảm ơn về sự giúp đỡ là của Sachs.

Cả nhóm sau đó xem xét chiếc đồng hồ đeo tay của nạn nhân, nó bị đập vỡ tan vì lý do gì đó mà họ không hiểu. Nó không có bằng chứng gì khác ngoài thời gian gây án. Hung thủ thường đập vỡ đồng hồ đeo tay hay đồng hồ treo tường ở các hiện trường tội ác sau khi đã chỉnh chúng sai giờ để đánh lừa các điều tra viên. Nhưng chiếc đồng hồ này dừng gần với thời gian thật của vụ án mạng. Tại sao lại như thế?

Càng thêm bí ẩn…

Khi người trợ lý viết những quan sát của họ lên chiếc bảng trắng, Rhyme nhìn qua chiếc túi đựng cuốn sổ ký tên. "Cái tên biến mất trong cuốn sổ này." Anh nói, "Chín người ký vào nhưng chỉ có tám cái tên trong danh sách… Tôi nghĩ chúng ta cần một chuyên gia ở đây." Rhyme ra lệnh vào trong micro, "Lệnh, gọi điện thoại. Gọi cho Kincaid phẩy Parker."

Chương sáu

Trên màn hình hiện ra mã vùng 703, Virginia, rồi số được bấm gọi.

Một tiếng chuông reo. Giọng bé gái, "Nhà Kincaid đây ạ." "Ừm, ờ. Parker có đó không? Ý chú là cha cháu ấy."

"Ai gọi vậy?"

"Lincoln Rhyme. Ở New York." "Xin đợi máy."

Một lát sau, giọng uể oải của người kiểm tra tài liệu hàng đầu đất nước phát ra trên đường dây. "Chào, Lincoln. Đã một, hai tháng rồi đúng không?"

"Bận quá," Rhyme giải thích. "Anh sao rồi, Parker?"

"Ôi, đang gặp rắc rối. Suýt thì gây ra một sự cố quốc tế. Hội Văn hóa Anh trong vùng muốn tôi chứng thực một cuốn sổ tay của Vua Edward mà họ đã mua từ một nhà sưu tầm tư nhân. Lưu ý là đã nhé, Lincoln."

"Họ trả tiền rồi."

"Sáu trăm ngàn."

"Đắt đó. Họ muốn có nó đến thế sao?"

"Ôi, nó liên quan đến vài câu chuyện phiếm về Churchill và Chamberlain[21]. Tất nhiên, không phải theo nghĩa ngồi lê đôi mách."

---

[21] Các Thủ tướng Anh: Winston Churchill (1874 - 1965), làm thủ tướng hai nhiệm kỳ, 1940 - 1945 và 1951 - 1955; Neville Chamberlain (1869 - 1940), làm thủ tướng 1937 - 1940. Từ chi tiết này, có thể xác định Vua Edward ở trên là Edward VIII của Anh (1894 - 1972, làm vua từ tháng 1 tới tháng 12 -

1936).

“Tất nhiên là không.” Như thường lệ, Rhyme cố gắng kiên nhẫn với những người mà anh đang tìm kiếm sự giúp đỡ miễn phí.

“Tôi đã xem qua nó và tôi có thể làm gì đây? Tôi buộc phải nghi ngờ nó.”

Động từ vô hại đó, từ một chuyên gia về tài liệu được trọng vọng như Kincaid, đồng nghĩa với việc dán nhãn cho cuốn nhật ký đó là đồ giả.

“A, họ sẽ vượt qua chuyện đó thôi,” anh ta nói tiếp. “Dù giờ nghĩ lại, họ vẫn chưa trả tiền cho tôi... Không con yêu, chúng ta sẽ không làm kem phủ tới khi cái bánh nguội... Vì bố nói thế.”

Là một ông bố đơn thân, Kincaid là nguyên cục trưởng Cục Lưu trữ hồ sơ của FBI ở tổng hành dinh. Anh rời Cục để lập và điều hành công ty dịch vụ giám định tài liệu, để có thêm thời gian với các con, Robby và Stephanie.

“Margaret sao rồi?” Sachs nói vào loa. “Cô hả, Amelia?”

“Phải.”

“Cô ấy ổn. Đã không gặp cô ấy vài ngày rồi. Chúng tôi đưa bọn trẻ tới Planet Play hôm thứ Tư và tôi đang định đánh bại cô ấy ở trò bắn súng laser thì máy nhắn tin reo. Cô ấy phải đi bắt vài người. Panama hay Ecuador hay nơi nào đấy đại loại thế. Cô ấy không nói chi tiết với tôi. Vậy có chuyện gì đấy?”

“Chúng tôi đang có một vụ và tôi cần sự giúp đỡ. Tình hình là thế này: hung thủ có viết tên của gã trong một cuốn sổ đăng ký an ninh. Hiểu không?”

“Hiểu rồi. Và anh cần phân tích chữ viết tay?”

“Vấn đề là chúng tôi *không* có chữ viết tay nào hết.”

“Nó biến mất sao?”

“Phải.”

“Và anh chắc chắn là người viết không giả mạo?”

“Đúng vậy. Có một tay bảo vệ đã nhìn thấy chữ viết trên giấy, chắc

chắn thế."

"Giờ có nhìn thấy gì không?"

"Không có gì cả."

Kincaid cười ranh mãnh. "Thông minh đấy. Vậy là không có bằng chứng gì ghi lại việc gã đã vào trong tòa nhà. Và rồi một người khác viết tên họ lên chỗ trống và phá hỏng bất kỳ dấu vết nào trên đó, có thể là chữ ký của hắn."

"Đúng."

"Có gì trên tờ giấy phía dưới tờ đầu tiên không?"

Rhyme liếc nhìn Cooper, người đang chiếu đèn pin thành hình góc nhọn lên tờ giấy thứ hai trong cuốn sổ – cách này được ưa chuộng hơn việc dùng chì của bút chì phủ lên trang để thu thập bằng chứng lực tiếp xúc. Anh lắc đầu.

"Không có gì hết," Rhyme nói với người kiểm tra tài liệu. Rồi hỏi, "Vậy làm sao gã làm được thế?"

"Gã làm nó vô hình," Kincaid tuyên bố. "Như thế nào?" Sellitto hỏi.

"Dùng mực tự mờ. Trong nghề chúng tôi gọi đó là làm cho vô hình. Phương pháp cũ dùng phenolphthalein. Trước khi nó bị FDA[22] cấm. Anh cho một viên thuốc tan ra trong cồn và tạo thành mực xanh. Nó có alkaline pH. Rồi anh viết thứ gì đấy. Sau một lúc, việc tiếp xúc với không khí sẽ làm màu xanh biến mất."

---

[22] FDA: viết tắt của "Food and Drug Administration," Cục Quản lý Dược phẩm và Thực phẩm Hoa Kỳ.

"Chắc chắn rồi," Rhyme nói, nhớ lại kiến thức hóa học cơ bản.

"CO2 trong không khí biến mực thành a-xít và trung hòa màu."

"Chính xác. Ta không còn thấy phenolphthalein nhiều nữa. Nhưng anh có thể làm tương tự với thymolphthalein và sodium hydroxide[23]."

---

[23] Sodium hydroxide: tức dung dịch kiềm (xút), công thức hóa học là NaOH.

“Có thể mua được thứ này ở một nơi cụ thể nào không?”

“Hừm,” Kincaid cân nhắc. “À… Đợi một chút, con yêu. Cha đang nghe điện thoại… Không, nó vẫn ổn. Mọi cái bánh đều có vẻ bị móp xuống so với khi còn ở trong lò. Cha sẽ ra ngay… Lincoln? Điều tôi định nói là đây là một ý tưởng rất hay ho trên lý thuyết, nhưng khi tôi còn ở Cục, chưa bao giờ có hung thủ hay gián điệp nào thực sự dùng mực biến mất. Nó nghe giống một món hàng lạ hơn, anh hiểu ý tôi chứ. Dân ảo thuật mới dùng.”

Ảo thuật, Rhyme nghĩ thật u ám, nhìn lên tấm bảng có dán những bức hình Svetlana Rasnikov tội nghiệp. “Hung thủ của chúng tôi sẽ tìm được thứ mực đó ở đâu?”

“Nhiều khả năng là ở các cửa hàng bán đồ ảo thuật.”

Thú vị đấy…

“Được rồi, thông tin đó rất có ích, Parker.”

“Thỉnh thoảng lên đây thăm bọn tôi,” Sachs nói. “Và mang lũ trẻ theo.”

Rhyme nhăn mặt khi nghe lời mời. Anh thì thầm với Sachs, “Sao em không mời tất cả bạn bè của chúng đi. Cả trường luôn…”

Cô cười lớn rồi suỵt im lặng với anh.

Sau khi ngắt cuộc gọi, Rhyme nói một cách cáu bẳn, “Chúng ta càng học nhiều, chúng ta càng biết ít.”

Bedding và Saul gọi báo rằng Svetlana có vẻ được mến mộ ở trường Âm nhạc và không có kẻ thù nào. Công việc bán thời gian của cô, người hướng dẫn hát bè ở các bữa tiệc sinh nhật cho trẻ con cũng không có khả năng đưa cô vào tầm ngắm.

Một gói hàng được chuyển tới từ văn phòng kiểm tra y khoa. Bên trong là một túi nhựa đựng bằng chứng: chiếc còng tay cũ dùng để còng tay nạn nhân. Chúng chưa được mở ra, theo lệnh của Rhyme. Anh yêu cầu viên kiểm tra y khoa ép tay nạn nhân để lấy chiếc còng tay ra bởi việc phá khóa nó có thể hủy đi đầu mối giá trị.

“Chưa bao giờ thấy thứ gì thế này,” Cooper nói, giơ nó lên, “mới thấy trên phim thôi.”

Rhyme đồng ý. Chiếc còng là loại cổ, nặng nề và làm bằng sắt tán không đều.

Cooper vuốt nhẹ và chạm xung quanh ổ khóa nhưng không tìm thấy đầu mối nào đáng kể. Chi tiết nó là đồ cổ xưa cũng là điểm thuận lợi cho việc điều tra vì sẽ giúp khoanh vùng thông tin về nguồn gốc của nó. Rhyme nói Cooper chụp ảnh chiếc còng và in những bức hình đó ra cho những người bán xem.

Sellitto nhận được một cuộc gọi khác. Anh nghe một chút, nhìn có vẻ bối rối, rồi nói, "Không thể nào… Ông chắc chứ?… Được, được rồi. Cảm ơn." Gác máy, viên thanh tra liếc nhìn Rhyme. "Tôi không hiểu."

"Có chuyện gì vậy?" Rhyme hỏi, không có tâm trạng cho những bí ẩn nào nữa.

"Đó là người quản lý trường Âm nhạc. Không có người gác cổng nào cả."

"Nhưng mấy viên cảnh sát tuần tra đã nhìn thấy ông ta," Sachs chỉ ra.

"Nhân viên làm vệ sinh không làm việc vào thứ Bảy. Chỉ tới vào buổi tối các ngày trong tuần. Và không có ai giống như người mà cảnh sát đã thấy."

Không có người gác cổng ư?

Sellitto nhìn qua những ghi chú của mình. "Ông ta ở ngay ngoài cửa thứ hai, đang quét dọn. Ông ta…"

"Ôi mẹ kiếp," Rhyme quát. "Là gã!" Rồi liếc tay thanh tra. "Người gác cổng nhìn hoàn toàn khác với hung thủ, đúng không?"

Sellitto xem lại sổ tay. "Ông ta khoảng sáu mươi, hói đầu, không có râu, mặc áo liền quần màu xám."

"Áo liền quần màu xám!" Rhyme hét lên.

"Phải."

"Đó là sợi tơ. Đó là từ quần áo."

"Anh đang nói về cái gì thế?" Cooper hỏi.

"Đối tượng đã giết cô sinh viên. Lúc bị cảnh sát làm cho bất ngờ,

gã đã dùng cách lóe đèn lên để khiến họ không nhìn thấy gì, rồi chạy vào nơi trình diễn, bày đặt những dây dẫn cháy và máy ghi âm kỹ thuật số để khiến họ nghĩ rằng gã vẫn còn ở trong đó rồi đổi sang bộ đồ người gác cổng và chạy ra cửa thứ hai."

"Nhưng gã không thể nào chỉ đơn giản là cởi sạch quần áo ra như những kẻ cướp giật trên tàu hỏa được, Linc," viên thanh tra mập mạp chỉ ra. "Làm thế quái nào mà gã làm được như thế chứ? Người ta không nhìn thấy gã trong bao lâu chứ, sáu mươi giây?"

"Được rồi. Nếu anh có lời giải thích nào khác không liên quan tới phép màu thì tôi sẵn sàng lắng nghe."

"Coi nào. Không thể nào vậy được."

"Không thể nào sao?" Rhyme tự nói một cách bỉ bôi khi anh lăn chiếc xe tới gần tấm bảng trắng, trên đó Thom đã dán bản in của những bức ảnh kỹ thuật số mà Sachs chụp dấu chân. "Vậy còn các bằng chứng thì sao?" Anh xem xét dấu chân của hung thủ và những dấu chân mà cô đã lấy ở chỗ hành lang gần nơi tay gác cổng có mặt.

"Đôi giày," anh tuyên bố.

"Chúng có giống nhau không?" Viên thanh tra hỏi.

"Giống," Sachs nói và bước về phía tấm bảng. "Hiệu Ecco, cỡ số mười."

"Chúa ơi," Sellitto lầm bầm.

Rhyme hỏi, "Được rồi, chúng ta có gì nào? Hung thủ ngoài năm mươi tuổi, vóc dáng trung bình, chiều cao trung bình và không có râu, hai ngón tay dị dạng, có lẽ là có tiền án bởi lẽ gã giấu vân tay. Đó là tất cả những điều chết tiệt mà chúng ta biết." Nhưng rồi Rhyme nhíu mày. "Không," anh mơ hồ thì thầm, "đó không phải là tất cả những gì chúng ta biết. Còn một thứ khác. Gã mang theo quần áo để thay, mang cả vũ khí giết người... Gã là một tên tội phạm có chủ đích." Anh liếc nhìn Sellitto và nói thêm, "Gã sẽ còn tiếp tục hành động nữa."

Sachs gật đầu tỏ ý đồng tình.

Rhyme nhìn chằm chằm vào những chữ viết bay bướm của Thom trên tấm bảng trắng liệt kê bằng chứng và tự hỏi: Điều gì kết nối tất cả những chuyện này với nhau đây?

Lụa màu đen, đồ trang điểm, thay đổi quần áo, ngụy trang, ánh sáng lóe lên kiểu flash và mực vô hình.

Rhyme nói chậm rãi, "Tôi nghĩ rằng hung thủ được đào tạo về ảo thuật."

Sachs gật đầu. "Hợp lý."

Sellitto gật đầu. "Được rồi. Có thể. Giờ chúng ta làm gì đây?" "Còn chưa rõ ràng sao?" Rhyme nói. "Tự tìm lấy người của chúng ta."

"Người gì?" Sellitto hỏi.

"Tất nhiên là ảo thuật gia rồi."

***

"Làm lại đi."

Tới giờ cô đã làm tám lần rồi.

"Lại nữa sao?"

Người đàn ông gật đầu. Và Kara lại làm lại.

Trò bung khăn tay ba lần – do thầy giáo, ảo thuật gia nổi tiếng Harlan Tarbell nghĩ ra – là trò chắc chắn sẽ làm khán giả hài lòng. Ba mảnh lụa có màu khác nhau được buộc lại thật chặt và có vẻ không gỡ ra nổi. Đó là một trò khó mà trình diễn trơn tru, nhưng Kara cảm thấy hài lòng với những gì đã diễn ra.

Tuy nhiên, David Balzac thì không. "Những đồng xu của cô đang lên tiếng đấy." Ông thở dài – đó là một sự phê bình gay gắt, có nghĩa là một trò ảo thuật hay màn trình diễn rõ ràng là quá vụng về. Người đàn ông đã lớn tuổi, cơ thể vạm vỡ với mái tóc bờm màu trắng và hàm râu dê đã lốm đốm lắc đầu tức giận. Ông gỡ cặp kính dày ra, dụi mắt rồi đeo vào lại.

"Tôi nghĩ là trơn tru mà," cô phản đối. "Có vẻ trơn tru với tôi."

"Nhưng cô không phải là khán giả. Ta mới là khán giả. Làm lại đi."

Họ đứng trên một sân khấu nhỏ đằng sau Smoke & Mirrors, cửa hàng mà Balzac đã mua sau khi ông về hưu, từ giã giới ảo thuật và xiếc quốc tế mười năm trước. Nơi bẩn thỉu này bán đồ dùng làm ảo thuật, cho thuê trang phục, thiết bị và trình diễn các buổi ảo thuật miễn phí, nghiệp dư, cho khách hàng và dân địa phương.

Một năm rưỡi trước, Kara, khi ấy đang làm biên tập viên tự do cho tạp chí Self, cuối cùng đã đủ can đảm đứng lên sân khấu – danh tiếng của Balzac đã khiến cô hoảng sợ trong nhiều tháng trời. Tay ảo thuật gia già xem cô trình diễn và gọi cô vào văn phòng của ông sau đó. Đích thân Balzac vĩ đại đã nói với cô bằng giọng cộc cằn nhưng êm ái rằng cô có triển vọng. Cô có thể trở thành một nhà ảo thuật lớn – nếu được đào tạo đúng cách – và đề xuất cô tới làm việc ở cửa hàng; ông sẽ là người chỉ dạy và làm thầy giáo của cô.

Kara chuyển từ vùng Trung Tây tới New York nhiều năm trước và hiểu biết về cuộc sống ở thành phố; cô biết ngay lập tức "người chỉ dạy" có nghĩa là gì, nhất là khi ông đã bốn lần ly dị và cô là một phụ nữ hấp dẫn, trẻ hơn ông đến bốn mươi tuổi. Nhưng Balzac là một ảo thuật gia danh tiếng – ông đã trình diễn thường xuyên trong chương trình của Johnny Carson và là ngôi sao tại Las Vegas nhiều năm trời. Ông đã lưu diễn vòng quanh thế giới vài chục lần và biết gần như mọi nhà ảo thuật lớn còn sống. Ảo thuật là đam mê của cô và đây là cơ hội cả đời. Cô đồng ý ngay lập tức.

Ở buổi học đầu tiên, cô rất cảnh giác và sẵn sàng phản ứng lại những trò lố. Bài học hóa ra lại rất đáng buồn với cô – dù vì một lý do hoàn toàn khác.

Ông đã mắng nhiếc cô không thương tiếc.

Sau khi dành một giờ đồng hồ chỉ để chỉ trích gần như mọi khía cạnh trong kỹ thuật của cô, Balzac nhìn vào khuôn mặt nhợt nhạt, đẫm nước mắt của cô và quát, "Tôi nói là cô có triển vọng. Tôi không bảo là cô đã giỏi rồi. Nếu cô muốn có một người ve vuốt cái tôi của cô thì cô đã tới nhầm chỗ rồi. Giờ thì cô sẽ chạy về nhà khóc với mẹ hay quay lại làm việc đây?"

Họ quay lại làm việc.

Và thế là mười tám tháng của mối quan hệ vừa yêu vừa ghét giữa người thầy và kẻ tập sự bắt đầu. Cô phải thức tới qua nửa đêm sáu hoặc bảy ngày một tuần để tập luyện, tập luyện và tập luyện. Balzac từng có nhiều trợ lý trong những năm tháng còn trình diễn, nhưng ông chỉ làm thầy của hai người tập sự và có vẻ những thanh niên đó hóa ra lại là những nỗi thất vọng. Ông sẽ không để chuyện như vậy xảy ra với Kara.

Bạn bè đôi khi hỏi cô rằng tình yêu của cô – và nỗi ám ảnh của cô – với ảo thuật từ đâu mà tới. Họ hẳn trông đợi một thời thơ ấu bị dày vò như trong phim ảnh bé gái bị cha mẹ hay thầy cô giáo bạo

hành, hay ít ra là chút hé lộ từ bé gái nhút nhát muốn trốn chạy khỏi đám bắt nạt độc ác ở trường học để sống trong thế giới ảo mộng của mình. Nhưng thay vào đó, câu trả lời họ nhận được là một cô gái bình thường – một học sinh vui vẻ, dân thể dục dụng cụ, khoái làm bánh quy và tham gia dàn hợp xướng của trường. Cô bắt đầu hành trình theo đuổi nghề diễn một cách không lấy gì làm kịch tính chỉ bằng việc tham dự một màn trình diễn của Penn và Teller ở Cleveland cùng ông bà mình, rồi một tháng sau đó là chuyến đi tình cờ của gia đình tới Vegas để dự một hội nghị về sản xuất tua- bin của cha cô. Chuyến đi đã làm bùng lên sự hồ hởi với ảo thuật, niềm đam mê của cô với những con cọp biết bay và những màn ảo thuật với lửa.

Tất cả chỉ có thế. Năm mười ba tuổi, cô thành lập câu lạc bộ ảo thuật ở trường cấp ba JFK và nhanh chóng dành mọi đồng tiền đi trông trẻ để mua tạp chí ảo thuật, băng video dạy làm trò ảo thuật ; cô còn làm các trò ảo thuật đóng gói sẵn. Sau này cô còn nhận thêm công việc làm vườn và xúc tuyết để đổi lấy những chuyến đi tới Big Apple Circus và Cirque du Soleil bất cứ khi nào chúng xuất hiện trong phạm vi bán kính tám mươi cây số quanh nhà cô.

Nói thế không có nghĩa là không có một động cơ quan trọng nào khiến cô khởi đầu – và tiếp tục hành trình này. Không, điều thúc đẩy Kara là có thể dễ dàng tìm thấy những khoảnh khắc ngạc nhiên thích thú trên khuôn mặt khán giả – dù họ là hai chục người bà con của cô trong bữa tối lễ Tạ ơn (một màn trình diễn với các tiết mục thay đồ nhanh và làm con mèo lơ lửng, dù không có cánh cửa sập, bởi cha cô sẽ không để cô hạ sàn phòng khách) hay là những học sinh và phụ huynh ở buổi biểu diễn tài năng của trường cấp ba, nơi cô có hai màn trình diễn khiến cả hội trường đứng lên vỗ tay.

Tuy nhiên, cuộc sống với David Balzac có hơi khác với màn trình diễn thắng lợi đó; trong một năm rưỡi qua, cô đôi khi cảm thấy mình đã mất hết tài năng vốn có.

Nhưng cứ vào lúc cô sắp sửa bỏ cuộc thì ông lại ném cho cô một cái gật đầu cùng nụ cười yếu ớt. Vài lần ông còn nói, “Màn đó hay đấy.”

Trong những khoảnh khắc như thế, thế giới của cô lại thật viên mãn.

Tuy nhiên, phần lớn thời gian cô dành ở cửa hàng, xử lý sổ sách và hàng hóa cho ông, rồi việc lương thưởng, chủ trì trang web cho

cửa hàng. Balzac chẳng trả cho cô nhiều nhặn gì nên cô phải làm thêm nhiều công việc khác và nhận những việc ít ra là phù hợp phần nào với bằng ngôn ngữ Anh của cô – viết nội dung cho các trang web ảo thuật và sân khấu chẳng hạn. Rồi khoảng một năm trước, tình trạng của mẹ cô trở nên tệ hơn và cô con gái duy nhất phải dành chút thời gian rảnh rỗi còn lại với bà.

Một cuộc sống thật mệt mỏi.

Nhưng lúc này cô có thể xử lý được. Trong vài năm nữa, Balzac sẽ tuyên bố là cô đã có thể trình diễn và cô sẽ rời đi với lời chúc phúc của ông và những mối liên hệ của ông với các nhà sản xuất trên toàn thế giới.

Hãy vững lòng, cô gái, Jaynene hẳn sẽ nói vậy và hãy ngồi vững trên lưng con ngựa đang phi nước đại.

Kara đã hoàn thành màn biểu diễn ba tấm khăn lụa của Tarbell một lần nữa. Gạt tàn thuốc xuống sàn, Balzac nhíu mày. "Ngón trỏ tay trái cao hơn một chút."

"Ông nhìn thấy chỗ cột hả?"

"Nếu ta không nhìn thấy," ông quát lên giận dữ, "thì sao ta lại yêu cầu cô nâng ngón tay lên cao hơn? Làm lại đi."

Một lần nữa.

Ngón tay trỏ chó chết phải cao hơn một chút nữa.

Roẹt… Những tấm lụa cột vào nhau tách rời ra và tung vào không khí như những lá cờ chiến thắng.

"À," Balzac nói. Một cái gật đầu lạnh nhạt.

Không hẳn là kiểu tán dương truyền thống. Nhưng Kara đã học được cách bằng lòng với những lần "À" đó.

Cô dẹp trò đó sang một bên và bước ra đằng sau quầy trong khu vực lộn xộn của cửa hàng để ghi sổ đống hàng mới được chuyển tới vào chiều thứ Sáu.

Balzac quay lại với chiếc máy tính. Ông đang viết một bài cho trang web của cửa hàng về Jasper Maskelyne, ảo thuật gia người Anh đã tạo ra một đơn vị quân đội đặc biệt trong Thế chiến II, sử dụng các kỹ thuật của ảo thuật để chống lại quân Đức ở Bắc Phi.

Ông viết bằng trí nhớ, không có ghi chú hay tra cứu gì; David Balzac là thế – kiến thức của ông về ảo thuật cũng sâu sắc như tính khí thất thường và dễ nổi nóng của ông.

"Ông có nghe nói Cirque Fantastique đang ở trong thành phố không?" Cô hỏi. "Tối nay mở màn."

Ảo thuật gia càu nhàu. Ông đang thay kính đeo bằng kính áp tròng; Balzac ý thức cao độ về tầm quan trọng của hình ảnh với một nghệ sĩ trình diễn và luôn xuất hiện đẹp đẽ nhất trước bất kỳ khán giả nào, ngay cả đó là khách ở cửa hàng.

"Ông đi không?" Cô năn nỉ. "Tôi nghĩ chúng ta nên đi."

Gánh Cirque Fantastique – đối thủ của Cirque du Soleil, lớn hơn và lâu đời hơn – thuộc về thế hệ các gánh xiếc mới. Nó kết hợp các tiết mục xiếc truyền thống, hài kịch cổ trên sân khấu, âm nhạc và khiêu vũ đương đại, nghệ thuật trình diễn tiền phong[24] và ảo thuật đường phố.

---

[24] *Nguyên văn: avant-garde.*

Nhưng David Balzac là người của trường phái cũ: Vegas, Atlantic City, The Late Show. "Tại sao lại phải thay đổi một thứ đang hiệu quả?" Ông càu nhàu.

Tuy nhiên, Kara yêu Cirque Fantastique, và quyết tâm bắt ông tới xem. Nhưng trước khi cô có thể chèo kéo để thuyết phục ông đi cùng thì cửa trước cửa hàng bỗng mở ra và một nữ cảnh sát tóc đỏ hấp dẫn bước vào hỏi thăm chủ cửa hàng.

"Là tôi đây. Tôi là David Balzac. Tôi có thể giúp gì cho cô?" Viên cảnh sát nói, "Chúng tôi đang điều tra một vụ liên quan tới người có thể được đào tạo về ảo thuật. Chúng tôi đang trao đổi với các cửa hàng cung cấp thiết bị ảo thuật trong thành phố, hy vọng ông có thể giúp đỡ."

"Ý cô là có người đang lừa đảo hay sao?" Balzac hỏi. Ông có vẻ phòng thủ, một cảm giác mà Kara có thể chia sẻ. Trong quá khứ, ảo thuật thường liên quan tới những kẻ lừa gạt – những nghệ sĩ nhanh tay lẹ mắt làm nghề móc túi chẳng hạn, và những kẻ lừa đảo dùng các kỹ thuật ảo thuật để thuyết phục những người bị mất người thân rằng họ có thể gọi hồn.

Nhưng hóa ra chuyến thăm của nữ cảnh sát lại là vì một chuyện khác.

“Thực ra,” cô nói, liếc nhìn Kara rồi nhìn lại Balzac. “Đó là một vụ giết người.”

Chương bảy

Tôi có một danh sách các đồ vật mà chúng tôi tìm thấy ở hiện trường tội ác," Amelia Sachs nói với chủ cửa hàng, "và tự hỏi liệu ông có thể đã bán chúng không."

Ông cầm tờ giấy cô đưa và đọc khi Sachs nhìn quanh cửa hàng Smoke & Mirrors. Cửa hàng trông như một hang động sơn đen này thuộc khu Chelsea của Manhattan, bốc mùi mốc meo và hóa chất – cả mùi nhựa nữa, mùi hóa chất từ hàng trăm bộ đồ treo như một đám người không xương ở những kệ gần đó. Những quầy kính u ám, một nửa đã nứt vỡ và được dán lại bằng băng keo, đầy những bộ bài, đũa thần, đồng xu giả và những hộp đựng các trò ảo thuật đã đóng bụi. Một bản sao kích thước như thật của một sinh vật trong phim Người ngoài hành tinh đứng cạnh bộ mặt nạ và quần áo của Diana. (HÃY LÀ CÔNG NƯƠNG CỦA BUỔI TIỆC! Một tấm thẻ viết. Như thể không ai trong cửa hàng biết là bà đã chết.)

Ông gõ vào danh sách và rồi hất đầu về phía quầy. "Tôi không nghĩ là mình giúp được gì. Chúng tôi có bán một số món trong đây, chắc chắn là thế. Nhưng mọi cửa hàng đồ ảo thuật trên đất nước này đều bán. Cả nhiều cửa hàng đồ chơi nữa."

Cô quan sát thấy ông đã không dành quá vài giây cho bản danh sách. "Những cái này thì sao?" Sachs cho ông xem bức ảnh chiếc còng tay cũ.

Ông liếc nhìn nó thật nhanh. "Tôi không biết gì về nghệ thuật thoát hiểm."

Đó có phải là một câu trả lời không? "Vậy ý ông là ông không nhận ra chúng?"

"Không."

“Chuyện này rất quan trọng,” Sachs khăng khăng.

Cô gái trẻ với đôi mắt xanh choáng ngợp và móng tay màu đen nhìn bức ảnh. “Chúng là còng tay kiểu Darby,” cô nói. Người đàn ông lãnh đạm liếc cô. Cô im lặng một lúc rồi nói: “Còng tay thông thường của Scotland Yard[25] từ những năm 1800. Rất nhiều nghệ sĩ thoát hiểm sử dụng chúng. Chúng là món đồ ưa thích nhất của Houdini.”

---

[25] Cách nói để chỉ Sở Cảnh sát London, Anh.

“Có thể tìm được chúng ở đâu?”

Balzac cựa quậy đầy sốt ruột trên chiếc ghế văn phòng của mình. “Chúng tôi không biết. Như tôi đã nói, đây không phải là lĩnh vực mà chúng tôi có kinh nghiệm.”

Cô gái gật đầu, nhất trí với ông. “Có lẽ là có những bảo tàng về nghệ thuật thoát hiểm ở đâu đó mà cô có thể liên lạc.”

“Và sau khi cô đã cho hàng vào lại,” Balzac nói với người trợ lý của ông, “ta cần cô xử lý những đơn hàng này. Có cả tá đơn hàng tới vào tối hôm qua sau khi cô về.” Ông đốt một điếu thuốc.

Sachs lại đưa danh sách cho ông. “Ông có nói rằng ông đã bán một số sản phẩm này. Ông có hồ sơ của khách hàng không?”

“Ý tôi là các sản phẩm giống thế. Và không, chúng tôi không có hồ sơ khách hàng.”

Thêm vài câu hỏi nữa, Sachs cuối cùng cũng buộc ông phải thừa nhận rằng có hồ sơ đặt hàng qua thư và bán trên mạng. Tuy nhiên, khi cô gái trẻ kiểm tra những thứ đó, không thấy ai mua bất cứ món gì trong danh sách bằng chứng.

“Xin lỗi,” Balzac nói. “Giá mà chúng tôi có thể giúp được nhiều hơn.”

“Các vị biết đấy, tôi cũng ước các vị có thể giúp được nhiều hơn,” Sachs nói, nghiêng người về phía trước. “Vì xem nào, gã này đã giết một phụ nữ và trốn thoát bằng cách sử dụng những trò ảo thuật. Và chúng tôi e rằng gã sẽ lại làm thế lần nữa.”

Nhíu mày lo ngại, Balzac nói, “Thật kinh khủng… Cô biết đấy, cô có thể ghé thử chỗ East Side Magic and Theatrical. Họ lớn hơn

chúng tôi."

"Chúng tôi đã cử một cảnh sát tới đó ngay lúc này rồi."

"À, thế đấy."

Cô im lặng một nhịp. Rồi nói: "À, nếu ông có thể nghĩ ra bất cứ điều gì, thì tôi rất mong ông sẽ gọi." Nở nụ cười lấy lòng của một người công bộc tốt tính, một nụ cười kiểu trung sĩ NYPD ("Hãy nhớ: mối quan hệ với dân cũng quan trọng như các cuộc điều tra tội phạm.")

"Chúc may mắn, sĩ quan," Balzac nói.

"Cảm ơn," cô nói.

Gã khốn vô cảm.

Cô gật đầu tạm biệt cô gái và liếc nhìn chiếc cốc giấy mà cô ấy đang nhấp từng ngụm.

"Này, có chỗ nào quanh đây có cà phê ngon không?"

"Góc đường 5 và 19," cô đáp.

"Bánh mì vòng cũng ngon," Balzac nói, giờ tỏ ra có ích khi không có rủi ro gì, hay không cần nỗ lực.

Khi đã ra ngoài, Sachs rẽ về phía đại lộ Năm và tìm thấy quán cà phê được gợi ý. Cô bước vào trong và mua một ly cappuccino. Cô tựa vào quầy bar hẹp bằng gỗ gụ phía trước cửa sổ lốm đốm, nhấp từng ngụm đồ uống nóng và dõi theo mọi người ở khu Chelsea trong một sáng thứ Bảy – những người bán hàng ở các cửa hàng quần áo trong khu vực, những thợ chụp ảnh quảng cáo và trợ lý của họ, những người trẻ tuổi giàu có sống trong các căn nhà áp mái khổng lồ, những nghệ sĩ nghèo khó, những cặp đôi trẻ và già, một, hai kẻ kỳ lạ đang cắm cúi ghi chép.

Và một nhân viên bán hàng của cửa hàng ảo thuật, lúc này đang bước vào quán cà phê.

"Chào," cô gái với mái tóc ngắn màu đỏ - tím nói, đeo một chiếc xắc giả lông ngựa vằn ngang vai. Cô gọi một ly cà phê lớn, đổ đường rồi đến ngồi cạnh Sachs ở quầy bar.

Ở tiệm Smoke & Mirrors, viên nữ cảnh sát đã hỏi về tiệm cà phê vì cái liếc mắt đầy ẩn ý của người trợ lý đã đánh động Sachs; có vẻ

như cô muốn nói gì đó khi không có mặt Balzac.

Uống cốc cà phê như thể đang khát lắm, cô gái nói, "Vấn đề của David là..."

"Việc ông ta không hợp tác hả?"

Một cái nhíu mày cân nhắc. "Phải. Nói thế cũng khá đúng. Ông ấy không tin tưởng và không muốn tham gia vào bất cứ chuyện gì bên ngoài thế giới của ông ấy. Ông ấy sợ là chúng tôi phải làm nhân chứng hay sao đấy. Tôi thì không được phân tâm."

"Khỏi chuyện gì?"

"Nghề nghiệp chuyên môn."

"Ảo thuật hả?"

"Phải. Cô thấy đấy, ông ấy đại khái là người hướng dẫn hơn là sếp của tôi."

"Tên cô là gì?"

"Kara. Đó là nghệ danh nhưng tôi cũng chủ yếu dùng tên đó."

Một nụ cười đau đớn. "Hay hơn tên mà cha mẹ đã tử tế đặt cho tôi."

Sachs nhướng mày tò mò.

"Chúng ta sẽ coi đó là một bí mật."

"Vậy," Sachs nói, "tại sao cô lại nhìn tôi như thế lúc nãy khi ở cửa hàng?"

"David có lý về danh sách đó. Cô có thể mua những thứ đó ở bất kỳ đâu, bất kỳ cửa hàng nào. Trên Internet có hàng trăm chỗ bán. Nhưng còng tay kiểu Darby ư? Thứ đó hiếm có. Cô nên gọi cho Bảo tàng Houdini và Nghệ thuật Thoát hiểm ở New Orleans. Đó là nơi tuyệt nhất trên thế giới. Tôi có biểu diễn nghệ thuật thoát hiểm. Dù tôi không nói với ông ấy." Sự nhấn mạnh đầy kính trọng với đại từ chỉ người thứ ba. "David có phần bảo thủ... Cô có thể cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra không? Vụ giết người ấy?"

Thường thận trọng về những gì mình nói liên quan tới vụ án đang điều tra, nhưng Sachs biết họ cần sự giúp đỡ nên đã nói sơ qua về vụ giết người và trốn thoát với Kara.

“Ôi, thật kinh khủng,” cô gái trẻ thì thầm.

“Phải,” Sachs nhẹ nhàng đáp lại. “Quả là thế.”

“Cái cách gã biến mất? Có điều này cô phải biết, sĩ quan – Đợi đã, tôi phải gọi cô là ‘sĩ quan’? Hay cô là thanh tra cảnh sát?”

“Amelia là được rồi.” Cô tận hưởng kỷ niệm ngắn ngủi về việc cô đã tạo được ấn tượng thế nào trong bài sát hạch.

Pằng, pằng…

Kara uống thêm cà phê, thấy rằng nó không đủ ngọt và mở nắp lọ đường đổ thêm vào. Sachs theo dõi đôi tay khéo léo của người phụ nữ trẻ rồi liếc nhìn xuống móng tay của mình, hai móng đã rách, lớp biểu bì rướm máu. Móng tay của cô gái kia được giũa hoàn hảo và lớp sơn đen bóng phản xạ lại ánh đèn trên đầu như một bức tiểu họa. Chút nhói đau vì ghen tị – với bộ móng và sự tự kiểm soát khiến chúng hoàn hảo như thế – bùng lên trong chốc lát rồi nhanh chóng bị Amelia Sachs dập tắt.

Kara hỏi, “Cô có biết ảo thuật là gì không?”

“David Copperfield[26],” Sachs đáp, nhún vai. “Houdini.”

---

[26] David Copperfield, tên thật là David Seth Kotkin, sinh năm 1956, ảo thuật gia người Mỹ thành công về mặt thương mại nhất trong lịch sử.

“Copperfield, phải. Houdini, không – ông ấy là nghệ sĩ thoát hiểm. Ảo thuật khác với các trò nhanh tay lẹ mắt hay các trò làm ở khoảng cách gần, chúng tôi gọi chúng thế. Thế này này…” Kara giơ một đồng hai mươi lăm xu lên, tiền thừa khi mua cà phê. Cô nắm bàn tay lại và khi cô mở ra đồng xu đã biến mất.

Sachs cười lớn. Nó đã biến đi chỗ quái nào nhỉ?

“Đấy là nhanh tay lẹ mắt. Ảo thuật là những trò bao gồm các vật thể lớn, con người hay động vật. Những gì cô vừa mô tả, điều mà kẻ sát nhân làm, là một trò ảo thuật kinh điển. Nó được gọi là Người biến mất.”

“Người vô hình sao?”

“Không, Người biến mất. Trong ảo thuật, chúng tôi dùng chữ ‘biến mất’ để chỉ việc ‘làm cho không còn ở đó nữa.’ Giống như, ‘Tôi vừa

làm biến mất đồng xu.'"

"Nói tiếp đi."

"Cách trình diễn thường hơi khác so với những gì cô đã mô tả, nhưng về cơ bản nó là việc ảo thuật gia ra khỏi một căn phòng bị khóa. Khán giả thấy anh ta bước vào căn phòng nhỏ trên sân khấu – họ có thể thấy được phía sau vì có một tấm gương lớn ở đằng sau. Họ nghe tiếng anh ta đập tay vào tường. Những người trợ lý kéo bức tường xuống và anh ta đã biến mất. Rồi một người trợ lý quay lại và hóa ra đó là ảo thuật gia."

"Thực hiện thế nào?"

"Có một cánh cửa ở sau căn phòng. Ảo thuật gia trùm lên người một mảnh lụa lớn màu đen để khán giả không thể thấy anh ta trong gương rồi thoát ra qua cửa sau ngay khi anh ta vừa bước vào phòng. Có một cái loa ở trong tường để tạo ra âm thanh như thể anh ta ở trong đó suốt và một thiết bị đập vào tường để nghe như thể anh ta đang đập tay vào. Một khi ảo thuật gia đã thoát ra ngoài, anh ta nhanh chóng thay đồ đằng sau tấm vải thành quần áo giống của một người trợ lý."

Sachs gật đầu. "Ra là thế, được rồi. Liệu chúng tôi có thể có một danh sách rút gọn những người biết tiết mục đó không?"

"Không, xin lỗi. Nó khá là phổ biến."

Người biến mất…

Sachs nhớ lại rằng kẻ sát nhân đã thay đổi vẻ ngoài rất nhanh để trở thành một người đàn ông lớn tuổi hơn, nhớ lại cả việc Balzac không hợp tác và cái nhìn lạnh lùng trong mắt ông – gần như là thích thú một cách độc ác – khi ông nói chuyện với Kara. Cô hỏi, "Tôi cần hỏi câu này. Ông ấy ở đâu vào sáng nay?"

"Ai cơ?"

"Ông Balzac."

"Ở đây. Ý tôi là trong tòa nhà này. Ông ấy sống ở đây, phía trên cửa hàng… Đợi đã, cô không nghĩ là ông ấy có liên quan chứ?"

"Đó là những câu mà chúng tôi phải hỏi," Sachs nói mà không khẳng định gì cả. Tuy nhiên, người phụ nữ trẻ có vẻ buồn cười hơn là tức giận vì câu hỏi đó. Cô cười lớn. "Nghe này, tôi biết ông

ấy càu nhàu và khó chịu… Tôi đoán rằng cô sẽ thấy bực, cô biết đấy. Xấu tính. Nhưng ông ấy không bao giờ làm hại ai hết."

Sachs gật đầu nhưng rồi vẫn hỏi, "Dẫu vậy, cô biết ông ấy ở đâu lúc tám giờ sáng nay chứ?"

Kara gật đầu. "Có, ông ấy ở trong cửa hàng. Ông ấy tới sớm vì vài người bạn trong thành phố đang thực hiện một buổi trình diễn và cần mượn một số thiết bị. Tôi đã gọi cho ông ấy để báo rằng tôi tới muộn một chút."

Sachs gật đầu. Rồi một lát sau lại hỏi, "Cô có thể nghỉ thêm chút nữa không?"

"Tôi hả? Ôi, không đời nào." Một tiếng cười lớn xấu hổ. "Tôi lẻn ra lúc này là may mắn lắm rồi. Có cả nghìn thứ phải làm ở cửa hàng. Rồi tôi phải diễn thử ba hoặc bốn tiếng với David cho một buổi tôi sẽ diễn vào ngày mai. Ông ấy không để tôi nghỉ ngơi vào ngày trước khi trình diễn. Tôi…"

Sachs nhìn thẳng vào đôi mắt xanh thẳm của người phụ nữ. "Chúng tôi thực sự lo ngại rằng kẻ này sẽ lại giết người nữa."

Mắt Kara lướt qua quầy bar bằng gỗ gụ nhớp nháp.

"Làm ơn. Chỉ vài tiếng thôi. Xem qua bằng chứng với chúng tôi. Hãy cân nhắc."

"Ông ấy sẽ không cho đâu. Cô không biết David rồi."

"Tôi chỉ biết là tôi sẽ không để ai khác tiếp tục bị thương nếu tôi có bất cứ cách nào ngăn chặn điều đó."

Kara uống nốt ly cà phê của cô và nghịch chiếc cốc một cách lơ đễnh. "Dùng việc trình diễn để giết người," cô thì thầm với giọng khó chịu.

Sachs không nói gì và để sự im lặng lên tiếng thay cho mình. Cuối cùng cô gái trẻ nhăn nhó. "Mẹ tôi đang ở nhà dưỡng lão. Bà cứ ra vào bệnh viện liên tục. Ông Balzac biết điều đó. Tôi nghĩ tôi có thể nói với ông ấy là phải vào xem bà thế nào."

"Chúng tôi thực sự cần cô giúp."

"Ôi, ôi. Lấy cớ mẹ ốm… Chúa sẽ không thứ lỗi cho tôi vì chuyện này đâu."

Sachs liếc xuống những chiếc móng tay màu đen hoàn hảo của Kara. “Này, có một chuyện: Điều gì đã xảy ra với đồng hai mươi lăm xu đó vậy?”

“Nhìn dưới ly cà phê của cô đi,” cô gái đáp.

Không thể nào. “Vô lý.”

Sachs nhấc chiếc ly lên. Đồng xu nằm ở đó.

Nữ cảnh sát bối rối hỏi, “Làm sao cô làm được thế?”

Câu trả lời của Kara là một nụ cười bí ẩn. Cô hất đầu về phía dãy cốc. “Gọi hai ly mang đi đi.” Cô nhặt đồng xu lên. “Ngửa thì cô mua, sấp thì tôi trả. Ba đồng xem ai thắng hai.” Cô tung đồng xu lên không trung.

Sachs gật đầu. “Chơi.”

Cô gái trẻ bắt lấy đồng xu và liếc nhìn vào bàn tay nắm lại của mình. Cô ngước lên. “Chúng ta đã nói là ba thắng hai đúng không?”

Sachs gật đầu.

Kara mở các ngón tay ra. Bên trong là hai đồng mười xu và một đồng năm xu. Các đồng mười xu ngửa. Không thấy đồng hai mươi lăm xu đâu. “Tôi đoán là cô phải trả rồi.”

Chương tám

Lincoln, đây là Kara."

Cô ta đã được cảnh báo trước, Rhyme có thể thấy điều đó, nhưng cô gái trẻ vẫn ngạc nhiên trong chớp mắt và liếc qua anh với Cái nhìn đấy. Thứ mà anh biết quá rõ. Đi kèm là Nụ cười đấy.

Đó là kiểu đừng-nhìn-chằm-chằm-vào-cơ-thể-anh-ta lừng danh, đi kèm là nụ cười gượng gạo à-tôi-thấy-rồi-anh-bị-khuyết-tật.

Và Rhyme biết cô đang đếm ngược tới khi có thể thoát khỏi sự hiện diện của anh.

Cô gái trẻ hoạt bát tiến sâu hơn vào phòng chờ của phòng thí nghiệm trong căn nhà phố của Rhyme. "Chào. Hân hạnh được gặp anh." Đôi mắt vẫn nhìn thẳng vào mắt anh. Ít ra cô ấy không bắt đầu với việc hơi cúi người về phía trước, một cử chỉ nói với anh rằng cô đang kiềm lại một đề nghị bắt tay rồi rúm ró lại kinh hoàng vì hành động lỡ làng đấy.

Được rồi, Kara. Đừng lo. Cô có thể trao cho kẻ tật nguyền này hiểu biết của cô rồi thoát ra khỏi đây.

Anh nở một nụ cười lấy lòng, hợp với nụ cười của cô và nói anh cũng rất vui được gặp mặt.

Ở phương diện chuyên môn thì ít ra điều này không phải là giễu cợt – hóa ra Kara là ảo thuật gia duy nhất họ mời được. Không nhân viên nào ở các cửa hàng khác trong thành phố giúp được gì – và tất cả đều có bằng chứng ngoại phạm vào thời gian xảy ra vụ giết người.

Cô được giới thiệu với Lon Sellitto và Mel Cooper. Thom gật đầu chào và làm điều anh vẫn làm, dù Rhyme có muốn anh làm hay không: mời nước.

“Chúng ta không phải đang ở sự kiện xã hội tại nhà thờ, Thom,” Rhyme lẩm bẩm.

Kara nói không, mọi thứ ổn, nhưng Thom vẫn khăng khăng.

“Cà phê được không?” Cô hỏi.

“Có ngay.”

“Đen. Đường. Gấp đôi đường nhé?”

“Chúng tôi thực ra…” Rhyme bắt đầu.

“Cho cả phòng,” người trợ lý tuyên bố. “Tôi sẽ pha một bình. Lấy thêm một ít bánh mì vòng nữa.”

“Bánh mì vòng hả?” Sellitto hỏi.

“Anh có thể mở nhà hàng trong lúc rảnh đấy,” Rhyme quát người trợ lý. “Đưa nó ra khỏi chế độ của anh đi.”

“Lúc nào mới rảnh hả?” Anh chàng tóc vàng độp lại. Anh đi về phía nhà bếp.

“Cảnh sát Sachs,” anh nói tiếp với Kara, “cho chúng tôi biết rằng cô có một số thông tin mà cô nghĩ có thể có ích.”

“Tôi hy vọng thế.” Một cái nhìn đầy tò mò khác hướng về phía Rhyme. Cái nhìn đấy. Lần này gần hơn. Ôi vì Chúa, cứ nói ra đi. Hỏi tôi xem đã có chuyện gì xảy ra. Hỏi tôi xem nó có đau không. Hỏi tôi xem việc đi tiểu vào ống thì như thế nào.

“Này, chúng ta gọi gã là gì nhỉ?” Sellitto gõ lên trên tấm bảng trắng tập hợp các bằng chứng. Cho tới khi nhân thân của đối tượng – hay “đối tượng chưa biết” – được sáng tỏ, nhiều nhân viên công vụ đặt cho hung thủ biệt danh. “‘Nhà ảo thuật’ thì sao?”

“Không, nghe hiền quá,” Rhyme nói, nhìn vào những bức ảnh nạn nhân. “‘Gã phù thủy’ thì sao?” Tự anh cũng thấy ngạc nhiên vì đã đưa ra một đề nghị đậm chất ngẫu hứng như thế.

“Ổn với tôi.”

Bằng chữ viết tay kém thanh thoát hơn hẳn so với Thom, tay thanh tra viết những từ đó lên trên cùng của biểu đồ.

Gã phù thủy…

“Giờ cùng xem xem chúng ta có thể làm gã xuất hiện không nào,” Rhyme nói.

Sachs nói, “Nói với họ về *Người biến mất* đi.”

Cô gái trẻ vuốt tay lên mái tóc ngắn như con trai của mình khi cô mô tả lại trò biểu diễn ảo thuật nghe gần giống với những gì Gã phù thủy đã làm ở trường dạy nhạc.

Tuy nhiên, cô bổ sung một tin xấu là hầu hết các ảo thuật gia đều biết trò đó.

Rhyme hỏi, “Cho chúng tôi vài ý tưởng về việc gã có thể làm trò đó như thế nào. Các kỹ thuật ấy. Để chúng tôi biết cần phải chờ đợi gì nếu gã nhắm tới một người khác.”

“Anh muốn tôi bật mí hả?” “Bật gì…?”

“Bật mí,” Kara nói, rồi giải thích: “Là thế này, mọi trò ảo thuật đều bao gồm một hiệu ứng và một phương pháp. Hiệu ứng là những gì khán giả thấy. Anh biết đấy: cô gái lơ lửng trong không trung, những đồng xu rơi xuyên qua một chiếc bàn cứng. Phương pháp là cơ chế về cách thức ảo thuật gia làm điều đó – các sợi dây để giữ cô gái, nắm chặt đồng xu trong tay rồi làm rơi những đồng xu khác từ một hộp bí mật dưới bàn.”

Hiệu ứng và phương pháp, Rhyme suy nghĩ. Khá giống với những gì tôi làm: hiệu ứng là bắt được hung thủ khi điều đó có vẻ là không thể. Phương pháp là khoa học và logic cho phép chúng tôi làm điều đó.

Kara nói tiếp, “Bật mí có nghĩa là tiết lộ phương pháp của một trò biểu diễn. Như việc tôi vừa làm – giải thích cách thức trò Người biến mất diễn ra. Đó là một chuyện nhạy cảm – ông Balzac, thầy tôi, rất ghét những ảo thuật gia bật mí cho công chúng và tiết lộ phương pháp của người khác.”

Thom bê một chiếc khay vào phòng. Anh rót cà phê cho những người muốn uống. Kara đổ đường vào ly của cô rồi uống rất nhanh, dù Rhyme thấy nó còn nóng bỏng miệng. Anh liếc nhìn chai Macallan Single Malt 18 ở kệ sách bên kia phòng. Thom để ý thấy ánh mắt anh và nói, “Mới là giữa buổi sáng thôi. Đừng hòng nghĩ tới chuyện đó.”

Sellitto cũng thèm thuồng nhìn những chiếc bánh mì vòng. Anh chỉ dám ăn nửa cái. Không có phô mai kem. Anh trông thật đau

đớn với mỗi miếng cắn.

Họ điểm lại từng bằng chứng một với Kara, cô nghiên cứu chúng cẩn thận và đưa ra thêm một tin xấu là có hàng trăm nguồn cho hầu hết các món đồ này. Sợi thừng dùng trong một trò đổi màu dây thừng, có bán ở FAO Schwarz cũng như các cửa hàng đồ ảo thuật trên cả nước. Nút thắt là kiểu Houdini từng dùng trong những tiết mục của ông khi ông sắp sửa cắt dây để trốn thoát; nó khiến nghệ sĩ trình diễn đã bị trói gần như không thể cởi ra được.

"Ngay cả khi không có còng tay," Kara nhẹ nhàng nói, "cô gái đó cũng không có cơ hội thoát ra được."

"Thứ đó có hiếm không? Nút thắt ấy?"

Cô giải thích rằng bất kỳ ai có kiến thức cơ bản về màn biểu diễn của Houdini đều sẽ biết nút thắt đó.

Dầu thầu dầu trong đồ trang điểm, Kara nói tiếp, có nghĩa là gã đã sử dụng những đồ mỹ phẩm sân khấu rất thật và bền, và nhựa cao su, đúng như Rhyme đã nghi ngờ, là từ những chiếc bọc ngón tay giả, vốn cũng là một dụng cụ phổ biến của ảo thuật gia. Chất alginate, Kara nói, không phải là từ dụng cụ nha sĩ mà được sử dụng để tạo khuôn cho việc đổ cao su, có thể là cho những chiếc bọc ngón tay hay mũ chụp giả hói đầu mà gã đội để đóng làm người gác cổng. Mực vô hình thì có hơi lạ hơn, dù một số ảo thuật gia thỉnh thoảng có sử dụng nó trong các buổi biểu diễn của họ.

Cô giải thích rằng chỉ có vài thứ là độc nhất: bảng mạch điện tử (mà cô gọi là một "mánh," một đạo cụ mà khán giả không thể nhìn thấy được) chẳng hạn. Nhưng gã đã tự làm ra cái đó. Chiếc còng tay Darby cũng là đồ hiếm. Rhyme đã nhờ một người kiểm tra tại Bảo tàng Nghệ thuật Thoát hiểm ở New Orleans mà Kara từng nhắc đến. Sachs đề nghị họ đưa các cảnh sát đã phản ứng ở hiện trường, Franciscovich và Ausonio nhập cuộc theo đề xuất hỗ trợ của chính họ. Đây sẽ là kiểu nhiệm vụ hoàn hảo cho một cặp sĩ quan trẻ háo hức. Rhyme đồng ý và Sellitto sắp xếp chuyện đó qua người đứng đầu Đơn vị Tuần tra.

"Còn việc gã trốn thoát thì sao?" Sellitto nói. "Gã làm thế nào mà thay sang bộ đồ gác cổng nhanh như thế."

"Cái đó gọi là 'ảo thuật biến y,'" Kara nói. "Thay đồ thật nhanh. Đó là vấn đề mà tôi đã nghiên cứu nhiều năm. Tôi chỉ sử dụng nó như một phần kỹ thuật trong các buổi biểu diễn, nhưng có một số người chuyên làm việc đó. Nó rất kỳ diệu. Tôi đã xem Arturo

Brachetti vài năm trước. Ông ấy có thể thay ba bốn chục bộ khác nhau trong một buổi diễn – một số trong chưa tới ba giây."

"Ba giây sao?"

"Phải. Và quý vị biết đấy, những nghệ sĩ biến y đích thực không chỉ thay đồ. Họ còn là những diễn viên nữa. Cách họ đi lại, tư thế khác, nói năng đều khác. Gã sẽ chuẩn bị mọi thứ từ trước. Quần áo là đồ tách ra được – chúng được đính với nhau bằng các khóa kéo hay khóa dán Velcro. Việc thay quần áo nhanh thực sự là lột đồ nhanh. Và chúng được làm bằng lụa hay ni-lông, rất mỏng, để người biểu diễn có thể mặc nhiều lớp. Tôi đôi khi mặc năm lớp đồ dưới lớp quần áo ngoài cùng."

"Lụa à?" Rhyme hỏi. "Chúng tôi tìm thấy những sợi lụa màu xám này," anh giải thích. "Các cảnh sát ở hiện trường báo rằng người gác cổng mặc đồng phục xám. Những sợi này đã sờn – kiểu như được đánh bóng để tạo bề mặt xỉn màu."

Kara gật đầu. "Để chúng nhìn như sợi bông hay lanh, không lấp lánh. Chúng tôi cũng sử dụng mũ và valy gấp lại được, đồ che giày, ô có thể gập gọn được, đủ thứ đạo cụ mà chúng tôi giấu trên người. Tóc giả nữa, tất nhiên."

Cô nói tiếp, "Để thay đổi một khuôn mặt, điều quan trọng nhất là lông mày. Thay đổi nó thì khuôn mặt sẽ khác đi sáu mươi, bảy mươi phần trăm. Rồi gắn thêm vài bộ phận giả – chúng tôi gọi đó là 'thiết bị': những dải và miếng đệm cao su dán bằng keo. Những người trình diễn thay đồ nhanh nghiên cứu cấu trúc khuôn mặt cơ bản của các chủng tộc và giới tính. Một nghệ sĩ biến y giỏi biết những tỉ lệ của khuôn mặt phụ nữ so với khuôn mặt đàn ông và có thể thay đổi giới tính chỉ trong vài giây. Chúng tôi nghiên cứu phản ứng tâm lý với những khuôn mặt và tư thế – để có thể trở nên xinh đẹp, xấu xí, đáng sợ, dễ thương hay khốn khổ. Đủ mọi kiểu."

Các bí quyết ảo thuật thật thú vị, nhưng Rhyme muốn những đề xuất cụ thể. "Có thứ gì chắc chắn cô có thể nói với chúng tôi để giúp tìm ra gã không?"

Cô lắc đầu. "Tôi không thể nghĩ được gì có thể dẫn quý vị tới một cửa hàng hay nơi chốn cụ thể. Nhưng tôi có một vài suy nghĩ."

"Nói đi."

"À, việc gã sử dụng dây thừng màu và bọc ngón tay khiến tôi nghĩ

gã quen thuộc với những trò nhanh tay lẹ mắt. Điều đó có nghĩa là gã sẽ giỏi móc túi, giấu súng hay dao hay những thứ tương tự. Trộm chìa khóa và giấy tờ tùy thân của mọi người. Gã cũng biết thay đồ nhanh và rõ ràng đó là một rắc rối với quý vị. Nhưng quan trọng hơn – trò Người biến mất, dây dẫn cháy và pháo ném, mực vô hình, lụa đen, ánh đèn chớp… tất cả có nghĩa gã là một ảo thuật gia được đào tạo theo kiểu cổ điển."

Cô giải thích sự khác biệt giữa một nghệ sĩ nhanh tay lẹ mắt và một ảo thuật gia đích thực, với những màn trình diễn có con người và các vật thể lớn.

"Tại sao điều này lại quan trọng với chúng tôi?"

Kara gật đầu. "Vì ảo thuật không chỉ là những kỹ xảo bên ngoài. Nhà ảo thuật nghiên cứu tâm lý của khán giả và tạo ra những tiết mục để đánh lừa họ – không chỉ đôi mắt mà cả tâm trí họ nữa. Cái ảo thuật gia muốn không phải là làm quý vị cười vì một đồng xu biến mất; họ muốn khiến quý vị tin từ trong thâm tâm rằng mọi thứ quý vị thấy và tin là thế này trong khi thực ra là ngược lại. Có một điều quý vị luôn phải lưu ý. Không bao giờ được quên."

"Điều gì?" Rhyme hỏi.

"Sự đánh lạc hướng… Ông Balzac nói đó là trái tim và linh hồn của ảo thuật. Quý vị chắc đã nghe câu tay nhanh hơn mắt? Thực ra không phải như thế. Mắt luôn luôn nhanh hơn. Vậy nên nhà ảo thuật đánh lừa cặp mắt không để nó chú ý tới những gì bàn tay đang làm."

"Ý cô là giống đánh lạc hướng, sự phân tâm hả?" Sellitto hỏi.

"Một phần là thế. Đánh lạc hướng là hướng sự chú ý của khán giả tới nơi mà ta muốn và ra khỏi nơi mà ta không muốn. Có rất nhiều quy tắc ông ấy buộc tôi phải thuộc – như việc khán giả không để ý tới sự quen thuộc, nhưng lại bị thu hút bởi sự mới lạ. Họ không chú ý tới hàng loạt những thứ giống nhau, mà tập trung vào một thứ khác biệt. Họ bỏ qua những đồ vật hay con người đứng yên nhưng lại bị thu hút bởi sự chuyển động. Ta muốn làm một thứ vô hình ư? Hãy lặp lại thứ đó bốn hay năm lần và rất nhanh thôi, khán giả sẽ thấy chán và sự chú ý của họ sẽ tản mát dần. Họ có thể đang nhìn chằm chằm vào tay ta đấy nhưng không thấy được ta đang làm gì. Đó là lúc ta ra tay.

"Được rồi, có hai loại đánh lạc hướng mà gã có thể sử dụng: trước hết, đánh lạc hướng vật lý. Xem nhé." Kara bước lại gần Sachs và

nhìn chằm chằm vào bàn tay phải của mình khi cô nâng nó lên từ từ và chỉ vào tường, rồi liếc nhìn. Rồi cô hạ bàn tay xuống. "Thấy không, quý vị nhìn vào cánh tay tôi và nơi tôi chỉ. Phản ứng hoàn toàn tự nhiên. Nên quý vị có vẻ không để ý rằng tay trái của tôi đã lấy được khẩu súng của Amelia."

Sachs hơi nhảy lên khi cô liếc xuống và thấy, quả thật, những ngón tay của Kara đã nâng khẩu Glock ra khỏi bao.

"Cẩn thận đấy," Sachs nói, cho lại khẩu súng vào bao.

"Giờ hãy nhìn vào góc đó." Cô lại chỉ bằng tay phải. Tuy nhiên, lần này thật tự nhiên, Rhyme và những người khác trong phòng lại nhìn vào tay trái của Kara.

"Để ý tay trái của tôi, đúng không?" Cô cười lớn. "Nhưng quý vị lại không để ý chân tôi, đang đẩy thứ màu trắng này ra đằng sau bàn."

"Một cái bô," Rhyme nói chua chát, bực tức vì mình lại bị lừa, nhưng cảm thấy anh đã ghi được vài điểm khi nhắc tới bản chất không lấy làm tinh tế của thứ đồ vật mà cô đã di chuyển.

"Thật sao?" Cô hỏi, không hề lúng túng. "Nó không chỉ là một cái bô; nó còn là sự đánh lạc hướng. Vì ngay lúc này khi quý vị đang nhìn nó, tôi đã lấy được thứ này bằng tay mình. Đây này," cô nói. "Thứ này có quan trọng không?" Cô trả lại quả lựu đạn hơi cay cho Sachs.

Nữ cảnh sát nhíu mày, nhìn xuống thắt lưng chuyên dụng của cô để xem còn mất thứ gì không và lắp quả lựu đạn vào.

"Vậy đó là sự đánh lạc hướng vật lý. Tương đối dễ. Loại thứ hai là đánh lạc hướng tâm lý. Loại này khó hơn. Khán giả không ngốc. Họ biết ta sẽ đánh lừa họ. Ý tôi là đấy là lý do tại sao họ tới xem trình diễn mà, đúng không? Vì thế ta phải cố gắng giảm hay loại bỏ sự nghi ngờ của khán giả. Điều quan trọng nhất trong đánh lạc hướng tâm lý là hành động một cách tự nhiên. Ta cư xử và nói những điều nhất quán với những gì khán giả chờ đợi. Nhưng phía dưới bề mặt đó, ta sẽ diễn trò..." Giọng cô yếu dần khi cô nhận ra mình đang sắp sửa sử dụng từ đó để mô tả cái chết của nữ sinh viên trẻ sáng nay.

Kara nói tiếp, "Ngay khi ta làm điều gì đó không tự nhiên, khán giả sẽ để ý. Được rồi, tôi nói là tôi sẽ đọc tâm trí cô và tôi làm thế này." Kara đặt tay lên thái dương của Sachs và nhắm mắt lại trong

giây lát.

Cô bước ra xa và đưa lại cho Sachs chiếc hoa tai cô vừa lấy từ tai trái của viên nữ cảnh sát.

"Tôi chẳng cảm thấy gì cả."

"Nhưng khán giả sẽ biết ngay lập tức cách tôi làm – vì chạm vào một người trong khi cố tình đọc tâm trí, điều mà hầu hết mọi người không tin, vì nó không tự nhiên. Nhưng nếu tôi nói một phần của trò diễn là tôi sẽ thầm thì một từ sao cho không ai khác nghe được..." Cô nghiêng người gần lại tai của Sachs, tay phải che miệng. "Thấy không, đó là một cử chỉ tự nhiên."

"Cô đã không lấy được cái hoa tai kia," Sachs nói, cười lớn; cô đã giơ tay lên che tai lại khi Kara bước tới gần.

"Nhưng tôi đã làm biến mất vòng đeo cổ của cô."

Ngay cả Rhyme cũng không khỏi ấn tượng và thích thú, chứng kiến Sachs chạm tay vào cổ rồi ngực cô, miệng mỉm cười nhưng trong lòng lo lắng vì cứ mất đồ mãi. Sellitto cười lớn như một đứa trẻ và Mel Cooper bỏ hết đống bằng chứng để xem màn trình diễn. Viên nữ cảnh sát nhìn quanh tìm trang sức rồi lại nhìn Kara, người chìa bàn tay phải trống không ra. "Mất rồi," cô lặp lại.

"Nhưng," Rhyme nói đầy ngờ vực, "Tôi có để ý là tay trái cô nắm lại đằng sau lưng. Đây là một cử chỉ không tự nhiên. Nên tôi cho rằng chiếc dây chuyền đang ở trong đó."

"A, anh giỏi đấy," Kara nói. Rồi cô cười lớn. "Nhưng không giỏi trong việc bắt bài, tôi e là thế." Cô mở bàn tay trái ra và nó cũng trống không.

Rhyme cau có bực tức.

"Nắm bàn tay trái lại và không để mọi người nhìn thấy ư? Chà, đó là sự đánh lạc hướng quan trọng nhất. Tôi làm thế vì tôi biết anh đã để ý nó và sẽ tập trung sự chú ý vào bàn tay trái của tôi. Chúng tôi gọi đấy là "ép nhìn." Tôi ép anh nghĩ rằng anh đã nhận ra phương pháp của tôi. Và ngay khi anh làm thế, tư duy của anh dừng lại và anh thôi cân nhắc bất kỳ lời giải thích nào khác với những gì diễn ra. Và khi anh – và tất cả mọi người khác – nhìn chằm chằm vào tay trái tôi, tôi có cơ hội bỏ sợi dây chuyền vào túi của Amelia."

Sachs thò tay vào túi và lấy sợi dây chuyền ra.

Cooper vỗ tay. Rhyme càu nhàu bực bội nhưng bị ấn tượng. Kara hất đầu về phía bảng bằng chứng. "Vậy nên, đó là những gì gã sẽ làm, kẻ sát nhân ấy. Đánh lạc hướng. Quý vị nghĩ mình đã hiểu gã định làm gì, nhưng đó lại là một phần kế hoạch của gã. Giống như tôi, gã sẽ sử dụng sự nghi ngờ của quý vị – và sự thông minh của quý vị – để chống lại chính quý vị. Thật ra, gã cần sự nghi ngờ và thông minh đó để trò diễn của gã có hiệu quả. Ông Balzac nói những nhà ảo thuật giỏi nhất thao túng màn trình diễn của họ giỏi tới mức họ sẽ chỉ thẳng ra phương pháp của mình, chỉ thẳng những điều họ sẽ thực sự làm. Nhưng quý vị sẽ không tin. Quý vị sẽ nhìn về hướng ngược lại. Khi điều đó xảy ra, quý vị bị mắc lừa. Quý vị đã thua và họ đã thắng."

Việc nhắc tới ông thầy dạy có vẻ làm cô khó chịu và cô liếc mắt nhìn chiếc đồng hồ rồi hơi nhăn mặt. "Tôi thực sự phải quay về rồi. Tôi đã đi lâu quá."

Sachs cảm ơn Kara, và Sellitto nói, "Tôi sẽ lấy xe chở cô về lại cửa hàng."

"À, *gần* cửa hàng thôi. Tôi không muốn ông ấy biết tôi đã ở đâu… À, còn một việc nữa các vị có thể muốn làm. Có một gánh xiếc đang ở trong thành phố. Gánh Cirque Fantastique. Tôi biết là họ có màn thay đồ nhanh. Quý vị có thể muốn tới xem thử."

Sachs gật đầu. "Họ đang dựng rạp ngay bên kia đường trong công viên Trung Tâm."

Công viên thường là nơi diễn ra các nhạc hội ngoài trời quy mô lớn và các chương trình biểu diễn khác vào mùa xuân và mùa hè. Rhyme và Sachs từng có lần "tham dự" một buổi hòa nhạc của Paul Simon[27] bằng cách ngồi trước cửa sổ phòng ngủ căn nhà của nhà tội phạm học.

---

[27] Paul Simon, sinh năm 1941, là ca sĩ, nhạc sĩ nổi tiếng người Mỹ. Ông thành danh từ những năm 1965 với tư cách thành viên của nhóm nhạc hai người huyền thoại Simon & Garfunkel, cùng người bạn lâu năm Art Garfunkel.

Rhyme chế giễu. "Ồ, hóa ra đó là những người đã phát đi phát lại thứ nhạc kinh khủng đấy cả đêm."

"Anh không thích xiếc sao?" Sellitto hỏi.

“Tất nhiên là tôi không thích xiếc,” anh quát. “Ai mà thích được chứ? Đồ ăn dở tệ, những tên hề điên khùng, những kẻ nhào lộn có nguy cơ rơi xuống chết ngay trước mặt trẻ em… Nhưng” – anh quay sang Kara – “đó là một đề xuất hay. Cảm ơn… Mặc dù một người trong chúng tôi lẽ ra phải nghĩ tới chuyện đấy trước rồi,” anh nói cay nghiệt, nhìn qua những người khác trong nhóm.

Rhyme nhìn cô đeo chiếc xắc màu trắng - đen xấu xí qua vai. Thoát khỏi anh, chạy ra ngoài thế giới không có kẻ tật nguyền, mang theo Cái nhìn và Nụ cười đó với cô.

Đừng lo. Cô có thể trao cho kẻ tật nguyền này những hiểu biết của cô rồi thoát khỏi đây.

Cô dừng lại và nhìn vào bảng bằng chứng thêm một lần nữa. Một đám mây mờ che phủ đôi mắt xanh choáng ngợp của cô. Cô bắt đầu bước về phía cửa.

“Đợi đã,” Rhyme nói. Cô quay lại.

“Tôi muốn cô ở lại.”

“Sao cơ?”

“Hợp tác với chúng tôi trong vụ này. Ít ra là hôm nay. Cô có thể đi với Lon hay Amelia để nói chuyện với những người ở rạp xiếc. Và có thể có thêm bằng chứng liên quan tới ảo thuật mà chúng tôi không tìm thấy.”

“Ồ, không. Tôi thực sự không thể. Tôi khó mà nghỉ được lúc này. Tôi không còn nhiều thời gian.”

Rhyme nói, “Chúng tôi cần sự giúp đỡ của cô. Chúng tôi mới chỉ biết sơ qua về gã này.”

“Cô đã gặp ông Balzac rồi đấy,” cô nói với Sachs.

In nomine patri[28]*…*

---

[28] *Tiếng Latinh trong nguyên bản, nghĩa là “Nhân danh Cha…,” là đoạn đầu trong câu nguyện “Nhân danh Cha, Con và Thánh thần” của Thiên Chúa giáo. Ở đây ý nói ông Balzac rất khó tính nên có Chúa chứng giám, ông sẽ không tha cho Kara.*

“Anh biết đấy, Linc,” Sellitto nói không thoải mái, “tốt hơn là

không để quá nhiều người bên dân sự tham gia vào vụ án. Có quy định về chuyện đó."

"Không phải cũng có lần anh nhờ một bác sĩ tâm lý đó sao?" Rhyme hỏi ráo hoảnh.

"Tôi không hề thuê cô ấy. Ai đấy ở tổng hành dinh đã làm việc đó."

"Và rồi anh còn có tay săn chó và..."

"Anh cứ nói là anh này anh kia. Không, tôi không thuê người bên dân sự. Trừ anh. Điều đó đã khiến tôi gặp đủ rắc rối rồi."

"A, anh không bao giờ gặp đủ rắc rối trong nghề cảnh sát đâu, Lon." Anh liếc sang Kara. "Làm ơn. Chuyện này vô cùng quan trọng."

Cô gái trẻ lưỡng lự. "Anh thực sự nghĩ rằng gã sẽ lại tiếp tục giết người?"

"Phải," anh đáp. "Chúng tôi tin thế."

Cuối cùng cô cũng gật đầu. "Nếu tôi bị sa thải, thì ít ra cũng là vì một lý do chính đáng." Rồi cô cười lớn. "Quý vị biết đấy, Robert-Houdin cũng làm chuyện tương tự."

"Là ai vậy?"

"Một nghệ sĩ ảo giác và ảo thuật gia nổi tiếng người Pháp. Ông ấy cũng giúp bên cảnh sát, quân đội Pháp. Một thời gian, tôi không rõ, vào những năm 1800, có những kẻ cực đoan người Algeria, những tay Marabout[29]. Chúng tìm cách khiến các bộ lạc địa phương nổi dậy chống người Pháp và chúng nói mình có phép màu nhiệm. Chính quyền Pháp cử Robert-Houdin sang Algeria để có một màn đấu tay đôi về pháp thuật. Để cho các bộ lạc thấy rằng người Pháp có ma thuật giỏi hơn – quý vị biết đấy, nghĩa là quyền lực hơn. Nó có tác dụng. Robert-Houdin có những trò giỏi hơn những người Marabout." Rồi cô nhíu mày. "Dù tôi nghĩ chúng suýt nữa đã giết ông ấy."

---

[29] Marabout: tức lãnh đạo Hồi giáo ở vùng Tây Phi.

"Đừng lo," Sachs trấn an. "Tôi sẽ đảm bảo rằng chuyện đó không xảy ra với cô."

Rồi Kara nhìn qua biểu đồ bằng chứng. “Quý vị làm chuyện này trong tất cả các vụ hả? Viết ra hết những đầu mối và những điều quý vị đã biết?”

“Đúng vậy,” Sachs xác nhận.

“Tôi có một ý – hầu hết các ảo thuật gia đều chuyên môn hóa. Còn Gã phù thủy này đã làm cả trò thay đồ nhanh và ảo ảnh quy mô lớn. Thật khác thường. Hãy viết ra những kỹ thuật của gã. Điều đó có thể giúp thu hẹp số lượng nghi phạm.”

“Phải,” Sellitto nói, “một hồ sơ. Tốt.”

Cô gái trẻ nhăn mặt. “Và tôi sẽ phải tìm một người thay mình ở cửa hàng. Ông Balzac sẽ đi gặp bạn ông ấy… Ôi trời, ông ấy sẽ không thích chuyện này đâu.” Cô nhìn quanh căn phòng. “Có chiếc điện thoại nào mà tôi dùng được không? Quý vị biết đấy, một trong những chiếc điện thoại đặc biệt ấy?”

“Điện thoại đặc biệt gì cơ?” Thom hỏi.

“À, điện thoại riêng. Để không có ai xung quanh nghe được là ta đang nói dối sếp mình.”

“A, những chiếc điện thoại đó,” người trợ lý nói, quàng tay qua vai cô và chỉ về phía cửa. “Tôi dùng nó ở ngoài hành lang.”

GÃ PHÙ THỦY

Hiện trường tội ác trường Âm nhạc

• Mô tả nghi phạm: Tóc nâu, râu giả, không có gì nổi bật, tầm vóc trung bình, chiều cao trung bình, tuổi: ngoài năm mươi. Ngón đeo nhẫn và ngón út dính lại với nhau. Thay đồ nhanh để giống một người gác cổng lớn tuổi, hói đầu.

• Không có động cơ rõ ràng.

• Nạn nhân: Svetlana Rasnikov.

• Sinh viên âm nhạc toàn thời gian.

• Kiểm tra gia đình, bạn bè, các sinh viên, đồng nghiệp để có thêm đầu mối khả dĩ.

• Không có bạn trai, không có kẻ thù. Trình diễn ở tiệc sinh nhật cho trẻ em.

• Bảng mạch điện tử có gắn loa.

• Đã gửi cho phòng thí nghiệm của FBI, thành phố New York.

• Máy ghi âm kỹ thuật số, có thể chứa giọng nói của nghi phạm. Mọi dữ liệu đã bị hủy.

• Đoạn ghi âm là một "mánh." Tự làm.

• Sử dụng còng tay sắt kiểu cũ để còng nạn nhân.

• Còng tay là loại Darby. Scotland Yard. Kiểm tra với Bảo tàng Houdini ở New Orleans để có thêm đầu mối.

• Phá hủy đồng hồ của nạn nhân vào đúng 8 giờ sáng.

• Dây vải giữ ghế. Loại thường. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Pháo tạo hiệu ứng tiếng súng. Đã bị hủy. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Dây dẫn cháy. Loại phổ biến. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Cảnh sát hiện trường cho biết có đèn nháy trong không trung. Không tìm thấy vật liệu liên quan.

• Là vải chớp sáng hoặc giấy chớp sáng.

• Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Giày của nghi phạm: hiệu Ecco cỡ 10.

• Sợi tơ, nhuộm màu xám, đã xử lý để trở nên mờ xỉn.

• Từ bộ đồ người gác cổng thay nhanh.

• Đối tượng có thể đội tóc giả màu nâu.

• Gỗ hồ đào đỏ và địa y Parmelia, đều được tìm thấy chủ yếu ở công viên Trung Tâm.

• Bụi có dính dầu khoáng khác thường. Đã gửi cho FBI để phân tích.

• Mảnh lụa đen, khoảng 1,8 x 1,2 mét. Được dùng làm vật ngụy

trang. Không thể truy nguồn gốc.

• Các ảo thuật gia thường xuyên sử dụng.

• Đeo bọc ngón tay của ảo thuật gia để giấu vân tay.

• Dấu vết cao su, dầu thầu dầu, mỹ phẩm.

• Đồ hóa trang cho sân khấu.

• Dấu vết alginate.

• Sử dụng trong các "thiết bị" tạo khuôn cao su.

• Vũ khí giết người: dây thừng lụa trắng với lõi là lụa đen.

• Sợi thừng là một trò ảo thuật. Màu sắc thay đổi. Không truy được nguồn gốc.

• Nút thắt khác thường.

• Đã gửi cho FBI và Bảo tàng Hàng hải – không có thông tin gì.

• Các nút thắt giống như trong những màn trình diễn của Houdini, gần như không thể cởi ra.

• Dùng mực vô hình trong sổ đăng ký.

Hồ sơ của ảo thuật gia.

• Nghi phạm sẽ dùng việc đánh lạc hướng để đối phó các nạn nhân và che mắt cảnh sát.

• Đánh lạc hướng về vật lý (để gây phân tâm).

• Đánh lạc hướng về tâm lý (để loại trừ sự nghi ngờ).

• Nghi phạm trốn thoát ở trường Âm nhạc bằng cách thức giống với tiết mục ảo thuật *Người biến mất*. Quá phổ thông để truy nguồn gốc.

• Nghi phạm về cơ bản là một ảo thuật gia.

• Có tài trong thể loại nhanh tay lẹ mắt.

• Cũng biết ảo thuật biến y (thay đồ nhanh). Sẽ sử dụng quần áo tách ra được, ni-lông và lụa, mũ hóa trang hói đầu, bọc ngón tay và các thiết bị cao su khác. Có thể ở bất kỳ độ tuổi, giới tính hay

chủng tộc nào.

CHƯƠNG CHÍN

Họ ngửi thấy rất nhiều mùi khi đi tản bộ: tử đinh hương nở rộ, khói từ những xe bán bánh xoắn pretzel và mùi gà và sườn nướng từ các hộ gia đình, mùi kem bôi làm rám da.

Sachs và Kara chen vào trong khu lều trắng khổng lồ của Cirque Fantastique qua bãi cỏ ẩm ướt của công viên Trung Tâm.

Để ý thấy một cặp đôi đang hôn nhau trên băng ghế, Kara hỏi, "Vậy là anh ấy không chỉ là sếp của cô?"

"Lincoln ư? Phải."

"Tôi có thể nhìn ra… Hai người gặp nhau thế nào?"

"Một vụ án. Kẻ bắt cóc hàng loạt. Vài năm trước."

"Có khó khăn lắm không, khi mà anh ấy như thế?"

"Không, không hề," Sachs đáp giản dị, một sự thật hoàn toàn.

"Họ có thể làm gì cho anh ấy không, các bác sĩ ấy?"

"Anh ấy đã nghĩ tới một cuộc phẫu thuật. Tuy nhiên, rủi ro khá cao, và có lẽ sẽ chẳng giúp được gì. Anh ấy quyết định không làm phẫu thuật vào năm ngoái và không nhắc gì tới chuyện đấy kể từ đó. Nên toàn bộ chuyện này bị gác lại một thời gian. Anh ấy có thể đổi ý ở một thời điểm nào đó. Cứ đợi xem sao."

"Cô có vẻ không ủng hộ chuyện đó."

"Đúng vậy. Rủi ro rất lớn và những gì có thể giành được không nhiều. Với tôi, đó là câu hỏi về sự cân bằng rủi ro. Giả sử, cô rất muốn bắt được nghi phạm, có rất nhiều giấy tờ về gã rồi, nhé? Các lệnh lục soát ấy, ý tôi là thế. Cô biết rằng gã ở trong một căn hộ xác định. Liệu cô có tới thẳng đó và đạp cửa xông vào khi cô không

biết là gã đang ngủ, hay có khi gã và đồng bọn có hai khẩu MP5[30] đang chĩa thẳng ra cửa? Hay cô muốn đợi viện trợ và chấp nhận rủi ro gã sẽ trốn mất? Đôi khi mạo hiểm là đáng, đôi khi lại không. Nhưng nếu anh ấy muốn tiến hành phẫu thuật thì tôi vẫn ủng hộ. Đó là cách chúng tôi bên nhau."

Rồi Sachs giải thích rằng Rhyme đã được điều trị, bao gồm kích thích các cơ bằng dòng điện và hàng loạt bài tập mà Thom và một số chuyên gia vật lý trị liệu giúp thực hiện – tương tự những bài mà diễn viên Christopher Reeve[31] đã tập, thu được kết quả rất ấn tượng. "Reeve là một người đáng kinh ngạc," Sachs nói. "Quyết tâm đến khó tin. Lincoln cũng thế. Anh ấy không nói nhiều về chuyện đó, nhưng đôi khi anh ấy biến mất và để Thom cùng các chuyên gia vật lý trị liệu hỗ trợ anh ấy tập. Tôi không nghe gì từ anh ấy trong vài ngày liền."

"Một kiểu người biến mất khác hả?" Cô gái trẻ hỏi.

"Chính xác," Sachs mỉm cười đáp. Họ im lặng một lúc và cô tự hỏi liệu Kara có trông đợi nhiều hơn ở mối quan hệ của họ không. Những câu chuyện về việc bền chí vượt qua chướng ngại hiển nhiên, những bóng gió về những bất tiện ở cuộc đời của một người lệ thuộc vào xe lăn. Phản ứng của mọi người khi thấy họ ở nơi công cộng. Hay thậm chí là các bóng gió về quan hệ phòng the. Nhưng dù cô có tò mò, cô cũng không nói ra.

---

[30] MP5: Loại súng tiểu liên đạn chín ly nổi tiếng của Đức do công ty Heckler & Koch chế tạo.

[31] Christopher Reeve (1952 - 2004), diễn viên người Mỹ nổi tiếng với vai siêu nhân. Ông bị tai nạn ngã ngựa vào năm 1995 và phải ngồi xe lăn cho tới cuối đời.

Thực ra, Sachs chủ yếu thấy là sự ghen tị. Kara nói tiếp, "Gần đây tôi không được may mắn lắm với đàn ông."

"Có hẹn hò ai không?"

"Tôi không chắc," Kara trầm ngâm đáp. "Lần tiếp xúc gần nhất của chúng tôi là bánh mì nướng kiểu Pháp và hoa trinh nữ. Ở chỗ của tôi. Ăn bữa sáng muộn trên giường. Rất lãng mạn. Anh ta nói hôm sau sẽ gọi tôi."

"Và không có cuộc gọi nào hết?"

“Không có gì cả. Ôi, có lẽ tôi nên thêm rằng bữa sáng muộn đó là từ ba tuần trước.”

“Cô có gọi cho anh ta không?”

“Tôi sẽ không làm thế,” cô nói cương quyết. “Quyết định là ở anh ta.”

“Tốt cho cô.” Sachs hiểu sự kiêu hãnh và quyền lực cột chặt với nhau.

Kara cười lớn. “Có một tiết mục cổ mà một ảo thuật gia tên là William Ellsworth Robinson[32] từng diễn. Nó rất nổi tiếng. Tên là Làm sao thoát khỏi một bà vợ, hay Máy ly dị.” Một tiếng cười lớn. “Đó là câu chuyện của tôi. Tôi có thể làm các anh bạn trai biến mất nhanh hơn bất kỳ ai.”

---

[32] William Ellsworth Robinson (1861 - 1918), nghệ danh Chung Ling Soo, là ảo thuật gia người Mỹ. Ông nổi tiếng với việc thiệt mạng vì một màn dùng tay bắt đạn thật thất bại.

“À, họ cũng khá giỏi tự làm mình biến mất, cô biết đấy,” Sachs bình luận.

“Phần lớn những anh chàng tôi gặp, dù là ở chỗ làm cũ của tôi – một tờ tạp chí, hay ở cửa hàng, đều chỉ quan tâm tới hai điều. Tình một đêm. Hoặc là theo đuổi rồi về sống ổn định ở vùng ngoại ô… Cô đã bao giờ bị theo đuổi như thế chưa?”

“Chắc chắn rồi,” Sachs nói. “Có thể rất đáng sợ. Phụ thuộc vào người theo đuổi, tất nhiên.”

“Cô hiểu đấy, cô bạn. Tình một đêm hoặc theo đuổi và sống yên ổn ở ngoại ô… cả hai điều đó đều không hợp với tôi. Tôi không muốn cả hai. Yêu chơi chơi thôi thì được. Phải thực tế.”

“Còn đàn ông trong nghề này thì sao?”

“A, vậy là cô có để ý tôi đã loại trừ họ ra khỏi phương trình tình một đêm/theo đuổi. Những nghệ sĩ trình diễn khác… không, tôi không làm chuyện đó. Quá nhiều xung đột về mặt lợi ích. Họ hay tuyên bố là họ thích những người phụ nữ mạnh mẽ, nhưng sự thật là hầu hết họ không hề muốn chúng tôi tham gia nghề này. Tỉ lệ nam so với nữ là một trăm trên một. Giờ thì tốt hơn. À, cô quả có thấy một số ảo thuật gia là phụ nữ. Công chúa Tenko[33], một ảo

thuật gia châu Á – cô ấy rất giỏi. Và còn vài người khác nữa. Nhưng đó là gần đây. Hai mươi, ba mươi năm trước, cô không bao giờ thấy một phụ nữ là ngôi sao, chỉ là trợ lý." Cô liếc nhìn Sachs. "Cảnh sát cũng thế, nhỉ?"

---

[33] Công chúa Tenko: Nghệ danh của nữ ảo thuật gia người Nhật Bản Tenko Hikita, sinh năm 1959.

"Không tệ như ngày xưa. Không phải thế hệ tôi. Những năm sáu mươi và bảy mươi – đó là khi phụ nữ phá bỏ nguyên tắc. Thời đó thật khó khăn. Nhưng tôi cũng có khó khăn của riêng mình. Tôi là cảnh sát tuần tra trước khi chuyển sang điều tra hiện trường và…"

"Một gì cơ?"

"Một cảnh sát tuần tra, kiểu như cảnh sát khu vực. Nếu phải làm việc ở khu Hell's Kitchen thuộc quận Midtown, một nữ cảnh sát sẽ đi kèm với một đồng nghiệp nam nhiều kinh nghiệm. Đôi khi tôi vớ phải một tên ngu ngốc ghét làm việc với phụ nữ. Đơn giản là ghét thôi. Hắn không nói một lời nào với tôi suốt cả ca trực. Tám tiếng đồng hồ, đi tới đi lui trên đường, hắn không hé răng một lần. Chúng tôi tới chỗ giao đường 10 và 63 để ăn trưa. Tôi ngồi đó, cố tỏ ra thoải mái còn hắn ở cách chỗ đó hơn nửa mét, đọc mục thể thao và thở dài vì phải lãng phí cả ngày với một phụ nữ." Những ký ức trở lại với cô. "Tôi từng làm ở khu bảy-năm…"

"Ở đâu?"

Sachs giải thích, "Phân khu của cảnh sát. Chúng tôi gọi chúng là 'khu.' Và hầu hết cảnh sát không nói thứ bảy mươi lăm. Khi nói số, nó luôn là bảy-năm hay bảy mươi-năm. Giống như hiệu Macy's là ở đường ba-bốn."

"Hiểu rồi."

"Dù sao đi nữa, sếp tôi nghỉ phép và có một tay trung sĩ thuộc trường phái cũ tạm thay. Đó là một trong những ngày đầu tiên của tôi ở Bảy Năm và tôi là người phụ nữ duy nhất trong ca đó. Lúc tôi vào điểm danh ở phòng họp lớn, có một tá băng vệ sinh Kotex gắn trên kệ."

"Không đời nào!"

"Không đùa cô đâu. Sếp tôi sẽ không bao giờ để bất cứ ai làm thế. Nhưng cảnh sát là một đám trẻ con theo nhiều nghĩa. Chúng cứ

lấn tới cho đến khi bị một người lớn ngăn lại."

"Không giống những gì ta thấy trong phim ảnh."

"Phim ảnh làm ở Hollywood. Không phải ở khu bảy-năm."

"Vậy cô đã làm gì? Với mấy cái băng vệ sinh ấy?"

"Tôi bước lên hàng trước và hỏi tay cảnh sát ngồi trước kệ là liệu tôi có thể ngồi chỗ đấy được không – vốn đằng nào cũng là chỗ tôi sẽ ngồi. Họ đều cười lớn tới mức tôi ngạc nhiên vì không ai vãi ra quần. Tôi ngồi xuống và bắt đầu ghi chú những gì viên trung sĩ đang nói – cô biết đấy, các lệnh khám xét hết hạn, những chuyện quan hệ với dân và các góc đường nổi tiếng vì hoạt động buôn bán ma túy. Và khoảng hai phút sau, không còn ai cười nữa. Toàn bộ chuyện đó trở thành một nỗi hổ thẹn. Không phải cho tôi. Mà là cho bọn họ."

"Cô biết ai làm chuyện đó không?"

"Chắc chắn."

"Cô có khiếu nại hắn ta?"

"Không. Thế này, đó là phần khó nhất của việc là một nữ cảnh sát. Ta phải làm việc với những người đó. Ta cần họ ủng hộ ta, yểm trợ cho ta. Ta có thể lần nào cũng đấu tranh. Nếu ta thực sự phải làm thế thì ta đã thua rồi. Phần khó nhất không phải là có can đảm để đấu tranh. Mà là biết khi nào thì đấu tranh và khi nào thì đơn giản là bỏ qua."

Sự kiêu hãnh và quyền lực…

"Tôi đoán là giống như chúng tôi. Nghề của tôi. Nhưng nếu cô giỏi, nếu cô có thể thu hút được khán giả, ban quản lý sẽ thuê cô. Tuy nhiên, đó là một sự luẩn quẩn. Cô không thể chứng minh mình sẽ thu hút được khán giả nếu quản lý không thuê cô, và họ sẽ không thuê cô nếu cô không thể bán được vé."

Họ đi tới gần hơn khu lều khổng lồ, lấp lánh và Sachs thấy cặp mắt cô gái trẻ sáng lên khi cô dán mắt vào đấy.

"Đây là nơi mà cô muốn làm việc đúng không?"

"Ôi trời, tôi biết nói gì đây. Chỗ này là thiên đường của tôi. Cirque Fantastique và những chương trình đặc biệt trên ti-vi." Sau một

khoảnh khắc im lặng nhìn quanh, cô nói, "Ông Balzac đã dạy tôi mọi tiết mục cũ, điều đó quan trọng – ta phải biết rõ nó. Nhưng" – một cái hất đầu về phía khu lều – "đây mới là hướng đi của ảo thuật trong tương lai. David Copperfield, David Blaine[34]… nghệ thuật trình diễn, ảo thuật đường phố. Ảo thuật gợi cảm."

---

[34] David Blaine, sinh năm 1973, ảo thuật gia người Mỹ nổi tiếng với những màn trình diễn cực đoan, từng phá vài kỷ lục thế giới.

"Cô nên diễn thử ở đây."

"Tôi hả? Cô đừng đùa," Kara đáp. "Tôi còn lâu mới sẵn sàng. Màn diễn của cô phải thật hoàn hảo. Cô phải là người giỏi nhất."

"Ý cô là phải giỏi hơn một người đàn ông?"

"Không, giỏi hơn bất kỳ ai, đàn ông hay phụ nữ."

"Tại sao?"

"Vì khán giả," Kara giải thích. "Ông Balzac giống như một kỷ lục đã bị phá: ta mắc nợ điều đó với khán giả. Mọi hơi thở của ta trên sân khấu đều là vì khán giả của ta. Ảo thuật không thể chỉ tàm tạm được. Ta không thể hài lòng – ta phải gây kịch tính. Nếu một người trong khán giả phát hiện ra những động tác của cô, cô đã thất bại. Nếu cô lưỡng lự lâu hơn một giây và hiệu ứng trở nên đáng chán, cô đã thất bại. Nếu một người che miệng ngáp hoặc đưa mắt nhìn đồng hồ, cô đã thất bại."

"Tôi nghĩ cô không thể lúc nào cũng chắc chắn một trăm phần trăm," Sachs bình luận.

"Nhưng cô phải thế," Kara nói giản dị, như thể cô ngạc nhiên vì người ta có thể nghĩ khác.

Họ đã tới Cirque Fantastique, nơi các buổi diễn thử cho buổi mở màn tối nay đang diễn ra. Vài chục nghệ sĩ biểu diễn đang đi lại xung quanh, một số người đã mặc đồ diễn, số khác chỉ mặc quần soóc và áo phông hay quần bò.

"Ôi, trời…" Một giọng cảm thán và thở dài. Là của Kara. Khuôn mặt cô như của một bé gái, mắt cô phản chiếu màu trắng tinh khôi của khu lều lớn.

Sachs nhảy lên khi có tiếng ầm ĩ phía trên và đằng sau cô. Cô nhìn

lên và thấy hai tấm băng-rôn lớn, ở khoảng cách đến hơn chục mét, đang phần phật trong gió, lấp lánh trong ánh mặt trời. Trên một tấm băng-rôn có dòng chữ CIRQUE FANTASTIQUE.

Trên tấm kia là bức vẽ khổng lồ của một người đàn ông gầy gò trong bộ áo liền quần ca-rô đen và trắng. Anh ta giơ hai cánh tay ra, lòng bàn tay ngửa lên, mời gọi khán giả vào trong. Anh ta đeo một chiếc mặt nạ nửa mặt màu đen, che kín tới mũi, một tạo hình kệch cỡm. Một hình ảnh khó chịu. Cô nghĩ ngay tới Gã phù thủy, giấu mình sau lớp mặt nạ ngụy trang.

Động cơ và kế hoạch của gã cũng được che giấu.

Kara để ý thấy ánh nhìn của Sachs. "Đấy là Arlecchino," cô nói. "Trong tiếng Anh có nghĩa là 'Harlequin.' Cô có biết commedia dell'arte[35] là gì không?" Cô hỏi.

---

[35] Hài kịch Phục Hưng kiểu Ý, một loại hình biểu diễn kịch phát xuất từ Ý và phổ biến ở châu Âu giai đoạn thế kỷ XVI - XVIII.

"Không," Sachs nói.

"Kịch kiểu Ý. Nó có từ, tôi không biết nữa, những năm 1500 và đã tồn tại được vài trăm năm. Cirque Fantastique lấy đó làm chủ đề." Cô chỉ vào những băng-rôn nhỏ hơn ở các cạnh lều có hình những tấm mặt nạ. Với những cái mũi khoằm, những cặp lông mày cong vút, những gò má cao thâm độc, chúng có vẻ dị thường và đáng sợ. Kara nói tiếp, "Có khoảng một tá nhân vật mà mọi đoàn kịch kiểu Ý sử dụng trong những vở của họ. Họ đeo những chiếc mặt nạ cho biết họ đang đóng vai nào."

"Đây là hài kịch à?" Sachs hỏi, nhướng mày khi nhìn vào một chiếc mặt nạ mặt quỷ dị thường.

"Tôi nghĩ họ gọi đó là hài kịch đen. Harlequin không hẳn là một nhân vật người hùng. Anh ta không hề có đạo đức. Tất cả những gì anh ta quan tâm chỉ là đồ ăn ngon và gái đẹp. Và anh ta thoắt ẩn thoắt hiện, khiến ta bất ngờ. Một nhân vật khác, Pulcinella, là kẻ thích thú trò tàn ác. Anh ta chơi khăm người khác bằng những trò hết sức xấu tính, ngay cả với người yêu của anh ta. Rồi còn có một bác sĩ chuyên đầu độc mọi người. Giọng nói lý trí duy nhất thuộc về một người phụ nữ, nàng Columbine." Kara nói thêm. "Một trong những điều tôi thích về kịch Ý là vai của cô ấy thực sự do một phụ nữ đóng. Không như ở Anh, phụ nữ không được phép

diễn kịch."

Tấm băng-rôn lại bay phần phật. Đôi mắt của Harlequin có vẻ hơi liếc xuống chỗ họ như thể Gã phù thủy đang tiến lại gần, gợi nhớ lại cuộc lục soát ở trường Âm nhạc trước đó.

Không, chúng tôi không có bất cứ đầu mối nào về việc gã là ai hay đang ở đâu…

Cô quay đi và thấy một tay bảo vệ tiến lại, nhìn vào đồng phục của cô. "Giúp được gì không, sĩ quan?"

Sachs yêu cầu gặp viên giám đốc. Người đàn ông giải thích rằng ông ấy đi vắng, nhưng họ có thể nói chuyện với người trợ lý.

Vài phút sau, một phụ nữ thấp người, gày gò, vẻ khó chịu – da ngăm, như dân gypsy – bước tới.

"Tôi có thể giúp gì cho cô?" Cô ta hỏi với giọng mơ hồ.

Sau khi giới thiệu, Sachs nói, "Chúng tôi đang điều tra hàng loạt vụ án xảy ra trong khu vực này. Chúng tôi muốn biết liệu có ảo thuật gia hay nghệ sĩ biến y nào xuất hiện trong buổi diễn không."

Sự lo lắng lộ ra trên mặt người phụ nữ. "Có, tất nhiên là chúng tôi có," cô ta nói. "Irina và Vlad Klodoya."

"Xin đánh vần tên họ cho tôi."

Kara gật đầu khi Sachs viết những cái tên đó ra.

"Tôi biết họ, chắc chắn. Họ từng biểu diễn ở Đoàn xiếc Moscow vài năm trước."

"Đúng," người trợ lý xác nhận. "Họ ở đây cả buổi sáng chứ?"

"Phải. Họ diễn thử cho tới khoảng hai mươi phút trước. Giờ họ đang đi mua sắm."

"Cô dám chắc rằng đây là khoảng thời gian duy nhất họ vắng mặt chứ?"

"Tất nhiên. Tôi đích thân giám sát việc tất cả mọi người đang ở đâu."

"Còn ai khác không?" Sachs hỏi. "Có thể là ai đó được đào tạo về nghệ thuật tạo ảo giác hay ảo thuật? Ý tôi là, ngay cả khi họ không

trình diễn."

"Không, không còn ai cả. Chỉ có hai người đó thôi."

"Được rồi," Sachs nói. "Sẽ có hai cảnh sát đậu xe bên ngoài. Họ sẽ có mặt ở đây trong khoảng mười lăm phút nữa. Nếu cô có nghe về việc ai đó làm phiền các nhân viên hay khán giả của cô, hoặc có hành động đáng ngờ, xin hãy báo ngay với cảnh sát." Đây là đề xuất của Rhyme.

"Được, tôi sẽ nói với tất cả mọi người. Nhưng cô có thể cho tôi biết là có chuyện gì không?"

"Một người đàn ông với kinh nghiệm ảo thuật có liên quan tới một vụ án mạng xảy ra hôm nay. Không có gì liên quan tới buổi diễn của quý vị, nhưng chúng tôi muốn đảm bảo chắc chắn."

Họ cảm ơn người trợ lý, cô ta chào tạm biệt một cách khó chịu, có lẽ lấy làm tiếc vì đã hỏi lý do của chuyến thăm.

Ra đến bên ngoài, Sachs hỏi, "Câu chuyện của những nghệ sĩ trình diễn đó là gì?"

"Những người Ukraine ấy hả?"

"Phải. Chúng tôi có thể tin họ không?"

"Đó là một nhóm hai vợ chồng. Có vài đứa con đi lưu diễn cùng họ. Họ là hai nghệ sĩ thay đồ nhanh giỏi nhất thế giới. Tôi không thể tưởng tượng được là họ có dính líu gì tới vụ giết người." Cô cười lớn. "Cô thấy chưa, đó là những người được nhận vào Cirque Fantastique – những nghệ sĩ trình diễn đã là dân chuyên nghiệp từ khi mới chỉ năm hoặc sáu tuổi."

Sachs gọi điện thoại cho Rhyme và Thom nghe máy. Cô nói tên hai nghệ sĩ trình diễn người Ukraine và những gì cô đã tìm hiểu. "Hãy nói Mel hay ai đó kiểm tra những cái tên đấy qua NCIC[36] và Bộ Ngoại giao."

---

[36] NCIC: viết tắt của "National Crime Information Center", tức Trung tâm Thông tin Tội phạm Quốc gia, thuộc Cục Điều tra Liên bang Mỹ (FBI).

"Sẽ làm."

Cô ngắt máy và họ ra khỏi công viên, đi theo hướng tây về phía

những đám mây xám xịt, như những vết bầm tím, trên một bầu trời xanh thẳm.

Một tiếng đập mạnh nữa vang lên đằng sau cô – lại là những tấm băng-rôn, phần phật trong gió, khi anh chàng Harlequin khôi hài tiếp tục mời chào khách bộ hành bước vào vương quốc dị thường của anh ta.

***

Đã giải lao xong chưa, quý khán giả thân mến? Đã thấy thoải mái hơn chưa?

Tốt, vì đã tới lúc cho tiết mục thứ hai của chúng tôi.

Quý vị có thể không biết tên P. T. Selbit[37], nhưng nếu quý vị từng tới bất kỳ buổi biểu diễn ảo thuật hay xem một nghệ sĩ ảo giác nào trên ti- vi, quý vị hẳn sẽ quen thuộc với một số trò mà nhân vật người Anh này đã khiến cho nó phổ biến vào đầu những năm 1900.

Selbit bắt đầu sự nghiệp trình diễn của ông với tên thật, Percy Thomas Tibbles, nhưng ông nhanh chóng nhận ra rằng một cái tên thường thường như thế không thích hợp với một nghệ sĩ biểu diễn có thế mạnh không phải là những trò với các lá bài, làm biến mất những con chim bồ câu, hay làm trẻ nhỏ lơ lửng trong không khí, mà là những tiết mục gây đau đớn tới sốc – và bởi thế, tất nhiên – thu hút những đám đông trên toàn thế giới.

Selbit – phải, nghệ danh của ông là sự đảo ngược họ của ông – đã sáng tạo ra màn trình diễn nổi tiếng Gối cắm kim sống, trong đó một cô gái có vẻ như bị đâm tám mươi tư cây kim nhọn vào người. Một màn khác của ông là Chiều không gian thứ tư, một tiết mục mà khán giả đã chứng kiến trong kinh hoàng khi một phụ nữ trẻ có vẻ như bị đè tới chết dưới một chiếc hộp khổng lồ. Một trong những màn tôi thích nhất của Selbit là tiết mục ông giới thiệu vào năm 1922. Cái tên nói lên tất cả, quý khán giả thân mến: Tượng thần bằng máu, hay Hủy diệt một cô gái.

---

[37] P.T. Selbit, tên thật Percy Thomas Tibbles (1881 - 1938), ảo thuật gia và nhà phát minh người Anh. Ông nổi tiếng với việc sáng tạo ra màn cưa đôi người.

Hôm nay tôi rất vui mừng được giới thiệu với quý vị một phiên bản nâng cấp của màn trình diễn nổi tiếng nhất của Selbit, màn trình diễn mà ông đã biểu diễn ở vài chục quốc gia và giúp ông được mời tới

Chương trình Tạp kỹ Hoàng gia ở Hippodrome, London.

Tên gọi của màn trình diễn là…

A, nhưng không…

Không, quý khán giả thân mến. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ để quý vị hồi hộp chờ đợi và kìm nén thêm chút nữa với việc không nêu tên màn trình diễn ngay. Nhưng tôi sẽ cho quý vị một đầu mối: khi Selbit trình diễn tiết mục này, ông đã chỉ thị các trợ lý đổ máu giả vào những máng xối đằng trước sân khấu dụ khách qua đường để họ mua vé. Thật tự nhiên, họ đã mua vé.

Hãy tận hưởng tiết mục tiếp theo của chúng tôi. Tôi thực sự hy vọng quý vị sẽ thích.

Dù tôi biết có một người chắc chắn sẽ không thích.

Chương mười

Mình đã ngủ bao lâu rồi? Người đàn ông trẻ tuổi tự hỏi. Vở kịch đã kết thúc lúc nửa đêm, tiếp đến là những chầu uống ở quán White Horse tới mấy giờ không ai biết, về nhà lúc ba giờ, nói chuyện điện thoại trong khoảng bốn mươi phút với Bragg, không, có lẽ là một tiếng. Rồi cái máy bơm lố bịch đã bắt đầu những tiếng đập lố bịch của nó vào lúc tám rưỡi.

Tới lúc đó mình đã ngủ được mấy tiếng rồi?

Những phép toán không chịu hợp tác với Tony Calvert và anh quyết định rằng có lẽ tốt hơn là không biết quá nhiều về sự mệt mỏi của mình. Ít ra giờ anh đang làm việc ở Broadway và không còn phải đi chụp hình quảng cáo nữa, khi mà đôi khi công việc – nhờ trời phù hộ – bắt đầu vào lúc sáu giờ sáng. Phiên buổi chiều của anh ở nhà hát Gielgud đủ bù đắp cho việc anh phải làm việc vào thứ Bảy và Chủ nhật.

Anh kiểm tra lại các thiết bị hành nghề và thấy rằng mình cần thêm vài miếng che hình xăm, bởi một thằng nhóc cắm nhọn sẽ diễn hôm nay và những quý cô từ Teaneck và Garden City có thể nghi ngờ về sự đáng tin của vai nam chính, một người mê mẩn những ngôi sao chưa nổi còn ngây thơ, trong khi bắp tay vạm vỡ của anh ta lại có dòng chữ "Mãi Yêu Robert."

Calvert đóng chiếc valy trang điểm lớn màu vàng lại và liếc chiếc gương cạnh cửa. Anh trông khá hơn là anh cảm thấy, phải thừa nhận như vậy. Da anh vẫn còn hơi rám nắng từ chuyến đi tuyệt vời xuống St. Thomas vào tháng Ba. Và cách ăn mặc của anh gây ấn tượng sai lệch, che giấu vòng eo xập xệ. (Vì Chúa, uống bốn ly bia thôi. Được không? Coi nào, chúng ta có thể sống chỉ với từng đó không?) Tuy nhiên, mắt anh thì không: nó khá đỏ. Nhưng chuyện đó dễ xử lý. Một chuyên gia về phong cách biết hàng trăm cách để khiến người già nhìn trẻ, người nhạt nhẽo nhìn xinh đẹp và người mệt mỏi nhìn tỉnh táo. Chỉ cần vài giọt thuốc nhỏ mắt và

một, hai cú quẹt trang điểm cho mi mắt dưới.

Calvert khoác chiếc áo khoác da lên, khóa cửa và bắt đầu đi xuống hành lang khu căn hộ East Village của anh; khoảng thời gian trước buổi trưa thật im ắng. Anh đoán là hầu hết mọi người trong tòa nhà đã ra ngoài, tận hưởng ngày cuối tuần mùa xuân đích thực đầu tiên trong năm nay, hoặc vẫn còn ngủ sau một đêm chơi bời trác táng.

Anh dùng lối ra đằng sau, vẫn luôn như thế, lối đi dẫn anh ra con ngõ phía sau tòa nhà. Bắt đầu bước trên vỉa hè, được khoảng hơn chục mét, anh để ý thấy có thứ gì đó: di chuyển xuống một trong những ngõ cụt rẽ ra từ con hẻm.

Anh dừng lại và nhìn vào bóng tối. Một con vật. Chúa ơi, liệu có phải một con chuột không?

Không – đấy là một con mèo, có vẻ bị thương. Anh nhìn quanh, nhưng ngõ hẻm hoàn toàn vắng người, không có vẻ gì là có người chủ ở đó.

Ôi, con vật tội nghiệp!

Calvert không phải người nuôi thú cưng, nhưng anh từng trông giúp một con chó sục Na Uy của nhà hàng xóm năm ngoái và người đàn ông đấy đã nói với anh, dù chỉ để phòng ngừa, rằng phòng khám thú y Bilbo ở ngay góc đường St. Marks. Anh sẽ mang con mèo đi trên đường tới ga tàu điện ngầm. Có thể chị anh sẽ muốn có nó. Chị ấy từng nhận nuôi trẻ con. Tại sao mèo lại không?

Nấn ná trong những ngõ hẻm ở khu này không phải là ý hay, nhưng Calvert thấy rằng anh vẫn hoàn toàn chỉ có một mình. Anh di chuyển chậm rãi trên vỉa hè lát đá để không làm con vật bị giật mình. Nó đang nằm nghiêng sang một bên, miệng rên khe khẽ.

Anh có thể bế nó lên không? Nhỡ nó cào anh thì sao? Anh nhớ lại đôi điều ở Trung tâm Phòng bệnh về bệnh sốt do bị mèo cào. Nhưng con vật trông quá yếu ớt để có thể làm anh bị thương.

“Này, có chuyện gì đấy, bạn nhỏ?” Anh hỏi, giọng êm ái. “Mày bị thương hả?”

Ngồi xuống, anh đặt chiếc valy trang điểm của mình lên vỉa hè và giơ tay ra thận trọng, đề phòng con mèo sẽ cào. Anh chạm vào nó, nhưng rồi rụt tay lại vì sốc. Con vật lạnh như đá và gầy nhom –

anh có thể cảm thấy những chiếc xương nhô ra dưới làn da. Hay là nó chết rồi? Không, chân nó vẫn còn cử động. Và nó lại kêu lên một tiếng meo yếu ớt nữa.

Anh lại chạm vào nó. Và đợi đã, đó không phải là xương dưới lớp da. Đó là những cái que, và bên trong cơ thể nó là một hộp kim loại.

Cái quái gì thế này?

Phải chăng anh đang tham gia chương trình camera bí mật? Hay có kẻ xấu xa nào đó đùa ác với anh?

Rồi anh nhìn lên và thấy có một người đứng cách đó khoảng ba mét. Calvert hít một hơi thật sâu và lùi lại. Người đàn ông đang khom lưng tiến tới…

Nhưng không. Anh nhận ra đó là hình ảnh của chính mình, phản chiếu trong một chiếc gương cao hơn đầu người đặt ở cuối con ngõ tối tăm. Calvert nhìn mặt mình, anh thấy sốc, mắt mở to, cả người đông cứng lại trong chốc lát. Anh bắt đầu thả lỏng và cười lớn. Nhưng rồi anh nhíu mày, theo dõi hình mình dần dần ngả về phía trước – khi tấm gương đổ xuống mặt đá vỉa hè và vỡ tan tành.

Một gã râu ria, trung niên trốn đằng sau đó lao ra, giơ cao một chiếc ống.

“Không! Cứu tôi!” Anh hét lên, loạng choạng chạy đi. “Chúa ơi! Chúa ơi!”

Chiếc ống vung xuống thành một vòng cung hết sức khó chịu thẳng vào đầu anh.

Nhưng Calvert chụp nhanh lấy chiếc valy đựng đồ hóa trang và đỡ được cú đánh. Anh vất vả đứng lên và bắt đầu chạy. Kẻ tấn công đuổi theo ngay sau anh, nhưng bất ngờ trượt ngã trên sàn đá trơn và bị đập mạnh đầu gối.

“Lấy ví đi! Cứ lấy đi!” Anh lôi mớ giấy bạc gập lại trong ví ra và ném về phía sau. Nhưng gã không để ý tới và đứng lên, tiếp tục đuổi theo anh. Gã chặn ở giữa Calvert và con đường; lối thoát duy nhất là trở lại tòa nhà.

Ôi Chúa, ôi Chúa ơi…

“Cứu tôi, cứu tôi, cứu tôi với!”

Chìa khóa! Anh nghĩ. Phải lấy nó ra ngay! Anh lôi chùm chìa khóa ra khỏi quần bò khi liếc nhanh lại phía sau. Gã chỉ còn cách chưa đầy chục mét. Nếu không mở được cánh cửa này ngay lần đầu, thì mình… chết chắc.

Calvert thậm chí không chậm lại. Anh đập mạnh vào cánh cửa kim loại và, như một phép lạ, tra đúng chìa khóa ngay lập tức, xoay chìa thật nhanh. Then cửa mở ra, anh rút chìa khóa và nhảy vào trong lối vào, đóng mạnh cánh cửa sắt sau lưng. Nó tự động khóa lại.

Tim đập thình thịch, hơi thở dồn dập vì sợ hãi, anh chỉ dám nghỉ một chút. Anh nghĩ, kẻ cướp sao? Hay kẻ ghét người đồng tính? Hay ngáo đá? Chẳng quan trọng. Mình sẽ không để cho tên khốn đó thoát. Anh chạy lên hành lang căn hộ của mình. Cả cánh cửa này cũng được mở rất nhanh. Anh nhảy vào trong, đóng ngay nó lại và khóa cửa.

Vội vã vào bếp, anh chụp lấy chiếc điện thoại và gọi 911. Một lát sau, giọng phụ nữ vang lên, “Cảnh sát và cứu hỏa.”

“Một người đàn ông! Một người đàn ông vừa tấn công tôi! Gã đang ở ngoài.”

“Anh có bị thương không?”

“Không, nhưng cô phải đưa cảnh sát tới ngay!” Anh hét. “Nhanh lên!”

“Gã có ở đó với anh không?”

“Không, gã không vào được. Tôi đã khóa cửa. Nhưng gã có thể vẫn còn ở ngoài ngõ! Các người phải nhanh lên!”

Cái gì vậy? Calvert tự hỏi. Anh bỗng cảm thấy một trận gió đột ngột thốc vào mặt. Cảm giác rất giống và anh nhận ra đó là cảm giác khi có người mở cửa căn hộ nhà anh.

Người trực 911 hỏi, “Xin chào, anh ơi, anh có ở đó không? Anh có…”

Calvert lao về phía cửa và hét lên, nhìn thấy gã râu ria với chiếc ống đang đứng cách anh chỉ vài mét. Gã bình tĩnh rút dây điện thoại khỏi tường. Những cánh cửa! Làm sao gã qua được các ổ khóa?

Calvert lùi lại hết mức có thể – dựa lưng vào tủ lạnh; không còn nơi nào để trốn nữa.

“Này?” Anh thì thầm, để ý thấy những vết sẹo ở cổ gã, bàn tay trái dị dạng của gã. “Ông muốn gì?”

Kẻ tấn công phớt lờ anh trong giây lát và nhìn quanh – đầu tiên là vào bàn bếp rồi đến chiếc bàn gỗ lớn dùng để uống cà phê trong phòng khách. Có điều gì đó trong quang cảnh ấy khiến gã thấy hài lòng. Gã quay lại và khi gã phang chiếc ống xuống cánh tay đang giơ lên của Calvert, cú đập gần như chẳng tính toán gì.

***

Họ lặng lẽ dừng xe lại.

Hai chiếc RMP[38], mỗi chiếc có hai cảnh sát.

---

[38] RMP: viết tắt của “radio motor patro,” xe tuần tra có bộ đàm.

Viên trung sĩ ra khỏi chiếc xe đầu tiên trước khi nó kịp dừng hẳn. Sáu phút đã trôi qua kể từ cuộc gọi 911. Dù cuộc gọi bị cắt ngang, tổng đài vẫn xác định được vị trí tòa nhà và căn hộ, nhờ vào công nghệ nhận diện người gọi.

Sáu phút… Nếu may mắn, họ sẽ tìm thấy nạn nhân còn sống và khỏe mạnh. Còn nếu không, ít ra hung thủ vẫn ở trong căn hộ, có thể đang lục tìm những món đồ giá trị của nạn nhân.

Anh gọi vào chiếc bộ đàm Motorola. “Trung sĩ Bốn Năm Ba Một gọi Trung tâm. Tôi thuộc khu mười-tám mươi-bốn, ở hiện trường vụ tấn công trên đường 9, K.”

“Rõ, Bốn Năm Ba Một. Xe của Đội Khẩn cấp đang trên đường tới. Có ai bị thương không, K?”

“Chưa biết. Hết.”

“Rõ, Bốn Năm. Hết.”

Anh cử một người của mình đi vòng ra phía sau để khống chế cửa cho nhân viên và các cửa sổ phía sau và nói một người khác ở lại đằng trước. Anh cùng viên cảnh sát thứ ba đi vào sảnh. Nếu họ may mắn, hung thủ sẽ nhảy khỏi cửa sổ và tự làm vỡ mắt cá chân mình. Viên trung sĩ không hề có tâm trạng đuổi theo những tên

khốn vào một ngày đẹp trời như thế này.

Đây là thành phố Alphabet, cái tên xuất phát từ việc các đại lộ theo hướng bắc - nam ở đây – A, B, C, tùy thuộc vào việc ta có thể chế ma túy và chích nhanh cỡ nào. Mọi chuyện đang dần được cải thiện, nhưng đây vẫn là một trong những khu nguy hiểm nhất ở Manhattan. Cả hai cảnh sát đều rút vũ khí ra lúc tới gần cánh cửa.

Nếu họ may mắn, vũ khí của hung thủ chỉ là một con dao. Hay thứ gì đấy tương tự thứ mà tên ngáo đá đã dùng để đe dọa anh tuần trước: một chiếc đũa và một nắp thùng rác làm khiên.

Ở đây, ít ra họ cũng bớt được một chuyện – họ không cần tìm người để giúp vượt qua cửa an ninh. Một phụ nữ lớn tuổi, người nghiêng về một bên vì sức nặng của chiếc túi mua sắm với một quả dứa khổng lồ trong đó, đang trên đường ra. Chớp mắt vì bất ngờ, bà giữ cánh cửa mở cho hai cảnh sát và họ vội vàng bước vào trong, trả lời câu hỏi của bà về sự xuất hiện đột ngột của họ mà không để lộ ra điều gì, "Không có gì đáng lo, thưa bà."

Nếu họ may mắn…

Căn hộ 1J ở tầng trệt phía sau. Viên trung sĩ đứng bên trái cánh cửa. Viên cảnh sát kia ở phía đối diện, liếc nhìn anh và gật đầu. Viên trung sĩ đập cửa thật mạnh. "Cảnh sát đây. Mở cửa ra. Mở ngay!"

Không có tiếng đáp từ bên trong.

"Cảnh sát đây!"

Anh thử nắm đấm cửa. Lại may nữa. Nó không khóa. Viên trung sĩ đẩy cửa mở và cả hai người lùi lại, chờ đợi. Cuối cùng, viên trung sĩ nhìn vào góc phòng.

"Ôi, Chúa ơi," anh thì thầm khi nhìn thấy thứ đang nằm ở giữa phòng khách.

Từ "may mắn" biến mất hoàn toàn khỏi suy nghĩ của anh.

***

Bí mật của trò ảo thuật biến y – thay đồ nhanh – là thực hiện những thay đổi rõ ràng nhưng đơn giản với vẻ ngoài và phong thái của mình đồng thời gây xao nhãng cho khán giả bằng cách đánh lạc hướng.

Và không có sự thay đổi nào rõ rệt hơn biến bản thân thành một phụ nữ bảy mươi lăm tuổi tay xách nách mang.

Malerick biết cảnh sát sẽ tới nhanh. Nên sau màn biểu diễn ngắn ngủi trong căn hộ của Tony Calvert, gã đã nhanh chóng thay bộ đồ ngụy trang: một chiếc đầm xanh cổ cao và một bộ tóc giả màu trắng. Gã kéo chiếc quần bò co giãn lên trên gấu váy, để lộ đôi tất xám bó. Bộ râu biến mất và gã bôi lên mặt một lớp phấn đỏ dày của những bà cô già lập dị. Gã kẻ một đường lông mày thật đậm. Vài chục đường kẻ với một chiếc chì kẻ mắt nâu đỏ mảnh tạo ra những nếp nhăn của người ngoài bảy mươi. Bước cuối là đổi giày.

Để đánh lạc hướng, gã tìm một chiếc túi mua sắm và nhét báo đầy dưới đáy – cùng cái ống và món vũ khí khác mà gã đã sử dụng cho màn trình diễn này – rồi bỏ thêm vào đó một trái dứa lớn lấy từ bếp của Calvert. Nếu gã gặp ai đó khi rời tòa nhà, họ có thể liếc nhìn gã nhưng sẽ tập trung hơn vào quả dứa. Quả đúng là mọi chuyện đã diễn ra như vậy khi gã lịch sự giữ cửa cho các sĩ quan bước vào.

Lúc đã cách tòa nhà khoảng bốn trăm mét, vẫn ăn mặc như một phụ nữ, gã dừng lại và tựa vào tường của một tòa nhà như thể đang lấy hơi. Rồi gã biến mất vào trong ngõ hẻm tối tăm. Chỉ một cú giật, chiếc váy được gắn bằng băng dán Velcro nhỏ xíu rơi ra. Bộ đồ và mái tóc giả biến mất vào trong một dây cao su co giãn rộng khoảng ba mươi xen-ti-mét mà gã đeo quanh bụng, sợi dây ép chặt các món đồ lại và khiến chúng vô hình dưới chiếc áo phông của gã.

Gã kéo gấu chiếc quần dài xuống, lấy bông tẩy trang trong túi ni-lông để ở túi áo ra và lau mặt cho tới khi màu đỏ, những nếp nhăn, và chì kẻ mắt biến mất, gã còn dùng chiếc gương bỏ túi để kiểm tra lại cho chắc chắn. Gã ném bông tẩy trang vào chiếc túi mua sắm cùng với quả dứa, rồi bỏ tất cả vào một chiếc túi rác màu xanh lá cây. Gã tìm thấy một chiếc xe hơi đậu sai luật, mở khóa cốp và ném chiếc túi vào trong. Cảnh sát sẽ không bao giờ nghĩ tới việc lục soát cốp của những chiếc xe đang đậu, và dù sao thì, khả năng cao là chiếc xe đó cũng sẽ bị kéo đi trước khi chủ xe quay lại.

Trở lại trên đường, gã hướng về một trong những tuyến tàu điện ngầm bên West Side.

Và quý vị nghĩ sao về tiết mục thứ hai của chúng tôi, quý khán giả thân mến?

Bản thân gã nghĩ mọi chuyện đã diễn ra suôn sẻ, dù có tính cả chuyện gã bị ngã trên vỉa hè lát đá, tay nghệ sĩ trình diễn đã thoát được và xoay xở đóng - mở hai cánh cửa.

Nhưng khi Malerick đến chỗ cửa sau tòa nhà của Calvert, gã đã có đồ mở khóa trong tay.

Malerick đã nghiên cứu nghệ thuật mở khóa nhiều năm trời. Đó là một trong những kỹ năng đầu tiên thầy gã dạy. Một kẻ mở khóa sử dụng hai công cụ: một cần xiết lực, được cho vào trong ổ khóa và xoắn lại để giữ áp lực lên lẫy khóa bên trong, và cái mở khóa, dùng để đẩy mỗi lẫy khóa lên giúp vặn ổ khóa cho nó mở ra.

Tuy nhiên, đẩy từng lẫy khóa lên có thể mất nhiều thời gian, nên Malerick đã thành thạo một kỹ thuật rất khó gọi là "dọn sạch." Trong kỹ thuật này, ta đẩy cái mở khóa qua lại thật nhanh, đẩy đồng loạt các lẫy khóa ra. "Dọn sạch" chỉ hiệu quả khi kẻ mở khóa cảm nhận được chính xác sự kết hợp của momen xoắn lên các trục khóa hình trụ và áp lực lên lẫy khóa. Sử dụng các công cụ chỉ dài vài xen- ti-mét, Malerick mất chưa tới ba mươi giây để mở khóa cả cửa sau và cửa căn hộ của Calvert.

Chẳng phải điều đó có vẻ bất khả sao, quý khán giả thân mến?

Nhưng đó là nghề của ảo thuật gia, quý vị biết đấy: biến điều bất khả thành sự thật.

Dừng lại bên ngoài ga tàu điện ngầm, gã mua một tờ *The New York Times* và lật qua tờ báo trong khi xem xét khách bộ hành. Một lần nữa, có vẻ như không ai bám theo gã cả. Gã lững thững đi xuống cầu thang để bắt tàu. Một nghệ sĩ thận trọng đích thực có thể sẽ đợi thêm chút nữa để tuyệt đối chắc chắn là mình không bị theo đuôi. Nhưng Malerick không có nhiều thời gian. Tiết mục tiếp theo sẽ là một màn khó – gã đã đặt ra những thử thách lớn cho bản thân – và gã phải chuẩn bị một chút.

Gã không dám làm khán giả của mình thất vọng.

Chương mười một

"Tệ lắm, Rhyme."

Amelia Sachs nói vào bộ đàm lúc cô đứng ở lối vào căn hộ 1J, trung tâm thành phố Alphabet.

Trước đó, vào buổi sáng, Lon Sellitto đã ra lệnh cho toàn bộ cảnh sát đang tuần tra ở công viên Trung Tâm gọi ngay cho anh khi có tin tức về bất kỳ vụ án mạng nào ở thành phố New York. Khi có báo cáo về vụ giết người cụ thể này, họ kết luận rằng đó là tác phẩm của Gã phù thủy: cách thức bí ẩn mà hung thủ vào được trong căn hộ của nạn nhân là một đầu mối. Tuy nhiên, yếu tố then chốt là việc gã lại đập vỡ đồng hồ đeo tay của nạn nhân – như đã làm trước đó với cô sinh viên trong vụ giết người đầu tiên.

Một điều khác biệt là nguyên nhân cái chết. Điều đã dẫn tới bình luận của Sachs với Rhyme. Trong khi Sellitto ra lệnh cho các thám tử và cảnh sát tuần tra trong sảnh, Sachs tìm hiểu nạn nhân xấu số – một thanh niên tên là Anthony Calvert. Anh ta nằm ngửa ra ở giữa bàn cà phê trong phòng khách, tay chân dang ra và bị cột vào chân bàn. Phần bụng anh ta bị cưa tận tới xương sống.

Sachs đang mô tả vết thương cho Rhyme.

"Chà," nhà tội phạm học nói một cách dửng dưng. "Nhất quán mà."

"Nhất quán sao?"

"Anh muốn nói rằng gã đã làm đúng chủ đề ảo thuật. Dây thừng cho vụ sát hại đầu tiên. Còn giờ thì cắt người ta ra làm hai." Giọng anh cao lên khi anh gọi qua bên kia căn phòng, có vẻ là với Kara. "Đó là một trò ảo thuật, đúng không? Cắt một người ra làm hai?" Một khoảng dừng rồi anh tiếp tục nói với Sachs.

“Cô ấy nói đó là một trò kinh điển.”

Cô nhận ra là anh có lý; cô đã bị sốc trước cảnh tượng đó và không nhận ra mối liên hệ của hai vụ giết người.

Một trò ảo thuật…

Dù gọi đó là một màn tùng xẻo kinh dị thì đúng hơn.

Đừng định kiến, cô tự nhủ. Một viên trung sĩ thì không được định kiến.

Một suy nghĩ nảy ra trong đầu cô. “Rhyme, anh có nghĩ…”

“Sao?”

“Anh có nghĩ nạn nhân còn sống khi hung thủ bắt đầu cắt không? Tay anh ta bị trói vào chân bàn, tư thế dang rộng.”

“Ồ, ý em là anh ta có thể để lại điều gì đó cho chúng ta, một đầu mối về nhân thân của kẻ sát nhân sao? Tốt.”

“Không,” cô nói mềm mỏng. “Chỉ nghĩ về sự đau đớn thôi.”

“Ồ. Điều đó.”

Ồ. Điều đó…

“Xét nghiệm máu sẽ cho biết.”

Rồi cô để ý thấy một vết thương sâu do vật cùn gây ra trên thái dương Calvert. Vết thương không chảy máu nhiều, điều đó cho thấy tim anh ta đã ngừng đập ngay sau khi sọ bị đập vỡ.

“Không, Rhyme, có vẻ như việc cắt xẻ là sau khi người này đã chết.”

Cô mơ hồ nghe thấy giọng nhà tội phạm học trao đổi với người trợ lý của anh, nói Thom viết điều đó lên sơ đồ bằng chứng. Anh còn nói điều gì đó nữa, nhưng cô không để ý. Hiện trường có nạn nhân gây ấn tượng kinh hoàng với cô và cứ ở lại mãi trong đầu. Nhưng đây là điều mà cô muốn. Phải, cô có thể bỏ mặc người chết – như cách mọi cảnh sát hiện trường tội phạm phải làm – và trong chốc lát cô sẽ làm thế. Nhưng cô cảm thấy cái chết xứng đáng nhận một khoảnh khắc mặc niệm. Sachs làm thế không phải vì cảm nhận tâm linh, hay vì sự tôn trọng mơ hồ nào đấy cho người chết; không, điều này là vì bản thân cô, để trái tim cô không trở nên sắt

đá, một quá trình xảy ra quá thường xuyên với cái nghề này.

Cô nhận ra Rhyme đang nói chuyện với cô.

"Sao cơ?" Cô hỏi.

"Anh đang tự hỏi, có hung khí gì không?"

"Không có dấu hiệu gì cả. Nhưng em chưa kiểm tra."

Một viên trung sĩ và một cảnh sát mặc đồng phục nhập hội cùng Sellitto ở lối vào. "Đã trao đổi với hàng xóm," một người nói. Hất đầu về phía thi thể rồi lại quay lại nhìn nó lần nữa. Cô đoán rằng anh ta chưa xem cận cảnh cuộc tàn sát. "Nạn nhân là một người tử tế, ít nói. Ai cũng thích anh ta. Đồng tính nhưng không có gì mờ ám. Đã không hẹn hò với ai một thời gian rồi."

Sachs gật đầu rồi nói vào micro, "Nạn nhân có vẻ không quen biết hung thủ, Rhyme."

"Chúng ta không nghĩ chuyện đó có thể, phải không?" Nhà tội phạm học nói. "Gã phù thủy có lịch hoạt động khác – bất kể thứ quái quỷ đó có là gì đi nữa."

"Nạn nhân làm nghề gì?" Cô hỏi các cảnh sát.

"Nghệ sĩ trang điểm và người tư vấn trang phục cho một trong các sân khấu ở Broadway. Chúng tôi tìm thấy valy của anh ta trong ngõ hẻm. Quý vị biết đấy, keo xịt tóc, đồ trang điểm, cọ."

Sachs tự hỏi liệu Calvert đã bao giờ được các nhiếp ảnh gia quảng cáo thuê chưa, và nếu có, liệu anh có từng làm việc với cô khi cô còn ở hãng người mẫu Chantelle trên đại lộ Madison hay không. Không giống như nhiều nhiếp ảnh gia và những người làm việc cho các hãng quảng cáo, các nghệ sĩ trang điểm coi người mẫu là con người. Một giám đốc kinh doanh có thể nói, "Được rồi, hãy sơn phết cho cô ta và xem cô ta trông như thế nào," và người nghệ sĩ trang điểm sẽ lầm bầm, "Xin lỗi, tôi không biết cô ấy là hàng rào trước nhà anh đấy."

Một thanh tra cảnh sát người Mỹ gốc Á ở khu Chín, vốn bao gồm phần này của thị trấn, đi về phía lối cửa ra vào, ngắt máy điện thoại di động của anh ta. "Cái này là sao, hả?" Anh ta hỏi một cách hào hứng.

"Là sao là thế nào," Sellitto lầm bầm. "Không thể hiểu gã thoát đi

thế nào? Chính nạn nhân đã gọi 911. Người của anh phải tới hiện trường trong vòng mười phút."

"Sáu phút," tay thanh tra nói.

Một trung sĩ nói, "Chúng tôi lặng lẽ đi xe tới và khống chế tất cả cửa sổ và cửa ra vào. Khi chúng tôi vào bên trong, thi thể vẫn còn ấm. Ý tôi là thân nhiệt vẫn bình thường. Chúng tôi lục soát từng phòng nhưng không thấy dấu vết nào của hung thủ."

"Có nhân chứng không?"

Viên trung sĩ gật đầu. "Người duy nhất ở sảnh khi chúng tôi tới đây là một bà cụ. Bà ấy đã tốt bụng mở cửa cho chúng tôi vào. Khi bà ấy trở lại, chúng ta sẽ lập tức trao đổi. Có thể bà ấy nhìn thấy gã."

"Bà ấy đi rồi hả?" Sellitto hỏi.

"Phải."

Rhyme nghe thấy. "Các vị biết đấy là ai chứ, đúng không?"

"Mẹ kiếp," nữ cảnh sát quát.

Viên thanh tra nói, "Không, không sao đâu. Chúng tôi đã để danh thiếp dưới cửa tất cả các nhà. Bà ấy sẽ gọi lại cho chúng ta."

"Không, bà ta sẽ không gọi lại đâu," Sachs nói, thở dài. "Đấy chính là hung thủ."

"Bà ấy sao?" Viên trung sĩ hỏi, giọng cao hơn. Anh ta cười lớn.

"Đấy không phải là một phụ nữ," Sachs giải thích. "Chỉ là nhìn giống một bà già thôi."

"Này, sĩ quan," Sellitto nói, "đừng quá hoang tưởng. Gã này không thể phẫu thuật thay đổi giới tính được."

"Có, gã có thể. Hãy nhớ lại những gì Kara nói với chúng ta. Là bà ta đó, thiếu úy. Muốn cá không?"

Cô nghe giọng Rhyme, "Anh sẽ không cá vụ đó đâu, Sachs."

Viên trung sĩ nói với vẻ phòng thủ, "Bà ấy đại khái khoảng bảy mươi tuổi. Mang một chiếc túi mua sắm lớn. Một quả dứa..."

“Xem này,” cô nói và chỉ vào quầy bếp, trên đó còn hai cái lá nhọn. Bên cạnh là một tấm danh thiếp nhỏ trên một miếng băng cao su, ghi tên Dole, gợi ý các công thức nấu món ngon từ dứa.

Mẹ kiếp. Họ đã thấy gã – gã chỉ cách họ có vài bước chân.

“Và,” Rhyme nói tiếp, “gã có lẽ vẫn còn giữ hung khí trong chiếc túi mua sắm đó.”

Cô nhắc lại điều đấy với viên thanh tra ở khu Chín đang ngày càng nhăn nhó.

“Anh không nhìn thấy mặt bà ta, đúng không?” Cô hỏi viên trung sĩ.

“Không hẳn. Chỉ liếc qua bà ta thôi. Cô biết đấy, đại khái toàn đồ trang điểm. Phủ kín mặt, thứ đấy là gì nhỉ? Bà nội tôi thường dùng ấy?”

“Phấn đỏ hả?” Sachs hỏi.

“Phải. Và lông mày được kẻ… Chà, chúng ta sẽ tìm ra bà ta bây giờ. Bà ta… gã không thể đi xa được.”

Rhyme nói, “Gã đã lại thay quần áo rồi, Sachs. Có lẽ ném đâu đó gần đấy.”

Cô nói điều đó với viên thanh tra gốc Á, “Giờ gã đã mặc thứ khác rồi. Nhưng viên trung sĩ đây có thể mô tả quần áo cho anh. Anh cần cử một đội đi kiểm tra các thùng rác và ngõ hẻm xung quanh đây.”

Viên thanh tra cảnh sát nhíu mày lạnh lùng và nhìn Sachs từ đầu tới chân. Một cái liếc mắt thận trọng từ Sellitto nhắc nhở cô rằng một phần quan trọng của việc trở thành một trung sĩ là đừng vội hành xử như thế cho tới khi ta thực sự đã là trung sĩ. Sau đó anh ra lệnh lục soát, rồi viên thanh tra cầm bộ đàm lên và ra lệnh.

Sachs mặc bộ áo liền quần Tyvek vào và đi theo từng ô trong sảnh và con hẻm (nơi cô tìm thấy một mẩu bằng chứng lạ lùng nhất mà cô từng gặp: một con mèo đen đồ chơi). Sau đó cô kiểm tra lại hiện trường kinh hoàng trong căn hộ của nạn nhân, xem xét thi thể và thu thập bằng chứng.

Cô đang trên đường ra xe của mình thì Sellitto ngăn cô lại. “Này, đợi đã, sĩ quan.” Anh gác điện thoại, có vẻ anh vừa có một cuộc nói

chuyện khó khăn, nó thể hiện qua vẻ mặt nhăn nhó của anh. “Tôi phải gặp đại úy và nhóm truyền thông của sở về vụ Gã phù thủy. Nhưng tôi cần cô làm chuyện này cho tôi. Chúng ta sẽ tăng cường một người cho nhóm. Tôi muốn cô đi đón anh ta.”

“Được thôi. Nhưng tại sao lại phải thêm người?”

“Vì chúng ta có hai thi thể trong vòng bốn tiếng đồng hồ và không có nghi can chết mẹ nào hết,” anh quát. “Và điều đó có nghĩa là đám lãnh đạo không vui. Đây là bài học đầu tiên của cô khi làm trung sĩ – khi lãnh đạo không vui, cô cũng không vui.”

***

Cây cầu Than Thở.

Đây là lối đi trên không nối liền hai tòa tháp vươn cao của Trung tâm Giam giữ Manhattan trên đường Centre thuộc trung tâm Manhattan. Lối mà những trùm mafia cộm cán với hàng trăm vụ đâm thuê chém mướn đã đi qua. Lối mà những thằng du côn đầu đất giết một du khách để cướp bốn mươi hai đô vì cần ma túy, cần đập đá, cần đủ thứ… đã đi qua.

Amelia Sachs giờ đang băng qua cây cầu đó, trên đường tới nơi giam giữ – tên chính thức là Khu phức hợp Bernard B. Kerik, nhưng vẫn nổi tiếng với tên không chính thức là Hầm mộ, một biệt danh thừa kế từ nhà tù ban đầu của thành phố nằm bên kia đường. Ở đây, phía trên cao khu hành chính của thành phố, Sachs báo tên với một người bảo vệ, giao lại khẩu Glock của cô (cô để món vũ khí không chính thức của cô – một con dao bấm – trong chiếc Camaro) và bước vào gian sảnh được đảm bảo an ninh ở phía bên kia cánh cửa điện ồn ào. Nó kêu lên ầm ĩ rồi đóng lại.

Vài phút sau, người mà cô tới đón bước ra từ một phòng thẩm vấn tù nhân gần đó. Gầy gò, gần bốn mươi tuổi, mái tóc nâu mỏng và nụ cười nhợt nhạt trên khuôn mặt hòa nhã. Anh ta mặc một cái áo khoác thể thao màu đen bên ngoài chiếc sơ-mi xanh và quần bò.

“Amelia, xin chào,” anh ta nói giọng lè nhè. “Vậy là tôi đi nhờ xe cô tới chỗ của Lincoln đúng không?”

“Chào, Rol. Phải rồi.”

Thanh tra cảnh sát Roland Bell cởi nút chiếc áo khoác và cô liếc nhìn thắt lưng anh. Theo quy định, anh cũng không được mang vũ khí, cô để ý thấy hai bao súng không nơi bụng Bell. Cô nhớ khi còn làm việc với nhau, họ thường so sánh những câu chuyện về việc phải "kéo ngón tay," một cụm từ của dân miền nam chỉ việc bắn súng – với anh là một trong những thú vui và với Sachs là một môn thể thao đối kháng.

Hai người nữa cũng ở trong phòng thẩm vấn tù nhân đi cùng họ. Luis Martinez, người mặc vest, là thanh tra mà cô từng gặp trước đó. Anh ta cắt đầu đinh, trông lặng lẽ nhưng đôi mắt rất nhanh nhẹn và cẩn trọng.

Người thứ hai mặc quần áo đi làm ngày thứ Bảy: quần kaki và áo sơ-mi đen Izod, khoác ngoài một chiếc áo gió đã nhạt màu. Anh tự giới thiệu là Charles Grady, Sachs chỉ nhìn qua là biết anh là người thế nào; trợ lý công tố quận là một ngôi sao trong giới thực thi pháp luật ở New York. Tay cử nhân Luật Harvard tuổi trung niên, người gọn gàng, đã ở văn phòng công tố rất lâu sau khi hầu hết các công tố viên bỏ đi tìm những chỗ làm béo bở hơn. "Bò mộng" và "lỳ lợm" chỉ là hai trong số nhiều sáo ngữ báo chí thường xuyên sử dụng với anh. Anh được so sánh một cách trìu mến với Rudolph Giuliani[39]; tuy nhiên, không giống tay cựu thị trưởng, Grady không có tham vọng chính trị. Anh hài lòng ở lại văn phòng công tố và theo đuổi đam mê của mình, mà anh mô tả nó đơn giản là "bắt kẻ xấu vào tù."

---

[39] Rudolph Giuliani, sinh năm 1944, là Chưởng lý Hoa Kỳ khu vực Nam New York 1983 - 1989, Thị trưởng New York 1994 - 2001, và hiện là luật sư riêng của Tổng thống Mỹ Donald Trump.

Và hóa ra anh rất giỏi việc đó; thành tích kết tội của anh vào loại tốt nhất trong lịch sử thành phố.

Bell có mặt ở đây vì vụ hiện giờ của Grady. Chính quyền bang đang truy tố một tay đại lý bảo hiểm bốn mươi lăm tuổi sống ở một thị trấn nhỏ vùng nông thôn Thượng New York. Tuy nhiên, tay Andrew Constable này không nổi tiếng trong vai trò người bảo lãnh mua nhà như trong vai trò tại nhóm vũ trang địa phương, Hội Ái quốc. Hắn bị truy tố vì tội âm mưu giết người và kích động thù hận, vụ việc đã được chuyển xuống đây theo một đề nghị thay đổi nơi xét xử.

Khi ngày diễn ra phiên tòa tới gần, Grady bắt đầu nhận được

những lời đe dọa tính mạng. Rồi vài ngày trước, tay công tố viên nhận được một cuộc gọi từ văn phòng của Fred Dellray, một đặc vụ FBI thường xuyên hợp tác với Rhyme và Sellitto. Dellray hiện không rõ tung tích vì tham gia vào một nhiệm vụ chống khủng bố, nhưng các đặc vụ đồng đội của anh đã biết về âm mưu nghiêm trọng đe dọa tính mạng của Grady. Đêm thứ Năm, rạng sáng thứ Sáu, văn phòng của Grady đã bị đột nhập. Tới lúc đó, người ta quyết định phải gọi cho Roland Bell.

Nhiệm vụ chính thức của tay người gốc Bắc Carolina ăn nói nhỏ nhẹ là các vụ án mạng và những tội ác nghiêm trọng khác cùng với Lon Sellitto. Nhưng anh cũng đứng đầu một đơn vị không chính thức của các thanh tra cảnh sát NYPD tên là SWAT, có cùng chữ viết tắt với đơn vị mà mọi người xem phim cảnh sát đều biết; nhưng phiên bản này lại là viết tắt của "Nhóm Cứu mạng Nhân chứng[40]."

---

[40] SWAT: Phổ biến là viết tắt của "Special Weapons and Tactics," nghĩa là "Chiến thuật và vũ khí Đặc biệt," chỉ các đơn vị đặc nhiệm của lực lượng sức mạnh, nhưng ở đây là viết tắt của "Saving the Witness's Ass Team," một lối chơi chữ.

Bell, như chính anh nói, "có đam mê đặc biệt với việc giữ mạng sống cho những người mà kẻ khác muốn họ phải chết."

Kết quả là ngoài khối lượng công việc điều tra thông thường với Sellitto và Rhyme, Bell còn có thêm nhiệm vụ thứ hai là chỉ huy nhóm bảo vệ nhân chứng.

Nhưng giờ các vệ sĩ của Grady đã có mặt và cấp trên ở trung tâm thành phố – những cấp trên đang không vui vẻ gì – cũng quyết định rằng phải tăng cường nỗ lực bắt cho được Gã phù thủy. Cần thêm cơ bắp cho nhóm Sellitto-Rhyme, và Bell là một sự lựa chọn hợp lý.

"Vậy đấy chính là Andrew Constable," Grady nói với Bell, hất đầu về phía cửa sổ mờ ảo mở vào phòng thẩm vấn.

Sachs bước tới cửa sổ và nhìn thấy một tù nhân mảnh khảnh, trông khá đĩnh đạc trong bộ đồ tù áo liền quần màu cam, ngồi bên một chiếc bàn, đầu cúi xuống, gục gặc chậm rãi.

"Hắn có giống như anh hình dung không?" Grady nói tiếp.

"Đừng phỏng đoán," Bell lè nhè. "Tôi nghĩ hắn là người nhà quê,

kiểu niềm tin mù quáng điển hình, anh hiểu ý tôi mà đúng không? Nhưng gã này, hắn khá là lịch thiệp. Charles ạ, sự thật là tôi phải nói rằng hắn không cảm thấy mình có tội."

"Chắc chắn là không rồi." Grady nhăn mặt. "Sẽ khó mà kết án được." Rồi một tiếng cười lớn giễu cợt. "Nhưng đó là lý do họ trả nhiều tiền để thuê tôi." Lương của Grady thấp hơn của một cộng sự năm đầu ở một công ty luật Phố Wall.

Bell hỏi, "Có tin gì về vụ đột nhập văn phòng của anh không? Báo cáo hiện trường tội phạm sơ bộ đã đến chưa? Tôi cần phải xem."
"Nó đang được xúc tiến. Chúng tôi đảm bảo rằng anh sẽ nhận được một bản."

Bell nói, "Chúng tôi còn một tình huống khác cần xem xét. Tôi sẽ để người của tôi lại với anh và gia đình. Nhưng nếu có việc chỉ cần gọi tôi thôi."

"Cảm ơn, thanh tra," Grady nói. Rồi anh nói thêm, "Con gái tôi gửi lời chào. Chúng ta phải đi đón nó cùng mấy cậu nhóc của anh. Và gặp quý cô bạn anh nữa. Cô ấy sống ở đâu nhỉ?"

"Lucy ở Bắc Carolina."

"Cô ấy cũng là cảnh sát đúng không?"

"Phải, quyền chánh văn phòng cảnh sát trưởng. Khu đô thị ở Tanner's Corner."

Luis Martinez để ý thấy Grady bắt đầu đi về phía cửa và anh ngay lập tức đến bên cạnh tay công tố viên. "Anh có muốn đợi ở đây một lát không, Charles?" Người cảnh vệ rời khu vực an ninh và lấy lại khẩu súng ngắn từ tay bảo vệ đang coi chừng những tủ khóa đằng sau bàn rồi cẩn thận nhìn ra hành lang và cây cầu.

Chính lúc đó một giọng nói mềm mỏng vang lên sau lưng họ.

"Xin chào, thưa cô."

Sachs nhận ra trong những lời đó một giọng nói trầm bổng đặc biệt, hình thành qua một quãng thời gian lâu dài làm việc cho nhà nước và tương tác với công luận. Cô quay lại và thấy Andrew Constable đứng cạnh một người gác ngục cao to. Tay tù nhân khá cao, tư thế hoàn toàn thẳng tắp. Mái tóc muối tiêu của hắn bồng bềnh và dày. Tay luật sư thấp người, tròn trĩnh đứng cạnh hắn.

Hắn nói tiếp, “Có phải cô thuộc nhóm bảo vệ cho ông Grady đây không?”

“Andrew,” luật sư của hắn cảnh báo.

Tay tù nhân gật đầu. Nhưng cặp lông mày của hắn nhướng lên khi nhìn Sachs.

“Đây không phải vụ của tôi,” cô nói cộc lốc.

“A, không phải sao? Tôi định nói với cô điều tôi đã nói với thanh tra Bell. Tôi thật sự không biết gì về những lời đe dọa ông Grady.” Hắn quay sang Bell, người đang nhìn trừng trừng nghi phạm. Tay cảnh sát người Tarheel[41] đôi khi có vẻ rụt rè và kín đáo, nhưng anh không bao giờ như thế khi đối đầu với một nghi phạm. Phản ứng của anh lúc này là một ánh mắt lạnh lùng.

---

[41] Tarheel: Một biệt danh của bang Bắc Carolina.

“Quý vị phải làm việc của mình. Tôi hiểu điều đó. Nhưng hãy tin tôi, tôi sẽ không làm hại ông Grady đâu. Một trong những điều khiến đất nước này vĩ đại là luật chơi công bằng.” Một tiếng cười lớn. “Tôi sẽ đánh bại ông ấy ở phiên tòa. Điều mà tôi sẽ làm – nhờ anh bạn trẻ sáng láng này đây.” Một cái hất đầu về phía tay luật sư. Rồi ánh mắt tò mò hướng về Bell. “Có một chuyện tôi muốn đề cập, thanh tra. Tôi tự hỏi liệu ông có chút quan tâm nào tới những việc mà mấy người Ái quốc của tôi đang làm ở Canton Falls không.”

“Tôi hả?”

“Ồ, ý tôi không phải là những âm mưu điên khùng tào lao. Ý tôi là những thứ chúng tôi thực sự định làm.”

Tay luật sư của tên tù nhân nói, “Đủ rồi, Andrew. Tốt hơn là hãy giữ im lặng.”

“Chỉ là tán chuyện thôi, Joe.” Gã liếc nhìn Bell. “Thế nào?”

“Ý ngài là thế nào đây, thưa ngài?” Bell hỏi cứng đơ.

Sự bóng gió về phân biệt chủng tộc và gốc gác miền nam của viên thanh tra không hề được chú ý tới. Hắn nói, “Quyền của tiểu bang, người lao động, chính quyền địa phương đối đầu chính quyền liên bang. Anh nên ghé thăm trang web của chúng tôi, thanh tra.” Hắn

cười lớn. “Người ta tưởng sẽ thấy chữ thập ngoặc. Nhưng chỉ có Thomas Jefferson[42] và George Mason[43].” Khi Bell chẳng nói gì, một khoảng im lặng nghẹt thở lấp đầy khoảng không ít ỏi xung quanh họ. Tay tù nhân lắc đầu rồi cười lớn và tỏ ra bối rối. “Chúa ơi, xin thứ lỗi… Đôi khi tôi không kiềm được – tất cả những chuyện rao giảng lố bịch này. Cứ xếp một vài người xung quanh tôi và xem xem chuyện gì xảy ra – tôi ở đây quá lâu đến mức người ta không muốn tiếp rồi.”

Người lính gác nói, “Đi thôi.”

“Được rồi,” tay tù nhân đáp. Một cái gật đầu với Sachs, rồi với Bell. Hắn đi dọc hành lang trong tiếng lanh canh khe khẽ của đôi cùm chân. Luật sư của hắn gật đầu với tay công tố viên – hai kình địch tôn trọng nhau nhưng cũng đề phòng nhau – và rời khu vực an ninh.

Một lát sau, Grady, Bell và Sachs cất bước, Martinez cũng đi cùng họ.

Viên nữ cảnh sát nói, “Hắn không giống một con quái vật. Chính xác thì các cáo buộc là gì?”

---

[42] Thomas Jefferson (1743 - 1826), Tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ từ 1801-1809. Ông là tác giả của bản Tuyên ngôn Độc lập, Đạo luật Virginia về tự do tín ngưỡng, và là cha đẻ của trường Đại học Virginia.

[43] George Mason (1725 - 1792), chính trị gia lớn người Mỹ thời lập quốc. Ông là tác giả chính của Tuyên ngôn Nhân quyền Virginia, tài liệu cơ sở cho Tuyên ngôn Nhân quyền Hoa Kỳ.

Grady nói, “Một người bên ATF[44] làm tay trong trong một vụ về vũ khí ở vùng thượng bang đã phát hiện ra âm mưu mà chúng tôi nghĩ là do Constable đứng đằng sau. Một số người của hắn sẽ dụ các cảnh sát bang tới những vùng xa xôi trong hạt bằng các cuộc gọi 911 giả. Nếu trong số đó có người da đen, chúng sẽ bắt cóc, lột trần và hành hình họ. Ồ, có thể sẽ thiến họ nữa.”

---

[44] ATF: tức “Bureau of Alcohol, Tobacco, Firearms and Explosives,” Cục Rượu, Thuốc lá, Súng và Chất nổ Hoa Kỳ.

Sachs, vốn đã quen đối phó với vô số tội ác kinh khủng trong nhiều năm làm cảnh sát, chớp mắt vì sốc trước tin tức kinh hoàng này. “Anh có nghiêm túc không?”

Grady gật đầu. “Và đó mới chỉ là khởi đầu. Có vẻ như các vụ hành hình đều thuộc về một kế hoạch lớn. Chúng hy vọng rằng nếu chúng sát hại đủ số cảnh sát bang và truyền thông đưa tin về các vụ hành hình bằng cách treo cổ đó lên ti-vi, người da đen sẽ nổi dậy làm loạn. Điều đó sẽ giúp người da trắng trên cả nước có cơ hội trả đũa và quét sạch bọn họ. Chúng hy vọng rằng người Latinh và gốc Á cũng sẽ nhập hội cùng người da đen, và cuộc cách mạng da trắng sẽ quét sạch họ luôn.”

“Ngày nay và trong thời đại này hả?”

“Cô sẽ ngạc nhiên đấy.”

Bell gật đầu với Luis. “Hắn giờ do anh chăm sóc. Hãy để ý.”

“Chắc chắn rồi,” tay thám tử đáp. Grady và người cảnh vệ mảnh khảnh rời sảnh trại giam trong khi Sachs và Bell lấy lại vũ khí của họ ở bàn đăng ký. Khi họ trở lại khu vực tòa án của tòa nhà Tòa Hình sự, đi qua cây cầu Than Thở, Sachs nói với Bell về Gã phù thủy và những nạn nhân của gã.

Bell cau mày khi nghe đến cái chết kinh hoàng của Anthony Calvert. “Động cơ?”

“Không biết.”

“Mô thức?”

“Như trên.”

“Nghi phạm trông thế nào?” Bell hỏi.

“Cũng chẳng có gì mấy với phần đó.”

“Chẳng có gì hết sao?”

“Chúng tôi nghĩ gã là đàn ông da trắng, tầm vóc trung bình.”

“Vậy là chưa có ai nhìn thấy gã hả?”

“Thực ra rất nhiều người đã thấy gã. Trừ việc lần đầu tiên họ thấy, thì gã là một người đàn ông tóc tối màu, có râu ngoài năm mươi. Lần tiếp theo thì là một tay gác cổng hói đầu ngoài sáu mươi. Rồi lần này là một phụ nữ ngoài bảy mươi.”

Bell đợi cô bật cười, cho thấy đó chỉ là một trò đùa. Khi cô vẫn giữ nguyên khuôn mặt nhăn nhó, anh hỏi, “Cô không nói đùa đấy

chứ?"

"E là không, Roland."

"Tôi giỏi," Bell nói, lắc đầu và gõ vào khẩu súng ngắn tự động bên hông phải anh. "Nhưng tôi cần một mục tiêu."

Tôi cũng mong anh biết được mục tiêu của mình, Amelia Sachs nghĩ.

Chương mười hai

Bằng chứng từ hiện trường thứ hai đã tới và Mel Cooper đang sắp xếp những chiếc túi và lọ thủy tinh trên những chiếc bàn kiểm tra trong phòng đợi của Rhyme.

Sellitto vừa trở lại từ một cuộc họp căng thẳng ở Tổng hành dinh về vụ Gã phù thủy. Phó hội đồng phụ trách cảnh sát và thị trưởng muốn biết chi tiết về tiến triển của một vụ không có mấy chi tiết và chẳng có tiến triển gì.

Rhyme đã được nghe về những ảo thuật gia người Ukraine ở Cirque Fantastique và biết rằng họ không có tiền án. Hai cảnh sát được bố trí ở khu lều cũng đã kiểm tra xung quanh rạp xiếc và báo lại rằng không có đầu mối hay hoạt động nào đáng ngờ.

Một lát sau Sachs bước vào phòng, theo sau là một Roland Bell lặng lẽ. Khi Sellitto được lệnh bổ sung thêm một thanh tra cảnh sát vào nhóm, Rhyme ngay lập tức đề xuất Bell; anh thích ý tưởng về một cảnh sát có tài xoay xở, một tay súng giỏi, để hỗ trợ Sachs ngoài hiện trường.

Việc chào hỏi và giới thiệu nhanh chóng diễn ra. Bell không được báo trước về sự có mặt của Kara và cô trả lời ánh mắt dò hỏi của anh bằng câu: "Tôi giống anh này." Một cái hất đầu về phía Rhyme. "Đại khái là tư vấn."

Bell nói, "Rất vui được gặp cô." Và chớp mắt khi thấy cô lơ đãng đảo đồng thời ba đồng xu qua lại liên tục trên nắm tay của cô.

Lúc Sachs bắt tay vào xem xét bằng chứng với Cooper, Rhyme hỏi, "Nạn nhân là ai?"

"Tên là Anthony Calvert. Ba mươi hai tuổi. Chưa kết hôn. Trong trường hợp này là không có bạn đời."

“Có liên hệ gì với cô sinh viên ở trường nhạc không?”

“Không có vẻ gì là thế,” Sellitto đáp. “Bedding và Saul đã kiểm tra rồi.”

“Nghề nghiệp anh ta là gì?” Cooper hỏi.

“Người trang điểm ở Broadway.”

Và người thứ nhất là một nhạc công, sinh viên âm nhạc, Rhyme nhớ lại. Một phụ nữ, một nam giới đồng tính. Sống và làm việc ở những khu khác nhau. Điều gì có thể liên kết hai vụ giết người này? Anh hỏi, “Có liên quan gì tới tình dục không?”

Nhưng vì tội ác đầu tiên không liên quan tới tình dục, Rhyme không ngạc nhiên khi Sachs nói, “Không. Trừ khi gã mang những ký ức cùng lên giường với gã… Và gã thỏa mãn nhờ thế.” Cô bước lên chỗ tấm bảng trắng và dán những bức ảnh kỹ thuật số về thi thể đó.

Rhyme lăn xe lại gần hơn và nghiên cứu những hình ảnh kinh khủng.

“Bệnh hoạn bỏ mẹ.” Sellitto đưa ra một lời nhận xét đờ đẫn.

“Và hung khí là gì?” Roland Bell hỏi.

“Nhìn như là một cái cưa tay,” Cooper nói, nhìn thật gần vào những vết thương.

Bell, người đã thấy kha khá những cảnh tượng kinh hoàng khi làm cảnh sát cả ở Bắc Carolina và New York, lắc đầu. “Chà, một vụ khó nhằn đây.”

Rhyme tiếp tục nghiên cứu những bức hình. Anh bỗng thấy một âm thanh lạ lùng, một tiếng huýt gió bất thường ở gần đó. Anh quay sang và thấy Kara đứng đằng sau mình. Âm thanh đó là hơi thở hoảng hốt của cô. Cô đang nhìn vào những bức hình cơ thể của Calvert. Cô lùa tay qua mái tóc ngắn của mình khi nhìn chằm chằm không rời mắt vào những bức ảnh, mắt mở to ngấn lệ vì sốc. Hàm cô rung lên. Cô quay mặt đi khỏi tấm bảng.

“Cô có…?” Sachs hỏi.

Kara giơ một tay lên, nhắm mắt lại, thở dốc.

Lúc nhìn thấy sự đau đớn trên gương mặt cô, khi đó Rhyme biết,

rằng điều này quá kinh khủng. Cô đã chạm tới giới hạn. Cuộc đời anh – công việc ở hiện trường vụ án – đưa đến kiểu kinh hoàng dạng này; nhưng thế giới của cô thì không. Những rủi ro và nguy cơ trong nghề nghiệp của cô mang tính ảo giác và sẽ là quá đáng nếu mong đợi người bình thường tự nguyện đối mặt với sự ghê rợn này. Điều này thật đáng xấu hổ vì họ vô cùng cần sự hỗ trợ của cô. Nhưng nhìn thấy sự kinh hoàng trên gương mặt cô, anh biết họ không thể để cô nhìn thấy thêm những thứ kinh khủng như thế này nữa. Anh tự hỏi liệu cô có thấy phát bệnh không.

Sachs định bước về phía cô nhưng dừng lại khi Rhyme lắc đầu – thông điệp của anh là: anh biết họ đang để mất cô gái và họ phải để cô đi.

Trừ việc anh đã sai. Kara hít một hơi thật sâu – như một người nhảy dù sắp sửa nhảy khỏi máy bay – và quay lại với những bức hình, một vẻ cương quyết ẩn trong ánh mắt cô. Cô lấy lại tinh thần để đối mặt với những tấm ảnh lần nữa.

Cô nghiên cứu kỹ chúng và cuối cùng gật đầu. "P. T. Selbit," cô nói, quệt đôi mắt xanh.

"Là một người à?" Sachs hỏi.

Kara gật đầu. "Ông Balzac từng biểu diễn vài tiết mục của người này. Đó là một ảo thuật gia sống cách đây một trăm năm. Ông ấy đã diễn màn này. Tên của nó là *Cắt một phụ nữ làm đôi*. Vụ này tương tự như thế, nạn nhân bị trói lại, tư thế đại bàng sải cánh. Chiếc cưa. Sự khác biệt duy nhất là gã chọn một người đàn ông cho màn trình diễn." Cô chớp mắt vì từ ngữ nhã nhặn đấy. "Ý tôi là, tên sát nhân."

Một lần nữa Rhyme hỏi, "Có phải chỉ một số ít người biết về tiết mục này?"

"Không. Đây là một trò nổi tiếng, thậm chí còn nổi tiếng hơn trò *Người biến mất*. Bất kỳ ai dù chỉ với chút kiến thức ít ỏi nhất về ảo thuật cũng sẽ biết về nó."

Anh đã đoán trước được câu trả lời gây nản lòng đó nhưng nói, "Đằng nào cũng đưa nó vào hồ sơ đi, Thom." Rồi với Sachs: "Được rồi, cho chúng tôi biết chuyện gì xảy ra ở nhà Calvert đi."

"Có vẻ nạn nhân đi qua lối sau của tòa nhà để tới chỗ làm – như anh ta vẫn luôn làm thế, theo lời kể của hàng xóm. Anh ta đi ngang qua con hẻm và nhìn thấy thứ này." Cô chỉ vào con mèo đồ

chơi màu đen trong một túi nhựa. “Một con mèo đồ chơi.”

Kara xem qua nó. “Nó là đồ tự động. Nhìn như một con robot. Chúng ta sẽ gọi nó là một feke.”

“Một gì cơ…?”

“F-E-K-E. Một đạo cụ mà khán giả phải nghĩ là đồ thật. Giống như một con dao giả với lưỡi tự biến mất hay một cốc cà phê với ngăn bí mật trong đó.”

Cô bật một công tắc và bỗng nhiên con mèo bắt đầu cử động, tạo ra một tiếng “meo” nghe như thật. “Nạn nhân hẳn đã thấy con mèo và đi về phía nó, có lẽ nghĩ rằng nó bị thương,” Sachs nói tiếp. “Đó là cách Gã phù thủy dụ anh ấy vào trong ngõ cụt.”

“Nguồn gốc?” Rhyme hỏi Cooper.

“Sing-Lu Manufacturing ở Hong Kong. Tôi đã kiểm tra trang web. Món đồ chơi này có bán ở hàng trăm cửa hàng trên cả nước.” Rhyme thở dài. “Quá phổ biến để dò ra nguồn gốc” có vẻ là chủ đề của vụ này.

Sachs nói tiếp, “Vậy là Calvert bước lại chỗ con mèo, cúi xuống để kiểm tra nó. Hung thủ nấp ở đâu đó và…”

“Tấm gương,” Rhyme xen ngang. Anh liếc Kara, cô gật đầu. “Ảo thuật gia sử dụng gương rất nhiều. Ta đặt chúng đúng hướng và có thể làm biến mất hoàn toàn bất kỳ thứ gì hay bất kỳ ai ở đằng sau nó.”

Rhyme nhớ lại tên cửa hàng của cô là Smoke & Mirrors[45].

---

[45] Nghĩa là “Khói & Những tấm gương.”

“Nhưng có chuyện gì đó đã xảy ra và nạn nhân chạy trốn,” Sellitto nói tiếp. “Giờ là phần điên khùng này. Chúng tôi đã kiểm tra băng ghi âm của 911. Calvert đã trở vào trong căn hộ của anh ta rồi gọi cảnh sát. Anh ta nói kẻ tấn công đang ở bên ngoài tòa nhà và cánh cửa đã khóa. Nhưng rồi đường dây bị cắt. Bằng cách nào đó Gã phù thủy đã lọt vào bên trong.”

“Có lẽ là cửa sổ… Sachs, em có kiểm tra lối thoát hiểm không?”

“Không. Cửa sổ ở lối thoát hiểm khóa trong.”

“Vẫn nên kiểm tra chỗ đó,” Rhyme nói ngắn gọn.

“Gã không vào bằng lối đó. Không đủ thời gian.”

“Vậy thì gã hẳn phải có chìa khóa của nạn nhân,” nhà tội phạm học nói.

“Không có dấu tay nào trên đó cả,” Sachs phản bác. “Chỉ có của nạn nhân.”

“Gã hẳn phải có,” Rhyme khăng khăng.

“Không,” Kara nói. “Gã đã phá khóa.”

“Không thể nào,” Rhyme nói. “Hoặc có thể gã đã lọt vào trong từ trước đó và có một chiếc khuôn để làm chìa khóa. Sachs, em nên trở lại và kiểm tra xem gã có…”

“Gã đã phá khóa,” người phụ nữ trẻ nói cương quyết. “Tôi đảm bảo điều đó.”

Rhyme lắc đầu. “Trong vòng sáu mươi giây gã phá được hai cánh cửa sao? Điều đó là bất khả thi.”

Kara thở dài. “Tôi xin lỗi, nhưng phải, trong sáu mươi giây gã đã lọt qua hai cánh cửa. Và có thể là gã còn không mất tới ngần ấy thời gian.”

“Vậy hãy cứ cho rằng gã không làm được thế,” Rhyme bác bỏ. “Giờ thì…”

Người phụ nữ trẻ quát lên. “Hãy cho rằng gã làm được. Nghe đây, chúng ta không thể bỏ qua chuyện này. Nó nói với chúng ta một điều khác về gã – một điều quan trọng: rằng những cánh cửa khóa cũng không làm gã chậm lại.”

Rhyme liếc nhìn Sellitto, người vừa cho biết, “Tôi phải nói rằng với kinh nghiệm làm các vụ trộm, tôi đã bắt hàng tá thủ phạm nhưng không kẻ nào phá khóa nhanh được như thế.”

“Ông Balzac bắt tôi tập phá khóa mười tiếng một tuần,” Kara nói. “Tôi không có bộ đồ nghề ở đây, nhưng nếu tôi có, tôi có thể mở cửa trước nhà anh trong ba mươi giây, khóa chốt chết trong sáu mươi giây. Nhưng tôi không biết cách mở một loạt với một ổ khóa. Nếu Gã phù thủy biết, gã có thể rút thời gian còn một nửa. Tôi hiểu rằng các vị thích những thứ bằng chứng này. Nhưng quý vị

đang lãng phí thời gian yêu cầu Amelia tìm kiếm một điều không hề có."

"Cô chắc chứ?" Sellitto hỏi.

"Nếu anh không tin tôi, thì tại sao anh lại muốn tôi giúp?"

Sachs liếc nhìn Rhyme. Anh miễn cưỡng chấp nhận đánh giá của Kara với một cái gật đầu lạnh lùng (dù trong thâm tâm anh hài lòng vì cô gái này đã cho thấy quyết tâm; điều đó bù đắp rất nhiều cho Cái nhìn và Nụ cười lúc trước). Anh nói với Thom, "Được rồi, hãy ghi lại trên bảng là hung thủ cũng là một bậc thầy về mở khóa."

Sachs nói tiếp, "Không có dấu vết gì về đồ vật mà Gã phù thủy đã dùng để đánh ngất nạn nhân. Vết thương do một vật cùn gây ra. Có vẻ là một chiếc ống. Nhưng gã đã mang thứ đó đi."

Báo cáo về vân tay đã tới. Tám mươi chín vân tay khác nhau từ những khu vực hiện trường gần nạn nhân và những nơi Gã phù thủy nhiều khả năng chạm tới nhất. Nhưng Rhyme ngay lập tức để ý thấy có một số vân tay nhìn khá lạ và khi kiểm tra kỹ hơn, anh phát hiện ra rằng chúng là những bọc ngón tay. Anh chẳng thiết tha quét những cái khác nữa.

Quay sang đầu mối Sachs thu thập được ở hiện trường, họ tìm thấy một lượng nhỏ cùng loại dầu khoáng mà họ đã thu được ở trường Âm nhạc buổi sáng hôm đó và có thêm cao su, đồ trang điểm và alginate.

Thanh tra Kuan ở khu vực Chín gọi tới và báo rằng việc tìm kiếm các thùng rác quanh tòa nhà của Calvert không cho thấy manh mối gì về quần áo thay nhanh hay hung khí của hung thủ. Rhyme cảm ơn anh và nói anh tiếp tục tìm kiếm. Người đàn ông nói anh ta sẽ làm thế, nhưng với sự háo hức giả tạo tới mức Rhyme biết cuộc tìm kiếm đã kết thúc rồi.

Nhà tội phạm học hỏi Sachs, "Em nói là gã đã đập vỡ đồng hồ của Calvert đúng không?"

"Phải. Chính xác là vào giữa trưa. Sau đấy vài giây."

"Và nạn nhân kia là vào lúc tám giờ. Có vẻ gã có một lịch trình. Có thể còn một người nữa đang xếp hàng vào lúc bốn giờ chiều nay."

Còn chưa đầy ba tiếng đồng hồ nữa kể từ bây giờ.

Cooper nói tiếp, “Không tìm thấy gì ở tấm gương. Không nhà sản xuất – đấy hẳn là một tấm gương có khung và gã đã tháo nó ra. Vài vân tay là thật, nhưng chúng bị che bởi vết nhòe từ đồ bọc ngón tay nên tôi đoán chúng là của người bán hàng nơi gã mua nó hay của người sản xuất. Tôi vẫn sẽ gửi nó cho AFIS.”

“Có một đôi giày,” Sachs nói, nhấc một cái túi khỏi hộp bìa các-tông.

“Của gã hả?”

“Có thể. Cùng nhãn hiệu Ecco mà chúng ta tìm thấy ở trường Âm nhạc – cùng cỡ luôn.”

“Gã bỏ chúng lại. Nhưng tại sao?” Sellitto tự hỏi.

Rhyme đề xuất, “Có lẽ nghĩ rằng chúng ta đã biết gã mang giày Ecco ở hiện trường vụ thứ nhất và sợ các cảnh sát hiện trường để ý thấy chúng trên người một bà già cao tuổi.”

Kiểm tra đôi giày, Mel Cooper nói, “Chúng ta có một số dấu vết tốt ở vết hằn phía trước gót giày và giữa mũi giày với phần giữa.” Anh mở chiếc túi ra và cạo lấy thứ đấy. “Rất nhiều đấy,” tay kỹ thuật viên lơ đễnh nói và nghiêng người trên đám đất.

Khó có thể nói chỗ đất đó là rất nhiều, nhưng cho mục đích pháp y thì số đất nhỏ bé ấy tương đương cả một ngọn núi và có thể tiết lộ rất nhiều thông tin. “Xem kỹ nó đi, Mel,” Rhyme ra lệnh. “Hãy xem chúng ta có gì.”

Thiết bị chủ lực trong một phòng thí nghiệm pháp y là kính hiển vi và mặc dù đã có rất nhiều điều chỉnh theo thời gian, thiết bị này vẫn không khác là bao về lý thuyết so với chiếc kính hiển vi mạ đồng mà Antonie van Leeuwenhoek[46] phát minh ở Hà Lan những năm 1600.

---

[46] Antonie van Leeuwenhoek (1632 - 1723), doanh nhân và nhà khoa học người Hà Lan. Ông được coi là cha đẻ của ngành vi sinh vật học.

Ngoài một kính hiển vi điện tử cổ lỗ sĩ mà anh hiếm khi cần tới, Rhyme còn có hai kính hiển vi khác đặt trong phòng thí nghiệm tại nhà. Một cái là kính kép hiệu Leitz Orthoplan, mẫu cũ hơn, nhưng là cái anh dùng nhiều nhất.

Cái thứ hai – mà Cooper sắp sửa dùng – là một kính hiển vi soi nổi,

là cái tay kỹ thuật viên đã sử dụng để xem các sợi ở hiện trường thứ nhất. Các thiết bị này có độ phóng đại tương đối thấp và thường được sử dụng để xem các vật thể ba chiều như côn trùng hay chất liệu từ cây cỏ.

Hình ảnh hiện lên trên màn hình máy tính cho Rhyme và những người khác cùng thấy.

Các sinh viên tội phạm học năm nhất luôn thích chọn kính hiển vi mạnh nhất để xem xét bằng chứng. Nhưng trên thực tế, độ phóng đại tốt nhất cho các mục đích liên quan tới pháp y thường khá thấp. Cooper bắt đầu ở độ phóng đại 4x rồi tiến lên thành 30x.

"A, tập trung nào, tập trung nào," Rhyme gọi.

Cooper chỉnh lại tỉ lệ vật kính để hình ảnh chất liệu đó rõ ràng đến mức hoàn hảo.

"Rồi, hãy xem qua nào," Rhyme nói.

Tay kỹ thuật viên di chuyển phần đế để đồ vật bằng những cú xoay không thể nhìn thấy trong bảng kiểm soát nối với đế. Lúc anh thực hiện, hàng trăm hình thù lướt qua màn hình, một số màu đen, một số màu đỏ và xanh lá, một số trong suốt. Cảm giác thường trực của Rhyme khi nhìn qua thị kính một kính hiển vi là anh giống một kẻ rình mò, tìm hiểu về một thế giới không hề hay biết là mình đang bị soi mói.

Và thế giới ấy có thể tiết lộ rất nhiều điều.

"Là lông," Rhyme nói, xem xét một sợi dài. "Động vật." Anh có thể nói thế bởi số lượng vẩy trên sợi lông.

"Là loài nào?" Sachs hỏi.

"Tôi cho là chó," Cooper đề xuất. Rhyme nhất trí. Tay kỹ thuật viên lên mạng và một lát sau chạy các hình ảnh qua một bộ dữ liệu lông động vật của NYPD. "Có hai giống, không, ba giống. Nhìn như độ dài trung bình lông của một trong các giống này. Chó chăn cừu Đức hoặc Malinois. Và lông từ hai giống lông dài hơn. Chó chăn cừu Anh, chó bri."

Cooper bấm màn hình dừng lại. Họ đang nhìn vào một đám lớn những hạt và que và ống màu nâu.

"Thứ dài đó là gì?" Sellitto hỏi.

“Sợi à?” Sachs đề xuất.

Rhyme liếc nó. “Anh sẽ nói đó là cỏ khô, hoặc một loại thực vật nào đấy. Nhưng anh không nhận ra chất liệu kia. Đưa nó vào máy đi, Mel.”

Rất nhanh chóng, máy sắc ký khí/đo khối phổ đã cho ra dữ liệu. Một biểu đồ hiện lên trên màn hình, cho ra kết quả từ phân tích: sắc tố mật, sắc tố stercobilin, urobilin, indole, nitrates, skatole, mercaptan, hydrogen sulfide.

“A.”

“A hả?” Sellitto hỏi. “A cái gì?”

“Lệnh, kính hiển vi một,” Rhyme ra lệnh. Hình ảnh xuất hiện trở lại trên màn hình máy tính và anh đáp lời viên thanh tra, “Thật rõ ràng – vi khuẩn phân hủy xác chết, tiêu hóa một phần sợi và cỏ. Đây là cứt. Ôi, xin lỗi vì tôi đã thiếu tế nhị,” anh nói mỉa mai. “Đây là phân chó. Thủ phạm của chúng ta đã vô tình giẫm vào chỗ gã không nên giẫm vào.”

Điều này rất có ích: lông và phân là bằng chứng thuộc loại tốt và nếu họ tìm thấy dấu vết tương tự nơi nghi can, ở một địa điểm cụ thể hay trong một chiếc xe, sẽ có thể giả định khá chắc chắn rằng gã là, hoặc có tiếp xúc với Gã phù thủy.

Báo cáo vân tay trên những mảnh gương vỡ trong ngõ đã tới từ hệ thống AFIS. Không khớp với ai cả, và cũng không ai bất ngờ gì. “Còn gì nữa ở hiện trường?” Rhyme hỏi.

“Hết,” Sachs nói. “Chỉ có thế thôi.”

Rhyme đang nhìn qua biểu đồ bằng chứng thì chuông cửa reo và Thom ra mở cửa. Một lát sau anh trở lại, đi cùng là một cảnh sát mặc đồng phục. Anh ta đứng rụt rè ở cửa vào, như nhiều cảnh sát trẻ vẫn làm khi họ bước vào hang ổ của Lincoln Rhyme trong truyền thuyết. “Tôi muốn tìm thanh tra Bell. Tôi được báo là ông ấy ở đây.”

“Là tôi đây,” Bell nói.

“Báo cáo hiện trường tội phạm. Từ vụ đột nhập ở văn phòng của Charles Grady.”

“Cảm ơn, con trai.” Viên thanh tra nhận lấy phong bì và gật đầu

với chàng trai trẻ, người sau một cái liếc nhanh đầy sợ hãi về phía Lincoln Rhyme đã quay lưng và rời đi.

Đọc xong nội dung, Bell nhún vai. “Không phải chuyên môn của tôi. Này, Lincoln, anh có thể xem qua cái này được không?”

“Chắc chắn rồi, Roland,” Rhyme nói. “Gỡ kim bấm ra và để nó lên cái khung lật trang ở kia. Thom sẽ làm chuyện đó. Câu chuyện là gì? Đây là vụ Andrew Constable đúng không?”

“Đúng.” Anh kể với Rhyme về vụ đột nhập vào văn phòng của Charles Grady. Khi người trợ lý gắn báo cáo lên xong, Rhyme đẩy xe lại chỗ đọc. Anh đọc trang đầu tiên cẩn thận. Rồi nói, “Lệnh, lật trang.” Anh tiếp tục đọc.

Vụ đột nhập được thực hiện theo cách đơn giản là đập vỡ một góc cửa kính ở cửa dẫn vào hành lang và mở then từ bên trong (cánh cửa giữa phòng thư ký bên ngoài và phòng công tố viên bên trong được khóa hai lần và làm bằng gỗ dày; nó đã đánh bại kẻ đột nhập).

Rhyme lưu ý thấy những người lục soát ở hiện trường đã tìm thấy một thứ thú vị – trên và xung quanh bàn của thư ký có một lượng sợi. Báo cáo chỉ có thể chỉ ra được duy nhất màu sắc của chúng – hầu hết là màu trắng, một số màu đen và một sợi duy nhất màu đỏ. Họ cũng tìm thấy hai mảnh lá vàng nhỏ xíu.

Nhóm hiện trường biết được rằng vụ đột nhập diễn ra sau khi việc lau dọn văn phòng kết thúc, nên những sợi này có lẽ không phải do thư ký của Grady hay bất kỳ ai có thẩm quyền vào văn phòng của cô trong ngày hôm đó. Khả năng lớn nhất chúng là của kẻ đột nhập.

Rhyme đọc tới trang cuối cùng. “Chỉ có thế này thôi sao?” Anh hỏi.

“Tôi cho là thế,” Bell đáp.

Một tiếng cằn nhằn từ nhà tội phạm học. “Lệnh, gọi điện thoại. Gọi cho Peretti phẩy Vincent.”

Rhyme đã thuê Peretti làm cảnh sát hiện trường vài năm trước và anh tỏ ra là một tài năng trong lĩnh vực pháp y. Tuy nhiên, điều anh thực sự xuất sắc là thứ nghệ thuật bí truyền của chính trị văn phòng cảnh sát. Giờ anh ta là người đứng đầu Phòng Điều tra và Nguồn lực (IRD) của NYPD, đơn vị quản lý hiện trường tội ác.

Rhyme cuối cùng cũng kết nối được, tiếng người đàn ông vang lên, "Lincoln, khỏe không?"

"Khỏe, Vince. Tôi..."

"Anh đang làm vụ Gã phù thủy, đúng không? Thế nào rồi?" "Đang tiến hành. Nghe này. Tôi gọi về một vụ khác. Tôi đang ở đây với Roland Bell. Tôi vừa nhận được báo cáo về vụ đột nhập văn phòng của Grady..."

"À, vụ Andrew Constable. Những mối đe dọa nhắm vào Grady. Phải rồi. Tôi có thể giúp gì đây?"

"Ngay lúc này tôi đang xem bản báo cáo. Nhưng đây mới chỉ là sơ bộ. Tôi cần thêm thông tin. Đội hiện trường tìm thấy một số sợi. Tôi cần biết chính xác kết cấu của từng sợi, độ dài, đường kính, màu nhiệt độ, màu nhuộm được sử dụng và mức độ mòn."

"Đợi đã. Tôi đi lấy cây bút đã." Một lát sau: "Nói tiếp đi."

"Tôi cũng cần hình tĩnh điện của mọi dấu chân và ảnh chụp mô thức của chúng trên sàn. Và tôi muốn biết tất cả mọi thứ có trên bàn của thư ký, tủ và kệ sách. Mọi thứ trên bất kỳ bề mặt nào, trong ngăn kéo, trên tường. Và vị trí chính xác của nó."

"Mọi thứ hung thủ đụng vào hả? Được rồi, tôi hiểu. Chúng tôi sẽ..."

"Không, Vince. Mọi thứ trong văn phòng đó. Mọi thứ. Tập giấy, ảnh con cái của cô thư ký. Vật trang trí gắn trên ngăn tủ. Tôi không quan tâm là hắn có đụng vào không."

Giờ đã phát cáu, Peretti nói, "Tôi đảm bảo sẽ có người lo chuyện đó cho anh."

Anh không hiểu tại sao Peretti không tự mình thực hiện, điều mà Rhyme hẳn sẽ làm, ngay cả khi anh là trưởng phòng IRD, để đảm bảo là công việc đó sẽ được triển khai ngay lập tức.

Nhưng trong vai trò người tư vấn hiện giờ, anh chỉ có ảnh hưởng hạn chế. "Càng sớm càng tốt... Cảm ơn, Vince."

"Không cần cảm ơn đâu," người đàn ông nói lạnh lùng.

Họ gác máy. Rhyme nói với Bell, "Tôi không thể làm gì hơn nữa, Roland, tới khi chúng ta có được những thông tin đó."

Anh liếc qua báo cáo vụ đột nhập. Những thứ hình sợi và đám bán quân sự ở trong rừng rú… Thật bí ẩn. Nhưng lúc này những bí ẩn đó sẽ phải là của người khác. Rhyme có những bí ẩn của riêng anh cần phải khám phá và không còn nhiều thời gian để làm điều đó: những dấu hiệu từ biểu đồ bằng chứng về mấy cái đồng hồ bị đập vỡ nhắc anh rằng họ còn chưa tới ba tiếng đồng hồ để ngăn Gã phù thủy trước khi gã tìm ra nạn nhân tiếp theo.

GÃ PHÙ THỦY

Hiện trường tội ác trường Âm nhạc

• Mô tả nghi phạm: Tóc nâu, râu giả, không có gì nổi bật, tầm vóc trung bình, chiều cao trung bình, tuổi: ngoài năm mươi. Ngón đeo nhẫn và ngón út dính lại với nhau. Thay đồ nhanh để giống một người gác cổng lớn tuổi, hói đầu.

• Không có động cơ rõ ràng.

• Nạn nhân: Svetlana Rasnikov.

• Sinh viên âm nhạc toàn thời gian.

• Kiểm tra gia đình, bạn bè, các sinh viên, đồng nghiệp để có thêm đầu mối khả dĩ.

• Không có bạn trai, không có kẻ thù. Trình diễn ở tiệc sinh nhật cho trẻ em.

• Bảng mạch điện tử có gắn loa.

• Đã gửi cho phòng thí nghiệm của FBI, thành phố New York.

• Máy ghi âm kỹ thuật số, có thể chứa giọng nói của nghi phạm. Mọi dữ liệu đã bị hủy.

• Đoạn ghi âm là một "mánh." Tự làm.

• Sử dụng còng tay sắt kiểu cũ để còng nạn nhân.

• Còng tay là loại Darby. Scotland Yard. Kiểm tra với Bảo tàng Houdini ở New Orleans để có thêm đầu mối.

• Phá hủy đồng hồ của nạn nhân vào đúng 8 giờ sáng.

• Dây vải giữ ghế. Loại thường. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Dây dẫn cháy. Loại phổ biến. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Pháo tạo hiệu ứng tiếng súng. Đã bị hủy. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Cảnh sát hiện trường cho biết có đèn nháy trong không trung. Không tìm thấy vật liệu liên quan.

• Là vải chớp sáng hoặc giấy chớp sáng.

• Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Giày của nghi phạm: hiệu Ecco cỡ 10.

• Sợi tơ, nhuộm màu xám, đã xử lý để trở nên mờ xỉn.

• Từ bộ đồ người gác cổng thay nhanh.

• Đối tượng có thể đội tóc giả màu nâu.

• Gỗ hồ đào đỏ và địa y Parmelia, đều được tìm thấy chủ yếu ở công viên Trung Tâm.

• Bụi có dính dầu khoáng khác thường. Đã gửi cho FBI để phân tích.

• Mảnh lụa đen, khoảng 1,8 x 1,2 mét. Được dùng làm vật ngụy trang. Không thể truy nguồn gốc.

• Các ảo thuật gia thường xuyên sử dụng.

• Đeo bọc ngón tay của ảo thuật gia để giấu vân tay.

• Dấu vết cao su, dầu thầu dầu, mỹ phẩm.

• Đồ hóa trang cho sân khấu.

• Dấu vết alginate.

• Sử dụng trong các "thiết bị" tạo khuôn cao su.

• Vũ khí giết người: dây thừng lụa trắng với lõi là lụa đen.

• Sợi thừng là một trò ảo thuật. Màu sắc thay đổi. Không truy được nguồn gốc.

• Nút thắt khác thường.

• Đã gửi cho FBI và Bảo tàng Hàng hải – không có thông tin gì.

• Các nút thắt giống như trong những màn trình diễn của Houdini, gần như không thể cởi ra.

• Dùng mực vô hình trong sổ đăng ký.

Hiện trường tội ác ở East Village

• Nạn nhân thứ hai: Tony Calvert.

• Nghệ sĩ trang điểm, đoàn kịch.

• Không có kẻ thù.

• Có vẻ không có liên hệ gì với nạn nhân thứ nhất.

• Không có động cơ rõ ràng.

• Nguyên nhân tử vong:

• Vết thương do vật cùn đập vào đầu, sau đó cơ thể bị cắt ra khi đã chết bằng cưa tay.

• Hung thủ trốn thoát bằng cách đóng giả làm một phụ nữ ngoài bảy mươi. Kiểm tra khu vực lân cận xem có đồ hóa trang bị bỏ đi và các bằng chứng khác không.

• Không tìm thấy gì.

• Đồng hồ bị đập chính xác lúc 12 giờ.

• Có thể là mô thức không? Nạn nhân tiếp theo có thể bị hại vào 4 giờ chiều.

• Hung thủ trốn đằng sau tấm gương. Không thể truy nguồn gốc. Vân tay đã được gửi cho FBI.

• Không có vân tay nào khớp.

• Sử dụng mèo đồ chơi ("feke") để dụ nạn nhân vào con hẻm. Món đồ chơi không thể truy nguồn gốc.

• Tìm thấy thêm dầu khoáng, giống ở hiện trường thứ nhất. Đang đợi báo cáo của FBI.

• *Tìm thấy thêm cao su và đồ trang điểm từ những miếng bịt ngón tay.*

• *Tìm thấy thêm alginate.*

• *Để lại giày Ecco.*

• *Tìm thấy lông chó trên giày, từ ba giống chó khác nhau. Cả phân chó nữa.*

Hồ sơ của ảo thuật gia

• Nghi phạm sẽ dùng việc đánh lạc hướng để đối phó các nạn nhân và che mắt cảnh sát.

• Đánh lạc hướng về vật lý (để gây phân tâm).

• Đánh lạc hướng về tâm lý (để loại trừ sự nghi ngờ).

• Nghi phạm trốn thoát ở trường Âm nhạc bằng cách thức giống với tiết mục ảo thuật *Người biến mất*. Quá phổ thông để truy nguồn gốc.

• Nghi phạm về cơ bản là một ảo thuật gia.

• Có tài trong thể loại nhanh tay lẹ mắt.

• Cũng biết ảo thuật biến y (thay đồ nhanh). Sẽ sử dụng quần áo tách ra được, ni-lông và lụa, mũ hóa trang hói đầu, bọc ngón tay và các thiết bị cao su khác. Có thể ở bất kỳ độ tuổi, giới tính hay chủng tộc nào.

• *Cái chết của Calvert mô phỏng màn trình diễn* Cắt một phụ nữ làm đôi *của Selbit.*

• *Giỏi mở khóa (có thể là mở khóa "hàng loạt").*

Chương mười ba

Vào năm 1900, số lượng ngựa ở Manhattan là hơn một trăm ngàn con, và đất đai trên đảo từ những ngày đó đã rất đắt đỏ, nhiều con ngựa được nhốt trong những tòa nhà cao tầng – ít ra thì những khu chuồng cao hai hay ba tầng cho chúng thời bấy giờ được coi là cao tầng.

Kiểu chuồng ngựa trên cao như thể vẫn có thể tìm thấy trong quận này, như tòa nhà Học viện Hammerstead Riding nổi tiếng ở khu Upper West chẳng hạn. Vẫn còn nguyên cấu trúc từ xưa, được xây dựng vào năm 1885, học viện này có hàng trăm chuồng ngựa ở trên sân cưỡi ngựa, dưới mặt đất là khu vực vừa để tổ chức các bài học cưỡi ngựa cá nhân vừa để trình diễn. Một chuồng ngựa lớn và đông đúc như thế có vẻ khác thường ở một thành phố như Manhattan vào thế kỷ hai mươi mốt, cho tới khi bạn nhớ tới những con đường cưỡi ngựa dài gần chục cây số được chỉnh trang kỹ lưỡng trong công viên Trung Tâm chỉ cách đó vài khối nhà.

Chín mươi con ngựa được nuôi trong học viện này, một số thuộc sở hữu cá nhân và một số để cho thuê, và một trong những con để cho thuê hiện đang được người chăm ngựa, một cô thiếu nữ tóc đỏ, dẫn từ khu chuồng của nó xuống một con dốc khá thoải đến cho người cưỡi đang đợi.

Cheryl Marston cảm thấy phấn khích như thường lệ vào thời điểm này mỗi ngày thứ Bảy, khi cô nhìn thấy con ngựa cao, mạnh mẽ với cặp mông lốm đốm như một con Appaloosa[47].

---

[47] Giống ngựa nổi tiếng của Mỹ với kiểu lông đốm đặc trưng.

"Chào, Donny Boy," cô gọi tên thân mật của con vật, vốn tên thật là Don Juan di Middleburg. Một anh chàng dành cho các quý cô, cô thường nói thế. Một câu đùa không sai lắm: với người cưỡi là đàn

ông, con vật sẽ rụt rè và hí lên và chống đối lại ngay từ đầu. Nhưng với Marston, nó thật hiền hòa.

"Một tiếng nữa gặp lại nhé," cô nói với người chăm ngựa rồi tung người nhảy lên con Donny Boy, nắm chặt dây cương mềm dẻo, cảm nhận những cơ bắp đáng kinh ngạc của con vật.

Một cú thúc nhẹ vào sườn là tín hiệu lên đường. Họ ra ngoài đường 86 và từ từ đi về phía đông tới công viên Trung Tâm. Vó ngựa có đóng móng sắt kêu lộp cộp trên mặt nhựa đường, thu hút sự chú ý của tất cả mọi người. Họ nhìn theo con vật lộng lẫy và người phụ nữ đang điều khiển nó. Cô có mái tóc vàng thắt bím, gương mặt mỏng và nghiêm trang, đầu đội mũ bảo hiểm nhung đen, mặc áo khoác đỏ cùng quần cưỡi ngựa.

Băng vào trong công viên Trung Tâm, Marston liếc về phía nam và nhìn thấy ở phía xa xa là tòa nhà văn phòng thuộc khu Midtown, nơi cô dành năm mươi tiếng một tuần thực hành nghề luật doanh nghiệp. Hàng nghìn suy nghĩ về công việc tràn ngập trong tâm trí cô, những dự án "phải chú ý tối đa", như lời một trong các sếp của cô vẫn nhắc một cách thường xuyên đến khó chịu. Nhưng không suy nghĩ nào có thể xâm nhập vào thời điểm này. Không một suy nghĩ nào. Cô an toàn khi ngồi ở đây, trên một trong những tạo vật tuyệt vời nhất của Chúa, cảm nhận bầu không khí ấm áp và đậm mùi đất khi Donny Boy sải bước dọc theo con đường tối, xung quanh là những đóa thủy tiên, mai phục sinh và tử đinh hương nở sớm.

Ngày đẹp đẽ đầu tiên của mùa xuân.

Trong nửa tiếng đồng hồ, cô cho ngựa đi chậm rãi vòng quanh hồ nước, lạc trong sự đam mê với mối liên hệ độc nhất vô nhị giữa hai cá thể khác biệt, bổ sung cho nhau, nhưng đều mạnh mẽ và thông minh theo cách của riêng mình. Cô tận hưởng một bước chạy nước kiệu nhỏ rồi đi chậm lại khi họ tới một khúc cua gắt ở vùng phía bắc hoang vu của công viên, gần Harlem.

Hoàn toàn bình yên.

Cho tới khi điều tồi tệ nhất xảy ra.

Cô không chắc là nó xảy ra như thế nào. Khi cô đang đi chậm lại để ngoặt qua một khoảng hẹp giữa hai bụi cây thì một con bồ câu bay thẳng vào mặt Donny Boy. Hí lên, nó dừng lại đột ngột tới mức Marston suýt ngã. Rồi nó chồm lên và cô gần như bị bật ra phía sau mông nó.

Cô túm chặt lấy bờm của nó và cạnh trước của yên ngựa để khỏi ngã từ độ cao hơn hai mét xuống mặt đường đá. "Nào, Donny," cô hét lên, cố gắng vỗ vào cổ nó. "Donny Boy – không sao đâu. Nào!"

Dẫu vậy, nó vẫn tiếp tục chồm lên như điên dại. Phải chăng vụ va chạm với con chim đã làm mắt nó bị đau? Mối quan tâm của cô dành cho con ngựa hòa lẫn với nỗi sợ hãi của chính cô. Những viên đá sắc nhọn nhô lên từ mặt đất ở cả hai phía của họ. Nếu Donny Boy cứ chồm lên, nó có thể mất thăng bằng trên mặt đất không bằng phẳng và ngã thật mạnh – có thể đè lên cô. Gần như mọi vết thương nghiêm trọng mà bạn bè cưỡi ngựa của cô gặp phải là do mắc kẹt giữa con vật và mặt đất khi nó ngã.

"Donny!" Cô hổn hển kêu. Nhưng nó vẫn chồm lên và giữ nguyên tư thế đó, nhảy nhót hoảng loạn trên chân sau và lùi dần về phía những tảng đá.

"Chúa ơi," Marston kêu lên. "Không, không…"

Cô biết là mình không còn kiểm soát được nó nữa. Chân nó loạng choạng trên nền đá và cô cảm thấy những cơ bắp to lớn run rẩy trong cơn hoảng loạn của chính nó khi cảm thấy mình không còn giữ được thăng bằng nữa. Nó hí vang.

Cô biết rằng có vài chục chỗ có thể nghiền nát chân cô. Có thể cả lồng ngực nữa.

Cô gần như nếm được nỗi đau. Cô cảm thấy cả nỗi đau của con ngựa nữa.

"Ôi, Donny…"

Không biết từ đâu, một người đàn ông mặc đồ chạy bộ bước ra từ các bụi cây. Mắt mở to, anh ta nhìn con ngựa. Anh ta nhảy tới, túm chặt lấy dây cương.

"Không, lùi lại!" Marston hét lên. "Nó mất kiểm soát rồi!"

Anh ta sẽ bị đá vào đầu mất!

"Tránh ra…"

Nhưng… chuyện gì đang xảy ra vậy?

Người đàn ông không nhìn cô mà nhìn thẳng vào cặp mắt nâu của con ngựa. Nói những lời mà cô không nghe rõ. Thật kỳ diệu, con

ngựa Appaloosa bình tĩnh lại. Nó không chồm lên nữa. Donny Boy đứng yên trên cả bốn vó. Nó cựa quậy và vẫn còn run rẩy – giống như trái tim của chính cô – nhưng điều tồi tệ nhất có vẻ đã qua. Người đàn ông kéo đầu con ngựa xuống gần anh ta và nói một vài lời nữa.

Cuối cùng anh ta lùi lại, kiểm tra con ngựa một lần nữa rồi nhìn lên cô. "Cô không sao chứ?" Anh ta hỏi.

"Tôi nghĩ thế." Marston hít sâu, chạm tay vào ngực. "Tôi chỉ… Mọi chuyện diễn ra nhanh quá."

"Chuyện gì đã xảy ra vậy?"

"Một con chim bay vào mặt nó. Làm nó giật mình. Có lẽ đã đâm trúng mắt nó."

Anh ta xem kỹ mắt ngựa. "Tôi thấy không có gì. Cô có lẽ sẽ cần một bác sĩ thú y để kiểm tra cho nó. Nhưng tôi không thấy có vết thương nào."

"Anh đã làm gì vậy?" Cô hỏi. "Phải chăng anh là…?"

"Một người thì thầm với ngựa[48] hả?" Anh ta đáp, cười lớn, rụt rè tránh ánh mắt của cô. Anh ta có vẻ thoải mái hơn khi nhìn thẳng vào mắt con ngựa. "Không hẳn. Nhưng tôi cưỡi ngựa nhiều. Tôi có tác động giúp nó bình tĩnh lại, tôi nghĩ thế."

---

[48] Một kiểu liên hệ với chương trình dạy chó nổi tiếng trên truyền hình là "Dog whisperer."

"Tôi đã nghĩ là nó sẽ ngã."

Anh ta nở một nụ cười ngập ngừng. "Ước gì tôi có thể nghĩ ra được điều gì đó để nói giúp cô bình tĩnh lại."

"Điều gì tốt cho con ngựa của tôi thì tốt cho tôi. Tôi không biết phải cảm ơn anh thế nào đây."

Một người cưỡi ngựa khác tới gần và người đàn ông có râu dắt con Donny Boy lùi khỏi đường để con ngựa màu hạt dẻ đi qua.

Anh ta kiểm tra con ngựa kỹ lưỡng. "Tên nó là gì?"

"Don Juan."

“Cô thuê ở Hammerstead hả? Hay nó là của cô?”

“Hammerstead. Nhưng tôi cảm thấy như nó là của tôi. Tuần nào tôi cũng cưỡi nó.”

“Thi thoảng tôi cũng thuê ở đó. Quả là một con vật đẹp đẽ.” Giờ đã bình tĩnh, Marston nhìn kỹ người đàn ông hơn. Anh ta là một gã đẹp trai ngoài năm mươi. Anh ta có bộ râu được tỉa kỹ và hàng lông mày dày giao nhau phía trên sống mũi. Ở cổ anh ta – và cả ngực nữa – cô có thể nhìn thấy thứ gì đó như một vết sẹo lớn và tay trái anh ta dị dạng. Tuy nhiên, tất cả những điều đó chẳng là gì với cô, khi so với đặc điểm quan trọng nhất ở anh ta: anh ta thích ngựa. Cheryl Marston, ba mươi tám tuổi, ly dị đã bốn năm, nhận ra rằng họ đều đang đánh giá lẫn nhau.

Anh ta cười nhạt rồi nhìn đi chỗ khác. “Tôi đang…” Giọng anh ta tắt dần và anh ta lấp đầy sự im lặng bằng cách vỗ vào bờ vai cuồn cuộn của con Donny Boy.

Marston nhướng lông mày lên. “Sao nào?” Cô khuyến khích.

“À, bởi cô sắp sửa cưỡi ngựa về phía mặt trời lặn và tôi có thể không bao giờ gặp lại cô nữa…” Anh ta vượt qua sự bẽn lẽn và nói tiếp thật can đảm, “Tôi tự hỏi liệu có quá đáng không nếu tôi mời cô một ly cà phê.”

“Không hề,” cô đáp, hài lòng bởi thái độ thẳng thắn của anh ta. Nhưng cô nói thêm, để anh ta biết một điều về cô, “Tôi sẽ cưỡi ngựa cho hết một tiếng của tôi. Còn khoảng hai mươi phút nữa… Phải trở lại lưng ngựa, ý là thế. Như vậy có phiền cho anh không?”

“Hai mươi phút là hoàn hảo. Tôi sẽ gặp cô ở chỗ chuồng ngựa nhé.”

“Tốt,” Cheryl nói. “Ồ, tôi còn chưa hỏi: Anh cưỡi yên kiểu Anh hay kiểu miền Tây?”

“Chủ yếu là ngựa lưng trần. Tôi từng là dân chuyên nghiệp.” “Thật sao? Ở đâu vậy?”

“Nghe có vẻ khó tin,” anh ta đáp bẽn lẽn, “nhưng tôi cưỡi ngựa trong rạp xiếc.”

Chương mười bốn

Một tiếng *ding* mơ hồ vang lên từ máy tính của Cooper, cho biết anh vừa nhận được một thư điện tử.

"Một lời nhắn từ những người bạn của chúng ta ở khu vực Chín và Pennsylvania." Anh bắt tay vào giải mã tin nhắn từ phòng thí nghiệm FBI và một lát sau anh nói, "Kết quả xét nghiệm dầu. Nó có bán ngoài đại chúng. Tên thương hiệu là Tack-Pure. Dùng để xử lý yên ngựa, dây thừng, túi da đựng đồ, các sản phẩm liên quan tới môn cưỡi ngựa."

Ngựa ư…

Rhyme lái chiếc Storm Arrow vòng quanh và nhìn vào bảng bằng chứng.

"Không, không, không…"

"Có chuyện gì vậy?" Sachs hỏi. "Phân ở giày Gã phù thủy."

"Thì sao?"

"Không phải là phân chó. Mà là phân ngựa! Hãy nhìn thành phần thực vật. Tôi đã nghĩ cái quái gì thế này? Chó không phải là loài ăn cỏ. Chúng không ăn cỏ và rơm khô… Được rồi, hãy suy nghĩ nào. Đất và rong rêu và các bằng chứng khác cho thấy gã ở công viên Trung Tâm. Và những sợi lông… Quý vị biết khu vực đó không, khu sân chơi cho chó đấy? Nó cũng ở trong công viên."

"Ngay bên kia đường," Sellitto chỉ ra. "Nơi tất cả mọi người dẫn chó đi dạo."

"Kara," anh quát, "Cirque Fantastique có ngựa không?" "Không," cô đáp. "Không có màn diễn nào với động vật cả." "Được rồi, điều đó loại trừ gánh xiếc… Còn gì khác nữa? Sân chơi cho chó nằm

ngay cạnh con đường để cưỡi ngựa trong công viên, đúng không? Khả năng là thấp, nhưng có thể gã cưỡi ngựa hoặc đang tìm hiểu những người cưỡi ngựa. Một trong số họ có thể là mục tiêu. Có thể không phải là mục tiêu tiếp theo của gã, nhưng hãy cứ giả định là như thế… Bởi đó là đầu mối chắc chắn duy nhất của chúng ta."

Sellitto nói, "Tôi nhớ có một chuồng ngựa đâu đó quanh đây, đúng không?"

"Tôi từng thấy nó ở gần đây," Sachs nói. "Tôi nghĩ là chỗ khu đường tám mấy."

"Tìm thử đi," Rhyme nói. "Và đưa vài người tới đó."

Sachs liếc nhìn đồng hồ. Là một giờ ba mươi lăm phút chiều.

"À, chúng ta còn chút thời gian. Hai tiếng rưỡi nữa mới đến nạn nhân tiếp theo."

"Tốt," Sellitto nói. "Tôi sẽ đưa một đội giám sát tới lập chốt trong công viên và xung quanh chuồng ngựa. Nếu họ có mặt vào lúc hai rưỡi, chúng ta sẽ có thừa thời gian để phát hiện ra gã."

Rhyme để ý thấy Kara đang nhíu mày. "Có chuyện gì vậy?" Anh hỏi cô.

"Anh biết đấy, tôi không chắc là các anh có nhiều thời gian như thế."

"Tại sao?"

"Tôi đã nói với anh về việc đánh lạc hướng rồi đúng không?"

"Tôi còn nhớ."

"Cũng có sự đánh lạc hướng về thời gian nữa. Nó đánh lừa khán giả bằng cách khiến họ nghĩ một việc sắp sửa xảy ra ở một thời điểm, trong khi nó thực ra xảy đến ở một thời điểm khác. Ví dụ, một ảo thuật gia sẽ lặp lại một hành động với những quãng thời gian đều đặn. Trong tiềm thức, khán giả sẽ đi tới chỗ tin rằng điều anh ta làm sẽ chỉ diễn ra ở những thời điểm đó. Nhưng khi đấy, điều người trình diễn làm là rút ngắn thời gian giữa các quãng nghỉ. Khán giả không chú ý và hoàn toàn bỏ qua những gì anh ta đang làm. Ta có thể phát hiện ra mẹo đánh lạc hướng thời gian vì ảo thuật gia luôn để khán giả biết quãng nghỉ là bao lâu."

“Giống như việc đập vỡ những cái đồng hồ hả?” Sachs hỏi.

“Chính xác.”

Rhyme hỏi, “Vậy cô không nghĩ là chúng ta có thời gian tới bốn giờ chiều?”

Kara nhún vai. “Vẫn có thể có. Có thể gã định giết ba người mỗi bốn tiếng và rồi gã sẽ giết nạn nhân thứ tư một tiếng sau đó. Tôi không biết.”

“Chúng ta không biết gì ở đây cả,” Rhyme nói quả quyết. “Cô nghĩ sao, Kara? Cô sẽ làm gì?”

Cô cười lo lắng, khi được yêu cầu suy nghĩ như một kẻ giết người. Sau một lúc tự tranh luận gay gắt, cô nói, “Tới giờ gã biết là các vị đã tìm thấy những chiếc đồng hồ. Gã cũng biết là các vị thông minh. Gã không cần phải gây ấn tượng thêm nữa. Nếu tôi là gã, tôi sẽ săn đuổi nạn nhân tiếp theo trước bốn tiếng. Tôi sẽ săn đuổi người đó ngay bây giờ.”

“Như vậy là đủ với tôi,” Rhyme nói. “Quên nhóm giám sát và quên thường phục đi. Lon, gọi Haumann và đưa Đội Khẩn cấp tới công viên. Làm ồn ào lên.”

“Nó có thể làm gã sợ và trốn mất, Linc… nếu gã cải trang và tự mình đi thám thính.”

“Tôi nghĩ chúng ta phải chấp nhận rủi ro đó. Hãy cho Đội Khẩn cấp biết chúng ta đang tìm kiếm gì… ai mà biết được chúng ta đang tìm kiếm cái quái gì chứ? Hãy cho họ một mô tả tổng quát, tốt nhất mà anh có thể.”

Kẻ sát nhân năm mươi tuổi, tay gác cổng sáu mươi tuổi, bà già mang túi mua sắm bảy mươi tuổi…

Cooper nhìn lên từ máy tính của anh. “Đã biết chỗ chuồng ngựa. Học viện Hammerstead.”

Bell, Sellitto và Sachs tiến ra cửa. Kara lên tiếng, “Tôi cũng muốn đi.”

“Không,” Rhyme nói.

“Có thể có thứ gì đó tôi sẽ để ý. Một trò nhanh tay hay thay đồ nhanh của ai đó trong đám đông. Tôi có thể nhận ra.” Một cái hất

đầu về phía những cảnh sát kia. "*Họ* thì không."

"Không. Quá nguy hiểm. Không dân thường nào được tham gia chiến dịch chiến thuật. Đó là nguyên tắc."

"Tôi không quan tâm tới nguyên tắc," người phụ nữ trẻ nói, nghiêng người về phía trước đầy thách thức. "Tôi giúp được."

"Kara…"

Người phụ nữ trẻ làm anh im lặng bằng cách liếc nhìn những bức ảnh hiện trường tội ác của Tony Calvert và Svetlana Rasnikov rồi quay lại nhìn Lincoln Rhyme với ánh mắt lạnh lùng. Trong cử chỉ đơn giản đó, cô nhắc anh nhớ rằng chính anh đã yêu cầu cô tới đây, anh đã mang cô vào thế giới của anh và biến đổi cô từ một người vô tội thành một người giờ có thể nhìn vào những sự kinh hoàng đó mà không nao núng.

"Được rồi," Rhyme nói. Rồi gật đầu về phía Sachs, anh nói thêm, "Nhưng hãy theo sát cô ấy."

***

Cô ta thận trọng, Malerick nhận ra điều đó, nó đúng với cách hành xử của một phụ nữ được đàn ông đưa đón ở Manhattan, ngay cả khi kẻ lạ kia rụt rè, thân thiện và có thể làm một con ngựa đang hoảng loạn bình tĩnh lại.

Dẫu vậy, Cheryl Marston đã dần thoải mái hơn, thích thú với những câu chuyện về thời gã còn cưỡi ngựa không yên ở rạp xiếc, tất cả được tô điểm thêm đáng kể để làm cô ta thấy thú vị và giảm bớt sự đề phòng của cô ta.

Sau khi người chăm ngựa và bác sĩ thú y trực ở Hammerstead đã kiểm tra Donny Boy và tuyên bố nó khỏe mạnh, Malerick và bạn trình diễn tiếp theo không hay biết gì của gã bước từ chuồng ngựa vào nhà hàng nằm ngay bên đường Riverside.

Người phụ nữ giờ đang trò chuyện thoải mái với John (tên của gã cho ngày hôm nay) về cuộc đời của cô ta trong thành phố, tình yêu từ rất sớm của cô ta với ngựa, và những con ngựa cô ta đã sở hữu hay đã cưỡi, hy vọng của cô ta sẽ mua được một nơi nghỉ hè ở Middleburg, Virginia. Gã thỉnh thoảng đáp lại dăm ba điều trong kho tri thức về ngựa của mình – những gì gã suy ra từ các nhận

xét của cô ta và những gì gã biết từ các rạp xiếc và thế giới ảo thuật. Động vật luôn là một phần quan trọng của nghề ảo thuật. Thôi miên chúng, làm chúng biến mất, biến chúng thành những loài khác. Một ảo thuật gia tạo ra một trò hết sức nổi tiếng vào những năm 1800 – trong nháy mắt biến một con gà thành một con vịt. (Bản thân phương pháp thật đơn giản: con vịt bước ra sân khấu trong một bộ đồ gà có thể thay nhanh.) Giết chết và hồi sinh những con vật phổ biến ở thời người ta còn ít mực thước về chính trị với ảo thuật hơn, dù chúng hiếm khi thực sự gây hại; rốt cuộc thì một ảo thuật gia phải khá là bất tài mới thực sự giết một con vật để tạo ra ảo giác là nó đã chết. Làm thế cũng thường rất đắt đỏ.

Màn trình diễn của gã ở công viên Trung Tâm hôm nay là để cài bẫy Cheryl Marston, Malerick dựa vào những tiết mục của Howard Thurston[49], một nghệ sĩ ảo giác nổi tiếng vào đầu những năm 1900, người chuyên các màn với động vật. Tuy nhiên, trò mà Malerick trình diễn hẳn sẽ không được Thurston đồng tình; nhà ảo thuật nổi tiếng đã đối xử với những con vật trong màn diễn của ông như thể chúng là các trợ lý con người, nếu không muốn nói là những thành viên trong gia đình. Malerick thì ít nhân văn hơn. Gã đã bắt con bồ câu bằng tay. Sau đó úp ngược nó lại và từ từ chọc vào cổ và hai bên cho tới khi nó bị thôi miên – một kỹ thuật mà các ảo thuật gia sử dụng trong nhiều năm để tạo ra ảo giác là một con chim đã chết. Khi Cheryl Marston tới gần, gã đã ném mạnh con bồ câu vào mặt con ngựa. Tuy nhiên, việc con Donny Boy chồm lên trong đau đớn và sợ hãi không liên quan gì tới con chim, mà là do một thiết bị phát sóng siêu âm gây ra, nó được cài ở tần số cao chọc vào tai con ngựa. Khi Malerick bước ra khỏi bụi cây để "giải cứu" Cheryl, gã tắt máy phát và tới lúc gã nắm lấy dây cương, con ngựa đã bình tĩnh lại.

---

[49] Howard Thurston (1869 - 1936), ảo thuật gia người Mỹ nổi tiếng bởi các chuyến lưu diễn khắp nước.

Giờ thì từng chút một, kỵ sĩ đang ngày càng trở nên ít cảnh giác hơn khi cô ta biết họ có nhiều điểm chung như thế.

Hay *có vẻ* là thế.

Ảo giác này là bởi việc Malerick sử dụng thuật tâm lý, tuy không phải là một trong những kỹ năng mạnh nhất của gã, nhưng vẫn là một kỹ năng gã khá giỏi. Tất nhiên, thuật tâm lý không liên quan

gì tới việc đọc tâm trí một người từ xa. Nó là sự kết hợp của các kỹ thuật cơ giới và tâm lý để suy ra các dữ kiện. Malerick giờ đang làm điều mà những bậc thầy thuật tâm lý vẫn làm – đọc ngôn ngữ cơ thể, người ta gọi thế, chứ không phải đọc tâm trí. Gã lưu ý những thay đổi rất tinh tế trong tư thế và biểu cảm trên khuôn mặt cùng cử chỉ của Cheryl đáp lại những nhận xét của gã. Một số điều nói với gã rằng gã đang đi lệch hướng khỏi suy nghĩ của cô ta, những điều khác thì cho biết gã đang đúng hướng.

Lấy ví dụ, gã đề cập tới một người bạn gần đây vừa ly dị và có thể dễ dàng thấy cô ta cũng trong hoàn cảnh đó – và cô là người bị bỏ rơi. Nên vừa nhăn nhó, gã vừa nói với cô ta rằng mình đã ly dị và vợ gã ngoại tình rồi bỏ gã. Điều đấy làm gã suy sụp, nhưng giờ gã đã hồi phục.

"Tôi bỏ một chiếc du thuyền," cô chua chát nói, "chỉ để thoát khỏi gã khốn nạn đó. Một chiếc du thuyền dài hơn bảy mét."

Malerick cũng dùng "tuyên bố Barnum[50]" để khiến cô nghĩ rằng họ có nhiều điểm chung hơn là thực tế. Ví dụ kinh điển là một chuyên gia thuật tâm lý nghiên cứu kỹ đối tượng của mình và nói thật trang trọng, "Tôi thấy cô là một người hướng ngoại nhưng có đôi khi cô lại thấy mình khá là rụt rè."

---

[50] Tức hiệu ứng Barnum, hay hiệu ứng Forer là một hiện tượng tâm lý phổ biến. Những phán đoán về tính cách tưởng như rất khớp với tính cách riêng lẻ của một người, nhưng thật ra rất mơ hồ và chung chung, có thể đúng cho rất nhiều người.

Điều đó được diễn dịch là thật thấu hiểu, nhưng tất nhiên, nó đúng với gần như tất cả mọi người trên trái đất.

Cả tay John tưởng tượng lẫn Cheryl đều không có con. Cả hai đều có mèo, có cha mẹ đã ly dị và thích quần vợt. Hãy nhìn tất cả những sự ngẫu nhiên đó mà xem! Một cặp trời sinh…

Gần tới lúc rồi, gã nghĩ. Dù gã không vội vàng gì. Ngay cả nếu cảnh sát có vài đầu mối dẫn tới những gì gã đang toan tính, họ sẽ nghĩ rằng gã không giết ai cho tới bốn giờ; mà giờ thì mới hơn hai giờ.

Quý vị có thể nghĩ, thưa quý khán giả thân mến, rằng thế giới ảo thuật không bao giờ giao cắt với thế giới thực, nhưng điều đó không hoàn toàn đúng.

Tôi nghĩ tới John Mulholland[51], ảo thuật gia nổi tiếng và biên tập

viên tạp chí ảo thuật The Sphinx. *Ông đã đột ngột tuyên bố về hưu sớm trong nghề ảo thuật và báo chí vào những năm một chín năm mươi.*

---

[51] John Mulholland (1898 - 1970), ảo thuật gia, tác giả, nhà báo, và cả nhân viên CIA người Mỹ.

Không ai có thể biết tại sao. Nhưng rồi có tin đồn loan đi – những tin đồn rằng ông đã bắt đầu làm việc cho cộng đồng tình báo Mỹ để dạy các điệp viên cách sử dụng kỹ thuật ảo thuật chuyển ma túy theo những cách tinh vi tới mức ngay cả đối tượng hoang tưởng nhất cũng không biết rằng mình đã bị bỏ thuốc.

Quý vị nhìn thấy gì trong tay tôi đây không, quý khán giả thân mến? Hãy nhìn kỹ những ngón tay của tôi. Không có gì, đúng không? Có vẻ là hai bàn tay trắng. Vậy mà, như quý vị có lẽ đã đoán ra, sự thật không phải vậy…

Sử dụng một trong những kỹ thuật bỏ thuốc mật truyền gọn ghẽ nhất của Mulholland, Malerick cầm chiếc thìa của gã lên bằng tay trái. Khi gã lơ đãng gõ nó lên mặt bàn, Cheryl liếc nhìn theo. Chỉ một tích tắc. Nhưng đủ cho Malerick có thời gian để dốc một con nhộng nhỏ xíu với thứ bột không mùi vị vào trong ly cà phê của cô khi gã giơ tay lấy đường bằng tay kia.

John Mulholland hẳn sẽ thấy hãnh diện.

Lát sau, Malerick có thể thấy rằng thuốc đang phát tác; mắt cô ta trở nên lơ đãng và cô ta đung đưa ở chỗ ngồi. Tuy nhiên, cô ta không cảm thấy có gì sai cả. Đó là đặc điểm của chất flunitrazepam, loại thuốc Rohypnol nổi tiếng dùng trong các vụ cưỡng hiếp khi hẹn hò: người ta không biết mình bị bỏ thuốc. Cho tới sáng hôm sau. Điều mà trong trường hợp của Cheryl Marston sẽ không phải là vấn đề.

Gã nhìn cô và mỉm cười. “Này, cô có muốn xem một thứ hay ho không?”

“Hay ho ư?” Cô hỏi lơ mơ. Cô chớp mắt, mỉm cười thật tươi. Gã trả tiền và nói với cô. “Tôi vừa mua một chiếc du thuyền.”

Cô cười thích thú. “Du thuyền sao? Tôi thích du thuyền lắm.Kiểu gì?”

“Có buồm. Hơn mười một mét. Vợ tôi và tôi từng có một chiếc,”

Malerick nói thêm buồn bã. “Cô ấy lấy được nó khi ly dị.”

“John, không thể nào, anh đùa tôi đúng không!” Cô nói, cười chuếnh choáng. “Chồng tôi và tôi cũng từng có một chiếc! Anh ta cũng lấy nó đi sau khi ly dị.”

“Thật sao?” Gã cười lớn và đứng lên. “Này, ta hãy cùng đi dạo dọc bờ sông. Cô có thể nhìn thấy nó từ đó.”

“Tôi thích lắm.” Cô lảo đảo đứng lên và nắm tay gã.

Gã đưa cô qua cửa. Liều thuốc có vẻ vừa phải. Cô tuân phục nhưng sẽ không ngất đi trước khi gã đưa cô vào trong những bụi cây gần sông Hudson.

Họ đi về phía công viên Riverside. “Anh đang nói về những chiếc thuyền,” cô nói chếnh choáng.

“Đúng thế.”

“Chồng của tôi và tôi có một chiếc,” cô nói.

“Tôi biết,” Malerick nói. “Cô vừa nói với tôi rồi.” “Ồ, thật sao?” Cheryl cười lớn.

“Đợi đã,” gã nói. “Tôi phải lấy thứ này.”

Gã dừng lại chỗ chiếc xe của mình, một chiếc Mazda ăn trộm, và lấy ra một túi đồ thể thao rất nặng từ ghế sau, rồi khóa xe. Bên trong chiếc túi vang lên những tiếng lanh canh thật lớn của kim loại. Cheryl liếc nhìn nó, định nói nhưng rồi có vẻ quên mất mình định nói gì.

“Hãy đi đường này nào.” Malerick dẫn cô tới cuối con đường cắt ngang, qua một cầu bộ hành bắc qua đường và xuống một dải đất hẹp, hoang vu, cỏ dại mọc đầy bên bờ sông.

Gã gỡ tay cô ra khỏi tay mình và ôm chặt sau lưng và dưới tay cô. Gã cảm nhận được ngực cô qua những ngón tay của mình khi đầu cô ngả vào người gã.

“Nhìn kìa,” cô nói, run rẩy chỉ về phía sông Hudson, nơi vài chục chiếc thuyền buồm và du thuyền có cabin đang di chuyển trên mặt nước màu xanh đậm lấp lánh.

Malerick nói, “Thuyền của tôi ở dưới đó.”

“Tôi thích thuyền.”

“Tôi cũng thế,” gã nói, giọng mềm mỏng.

“Thật sao?” Cô hỏi, cười lớn và thầm thì thêm rằng, cô và chồng cũ từng có một chiếc. Nhưng cô đã mất nó trong vụ ly dị.

Chương mười lăm

Trường dạy cưỡi ngựa là một phần của New York cổ xưa.

Ngửi thấy mùi chuồng ngựa xộc lên, Amelia Sachs nhìn qua một cổng vòm vào trong nội thất của chốn cũ kỹ bằng gỗ đó, qua tất thảy đám ngựa, những người cưỡi ngựa – bọn họ đều có vẻ oai vệ trong những chiếc quần dài bằng da, áo khoác cưỡi ngựa đen hoặc đỏ, mũ bảo hiểm nhung.

Nửa tá cảnh sát mặc đồng phục từ khu Hai Mươi gần đó đứng trong và ngoài sảnh. Thêm nhiều cảnh sát nữa ở trong công viên, xung quanh lối cưỡi ngựa, dưới sự chỉ huy của Lon Sellitto, để tìm kiếm con mồi đang lẩn trốn của họ.

Sachs và Bell bước vào văn phòng và viên thanh tra giơ chiếc phù hiệu vàng của anh cho người phụ nữ đứng đằng sau quầy. Cô ta nhìn qua vai anh, thấy các cảnh sát ở bên ngoài và hỏi với vẻ thoải mái, "Vâng? Có chuyện gì sao?"

"Thưa cô, xin hỏi cô có dùng Tack-Pure để xử lý yên ngựa và đồ da không?"

Cô ta liếc nhìn một người trợ lý, người này gật đầu. "Đúng thưa sếp, chúng tôi dùng thứ đó rất nhiều."

Bell nói tiếp, "Chúng tôi tìm thấy dấu vết loại dầu đó và phân ngựa ở hiện trường một vụ án mạng xảy ra hôm nay. Chúng tôi nghĩ nghi phạm trong vụ giết người đó có thể làm việc ở đây hoặc đang theo dõi nhân viên hay một khách cưỡi ngựa của quý vị."

"Không thể nào! Ai cơ?"

"Đó là điều chúng tôi chưa chắc chắn, rất tiếc phải nói thế. Và chúng tôi cũng không chắc về nhân dạng của nghi phạm. Tất cả những gì chúng tôi biết là gã có tầm vóc trung bình. Khoảng năm

mươi tuổi. Da trắng. Có thể có râu và tóc nâu nhưng chúng tôi không chắc. Những ngón tay trên bàn tay trái của gã có thể bị dị dạng. Điều chúng tôi cần là cô hãy nói chuyện với các nhân viên của mình, cả các khách quen nữa, nếu họ có nhìn thấy bất kỳ người nào khớp với mô tả đó quanh đây. Hay bất kỳ ai có vẻ là một mối đe dọa."

"Tất nhiên," cô ta ngập ngừng nói. "Tôi sẽ làm bất kỳ điều gì có thể. Chắc chắn là thế."

Bell dẫn theo vài cảnh sát tuần tra mặc đồng phục và biến mất qua một cánh cửa cũ vào trong khu sân cưỡi ngựa đổ đầy mùn cưa bốc mùi hăng hắc. "Chúng tôi sẽ tìm kiếm xung quanh," anh nói lại với Sachs.

Nữ cảnh sát gật đầu và nhìn ra ngoài cửa sổ, kiểm tra Kara, người đang ngồi một mình trong chiếc xe không có biển hiệu của Sellitto, đậu ở khúc quanh cạnh chiếc Camaro màu vàng đậm của Sachs. Cô gái trẻ không vui vì bị nhốt trong chiếc xe, nhưng Sachs cương quyết về việc cô phải tránh xa nguy hiểm.

Robert-Houdin có những trò giỏi hơn những người Marabout. Dù tôi nghĩ chúng suýt nữa đã giết ông ấy.

Đừng lo. Tôi sẽ đảm bảo rằng chuyện đó không xảy ra với cô.

Sachs liếc nhìn đồng hồ – hai giờ chiều. Cô gọi bộ đàm cho Trung tâm và yêu cầu chuyển tiếp vào điện thoại của Rhyme. Một lát sau, nhà tội phạm học bắt máy. "Sachs, các nhóm của Lon chưa tìm thấy gì ở công viên Trung Tâm. Em có may mắn hơn không?"

"Người quản lý đang hỏi nhân viên và khách ở trường. Roland và nhóm của anh ấy đang lục soát các chuồng ngựa." Sau đó cô để ý thấy người quản lý và một nhóm nhân viên gần đó. Có những cái nhíu mày và vẻ lo lắng hiện rõ trên mặt họ. Một cô gái mặt tròn và tóc đỏ, bỗng nhiên giơ tay lên che miệng vì sốc. Cô bắt đầu gật đầu.

"Đợi đã, Rhyme. Có thể là có gì đấy."

Người quản lý ra hiệu cho Sachs và cô gái nói, "Tôi không biết chuyện này có quan trọng không. Nhưng có một việc..."

"Tên cô là gì?"

"Tracey?" Cô trả lời mà như thể đang nêu câu hỏi. "Tôi là người

chăm ngựa ở đây?"

"Nói tiếp đi."

"Được rồi. Chuyện là thế này, có một người cưỡi ngựa thường tới đây vào mỗi thứ Bảy. Cheryl Marston."

Rhyme hét vào tai Sachs. "Vào cùng một giờ hả? Hỏi cô ấy xem có phải người phụ nữ kia tuần nào cũng tới vào một giờ cố định không."

Sachs chuyển lại câu hỏi.

"Ồ đúng, quả có thế," cô gái nói. "Cô ấy, chị biết đấy, đúng giờ như đồng hồ. Đã tới đây nhiều năm rồi."

Nhà tội phạm học lưu ý, "Những người có thói quen đều đặn dễ là mục tiêu nhất. Bảo cô ấy nói tiếp đi."

"Và cô ấy thì sao, Tracey?"

"Hôm nay cô ấy trở lại từ một chuyến cưỡi ngựa, khoảng nửa giờ trước. Và chuyện là, cô ấy giao lại con Don Juan cho tôi, đó là con ngựa cô ấy thích nhất, và cô ấy muốn tôi và bác sĩ thú y kiểm tra kỹ cho nó vì một con chim bay vào mặt nó và làm nó giật mình. Vì thế, chúng tôi đã xem xét con ngựa và cô ấy nói với tôi về một người đàn ông đột nhiên xuất hiện và làm con Donny bình tĩnh lại. Chúng tôi nói với cô ấy rằng con Donny có vẻ ổn và cô ấy kể tiếp về người đàn ông đấy, đủ chuyện, về việc anh ta thú vị thế nào và cô ấy háo hức ra sao vì cô ấy sẽ đi uống cà phê với anh ta và anh ta có thể là một người thực sự biết thì thầm với ngựa. Tôi đã thấy anh ta ở dưới lầu, đang đứng đợi cô ấy. Và điều gây ấn tượng với tôi là, có chuyện gì với bàn tay của anh ta vậy? Vì có vẻ như anh ta giấu bàn tay đó, quý vị biết đấy. Trông như thể anh ta chỉ có ba ngón."

"Là gã!" Sachs nói. "Cô có biết họ sẽ đi đâu không?"

Cô gái chỉ về phía tây, cách xa công viên. "Tôi nghĩ là lối đó. Cô ấy không nói địa điểm chính xác."

"Hãy yêu cầu cô ấy mô tả gã đi," Rhyme nói.

Cô gái giải thích rằng gã có râu và có cặp lông mày kỳ lạ. "Giao nhau."

Để thay đổi một khuôn mặt, điều quan trọng nhất là lông mày. Thay đổi nó và khuôn mặt sẽ khác đi sáu mươi, bảy mươi phần trăm.

"Quần áo thì sao?" Cô hỏi.

"Áo gió, giày chạy, quần chạy bộ."

"Màu sắc?"

"Áo khoác và quần dài màu tối. Xanh hoặc đen. Tôi không nhìn thấy áo phông."

Bell trở lại cùng các cảnh sát của mình và làu bàu, "Chẳng có dấu vết gì cả."

"Tôi có một đầu mối ở đây." Cô giải thích về người cưỡi ngựa và gã có râu rồi hỏi cô gái, "Cô có chắc là cô ấy không biết người đàn ông đó?"

"Không thể nào. Cô Marston và tôi, chúng tôi đã biết nhau được một thời gian và cô ấy nói với tôi cô ấy hoàn toàn ổn với việc không hẹn hò gì cả. Không tin đàn ông. Chồng cũ của cô ấy đã lừa dối cô ấy và rồi khi ly dị, anh ta lấy chiếc thuyền buồm. Cô ấy vẫn còn tức giận vì chuyện đó."

***

Những ảo thuật gia giỏi nhất, thưa các bạn của tôi, thực hiện điều được gọi là "căn giờ." Điều đó có nghĩa là lên kế hoạch màn diễn và căn chỉnh những hành động của họ một cách thận trọng – để các tiết mục diễn ra căng thẳng hết mức có thể.

Với màn biểu diễn thứ ba hôm nay, chúng ta đã được xem màn ảo thuật với động vật của chúng tôi, có sự góp mặt của chú ngựa tuyệt vời Donny Boy, trong công viên Trung Tâm. Tiếp theo chúng ta đã chuyển sang một màn nhanh tay lẹ mắt kinh điển, kết hợp với chút thuật tâm lý.

Và giờ chúng ta sẽ tiến đến nghệ thuật thoát hiểm.

Điều quý vị sắp thấy điều có lẽ là màn trốn thoát nổi tiếng nhất của Harry Houdini. Trong tiết mục mà ông tự xây dựng này, ông bị trói, bị treo ngược lên ở phần gót chân và bị nhấn vào một bồn nước hẹp. Ông chỉ có vài phút để cố nâng từ phần eo trở lên, tháo phần mắt cá

ra và mở nắp bồn nước bị khóa trước khi bản thân chết đuối.

Bồn nước, tất nhiên, có "chuẩn bị trước." Những thanh chắn với mục đích để kính không vỡ thực ra là những nơi nắm tay để ông nâng mình lên và với đến mắt cá. Các ổ khóa ở chân ông và bản thân trên nắp bồn có những chốt giấu kín để ngay lập tức giải thoát cho mắt cá của ông và có thể mở nắp.

Việc tái tạo lại màn biểu diễn trốn thoát nổi tiếng của chúng tôi, không cần phải nói, không có những điều như thế. Nghệ sĩ trình diễn của chúng tôi sẽ chỉ có một mình. Và tôi đã bổ sung vài biến thể của riêng tôi. Tất nhiên, tất cả chỉ là để giải trí cho quý vị.

Và giờ, tiết mục của ông Houdini, Ngục nước.

Giờ không còn râu ria và đang mặc quần dài cùng áo sơ-mi trắng bên ngoài áo phông trắng, Malerick quấn những sợi xích thật chặt quanh Cheryl Marston. Trước tiên là ở mắt cá của cô, rồi ngực và cánh tay.

Gã dừng lại và nhìn quanh lần nữa, nhưng họ vẫn được những bụi cây dày che chắn khỏi tầm nhìn từ con đường và dòng sông.

Họ đang ở bên bờ sông Hudson, gần một ao nước đọng, nơi có vẻ từng có lúc là con lạch nhỏ cho đám xuồng đậu. Việc lấp đất và rác thải đã chặn nó lại từ lâu và tạo thành một ao nước bốc mùi hôi thối với đường kính khoảng ba mét như bây giờ. Một bên ao là một cầu tàu xập xệ, ở giữa cầu tàu là một cần cẩu gỉ sét từng được dùng để nhấc những chiếc thuyền khỏi mặt nước. Malerick tung một sợi thừng qua chiếc cần cẩu, bắt lại sợi dây ở đầu bên kia và bắt đầu buộc nó vào sợi xích đang cột chân Cheryl.

Giới nghệ sĩ thoát hiểm thích các sợi xích. Chúng trông thật ấn tượng, chúng có một phong vị ác độc tuyệt vời và có vẻ đáng sợ hơn nhiều so với lụa và dây thừng. Và chúng nặng – chính là thứ giữ cho người nghệ sĩ trình diễn bị chìm dưới nước.

"Không, không, khôôôông," người phụ nữ đờ đẫn thì thầm. Gã vuốt tóc cô khi xem xét sợi xích. Đơn giản và chặt. Houdini từng viết, "Nghe có vẻ lạ lùng nhưng tôi thấy rằng việc trói người càng ngoạn mục trong mắt khán giả, thì việc trốn thoát lại càng dễ dàng với người biểu diễn."

Hoàn toàn đúng, Malerick biết điều đó nhờ kinh nghiệm. Đống thừng và dây xích dày trông kịch tính quấn hết vòng này tới vòng khác quanh nhà ảo thuật trên thực tế lại dễ thoát ra. Ít nút thắt

hơn và mối buộc đơn giản lại khó thoát hơn rất nhiều. Giống như nút này chẳng hạn.

"Khôôôông," cô ta thì thầm đờ đẫn. "Đau quá. Làm ơn đi!... Anh đang làm...?"

Malerick ấn băng dính vào miệng cô ta. Rồi gã lấy tinh thần, nắm chặt dây và từ từ kéo sợi thừng, nó nâng cô luật sư đang thút thít lên và bắt đầu từ từ đưa cô về phía vũng nước đen ngòm.

***

Trong buổi chiều xuân rực rỡ này, một hội chợ đồ thủ công đông đúc lấp đầy quảng trường trung tâm của Đại học West Side giữa đường 79 và đường 80, du khách tấp nập tới mức gần như không thể phát hiện ra kẻ sát nhân và nạn nhân của gã trong đám đông.

Trong buổi chiều xuân rực rỡ này, khách hàng kéo tới chật ních những nhà hàng và quán cà phê của khu phố. Gã phù thủy có thể ở bất kỳ cửa hiệu nào ngay lúc này và đang đề nghị Cheryl Marston đi cùng xe với gã hay họ sẽ ghé qua căn hộ của cô.

Trong buổi chiều xuân rực rỡ này, năm mươi lối đi chia cắt những khối nhà ở đây và tạo ra một khung cảnh sát nhân hoàn hảo trong sự tách biệt u ám của chúng.

Sachs, Bell và Kara chạy quanh những con đường, tìm trong hội chợ đồ thủ công, các nhà hàng và ngõ hẻm. Tất cả mọi nơi mà họ có thể nghĩ tới.

Họ chẳng tìm thấy gì.

Cho tới khi, sau vài phút tuyệt vọng, một bước đột phá mới xuất hiện.

Hai cảnh sát và Kara bước vào tiệm cà phê Ely's gần đường Riverside và lướt mắt qua đám đông. Sachs nắm chặt tay Bell, hất đầu về phía quầy tính tiền. Ở gần đó là một chiếc mũ cưỡi ngựa nhung màu đen và một cái roi da.

Sachs chạy về phía người quản lý cửa hàng, một người Trung Đông da ngăm đen.

"Một phụ nữ bỏ lại cái này ở đây đúng không?"

"Phải, mười phút trước. Cô ấy..."

“Cô ấy đi cùng một người đàn ông đúng không?”

“Phải.”

“Có râu và mặc quần áo chạy bộ?”

“Đúng là họ. Cô ấy quên mũ và ngọn roi đó trên sàn, dưới chiếc bàn.”

“Anh biết họ đi đâu không?” Bell hỏi.

“Có chuyện gì vậy? Phải chăng…” “Đi đâu?” Sachs khăng khăng.

“Được rồi, tôi nghe anh ta nói rằng sẽ cho cô ấy xem chiếc thuyền của mình. Nhưng tôi hy vọng là anh ta sẽ đưa cô ấy về nhà.”

“Ý anh là sao?” Sachs hỏi.

“Người phụ nữ, cô ấy có vẻ bị ốm. Tôi cho rằng vì thế mà cô ấy quên đồ.”

“Ốm sao?”

“Bước cũng không vững, quý vị hiểu ý tôi không? Có vẻ say, nhưng họ chỉ uống cà phê thôi. Và cô ấy trông rất bình thường khi họ tới đây.”

“Gã đã bỏ thuốc cô ấy,” Sachs thì thầm với Bell.

“Bỏ thuốc cô ấy sao?” Người quản lý hỏi. “Này, chuyện đó là sao vậy?”

Cô hỏi, “Họ ngồi ở bàn nào?”

Anh ta chỉ một bàn có bốn phụ nữ ngồi, đang trò chuyện và ăn uống, họ làm cả hai chuyện đó ầm ĩ như nhau. “Xin lỗi,” Sachs nói với họ để kiểm tra nhanh khu vực đó. Cô không thấy có bằng chứng nào rõ ràng ở trên hay dưới bàn.

“Chúng ta phải tìm cô ấy,” cô nói với Bell.

“Nếu gã nói là sẽ đi xem thuyền, thì chắc là về hướng tây. Sông Hudson.”

Sachs hất đầu về nơi Gã phù thủy và Cheryl đã ngồi. “Đó là hiện trường tội ác – đừng rửa hay quét bên dưới. Và chuyển họ sang một bàn khác đi,” cô hét, chỉ về phía bốn người phụ nữ đang mở to

mắt và trong chốc lát im lặng hoàn toàn, rồi chạy ra ngoài trong ánh mặt trời chói lóa.

Chương mười sáu

Cô thấy chồng mình đang khóc.

Những giọt nước mắt tiếc nuối rằng anh ta phải "kết thúc cuộc hôn nhân này."

Kết thúc cuộc hôn nhân này. Như việc đi đổ rác.

Dắt chó đi dạo.

Đó là cuộc *hôn nhân* khốn khiếp của chúng ta! Chứ không phải *một thứ gì đó.*

Nhưng Roy không cảm thấy như thế. Anh ta muốn nữ trợ lý phân tích chứng khoán mũm mĩm chứ không phải cô, và mọi chuyện thế là xong.

Một dòng lũ của thứ nước nóng nhầy nhụa làm ngộp thở tràn vào mũi cô.

Không khí, không khí, không khí… Cho tôi không khí!

Giờ Cheryl Marston nhìn thấy cha mẹ cô trong lễ Giáng sinh, từ nhiều thập niên trước, đang rụt rè đẩy ra chiếc xe đạp mà ông già Noel đã mang tới cho cô từ Bắc Cực. Coi này, con yêu, ông già Noel thậm chí còn có một chiếc mũ bảo hiểm màu hồng để bảo vệ cái đầu nhỏ xinh xắn của con nữa…

"Ặccccc…"

Ho và nghẹt thở, bị trói bởi những sợi xích siết chặt, Cheryl bị lôi xuống làn nước mờ đục của cái ao bẩn thỉu. Đầu cô lộn ngược, cả người xoay tròn chầm chậm, bị giữ chặt bởi một sợi thừng vòng qua chiếc cần cẩu kim loại nhô ra khỏi mặt nước.

Hai bên thái dương cô giật liên hồi khi máu dồn xuống đầu. "Dừng

lại, dừng lại, dừng lại đi!" Cô hét lên trong câm lặng. Chuyện gì đang xảy ra vậy? Cô nhớ Donny Boy chồm lên, có người làm nó bình tĩnh lại, một người đàn ông tử tế, cà phê ở một nhà hàng Hy Lạp, nói chuyện, chuyện gì đó về những chiếc thuyền, rồi thế giới đảo lộn vì chóng mặt, tiếng cười lớn ngờ nghệch.

Rồi sợi xích. Làn nước khủng khiếp.

Và giờ gã đang nhìn cô với vẻ thỏa mãn tính hiếu kỳ trên khuôn mặt khi thấy cô chết dần chết mòn.

Đó là ai? Tại sao gã làm chuyện này? Tại sao?

Quán tính khiến cô xoay tròn từ từ xuống và gã không còn nhìn thấy cặp mắt cầu khẩn của cô nữa, khi mà đường chân trời đảo ngược, lờ mờ của New Jersey xa xa bên kia sông Hudson hiện ra trong tầm mắt.

Cô được kéo từ từ lên cho tới khi cô nhìn thấy những bụi cây mâm xôi và tử đinh hương. Và *gã.*

Gã nhìn xuống cô, gật đầu, rồi lại thả sợi thừng, hạ cô xuống cái ao nước ghê tởm đó lần nữa.

Cheryl gập người lên hết sức ở phần hông, cố gắng trong tuyệt vọng để tránh xa mặt nước, như thể nó đang sôi lên sùng sục. Nhưng sức nặng của chính cơ thể cô và trọng lượng của sợi xích lại kéo cô xuống mặt nước. Nín thở, cô rùng mình dữ dội và lắc đầu, nỗ lực một cách vô ích để thoát ra khỏi thứ kim loại không thể phá vỡ này.

Rồi người chồng của Cheryl lại hiện ra trước mặt cô, giải thích, giải thích, giải thích tại sao vụ ly hôn là điều tốt đẹp nhất có thể xảy đến với cô. Roy nhìn lên, gạt những giọt nước mắt cá sấu và nói tốt nhất là nên thế. Bằng cách này cô sẽ hạnh phúc hơn. Xem nào, có thứ này cho cô. Roy mở một cánh cửa ra và ở đó có một chiếc xe đạp Schwinn mới toanh sáng bóng. Những băng giấy màu cột ở tay nắm xe, những chiếc bánh phụ nhỏ ở phía sau và một cái mũ bảo hiểm – một cái mũ màu hồng – để bảo vệ cái đầu nhỏ xinh của cô.

Cheryl bỏ cuộc. Anh thắng rồi, anh thắng rồi. Hãy lấy chiếc thuyền chó chết đó đi, mang theo cả người tình của anh đi. Hãy buông tha cho tôi, hãy để tôi ra đi trong bình yên. Cô hít vào qua đường mũi để cái chết êm dịu tràn vào phổi.

***

“Ở đó!” Amelia Sachs hét lên.

Cô và Bell chạy nhanh trên lối đi bộ về phía những bụi rậm và cây cối dày đặc bên bờ sông Hudson. Một người đàn ông đứng trên một cầu tàu xập xệ, có vẻ từng là nơi cập tàu từ nhiều năm trước trước khi lối ra dòng sông bị lấp kín. Khu vực này đầy cây cối rậm rạp, rác rưởi và bốc mùi nước tù đọng.

Một người đàn ông mặc quần dài và áo phông trắng đang nắm một sợi thừng vắt qua một cần cẩu nhỏ gỉ sét. Đầu bên kia biến mất dưới mặt nước.

“Này,” Bell hét, “anh đấy!”

Gã có mái tóc nâu, nhưng quần áo khác. Không có cả râu. Và lông mày của gã có vẻ không dày đến thế. Sachs không thể nhìn xem những ngón tay ở bàn tay trái của gã có dính với nhau không.

Dẫu vậy, điều đó có nghĩa lý gì chứ?

Gã phù thủy có thể là một người đàn ông, cũng có thể là một phụ nữ.

Gã phù thủy có thể là người vô hình.

Khi họ lại gần hơn, gã nhìn lên có vẻ nhẹ nhõm. “Bên đây!”

Hắn hét. “Giúp tôi với! Bên đây! Có một người phụ nữ ở dưới nước!” Bell và Sachs để Kara lại bên cầu đi bộ và chạy nhanh qua bụi cây xung quanh ao nước đen ngòm. “Đừng tin hắn,” cô nói không kịp thở với Bell lúc họ đang chạy. “Tôi cũng nghĩ vậy, Amelia.”

Gã kéo mạnh hơn. Từ từ, bàn chân, rồi cẳng chân mặc quần cưỡi ngựa màu da người hiện lên, tiếp đó là cơ thể một phụ nữ. Cô ấy bị cột trong xích sắt. Ôi, người phụ nữ tội nghiệp! Sachs nghĩ. Cầu cho cô ấy còn sống.

Họ chạy thật nhanh tới, Bell gọi trong bộ đàm xin hỗ trợ và y tế. Vài người khác ở bờ đông của cầu đi bộ cũng tụ tập, để ý chuyện đang diễn ra.

“Giúp tôi! Tôi không thể một mình kéo cô ấy lên!” Gã nói với Bell và Sachs. Giọng gã hổn hển, không thở nổi vì cố gắng. “Người đó,

gã trói cô ấy và đẩy cô ấy xuống nước. Gã định giết cô ấy!"

Sachs rút vũ khí ra và chĩa về phía gã.

"Này, cô đang làm gì thế?" Gã hỏi như bị sốc. "Tôi đang cố gắng cứu cô ấy!" Gã liếc xuống một chiếc điện thoại di động ở thắt lưng. "Tôi là người đã gọi 911."

Cô vẫn không thể nhìn thấy bàn tay trái của hắn; nó bị bàn tay phải che mất.

"Để tay trên sợi thừng đó, thưa ông," cô nói. "Để tay chỗ mà tôi có thể nhìn thấy."

"Tôi không làm gì hết!" Gã đang thở khò khè – một âm thanh lạc lõng. Có thể không phải do cố gắng, mà là do hen suyễn.

Đứng tránh khỏi đường bắn của cô, Bell chụp lấy cái cần cẩu và đẩy nó về phía bờ lầy lội. Khi người phụ nữ đã ở trong tầm với, anh lôi cô về phía mình, trong khi gã đang nắm sợi thừng bắt đầu thả dần ra cho đến khi cô đã nằm trên mặt đất. Cô nằm trên bãi cỏ, rũ rượi và tím xanh. Viên thanh tra lột băng dính khỏi miệng cô, tháo xích sắt ra và bắt đầu hô hấp nhân tạo.

Sachs gọi mấy chục người tụ tập gần đó, bị thu hút vì tò mò, "Có ai là bác sĩ không?"

Không ai trả lời. Cô liếc nhìn phía nạn nhân và thấy cô ấy đang động đậy… Rồi cô ấy bắt đầu nôn và phun nước ra. Tốt! Họ đã cứu được cô ấy đúng lúc. Trong một phút nữa cô ấy sẽ có thể xác định gã đàn ông. Rồi cô nhìn qua hiện trường và để ý thấy một nùi vải màu xanh hải quân sáng. Cô thấy một cái khóa kéo và ống tay áo. Đó có thể là chiếc áo khoác chạy bộ mà gã đã thay nhanh ra.

Đôi mắt gã nhìn theo ánh mắt cô và gã cũng nhìn thấy nó.

Đó có phải là một cái cau mày nhẹ? Cô nghĩ thế nhưng không dám chắc.

"Thưa ông," cô nói rõ ràng, "cho tới khi chúng tôi xử lý xong mọi chuyện ở đây, tôi sẽ phải còng tay ông. Tôi muốn ông…"

Bỗng một giọng đàn ông hoảng hốt hét lên, "Ôi, cô ơi, hãy cẩn thận! Gã mặc đồ chạy bộ kia… Bên phải cô đấy! Gã có súng!"

Mọi người hét lên và nằm thụp xuống đất. Sachs cúi thấp người,

lao về bên phải, tìm kiếm mục tiêu. “Roland, coi chừng!”

Cả Bell cũng hạ thấp người xuống cạnh người phụ nữ và nhìn về cùng hướng với Sachs, khẩu Sig Sauer trên tay.

Nhưng Sachs không thấy ai mặc đồ chạy bộ cả.

Ôi không, cô nghĩ. Không! Cô hiểu điều gì đã xảy ra và tức giận với bản thân. Gã đã giả giọng đó. Thuật nói tiếng bụng.

Cô quay lại thật nhanh và chỉ kịp nhìn thấy một quả cầu lửa rực rỡ nổ tung trong tay gã cứu người. Nó lơ lửng trên không trung, khiến cô không thấy gì cả.

“Amelia!” Bell gọi. “Tôi không thấy gì hết! Gã đâu?”

“Tôi không…”

Một loạt súng vang lên từ chỗ Gã phù thủy đã đứng. Những người xem bỏ chạy trong hoảng loạn khi Sachs nhắm vào nơi phát ra tiếng súng. Bell cũng làm vậy. Cả hai đều nheo mắt tìm mục tiêu, nhưng tới lúc tầm nhìn của họ trở lại, kẻ sát nhân đã biến mất; cô thấy mình đang chĩa súng vào một đám khói mờ ảo – từ những quả pháo nổ.

Rồi ở phía đông, cô nhìn thấy Gã phù thủy ở bên kia đường trong công viên. Gã đã ra đến giữa phố, nhưng khi nhìn thấy một chiếc xe cảnh sát đang lao nhanh về phía mình, đèn và còi hụ vang dội, gã nhảy lên cầu thang rộng dẫn vào trường đại học và biến mất trong khu hội chợ đồ thủ công, như một con rắn hổ mang biến mất vào đám cỏ cao.

Chương mười bảy

Bọn họ ở khắp nơi… Hàng chục cảnh sát.

Tất cả đều tìm kiếm gã.

Thở gấp sau khi chạy quá nhanh, phổi đau nhói, những cơ bắp như bốc lửa, Malerick tựa vào bức tường đá vôi mát lạnh của một trong những tòa nhà của khu đại học.

Phía trước gã, một hội chợ đang diễn ra trên một quảng trường lớn, chật ních người. Gã nhìn lại sau lưng, về phía tây, hướng mà gã vừa rời khỏi. Cảnh sát đã chặn lối vào ở đó. Ở hướng bắc và nam là những tòa nhà bê tông cao. Các cửa sổ khóa chặt và không có cửa ra vào. Lối thoát duy nhất của gã là về hướng đông, ở phía bên kia của một khu vực rộng bằng một sân bóng bầu dục đầy những gian hàng và đám người đông đúc.

Gã đi về hướng đó. Nhưng không dám chạy.

Vì một nhà ảo thuật biết rằng những cử động nhanh sẽ thu hút sự chú ý.

Chậm mới khiến ta vô hình.

Gã liếc nhìn những hàng hóa đang bày bán, gật đầu hài lòng với màn trình diễn của một tay ghi-ta, cười lớn với một anh hề cột bong bóng. Gã làm điều mà những người khác cũng làm.

Vì sự khác biệt cũng thu hút sự chú ý.

Giống với người khác mới khiến ta vô hình.

Từ từ đi về hướng đông. Gã tự hỏi làm sao cảnh sát lại tìm ra được gã. Tất nhiên gã nghĩ họ sẽ tìm thấy thi thể chết đuối của nữ luật sư trong hôm nay. Nhưng họ đã ra tay quá nhanh – như thể họ đoán trước được rằng gã sẽ bắt cóc ai đó ở khu vực này của thành

phố, có lẽ thậm chí là ở chính chỗ dạy cưỡi ngựa. Bằng cách nào chứ?

Xa hơn về phía đông.

Đi qua những gian hàng, qua một quán ăn nhanh, qua một ban nhạc Jazz kiểu Dixieland trên một sân khấu màu đỏ, trắng, và xanh. Phía trước là lối thoát – cầu thang phía đông dẫn từ quảng trường xuống Broadway. Chỉ mười lăm mét nữa là tự do, mười hai…

Chín mét…

Nhưng rồi gã nhìn thấy những ánh đèn chớp. Chúng có vẻ cũng sáng gần bằng ánh đèn chớp mà gã đã sử dụng để thoát khỏi viên cảnh sát tóc đỏ. Ánh đèn ở bốn chiếc xe tuần tra đang ré lên và dừng lại cạnh cầu thang. Nửa tá cảnh sát mặc đồng phục nhảy ra. Họ lướt nhanh qua cầu thang nhưng vẫn đứng lại ở chỗ những chiếc xe. Trong khi đó các cảnh sát khác, mặc thường phục, đang tới. Giờ họ leo lên cầu thang và hòa lẫn vào đám đông, tìm kiếm trong hội chợ.

Bị bao vây, Malerick quay ngược trở lại và hướng về phía trung tâm khu hội chợ.

Những cảnh sát mặc thường phục di chuyển chậm rãi về hướng tây. Họ chặn lại những người đàn ông ngoài năm mươi râu cạo sạch sẽ, mặc áo phông màu sáng và quần dài màu da người. Chính xác là gã.

Nhưng họ cũng chặn cả những người ngoài năm mươi có râu và mặc quần áo khác. Điều đó có nghĩa là họ đã biết về kỹ thuật thay đồ nhanh của gã.

Rồi gã nhìn thấy điều mà gã sợ: Nữ cảnh sát với ánh mắt thép và mái tóc đỏ bốc lửa, người đã cố gắng bắt gã ở ao nước, hiện ra trên đỉnh cầu thang ở cạnh phía tây của hội chợ. Cô ta lao vào trong đám đông.

Malerick quay đi, cúi đầu xuống và xem một bức tượng điêu khắc bằng gốm xấu xí.

Làm gì đây? Gã nghĩ trong tuyệt vọng. Gã vẫn còn một bộ đồ thay nhanh, phía dưới bộ mà gã đang mặc lúc này. Nhưng sau đó, không còn gì dự phòng nữa.

Viên cảnh sát tóc đỏ nhìn thấy ai đó có vóc dáng và cách ăn mặc giống gã. Cô kiểm tra người đó kỹ lưỡng. Rồi cô quay đi và tiếp tục tìm kiếm trong đám đông.

Tay cảnh sát mảnh khảnh, tóc nâu đã hô hấp nhân tạo cho Cheryl Marston lúc này đang trèo lên nóc cầu thang và cùng nữ cảnh sát bước vào đám đông. Họ bàn bạc với nhau một lát. Một phụ nữ nữa đi cùng họ – cô ta không có vẻ là cảnh sát. Cô ta có đôi mắt xanh sắc sảo và mái tóc màu tím đỏ cắt ngắn và khá gầy. Cô ta nhìn vào đám đông và thì thầm điều gì đó với viên nữ cảnh sát, người đang đi về một hướng khác. Cô gái tóc ngắn ở lại với viên cảnh sát nam và họ bắt đầu đi qua đám đông.

Malerick biết không sớm thì muộn gã cũng sẽ bị phát hiện. Gã phải ra khỏi hội chợ ngay bây giờ, trước khi có thêm nhiều cảnh sát nữa tới. Đi về phía một dãy nhà vệ sinh di động, gã bước vào một cái rồi thay đồ. Ba mươi giây sau gã bước ra, lịch sự giữ cửa cho một phụ nữ trung niên, người lưỡng lự rồi quay lưng đi, quyết định đợi một nhà vệ sinh mà người dùng trước đó không phải là một tay đi xe máy tóc đuôi ngựa, bụng bia, đội mũ Pennzoil, mặc một cái áo vải bò dài tay của Harley-Davidson và quần bò đen bẩn thỉu.

Gã cầm một tờ báo lên và cuộn lại, nắm chặt trong tay trái để che những ngón tay của gã, rồi đi về phía đông khu hội chợ lần nữa, xem xét chỗ kính màu, cốc và bát đĩa, đồ chơi làm thủ công, đồ pha lê, đĩa CD. Một cảnh sát nhìn thẳng vào gã nhưng chỉ liếc qua rồi quay đi.

Malerick giờ đã trở lại cạnh phía đông của khu hội chợ.

Cầu thang dẫn xuống Broadway rộng gần ba chục mét và một cảnh sát mặc đồng phục đã xoay xở để đóng phần lớn cầu thang lại. Lúc này họ đang chặn tất cả đàn ông và phụ nữ trưởng thành rời hội chợ và hỏi xem giấy tờ tùy thân.

Gã thấy viên thanh tra và cô gái tóc tím đứng gần đó, ngay cạnh quầy thức ăn nhanh. Cô ta đang thì thầm gì đó với anh ta. Phải chăng cô ta đã nhận ra gã?

Một cơn giận bùng lên trong Malerick và không thể kiểm soát. Gã đã lên kế hoạch cho màn trình diễn này rất tỉ mỉ – mọi tiết mục, mọi màn biểu diễn đều được xây dựng để hướng tới màn kết trong nay mai. Cuối tuần này lẽ ra sẽ là tiết mục hoàn hảo nhất từng được trình diễn. Vậy mà giờ mọi chuyện sụp đổ hết xung quanh

gã. Gã nghĩ về việc thầy mình sẽ thất vọng ra sao. Gã nghĩ tới việc đã làm khán giả thân mến của mình thất vọng… Gã thấy bàn tay mình, đang cầm một bức tranh sơn dầu nhỏ tượng Nữ thần Tự Do, bắt đầu run rẩy.

Chuyện này không thể chấp nhận được! Gã run lên vì giận. Gã đặt bức tranh xuống và quay ra.

Nhưng gã nhanh chóng dừng lại, thở dốc.

Nữ cảnh sát tóc đỏ đứng cách gã chưa đầy nửa mét, đang nhìn chỗ khác. Gã nhanh chóng chuyển sự chú ý sang một hộp trang sức và hỏi người bán hàng, bằng giọng đặc Brooklyn, giá của một đôi bông tai.

Từ khóe mắt, gã có thể nhìn thấy nữ cảnh sát liếc nhìn gã nhưng không thật sự để ý và một lát sau gọi vào bộ đàm của cô ta. "Năm Tám Tám Năm. Xin nối đường dây điện thoại bàn với Lincoln Rhyme." Một lát sau: "Bọn em đang ở hội chợ, Rhyme. Gã phải ở đây… Gã không thể thoát được vì họ đã phong tỏa các lối ra. Bọn em sẽ tìm ra gã. Dù có phải lục soát từng người, bọn em vẫn sẽ tìm ra."

Malerick lẻn vào trong đám đông. Những lựa chọn của gã là gì đây?

Đánh lạc hướng – đó có vẻ là câu trả lời duy nhất. Thứ gì đấy đánh lạc hướng cảnh sát và cho gã chỉ năm giây để lẻn qua hàng rào và biến mất giữa những khách bộ hành ở Broadway.

Nhưng điều gì sẽ đánh lạc hướng họ đủ lâu để gã trốn thoát? Gã không còn quả pháo nào nữa để giả tiếng súng. Đốt một quầy hàng chăng? Nhưng điều đó sẽ không gây ra sự hoảng loạn mà gã cần lúc này.

Sự giận dữ và sợ hãi lại xâm chiếm gã lần nữa.

Nhưng rồi gã nghe giọng nói của người thầy từ nhiều năm trước, sau khi một cậu bé đã phạm một sai lầm trên sân khấu và suýt nữa phá hỏng tiết mục của ông. Nhà ảo thuật hóa trang như quỷ dữ, râu ria rậm rạp đã kéo cậu bé qua một bên sau màn trình diễn. Suýt khóc, cậu bé nhìn chằm chằm xuống sàn khi người đàn ông hỏi, "Ảo thuật là gì?"

"Khoa học và logic" là câu đáp tức thì của Malerick. (Thầy gã đã nhồi nhét hàng trăm câu trả lời như thế vào đầu những người trợ

lý của ông.)

"Khoa học và logic, phải. Nếu có gì không may – do ta hay trợ lý của ta hay bởi chính Chúa – ta sử dụng khoa học và logic để kiểm soát ngay lập tức. Không được để một giây nào trôi qua vô ích giữa sai lầm và phản ứng của ta. Hãy can đảm. Hãy đọc khán giả của mình. Hãy biến thảm họa thành những tràng pháo tay."

Nghe những lời đó trong tâm trí mình lúc này, Malerick trở nên trầm tĩnh. Gã hất búi tóc đuôi ngựa của dân đi xe phân khối lớn sang một bên và nhìn quanh, cân nhắc xem nên làm gì.

Hãy can đảm. Hãy đọc khán giả của mình.

Hãy biến thảm họa thành những tràng pháo tay.

***

Sachs lướt nhanh qua những người xung quanh cô lần nữa – bà mẹ và ông bố với hai đứa trẻ chán chường, một cặp già cả, một tay đi xe phân khối lớn mặc áo phông Harley, hai phụ nữ châu Âu đang mặc cả một món trang sức với một người bán hàng.

Cô để ý thấy Bell ở bên kia quảng trường, gần khu vực bán đồ ăn. Nhưng Kara đâu? Cô gái trẻ lẽ ra phải ở gần họ. Sachs vẫy tay ra hiệu với viên thanh tra, nhưng một nhóm người chen giữa họ và cô không nhìn thấy anh. Cô bước về phía anh mà đầu vẫn quay qua quay lại, dõi theo đám đông.

Cô nhận ra cảm giác bất an cũng như lúc ở trường Âm nhạc sáng nay, bất chấp thực tế là bây giờ bầu trời sáng tỏ và mặt trời tỏa rạng, không hề giống bối cảnh của hiện trường thứ nhất. *Rờn rợn…*

Cô biết vấn đề là gì.

Sợi dây kết nối.

Khi ta đi tuần tra, hoặc ta có sợi dây kết nối hoặc không. Trong ngôn ngữ của cảnh sát, "có sợi dây kết nối" nghĩa là ta gắn kết với khu ta tuần tra. Đó không chỉ là vấn đề biết con người và địa hình ở khu vực của ta; mà còn là biết kiểu năng lượng nào thúc đẩy những yếu tố đó, kiểu nghi phạm nào mà ta có thể phòng trước, chúng nguy hiểm ra sao, chúng có thể tấn công các nạn nhân – và tấn công cả ta nữa như thế nào.

Nếu ta không có sợi dây kết nối trong một khu phố, ta không thể nào đi tuần tra ở đó.

Với Gã phù thủy, giờ Sachs đã hiểu, cô không hề có sợi dây kết nối đó. Ngay lúc này gã có thể đang ở trên chuyến xe điện ngầm số chín, hướng về trung tâm. Hay gã có thể chỉ cách cô chưa đến một mét thôi. Cô đơn giản là không biết.

Thật ra, ngay khi đó, có người đi ngay sau cô. Cô cảm nhận được hơi thở hay dải quần áo lướt qua cổ mình. Cô quay lại thật nhanh, run lên vì sợ hãi – tay đặt trên báng súng, nhớ lại Kara đã dễ dàng khiến cô phân tâm thế nào để lấy đi vũ khí của Sachs khỏi bao súng.

Một nửa tá người đang ở gần nhưng không ai có vẻ khuấy động không khí đằng sau cô.

Hay đúng là họ đã làm thế?

Một người đàn ông tập tễnh bước qua. Anh ta không thể là Gã phù thủy.

Hay đúng là anh ta?

Gã phù thủy có thể trở thành một người khác chỉ trong tích tắc, nhớ không?

Xung quanh cô: một cặp vợ chồng già, một tay đi xe phân khối lớn buộc tóc đuôi ngựa, ba đứa nhóc, một người đàn ông cao lớn mặc đồng phục ConEd. Cô đang chênh vênh, thất vọng và sợ hãi cho chính mình và cho những người xung quanh.

Không có sợi dây kết nối…

Chính khi đó tiếng hét của một phụ nữ vang lên.

Một giọng nói, “Kìa! Nhìn xem! Ôi Chúa ơi, có người bị thương rồi.”

Sachs rút vũ khí ra và đi về phía nhóm người tụ tập gần đó. “Gọi bác sĩ đi!”

“Có chuyện gì vậy?”

“Ôi, Chúa ơi, đừng nhìn, con yêu!”

Một đám đông lớn đã hình thành gần cạnh phía đông của quảng trường, không xa quầy đồ ăn nhanh. Họ nhìn đầy kinh hoàng

xuống người nằm trên nền gạch dưới chân mình.

Sachs nhấc chiếc bộ đàm Motorola của cô để gọi cho nhóm y tế và len qua đám đông. “Để tôi qua, để tôi…”

Cô dừng lại trong vòng người xúm quanh và thở gấp. “Không,” cô thì thầm, run lên vì tuyệt vọng trước cảnh tượng đang diễn ra trước mắt.

Amelia Sachs đang nhìn thẳng vào nạn nhân mới nhất của Gã phù thủy.

Kara nằm trên mặt đất, máu phủ kín chiếc áo màu tím của cô và nền gạch xung quanh. Đầu cô ngả về phía sau và đôi mắt trừng trừng bất động của cô nhìn thẳng lên bầu trời màu lam ngọc.

Chương mười tám

Không nói nên lời, Sachs giơ tay lên bịt miệng.

Ôi Chúa ơi, không…

Robert-Houdin có những trò giỏi hơn người Marabout. Dù tôi nghĩ chúng suýt nữa đã giết ông ấy.

Đừng lo. Tôi sẽ đảm bảo rằng chuyện đó không xảy ra với cô…

Nhưng cô đã không làm được điều đó. Cô đã quá tập trung vào Gã phù thủy tới mức quên mất cô gái.

Không, không, Rhyme, có những cái chết ta không thể chối bỏ. Thảm kịch này sẽ theo cô mãi mãi.

Nhưng rồi cô nghĩ: Sẽ tới lúc khóc than. Sẽ tới lúc cho những sự buộc tội và hậu quả. Ngay lúc này, hãy nghĩ như một cảnh sát. Gã phù thủy đang ở gần đây. Gã vẫn chưa trốn thoát. Đây là một hiện trường tội ác và ta biết cần phải làm gì.

Bước một: Phong tỏa các lối thoát.

Bước hai: Phong tỏa hiện trường.

Bước ba: Xác định, bảo vệ và thẩm vấn nhân chứng.

Cô quay sang hai cảnh sát tuần tra đi cùng để phân công một phần những công việc đó. Nhưng khi Sachs định lên tiếng, cô nghe một giọng nói trên bộ đàm. "Xe tuần tra Bốn Bảy báo với mọi cảnh sát ở khu mười-hai mươi-bốn gần sông. Nghi phạm vừa phá qua hàng rào ở phía đông con đường gần hội chợ. Hiện đang ở khu West End, đang tới gần đường 78, đi bộ về phía bắc… Mặc quần bò, áo phông xanh da trời với logo Harley-Davidson. Tóc đen, có đuôi ngựa, mũ bóng chày đen. Không thấy có vũ khí… Tôi đang mất dấu gã trong đám đông… Mọi cảnh sát và xe tuần tra có mặt xin

trả lời."

Tay đi xe phân khối lớn! Gã đã bỏ quần áo doanh nhân và thay đồ nhanh. Gã đã đâm Kara để đánh lạc hướng họ rồi lẻn qua hàng rào khi cảnh sát bắt đầu đi về phía cô gái.

Và mình chỉ cách gã chưa đầy một mét!

Các cảnh sát khác trả lời xác nhận và tham gia cuộc đuổi bắt, dù có vẻ kẻ sát nhân đã đi trước khá xa. Sachs nhìn thấy Roland Bell, người đang nhìn xuống Kara, nhíu mày khi anh ấn tai nghe chiếc bộ đàm Motorola của mình gần tai hơn để lắng nghe cùng thông báo như Sachs. Ánh mắt của họ gặp nhau và anh gật đầu về hướng cần đuổi theo. Sachs ra lệnh cho một cảnh sát tuần tra gần đó phong tỏa hiện trường vụ sát hại Kara, gọi nhân viên y tế và tìm nhân chứng.

"Nhưng..." Tay cảnh sát trẻ hói đầu bắt đầu phản đối, cô đoán anh ta có vẻ không vui vẻ gì khi phải nhận lệnh từ một người trạc tuổi mình.

"Không nhưng nhị gì cả," cô nói, không có tâm trạng để cãi cọ về việc giữa họ ai nhiều kinh nghiệm hơn ai vài tuần hay vài ngày. "Anh có thể kêu ca với cấp trên của anh về chuyện này sau."

Nếu anh ta còn nói điều gì nữa thì cô cũng không nghe; bỏ qua cơn viêm khớp đau đớn, cô nhảy xuống cầu thang hai bậc một sau Roland Bell và bắt đầu truy đuổi gã vừa giết bạn họ.

***

Gã nhanh.

Nhưng mình còn nhanh hơn.

Cảnh sát tuần tra có sáu năm kinh nghiệm Lawrence Burke chạy nước rút ra khỏi công viên Riverside vào đại lộ West End, chỉ cách nghi phạm, một gã khốn kiếp đi xe phân khối lớn, mặc áo phông Harley khoảng sáu mét.

Chạy qua những khách bộ hành, tách họ ra, đúng như cách anh từng làm ở trường cấp ba, khi đuổi theo kẻ nhận bóng.

Và cũng giống như hồi đó, Larry[52] Chân Dài đang dần thu hẹp khoảng cách.

[52] *Larry là tên thân mật của Lawrence.*

Anh đang trên đường tới sông Hudson để giúp bảo vệ một hiện trường tội phạm vũ trang ở khu mười-hai mươi-bốn thì nghe cuộc gọi yêu cầu hỗ trợ đuổi theo nghi phạm. Lúc quay lại, anh thấy mình đang nhìn trừng trừng gã – một tay đi xe phân khối lớn dơ dáy.

"Này, anh! Đứng lại!"

Nhưng gã không đứng lại. Gã né qua Burke và tiếp tục lao về phía bắc, hoảng loạn trốn chạy. Và đúng như trong trận đấu chào mừng cựu học sinh ở trường cấp ba Woodrow Wilson khi anh chạy nước rút hơn sáu mươi lăm mét đuổi theo Chris Broderick (bắt kịp và quật ngã hắn với một cú húc nghẹt thở chỉ cách đường biên cuối sân hơn nửa mét), Chân Dài tăng tốc và bắt đầu đuổi theo nghi phạm.

Burke không rút vũ khí. Trừ khi nghi phạm ta đang đuổi theo có vũ trang và có một mối đe dọa tức thì rằng gã sẽ bắn ta hay một khách qua đường, ta không thể dùng vũ khí gây chết người để buộc gã dừng lại. Và bắn vào lưng bất kỳ kẻ nào tạo ra ấn tượng rất xấu trong cuộc điều tra về nổ súng sau đó, chưa nói tới các đánh giá thăng chức và báo chí.

"Này, thằng chó chết!" Burke thở gấp.

Tay đi xe phân khối lớn ngoặt về hướng đông, xuống một con đường cắt ngang, liếc lại phía sau với cặp mắt mở to, nhìn thấy Chân Dài đang từ từ thu hẹp khoảng cách.

Gã lại rẽ sang trái, vào một ngõ hẻm. Viên cảnh sát rẽ còn mượt hơn "ngài Harley" và đã ở ngay sau lưng gã.

Một số sở cảnh sát sử dụng lưới hoặc súng sốc điện để ngăn các nghi phạm bỏ chạy, nhưng NYPD không có công nghệ cao như thế. Thêm nữa, chuyện đó cũng không quan trọng, không phải trong trường hợp này. Larry Burke còn nhiều kỹ năng khác ngoài chạy. Tắc bóng chẳng hạn.

Từ khoảng cách chưa tới một mét, anh phóng người vào không trung, nhớ nhắm lên cao và sử dụng cơ thể của chính gã đó làm tấm đỡ khi họ ngã xuống.

"Chúa ơi," gã đi xe phân khối lớn ré lên khi họ ngã xuống sàn đá

cuội và trượt vào một đống rác.

“Mẹ kiếp!” Burke thốt lên, cảm thấy một miếng da trượt ra ở cùi chỏ anh. “Thằng chó.”

“Tôi có làm gì đâu!” Gã đi xe phân khối lớn thở gấp. “Tại sao anh lại đuổi theo tôi?”

“Câm miệng.”

Burke còng tay gã và vì gã có thể chạy trối chết, anh dùng cả một dây trói bằng nhựa cột hai mắt cá gã lại. Đẹp đẽ và chặt chẽ. Anh kiểm tra cùi chỏ rướm máu.

“Mẹ kiếp, mất một miếng da rồi. Ái, đau đấy. Thằng chó.” “Tôi có làm gì đâu. Tôi chỉ đi hội chợ thôi. Tôi chỉ…”

Nhổ nước bọt xuống đất, Burke hít sâu vài lần. Anh quát, “Nói mày câm miệng mà không hiểu hả? Tao không nói lại đâu… Mẹ, đau thật!”

Anh lục soát người gã cẩn thận và tìm thấy một chiếc ví. Không có giấy tờ tùy thân bên trong, chỉ có tiền. Kỳ lạ. Và gã cũng không có vũ khí hay ma túy, điều khá là lạ với một tay đi xe phân khối lớn.

“Anh muốn dọa nạt tôi thế nào thì tùy, nhưng tôi muốn có luật sư. Tôi sẽ kiện anh! Nếu anh nghĩ tôi làm gì sai, thì anh lầm quá rồi, sĩ quan.”

Burke lôi áo sơ-mi và áo phông của gã ra và chớp mắt. Ngực và bụng gã đầy sẹo. Nhìn thật kinh dị. Nhưng điều kỳ lạ hơn là một cái túi quấn quanh hông gã, như những chiếc túi bao tử mà anh và vợ vẫn đeo khi họ đi du lịch châu Âu. Burke nghĩ trong đó có giấu hàng cấm, nhưng không, tất cả những gì gã giấu là một cặp quần chạy bộ, một cái áo len chui cổ, quần dài, áo phông trắng và một chiếc điện thoại di động. Và – điều này mới thực sự lạ lùng – đồ trang điểm. Cả một đống giấy vệ sinh cuộn lại nữa, nhồi thành một đống, như thể gã đang cố làm cho mình trông béo ị.

Lạ lùng thật…

Burke hít sâu lần nữa và không may hít phải mùi rác và nước tiểu từ trong con ngõ. Anh ấn nút chiếc bộ đàm Motorola của mình. “Cảnh sát tuần tra Năm Hai Một Hai báo Trung tâm… Tôi đang tạm giữ nghi phạm ở khu mười-hai mươi-bốn, K.”

“Có bị thương không?”

“Không.”

Trừ mỗi cái cùi chỏ đau kinh khủng.

“Địa điểm?”

“Cách một khối nhà rưỡi chỗ West End, K. Đợi một lát, tôi sẽ lấy địa chỉ đường ngang.”

Burke bước ra đầu con ngõ để nhìn biển tên đường và đợi các đồng đội của anh xuất hiện. Chỉ khi đó adrenaline mới bắt đầu hạ xuống, để lại một trạng thái phởn phơ dễ chịu. Không bắn một phát nào. Một thằng khốn đã bị hạ gục… Thật khoái trá, cảm giác thật tuyệt – gần tuyệt như trận bóng mười hai năm trước, hạ gục Chris Broderick, kẻ đã ré lên như đàn bà khi ngã vật xuống mặt sân ngay cách đường biên gần một mét, dù trước đó đã chạy gần trọn nửa sân mà không hề hay biết Larry Chân Dài bám theo ngay đằng sau.

***

“Này, cô không sao chứ?”

Bell chạm vào vai Amelia Sachs. Cô bị chấn động bởi cái chết của Kara tới mức không thể trả lời. Cô gật đầu, không thể thở nổi vì đau buồn.

Phớt lờ cơn đau ở đầu gối vì đã đi bộ nhiều trước đó, Sachs và viên thanh tra tiếp tục lao nhanh về phía West End, hướng mà cảnh sát tuần tra Burke đã gọi qua bộ đàm báo anh ta bắt được kẻ giết người.

Không biết Kara có anh em gì không. Ôi Chúa ơi, chúng ta sẽ phải báo với gia đình cô ấy.

Không, không phải *chúng ta.*

Mình sẽ phải làm chuyện đó. Đấy là lỗi của mình. *Mình* sẽ gọi cuộc điện thoại đó.

Phát ốm vì khổ sở, cô đi nhanh về phía con ngõ. Bell liếc cô lần nữa, hít sâu để lấy hơi.

Nhưng ít ra họ đã bắt được Gã phù thủy.

Dù trong thâm tâm, cô thấy tiếc vì mình không phải là người bắt được gã. Cô ước gì có thể một mình đối mặt với Gã phù thủy trong ngõ hẻm đó. Sẽ là một cuộc đấu súng căng thẳng. Cô có thể dùng khẩu Glock và bắn một viên duy nhất vào vai gã. Trong phim ảnh, những vết súng vào vai chỉ là vết thương ngoài da thịt, gây bất tiện, và người hùng vẫn sống mà chẳng hề hấn gì. Tuy nhiên ngoài đời thực, ngay cả một viên đạn nhỏ thôi cũng có thể làm thay đổi cuộc đời ta trong một thời gian dài, rất dài. Đôi khi là mãi mãi.

Nhưng kẻ sát nhân đã bị bắt và cô phải hài lòng với việc kết án những vụ giết người.

Đừng lo, đừng lo, đừng lo…

Kara…

Sachs nhận ra rằng cô thậm chí không biết tên thật của cô ấy.

Đó là nghệ danh, nhưng tôi cũng chủ yếu dùng cái tên ấy. Hay hơn cái tên mà cha mẹ tôi đã tử tế đặt cho tôi.

Phần thông tin nhỏ nhoi còn thiếu đó khiến cô suýt khóc.

Cô nhận ra là Bell đang nói gì đó với cô.

"Này, cô nghe tôi nói chứ, Amelia?" Một cái gật đầu cộc lốc.

Họ rẽ vào đường 88, nơi viên cảnh sát tuần tra đã bắt được nghi phạm. Cả hai đầu con đường đã bị các xe tuần tra phong tỏa. Bell nhìn lên phía ngã tư và để ý thấy một con hẻm. "Ở đó," anh nói và chỉ tay. Anh gọi một số cảnh sát – cả thanh tra mặc thường phục và cảnh sát tuần tra mặc đồng phục – đi theo họ.

"Được rồi, hãy đi tóm gã nào," Sachs lầm bầm. "Trời, tôi hy vọng Grady sẽ lãnh vụ này."

Họ dừng lại và nhìn vào con ngõ sâu âm u. Không thấy một bóng người.

"Không phải là chỗ này sao?" Bell hỏi.

"Anh ấy nói là 88, đúng không?" Sachs hỏi. "Một khối nhà rưỡi ở đông West End. Tôi chắc chắn thông tin qua bộ đàm là vậy."

"Tôi cũng vậy," một viên thanh tra nói.

“Rõ ràng phải là nơi này.” Cô nhìn lại con phố. “Đâu còn ngõ hẻm nào khác.”

Ba cảnh sát nữa tới chỗ họ. “Chúng ta đã lầm sao?” Một người hỏi rồi nhìn quanh. “Có phải là nơi này không?”

Bell gọi qua chiếc bộ đàm Motorola của anh, “Cảnh sát tuần tra Năm Hai Một Hai, trả lời, K.”

Không có câu trả lời.

“Cảnh sát tuần tra Năm Hai, anh đang ở trên đường nào, K?”

Sachs liếc nhìn con hẻm. “Ôi, không.” Tim cô như chùng xuống.

Chạy về phía trước, cô tìm thấy một chiếc còng tay bị mở nằm trên mặt đường đá cuội gần một đống rác. Bên cạnh đó là một dây trói bằng nhựa đã bị cắt ra. Bell chạy tới cạnh cô.

“Gã đã thoát khỏi chiếc còng chết tiệt và cắt dây trói.” Sachs nhìn quanh.

“Vậy họ đâu?” Một cảnh sát mặc đồng phục hỏi.

“Larry đâu rồi?” Một người khác hỏi.

“Chắc đang đuổi theo?” Một người giải thích. “Có lẽ anh ấy không ở trong khu vực có sóng.”

“Có thể,” Bell lầm bầm. Sự lo ngại trong giọng nói của anh phản ánh thực tế là những chiếc bộ đàm Motorola cực mạnh hiếm khi trục trặc và tầm thu phát sóng của chúng trong thành phố tốt hơn hầu hết đám điện thoại di động.

Bell gọi báo mã 10-39[53], nghi phạm trốn thoát, một cảnh sát đang truy đuổi hoặc đã mất tích. Anh hỏi tổng đài xem liệu có tín hiệu gì từ Burke không, nhưng được thông báo là không có. Cũng không có thông tin từ bên thứ ba nào về việc có nổ súng ở khu vực lân cận.

---

[53] *Mã tình huống khẩn cấp của cảnh sát ở Mỹ.*

Sachs đi dọc theo con hẻm, tìm kiếm bất kỳ đầu mối nào có thể cho thấy kẻ sát nhân đã đi đâu hay nơi mà Gã phù thủy có thể đã vứt xác viên cảnh sát tuần tra nếu gã lấy được súng của Burke và

giết anh. Nhưng cả cô lẫn Bell đều không tìm thấy dấu hiệu gì của viên cảnh sát hay nghi phạm. Cô quay sang nhóm cảnh sát đang ở đầu con hẻm.

Thật là một ngày tồi tệ. Hai người chết sáng nay. Kara nữa.

Và giờ là một cảnh sát mất tích.

Tay cô giơ lên chỗ loa/micro của chiếc bộ đàm SP-50 và lấy nó khỏi vai. Đã tới lúc báo lại mọi chuyện với Rhyme. Ôi trời. Không muốn thực hiện cuộc gọi này chút nào. Cô gọi cho Trung tâm qua bộ đàm và yêu cầu nối máy. Khi cô đang đợi cuộc gọi được kết nối, cô cảm thấy một cú giật ở tay áo.

Sachs quay ra. Khi mà cô hít một hơi thật sâu vì sốc, chiếc micro tuột khỏi tay cô và rơi ra một bên. Thật không thể tin nổi.

Hai người đang đứng trước mặt cô. Một là viên cảnh sát hói đầu mà Sachs đã ra lệnh ở hội chợ mười phút trước.

Người kia là Kara, mặc một chiếc áo gió NYPD. Cô gái trẻ nhíu mày, nhìn xuống con hẻm. Cô hỏi, “Vậy gã đâu?”

Chương mười chín

Cô có sao không?" Sachs lắp bắp. "Sao... Đợi đã, đã xảy ra chuyện gì?"

"Có sao không ư? Tôi ổn..." Kara nhận ra vẻ mặt kinh ngạc của viên cảnh sát và nói, "Ý cô là cô không biết thế hả?"

Viên cảnh sát hói đầu nói với Sachs, "Tôi đã cố nói với cô. Nhưng cô chạy mất trước khi tôi kịp nói."

"Nói với tôi...?" Giọng Sachs không còn rõ nữa. Cô vẫn còn sững sờ – và khó hiểu kèm theo sự nhẹ nhõm – tới mức không thể lên tiếng.

"Cô nghĩ là tôi bị thương thật sao?" Kara nói. "Ôi Chúa ơi." Bell tiến lại và gật đầu chào Kara, trong khi cô nói, "Amelia không biết."

"Chuyện gì?"

"Kế hoạch của chúng ta. Vụ đâm người giả."

Bell trông hoàn toàn sửng sốt. "Chúa ơi, cô nghĩ là cô ấy chết thật sao?"

Viên cảnh sát tuần tra nhắc lại với Bell, "Tôi đã cố báo với cô ấy. Đầu tiên, tôi không tìm được cô ấy và đến khi tìm được, cô ấy chỉ nói với tôi là phải phong tỏa hiện trường và gọi cho cấp cứu rồi đi mất."

Kara giải thích, "Roland và tôi đã nói chuyện với nhau. Chúng tôi xác định là Gã phù thủy sẽ thực sự làm hại ai đó – có lẽ phóng hỏa hay bắn hay đâm người nào đấy. Cô biết đấy, đánh lạc hướng chúng ta để gã có thể trốn thoát. Nên chúng tôi nghĩ tự chúng tôi sẽ dựng lên màn đánh lạc hướng."

"Để xua thằng đó khỏi bụi rậm," Bell bổ sung. "Cô ấy lấy ít sốt cà

chua ở quầy đồ ăn, bôi lên người, hét lên rồi ngã xuống."

Kara mở chiếc áo gió màu xanh ra để lộ những vết ố màu đỏ trên chiếc áo màu tím của cô.

Viên thanh tra nói tiếp, "Chúng tôi đang lo là một số người ở hội chợ có thể bị sốc quá mức..."

Chà, dễ hiểu thôi...

"... nhưng chúng tôi nghĩ rằng như thế còn tốt hơn là có người nào đó thực sự bị Gã phù thủy tấn công." Bell nói thêm đầy tự hào, "Là ý của cô ấy đấy. Không đùa đâu."

"Tôi có cảm giác về việc gã sẽ suy nghĩ như thế nào," cô gái trẻ nói.

"Chúa ơi." Sachs thấy cả người mình đang run rẩy. "Mọi chuyện thật quá."

Bell gật đầu. "Cô ấy giả chết rất giỏi."

Sachs ôm lấy cô gái rồi nói cương quyết, "Nhưng từ giờ trở đi hãy ở sát cạnh chúng tôi. Hoặc báo cho tôi biết. Tôi còn quá trẻ để bị đau tim."

Họ đợi một lúc nữa nhưng không có tin tức gì về việc tìm thấy nghi phạm ở khu vực đó. Cuối cùng Bell nói, "Cô tìm kiếm hiện trường ở đây, Amelia. Tôi sẽ đi hỏi chuyện nạn nhân. Xem xem cô ấy có thể cung cấp thông tin gì có ích cho chúng ta không. Gặp lại cô ở hội chợ."

Một chiếc xe xử lý hiện trường đang đậu ở đường 88. Cô đi về phía đó và bắt đầu thu thập thiết bị cần thiết để xử lý hiện trường. Một giọng nói vang lên qua chiếc loa đang đung đưa của cô, làm cô giật mình. Cô lấy tai nghe không dây khỏi thắt lưng và cắm vào. "Tám Tám Năm. Nhắc lại, K."

"Sachs, chuyện quái gì đã xảy ra vậy? Anh nghe nói em đã tóm được gã và giờ gã lại trốn mất hả?"

Cô kể với Rhyme những gì đã xảy ra, về việc xua Gã phù thủy khỏi hội chợ.

"Ý của Kara hả? Giả chết sao? Hừm." Âm thanh sau cùng – thực ra là một tiếng cằn nhằn – lại là lời khen ngợi rất lớn, theo kiểu của Lincoln Rhyme.

“Nhưng gã đã biến mất,” Sachs bổ sung. “Và chúng ta cũng không tìm thấy viên cảnh sát kia. Có thể anh ta đang truy đuổi. Nhưng chúng ta không biết chắc. Roland đang hỏi người phụ nữ mà chúng ta đã cứu được. Xem xem cô ấy có đầu mối nào không.”

“Được rồi, hãy xử lý hiện trường đi, Sachs.”

“Những hiện trường,” cô sửa lại chua cay. “Tiệm cà phê, ao nước, và ngõ hẻm này. Quá nhiều.”

“Không nhiều đâu,” anh đáp. “Có gấp ba cơ hội tìm được bằng chứng tốt.”

***

Rhyme có lý.

Ba hiện trường đã cho ra một lượng bằng chứng rất khá.

Đây đều là những hiện trường khó xử lý, vì một lý do khác thường: Gã phù thủy có mặt ở từng hiện trường – ít ra là bóng ma của gã lượn lờ gần đó. Khiến cô phải thường xuyên dừng lại để sờ tay vào khẩu Glock, quay ra và bảo đảm rằng kẻ giết người không đột ngột hiện ra sau lưng cô.

Tìm kiếm cho kỹ nhưng hãy cảnh giác cho bản thân.

Cô thực ra vẫn chưa thấy người nào cả. Nhưng Svetlana Rasnikov cũng đâu có thấy kẻ giết cô ấy lúc gã gỡ tấm ngụy trang màu đen ra và lẻn tới từ đằng sau, trong bóng tối.

Tony Calvert cũng không thấy gã trốn đằng sau tấm gương trong ngõ hẻm khi anh ấy đi về phía con mèo giả.

Và ngay cả Cheryl Marston cũng không thật sự nhìn thấy Gã phù thủy dù cô đã ngồi xuống và trò chuyện với gã. Cô ấy đã nhìn thấy một người hoàn toàn khác, không bao giờ ngờ tới cái chết kinh hoàng mà gã đã bày sẵn cho cô.

Sachs đi theo ô ở nhiều địa điểm khác nhau, chụp ảnh kỹ thuật số và để lại hiện trường cho bên lấy vân tay và chụp ảnh. Sau đó cô trở lại hội chợ, nơi Roland Bell đã hẹn gặp. Anh đã hỏi chuyện Cheryl Marston ở bệnh viện. Tất nhiên họ không thể tin bất kỳ điều gì kẻ sát nhân đã nói với cô (“Toàn những lời dối trá chết tiệt,” Marston tổng kết thật cay đắng) nhưng cô nhớ một số chi tiết trước khi thuốc mê phát tác. Cô mô tả gã khá tốt, bao gồm

những đặc điểm về vết sẹo. Cô cũng nhớ là gã đã dừng lại ở chỗ một chiếc xe hơi. Cô nhớ hiệu xe và vài chữ cái đầu tiên của biển số. Đây là tin tốt. Có hàng trăm cách để lần từ chiếc xe tới hung thủ hay nhân chứng. Lincoln Rhyme gọi xe hơi là "thiết bị tạo bằng chứng."

DMV[54] cho biết có một chiếc xe khớp với mô tả – một chiếc Mazda 626 màu nâu vàng đời 2001 – đã bị đánh cắp ở sân bay White Plains một tuần trước. Sellitto đưa một yêu cầu định vị xe khẩn cấp cho mọi cơ quan chấp pháp ở khu vực đô thị và cử các cảnh sát đi kiểm tra những khối nhà xung quanh khu vực xảy ra vụ tấn công để xem có thể tìm được chiếc xe hay không, dù không cảnh sát nào thật sự tin rằng nó vẫn còn ở đó.

---

[54] DMV: Viết tắt của "Department of Motor Vehicles," tức Nha lộ vận, cơ quan cấp liên bang chịu trách nhiệm quản lý đăng ký xe và cấp giấy phép lái xe ở Mỹ.

Bell đang chốt lại mô tả của anh về thử thách kinh hoàng của Cheryl Marston thì một cảnh sát tuần tra đang nói chuyện qua bộ đàm cắt ngang anh.

"Thanh tra Bell phải không? Xin cho biết lại đó là xe gì? Chiếc xe nghi phạm lái ấy?"

"Mazda màu nâu vàng. Sáu hai sáu. Biển số xe F-E-T hai ba bảy."

"Đúng nó rồi," viên cảnh sát nói trong micro. Rồi anh nói thêm, "Vừa được tin – Một xe tuần tra phát hiện ra gã trên đường Tây Central Park. Họ đuổi theo gã nhưng – nghe này – gã lại lái qua chỗ quanh vào trong công viên. Xe tuần tra cố bám theo nhưng bị mắc kẹt ở chỗ đường đắp."

"Đường CPW và đường nào?" Sachs hỏi. "Khoảng đường 92."

"Có lẽ gã sẽ ra," Bell nói.

"Gã sẽ ra," Sachs nói. "Nhưng gã phải tạo khoảng cách trước." Cô hất đầu về phía thùng bằng chứng. "Mang tất cả những thứ này về cho Rhyme," cô nói và mười giây sau đã ngồi trong chiếc Camaro của mình và khởi động xe. Cô lắp còi hụ và kéo cửa kính lên.

"Amelia, đợi chút đã!" Bell gọi. "Đội Khẩn cấp đang trên đường tới."

Tiếng cao su rít lên và đám khói xanh mà những lốp xe Goodyears bỏ lại đằng sau là câu trả lời duy nhất của cô với Bell.

***

Lao về phía đường Tây Central Park, nhằm hướng bắc, Sachs tập trung vào việc tránh khách bộ hành, những chiếc xe hơi nhỏ, người đi xe đạp và người trượt ván.

Cả những xe nôi em bé nữa. Chúng *ở khắp nơi*. Trời, tại sao đám nhóc này không ở nhà mà ngủ chứ?

Cô gắn đèn chớp màu xanh da trời lên bảng điều khiển và cắm nó vào cái bật lửa điện. Ánh sáng xanh bắt đầu xoay vòng và khi cô lao đi, cô thấy mình đang ấn còi khớp với ánh sáng đó.

Một mảng màu xám hiện ra trước mặt cô.

Chết tiệt… Khi cô phanh gấp để tránh một người bỗng nhiên quay lưng đi ngược lại, chiếc Camaro sượt ngang và chỉ cách chưa tới nửa mét hông một chiếc xe giá bằng thu nhập hai năm của cô. Rồi cô lại nhấn ga và chiếc General Motors lao đi. Cô cố gắng duy trì tốc độ khoảng 80 km/h cho tới khi xe cộ thưa dần, ở khoảng đường 90, rồi cô đạp lút ga.

Trong vài phút cô đã tăng tốc lên thành 112 km/h.

Có tiếng nói chuyện trong tai nghe chiếc bộ đàm Motorola của cô, đang nằm trên ghế hành khách phía trước. Cô cầm nó bằng một tay và bật lên.

“Chào?” Cô nói, bỏ qua mọi vờ vịt về sự cần thiết của các mã cảnh sát.

“Amelia à? Roland đây,” Bell gọi. Anh cũng bỏ qua các tiêu chuẩn liên lạc.

“Nói đi.”

“Chúng tôi đang cử xe tới.”

“Gã ở đâu?” Cô hỏi, hét lớn trong tiếng gầm rú của động cơ. “Đợi đã… Được rồi, gã lái xe ra khỏi công viên ở Bắc Central Park. Tạt hông một chiếc xe tải và đi tiếp.”

“Đi đâu?”

“Chuyện đó… Là chưa đầy một phút trước. Gã đang đi về phía bắc.”

“Hiểu rồi.”

Về phía bắc là vào khu Harlem sao? Sachs suy nghĩ. Có vài đường từ khu vực đó ra khỏi thành phố nhưng cô ngờ rằng gã sẽ không đi đường nào trong số đó; chúng đều có cầu và hầu hết qua các đường cao tốc có kiểm soát ra vào, nơi gã sẽ dễ dàng bị mắc lại.

Nhiều khả năng hơn là gã sẽ bỏ chiếc xe năm chỗ ở một khu tương đối vắng vẻ và ăn cắp một chiếc khác.

Một giọng mới vang lên trong tai nghe của cô. “Sachs, chúng ta đã thấy gã!”

“Ở đâu, Rhyme?”

Gã vừa rẽ về phía tây lên đường 125, nhà tội phạm học giải thích. “Gần đại lộ Năm.”

“Em sắp vào đường 125 và Adam Clayton Powell. Em sẽ cố ngăn gã. Nhưng hãy cử người yểm trợ,” cô nói.

“Quân ta đang trên đường, Sachs. Em đi nhanh cỡ nào?”

“Em không thật sự nhìn đồng hồ.”

“Có lẽ như vậy tốt hơn. Hãy để ý nhìn đường.”

Sachs bóp còi inh ỏi qua giao lộ đông đúc của đường 125. Cô đậu theo chiều kim đồng hồ, chặn các làn đi về hướng tây. Cô nhảy ra khỏi xe, khẩu Glock trong tay. Vài chiếc xe bị chặn lại trên làn về hướng đông. Sachs hét lên với những tài xế, “Bước ra! Cảnh sát đang làm việc. Bước ra khỏi những chiếc xe đó và nấp đi.” Những tài xế – một người giao hàng và một phụ nữ mặc đồng phục McDonald’s – ngay lập tức làm theo lệnh.

Giờ mọi làn xe trên đường 125 đã bị chặn. “Tất cả mọi người,” cô hét. “Nấp đi! Ngay!”

“Mẹ nó.”

“Ừ.”

Cô liếc sang bên phải và thấy bốn gã ma cà bông đang tựa vào một hàng rào lưới mắt cáo, nhìn chằm chằm với sự hứng thú quen

thuộc vào khẩu súng sản xuất ở Áo, chiếc xe ở Detroit và cô gái tóc đỏ chủ nhân của chúng.

Hầu hết mọi người trên đường đã nấp, nhưng bốn gã choai choai vẫn ở nguyên tại chỗ và trông thật thoải mái như đang trong kỳ nghỉ. Sao phải đi đâu? Chẳng mấy khi được xem một bộ phim Wesley Snipes[55] ngay trong khu nhà họ.

---

[55] Wesley Snipes, sinh năm 1962, đạo diễn và diễn viên người Mỹ chuyên các phim hành động.

Từ xa, Sachs thấy chiếc Mazda điên cuồng len lỏi qua luồng giao thông khi nó tăng tốc về phía tây đến chỗ rào chắn đường ngẫu hứng của cô. Gã phù thủy không để ý thấy rào chắn cho tới khi đã đi qua con đường mà lẽ ra gã có thể rẽ vào để tránh được cô. Gã phanh gấp lại. Ở đằng sau, một chiếc xe tải chở rác đang rẽ cũng phanh gấp. Tài xế và những người gom rác lập tức hiểu chuyện gì đang xảy ra và bỏ chạy, để lại chiếc xe tải chắn phía sau xe gã.

Cô nhìn sang đám nhóc lần nữa. "Cúi đầu xuống!" Cô nói. Cười khinh khỉnh, chúng phớt lờ cô.

Sachs nhún vai, dựa lên nắp ca-pô của chiếc Camaro và nhắm vào kính trước chiếc xe kia.

Vậy là cuối cùng Gã phù thủy đã ở đây. Cô có thể nhìn thấy mặt gã, chiếc áo phông Harley màu xanh da trời của gã. Bên dưới chiếc mũ màu đen là túm tóc đuôi ngựa giả hất tới lui khi gã đang tuyệt vọng tìm đường trốn thoát.

Nhưng không còn ngả nào.

"Anh! Trong chiếc Mazda! Ra khỏi xe và nằm xuống đất!" Không có tiếng trả lời.

"Sachs?" Giọng Rhyme vang lên qua tai nghe. "Em có thể..." Cô gỡ tai nghe ra và lại nhắm kỹ lần nữa vào hình chiếu của đầu kẻ sát nhân.

Ta có súng thì ta bắn thôi...

Nghe những lời của thanh tra Mary Shanley văng vẳng trong đầu, Sachs hít sâu và giữ chắc khẩu súng, nhắm hơi cao, hơi lệch sang trái, bù cho trọng lực và làn gió dễ chịu tháng Tư.

Khi ta nổ súng, không còn gì tồn tại ngoài ta và mục tiêu, được kết nối bởi một sợi dây vô hình, như một nguồn ánh sáng lặng lẽ. Khả năng ta bắn trúng mục tiêu phụ thuộc hoàn toàn vào khởi đầu của nguồn năng lượng đó. Nếu nguồn gốc của nó là từ trong não bộ của ta, ta có khả năng bắn trúng mọi thứ ta đang ngắm. Nhưng nếu là từ trái tim, ta gần như chắc chắn luôn bắn trúng. Những nạn nhân của Gã phù thủy – Svetlana Rasnikov, Tony Calvert, Cheryl Marston, cảnh sát Larry Burke – giờ chất đầy sức mạnh trong trái tim cô và cô biết mình sẽ không bắn trượt.

Xem nào, cô nghĩ, thằng chó đẻ. Lao chiếc xe lên đi. Lao đến chỗ tao nào.

Coi nào!

Cho tao một cái cớ…

Chiếc xe nhích lên trước. Ngón tay cô trượt vào cò súng. Như thể cảm nhận được điều đó, Gã phù thủy phanh xe lại.

“Coi nào,” cô thấy mình đang thì thầm.

Cô nghĩ cách xử lý tình huống này. Nếu gã chỉ cần cố tìm cách thoát khỏi thôi, cô sẽ bắn vỡ quạt tản nhiệt hoặc một lốp xe và cố gắng bắt sống gã. Nhưng nếu gã lái xe lao vào cô hay lao ra vỉa hè, định làm hại một người khác, thì cô sẽ bắn hạ.

“Hay!” Một thằng nhóc trên vỉa hè nói.

“Bắn mẹ nó đi!”

“Bắn vỡ mông nó đi, em ơi!”

Bọn mày không phải thuyết phục tao, lũ nhóc. Sẵn sàng, rất muốn và có thể…

Cô đã quyết định rằng chỉ cần gã lái khoảng ba mét về phía cô thôi, ở bất kỳ tốc độ nào, cô sẽ nổ súng. Động cơ của chiếc xe hơi màu như băng y tế cá nhân rú lên và cô nhìn thấy – hay tưởng tượng ra – chiếc xe đang run lên.

Ba mét. Đó là tất cả những gì tao cần.

Một tiếng gầm nữa từ động cơ. Chạy ngay đi! Cô cầu khẩn trong im lặng.

Sachs nhìn thấy một khối màu vàng chậm rãi tiến lại đằng sau

chiếc Mazda.

Một chiếc xe buýt trường học của nhà thờ Zion Prophetic Tabernacle[56], đầy trẻ con, rẽ chỗ góc quanh để hòa vào làn xe, người tài xế không hay biết chuyện đang xảy ra. Nó dừng lại ở một góc giữa chiếc Mazda và chiếc xe tải chở rác.

---

[56] Nghĩa là Lều hội ngộ Tiên tri Do Thái giáo.

Không…

Ngay cả một phát bắn trúng thẳng mục tiêu cũng không thể ngăn được viên đạn, vốn có thể lệch hướng và bay vào chiếc xe buýt sau khi đã đi xuyên qua mục tiêu.

Bỏ tay khỏi cò súng, chĩa nòng súng hướng lên trời một cách an toàn, Sachs nhìn qua kính trước chiếc Mazda. Cô có thể thấy chuyển động thoáng qua của đầu Gã phù thủy khi gã liếc lên trên và sang bên phải, định vị chiếc xe buýt trong gương chiếu hậu.

Sau đó gã nhìn lại phía cô và cô có ấn tượng là gã đã mỉm cười, suy luận rằng giờ cô không thể nổ súng.

Tiếng rít của bánh trước chiếc Mazda vang động khắp con đường khi gã đạp ga lút sàn và lao về phía Sachs với tốc độ ngày càng cao. Gã lao thẳng về phía viên nữ cảnh sát và chiếc Camaro của cô, vốn có màu vàng sáng hơn nhiều so với chiếc xe buýt trường học nhà thờ, mà sự hiện diện của nó đúng là phúc lành của ơn trên bảo vệ cho Gã phù thủy.

Chương hai mươi

Khi chiếc Mazda lao thẳng về phía cô, Sachs chạy lên vỉa hè và cố gắng bắn ngang.

Nâng khẩu Glock lên, cô nhắm vào hình thù màu đen là đầu của Gã phù thủy, cách gã gần một mét. Nhưng ở phía bên kia gã là vài chục cửa sổ của các cửa hàng và căn hộ và nhiều người đang cúi thấp trên vỉa hè. Đơn giản là không có cách nào bắn an toàn dù chỉ một viên đạn.

Dàn đồng ca của cô không quan tâm chuyện đó.

"Ê em ơi, em để thằng chó đó thoát hả?"

"Em còn đợi gì nữa hả?"

Cô hạ khẩu súng xuống, vai thụp xuống khi nhìn chiếc Mazda lao thẳng vào chiếc Camaro.

Ôi, không phải là chiếc xe chứ… Không!

Nghĩ lại lúc cha cô mua cho cô chiếc xe cơ bắp[57] đời 1969 này, một chiếc xe đã tã, và họ đã cùng nhau làm lại phần lớn động cơ và hệ thống giảm xóc, bổ sung một bộ truyền động mới, rồi tháo nóra, gia tăng mã lực lên cực mạnh. Chiếc xe này và tình yêu với nghề cảnh sát là những di sản căn bản của ông để lại cho con gái mình.

---

[57] Xe cơ bắp là một thuật ngữ của Mỹ để chỉ những chiếc xe có hiệu suất cao, được trang bị động cơ lớn và mạnh.

Khi còn cách chiếc Camaro hơn chín mét, Gã phù thủy bẻ lái, ngoặt mạnh chiếc xe sang bên trái, nơi Sachs đang rạp người. Cô nhảy qua một bên và gã rẽ hướng kia, trở lại chiếc Chevy. Chiếc Mazda rít lên, cắt một đường chéo về phía vỉa hè. Ở một góc sượt

qua, nó va vào cửa hành khách và cái chắn bùn bên phải chiếc Camaro, quay chiếc xe của cô thành một vòng tròn qua hai làn đường sang vỉa hè phía xa, nơi bốn đứa nhóc cuối cùng cũng hoạt bát lên và cuống cuồng bỏ chạy.

Sachs bước ra đường và quỳ xuống bê tông, thở dốc vì cơn đau ở những khớp xương bị viêm. Chiếc Camaro dừng lại cách cô một đoạn, phần đuôi bung ra, rơi xuống đất vì va vào chiếc thùng rác kim loại màu cam.

Chiếc Mazda lao lên vỉa hè rồi quay trở lại đường và rẽ phải, hướng về phía bắc. Sachs đứng lên nhưng không buồn nâng khẩu súng về hướng chiếc xe màu be; không thể bắn mà đảm bảo an toàn. Cô liếc nhìn chiếc Camaro. Bên hông nát bét, cả phía trước nữa, nhưng cái chắn bùn bung ra đã không găm vào lốp xe. Được, cô có lẽ vẫn bắt được gã. Cô nhảy vào trong xe và khởi động động cơ. Vào số một. Một tiếng rú. Đồng hồ đo vòng tua máy nhảy lên năm nghìn và cô đạp ga.

Nhưng chiếc xe không nhúc nhích được chút nào. Có chuyện gì vậy? Hệ thống lực đẩy hỏng chăng?

Cô liếc ra ngoài cửa sổ và thấy bánh sau xe – những bánh xe dẫn động – đã bị nâng lên khỏi mặt đất, bởi chiếc thùng rác. Cô thở dài đầy thất vọng, đập tay vào bánh lái. Mẹ kiếp! Cô nhìn chiếc Mazda cách đó ba khối nhà. Gã phù thủy không thoát được quá nhanh; cú va chạm đã gây ra vấn đề cho cả xe của gã nữa. Vẫn còn cơ hội tóm được gã.

Nhưng không phải là trên một chiếc xe đang mắc kẹt thế này.

Cô sẽ phải…

Chiếc Camaro bắt đầu lắc lư tới lui.

Cô nhìn vào gương chiếu hậu và thấy ba thằng nhóc ma cà bông đã cởi áo khoác ra và đang gắng hết sức đẩy chiếc xe khỏi thùng rác. Thằng nhóc thứ tư, lớn nhất bọn là chỉ huy, từ từ đi tới bên cửa sổ. Nó cúi xuống, một chiếc răng vàng sáng lóe lên trên khuôn mặt đen thui. “Này.”

Sachs gật đầu và nhìn vào mắt nó.

Nó nhìn lại đám bạn. “Này, mấy thằng mọi kia, đẩy mạnh lên coi! Tụi mày đang thủ dâm đấy hả?”

“Mẹ mày,” bọn kia hổn hển đáp.

Nó lại cúi xuống. “Này, em ơi, bọn anh sẽ hạ em xuống. Em tính bắn thằng chó đó bằng súng gì vậy?”

“Một khẩu Glock. Đạn bốn mươi.”

Nó liếc nhìn bao súng của cô. “Ngon. Cỡ C hả?”

“Không, cỡ lớn.”

“Súng tốt đấy. Anh có một khẩu Smittie.” Nó nhấc áo khoác ngoài lên, và với một sự thách thức xen lẫn tự hào, cho cô xem báng súng màu bạc của một khẩu tự động Smith & Wesson. “Nhưng anh sẽ kiếm một khẩu Glock như cưng.”

Cô nghĩ ngợi, vậy là một thằng nhóc vị thành niên có súng. Một trung sĩ sẽ xử lý tình huống này như thế nào?

Chiếc xe hơi được nhấc ra khỏi thùng rác, bánh sau đã sẵn sàng lăn.

Cô quyết định là dù cho một trung sĩ chuẩn mực sẽ nói hay làm gì đi nữa, thì điều đó cũng không quan trọng trong tình huống hiện giờ. Cách cô xử lý là gật đầu nghiêm trang với thằng nhóc. “Cảm ơn.” Rồi cô cảnh cáo, “Đừng bắn ai khiến tôi phải quay lại tìm cậu đấy. Rõ chưa?”

Thằng nhóc nhe răng cười để lộ chiếc răng vàng.

Rồi cô chuyển sang số một và những chiếc lốp xe bền bỉ đốt cháy mặt đường nhựa. Trong vài giây, Amelia Sachs đã tăng tốc lên thành 96 km/h.

“Nào, nào, nào,” cô thì thầm với bản thân, tập trung vào vệt màu nâu vàng mờ mờ ở đằng xa. Chiếc Chevy lắc lư như phát điên, nhưng vẫn chạy thẳng tới trước. Sachs chật vật đeo lại tai nghe bộ đàm Motorola. Cô gọi cho Trung tâm để báo về cuộc truy đuổi và hướng dẫn lại nhóm yểm trợ đi theo đường này.

Tăng tốc nhanh, thắng gấp… những con đường đông đúc của khu Harlem không phải là nơi thích hợp để rượt đuổi tốc độ cao. Dẫu vậy, Gã phù thủy cũng đang đi con đường giống cô – và gã không hẳn là một tay lái lụa. Cô dần thu hẹp khoảng cách. Rồi gã rẽ vào một sân trường học, trong đó lũ trẻ đang đấu bóng rổ nửa sân và ném những quả bóng mềm trong một sân bóng chày giả. Sân chơi

không đông; cổng đóng có ống khóa móc và kẻ nào muốn vào trong thì hoặc phải ép người qua một lỗ chó chui như người uốn dẻo hoặc phải thử vượt qua hàng rào lưới mắt cáo cao hơn sáu mét.

Tuy nhiên, Gã phù thủy đơn giản là đạp ga và lao qua cổng. Lũ trẻ chạy tán loạn và gã suýt thì đâm vào mấy đứa khi gã lại tăng tốc để lao ra một cổng thứ hai ở phía xa.

Sachs lưỡng lự nhưng quyết định không đuổi theo – không phải trên một chiếc xe không ổn định thế này với lũ trẻ xung quanh. Cô tăng tốc đi vòng qua khối nhà, cầu trời là sẽ đuổi kịp gã ở phía bên kia, rồi phanh gấp ở góc đường và dừng lại.

Không một dấu vết nào của gã.

Cô không biết gã đã trốn thoát bằng cách nào. Gã biến mất khỏi tầm nhìn chỉ khoảng mười giây khi cô lái xe thật nhanh vòng qua sân chơi và trường học. Và lối thoát duy nhất là một đường cụt ngắn, kết thúc ở những bụi rậm và cây nhỏ dày đặc. Bên ngoài chỗ đó, cô có thể thấy đường vượt trên cao Harlem River, bên ngoài nữa chỉ là một bờ sông đầy bùn đất dơ dáy.

Vậy là gã đã thoát… Và tất cả những gì mình nhận được từ cuộc truy đuổi này là phải bỏ ra năm ngàn đô để sửa xe. Mẹ kiếp…

Rồi một giọng nói vang lên. “Tất cả các đơn vị ở gần đường Frederick Douglass và Một-Năm-Ba, cảnh báo tình huống Mười-Năm-Bốn.”

Đó là mã tai nạn xe hơi có khả năng có thương vong.

“Xe đã lao xuống sông Harlem. Nhắc lại, chúng ta có một chiếc xe dưới nước.”

Liệu có phải là gã không? Cô tự nhủ. “Hiện trường tội phạm Năm Tám Tám Năm. Đang theo mã Mười-Năm-Bốn. Có mô tả xe không? K.”

“Mazda hoặc Toyota. Đời mới. Màu be.”

“Rõ, Trung tâm, tin rằng đó là chiếc xe của nghi phạm trong cuộc rượt đuổi từ công viên Trung Tâm. Tôi đang theo mã Mười- Tám-Bốn ở hiện trường. Hết.”

“Rõ, Năm Tám Tám Năm. Hết.”

Sachs tăng tốc chiếc Camaro tới cuối con đường cụt và đậu xe lại bên vỉa hè. Cô vừa ra khỏi xe thì một chiếc xe cấp cứu và một xe tải của Đội Khẩn cấp tới và từ từ đi qua bụi rậm, vốn đã bị gạt ra vì chiếc Mazda tốc độ cao. Cô theo chân họ, cẩn thận bước qua đống lộn xộn. Khi đi qua khỏi đám cây, cô nhìn thấy một dãy lều bạt lụp xụp nhếch nhác. Hàng chục người vô gia cư, chủ yếu là đàn ông. Nơi này thật bẩn thỉu và đầy rác rưởi, những đồ gia dụng bỏ đi, những xác xe gỉ sét.

Rõ ràng là Gã phù thủy hy vọng tìm thấy lối đi ở phía bên kia bụi rậm nên đã lao nhanh qua chỗ này. Cô nhìn thấy dấu vết phanh gấp vì hoảng hốt khi gã trượt không kiểm soát qua lớp bùn trơn, đâm sập một căn lán, rồi lao khỏi cầu sông đã xập xệ và hạ cánh xuống sông.

Hai nhân viên Đội Khẩn cấp giúp những người dân sống trong căn lán ra khỏi đống đổ nát – họ không bị thương – trong khi những người khác tìm kiếm trên sông xem có dấu vết gì của gã tài xế hay không. Cô gọi bộ đàm cho Rhyme và Sellitto, báo với họ chuyện đã xảy ra và yêu cầu viên thanh tra gọi ưu tiên một xe phản ứng nhanh tới hiện trường vụ án.

“Họ có bắt được gã không, Amelia?” Sellitto hỏi. “Hãy nói với tôi là họ đã bắt được rồi đi.”

Nhìn vào vệt dầu và xăng trên mặt nước bập bềnh, cô nói, “Không thấy gì cả.”

Đi qua một nhà vệ sinh nghiêng ngả và một túi rác có mùi chín nẫu, Sachs tới gần vài người đàn ông đang nói chuyện bằng tiếng Tây Ban Nha với nhau đầy phấn khích. Họ cầm những chiếc cần câu cá; đây là một nơi nổi tiếng để dùng giun đất hay các loại mồi sống câu cá vược sọc, cá ngừ xanh và cá tuyết. Họ đang nhậu nhưng vẫn đủ tỉnh táo để kể lại mọi chuyện cho cô. Chiếc xe đã lao qua bụi cây rất nhanh và nhào thẳng xuống sông. Bọn họ đều thấy một người đàn ông ngồi trên ghế tài xế và chắc chắn là gã không nhảy ra ngoài.

Sachs trao đổi qua với Carlos và bạn anh ta, hai người vô gia cư sống gần căn lán giờ đã sập. Họ đều phê thuốc và bởi họ ở trong nhà khi chiếc Mazda lao xuống, họ không nhìn thấy gì có thể giúp ích. Carlos hiếu chiến và có vẻ cảm thấy thành phố nợ anh ta khoản tiền bồi thường thiệt hại. Hai nhân chứng kia, đang lục túi rác tìm những chai và lon đổi được tiền vào lúc xảy ra tai nạn, lặp lại câu chuyện của những người câu cá.

Thêm nhiều xe cảnh sát tới, cả những nhóm truyền hình chĩa máy quay về phía những gì còn lại của căn lán và chiếc xuồng cảnh sát, mà ở đuôi xuồng có hai thợ lặn mặc đồ người nhái đang nhào xuống nước.

Giờ việc phản ứng khẩn cấp đã chuyển sang phía dòng sông, hoạt động trên bờ là của Amelia Sachs. Cô không có nhiều thiết bị để xử lý hiện trường vụ án trong chiếc Camaro nhưng lại có rất nhiều băng dính vàng mà cô đã dùng để phong tỏa một khu vực lớn của bờ sông. Tới lúc cô làm xong, chiếc RRV đã tới. Đeo tai nghe lên, cô gọi cho Trung tâm và một lần nữa được kết nối với Rhyme.

"Bọn anh đang theo sát, Sachs. Các thợ lặn vẫn chưa tìm thấy gì sao?"

"Hình như vậy."

"Gã có nhảy ra không?"

"Không, theo lời các nhân chứng. Em sẽ xử lý hiện trường bên bờ sông ở đây, Rhyme," cô nói với anh. "Sẽ là may đấy."

"May sao?"

"Chắc rồi. Em sẽ phải vất vả để xử lý hiện trường. Điều đó đồng nghĩa các thợ lặn sẽ biết chắc là cần tìm xác của gã và việc tìm kiếm sẽ là lãng phí thời gian."

"Vẫn sẽ có việc cần làm và…"

"Đùa thôi, Rhyme."

"À, phải, riêng tay hung thủ này không khiến anh muốn cười chút nào. Bắt đầu vào kiểm tra hiện trường đi."

Cô mang một valy xử lý hiện trường tới chỗ rào phong tỏa và khi đang mở nó ra thì nghe một giọng nhấn nhá trọng âm gọi gấp, "Chúa ơi, chuyện gì đã xảy ra vậy? Mọi người ổn cả chứ?"

Đứng gần đoàn quay phim là một tay người Latinh đầu tóc chải chuốt, mặc quần bò và áo khoác thể thao đang chen qua đám đông. Anh ta liếc nhìn đầy cảnh giác về phía căn lán bị sập rồi bắt đầu chạy về phía đó.

"Này," Sachs gọi. Anh ta không nghe cô.

Anh ta chui qua dải băng màu vàng và đi thẳng tới lán, dẫm lên

những vết lốp xe Mazda và có lẽ đã xóa sạch mọi dấu vết mà Gã phù thủy có thể bỏ lại từ chiếc xe hay nếu gã ngã khỏi xe – có lẽ còn xóa cả một số dấu chân của kẻ giết người nếu gã đã trốn thoát, bất chấp những gì mấy tay câu cá tin là họ nhìn thấy.

Giờ gặp ai cũng nghi ngờ, cô kiểm tra bàn tay trái của anh ta và có thể thấy ngón đeo nhẫn và ngón út không dính lại với nhau. Nên anh ta không phải là Gã phù thủy, nhưng anh ta là ai chứ? Sachs tự nhủ. Và anh ta đang làm gì ở hiện trường tội phạm của cô?

Lúc này gã đang vạch tìm đống đổ nát của căn lán, lấy ra những miếng và thanh gỗ cùng kim loại gấp nếp, ném chúng qua vai.

"Này, anh kia!" Cô gọi. "Ra khỏi đây ngay!"

Anh ta hét lên qua vai, "Có thể vẫn còn người ở trong!"

Giờ đã nổi nóng, cô quát, "Đây là hiện trường tội phạm! Anh không thể ở đây được."

"Có thể vẫn còn người ở trong!" Anh ta nhắc lại.

"Không, không, không. Mọi người đã ra hết rồi. Họ ổn. Này, anh có nghe tôi nói không?... Xin lỗi, anh này. Anh có đang nghe tôi nói không?"

Việc có nghe thấy hay không không quan trọng, nhất là với anh ta. Anh ta tiếp tục đào xới một cách quyết liệt. Mục đích của anh ta là gì? Người đàn ông đó ăn mặc đẹp và đeo một chiếc đồng hồ Rolex vàng; tay Carlos phê thuốc rõ ràng không phải là người thân của anh ta.

Tự nhắc lại câu cầu nguyện nổi tiếng của cảnh sát – Chúa ơi, xin ban cho chúng con những công dân có ý thức – cô ra hiệu cho hai cảnh sát tuần tra ở gần đó. "Lôi anh ta ra."

Anh ta hét lên, "Chúng ta cần thêm bác sĩ! Có thể có trẻ em ở bên trong."

Sachs chứng kiến trong kinh hoàng dấu chân của các cảnh sát làm rối thêm hiện trường tội ác của cô. Họ chụp lấy cánh tay của kẻ xâm nhập và lôi anh ta đi. Anh ta vùng tay khỏi các cảnh sát, kiêu ngạo nói tên mình với Sachs như thể anh ta là một ông trùm mafia mà mọi người đều phải biết đến và bắt đầu lên lớp cô về sự đối xử đáng hổ thẹn của cảnh sát với những dân Latinh bị ngó lơ ở đây.

“Này cô kia, cô có biết…”

“Còng tay anh ta lại,” cô nói. “Rồi tống cổ anh ta ra khỏi đây.” Cô quyết định rằng phần về quan hệ với cộng đồng trong sổ tay khẩu hiệu của trung sĩ sẽ phải nhường chỗ cho việc điều tra tội phạm trong vụ này.

Hai viên cảnh sát còng tay người đàn ông mặt đỏ bừng bừng và anh ta bị dẫn đi khỏi hiện trường, nổi đóa lên và chửi thề. “Muốn tôi nhốt anh ta lại không?” Một viên cảnh sát hỏi.

“Không, chỉ để anh ta bình tĩnh lại một chút,” cô hét lên, khiến một số người đang đứng nhìn ở đó cười lớn. Cô dõi theo anh ta bị đẩy vào ghế sau của chiếc xe tuần tra, lại thêm một trở ngại nữa trong cuộc tìm kiếm có vẻ là bất khả kẻ sát nhân đang lẩn trốn.

Sachs sau đó mặc bộ đồ Tyvek và trang bị máy ảnh, túi gom bằng chứng, cùng với băng cao su quấn vào chân. Cô lội xuống hiện trường, bắt đầu với những gì còn lại của căn biệt điện vừa bị phá hủy của Carlos. Cô làm từ tốn và tìm kiếm tỉ mỉ. Sau cuộc rượt đuổi khổ ải kéo dài cả ngày, Amelia Sachs chấp nhận rằng mọi thứ giống như vẻ bề ngoài của nó. Đúng là Gã phù thủy có thể đang bập bềnh hơn mười hai mét dưới mặt nước xám nâu kia. Nhưng gã cũng có thể dễ dàng bò lên bờ sông gần đó một cách an toàn.

Cô thậm chí sẽ không ngạc nhiên nếu phát hiện ra gã đã trốn thoát từ cách đó nhiều dặm rồi, mặc quần áo ngụy trang mới và đang lần theo nạn nhân tiếp theo.

***

Mục sư Ralph Swensen đã tới thành phố được vài ngày – đây là lần đầu tiên ông tới New York – và ông đã quyết định là không bao giờ quen được với nơi này.

Người đàn ông gầy gò, đã hói ít nhiều, hơi bẽn lẽn, đã chăm lo cho những linh hồn ở một thị trấn nhỏ hơn hàng nghìn lần và lạc hậu hơn hàng chục năm so với Manhattan.

Ở quê nhà, khi ông nhìn qua cửa sổ nhà thờ và thấy hàng mẫu đất trải dài và những con vật hiền lành nhẩn nha gặm cỏ. Còn ở đây, khi ông nhìn ra ngoài cửa sổ có chấn song của căn phòng khách sạn rẻ tiền gần khu Chinatown thì chỉ thấy một bức tường gạch với vệt sơn màu xám, trên đó vẽ một hình ảnh tục tĩu.

Ở quê nhà, khi ông đi bộ trên con đường thị trấn, mọi người sẽ

nói, “Xin chào, ông mục sư,” hay “Lễ hay lắm, Ralph,” còn ở đây họ sẽ nói, “Cho xin một đô đi,” hay “Tôi bị AIDS,” hay đơn giản là “Bú tao đi.”

Dẫu vậy, mục sư Swensen chỉ ở đây một thời gian ngắn nên ông cho là mình sẽ sống sót qua được cú sốc văn hóa nho nhỏ này thêm một lúc.

Suốt vài giờ liền, ông đã cố gắng đọc cuốn Thánh Kinh Gideon cũ kỹ, nhàu nát mà khách sạn cung cấp. Nhưng cuối cùng ông bỏ cuộc. Phúc âm của Thánh Matthew, dù rất cuốn hút, cũng không đọ lại được âm thanh của tay bán dâm đồng tính và khách hàng của hắn đang kêu rên ầm ĩ vì đau đớn hay thống khoái, hoặc nhiều khả năng nhất, vì cả hai.

Vị mục sư biết ông phải lấy làm vinh dự vì đã được chọn lựa cho nhiệm vụ này ở New York, nhưng ông cảm thấy mình như Tông đồ Paul trong một sứ mệnh truyền giáo cho những kẻ vô đạo ở Hy Lạp và Tiểu Á, chỉ được chào đón bởi sự khinh khi và mỉa mai.

A, a, a, a… Đúng rồi, đúng rồi… Ô, ô, ô, ô, đúng chỗ đấy đấy, đúng chỗ đấy đấy…

Thế là quá đủ rồi. Ngay cả Paul cũng không phải chịu đựng sự suy đồi thế này. Buổi hòa nhạc được lên lịch phải vài tiếng nữa mới bắt đầu, nhưng mục sư Swensen quyết định rời đi sớm hơn. Ông chải đầu, tìm cặp kính và ném cuốn Kinh Thánh, ông bỏ một bản đồ thành phố và một bài giảng ông đang soạn vào chiếc cặp đựng tài liệu. Ông đi cầu thang xuống sảnh, nơi một gái mại dâm nữa đang ngồi. Người này là – hay có vẻ là – một phụ nữ.

Cha chúng con ở trên trời, người đầy ơn phước…

Bụng ông thắt lại, ông đi nhanh qua, nhìn chằm chằm xuống sàn nhà và đợi một lời mời chào. Nhưng cô ta – hay anh ta, hay là gì đi nữa – chỉ mỉm cười và nói, “Trời đẹp nhỉ, thưa cha?”

Mục sư Swensen chớp mắt rồi mỉm cười lại. “Phải, quả thế,” ông cưỡng lại thôi thúc nói thêm từ “con ta,” điều ông đã không bao giờ nói trong suốt những ngày tháng làm mục sư. Ông đành hài lòng với, “Chúc một ngày tốt lành.”

Ông ra ngoài, hòa vào dòng người đông đúc trên những con phố của khu Lower East Side, thành phố New York.

Ông dừng lại trên vỉa hè trước cửa khách sạn khi những chiếc tắc-

xi lao qua, những người gốc Á và Latinh trẻ tuổi vội vã bước đi, những chiếc xe buýt phả ra làn khói nóng và đặc mùi kim loại và những cậu nhóc giao món Tàu phóng những chiếc xe đạp tả tơi vun vút trên vỉa hè. Tất cả trông thật mệt mỏi. Cáu bẳn và khó chịu, ông mục sư quyết định rằng một cuộc tản bộ tới ngôi trường tổ chức buổi hòa nhạc sẽ giúp ông thư giãn lại. Ông xem bản đồ và biết nó ở cách đây khá xa, nhưng ông cần làm gì đó để ngăn chặn sự lo lắng điên rồ này. Ông sẽ đi xem các cửa hàng, dừng lại ăn tối, rồi soạn bài giảng.

Khi đã định hướng lại chuyến đi bộ của mình, ông có cảm giác là ông đang bị theo dõi. Ông liếc về phía bên trái, vào con ngõ cạnh khách sạn. Một người đàn ông đứng lấp ló cạnh một thùng rác, một kẻ gọn gàng, tóc nâu, mặc áo liền quần, cầm một túi dụng cụ nhỏ. Gã đang nhìn ông mục sư đầy vẻ dò xét và toan tính. Rồi, như thể bị phát hiện, gã quay đi và rút lui vào trong con ngõ.

Mục sư Swensen nắm chặt chiếc cặp táp của ông, tự hỏi phải chăng ông đã phạm sai lầm khi không chịu ở yên trong căn phòng an toàn của mình – dù cho nó suy đồi và ồn ào – cho tới giờ của buổi hòa nhạc. Rồi ông cười nhạt. Hãy thư giãn nào, ông tự nhủ. Gã đó chẳng qua chỉ là một người gác cổng hay thợ làm thuê, có thể chính là nhân viên của khách sạn, ngạc nhiên vì thấy một mục sư bước ra khỏi nơi hoen ố này.

Thêm nữa, ông nhớ lại lúc đang rảo bước về phía bắc, ông mặc áo chùng, một vẻ ngoài chắc chắn sẽ khiến ông ít nhiều được miễn trừ trước tội ác, ngay cả trong thời mạt pháp hiện giờ.

Chương hai mươi mốt

Một giây trước còn ở đây, giây sau đã biến mất.

Quả bóng màu đỏ không thể nào đi từ bàn tay phải đang dang ra của Kara tới điểm đằng sau tai cô.

Nhưng nó quả đã đi như thế.

Và sau khi cô giấu nó đi và ném quả cầu màu huyết dụ vào không khí, nó không thể nào lại biến mất và rốt cuộc dừng lại ở chỗ gập cùi chỏ bên trái.

Nhưng nó quả đã thế.

Bằng cách nào nhỉ? Rhyme băn khoăn.

Cô và nhà tội phạm học đang ở trong phòng thí nghiệm dưới lầu tại căn nhà phố của anh, đợi Amelia Sachs và Roland Bell. Mel Cooper đang bày bằng chứng trên những chiếc bàn để nghiên cứu. Khắp căn phòng ngân vang tiếng jazz piano phát ra từ một chiếc đĩa CD, Rhyme được thưởng thức màn trình diễn nhanh tay lẹ mắt của riêng anh.

Kara đứng trước cửa sổ, mặc một trong những chiếc áo phông màu đen của Sachs lấy từ tủ đồ trên lầu. Thom vừa mới giặt chiếc áo ba lỗ của cô, để làm sạch vệt tương cà giả làm máu của màn biểu diễn ngẫu hứng ở hội chợ đồ thủ công.

"Cô lấy những cái đó ở đâu ra?" Rhyme hỏi, hất đầu về phía những quả bóng. Anh đã không thấy cô lấy chúng ra khỏi ví hay từ túi của cô.

Cô mỉm cười và nói rằng cô đã "biến" ra chúng (một trò nữa mà các nhà ảo thuật rất thích làm, Rhyme nhận xét một cách khó chịu, là biến nội động từ thành ngoại động từ).

“Cô sống ở đâu?” Anh hỏi. “The Village.”

Rhyme gật đầu nhớ lại vài kỷ niệm cũ. “Khi vợ tôi và tôi còn sống chung, phần lớn bạn bè của tôi đều ở dưới đó. Và SoHo, TriBeCa nữa.”

“Tôi không đi qua phía bắc đường 23 nhiều,” cô nói.

Nhà tội phạm học cười lớn. “Vào thời của tôi, đường 14 là bắt đầu vùng phi quân sự.”

“Có vẻ phe ta đang thắng,” cô đùa khi những quả bóng màu đỏ hiện ra rồi biến mất, di chuyển từ tay này sang tay kia, rồi xoay tròn trong không khí trong một màn nhào lộn ngẫu hứng.

“Giọng của cô là vùng nào?” Anh hỏi.

“Tôi nói nghe có giọng địa phương sao?” Cô hỏi. “Thì là ngữ điệu, kiểu lên xuống… *tông giọng*.”

“Có lẽ là Ohio. Trung Tây.”

“Tôi cũng vậy,” Rhyme nói. “Illinois.”

“Nhưng tôi đã ở đây từ năm mười tám tuổi. Đi học ở Bronxville.”

“Sarah Lawrence, kịch nghệ,” Rhyme suy luận. “Ngôn ngữ Anh.”

“Và cô thích ở đây và đã ở lại.”

“À, tôi thích được ra khỏi khu ngoại ô và vào thành phố. Rồi sau khi cha tôi qua đời, mẹ tôi chuyển tới đây để ở gần tôi hơn.”

Con gái của một bà góa… cũng giống như Sachs, Rhyme nghĩ. Anh tự hỏi liệu Kara có gặp cùng vấn đề với mẹ cô như Sachs không. Một hòa ước đã được thương thảo trong những năm gần đây, nhưng khi Sachs còn nhỏ, tính khí mẹ cô khá thất thường, hay cáu bẳn và khó đoán. Rose không hiểu tại sao chồng bà lại chẳng muốn làm gì khác ngoài một viên cảnh sát và con gái bà lại muốn làm bất cứ điều gì trừ những việc mẹ cô muốn cô làm. Điều này tự nhiên khiến người cha và cô con gái trở thành đồng minh, làm tình hình càng thêm tồi tệ. Sachs kể với anh rằng nơi ẩn náu của họ vào những ngày tồi tệ là ga-ra, họ có thể tìm được ở đấy cả một vũ trụ dễ đoán đến dễ chịu: khi một bộ chế hòa khí không hoạt động, lý do là một quy tắc vật lý đơn giản đã bị vi phạm – động cơ vượt giới hạn cho phép hay một miếng đệm mối nối bị cắt sai.

Động cơ, hệ thống treo và truyền động không bắt bạn phải chịu tâm trạng cường điệu hay những lời chỉ trích bí hiểm và thậm chí trong tình trạng tồi tệ nhất, chúng cũng không bao giờ đổ lỗi cho bạn vì những sai sót của chúng.

Rhyme đã gặp Rose Sachs vài lần và thấy bà hấp dẫn, hay nói, lạ lùng và không giấu nổi niềm tự hào về con gái mình. Nhưng anh biết mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong quá khứ có thể không hề giống hiện tại.

"Và mọi chuyện thế nào, việc bà ấy sống gần cô ấy?" Rhyme hỏi đầy ngờ vực.

"Nghe như phim tình cảm dài tập khủng khiếp hả? Nhưng không, mẹ tôi rất tuyệt. Bà ấy... này, anh biết đấy, một bà mẹ. Họ luôn chỉ một kiểu như thế. Họ không bao giờ hành xử khác đi."

"Bà ấy sống ở đâu?"

"Bà ấy ở trong một nhà dưỡng lão ở Upper East Side."

"Bà ấy bị bệnh nặng lắm à?"

"Không có gì nghiêm trọng. Bà ấy sẽ ổn thôi." Kara lơ đễnh lăn những quả bóng qua mu bàn tay vào trong lòng bàn tay cô. "Khi nào bà ấy khỏe hơn chúng tôi sẽ đi Anh, chỉ hai chúng tôi thôi. London, Stratford, Cotswolds. Cha mẹ tôi và tôi từng tới đó một lần. Đó là kỳ nghỉ tuyệt vời nhất từ trước tới giờ của chúng tôi. Lần này tôi sẽ lái xe bên trái đường và uống bia nóng. Họ không cho tôi làm thế lần trước. Tất nhiên, lúc đó tôi mới mười ba. Anh đã bao giờ sang bên đó chưa?"

"Có chứ. Tôi từng thỉnh thoảng làm việc với Sở Cảnh sát London. Và tôi có giảng bài ở đó. Tôi đã không trở lại kể từ... chà, từ vài năm trước rồi."

"Ảo thuật và ảo giác luôn ăn khách ở Anh hơn so với ở Mỹ. Ở đó có lịch sử rất lâu đời. Tôi muốn cho mẹ tôi xem nhà triển lãm Sảnh Ai Cập ở London. Một trăm năm trước đó là trung tâm vũ trụ của giới ảo thuật. Giống như một cuộc hành hương với tôi, anh hiểu không?"

Anh liếc về phía cửa. Không có dấu hiệu gì của Thom. "Giúp tôi một việc."

"Chắc rồi."

“Tôi cần thuốc.”

Kara nhìn thấy những chai đựng thuốc dựa vào tường.

“Không, ở trên kệ sách.”

“À, thấy rồi. Cái nào?” Cô hỏi.

“Chai ở cuối kệ. Macallan, mười tám năm.” Anh thì thầm, “Và cô có thể rót càng êm thì càng tốt.”

“Này, anh nói với đúng người rồi đấy. Robert-Houdin từng nói rằng có ba kỹ năng ta phải thuần thục nếu muốn là một nhà ảo thuật thành công. Khéo léo, khéo léo và khéo léo.” Trong chốc lát, một lượng whisky ám khói vừa chuẩn đã được rót vào chiếc cốc của anh – quả là lặng lẽ và gần như vô hình. Thom có thể đứng ngay cạnh đây mà không hay biết gì. Cô bỏ ống hút vào trong cốc và để nó vào giá để cốc trên ghế của anh.

“Cô cứ tự nhiên nhé,” anh nói.

Kara lắc đầu và khoát tay về phía bình cà phê mà một mình cô đã uống gần hết. “Thuốc độc của tôi là thứ kia.”

Rhyme nhấp một ngụm rượu. Anh ngả đầu ra phía sau và để rượu đốt cháy khoang miệng của mình rồi biến mất. Theo dõi bàn tay của cô và trạng thái bất khả của những quả bóng màu đỏ. Một ngụm dài nữa. “Tôi thích đấy.”

“Gì cơ?”

“Ý tưởng về ảo ảnh này.” Đừng ủy mị sướt mướt, anh tự nhủ. Mình lúc nào cũng ủy mị khi say. Nhưng sự tự biết đó không ngăn anh nhấp thêm một ngụm whisky nữa và nói tiếp, “Đôi khi thực tế có thể khó chấp nhận, cô hiểu không?” Anh cũng không kiềm được ánh mắt thương cảm nhìn xuống cơ thể bất động của mình.

Ngay lập tức anh hối tiếc nhận xét đó – và ánh mắt đó – rồi bắt đầu đổi đề tài. Nhưng Kara không bày tỏ bất kỳ sự cảm thông gượng gạo nào. Cô nói, “Anh biết không, tôi không chắc là có nhiều thực tế đâu.”

Anh nhíu mày, không hiểu ý cô.

“Không phải hầu hết cuộc đời chúng ta là ảo ảnh sao?” Cô nói tiếp.

“Tại sao lại thế?”

“À, mọi thứ thuộc về quá khứ là ký ức, đúng không?”

“Đúng.”

“Và mọi thứ thuộc về tương lai là tưởng tượng. Cả hai đều là ảo ảnh – ký ức không đáng tin cậy và chúng ta chỉ phỏng đoán về tương lai. Điều duy nhất hoàn toàn thực là khoảnh khắc tức thì này của hiện tại – và nó cũng liên tục thay đổi từ tưởng tượng thành ký ức. Nên anh thấy không? Hầu hết cuộc đời chúng ta là ảo ảnh.” Rhyme mỉm cười. Là một nhà logic học, một nhà khoa học, anh muốn phản bác lại lý thuyết của cô. Nhưng anh không thể. Anh kết luận là cô có lý. Anh đã dành phần lớn thời gian của mình cho những ký ức của cái Trước kia, trước tai nạn, và cách mà cuộc đời anh thay đổi Sau đó.

Và tương lai ư? Ồ, phải, anh từng chìm đắm trong đó. Không một ai trừ Sachs và Thom biết là anh dành ra ít nhất một tiếng đồng hồ mỗi ngày để tập thể dục – thực hiện những bài tập về cự ly chuyển động, trị liệu nước ở một bệnh viện gần đó hay đạp chiếc xe đạp kích ứng điện cất trong phòng ngủ trên lầu. Chế độ tập luyện này một phần là để phục hồi một số chức năng thần kinh và vận động, cải thiện sức bền cho anh và phòng ngừa các vấn đề sức khỏe phát sinh có thể bủa vây anh. Nhưng lý do chính cho những nỗ lực đó là để giúp cơ bắp của anh sẵn sàng chờ đến ngày có cách chữa trị.

Anh áp dụng lý thuyết của Kara vào cả nghề nghiệp của mình nữa: khi xử lý một vụ án, anh liên tục soát lại những ký ức mênh mông của anh để tìm kiếm tri thức về pháp y và các tội ác trong quá khứ và phán đoán nơi chốn của nghi phạm và hành động tiếp theo của hắn.

Mọi thứ thuộc về quá khứ là ký ức, mọi thứ thuộc về tương lai là tưởng tượng…

“Vì bây giờ chúng ta đã thoải mái hơn,” cô nói và thêm đường vào ly cà phê, “tôi có điều này cần thú nhận.”

Một ngụm rượu nữa. “Sao?”

“Khi thấy anh lần đầu tiên, tôi đã nghĩ thế này.”

Ồ, phải, anh nhớ rồi. Ánh mắt đó. Ánh mắt quen thuộc của người muốn thoát khỏi kẻ què quặt. Đi kèm là Nụ cười đó. Điều duy nhất tồi tệ hơn thế là những gì đang sắp diễn ra: lời xin lỗi lúng túng cho ánh mắt và nụ cười lúc đó.

Cô lưỡng lự, có phần hơi bối rối. Rồi nói, “Tôi nghĩ anh có thể trở thành một ảo thuật gia tài giỏi.”

“Tôi ấy hả?” Rhyme ngạc nhiên hỏi.

Kara gật đầu. “Anh rất giỏi việc cảm nhận và có đầu óc thực tiễn. Người ta nhìn anh và thấy anh bị tàn tật… Đó có phải từ mà anh dùng không?”

“Nói cho đúng chuẩn mực là “khuyết tật.” Bản thân tôi thì chỉ nói rằng tôi chết chắc rồi.”

Kara cười lớn và nói tiếp, “Họ thấy anh không thể tự di chuyển được. Họ có thể nghĩ rằng anh gặp vấn đề về tinh thần hay anh tư duy chậm. Đúng không?”

Đúng là thế. Những người không biết anh thường nói chậm hơn và lớn hơn, giải thích những điều rõ ràng bằng những cụm từ đơn giản. (Trong sự ghê tởm của Thom, Rhyme thỉnh thoảng sẽ đáp lại bằng những tiếng lắp bắp rời rạc và giả đò mắc hội chứng Tourette[58] và xua những vị khách đang kinh hoàng ra khỏi căn phòng.) “Khán giả hẳn sẽ ngay lập tức hình thành định kiến về anh và tin rằng anh không thể nào tạo ra những ảo tưởng mà họ đang thấy. Một nửa họ sẽ bị ám ảnh bởi tình trạng của anh. Nửa kia thậm chí sẽ không nhìn anh. Đó là khi anh khiến họ mắc câu… Dẫu thế nào, lúc đó tôi gặp anh, anh đang ngồi xe lăn và rõ ràng đã trải qua một quãng thời gian khó khăn. Nhưng tôi không hề thấy thông cảm hay hỏi anh thế nào. Tôi thậm chí còn chẳng nói, “Tôi rất tiếc.” Tôi chỉ nghĩ, mẹ kiếp, anh sẽ là một nghệ sĩ trình diễn hay ho đấy. Điều đó khá ngu xuẩn và tôi cảm thấy là anh đã nhận ra.”

---

[58] Hội chứng Tourette: Hội chứng thần kinh di truyền với các biểu hiện lâm sàng là máy giật vận động, phát âm khó khăn, các tật méo giật ở mặt…, đặt theo tên bác sĩ thần kinh người Pháp Georges Gilles de la Tourette (1857 - 1904).

Điều này làm anh thực sự thích thú. Anh trấn an cô, “Tin tôi đi, tôi không thích được thông cảm hay vuốt ve đâu. Chuyện ngu xuẩn tốt hơn nhiều.”

“Thật sao?”

“Thật.”

Cô nâng cốc cà phê lên. “Mừng nhà ảo thuật nổi tiếng, Người bất động.”

“Nhưng những trò nhanh tay lẹ mắt sẽ là vấn đề đấy,” Rhyme chỉ ra.

Kara đáp, “Như ông Balzac vẫn luôn nói, nhanh não lẹ trí mới là kỹ năng tốt hơn.”

Rồi họ nghe thấy tiếng cửa trước mở và tiếng trò chuyện của Sachs và Sellitto khi họ bước vào trong sảnh. Rhyme nhướng mày và ngả người về phía chiếc ống hút trong cốc. Anh thì thầm, “Xem này. Đây là một tiết mục mà tôi gọi là Làm biến mất bằng chứng buộc tội.”

***

Lon Sellitto hỏi, “Trước hết, chúng ta có nên nghĩ là gã đã chết không? Đã đi ngủ với đám cá ấy?”

Sachs và Rhyme nhìn nhau và đồng thanh nói, “Không.”

Viên thanh tra cao to nói, “Cô có biết nước ở Harlem xiết thế nào không? Đám trẻ từng thử bơi ở đó và anh không bao giờ thấy lại chúng.”

“Mang xác gã tới đây cho tôi,” Rhyme nói, “thì tôi mới tin.” Tuy nhiên, anh thấy có một điều đáng khích lệ: họ không nhận thêm tin tức gì về một vụ giết người hay mất tích nào nữa. Việc suýt bị bắt và màn bơi trên sông có lẽ đã làm kẻ sát nhân phát hoảng; có lẽ giờ gã biết rằng cảnh sát đang theo sát nên đã từ bỏ những vụ tấn công hoặc ít ra là nằm im một thời gian, cho Rhyme và cả nhóm có cơ hội tìm ra xem gã trốn ở đâu.

“Còn Larry Burke thì sao?” Rhyme hỏi.

Sellitto lắc đầu. “Chúng tôi đã cho vài chục người đi tìm kiếm. Cả rất nhiều tình nguyện viên, cảnh sát và lính cứu hỏa đang không làm nhiệm vụ nữa, anh biết đấy. Thị trưởng cũng đặt một khoản thưởng… Nhưng tôi phải nói là tình hình không có gì hứa hẹn lắm. Tôi đang nghĩ là anh ấy có thể ở trong cốp chiếc Mazda.”

“Họ vẫn chưa lôi được chiếc xe lên hả?”

“Vẫn chưa *tìm thấy* nó. Nước đen như mực và với dòng chảy hiện giờ, một thợ lặn nói với tôi là chiếc xe có thể trôi giạt tới cả cây số

trước khi chìm xuống đáy."

"Chúng ta phải tìm ra," Rhyme nói, "là gã có lấy vũ khí và bộ đàm của Burke không. Lon, chúng ta nên thay đổi tần số để gã không thể nghe được những gì chúng ta đang tính toán."

"Chắc chắn rồi." Viên thanh tra gọi trung tâm và yêu cầu toàn bộ trao đổi về vụ Gã phù thủy phải chuyển sang tần số đặc biệt trên toàn thành phố.

"Hãy trở lại với các bằng chứng nào. Chúng ta có gì, Sachs?"

"Không có gì ở nhà hàng Hy Lạp cả," cô nhăn nhó nói. "Em đã yêu cầu chủ nhà hàng bảo vệ hiện trường nhưng không hiểu sao không được. Hoặc là anh ta không muốn hiểu. Tới lúc bọn em trở lại, nhân viên đã dọn sạch bàn đó và lau sàn nhà."

"Còn ao nước thì sao? Nơi chúng ta tìm ra gã ấy."

"Bọn em tìm thấy một số thứ ở đó," Sachs nói. "Gã lại làm bọn em mờ mắt với đèn chớp rồi đốt pháo ném. Lúc đầu bọn em còn nghĩ đấy là tiếng súng."

Cooper nhìn qua những gì sót lại sau khi cháy. "Giống như những thứ khác. Không thể truy được nguồn gốc."

"Được rồi," Rhyme thở dài. "Còn gì nữa không?"

"Dây xích. Hai sợi dài."

Gã đã cột những sợi này quanh ngực, cánh tay và mắt cá của Cheryl Marston rồi dùng móc khóa gắn chúng lại, giống như xích chó. Cooper và Rhyme kiểm tra kỹ lưỡng tất cả những món đồ đó. Không có dấu của nhà sản xuất trên bất kỳ thứ nào. Câu chuyện tương tự với sợi thừng và cuộn băng dính mà gã dùng để bịt miệng nạn nhân.

Chiếc túi tập thể dục của kẻ giết người thu được từ chiếc xe, có lẽ là để đựng dây xích và dây thừng, không có thương hiệu và được sản xuất ở Trung Quốc. Nếu có đủ nhân lực, đôi khi vẫn có thể tìm ra nguồn gốc của những món đồ thông dụng thế này bằng cách lần qua các cửa hàng giảm giá và người bán dạo trên đường phố. Nhưng với một chiếc túi rẻ tiền, được sản xuất hàng loạt, một cuộc tầm soát ở quy mô đó là không thể.

Cooper lật úp chiếc túi trên khay kiểm tra bằng sứ và liên tục đập

vào đáy túi để xem có thứ gì bên trong không. Một chút bột trắng rơi ra ngoài. Tay kỹ thuật viên tiến hành kiểm tra ma túy nhưng thứ chất đó hóa ra là flunitrazepam.

“Loại thuốc mê dùng để hiếp dâm,” Sachs nói với Kara.

Cũng có những viên thuốc nhỏ với chất liệu trong mờ dinh dính bên trong. Nhìn nó giống thứ chất dính trên khóa kéo và tay nắm. “Tôi không nhận ra nó,” Cooper nói.

Nhưng Kara xem qua, ngửi chất đó và nói, “Sáp dính của dân ảo thuật. Chúng tôi sử dụng thứ này để gắn tạm thời mọi thứ lại với nhau trên sân khấu. Có thể gã đã dính một viên con nhộng chứa thuốc mở sẵn trong lòng bàn tay. Khi với tay lấy đồ uống hay cà phê, gã bỏ nó vào.”

“Nguồn sáp này là từ đâu?” Rhyme sốt ruột hỏi. “Để tôi đoán nhé – cửa hàng ảo thuật nào ngoài kia cũng có đúng không?”

Kara gật đầu. “Rất tiếc.”

Trong chiếc túi, Cooper còn tìm thấy một ít dăm bào kim loại và một vết tròn màu đen – như thể là những gì còn lại từ đáy của một hộp sơn nhỏ.

Kiểm tra qua kính hiển vi cho thấy kim loại đó có lẽ là đồng và có những mô thức cơ khí riêng biệt. Nhưng Lincoln Rhyme không thể suy ra được đó là gì. “Hãy gửi một số hình ảnh cho bạn bè của chúng ta ở Cục.” Cooper chụp ảnh, nén chúng lại và gửi qua thư điện tử mã hóa tới Washington.

Những vết màu đen hóa ra không phải là sơn mà là mực không tẩy được. Nhưng bộ dữ liệu không xác định được cụ thể nó là loại gì; không có dấu hiệu nào để khu biệt nó.

“Cái gì đó?” Rhyme hỏi, nhìn về phía chiếc túi nhựa có chứa một ít vải màu xanh hải quân.

“Chúng ta gặp may ở đấy,” Sachs nói. “Đó là chiếc áo gió gã mặc khi đón cô Marston. Gã không có cơ hội cởi ra khi bị bắt gặp.”

“Có chỉ rõ xuất xứ không?” Rhyme hỏi, hy vọng rằng có thể có chữ viết tắt hay dấu hiệu của tiệm giặt ủi bên trong.

Sau một hồi kiểm tra bộ quần áo, Cooper nói, “Không. Và tất cả mác đã bị gỡ ra.”

“Nhưng,” Sachs nói, “bọn em tìm thấy vài thứ trong túi.”

Món đồ đầu tiên họ kiểm tra là tấm thẻ báo chí của một kênh truyền hình cáp lớn. Phóng viên của CTN tên là Stanley Saferstein và bức hình trên tấm thẻ là một người đàn ông gầy gò, tóc nâu có râu. Sellitto gọi cho kênh truyền hình và nói chuyện với trưởng bộ phận an ninh. Hóa ra Saferstein là một trong các phóng viên cấp cao từng làm việc ở phòng tin tức thành phố nhiều năm. Thẻ của anh ta bị ăn cắp tuần trước – bị lấy trộm trong hoặc sau một buổi họp báo ở trung tâm thành phố. Người phóng viên không hề phát hiện ra bởi tên kẻ cắp đã cắt dây buộc và lấy mất tấm thẻ.

Gã phù thủy đã ăn trộm thẻ của Saferstein, Rhyme nghĩ, vì tay phóng viên có vẻ giống gã: ngoài năm mươi, mặt gọn ghẽ và tóc tối màu.

Tấm thẻ bị đánh cắp đã bị hủy hiệu lực, người trưởng bộ phận an ninh giải thích, “nhưng kẻ đó vẫn có thể hươ nó thật nhanh để đi qua một điểm kiểm soát. Bảo vệ và cảnh sát không kiểm tra quá kỹ nếu họ nhìn thấy logo của chúng tôi.”

Sau khi họ gác máy, Rhyme nói với Cooper, “Hãy tìm kiếm ‘Saferstein’ trên VICAP[59] và NCIC.”

---

[59] VICAP (viết tắt của từ “Violent Criminal Apprehension Program”) là Chương trình Nhận thức Tội phạm Bạo lực, một đơn vị của Cục Điều tra Liên bang Mỹ chịu trách nhiệm phân tích các tội phạm bạo lực và tình dục, có tổ chức.

“Được thôi. Nhưng tại sao?”

“Chỉ vì phải làm thôi,” Rhyme trả lời.

Anh không ngạc nhiên khi kết quả trả về là không tìm thấy gì. Anh thực ra đã nghĩ rằng người phóng viên không có liên hệ gì với Gã phù thủy, nhưng với thủ phạm cụ thể này, Rhyme không thể bỏ sót điều gì.

Trong chiếc áo khoác còn có một chiếc thẻ khách sạn bằng nhựa màu xám. Rhyme rất mừng với phát hiện này. Mặc dù không có tên khách sạn trên đó – chỉ là một hình chiếc chìa khóa và mũi tên chỉ cho vị khách đâu là đầu để nhét thẻ vào ổ – anh cho rằng nó sẽ có mã trên vạch từ và có thể cho họ biết nó thuộc về khách sạn và căn phòng nào.

Cooper tìm thấy tên nhà sản xuất in bằng chữ nhỏ đằng sau tấm thẻ: APC INC., AKRON, OHIO. Anh tìm công ty đó từ một bộ dữ liệu các thương hiệu, nó là từ viết tắt của American Plastic Cards, một công ty sản xuất hàng trăm loại thẻ nhận dạng và thẻ chìa khóa khác nhau.

Vài phút sau, nhóm đã nói chuyện qua điện thoại bật loa ngoài với chính tổng giám đốc APC – Rhyme tưởng tượng là một vị CEO mặc áo xắn tay, sẵn sàng làm việc vào thứ Bảy hay không ngại nhấc chính điện thoại của mình lên. Rhyme giải thích tình hình với anh ta, mô tả chiếc chìa khóa và hỏi có bao nhiêu khách sạn ở khu vực trung tâm thành phố New York mà công ty đã cung cấp loại thẻ này.

"A, đó là mẫu APC-42. Nó là mẫu phổ biến nhất của chúng tôi.

Chúng tôi sản xuất nó cho các hệ thống khóa lớn. Ilco, Saflok, Tesa, Ving, Sargent, tất cả những nơi khác."

"Có đề xuất nào để thu hẹp khách sạn sử dụng nó không?" "Tôi sợ rằng các anh sẽ phải gọi cho các khách sạn để xem nơi nào dùng thẻ APC-42 màu xám. Chúng tôi để thông tin đó ở đâu đây, nhưng tôi cũng không biết tự mình đào xới thông tin đó thế nào. Tôi sẽ cố gắng và liên hệ với giám đốc bán hàng của tôi hay trợ lý của anh ấy. Nhưng có thể mất một hoặc hai ngày."

"Chà," Sellitto nói.

Phải, chà.

Sau khi họ gác máy, Rhyme quyết định anh không hài lòng với việc đợi APC nên anh yêu cầu Sellitto gửi chiếc chìa khóa cho Bedding và Saul với hướng dẫn đi dò tìm các khách sạn ở Manhattan để xem nơi nào sử dụng mẫu APC-42 chó chết phổ biến đó. Anh cũng ra lệnh lấy vân tay với cả tấm thẻ báo chí và chiếc thẻ chìa khóa – nhưng kết quả cũng là không có gì. Chúng chỉ cho thấy vết nhòe và hai dấu tay giả.

Roland Bell trở lại từ hiện trường bên West Side và Cooper báo nhanh với anh những gì nhóm đã biết được cho tới giờ. Sau đó họ trở lại với bằng chứng và phát hiện ra chiếc áo mà Gã phù thủy bỏ lại còn có một thứ khác: hóa đơn nhà hàng ở một nơi tên là Riverside Inn ở Bedford Junction, New York. Hóa đơn này cho thấy bốn người đã ăn trưa ở bàn số mười hai vào ngày thứ Bảy, 6 tháng Tư – là cách đây hai tuần. Bữa ăn bao gồm món gà tây, bánh thịt xay, một phần bít-tết và một món đặc biệt của quán trong ngày.

Không ai uống đồ uống có cồn. Tất cả đều uống nước giải khát.

Sachs lắc đầu. “Bedford Junction là chỗ quái nào chứ?”

“Rất xa ở vùng thượng bang, tôi nghĩ vậy,” Mel Cooper nói.

“Có số điện thoại trên hóa đơn,” Bell lầm bầm. “Gọi cho họ xem. Hỏi Debby hay Tanya hay bất kỳ cô bồi bàn hấp dẫn nào ở đó xem có nhóm bốn người khách quen nào hay ngồi” – anh liếc tờ hóa đơn – “ở bàn số mười hai. Hay ít ra là xem cô ta có nhớ ai đã gọi những món này không. Khó đấy, nhưng ai mà biết được?”

“Số bao nhiêu?” Sellitto hỏi.

Bell đọc số.

Khả năng thấp – quá thấp, Rhyme nghĩ. Người quản lý và bồi bàn ở đó có thể không hay biết những người đấy là ai vào ngày thứ Bảy đó.

“Đó là một nơi ‘đông đúc,’” Sellitto báo lại, đảo mắt. “Trích dẫn thế.”

“Tôi không thích chuyện này,” Sachs nói.

“Sao cơ?”

“Gã làm gì mà ăn trưa với ba người khác?”

“Có lý,” Bell nói. “Cô nghĩ là gã hợp tác với người khác hả?” Sellitto đáp, “Không, tôi nghi ngờ chuyện này. Những kẻ phạm tội theo mô thức thế này gần như luôn đơn độc.”

Kara không đồng ý. “Tôi không chắc. Các nghệ sĩ ở trung tâm thành phố, các ảo thuật gia ở phòng trà – họ làm việc đơn độc. Nhưng gã là một người tạo ảo giác, nhớ chứ? Họ luôn hợp tác với người khác. Ta có những tình nguyện viên từ khán giả. Rồi các trợ lý trên sân khấu mà khán giả biết là họ hợp tác với người trình diễn. Và rồi cả những trợ lý ngầm nữa. Đó là những người làm việc cho nhà ảo thuật mà khán giả không biết. Họ có thể cải trang thành nhân viên dựng cảnh, khán giả, tình nguyện viên. Trong một màn diễn hay, ta không bao giờ thực sự chắc chắn ai là ai.”

Chúa ơi, Rhyme nghĩ, một thủ phạm thế này đã tệ lắm rồi, với những kỹ năng của gã như thay đồ nhanh, trốn thoát và tạo ảo giác. Hợp tác với những trợ lý sẽ khiến gã còn nguy hiểm hơn một

trăm lần.

“Ghi lại đi, Thom,” anh quát. Rồi: “Hãy xem xem em tìm được gì trong con hẻm – nơi Burke đã bắt được gã.”

Món đầu tiên là còng tay của viên cảnh sát.

“Gã thoát khỏi nó chỉ trong vài giây. Gã hẳn phải có chìa khóa,” Sachs nói. Trong sự thất vọng của các cảnh sát khắp cả nước, hầu hết còng tay có thể mở được bằng chìa khóa thông thường, có bán sẵn ở những cửa hiệu cung cấp đồ cho dân thực thi pháp luật với giá chỉ vài đô-la.

Rhyme lăn xe lại bàn kiểm tra và nghiên cứu kỹ lưỡng. “Quay nó lại… Giơ nó lên… Gã có thể đã sử dụng chìa khóa, không sai, nhưng tôi thấy có những vết cào còn mới trong lỗ khóa. Tôi sẽ nói là khóa đã bị phá…”

“Nhưng Burke hẳn đã lục soát gã chứ,” Sachs chỉ ra. “Gã tìm được cái phá khóa ở đâu?”

Kara nói, “Có thể giấu ở bất kỳ đâu. Trong tóc, trong miệng.”

“Miệng sao?” Rhyme nói. “Cho chiếc còng tay lên ALS đi, Mel.”

Cooper đeo kính mắt vào và chiếu một nguồn sáng khác lên chiếc còng tay. “Phải, chúng ta có những vết rạch và chấm li ti xung quanh lỗ khóa.” Rhyme giải thích với Kara điều đó có nghĩa là có chất lỏng từ cơ thể, nhiều khả năng nhất là nước bọt.

“Houdini làm chuyện này suốt. Đôi khi ông để một người trong khán giả kiểm tra miệng. Rồi ngay trước khi ông thực hiện màn trốn thoát, vợ ông hôn ông – ông nói là để lấy may, nhưng bà ấy thực ra đã chuyển một chiếc chìa khóa từ miệng bà ấy vào miệng ông.”

“Nhưng gã đã bị còng tay ở sau lưng,” Sellitto nói. “Làm sao gã với tay tới miệng được?”

“Ồ,” Kara nói và cười lớn. “Mọi nghệ sĩ thoát hiểm có thể đưa còng tay ra phía trước cơ thể chỉ trong ba tới bốn giây.”

Cooper xét nghiệm dấu vết nước bọt. Một số người tiết ra những kháng thể trong mọi loại chất lỏng cơ thể, điều giúp các điều tra viên xác định được nhóm máu. Nhưng hóa ra Gã phù thủy không phải là một người như thế.

Sachs cũng tìm thấy một mẩu kim loại nhỏ có mép răng cưa.

“Phải, cũng là của gã,” Kara nói. “Một thiết bị khác của nghệ sĩ thoát hiểm. Một lưỡi dao cạo. Có lẽ gã dùng nó để cắt sợi dây nhựa trói mắt cá.”

“Món đó không lẽ cũng ở trong miệng gã? Chẳng phải là quá nguy hiểm sao?”

“Ồ, rất nhiều người trong chúng tôi giấu kim và dao cạo trong miệng khi biểu diễn. Nếu tập luyện kỹ thì chuyện đó khá là an toàn.”

Kiểm tra những mẩu dấu vết cuối cùng từ hiện trường trong hẻm, họ tìm được thêm một chút cao su và các dấu vết đồ trang điểm, giống những gì họ đã thấy trước đó. Thêm cả dầu Tack-Pure.

“Ở bờ sông, Sachs, khi gã ngã xuống? Em tìm thấy gì?”

“Chỉ có vết bánh xe trượt trên bùn.” Cô đính lên những tấm hình kỹ thuật số mà Cooper vừa in ra từ máy tính của anh. “Một số công dân tích cực đã giúp làm hỏng hiện trường,” cô giải thích. “Nhưng em đã bỏ ra nửa tiếng đồng hồ đi qua đám bùn. Em khá chắc là gã không để lại bằng chứng nào hay thoát ra ngoài.”

Sellitto hỏi Bell, “Còn nạn nhân thì sao? Cô Marston đấy? Cô ấy nói gì chưa?”

Tay thanh tra người Tarheel mô tả ngắn gọn cuộc thẩm vấn của anh với nạn nhân.

Một luật sư ư, Rhyme nghĩ. Tại sao lại chọn cô ấy? Mô thức của Gã phù thủy với các nạn nhân là gì? Nhạc công, nghệ sĩ trang điểm và luật sư.

Bell bổ sung, “Cô ấy đã ly dị. Chồng đã đi California. Không phải là vụ ly dị thân thiện nhất, nhưng tôi không nghĩ là anh ta có liên quan. Tôi đã yêu cầu LAPD[60] thực hiện vài cuộc gọi và anh ta đã được xác nhận hôm nay. Không có hồ sơ gì trên NCIC hay VICAP về anh ta.”

---

[60] LAPD: Viết tắt của “Los Angeles Police Department,” Sở Cảnh sát thành phố Los Angeles.

Cheryl Marston đã mô tả Gã phù thủy là người mảnh khảnh,

mạnh mẽ, có râu, có sẹo ở cổ và ngực. "À, và cô ấy xác nhận rằng ngón tay của gã dị dạng, đúng như chúng ta nghĩ. Dính lại với nhau, cô ấy nói như vậy. Gã không nói gì về khu mình sống và chọn tên giả là 'John.' Một gã thông minh cho quý vị đây."

Vô ích, Rhyme nghĩ.

Rồi Bell giải thích gã đã chặn cô ấy lại thế nào và chuyện gì xảy ra sau đó. Rhyme hỏi Kara, "Nghe có gì quen thuộc không?"

"Gã có thể thôi miên một con bồ câu hay hải âu, ném nó vào con ngựa và rồi sử dụng nó như một mẹo để kích động con ngựa."

"Mẹo đó như thế nào?" Rhyme hỏi. "Cô có biết nhà sản xuất nào không?"

"Không, thứ đó có lẽ là làm tại nhà. Các ảo thuật gia sử dụng các điện cực hoặc gậy chọc để làm sư tử gầm lên một cách có chủ ý, hoặc những thứ kiểu như thế. Nhưng hiện giờ giới hoạt động vì quyền của động vật sẽ không bao giờ để yên cho anh làm thế."

Bell nói tiếp, mô tả những gì đã xảy ra khi Marston và Gã phù thủy đi uống cà phê với nhau.

"Có một điều cô ấy nói khá lạ: có cảm giác như gã có thể đọc được tâm trí cô ấy." Bell mô tả những gì Marston đã kể với anh về việc Gã phù thủy biết nhiều về cô ấy như thế nào.

"Đọc cơ thể," Kara nói. "Gã nói điều gì đấy rồi quan sát kỹ cô ấy, kiểm tra phản ứng của cô ấy. Điều đó sẽ nói cho gã biết rất nhiều thứ. Tìm hiểu một người như thế được gọi là 'bán thuốc cho họ.' Một kẻ thao túng tâm lý thật sự giỏi có thể tìm ra đủ thứ chỉ qua một cuộc nói chuyện vô hại với anh."

"Thế là khi cô ấy đã thoải mái với gã, gã bỏ thuốc và đưa cô ấy tới ao nước. Dìm ngược cô ấy vào trong đó."

"Đó là một biến thể của tiết mục Ngục nước," Kara giải thích. "Houdini. Một trong những tiết mục nổi tiếng nhất của ông ấy."

"Còn việc gã trốn thoát ở ao nước thì như thế nào?" Rhyme hỏi Sachs.

"Lúc đầu em không chắc đó là gã – gã đã thay đồ nhanh," cô nói. "Quần áo của gã khác và" – cô liếc nhìn Kara – "lông mày cũng khác. Em không thể nhìn thấy tay gã để xem các ngón tay. Nhưng

gã làm em phân tâm bằng cách sử dụng thuật nói bụng. Em đã nhìn thẳng vào mặt gã nhưng không hề thấy môi gã động đậy."

Kara nói, "Tôi cá là gã dùng những từ không có các phụ âm b hay m hay p. Có lẽ không có cả các phụ âm f hay v nữa."

"Cô có lý. Tôi nhớ hình như là, 'Này, nhìn bên phải cô kìa, gã mặc bồ độ chạy bộ có một khẩu súng[61].' Giọng kiểu người da đen hoàn hảo." Cô nhăn mặt. "Tôi quay mặt đi – về cùng hướng gã nhìn, như mọi người khác. Rồi gã bật đèn chớp lên và tôi không nhìn thấy gì nữa cả. Gã bắn quả pháo ném mà tôi tưởng là gã nổ súng. Gã đã khiến tôi bất ngờ."

---

[61] Nguyên văn: "Yo, look out, on your right, that guy in the jogging suit's got a gun."

Rhyme nhìn thấy sự ghê tởm trên khuôn mặt cô. Amelia Sachs đã nén lại cơn giận kinh khủng nhất cho riêng cô.

Tuy nhiên, Kara nói, "Đừng quá làm khó mình. Thính giác là giác quan dễ bị đánh lừa nhất. Chúng tôi không dùng các trò ảo giác âm thanh nhiều trong những buổi trình diễn. Nó bị coi là rẻ tiền."

Sachs nhún vai trước lời an ủi đó và nói tiếp, "Trong lúc Roland và tôi vẫn chưa thấy lại vì đèn chớp, gã trốn thoát và biến mất, lẩn vào trong hội chợ đồ thủ công." Cô nhăn mặt nữa. "Và rồi tôi thấy gã mười lăm phút sau đó – kẻ đi mô-tô, mặc một chiếc áo phông Harley. Ý tôi là, Chúa ơi, gã đã ở đó, ngay trước mặt tôi."

"Trời," Kara nói và lắc đầu, "những đồng xu của gã chắc chắn là không lên tiếng."

"Gì cơ?" Rhyme hỏi. "Đồng xu à?"

"À, đó là một câu giới ảo thuật vẫn dùng. Theo nghĩa đen thì nó có nghĩa là không nghe được tiếng lanh canh khi anh làm trò với đồng xu, nhưng chúng tôi sử dụng cụm đó để chỉ chung khi nói ai đó thực sự giỏi. Chúng tôi sẽ gọi là anh ta 'làm trò khá.'"

Đi về phía tấm bảng trắng, chỗ dành riêng cho hồ sơ của ảo thuật gia, cô cầm bút dạ lên và vừa thêm vào đó vừa bình luận, "Vậy là, gã biết quan sát và thao túng tâm lý và thậm chí là nói bụng. Và làm trò với động vật. Chúng ta đã biết gã có thể phá khóa – từ vụ sát nhân thứ hai – nhưng giờ chúng ta còn biết gã là một nghệ sĩ thoát hiểm nữa. Có loại ảo thuật nào mà gã không biết không?"

Vào lúc Rhyme ngả đầu về phía sau, theo dõi cô viết, Thom mang một phong bì lớn vào phòng.

Anh đưa nó cho Bell. “Gửi anh.”

“Cái gì vậy?” Viên thanh tra người Tarheel hỏi, lôi những tài liệu bên trong ra và đọc. Anh chậm rãi gật đầu khi đọc. “Đây là báo cáo về vụ lục soát tiếp theo ở văn phòng của Grady. Việc mà anh yêu cầu Peretti tiến hành. Anh có muốn xem qua không, Lincoln?”

Ghi chú cụt lủn trên mặt phong bì: LR – Theo yêu cầu – VP.

Rhyme đọc qua các chi tiết trong báo cáo, Thom lật nhanh các trang cho anh theo từng cái gật đầu cương quyết của Rhyme. Những kỹ thuật viên hiện trường vụ án đã hoàn tất cuộc lục soát toàn diện văn phòng của người thư ký và đã xác định cũng như vẽ bản đồ tất cả các dấu chân trong phòng, chính xác như Rhyme yêu cầu. Anh đọc kỹ điều đó vài lần, nhắm mắt lại và mường tượng ra hiện trường.

Rồi anh quay lại với phân tích hoàn chỉnh về những sợi đã được tìm thấy. Hầu hết các sợi trắng là một sự pha trộn của polyester/tơ nhân tạo. Một số sợi đính vào một sợi bông dày – cũng màu trắng. Phần lớn đã mờ và bẩn thỉu. Những sợi màu đen là len.

“Mel, chúng ta biết gì về những sợi màu đen ở đó?”

Tay kỹ thuật viên trượt chiếc ghế của anh lại và kiểm tra hình ảnh. “Xác định trên ảnh chụp không phải là lý tưởng nhất,” anh ta nói. Lát sau anh ta kết luận, “Từ vải chéo, sợi dệt chặt.”

“Vải gabardine à?” Rhyme hỏi.

“Không thể nói chắc được nếu không có mẫu lớn hơn để xem các đường chéo. Nhưng tôi sẽ nói là gabardine.”

Rhyme đọc tiếp và biết rằng sợi màu đỏ duy nhất được tìm thấy ở văn phòng là vải xa-tanh. “Được, được,” anh nói, nhắm mắt lại và nghiền ngẫm mọi thứ vừa đọc.

Rhyme hỏi Cooper, “Anh biết gì về vải sợi và quần áo, Mel?”

“Không nhiều. Nhưng tôi xin được trích dẫn câu của anh, Lincoln, câu hỏi quan trọng không phải là ‘Ta biết gì về một thứ gì đó?’ Mà là ‘Ta có biết phải tìm nó ở đâu không?’ Và câu trả lời cho câu hỏi là có, tôi có biết.”

GÃ PHÙ THỦY

Hiện trường tội ác trường Âm nhạc

• Mô tả nghi phạm: Tóc nâu, râu giả, không có gì nổi bật, tầm vóc trung bình, chiều cao trung bình, tuổi: ngoài năm mươi. Ngón đeo nhẫn và ngón út dính lại với nhau. Thay đồ nhanh để giống một người gác cổng lớn tuổi, hói đầu.

• Không có động cơ rõ ràng.

• Nạn nhân: Svetlana Rasnikov.

• Sinh viên âm nhạc toàn thời gian.

• Kiểm tra gia đình, bạn bè, các sinh viên, đồng nghiệp để có thêm đầu mối khả dĩ.

• Không có bạn trai, không có kẻ thù. Trình diễn ở tiệc sinh nhật cho trẻ em.

• Bảng mạch điện tử có gắn loa.

• Đã gửi cho phòng thí nghiệm của FBI, thành phố New York.

• Máy ghi âm kỹ thuật số, có thể chứa giọng nói của nghi phạm. Mọi dữ liệu đã bị hủy.

• Đoạn ghi âm là một "mánh." Tự làm.

• Sử dụng còng tay sắt kiểu cũ để còng nạn nhân.

• Còng tay là loại Darby. Scotland Yard. Kiểm tra với Bảo tàng Houdini ở New Orleans để có thêm đầu mối.

• Phá hủy đồng hồ của nạn nhân vào đúng 8 giờ sáng.

• Dây vải giữ ghế. Loại thường. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Dây dẫn cháy. Loại phổ biến. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Pháo tạo hiệu ứng tiếng súng. Đã bị hủy. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Cảnh sát hiện trường cho biết có đèn nháy trong không trung. Không tìm thấy vật liệu liên quan.

• Là vải chớp sáng hoặc giấy chớp sáng.

• Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Giày của nghi phạm: hiệu Ecco cỡ 10.

• Sợi tơ, nhuộm màu xám, đã xử lý để trở nên mờ xỉn.

• Từ bộ đồ người gác cổng thay nhanh.

• Đối tượng có thể đội tóc giả màu nâu.

• Gỗ hồ đào đỏ và địa y Parmelia, đều được tìm thấy chủ yếu ở công viên Trung Tâm.

• Bụi có dính dầu khoáng khác thường. Đã gửi cho FBI để phân tích.

• *Dầu Tack-Pure dùng cho yên cương và da.*

• Mảnh lụa đen, khoảng 1,8 x 1,2 mét. Được dùng làm vật ngụy trang. Không thể truy nguồn gốc.

• Các ảo thuật gia thường xuyên sử dụng.

• Đeo bọc ngón tay của ảo thuật gia để giấu vân tay.

• Dấu vết cao su, dầu thầu dầu, mỹ phẩm.

• Đồ hóa trang cho sân khấu.

• Dấu vết alginate.

• Sử dụng trong các "thiết bị" tạo khuôn cao su.

• Vũ khí giết người: dây thừng lụa trắng với lõi là lụa đen.

• Sợi thừng là một trò ảo thuật. Màu sắc thay đổi. Không truy được nguồn gốc.

• Nút thắt khác thường.

• Đã được gửi cho FBI và Bảo tàng Hàng hải – không có thông tin gì.

• Các nút thắt giống như trong những màn trình diễn của Houdini, gần như không thể cởi ra.

• Dùng mực vô hình trong sổ đăng ký.

Hiện trường tội ác ở East Village

• Nạn nhân thứ hai: Tony Calvert.

• Nghệ sĩ trang điểm, đoàn kịch.

• Không có kẻ thù.

• Có vẻ không có liên hệ gì với nạn nhân thứ nhất.

• Không có động cơ rõ ràng.

• Nguyên nhân tử vong:

• Vết thương do vật cùn đập vào đầu, sau đó cơ thể bị cắt ra khi đã chết bằng cưa tay.

• Hung thủ trốn thoát giả làm một phụ nữ ngoài bảy mươi. Kiểm tra khu vực lân cận xem có đồ hóa trang bị bỏ đi và các bằng chứng khác không.

• Không tìm thấy gì.

• Đồng hồ bị đập chính xác lúc 12 giờ.

• Có thể là mô thức không? Nạn nhân tiếp theo có thể bị hại vào 4 giờ chiều.

• Hung thủ trốn đằng sau tấm gương. Không thể truy nguồn gốc. Vân tay đã được gửi cho FBI.

• Không có vân tay nào khớp.

• Sử dụng mèo đồ chơi ("feke") để dụ nạn nhân vào con hẻm. Món đồ chơi không thể truy nguồn gốc.

• Tìm thấy thêm dầu khoáng, giống ở hiện trường thứ nhất. Đang đợi báo cáo của FBI.

• *Dầu Tack-Pure cho yên cương và da.*

• Tìm thấy thêm cao su và đồ trang điểm từ những miếng bịt ngón tay.

• Tìm thấy thêm alginate.

• Để lại giày Ecco.

• Tìm thấy lông chó trên giày, từ ba giống chó khác nhau. Cả phân nữa.

• Là phân ngựa, không phải phân chó.

Hiện trường tội ác sông Hudson và những khu vực liên quan

• Nạn nhân: Cheryl Marston.

• Luật sư.

• Ly dị nhưng chồng cũ không phải là nghi can.

• Không có động cơ.

• Nghi phạm nói tên là "John." Có sẹo ở cổ và ngực. Bàn tay dị dạng được xác nhận.

• Nghi phạm thay đồ nhanh thành một doanh nhân không có râu, mặc quần tây và áo sơ-mi dài tay, rồi một tay đi mô-tô mặc áo phông Harley vải bò.

• Chiếc xe vẫn ở dưới sông Harlem. Nghi phạm có thể đã trốn thoát.

• Keo dán để bịt miệng. Không truy được nguồn gốc.

• Pháo giống như lần trước. Không truy được nguồn gốc.

• Dây xích và khóa, loại phổ biến, không truy được nguồn gốc.

• Dây thừng, loại phổ biến, không truy được nguồn gốc.

• Thêm đồ trang điểm, cao su và dầu Tack-Pure.

• Túi tập thể dục, sản xuất ở Trung Quốc, không truy được nguồn gốc. Bao gồm:

• Dấu vết của loại thuốc dùng trong những vụ hiếp dâm flunitrazepam.

• Sáp dính của ảo thuật gia, không truy được nguồn gốc.

• Dăm đồng (?). Đã gửi cho FBI.

• Mực không phai, màu đen.

• Tìm thấy áo gió màu xanh hải quân, không có chữ viết tắt hay ký hiệu của tiệm giặt ủi. Bao gồm:

• Thẻ phóng viên của kênh truyền hình cáp CTN, thẻ của Stanley Saferstein. (Anh ta không phải là nghi phạm – tìm kiếm trên NCIC, VICAP không cho ra kết quả.)

• Thẻ chìa khóa khách sạn bằng nhựa, American Plastic Cards, Akron, Ohio. Mẫu APC-42. không có dấu vân tay.

• CEO đang tìm hồ sơ bán hàng.

• Các cảnh sát Bedding và Saul đang lùng các khách sạn.

• Hóa đơn nhà hàng ở Riverside Inn, Bedford Junction, NY, cho thấy có bốn người ăn trưa, bàn 12, ngày thứ Bảy, hai tuần trước. Gà tây, bánh thịt xay, bít-tết, món đặc biệt trong ngày. Nước ngọt. Nhân viên nhà hàng không biết khách ăn là ai. (Đồng phạm?)

• Con hẻm nơi Gã phù thủy bị bắt.

• Phá khóa còng tay.

• Nước bọt (đồ phá khóa giấu trong miệng).

• Không xác định được nhóm máu.

• Dao cạo nhỏ để thoát khỏi dây trói (cũng được giấu trong miệng).

• Không biết cảnh sát Burke đang ở đâu.

• Hiện trường sông Harlem:

• Không có bằng chứng, trừ dấu trượt trên bùn.

Hồ sơ của ảo thuật gia

• Nghi phạm sẽ dùng việc đánh lạc hướng để đối phó với các nạn nhân và che mắt cảnh sát.

• Đánh lạc hướng về vật lý (để gây phân tâm).

• Đánh lạc hướng về tâm lý (để loại trừ sự nghi ngờ).

• Nghi phạm trốn thoát ở trường Âm nhạc bằng cách thức giống với tiết mục ảo thuật *Người biến mất*. Quá phổ thông để truy nguồn gốc.

• Nghi phạm về cơ bản là một ảo thuật gia.

• Có tài trong thể loại nhanh tay lẹ mắt.

• Cũng biết ảo thuật biến y (thay đồ nhanh). Sẽ sử dụng quần áo tách ra được, ni-lông và lụa, mũ hóa trang hói đầu, bọc ngón tay và các thiết bị cao su khác. Có thể ở bất kỳ độ tuổi, giới tính hay chủng tộc nào.

• Cái chết của Calvert mô phỏng màn trình diễn *Cắt một phụ nữ làm đôi* của Selbit.

• Giỏi mở khóa (có thể là mở khóa "hàng loạt").

• *Biết các kỹ thuật trốn thoát.*

• *Có kinh nghiệm ảo thuật với động vật.*

• *Sử dụng thuật thao túng tâm lý để có thông tin về nạn nhân.*

• *Sử dụng thuật nhanh tay lẹ mắt để bỏ thuốc cô ấy.*

• *Cố gắng giết nạn nhân thứ ba với màn trốn thoát của Houdini. Ngục nước.*

• *Biết thuật nói tiếng bụng.*

Chương hai mươi hai

Harry Houdini nổi tiếng bởi nghệ thuật thoát hiểm, nhưng sự thật là có rất nhiều nghệ sĩ thoát hiểm trước ông và cả nhiều người cùng thời với ông.

Điều khiến Houdini nổi bật so với những người khác là một sự bổ sung đơn giản vào màn trình diễn của ông: sự thử thách. Một phần quan trọng trong buổi diễn của ông là việc mời bất kỳ ai trong thành phố nơi ông xuất hiện thách thức Houdini thoát khỏi một thiết bị hay địa điểm mà người đó nêu ra – có thể là còng tay của chính một cảnh sát địa phương hay một phòng giam trong nhà tù của thành phố.

Chính yếu tố thách thức, mặt đối mặt trong trình diễn khiến Houdini trở nên vĩ đại. Ông nổi bật nhờ những thách thức đó.

Và ta cũng thế, Malerick nghĩ, đang rảo bước về phía căn hộ của gã sau khi bò lên từ sông Harlem sau một hồi dò dẫm. Nhưng gã vẫn còn run rẩy ghê gớm vì những sự kiện diễn ra buổi chiều hôm đó. Khi gã đang trình diễn như thường lệ, trước ánh lửa, thường có một yếu tố nguy hiểm trong các màn biểu diễn. Nguy hiểm thực sự. Thầy của gã đã nhồi nhét cho gã ý tưởng là nếu không có sự mạo hiểm thì làm sao ta có hy vọng lôi kéo được khán giả? Với Malerick, không có tội lỗi nào tồi tệ hơn việc làm những người đã tới để ta giải trí cho thấy chán nản. Nhưng màn trình diễn này đã biến thành hàng loạt những thách thức mới hung hiểm làm sao; cảnh sát giỏi hơn nhiều so với gã trông đợi. Làm sao họ đoán được là gã nhắm tới người phụ nữ ở trường dạy cưỡi ngựa? Và nơi gã sẽ nhấn chìm cô ta? Đánh bẫy gã trong hội chợ đồ thủ công rồi tìm thấy gã trong chiếc Mazda, sau đó lại đuổi theo gã – gần tới mức gã phải lao chiếc xe xuống sông và chỉ trốn thoát trong gang tấc. Thách thức là một chuyện – nhưng giờ gã cảm thấy hoang đường. Gã muốn chuẩn bị kỹ hơn cho màn trình diễn tiếp theo, nhưng gã quyết định ở lại căn hộ của mình cho tới phút chót.

Ngoài ra, còn vài việc khác gã cần làm bây giờ. Việc cho riêng gã – không phải cho khán giả quý mến của gã. Gã kéo tấm màn cửa căn hộ lại và đặt một cây nến lên mặt lò sưởi, gần một chiếc hộp nhỏ bằng gỗ khảm. Gã đánh một que diêm và thắp ngọn nến lên. Rồi ngồi trên nền vải thô ráp của chiếc ghế sô-pha rẻ tiền. Gã kiểm soát hơi thở của mình. Hít vào chậm rãi, thở ra.

Từ từ, từ từ, từ từ…

Tập trung vào ngọn lửa, trôi dạt trong sự thiền định.

Suốt lịch sử của mình, nghệ thuật ảo thuật được chia làm hai trường phái. Một, có những nhà nghệ sĩ nhanh tay lẹ mắt, những người làm trò biến hóa, những nghệ sĩ tung hứng, những người tạo ảo giác – những người giải trí cho khán giả bằng sự khéo léo và kỹ năng thể chất.

Trường phái thứ hai gây tranh cãi hơn nhiều: những trò huyền bí. Ngay cả trong thời đại khoa học này, một số người thực hành trò ảo thuật huyền bí vẫn nhận rằng họ thực sự sở hữu quyền năng siêu nhiên để đọc được tâm trí và di chuyển được vật thể bằng tinh thần, tiên đoán được tương lai và giao tiếp được với các linh hồn.

Trong hàng nghìn năm qua, những nhà tiên tri và thầy đồng bịp bợm đã trở nên giàu có nhờ tuyên bố triệu hồi được linh hồn những người chết cho những người thân đang tuyệt vọng của họ. Trước khi chính quyền bắt đầu tấn công những vụ lừa đảo như thế, chính các ảo thuật gia chân chính đã bảo vệ những người cả tin bằng cách công khai các phương pháp đằng sau việc tạo ra những hiệu ứng kỳ bí. (Thậm chí ngày nay, ảo thuật gia xuất sắc James Randi[62] vẫn dành rất nhiều thời gian của mình để vạch trần những trò giả mạo đó.) Bản thân Harry Houdini cũng dành phần lớn cuộc đời và tài sản để thách thức những thầy đồng giả mạo. Tuy nhiên, thật trớ trêu, một trong những lý do khiến ông bắt đầu sứ mệnh đó là bởi ông tuyệt vọng muốn tìm được một thầy đồng chân chính có thể liên lạc với linh hồn mẹ ông, người mà ông mãi nhớ tiếc sau khi bà qua đời.

---

[62] James Randi, sinh năm 1928, là ảo thuật gia người Mỹ gốc Canada. Ông quyết liệt lật tẩy các mánh lừa tâm linh.

Malerick giờ nhìn trừng trừng vào ngọn nến, vào ánh lửa. Dõi theo, *cầu nguyện* cho linh hồn người tri âm của gã xuất hiện, vuốt

ve ánh lửa vàng và gửi cho gã một dấu hiệu. Gã sử dụng ngọn nến làm trung gian giao tiếp vì chính lửa đã cướp đi tình yêu của gã, làm thay đổi vĩnh viễn cuộc đời Malerick.

Đợi đã, phải chăng nó đang bập bùng? Phải nhưng cũng có thể là không. Gã không biết.

Cả hai trường phái ảo thuật ganh đua quyết liệt trong con người gã. Là một người tạo ảo giác tài năng, tất nhiên Malerick biết màn trình diễn của gã chẳng qua là việc ứng dụng vật lý học, hóa học và tâm lý học. Nhưng gã vẫn còn vương vất chút nghi ngờ trong tâm trí là có lẽ ảo thuật thực sự nắm giữ chìa khóa vào thế giới siêu nhiên: Chúa, với tư cách là một ảo thuật gia, làm biến mất những cơ thể hỏng hóc của chúng ta và rồi lấy đi linh hồn của những người ta yêu mến, biến đổi họ và trả họ về cho chúng ta – những khán giả buồn bã và đầy hy vọng của Ngài.

Điều đó không phải là bất khả, Malerick tự nhủ. Người…

Và rồi ngọn nến bập bùng! Phải, gã đã thấy.

Ngọn lửa di chuyển một milimet tới gần hơn với chiếc hộp khảm. Rất có thể đó là dấu hiệu cho thấy linh hồn người đã khuất mà gã yêu mến đang lơ lửng ở gần đây, được triệu hồi không phải bởi cơ học, mà bởi sợi dây kết nối mà ảo thuật có thể khám phá nếu gã chịu đón nhận.

“Có phải anh đó không?” Gã thì thầm. “Phải không?”

Hít thở thật chậm, gã sợ rằng hơi thở của mình có thể tới chỗ ngọn nến và làm nó tắt mất; Malerick muốn có bằng chứng khẳng định rằng gã không phải đang một mình.

Cuối cùng ngọn nến cháy hết và Malerick ngồi thật lâu trong trạng thái thiền định, dõi theo làn khói xám cuộn lên trần nhà rồi biến mất.

Liếc nhìn đồng hồ. Gã không thể đợi thêm nữa. Gã gom trang phục và đồ đạc lại và ăn mặc cẩn thận. Hóa trang lại.

Tấm gương nói cho gã biết là gã đã “vào vai.”

Gã bước ra sảnh trước. Liếc nhìn ngoài cửa sổ. Con đường không một bóng người.

Rồi bước ra ngoài trong buổi tối mùa xuân cho tiết mục, phải,

thậm chí còn thách thức hơn các tiết mục trước.

Lửa và ảo ảnh là bạn tâm giao.

Những nhúm bột phát sáng nổ tung, những cây nến, những ngọn lửa propan mà các nghệ sĩ thoát hiểm đung đưa trên đó…

Lửa, thưa quý khán giả thân mến, là đồ chơi của quỷ và quỷ luôn liên hệ với ảo thuật. Lửa soi rọi và làm mờ, nó hủy diệt và kiến tạo.

Lửa tạo ra sự đổi thay.

Và nó là trung tâm của màn trình diễn tiếp theo của chúng tôi, màn trình diễn mà tôi gọi là Người cháy thành than.

***

Trường Neighborhood ở ngay đại lộ Số Năm tại Greenwich Village là một tòa nhà đá vôi cổ lạ lùng. Vẻ ngoài của nó có vẻ khiêm nhường như cái tên nên người ta không bao giờ ngờ rằng chính tại nơi đây, con cái một số gia đình giàu có và có nhiều quan hệ chính trị nhất ở thành phố New York đã học đọc, học viết, và làm toán.

Nó được biết tới không chỉ là một tổ chức giáo dục chất lượng – nếu bạn có thể gọi một trường tiểu học như thế – mà còn là một khu vực tổ chức những sự kiện văn hóa quan trọng ở khu vực này của thành phố. Như buổi hòa nhạc lúc tám giờ tối thứ Bảy này chẳng hạn.

Mục sư Ralph Swensen đang trên đường tới đó.

Ông đã sống sót sau cuộc đi bộ dài qua khu Chinatown và khu Little Italy để tới Greenwich Village mà không gặp sự cố gì ngoài những lời gạ gẫm của gái làm tiền và những van nài của đám ăn xin, những điều mà tới giờ ông đã gần như không để ý tới nữa. Ông dừng lại ở một nhà hàng Ý nhỏ để ăn một đĩa mì spaghetti (món đó và ravioli là những món duy nhất trong thực đơn mà ông nhận ra). Và bởi vợ ông không đi cùng, ông gọi thêm một ly vang đỏ. Đồ ăn thật tuyệt vời và ông ở lại nhà hàng một lúc lâu, nhấm nháp thứ đồ uống cấm kỵ và tận hưởng cảnh tượng đám trẻ đang chơi ngoài phố ở khu vực ồn ào về sắc tộc này.

Ông trả tiền, cảm thấy ít nhiều tội lỗi vì đã dùng quỹ của nhà thờ để uống rượu, rồi đi tiếp về phía bắc, sâu hơn vào khu Village. Dọc đường đi, ông ghé qua một nơi gọi là quảng trường Washington. Nhìn thoáng qua thì đây có vẻ là một khu tiểu Sodom[63], nhưng

ngay khi đi vào trung tâm của công viên hỗn loạn đấy, viên mục sư nhận thấy rằng những tội lỗi duy nhất là mấy người trẻ bật nhạc quá lớn và mọi người uống bia và rượu từ hộp giấy. Dù ông tin tưởng ở một hệ thống đạo đức đưa những kẻ phạm tội nhất định xuống thẳng địa ngục (như những kẻ mại dâm đồng tính ồn ào không để ta ngủ yên), nhưng những tội lỗi tâm linh mà ông thấy ở đây không phải là thứ sẽ dẫn người ta tới chiếc vé một chiều xuống hỏa ngục.

---

[63] Tên một thành phố trong Sách Sáng Thế và Kinh Thánh mà trong lịch sử đã bị Chúa Trời hủy diệt vì người dân ở đây gây ra tội lỗi.

Đi được nửa đường qua công viên, ông bắt đầu cảm thấy bất an. Ông nghĩ lại về kẻ đã dò xét ông, kẻ mặc bộ áo liền quần với hộp dụng cụ gần khách sạn. Viên mục sư chắc chắn là ông đã từng nhìn thấy gã từ trước đó – trong kính phản chiếu ở một cửa hàng không lâu sau khi ông rời khách sạn. Cảm giác bị theo dõi tương tự lúc đó giờ trở lại với ông. Ông quay người thật nhanh và nhìn lại. Không có người nào mặc đồ như vậy. Nhưng ông có nhìn thấy một người đàn ông mảnh khảnh mặc áo khoác thể thao tối màu đang theo dõi ông. Gã lơ đễnh nhìn đi nơi khác và đổi hướng đi về phía một nhà vệ sinh công cộng.

Là hoang tưởng sao?

Hẳn là thế. Người đàn ông đó không hề giống người mặc đồ lúc trước. Nhưng khi viên mục sư rời quảng trường, đi về phía bắc dọc đại lộ Số Năm để tránh hàng trăm người đi bộ trên vỉa hè, ông một lần nữa lại cảm thấy mình đang bị bám đuôi. Liếc lại về phía sau. Lần này ông thấy một người đàn ông tóc vàng, đeo kính dày và mặc áo khoác thể thao màu nâu và áo phông đang nhìn về phía ông. Mục sư Swensen cũng để ý thấy gã băng qua cùng bên đường mà ông vừa băng qua.

Nhưng giờ ông đã chắc chắn là ông hoang tưởng. Ba người khác nhau không thể nào đều theo dõi ông. Trong tâm trạng thoải mái, ông nghĩ ngợi và đi tiếp về phía bắc trên đại lộ Số Năm về trường Neighborhood, đường phố chật ních người đang tận hưởng một buổi tối mùa xuân đẹp trời.

Mục sư Swensen tới trường Neighborhood vào lúc bảy giờ đúng, nửa tiếng trước khi cửa mở. Ông đặt cặp tài liệu xuống và khoanh tay lại. Rồi ông quyết định rằng ông nên ôm nó và lại nhấc nó lên. Ông uể oải dựa vào hàng rào thép vây quanh một khu vườn gần

trường học, liếc nhìn một cách không thoải mái về hướng ông vừa đi tới.

Không, không có ai hết. Không có người mặc đồ liền mang hộp dụng cụ. Không có người mặc áo khoác thể thao. Ông đã…

"Xin lỗi, thưa cha?"

Giật mình, ông quay người lại và thấy một người đàn ông to lớn, da ngăm ngăm với bộ râu có lẽ đã hai ngày không cạo.

"Ừm, sao cơ?"

"Cha tới đây dự buổi hòa nhạc đúng không?" Người đàn ông hất đầu về phía trường Neighborhood.

"Đúng rồi," ông đáp, cố gắng không để giọng mình quá run vì bất an.

"Mấy giờ bắt đầu vậy?"

"Tám. Mở cửa lúc bảy giờ ba mươi."

"Cảm ơn, thưa cha."

"Không có chi."

Người đàn ông mỉm cười và đi về phía trường học. Mục sư Swensen tiếp tục nghi lễ của mình, ông lo lắng nắm chặt tay cầm chiếc cặp đựng tài liệu. Liếc nhìn đồng hồ. Bảy giờ mười lăm.

Cuối cùng, sau năm phút tưởng chừng như vô tận, ông thấy điều mình đang mong đợi, điều đã khiến ông phải đi xa thế này: chiếc Lincoln Town Car màu đen với biển số chính thức của chính quyền. Nó từ từ dừng lại cách trường Neighborhood một khối nhà. Viên mục sư nheo mắt trong hoàng hôn để đọc số xe. Đúng chiếc xe này rồi… Cảm ơn Chúa.

Hai người đàn ông trẻ mặc vest đen bước ra từ cửa trước. Họ nhìn dọc theo vỉa hè – liếc mắt qua cả ông – và có vẻ hài lòng là con đường đã an toàn.

Một người cúi xuống và nói gì đó qua cửa sổ phía sau đang mở ra.

Vị mục sư biết anh ta đang nói chuyện với ai: Trợ lý công tố quận Charles Grady, người nắm quyền công tố vụ chống lại Andrew Constable. Grady cùng vợ đến dự buổi hòa nhạc của con gái họ.

Thật ra, chính tay công tố viên là trung tâm nhiệm vụ tới Sodom của ông vào cuối tuần này. Giống như Tông đồ Paul, mục sư Swensen bước vào thế giới của những kẻ không có đức tin để cho họ thấy sai lầm trong lối sống của họ và mang tới chân lý cho họ. Ông cũng định hành động như vậy, nhưng bằng một cách cương quyết hơn vị tông đồ: sát hại Charles Grady với khẩu súng ngắn nặng nề đang nằm trong cặp đựng tài liệu của ông, mà ông ôm chặt trước ngực như thể nó chính là Hòm Chứng Ngôn[64].

---

[64] Hòm Chứng Ngôn hay còn được gọi là hòm Bia Giao Ước, Chiếc Rương Thánh Tích là chiếc rương bằng gỗ nạm vàng chứa hai tấm bia đá khắc Mười Điều Răn.

Chương hai mươi ba

Gom lại quang cảnh trước mắt ông.

Cẩn thận lưu ý các góc, các lối thoát, số khách bộ hành trên vỉa hè, lượng giao thông ở đại lộ Số Năm. Ông không được phép thất bại. Nhiều thứ phụ thuộc vào thành công của ông, ông có sự đánh cuộc cá nhân vào việc đảm bảo rằng Charles Grady phải chết.

Khoảng nửa đêm thứ Ba tuần trước, Jeddy Barnes, một tay dân quân địa phương, đột ngột xuất hiện ở cửa căn nhà hai chái vừa là nhà vừa là nhà thờ của mục sư Swensen. Barnes được cho là đã lẩn trốn ở một khu trại sâu trong rừng quanh Canton Falls sau cuộc bố ráp của cảnh sát bang chống lại Hội Ái quốc của Andrew Constable vài tháng trước.

"Pha cho tôi ít cà phê đi," Barnes ra lệnh, nhìn sang phía vị mục sư đang kinh hãi bằng cặp mắt dữ tợn điên dại của gã.

Giữa tiếng ầm ầm của cơn mưa trên mái tôn, Barnes, một kẻ đơn độc cứng rắn, đáng sợ với mái tóc bạc cắt ngắn và khuôn mặt hốc hác, nghiêng người về phía trước và nói, "Tôi cần ông làm một việc cho tôi, Ralph."

"Việc gì?"

Barnes duỗi chân ra và nhìn vào bệ thờ gỗ dán loang lổ véc-ni mà mục sư Swensen tự làm. "Có một kẻ đang săn lùng chúng tôi. Truy bức chúng tôi. Hắn là một người của bọn chúng."

Swensen biết khi nói "bọn chúng," Barnes có ý nói tới một liên minh khó định nghĩa của chính quyền bang và liên bang, truyền thông, những người không phải tín đồ Cơ Đốc, thành viên của bất kỳ đảng phái chính trị có tổ chức nào và giới trí thức – khởi đầu là thế. ("Chúng tôi" là tất cả những người không thuộc vào bất kỳ loại nào trong các loại trên, miễn họ là người da trắng.) Viên mục

sư không điên khùng như Barnes và đám bạn bè dân quân dữ tợn của gã – những kẻ khiến ông sợ hãi – nhưng ông tin chắc rằng có sự thật trong những điều họ rao giảng.

"Chúng ta cần ngăn hắn lại."

"Là ai?"

"Một công tố viên ở thành phố New York."

"À, người đang săn đuổi Andrew?"

"Là hắn. Charles Grady."

"Tôi phải làm gì?" Mục sư Swensen hỏi, mường tượng một chiến dịch viết thư kêu gọi hay một buổi lễ đầy giận dữ.

"Giết hắn," Barnes nói một cách đơn giản.

"Cái gì cơ?"

"Tôi muốn ông tới New York và giết hắn."

"Ôi, Chúa ơi. Tôi không thể làm thế." Cố gắng tỏ ra cương quyết dù tay ông đang run mạnh tới mức làm đổ cà phê lên một cuốn thánh ca. "Vì một lẽ, làm thế thì ích gì? Sẽ chẳng giúp được gì cho Andy. Trời, họ sẽ biết anh ta đứng đằng sau và sẽ khiến mọi chuyện còn khó khăn hơn…"

"Constable không liên quan đến việc này. Anh ta không liên quan đến kế hoạch. Chuyện này lớn hơn. Chúng ta cần đưa ra một tuyên bố. Ông biết đấy, làm điều mà tất cả những kẻ khốn khiếp ở Washington vẫn luôn nói trong những cuộc họp báo của chúng. 'Gửi đi một thông điệp.'"

"Chà, quên đi, Jeddy. Tôi không làm được. Thật điên khùng." "À, tôi nghĩ ông làm được."

"Nhưng tôi là một mục sư."

"Chủ nhật nào ông cũng đi săn – đấy là giết chóc, nếu ông muốn nhìn nhận theo một cách khác. Và ông từng ở Việt Nam. Ông từng giết người – nếu những chuyện ông kể là thật."

"Đấy là ba mươi năm trước." Ông thì thầm trong tuyệt vọng, tránh cả ánh mắt của người đàn ông và cả việc thừa nhận rằng những chuyện về chiến tranh không có thật. "Tôi không giết ai cả."

“Tôi cá là Clara Sampson sẽ muốn ông làm thế.” Sự im lặng lạnh lẽo bao trùm trong chốc lát. “Ác giả ác báo, Ralph.”

Chúa ơi, Chúa ơi, Chúa ơi…

Năm ngoái, Jeddy Barnes đã ngăn Wayne Sampson không báo cảnh sát sau khi tay nông dân nuôi bò sữa phát hiện ra vị mục sư cùng cô con gái mười ba tuổi của Sampson ở trong sân chơi mà ông xây sau nhà thờ. Giờ ông nhận ra rằng Barnes đã đóng vai người hòa giải chỉ để bắt thóp được ông. “Làm ơn, coi nào…”

“Clara đã viết một lá thư rất hay, mà tôi lại tình cờ có trong tay. Tôi có nói là tôi bảo nó làm thế năm ngoái chưa nhỉ? Dù sao, con bé đã viết ra và tả lại cái của quý của ông chi tiết hơn mức tôi muốn biết, nhưng tôi chắc chắn là bồi thẩm đoàn sẽ đánh giá cao lá thư đó.”

“Anh không thể làm thế. Không, không, không…”

“Không muốn tranh cãi vấn đề này với ông, Ralph. Tình hình là thế. Nếu ông *không* đồng ý thì tháng tới ông sẽ cùng bọn mọi đen trong tù làm trò mà ông đã ép Clara Sampson làm với ông. Giờ thì thế nào đây?”

“Chó chết.”

“Tôi coi đấy là câu trả lời có. Giờ tôi sẽ nói qua với ông những gì mà chúng tôi đã lên kế hoạch.”

Barnes đưa cho ông khẩu súng, địa chỉ một khách sạn và địa điểm văn phòng của Grady, rồi đưa ông tới thành phố New York.

Vài ngày trước, khi mới tới, mục sư Swensen đã bỏ thời gian đi thăm dò tình hình. Ông đã vào trong tòa nhà chính quyền bang vào chiều muộn hôm thứ Năm. Với cử chỉ có phần lúng túng cùng bộ đồ mục sư, ông lang thang ở hành lang mà không gặp vấn đề gì. Đi mãi, ông tìm thấy một tủ đựng đồ quét dọn ở một hành lang không người, nơi ông đã trốn tới nửa đêm. Rồi ông đột nhập vào văn phòng thư ký của Grady và biết được tay công tố viên và gia đình sẽ tới dự buổi hòa nhạc ở trường Neighborhood tối nay; con gái anh ta là một trong những người trình diễn.

Giờ, có vũ khí và hồi hộp, viên mục sư sốt ruột đứng ở trước ngôi trường và theo dõi các vệ sĩ của Grady trao đổi với tay công tố viên ngồi ghế sau. Kế hoạch là sẽ giết Grady và các vệ sĩ bằng khẩu súng ngắn giảm thanh rồi bỏ nó xuống đất rồi hét lên hoảng hốt là có một người vừa lái xe qua và xả súng. Viên mục sư sau đó có thể

trốn thoát trong đám hỗn loạn.

Có thể…

Giờ ông cố gắng cầu nguyện. Mặc dù Charles Grady là một công cụ của quỷ dữ, hỏi xin Ơn Trên để giết một người Cơ Đốc giáo da trắng không vũ khí khiến mục sư Swensen rất khó chịu. Nên ông đành hài lòng với một trích đoạn Kinh Thánh trong im lặng.

Tôi thấy một vị thiên sứ khác ở trên trời xuống, người có quyền lớn, và sự vinh hiển người chiếu rực rỡ trên đất[65]*…*

---

[65] *Bản dịch Kinh Thánh Tân Ước đang được sử dụng ở Việt Nam. Các trích đoạn Kinh Thánh được in nghiêng ở phía sau cũng tương tự.*

Mục sư Swensen đứng như trời trồng, nghĩ rằng ông không thể đợi thêm nữa. Lo lắng, hồi hộp… Ông muốn trở lại với đám cừu của ông, nông trại của ông, nhà thờ của ông, những buổi lễ lúc nào cũng đông của ông.

Cả Clara Sampson nữa, giờ đã gần mười lăm tuổi và sẵn sàng cho mọi chuyện.

Người kêu lớn tiếng rằng: Ba-by-lôn lớn đã đổ rồi, đã đổ rồi! Thành ấy đã trở nên chỗ ở của các ma quỷ, nơi hang hố của mọi tà thần…

Ông cân nhắc vấn đề gia đình của Grady. Vợ tay công tố viên chẳng làm gì sai. Kết hôn với một kẻ tội đồ không giống việc chính mình là kẻ tội đồ hay lựa chọn làm việc cho một kẻ như thế. Không, ông sẽ tha thứ cho bà Grady.

Trừ khi bà ta để ý thấy ông là người nổ súng.

Về phần cô con gái, Barnes đã nói với ông về nó, Chrissy… Ông tự hỏi nó bao nhiêu tuổi và trông thế nào.

Các thứ trái mà lòng ngươi mơ ước đó đã mất đi rồi, mọi sự rực rỡ sang trọng đó đã hư mất khỏi ngươi, người ta sẽ không hề tìm thấy nữa…

Nào, ông ta nghĩ. Làm đi. Làm đi, làm đi, làm đi.

Bấy giờ một vị thiên sứ rất mạnh lấy một hòn đá như cối xay lớn quăng xuống biển mà rằng: Ba-by-lôn là thành lớn cũng sẽ bị quăng xuống biển như vậy, và không ai tìm thấy nó nữa…

Ông nghĩ, hòn đá trừng phạt mà ta đang có, Grady, là một khẩu súng Thụy Sĩ được chế tạo tinh xảo và người đưa tin không phải là một thiên sứ từ trên trời mà là một đại diện của những người Mỹ biết tư duy đúng đắn.

Ông bắt đầu tiến lên.

Mấy tay vệ sĩ vẫn nhìn đi nơi khác.

Mở chiếc cặp đựng tài liệu ra, ông rút tấm bản đồ của RandMcNally và khẩu súng nặng nề ra. Giấu món vũ khí bên trong tấm bản đồ nhiều màu sắc, ông từ từ đi về phía chiếc xe. Những vệ sĩ của Grady giờ đang đứng cạnh nhau bên vỉa hè, quay lưng lại phía ông. Một người với tay mở cửa cho tay công tố viên.

Còn cách khoảng sáu mét...

Mục sư Swensen nghĩ tới Grady, Chúa thương xót nhà ngươi…

Và rồi tảng đá lớn như cối xay của thiên thần lao thẳng vào vai ông.

“Nằm xuống đất, nằm xuống đất ngay!”

Nửa tá đàn ông và phụ nữ, một trăm con quỷ đang vồ lấy tay mục sư Swensen và ném ông xuống vỉa hè. “Không được cử động, không được cử động, không được cử động!”

Một người chụp lấy khẩu súng, một người giằng cái cặp đựng tài liệu, một người ấn cổ vị mục sư xuống vỉa hè, nặng như tội lỗi của cả thành phố này. Mặt ông chà lên sàn bê tông và cơn đau nhói lên ở cổ tay và bả vai khi chiếc còng tra vào tay ông và túi ông bị lộn ra ngoài.

Bị đè xuống sàn bê tông, mục sư Swensen thấy cửa xe của Grady mở ra và ba cảnh sát nhảy ra ngoài, đội nón bảo hiểm, mặc áo chống đạn.

“Nằm xuống, cúi đầu xuống, ngay!” Jesus Chúa của chúng con ở trên trời…

Ông nhìn thấy đôi chân của một người đàn ông tiến lại gần mình hơn. Trái với sự dữ tợn của các cảnh sát khác, người này khá lịch sự. Bằng chất giọng miền nam, anh ta nói, “Giờ, thưa ông, chúng tôi sẽ lật ông lại và rồi tôi sẽ đọc cho ông nghe các quyền của ông. Hãy cho chúng tôi biết là ông có hiểu không.”

Vài cảnh sát lật ông lại và lôi ông đứng lên.

Vị mục sư kinh ngạc.

Người đàn ông đang nói là người mặc áo khoác thể thao tối màu mà ông nghĩ đã bám theo ông ở quảng trường Washington. Cạnh anh ta là người đàn ông có mái tóc vàng, đeo kính, có vẻ đã tiếp quản cuộc giám sát. Người thứ ba, có da ngăm ngăm đã hỏi giờ bắt đầu buổi hòa nhạc, đứng gần đó.

"Thưa ông, tôi là thanh tra Bell. Và giờ tôi sẽ đọc các quyền đó.

Ông sẵn sàng chưa? Tốt. Bắt đầu nào."

***

Bell nhìn qua những thứ bên trong cặp tài liệu của Swensen.

Đạn dự phòng cho khẩu súng ngắn H&K. Một tờ giấy màu vàng viết nguệch ngoạc một bài giảng có vẻ rất tệ. Một cuốn sách hướng dẫn, Sống ở New York với năm mươi đô-la một ngày. Cũng có một cuốn Kinh Thánh Gideon nát bươm có đóng dấu tên và địa chỉ: KHÁCH SẠN ADELPHI, 232 BOWERY, NEW YORK, NEW YORK.

Hừm, Bell thấy nực cười, có vẻ chúng ta có thể bổ sung thêm tội ăn cắp Kinh Thánh vào trong các cáo buộc.

Tuy nhiên, anh không tìm thấy điều gì cho thấy có liên hệ trực tiếp giữa nỗ lực lấy mạng Grady và Andrew Constable. Chán nản, anh giao lại bằng chứng để làm thủ tục và gọi cho Rhyme để thông báo rằng chiến dịch ngẫu hứng của nhóm giải cứu mục tiêu đã thành công.

Ở nhà Rhyme một tiếng trước, nhà tội phạm học đã tiếp tục nghiền ngẫm báo cáo hiện trường tội phạm trong khi Mel Cooper nghiên cứu những sợi mà đội hiện trường tìm thấy trong văn phòng của Grady. Cuối cùng Rhyme đưa ra một số suy đoán gây lo lắng. Phân tích dấu chân trong văn phòng cho thấy kẻ xâm nhập đã đứng vài phút ở một điểm – trước bàn thư ký phía bên phải. Xem xét đồ đạc trong phòng thì chỉ có một thứ đồ ở khu vực này của chiếc bàn: cuốn lịch hằng ngày của người phụ nữ. Và mục duy nhất cho cuối tuần này là buổi hòa nhạc của Chrissy Grady ở trường Neighborhood.

Điều đó có nghĩa là kẻ đột nhập chắc chắn đã lưu ý việc này. Về

bản thân kẻ tấn công, Rhyme suy luận rằng hắn phải cải trang thành mục sư hay linh mục. Với sự hỗ trợ của một bộ dữ liệu FBI, Cooper truy được nguồn gốc các sợi đen và thuốc nhuộm từ một nhà máy sản xuất vải ở Minnesota, vốn – Cooper và Rhyme biết được qua trang web của nhà máy này – chuyên sản xuất vải gabardine màu đen cho những cơ sở làm quần áo tôn giáo. Rhyme cũng lưu ý thấy vài sợi màu trắng mà đội hiện trường tìm được là polyester bện với vải bông hồ cứng, có thể là từ một chiếc áo sơ-mi trắng mỏng nhẹ có cổ cứng kiểu của các mục sư.

Sợi vải satin màu đỏ duy nhất có thể từ một dây ruy-băng đánh dấu sách ở một cuốn sách cũ, như thể lá vàng. Một cuốn Kinh Thánh chẳng hạn. Rhyme từng gặp một vụ nhiều năm trước trong đó một tay buôn lậu giấu ma túy trong một cuốn Kinh Thánh rỗng; nhóm hiện trường khi đó đã thấy các dấu vết tương tự ở văn phòng của gã nọ.

Bell yêu cầu Grady và gia đình anh không đến dự buổi hòa nhạc của con gái họ. Thay vào đó một nhóm thuộc Đội Khẩn cấp sẽ lái xe của Grady tới trường. Các nhóm chiếm những vị trí ở phía bắc ngôi trường trên đại lộ Số Năm, trên các con đường ngang phía tây ở đại lộ Số Sáu, và phía đông ở University Place và phía nam ở công viên quảng trường Washington.

Bell, người đảm nhiệm phần công viên, dễ dàng phát hiện ra một mục sư đang bước đi đầy lo lắng về phía ngôi trường. Bell bắt đầu theo đuôi ông ta nhưng bị phát hiện nên anh đã rút lui. Một cảnh sát SWAT khác tiếp tục và theo ông ta tới trường. Một thanh tra thứ ba từ nhóm SWAT của Bell tiếp cận và hỏi về buổi hòa nhạc, kiểm tra tận mắt các dấu hiệu vũ khí, nhưng không thấy gì rõ ràng – bởi thế không có cớ khả dĩ để bắt giữ hay lục soát ông ta.

Nhưng nghi phạm vẫn bị giám sát chặt và ngay khi ông ta rút súng ra từ chiếc cặp đựng tài liệu và định nhắm bắn thì đã bị hạ gục.

Nghĩ là sẽ gặp một linh mục giả mạo, họ ngạc nhiên khi thấy rằng mình đã bắt được một mục sư thật, những thứ trong ví của Swensen xác nhận điều đó – trái với chứng cớ là bài giảng tệ tới mức đáng hổ thẹn. Bell hất đầu về khẩu súng lục tự động H&K. "Linh mục mà súng thế là to đấy," anh nói.

"Tôi là mục sư."

"Ý tôi định nói thế đấy."

“Đã được phong chức.”

“Tốt cho ông. Giờ tôi đang tự hỏi: Tôi đọc các quyền cho ông rồi. Ông muốn từ bỏ quyền giữ im lặng đúng không? Cho ông hay, thưa ông, hãy nhận những gì ông vừa làm và mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn cho ông rất nhiều. Hãy cho chúng tôi biết ai muốn giết ông Grady.”

“Chúa.”

“Hừm,” Bell nói. “Được rồi. Còn ai khác nữa?”

“Đó là tất cả những gì tôi sẽ nói với anh hay với bất kỳ ai. Đó là câu trả lời của tôi. Là Chúa trời.”

“Chà, được rồi, giờ hãy cùng vào trung tâm thành phố và xem Đức Ngài có trả tiền tại ngoại cho ông không.”

Chương hai mươi bốn

Họ gọi đó là âm nhạc sao?

Tiếng trống đập và rồi âm thanh thô ráp của một nhạc cụ bằng đồng đang diễn thử những đoạn ngắn vang khắp phòng khách của Rhyme. Nó tới từ Cirque Fantastique, trong công viên bên kia đường. Những nốt nhạc thật chói tai và chủ âm thật ầm ĩ. Anh cố phớt lờ nó và quay lại với cuộc nói chuyện điện thoại cùng Charles Grady, người đang cảm ơn anh vì những nỗ lực của anh trong việc giúp tóm tay mục sư đã tới thành phố để giết anh ta.

Bell vừa thẩm vấn Constable ở Trung tâm Giam giữ. Tay tù nhân nói hắn biết Swensen nhưng đã tống cổ ông ta khỏi Hội Ái quốc hơn một năm trước vì một "sự quan tâm không lành mạnh" tới các cô con gái của một số giáo dân. Constable không còn dính líu gì tới ông ta sau đó và ông ta đã qua lại với một số tay dân quân ở vùng hẻo lánh, theo lời đồn thổi của dân địa phương. Tay tù nhân cương quyết bác bỏ việc hắn có biết bất kỳ điều gì về vụ ám sát.

Dẫu vậy, Grady vẫn sắp xếp để giao cho Rhyme một hộp bằng chứng từ hiện trường tại trường Neighborhood và một hộp từ phòng khách sạn của mục sư Swensen. Rhyme đã xem lướt qua chúng, nhưng không thấy có sự liên hệ rõ ràng nào với Constable. Anh giải thích điều đó với Grady và nói thêm, "Chúng ta cần gửi chúng cho một số người bên pháp y ở vùng thượng bang, ở... Thị trấn đó là gì nhỉ?"

"Canton Falls."

"Họ có thể thực hiện những so sánh về đất hay dấu vết. Có thể có gì đó liên kết Swensen với Constable, vì tôi không có mẫu nào như thế từ nơi đó."

"Cảm ơn vì đã kiểm tra, Lincoln. Tôi sẽ nhờ người đưa nó tới đó sớm nhất có thể."

“Nếu anh muốn tôi viết một ý kiến chuyên gia về những kết quả đó thì tôi rất sẵn lòng,” nhà tội phạm học nói rồi phải lặp lại đề nghị đó; phần sau câu nói bị át bởi tiếng kèn solo khàn khàn.

Trời ơi, mình còn có thể viết nhạc hay hơn thế, anh nghĩ.

Thom nói đã tới giờ đo huyết áp của Rhyme. Anh ta thấy huyết áp cao. “Tôi không thích điều này chút nào,” Thom nói.

“À, nói thật là, tôi cũng không thích nhiều thứ lắm,” Rhyme đáp lại một cách nôn nóng. Anh thất vọng vì tiến triển chậm chạp của họ trong vụ án: một kỹ thuật viên ở phòng thí nghiệm FBI tại D.C. đã gọi và nói rằng phải sớm ngày mai mới có bất cứ báo cáo về những mẩu kim loại được tìm thấy trong túi của Gã phù thủy. Bedding và Saul đã gọi cho hơn năm mươi khách sạn ở Manhattan, nhưng không tìm ra nơi nào sử dụng các thẻ chìa khóa APC khớp với chiếc tìm thấy trong túi áo khoác chạy bộ của Gã phù thủy. Sellitto cũng đã gọi nhóm canh gác bên ngoài Cirque Fantastique – các cảnh sát mới đã thay hai người ở đó từ buổi sáng – và họ báo là không có gì đáng ngờ.

Và khó chịu nhất là không có chút may mắn nào trong việc tìm được Larry Burke, viên cảnh sát tuần tra đã mất tích lúc bắt giữ Gã phù thủy gần hội chợ đồ thủ công. Hàng chục cảnh sát đã lục soát cả khu West Side nhưng không tìm thấy nhân chứng hay bằng chứng nào cho biết nơi có thể anh ta đang ở. Tuy nhiên, có một điểm tích cực: thi thể anh ta không có trong chiếc Mazda bị đánh cắp. Chiếc xe vẫn chưa được đưa lên, nhưng một thợ lặn can đảm vượt qua dòng nước xiết đã báo lại rằng không có thi thể nào bên trong chiếc xe hay trong cốp.

“Đồ ăn đâu rồi?” Sellitto hỏi, ngóng ra ngoài cửa sổ. Sachs và Kara đã ra đầu đường để mua đồ ăn từ một nhà hàng Cuba gần đó (ảo thuật gia trẻ tuổi không quá háo hức với bữa tối nhưng triển vọng về ly cà phê Cuba đầu tiên của cô, mà theo Thom mô tả là “nửa espresso, nửa sữa đặc và nửa đường,” ngay lập tức khiến cô bị kích thích).

Viên thanh tra cao lớn quay sang Rhyme và Thom rồi hỏi, “Các vị đã bao giờ ăn bánh mì kẹp Cuba chưa? Hạng nhất đấy.”

Nhưng cả đồ ăn và vụ án đều không có ý nghĩa gì với người trợ lý. “Tới giờ đi ngủ rồi.”

“Mới chín giờ ba mươi tám,” Rhyme chỉ ra. “Thực tế là buổi chiều. Nên không phải. Giờ. Đi. Ngủ.” Anh cố ê a giọng để nghe vừa trẻ

con, vừa đầy đe dọa. “Chúng ta có một kẻ sát nhân khốn khiếp đang ở ngoài kia, kẻ liên tục đổi ý về việc gã muốn giết người thường xuyên tới mức nào. Lúc thì mỗi bốn tiếng, khi thì mỗi hai tiếng.” Anh liếc nhìn đồng hồ. “Và ngay lúc này gã có thể vừa thực hiện vụ giết người lúc chín giờ ba mươi tám phút của gã. Tôi cảm kích việc anh không thích điều đó. Nhưng tôi có việc phải làm.”

“Không, anh không có gì phải làm. Nếu anh không muốn gọi nó là buổi tối thì tùy anh. Nhưng chúng ta sẽ lên lầu và lo cho xong mấy chuyện rồi anh sẽ đi ngủ vài tiếng.”

“Ha. Anh hy vọng rằng tôi sẽ ngủ tới sáng hả? Không có chuyện đó đâu. Tôi sẽ thức cả đêm.”

Người trợ lý đảo mắt. Anh tuyên bố bằng giọng cương quyết, “Lincoln sẽ lên lầu vài tiếng.”

“Anh có muốn bị mất việc không?” Rhyme quát.

“Anh có muốn bị hôn mê sâu không?” Thom nạt lại.

“Đây là sự bạo hành chết tiệt,” anh lầm bầm. Nhưng anh chịu thua. Anh hiểu mối nguy đó. Khi một người khuyết tật ngồi quá lâu tại một vị trí hay bị hạn chế trong những điều kiện khắc nghiệt, hay như Rhyme thích nói thẳng trước mặt người lạ là cần phải đi đái đi ỉa mà không làm thế một lúc lâu sẽ có nguy cơ gây tăng phản xạ tự phát. Điều đó có nghĩa là huyết áp tăng cao, có thể dẫn tới đột quỵ, rồi tê liệt hơn hoặc cái chết. Tăng phản xạ tự phát khá hiếm gặp, nhưng sẽ khiến ta phải nhập viện, hay xuống mồ khá nhanh, và vì thế Rhyme chấp nhận lên lầu lo vệ sinh cá nhân rồi nghỉ ngơi. Chính những khoảnh khắc như thế này – những sự gián đoạn khỏi cuộc sống “bình thường” – khiến anh bực dọc nhất về tình trạng khuyết tật của mình. Bực dọc và, dù anh không muốn thừa nhận, hết sức buồn phiền.

Trong phòng ngủ trên lầu, Thom để ý lo hết những chi tiết cần thiết. “Được rồi. Nghỉ ngơi hai tiếng. Ngủ một chút đi.”

“Một tiếng,” Rhyme càu nhàu.

Người trợ lý định tranh luận, nhưng rồi anh liếc thấy khuôn mặt Rhyme và trong khi nhìn thấy ánh mắt giận dữ cùng thái độ đừng giỡn mặt với tôi, điều sẽ chẳng làm anh lay chuyển chút nào, anh còn quan sát được sự lo lắng chân thành của nhà tội phạm học cho những nạn nhân sắp tới trong danh sách của Gã phù thủy. Thom đành nhượng bộ, “Một tiếng. Nếu anh chịu ngủ.”

“Vậy thì một tiếng,” Rhyme nói. Rồi nói thêm vẻ giễu cợt. “Và tôi sẽ có những giấc mơ ngọt ngào nhất… Một ly rượu sẽ có ích, anh biết đấy.”

Người trợ lý khẽ chỉnh lại chiếc cà-vạt màu tím – một cử chỉ cho thấy sự yếu ớt mà Rhyme lập tức vồ lấy như một con cá mập ngửi thấy mùi máu. “Chỉ một ly thôi,” nhà tội phạm học nói.

“Được rồi.” Anh rót chút rượu Macallan lâu năm vào một trong những chiếc cốc của Rhyme và để ống hút gần miệng anh.

Nhà tội phạm học hớp một ngụm dài. “A, thiên đường…” Rồi anh liếc về phía chiếc cốc rỗng. “Sẽ có ngày tôi dạy anh cách rót một cốc rượu cho ra dáng.”

“Tôi sẽ trở lại sau một tiếng nữa,” Thom nói.

“Lệnh, đồng hồ báo thức,” Rhyme nói cương quyết. Trên màn hình phẳng, một mặt đồng hồ hiện lên và anh ra lệnh cho nó đổ chuông trong một tiếng nữa.

“Tôi sẽ đánh thức anh dậy,” người trợ lý nói.

“À, chỉ đề phòng anh bận việc quá và quên mất,” Rhyme rụt rè nói, “thì tôi chắc chắn vẫn sẽ dậy, đúng không?”

Người trợ lý rời đi, đóng cửa lại sau lưng, và mắt Rhyme lướt qua cửa sổ, nơi những con chim cắt lớn đang đậu. Chúng nhìn bao quát thành phố, đầu quay qua quay lại theo cách lạ lùng của riêng chúng – vừa ngạo nghễ vừa tinh tế. Rồi một con – con cái, vốn là tay săn mồi giỏi hơn – liếc thật nhanh về phía anh, chớp cặp mắt hẹp của nó, như thể nó vừa cảm nhận được ánh nhìn của anh. Nó ngẩng đầu lên. Rồi trở lại tìm hiểu cảnh huyên náo của khu rạp xiếc ở công viên Trung Tâm.

Rhyme nhắm mắt lại dù tâm trí anh đang lướt qua các bằng chứng, cố gắng hiểu xem những đầu mối có thể có nghĩa gì: vụn đồng, chìa khóa khách sạn, thẻ báo chí, mực. Bí ẩn và bí ẩn hơn… Cuối cùng mắt anh mở to. Thật kỳ quặc. Anh không hề thấy mệt mỏi một chút nào. Anh muốn quay lại dưới lầu ngay và tiếp tục làm việc. Anh không thể ngủ được.

Anh cảm thấy gió thổi vào má và lại càng giận dữ hơn với Thom – vì đã bật điều hòa. Khi một kẻ tàn tật bị sổ mũi, tốt hơn là phải có ai đó ở gần để lau hộ. Anh gọi bảng điều khiển điều hòa lên trên màn hình, nghĩ tới việc nói với Thom rằng anh hẳn đã ngủ nếu

căn phòng không quá lạnh. Nhưng khi nhìn vào màn hình, anh thấy điều hòa đã tắt.

Vậy gió là từ đâu? Cửa vẫn đóng.

Đây rồi! Anh lại cảm thấy lần nữa, một luồng khí rõ ràng thổi lên má anh, má bên phải. Anh quay đầu lại thật nhanh. Là cửa sổ phải không? Không, cửa sổ cũng đóng. Chà, có lẽ là…

Nhưng rồi anh để ý thấy cánh cửa.

Ôi, không, anh nghĩ, tim thắt lại vì sợ. Cánh cửa vào phòng ngủ của anh có then cài – then cửa chỉ có thể cài lại bởi một người ở trong phòng. Bên ngoài không khóa được.

Giờ nó đã khóa.

Một làn gió nữa thổi lên da anh. Lần này là gió nóng. Rất gần. Anh nghe thấy cả một tiếng khò khè mờ nhạt nữa.

“Anh ở đâu?” Rhyme thì thầm.

Anh thở dốc khi một bàn tay đột ngột hiện ra trước mặt, hai ngón tay dị dạng, dính vào nhau. Bàn tay cầm một con dao cạo, cạnh sắc nhắm vào mắt Rhyme.

“Nếu mày kêu cứu,” Gã phù thủy thì thầm gấp gáp, “nếu mày gây ra một tiếng ồn thôi, mày sẽ mù ngay. Hiểu không?”

Lincoln Rhyme gật đầu.

Chương hai mươi lăm

Lưỡi dao cạo trong tay Gã phù thủy biến mất.

Gã không cất nó đi, cũng không giấu nó. Lúc trước vật thể kim loại hình chữ nhật còn ở giữa những ngón tay của gã, nhắm vào mặt Rhyme; lập tức, nó đã biến mất.

Gã đàn ông – tóc nâu, không râu, mặc một bộ đồng phục cảnh sát – đi vòng quanh phòng, kiểm tra sách vở, đĩa CD, các tấm poster. Gã có vẻ gật đầu tán thưởng với thứ gì đó. Gã nghiên cứu một vật trang trí đáng tò mò: một bức tượng thờ nhỏ màu đỏ, bên trong có hình vị chiến thần của người Hoa và vị thần của giới cảnh sát, Quan Đế[66]. Có vẻ Gã phù thủy cho rằng không có gì phi lý khi một vật như thế xuất hiện trong phòng ngủ một nhà khoa học pháp y.

---

[66]Tức Quan Vũ, hay Quan Vân Trường (? - 220), chiến tướng thời kỳ cuối nhà Đông Hán và thời Tam Quốc, được thờ phụng rộng rãi ở Trung Quốc, bao gồm trong giới cảnh sát.

Gã quay sang Rhyme.

"Chà," gã nói bằng giọng thì thầm từ cổ họng, nhìn qua chiếc giường Flexicair. "Mày không giống tao tưởng."

"Chiếc xe hơi," Rhyme nói. "Dưới sông? Bằng cách nào?"

"À, chuyện đó hả?" Gã nói một cách thô bạo. "Trò Xe chìm hả? Tao chưa bao giờ ở trong xe. Tao ra khỏi xe ở chỗ những bụi cây cuối con đường đó. Một trò đơn giản: một cửa sổ đóng – để những nhân chứng chỉ thấy chủ yếu ánh phản quang – và nón của tao ở trên chỗ tựa đầu ghế tài xế. Chỉ sự tưởng tượng của khán giả là nhìn thấy tao. Houdini không bao giờ có mặt trong những cốp xe và thùng chứa mà ông ấy giả vờ là đã thoát ra từ đó."

“Vậy những vết trượt bánh không phải là do phanh xe,” Rhyme nói. “Chúng là do tăng tốc.” Anh thấy giận dữ vì đã bỏ qua chi tiết đó. “Anh đã đặt một viên gạch lên chân ga.”

“Một viên gạch nhìn sẽ không tự nhiên khi đám thợ lặn tìm thấy chiếc xe; tao nhấn chân ga bằng một chiếc giày.” Gã phù thủy nhìn Rhyme chăm chú và hỏi bằng giọng thì thầm, “Nhưng mày không bao giờ tin là tao đã chết.” Đó không phải là một câu hỏi.

“Làm sao anh vào được trong này mà tôi không nghe thấy?”

“Tao đã ở đây từ trước. Tao lẻn lên lầu cách đây mười phút. Tao cũng ở dưới lầu trong phòng chiến tranh của mày nữa, hay bất cứ tên nào mày gọi căn phòng đó. Không ai để ý đến tao hết.”

“Anh mang bằng chứng tới đúng không?” Rhyme mơ hồ nhớ lại hai cảnh sát tuần tra đẩy xe có những hộp bằng chứng được thu thập bên ngoài trường Neighborhood và trong phòng khách sạn của mục sư Swensen.

“Đúng vậy. Tao đợi ở chỗ vỉa hè. Tay cảnh sát đó tới với mấy cái hộp. Tao chào hắn và đề nghị giúp đỡ. Không ai lại ngăn mày nếu mày mặc đồng phục và có vẻ hành động có chủ đích.”

“Và anh trốn ở đây, ẩn mình sau một tấm lụa có màu của những bức tường.”

“Mày đã biết trò đó, đúng không?”

Rhyme nhíu mày, nhìn đồng phục của gã. Nó có vẻ là đồ thật, không phải đồ biểu diễn. Nhưng trái với quy định, không có bảng tên trên ngực áo. Trái tim anh bỗng chùng xuống. Anh biết bộ đồ đó ở đâu ra. “Anh đã giết anh ấy, Larry Burke… Anh đã giết anh ấy và ăn cắp quần áo của anh ấy.”

Gã phù thủy liếc xuống bộ đồng phục và nhún vai. “Ngược lại. Ăn cắp bộ đồng phục trước,” giọng gã thì thầm, lơ lửng. “Thuyết phục hắn là tao muốn hắn trần truồng để cho tao có cơ hội trốn thoát. Hắn đã giúp tao không phải lột đồ sau đó. Rồi tao mới bắn hắn.”

Nghĩ lại, Rhyme nhớ rằng anh đã cân nhắc nguy cơ Gã phù thủy lấy được bộ đàm và vũ khí của Burke. Tuy nhiên, anh đã không nghĩ tới việc gã dùng đồng phục của anh ta như một bộ đồ thay nhanh để tấn công những kẻ đuổi theo. Anh thì thầm hỏi, “Thi thể anh ấy ở đâu?”

“Bên West Side.”

“Ở đâu?”

“Tao nghĩ tao sẽ giữ kín chuyện đó cho mình. Sẽ có người tìm ra hắn trong một, hai ngày nữa. Ngửi thấy hắn. Thời tiết đang ấm.” “Thằng chó đẻ,” nhà tội phạm học quát. Hiện giờ anh có thể là dân thường, nhưng trong sâu thẳm, Lincoln Rhyme vẫn luôn là một cảnh sát. Và không có sự gắn bó nào gần gũi hơn giữa những cảnh sát với nhau.

Thời tiết đang ấm…

Nhưng anh vẫn cố gắng giữ bình tĩnh và hỏi một cách thoải mái, “Làm sao anh tìm được tôi?”

“Ở hội chợ đồ thủ công. Tao đã tới gần đồng đội của mày. Nữ cảnh sát tóc đỏ. Rất gần. Gần như tao đang ở với mày đây. Tao cũng đã thở vào cổ nó – tao không chắc là thích cái nào hơn… Đằng nào đi nữa, tao cũng nghe nó nói chuyện với mày trên bộ đàm. Nó nhắc đến tên mày. Rồi chỉ cần chút tìm kiếm là ra. Mày ở khắp các mặt báo, mày biết không. Mày nổi tiếng mà.”

“Nổi tiếng? Một tên què quặt như tôi sao?”

“Có vẻ thế.”

Rhyme lắc đầu và nói chậm rãi, “Đó là chuyện xưa rồi. Chuỗi lệnh đã bỏ qua tôi từ lâu rồi.”

Từ “lệnh” truyền từ môi Rhyme qua micro tới đầu giường vào trong phần mềm nhận diện giọng nói ở máy tính của anh. “Lệnh” là từ khóa nói với chiếc máy tính hãy sẵn sàng nhận chỉ thị. Một cửa sổ mở ra trên màn hình, mà anh có thể nhìn thấy nhưng Gã phù thủy thì không. Ra lệnh gì? Nó lặng lẽ hỏi.

“Chuỗi lệnh sao?” Gã phù thủy hỏi. “Ý mày là gì?”

“Tôi từng phụ trách sở cảnh sát. Giờ thì đôi khi các sĩ quan trẻ còn không thèm nghe điện thoại của tôi.”

Chiếc máy tính nghe được hai chữ cuối của câu đó. Nó đáp lại: *Anh muốn gọi cho ai?*

Rhyme thở dài. “Tôi sẽ kể với anh một chuyện: Hôm nọ tôi cần liên lạc với một cảnh sát. Một thiếu úy. Lon Sellitto.”

Chiếc máy tính báo: *Gọi Lon Sellitto*.

"Và tôi nói với anh ấy..."

Gã phù thủy bất thần nhíu mày.

Gã bước nhanh tới, kéo màn hình ra khỏi phía trước mặt Rhyme và nhìn vào nó. Kẻ sát nhân nhăn mặt, bứt dây điện thoại ra khỏi tường và rút điện máy tính. Một tiếng phụp khẽ vang lên.

Lúc gã đàn ông đứng cách anh nửa mét, Rhyme ấn đầu anh vào gối, hy vọng lưỡi dao cạo kinh khủng sẽ hiện ra. Nhưng Gã phù thủy bước lùi lại, thở sâu với nhịp như bị suyễn. Gã có vẻ ấn tượng hơn là tức giận trước những cố gắng của nhà tội phạm học.

"Mày biết chuyện đó, đúng không?" Gã hỏi, mỉm cười lạnh lẽo. "Chỉ là ảo ảnh. Mày làm tao phân tâm bằng những lời liến thoắng rồi thực hiện một màn đánh lạc hướng bằng lời kinh điển. Mẹo bằng lời, bọn tao gọi thế. Giỏi đấy. Những gì mày nói rất tự nhiên – tới khi mày nhắc đến cái tên đó. Chính cái tên đã phá hỏng hết. Hiểu không, nó nói với tao điều đó là không tự nhiên. Nó khiến tao nghi ngờ. Nhưng cho tới lúc đó mày đã làm tốt."

Người bất động...

Gã nói tiếp, "Nhưng tao cũng giỏi." Gã phù thủy chìa một bàn tay trống ra phía trước. Rhyme co rúm người lại khi những ngón tay sượt qua mắt anh. Anh cảm thấy có thứ gì đó vừa sượt qua tai. Khi bàn tay Gã phù thủy hiện ra một giây sau đó, có bốn lưỡi dao cạo lưỡi kép nằm giữa những ngón tay. Gã nắm tay lại thành nắm đấm và bốn lưỡi dao trở thành một lưỡi, được giữ giữa ngón cái và ngón trỏ.

Không, làm ơn... Tệ hơn cả sự đau đớn, Rhyme kinh hoàng trước việc sẽ mất đi một giác quan nữa. Tên sát nhân đẩy lưỡi dao lam gần mắt Rhyme, di chuyển nó tới lui.

Rồi gã mỉm cười và bước lùi lại. Gã liếc qua phòng, nhìn vào trong bóng của bức tường phía xa. "Giờ, thưa quý khán giả thân mến, hãy bắt đầu tiết mục của chúng ta với vài trò ảo thuật. Tôi sẽ được người bạn diễn đây hỗ trợ." Những lời đó được nói bằng một giọng kỳ quái, đầy chất biểu diễn.

Tay gã giơ lên và những lưỡi dao lam sáng lấp lánh. Bằng một cử chỉ gọn ghẽ, Gã phù thủy giật thắt lưng chiếc quần dài và quần lót của Rhyme ra rồi phi lưỡi dao như một chiếc đĩa ném về phía phần

háng trần của anh.

Nhà tội phạm học nhăn nhó.

“Anh ấy đang nghĩ gì…” Gã phù thủy nói với khán giả tưởng tượng. “Khi biết rằng lưỡi dao lam sắp chạm vào da thịt, có thể cứa vào da, vào bộ phận sinh dục, vào một tĩnh mạch hay một động mạch. Và anh ấy không hề cảm thấy gì cả!”

Rhyme nhìn trừng trừng phía trước chiếc quần của anh, chờ thấy máu.

Rồi Gã phù thủy mỉm cười, “Nhưng có thể lưỡi dao lam không nằm ở đấy… Nó ở một nơi khác. Có lẽ là ở đây.” Gã thò tay vào miệng và kéo miếng thép hình chữ nhật ra. Gã giơ nó lên. Rồi nhíu mày. “Đợi đã.” Gã lấy một lưỡi dao lam khác ra từ trong miệng. Rồi một lưỡi nữa. Gã giờ có bốn lưỡi dao lam trên tay. Gã xòe chúng ra như những lá bài rồi ném lên không trung phía trên Rhyme, người đang thở gấp và co rúm lại, đợi chúng rơi xuống người anh. Nhưng… chẳng có gì. Chúng đã biến mất.

Rhyme cảm thấy tim mình đập ở cổ và thái dương, càng lúc càng mạnh hơn, mồ hôi nhỏ xuống từ trán và thái dương. Rhyme liếc nhìn đồng hồ báo thức. Cảm giác như nhiều tiếng đồng hồ đã trôi qua. Nhưng Thom mới rời đi được mười lăm phút.

Rhyme hỏi, “Tại sao anh lại làm thế này? Những người mà anh giết ấy? Vì mục đích gì?”

“Không phải *tất cả* đều bị giết,” gã giận dữ nói. “Mày đã phá hỏng màn biểu diễn của tao với người cưỡi ngựa bên sông Hudson.”

“À, vậy thì *bị tấn công*. Tại sao lại thế?”

“Chẳng phải chuyện riêng tư nào hết,” gã nói và ho rũ rượi.

“Không phải việc riêng?” Rhyme cao giọng, ra vẻ khó tin.

“Hãy cho là vấn đề ở chỗ chúng đại diện cho điều gì thay vì chúng là ai đi.”

“Điều đó có nghĩa gì? ‘Đại diện’ ư? Giải thích xem.”

Gã phù thủy thì thầm, “Không. Tao không nghĩ là tao sẽ giải thích đâu.” Gã từ từ đi quanh giường của Rhyme, thở nặng nhọc. “Mày có biết khán giả nghĩ gì trong một màn trình diễn không? Một

phần trong họ hy vọng rằng nhà ảo thuật sẽ không thoát được đúng lúc, rằng ông ấy sẽ chết đuối, rằng ông ấy sẽ ngã lên đám đinh nhọn, sẽ bị đốt cháy, bị nghiền tới chết. Có một trò gọi là Tấm gương cháy. Trò tao thích nhất. Nó bắt đầu với một ảo thuật gia tự phụ nhìn vào trong gương. Ông ấy nhìn thấy một phụ nữ đẹp ở bên kia tấm kính. Cô ta ra hiệu cho ông ấy lại gần và cuối cùng ông ấy không cưỡng được sự hấp dẫn và bước qua. Chúng ta thấy họ đã đổi chỗ. Người phụ nữ giờ ở phía trước tấm gương. Nhưng có một làn khói bốc lên, cô ta thực hiện biến y và trở thành quỷ Satan.

"Giờ thì ảo thuật gia bị mắc kẹt trong địa ngục, bị xích xuống sàn nhà. Lửa bắt đầu bắn lên từ sàn nhà xung quanh ông ấy. Một bức tường lửa ngày càng đến gần ông ấy hơn. Ngay khi ông ấy sắp sửa bị những ngọn lửa nuốt chửng, ông ấy thoát ra khỏi những sợi xích và nhảy qua lửa về phía sau tấm gương, ông ta an toàn. Con quỷ chạy về phía nhà ảo thuật, bay vào trong không khí và biến mất. Nhà ảo thuật đập vỡ tấm gương bằng một cây búa. Rồi ông ấy đi qua sân khấu, dừng lại và búng tay. Một quầng sáng vọt lên, mày hẳn có thể đoán được, ông ấy trở thành quỷ dữ… Khán giả thích màn đó… Nhưng tao biết một phần trong tâm trí mọi người mong ước lửa sẽ chiến thắng và người biểu diễn sẽ chết." Gã dừng lại. "Và tất nhiên, thỉnh thoảng chuyện đó quả thực cũng xảy ra."

"Anh là ai?" Rhyme thì thầm, giờ đã tuyệt vọng.

"Tao ư?" Gã phù thủy ngả người về phía trước và rít lên đầy phấn khích, "Tao là Phù thủy phương Bắc. Tao là ảo thuật gia vĩ đại nhất mọi thời. Tao là Houdini. Tao là người có thể thoát ra khỏi tấm gương đang cháy. Khỏi còng tay, xích sắt, những căn phòng khóa trái, cùm kẹp, thừng trói, bất kỳ thứ gì…" Gã nhìn Rhyme thật gần. "Trừ… trừ mày. Tao sợ rằng mày là thứ mà tao sẽ không thể thoát được. Mày quá giỏi. Tao phải ngăn được mày trước buổi chiều ngày mai…"

"Tại sao? Lúc đó sẽ xảy ra chuyện gì?"

Gã phù thủy không trả lời. Gã nhìn vào trong bóng tối. "Giờ thì, quý khán giả thân mến, màn trình diễn chính của chúng tôi – Người cháy đen. Hãy nhìn nghệ sĩ trình diễn của chúng ta ở đây – không xiềng xích, không còng tay, không thừng trói. Nhưng anh ta vẫn không thể nào thoát ra được. Màn này thậm chí còn khó hơn tiết mục trốn thoát đầu tiên trên thế giới: Thánh Peter. Bị nhốt trong một hầm ngục, bị cùm, có người canh gác. Vậy mà ông ấy vẫn thoát ra. Tất nhiên, ông ấy có một người giúp sức quan

trọng. Chúa. Tuy nhiên, tối nay nghệ sĩ trình diễn của chúng ta chỉ có một mình."

Một vật nhỏ màu xám xuất hiện trên tay Gã phù thủy và gã nghiêng người về phía trước thật nhanh, trước khi Rhyme kịp xoay đầu. Kẻ sát nhân bịt miệng anh bằng một miếng băng dính.

Sau đó gã tắt hết đèn trong phòng, trừ một bóng đèn ngủ nhỏ. Gã trở lại giường của Rhyme, giơ ngón trỏ lên và búng ngón cái. Một ngọn lửa cao hơn bảy xen-ti-mét hiện ra từ ngón tay.

Gã phù thủy vẫy ngón tay tới lui. "Đang đổ mồ hôi hả, tao thấy mà." Gã đưa ngọn lửa lại gần mặt Rhyme. "Lửa... Không hấp dẫn sao? Nó có lẽ là hình ảnh cuốn hút nhất trong ảo thuật. Lửa là sự đánh lạc hướng hoàn hảo. Ai cũng dõi theo ngọn lửa. Họ không bao giờ rời mắt khỏi ngọn lửa trên sân khấu. Tao có thể làm bất kỳ chuyện gì với tay kia mà mày không bao giờ để ý. Chẳng hạn..."

Chai rượu của Rhyme hiện ra trong tay gã. Gã đưa ngọn lửa xuống dưới chai một lúc lâu. Rồi kẻ sát nhân hớp một ngụm rượu và giơ ngón tay lửa lên trước môi gã, nhìn thẳng vào Rhyme, người đang co rúm lại. Nhưng Gã phù thủy mỉm cười, quay sang một bên và thổi quầng lửa lên trần nhà, rồi lùi lại một chút khi vạt lửa biến mất vào trong bóng tối của trần nhà.

Mắt Rhyme lấp lánh nhìn về bức tường ở góc căn phòng.

Gã phù thủy cười lớn. "Máy báo khói hả? Tao đã xử lý rồi. Không có pin đâu." Gã thổi một quầng lửa nữa về phía trần nhà và đặt cái chai xuống.

Bỗng nhiên một cái khăn tay trắng hiện ra. Gã vẫy nó dưới mũi Rhyme. Nó thấm đẫm xăng. Mùi se se của nó làm bỏng mắt và mũi anh. Gã phù thủy cuộn chiếc khăn tay thành một sợi dây ngắn và xé toạc chiếc áo ngủ của Rhyme ra, quấn nó quanh cổ anh như một chiếc khăn choàng.

Gã đi về phía cánh cửa, lặng lẽ mở then, rồi mở cánh cửa, nhìn ra ngoài.

Mũi Rhyme ngửi thấy một mùi khác trộn với mùi xăng. Đấy là mùi gì? Một mùi nặng, ám khói... Ồ, mùi rượu. Kẻ giết người hẳn đã để chai rượu mở.

Mùi đó đang át mùi xăng. Nó đang đổ ra. Rượu whisky ở khắp nơi. Và Rhyme kinh hoàng hiểu ra những việc gã đang làm. Gã đã đổ

rượu từ cửa tới giường, như một mồi dẫn cháy. Gã phù thủy vẫy ngón tay và quả bóng lửa màu trắng bay từ tay gã xuống vũng rượu.

Rượu bắt lửa và ngọn lửa màu xanh lao nhanh trên sàn nhà. Rất nhanh, đống tạp chí và một chiếc hộp các-tông ở gần giường bốc cháy. Cả một trong số những cái ghế mây nữa.

Sớm thôi, ngọn lửa sẽ leo lên tấm vải giường và bắt đầu ngấu nghiến cơ thể anh, nơi anh sẽ không thể cảm thấy, rồi mặt và đầu, nơi anh có thể cảm thấy nó trong kinh hoàng. Anh quay sang Gã phù thủy, nhưng gã đã biến mất, cánh cửa đã đóng lại. Khói bắt đầu làm mắt Rhyme cay sè và tràn vào mũi anh. Ngọn lửa bò lại gần hơn, liếm vào những chiếc hộp và sách vở và những tấm poster, làm chảy những đĩa CD.

Sớm thôi, ngọn lửa xanh và vàng sẽ bắt đầu liếm vào những chiếc chăn ở chân giường của Lincoln Rhyme.

Chương hai mươi sáu

Một cảnh sát NYPD mẫn cán, có thể vì nghe âm thanh lạ, có thể vì thấy một cánh cửa không khóa, đã bước vào con hẻm ở khu West Side. Mười lăm giây sau, một người đàn ông khác xuất hiện, mặc một chiếc áo len chui cổ màu đỏ nâu, quần bò bó, đội mũ bóng chày.

Không còn trong vai cảnh sát Larry Burke nữa, Malerick chủ tâm đi về phía Broadway. Nhìn mặt gã, chú ý vẻ tán tỉnh của gã khi liếc xung quanh – một cái nhìn như thể mồi chài – người ta sẽ ngỡ gã là một kẻ chuyên lang thang rình mò, đang hướng về một quán bar ở khu West Side để phục hồi cái tôi và khả năng tình dục, cả hai thứ đều giảm bớt gần đây khi gã bước vào tuổi trung niên.

Gã dừng lại ở một quán cocktail dưới hầm, liếc nhìn vào trong. Gã quyết định đó sẽ là một nơi tốt để tạm lánh cho tới lúc trở lại chỗ của Lincoln Rhyme và xem xem trận hỏa hoạn đã gây ra thiệt hại như thế nào.

Gã tìm thấy một ghế đẩu ở cuối quầy bar, gần bếp, và gọi một chai Sprite cùng bánh mì kẹp gà tây. Gã nhìn quanh: những máy chơi game dùng xu với âm thanh điện tử, một máy hát tự động bụi bặm, căn phòng ám khói và tối thui, nồng mùi mồ hôi, nước hoa và chất khử mùi, những tràng cười ré lên vì say rượu và tiếng rì rầm của những cuộc hội thoại vô nghĩa. Tất cả đưa gã trở lại với tuổi trẻ của mình ở thành phố xây trên cát ngày xưa.

Las Vegas là một tấm gương được vây quanh bởi những ngọn đèn chói mắt; dù nhìn chằm chằm vào nó vài tiếng nhưng tất cả những gì ta thực sự nhìn thấy là chính mình, với những vết rỗ, những nếp nhăn, sự phù phiếm, lòng tham, nỗi tuyệt vọng của ta. Đó là một nơi bụi bặm, khó sống, nơi mà ánh sáng hân hoan của Dải Las Vegas[67] mờ nhạt đi rất nhanh sau chỉ một hay hai ngã tư và không tỏa được ra hết mọi nơi khác trong thành phố: những căn nhà xe kéo, những lán trại tồi tàn, những khu mua sắm bụi

bặm, những hiệu cầm đồ bán nhẫn đính hôn, áo vest, tay chân giả – bất cứ thứ gì có thể kiếm được vài xu còm cõi.

---

[67] Là một đoạn đường dài hơn sáu cây số thuộc Đại lộ Las Vegas, đây là nơi tọa lạc của các khách sạn, sòng bạc và khu nghỉ dưỡng lớn nhất thế giới.

Và khắp mọi nơi là sa mạc bụi bặm, vô tận, mờ ảo.

Malerick đã ra đời trong một thế giới như thế.

Cha gã là một người chia bài xì dách và mẹ là tiếp viên nhà hàng (cho tới khi bà trở nên quá nặng nề và phải chuyển sang làm công việc thu ngân), họ là hai người trong đội quân phục dịch ở Vegas, bị đám quản lý sòng bạc lẫn khách chơi đối xử như con sâu cái kiến. Hai người đã bỏ cả cuộc đời mình sống ngập trong tiền bạc nhưng họ chỉ có thể ngửi thấy mùi mực, mùi nước hoa và mồ hôi trên những tờ giấy đó, vĩnh viễn biết rằng đợt thác lũ đó chỉ trượt qua tay họ trong những khoảnh khắc ngắn ngủi nhất thời mà thôi.

Giống như nhiều đứa trẻ Vegas bị cha mẹ bỏ mặc vì họ phải làm những ca dài và vào giờ giấc trái khoáy – và như nhiều đứa trẻ khác sống trong những gia đình cay đắng như thế ở mọi nơi – con trai của họ đã lùi về một nơi mà nó tìm được chút an ủi.

Nơi đó với nó là dải Las Vegas.

Thưa quý khán giả thân mến, tôi đang giải thích về việc đánh lạc hướng – về cách ảo thuật gia chúng tôi khiến quý vị phân tâm bằng cách thu hút sự chú ý của quý vị ra khỏi màn biểu diễn với chuyển động, màu sắc, ánh sáng, sự ngạc nhiên, tiếng ồn. Chà, sự đánh lạc hướng không chỉ là một kỹ thuật trong ảo thuật; nó cũng là một khía cạnh của cuộc đời. Chúng ta đều tuyệt vọng khi bị lôi về phía ánh sáng chớp lóa và đều muốn tránh xa sự nhàm chán, đơn điệu, tránh xa những chuyện cãi vã trong gia đình, tránh xa những giờ đồng hồ dài nóng nực, không thể di chuyển ở rìa sa mạc, tránh xa những đứa trẻ khinh thị đuổi ta đi vì ta gầy gò và bẽn lẽn rồi đấm ta thật hung tợn…

Dải Las Vegas là nơi trốn lánh của gã.

Cụ thể là những cửa hàng bán đồ ảo thuật. Có rất nhiều nơi như thế; Las Vegas nổi tiếng là thủ đô của ảo thuật. Cậu bé đó thấy những cửa hàng như thế không chỉ là những hiệu bán lẻ: chúng là

nơi mà những ảo thuật gia đầy cảm hứng, dù còn biểu diễn hay đã giải nghệ, ghé qua để chia sẻ những câu chuyện, các trò diễn và để tán gẫu.

Ở một trong những cửa hàng như thế, cậu bé đã biết được một điều quan trọng về mình. Cậu có thể gầy gò, bẽn lẽn và chạy chậm, nhưng cậu khéo léo một cách kỳ diệu. Những ảo thuật gia ở đó sẽ cho cậu xem những trò mở tay, cấu véo, bỏ đồ, giấu đồ và cậu sẽ nhận ra ngay lập tức. Một trong những người bán hàng đã nhướng mày khi nói về cậu bé mười ba tuổi đấy, "Một kẻ nhanh tay lẹ mắt bẩm sinh."

Cậu bé nhíu mày, chưa bao giờ nghe thấy từ đó.

"Một ảo thuật gia người Pháp đã nghĩ ra từ đó hồi những năm một nghìn tám trăm," người đàn ông giải thích. "'Nhanh tay' như trong từ nhanh. 'Lẹ mắt,' như trong từ mắt – nhanh tay lẹ mắt[68]."

---

[68] Nguyên văn là "prestidigitator," tiếng Ý "presto" là "nhanh" (gốc từ tiếng Latinh "praesto,") và "digit" là "ngón tay" (gốc từ tiếng Latin "digitus.")

Cậu từ từ tin tưởng vào điều đó, rằng cậu không chỉ là một kẻ lạc loài trong gia đình, một bao cát ở sân chơi.

Mỗi ngày cậu tan học lúc ba giờ mười và đi thẳng tới cửa hàng ưa thích nhất, nơi cậu sẽ tán gẫu và học những trò biểu diễn. Ở nhà cậu tập không ngừng nghỉ. Một người quản lý cửa hàng sẽ thuê cậu để thỉnh thoảng biểu diễn những màn ngắn cho các khách thăm Hang ảo thuật ở phía sau cửa hàng.

Gã vẫn có thể mường tượng ra rõ ràng màn biểu diễn đầu tiên. Từ ngày đó trở đi, Houdini Trẻ – nghệ danh sân khấu đầu tiên của gã – sẽ dùng miệng lưỡi, hay sự bắt nạt, để bước lên sân khấu bất cứ khi nào có cơ hội. Được mê hoặc khán giả, làm họ vui thích, khiến họ tin tưởng, lừa gạt họ là một niềm vui hiếm có. Cả làm họ sợ hãi nữa. Gã thích làm họ sợ.

Cuối cùng gã bị bắt gặp – bởi mẹ gã. Người phụ nữ đó rốt cuộc nhận ra rằng cậu bé hiếm khi có mặt ở nhà và đã lục phòng gã để tìm hiểu lý do. "Tao tìm thấy số tiền này," bà quát, đứng lên từ chỗ bàn ăn và đi vào trong bếp để bắt gã trả lời khi gã về nhà bằng lối cửa sau vào một tối nọ. "Giải thích đi."

"Ở chỗ Abracadabra."

“Là ai?”

“Chỗ cửa hàng? Gần Tropicana. Con định nói với mẹ…”

“Tao đã nói mày tránh xa khu đấy ra.”

“Mẹ, đó chỉ là một cửa hàng thôi. Một cửa hàng bán các đồ ảo thuật.”

“Mày đã ở đâu? Có uống rượu không? Để tao ngửi xem nào.”

“Mẹ, không.” Lùi lại, cậu bé sợ hãi trước người phụ nữ to lớn mặc chiếc áo phông lấm lem sốt mì Ý, hơi thở của bà thật kinh khủng.

“Họ mà bắt được mày trong một sòng bạc thì tao mất việc. Bố mày cũng mất việc.”

“Con chỉ ở cửa hàng thôi. Biểu diễn một chút. Thỉnh thoảng được người ta cho tiền.”

“Nhiều tiền thế mà thỉnh thoảng hả. Tao chưa bao giờ được cho tiền khi làm bồi bàn.”

“Con giỏi mà,” cậu bé nói.

“Vậy là tao… Biểu diễn hả? Biểu diễn gì?”

“Ảo thuật.” Gã đã chán. Gã từng nói với bà chuyện này mấy tháng trước rồi. “Xem nhé.” Gã diễn một trò với lá bài cho bà.

“Hay đấy,” bà nói, gật đầu. “Nhưng vì mày nói dối tao, tao sẽ giữ lại số tiền này.”

“Con không nói dối!”

“Mày không cho tao biết mày đang làm gì. Như thế cũng là nói dối.”

“Mẹ, tiền này là của con.” “Mày nói dối, tao tịch thu.”

Bà cố nhét số tiền vào trong túi quần bò ngay gần bụng. Rồi bà lưỡng lự. “Được rồi, đưa lại mày mười đồng. Nếu mày nói chuyện này cho tao biết.”

“Nói gì…?”

“Kể tao nghe xem. Mày có bao giờ thấy bố mày đi với Tiffany Loam

không?”

“Con không biết… Người đó là ai?”

“Mày biết. Đừng có giả vờ là không. Con bồi bàn ở Sands với chồng nó qua đây ăn tối vài tháng trước. Nó mặc chiếc áo cánh màu vàng.”

“Con…”

“Mày có thấy bọn nó không? Lái xe ra sa mạc hôm qua?”

“Con không thấy.”

Bà dò xét gã thật kỹ và tin là gã đã nói thật. “Nếu mày thấy bọn nó thì cho tao biết.”

Rồi bà bỏ mặc gã ở đó và trở về với món mì Ý đã đông lại trên chiếc khay trước ti-vi trong phòng khách.

“Tiền của con mà, mẹ!”

“Câm miệng. Phạt gấp đôi.”

Một ngày nọ, khi đang trình diễn một màn nhỏ ở Abracadabra, cậu bé ngạc nhiên để ý thấy một người đàn ông mảnh khảnh, lạnh lùng bước vào cửa hàng. Khi ông đi về phía Hang ảo thuật, mọi ảo thuật gia và nhân viên bán hàng trong cửa hàng bỗng nhiên im lặng. Ông là một ảo thuật gia danh tiếng và đã xuất hiện ở Tropicana. Ông có tiếng là nóng tính và nổi tiếng bởi những màn trình diễn đen tối, đáng sợ.

Sau buổi diễn, nhà ảo thuật ra hiệu cho cậu bé tới gần và hất đầu về phía dòng chữ viết trên sân khấu. “Cậu tự gọi mình là ‘Houdini Trẻ’ à?”

“Phải.”

“Cậu nghĩ cậu xứng đáng với cái tên đó sao?”

“Cháu không biết. Chỉ là cháu thấy thích.”

“Diễn thêm xem nào.” Ông hất đầu về phía chiếc bàn nhung.

Cậu bé diễn tiếp, giờ thấy thật hồi hộp, bởi một huyền thoại đang dõi theo từng chuyển động của cậu.

Một cái gật đầu, có vẻ là chấp thuận. Việc một cậu bé mười bốn tuổi nhận được lời khen ngợi như thế khiến các ảo thuật gia trong phòng sửng sốt đến câm nín.

“Cậu muốn học một bài không?” Cậu bé gật đầu háo hức.

“Đưa mấy đồng xu đây.”

Cậu chìa tay đưa mấy đồng xu ra. Ảo thuật gia nhìn xuống, nhíu mày. “Chúng đâu rồi?”

Tay cậu không có gì. Nhà ảo thuật cười cay nghiệt trước vẻ lúng túng của cậu bé, ông đã lấy những đồng xu; những đồng hai mươi lăm xu đang ở trong tay ông. Cậu bé sửng sốt; cậu không hề cảm thấy gì.

“Giờ ta sẽ giữ đồng này trong không trung…”

Cậu bé nhìn lên nhưng bỗng nhiên bản năng mách bảo cậu, khép ngón tay lại ngay! Ông ấy sẽ đặt những đồng xu trở lại. Khiến cậu hổ thẹn trước một căn phòng đầy ảo thuật gia. Hãy chụp lấy tay ông ấy!

Bỗng nhiên, không hề nhìn xuống, nhà ảo thuật cứng người lại và thì thầm, “Cậu có chắc là muốn làm thế không?”

Cậu bé chớp mắt kinh ngạc. “Cháu…”

“Hãy nghĩ cho kỹ.” Ông liếc xuống tay cậu bé.

Houdini Trẻ nhìn vào lòng bàn tay cậu, đang sắp sửa chụp lấy tay của ảo thuật gia. Cậu sửng sốt thấy thứ mà người đàn ông đã đặt vào đấy, không phải những đồng xu mà là năm chiếc dao lam lưỡi kép. Nếu cậu nắm tay lại như dự tính, bàn tay Houdini Trẻ sẽ nát bấy.

“Để tôi xem tay cậu nào,” ông nói rồi lấy những lưỡi dao lam ra và làm chúng biến mất ngay lập tức.

Houdini Trẻ giơ bàn tay cậu lên và người đàn ông chạm vào chúng, lấy ngón cái của ông chọc vào chúng. Cậu bé cảm thấy như có dòng điện chạy qua.

“Cậu có đôi tay để trở thành nhà ảo thuật tài ba,” ông thì thầm để một mình cậu bé nghe thấy. “Cậu có quyết tâm và ta biết cậu có cả sự tàn nhẫn… Nhưng cậu không có tầm nhìn. Chưa có.” Một lưỡi

dao lại hiện ra và người đàn ông dùng nó để cắt qua một mảnh giấy, mảnh giấy bắt đầu chảy máu. Ông vò mảnh giấy lại rồi mở nó ra. Không có vết cắt hay máu ở đâu cả. Ông đưa nó cho cậu, trên đó có một địa chỉ viết bằng mực đỏ.

Khi mà đám khán giả nhỏ bé ở đó lấy làm thích thú và vỗ tay với sự ngưỡng mộ, hay ghen tức thì nhà ảo thuật thì thầm, "Hãy tới gặp ta." Ông nghiêng người về trước, môi khẽ lướt qua tai Houdini Trẻ. "Cậu còn phải học rất nhiều. Và ta còn phải dạy cậu rất nhiều."

Cậu bé giữ địa chỉ của nhà ảo thuật nhưng không đủ can đảm để tới gặp ông. Rồi ở tiệc sinh nhật thứ mười lăm của cậu, mẹ cậu đã thay đổi vĩnh viễn chặng đường đời con trai mình khi lao vào rủa xả một tràng và phi một đĩa mì fettuccine vào ông chồng vì thông tin tình báo mới nhận được về cô Loam khét tiếng. Những cái chai bay qua bay lại, đồ lưu niệm vỡ tan, cảnh sát tới.

Cậu bé quyết định như vậy là quá đủ. Ngày hôm sau, cậu tới chỗ nhà ảo thuật, người đồng ý làm thầy dạy cậu. Thời điểm thật hoàn hảo. Hai ngày nữa, người đàn ông sẽ bắt đầu chuyến lưu diễn dài quanh nước Mỹ. Ông cần một trợ lý. Houdini Trẻ vét sạch tài khoản ngân hàng bí mật của cậu và làm đúng điều mà người cùng tên với cậu đã làm: bỏ nhà đi để trở thành ảo thuật gia. Tuy nhiên, có một khác biệt lớn giữa họ; không giống Harry Houdini, người đã bỏ nhà đi chỉ để kiếm tiền và giúp đỡ gia đình nghèo khó của ông, và sẽ sớm đoàn tụ với họ, Malerick sẽ không bao giờ gặp lại người thân của gã nữa.

"Này, anh sao thế?"

Một giọng khàn khàn của phụ nữ đánh thức gã khỏi những ký ức khó phai đó khi gã đang ngồi ở quầy bar của quán rượu thuộc khu Upper West Side. Gã đoán cô ta là khách quen ở đây. Một phụ nữ ngoài năm mươi nỗ lực bất thành để tạo ảo giác trẻ hơn mười tuổi, cô ta chọn nơi này để mồi chài chủ yếu là vì ánh sáng mờ ảo. Cô ta chuyển sang một ghế đẩu cạnh gã và ngả người về phía trước, để lộ khe ngực.

"Xin lỗi?"

"Chỉ hỏi xem anh thế nào thôi. Tôi nghĩ là chưa bao giờ gặp anh ở đây."

"Mới tới thành phố được một, hai ngày."

“À,” cô ta nói giọng lè nhè. “Tôi cần lửa.” Tạo ấn tượng khó chịu là gã phải coi việc được châm điếu thuốc cho cô ta là một đặc ân.

“Ồ, đương nhiên rồi,” gã nói.

Gã bật lửa và giơ lên. Gã quan sát ngọn lửa bập bùng dữ dội khi cô ta vòng những ngón tay xương xẩu màu đỏ quanh tay gã để đưa chiếc bật lửa tới môi cô ta.

“Cảm ơn.” Cô ta nhả một làn khói mỏng lên trần nhà. Khi cô ta nhìn lại, Malerick đã trả tiền và đang đi khỏi quầy bar.

Cô ta nhíu mày.

“Tôi phải đi.” Gã mỉm cười nói, “À, đây, cô có thể giữ cái này.”

Gã đưa cô ta chiếc bật lửa nhỏ bằng kim loại. Cô ta cầm lấy nó và chớp mắt. Cái nhíu mày của cô ta càng sâu hơn. Đó là bật lửa của chính cô ta, gã đã nẫng khỏi ví khi cô ta ngả người về phía gã.

Malerick thì thầm lạnh lùng, “Tôi đoán là cô không cần nó.”

Bỏ lại cô ta ở quầy bar với hai giọt nước mắt kéo theo mascara chảy xuống má, gã nghĩ rằng trong tất cả những trò ảo thuật tàn ác mà gã từng thực hiện và lên kế hoạch vào cuối tuần này – máu, việc cắt xẻ thịt người, ngọn lửa – có lẽ đây là trò đáng hài lòng nhất.

***

Cô nghe tiếng còi hụ khi họ còn cách nhà Rhyme hai ngã tư.

Tâm trí Amelia Sachs thật buồn cười: nghe thấy tiếng còi điện tử báo động từ một chiếc xe khẩn cấp, cô nghĩ âm thanh đó có vẻ tới từ hướng căn nhà phố của anh.

Tất nhiên là không thể nào, cô đinh ninh thế.

Thế thì trùng hợp quá.

Nhưng rồi, những ánh đèn chớp xanh và đỏ rộ lên ở Central Park West, chỗ nhà của anh.

Coi nào, cô gái, cô tự trấn an, chỉ là tưởng tượng thôi, bị kích thích vì ký ức về nhân vật kịch câm đáng sợ trên tấm băng-rôn phía trước lều của Cirque Fantastique trong công viên, những nghệ sĩ trình diễn đeo mặt nạ, nỗi kinh hoàng từ những vụ giết người của

Gã phù thủy. Chúng đã khiến cô trở nên hoang tưởng.

Rờn rợn…

Hãy quên nó đi.

Chuyển chiếc túi mua sắm lớn có đồ ăn Cuba đầy mùi tỏi sang tay kia, cô và Kara đi tiếp dọc theo vỉa hè đông đúc, tán chuyện về các bậc phụ huynh, về sự nghiệp, về Cirque Fantastique. Về cả đàn ông.

Pằng, phằng…

Người phụ nữ trẻ nhấp ly cà phê Cuba đúp của cô, thứ mà cô nói là đã nghiện ngay khi nếm ngụm đầu tiên. Kara thấy nó không chỉ có giá bằng một nửa Starbucks mà còn mạnh gấp đôi. "Tôi không giỏi toán lắm, nhưng tôi nghĩ như thế có nghĩa là tốt gấp bốn," người phụ nữ trẻ nói. "Nói cho cô biết, tôi thích những phát hiện như thế này. Những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống, cô có nghĩ thế không?"

Nhưng Sachs đã quên mất cuộc nói chuyện. Một chiếc xe cứu thương nữa tăng tốc qua. Cô gửi theo một lời cầu nguyện là nó sẽ lướt qua nhà Rhyme.

Không hề. Chiếc xe phanh gấp ở ngã tư tiếp theo gần tòa nhà của anh.

"Không," cô thì thầm.

"Có chuyện gì vậy?" Kara tự hỏi. "Một tai nạn sao?"

Tim đập nhanh, Sachs bỏ túi đồ ăn xuống và bắt đầu chạy thật nhanh về phía tòa nhà.

"Ôi, Lincoln…"

Kara theo sau cô, làm đổ cà phê nóng ra tay và ném cái ly đi. Cô chạy bên cạnh viên nữ cảnh sát. "Có chuyện gì?"

Khi rẽ ở góc đường, Sachs đếm được khoảng nửa tá xe cứu hỏa và cứu thương.

Ban đầu cô ngờ rằng anh bị một cơn tăng phản xạ tự phát. Nhưng đây rõ ràng là một vụ hỏa hoạn. Cô nhìn lên tầng hai và thở gấp vì sốc. Khói đang bốc ra từ cửa sổ phòng ngủ của Rhyme.

Chúa ơi, không!

Sachs cúi nhanh qua hàng rào cảnh sát và chạy về phía nhóm lính cứu hỏa ở cửa ra vào. Cô nhảy lên cầu thang trước, quên cả cơn thấp khớp. Rồi cô đi qua cửa, suýt nữa thì trượt ngã trên sàn đá hoa cương. Hành lang và phòng thí nghiệm có vẻ không hề hấn gì, nhưng một làn khói mỏng tràn ngập sảnh dưới lầu.

Hai lính cứu hỏa đang từ từ đi xuống cầu thang. Mặt họ lộ vẻ đã bỏ cuộc.

"Lincoln!" Cô hét lên.

Và lao lên cầu thang.

"Không, Amelia!" Giọng nói cộc cằn của Lon Sellitto cắt qua hành lang.

Cô quay lại, hoảng hốt, nghĩ rằng anh ta muốn ngăn không cho cô thấy xác đã cháy của anh. Nếu Gã phù thủy cướp mất Lincoln khỏi tay cô, gã sẽ phải chết. Không điều gì trên thế giới này ngăn được cô.

"Lon!"

Anh ra hiệu cho cô lùi lại khỏi cầu thang và ôm lấy cô. "Anh ấy không có trên đấy, Amelia."

"Vậy..."

"Không, không, không sao. Anh ấy không sao. Thom đã đưa anh ấy vào phòng khách ở phía sau. Tầng này."

"Cảm ơn Chúa," Kara nói. Cô nhìn quanh sững sờ khi thấy nhiều lính cứu hỏa đi xuống cầu thang, những người đàn ông và phụ nữ thậm chí còn trông to lớn hơn bình thường bởi bộ đồng phục và trang thiết bị của họ.

Thom, mặt mày u ám, tới chỗ họ từ phía sau sảnh. "Anh ấy ổn, Amelia. Không bị phỏng, hít phải một ít khói. Huyết áp cao. Nhưng anh ấy đang được chăm sóc y tế. Sẽ ổn thôi."

"Chuyện gì xảy ra vậy?" Cô hỏi viên thanh tra.

"Gã phù thủy," Sellitto thì thầm. Anh thở dài. "Gã đã giết Larry Burke. Đánh cắp đồng phục của anh ấy. Gã lọt vào nhà bằng cách đó. Rồi gã đã lẻn lên phòng của Rhyme. Đốt lửa quanh giường anh

ấy. Chúng tôi ở dưới này thậm chí không biết có chuyện xảy ra; có người thấy khói từ ngoài đường và gọi 911. Và bên Đội Khẩn cấp gọi cho tôi. Thom, Mel và tôi dập gần tắt đám cháy trước khi xe cứu hỏa tới."

Cô hỏi Sellitto, "Tôi cho là chúng ta không bắt được gã, Gã phù thủy ấy?"

Một tiếng cười chua xót. "Cô nghĩ gì vậy? Gã đã biến mất. Tan biến trong không trung."

***

Sau tai nạn khiến anh bị liệt, sau khi Rhyme đã thoát khỏi tình trạng đau buồn suốt nhiều tháng với niềm hy vọng chân anh sẽ đi lại được như cũ, anh đã từ bỏ điều bất khả đó và tập trung năng lượng và sức mạnh ý chí vào một mục tiêu hợp lý hơn.

Tự mình thở được.

Một kẻ liệt tứ chi như Rhyme – cổ anh bị gãy ở đốt sống thứ tư tính từ cuối xương sọ – đứng ở ranh giới của việc phải dùng máy thở. Dây thần kinh từ não đi xuống các cơ hoành có thể hoặc không thể hoạt động. Trong trường hợp của Rhyme, phổi anh lúc đầu có vẻ không hoạt động đúng cách và anh phải thở máy, với một chiếc ống được cấy vào ngực. Rhyme ghét thiết bị đó, với tiếng động cơ của nó và cảm nhận lạ lùng của việc không cần phải thở dù chính anh biết là không phải thế. (Cỗ máy cũng có một thói quen khó chịu là thỉnh thoảng lại dừng chạy.)

Rồi phổi anh đột nhiên bắt đầu hoạt động trở lại và anh được giải phóng khỏi thiết bị sinh học đó. Các bác sĩ nói sự cải thiện là nhờ việc cơ thể tái ổn định sau sang chấn một cách tự nhiên. Nhưng Rhyme biết câu trả lời thực sự. Anh đã tự mình làm điều đó. Bằng sức mạnh ý chí. Hít được hơi vào trong phổi – lúc đầu chỉ là những hơi thở yếu ớt, nhưng là tự anh thở – là một trong những thành tựu lớn nhất của đời anh. Anh đã nỗ lực rất nhiều với những bài tập có thể giúp tăng cảm nhận giác quan khắp cơ thể và thậm chí là nhúc nhích các chi; nhưng dù có thành công thế nào với những việc đó đi nữa, anh cũng không nghĩ là sự tự hào của anh lúc ấy có thể sánh được với khi anh lần đầu tiên gỡ máy thở ra.

Tối nay, nằm trong phòng cho khách nhỏ xíu, anh nhớ lại lúc thấy những đám mây khói bay ra từ vải vóc và giấy và đồ nhựa bị cháy xung quanh anh. Trong cơn hoảng loạn, anh ít nghĩ tới việc bị cháy tới chết và nghĩ nhiều hơn tới làn khói kinh khủng đang tràn

vào phổi anh như những mảnh dằm kim loại và lấy đi chiến thắng duy nhất của anh trong cuộc chiến với tật nguyền. Như thể Gã phù thủy đã chọn được điểm yếu nhất của anh để tấn công.

Khi Thom, Sellitto và Cooper lao vào phòng, suy nghĩ đầu tiên của anh không phải là về những bình chữa cháy mà hai viên cảnh sát cầm trong tay, mà là bình khí oxy màu xanh lá cây người trợ lý mang theo. Anh chỉ nghĩ, Hãy cứu lấy những lá phổi của tôi!

Trước khi ngọn lửa tắt, Thom đã chụp mặt nạ oxy lên mặt anh và anh gấp gáp hít vào dòng khí ngọt ngào. Họ đưa anh xuống lầu và cả bác sĩ cấp cứu lẫn bác sĩ riêng của Rhyme đều kiểm tra anh, làm sạch và xử lý một số vết bỏng nhỏ và tìm kiếm kỹ vết cắt vì dao lam (không có vết nào; cũng không có lưỡi dao lam nào trong bộ đồ ngủ của anh). Chuyên gia về cột sống tuyên bố phổi của anh ổn, dù Thom nên xoay anh thường xuyên hơn bình thường để giữ cho chúng sạch sẽ.

Chỉ tới lúc đó Rhyme mới bình tĩnh lại. Nhưng anh vẫn rất lo lắng. Kẻ sát nhân đã làm một điều tàn ác hơn nhiều so với việc gây ra thương tật thể chất cho anh. Vụ tấn công nhắc Rhyme là sự sống của anh mong manh ra sao và tương lai của anh bất trắc thế nào.

Anh ghét cảm giác đó, bất lực và dễ tổn thương khủng khiếp.

"Lincoln!" Sachs đi nhanh vào phòng, ngồi trên chiếc giường Clinitron cũ và sà xuống ngực anh, ôm chặt anh. Anh hạ đầu xuống tóc cô. Cô đang khóc. Anh mới thấy cô khóc hai lần kể từ khi quen biết cô.

"Không gọi tên," anh thì thầm. "Không may, nhớ không? Và chúng ta đã gặp đủ vận rủi cho hôm nay rồi."

"Anh không sao chứ?"

"Ừ, anh không sao," anh thì thầm, đau khổ vì nỗi sợ hãi phi lý là nếu anh nói lớn hơn, những hạt khói bằng cách nào đó sẽ đâm thủng và làm xẹp phổi anh. "Mấy con chim thế nào?" Anh hỏi, cầu nguyện là mấy con chim cắt lớn không việc gì. Anh không phiền nếu chúng chuyển sang một tòa nhà khác, nhưng anh sẽ rất khổ sở nếu biết chúng bị thương hay bị giết.

"Thom nói chúng ổn. Chúng đang đậu trên ngưỡng cửa khác."

Cô ôm anh một lúc rồi Thom xuất hiện ở cửa vào. "Tôi phải xoay người cho anh."

Viên nữ cảnh sát ôm anh lần nữa rồi bước lùi lại khi Thom tiến lại gần giường.

“Hãy rà soát hiện trường,” Rhyme nói với cô. “Gã phải bỏ lại thứ gì đó. Có chiếc khăn tay gã quấn quanh cổ anh. Và gã có mấy lưỡi dao lam.”

Sachs nói sẽ tiến hành việc đó ngay lập tức và rời căn phòng. Thom tiếp quản và bắt đầu làm sạch phổi anh một cách thành thạo.

Hai mươi phút sau Sachs trở lại. Cô cởi bộ áo liền quần Tyvek ra, cẩn thận gấp và xếp nó lại, cho vào chiếc valy thiết bị điều tra hiện trường.

“Không tìm thấy gì nhiều,” cô báo lại. “Đã lấy được chiếc khăn tay và vài dấu chân. Gã đi một đôi giày Ecco mới. Nhưng em không tìm thấy dao lam. Và bất kỳ thứ gì gã có thể bỏ lại đã bốc hơi. À, có một chai rượu whisky nữa. Nhưng em cho rằng đấy là của anh.”

“Phải, đúng rồi,” Rhyme thì thầm. Bình thường anh sẽ nói một câu đùa – điều gì đó về sự tàn nhẫn của việc dùng rượu Single Malt làm chất dẫn cháy trong một vụ cố ý phóng hỏa. Nhưng lúc này anh không còn tâm trạng đùa cợt.

Anh biết sẽ không có nhiều bằng chứng. Vì mức độ hủy hoại rộng khắp trong một vụ hỏa hoạn, những bằng chứng ở hầu hết các hiện trường thường chỉ tiết lộ nơi và cách thức trận hỏa hoạn xảy ra. Nhưng họ đã biết điều đó rồi. Dẫu vậy, anh nghĩ vẫn sẽ có nhiều hơn thế.

“Còn miếng băng keo thì sao? Thom đã gỡ nó ra và bỏ nó.”

“Không có băng keo.”

“Hãy tìm chỗ đằng sau đầu giường. Gã phù thủy từng đứng ở đó. Gã có thể đã…”

“Em tìm rồi.”

“Tìm lại đi. Em chắc đã lỡ thứ gì đó. Hẳn là thế.”

“Không,” cô đáp.

“Sao cơ?”

“Hãy quên hiện trường tội ác đi. Nó cháy hết rồi. Cứ cho là thế đi.”

“Chúng ta cần phải giúp vụ chết tiệt này tiến triển.”

“Chúng ta sẽ làm thế, Rhyme. Em sẽ đi hỏi nhân chứng.”

“Có nhân chứng sao?” Anh càu nhàu. “Không ai nói với anh là có nhân chứng đấy.”

“À, có đấy.”

Cô bước tới cửa, gọi xuống hành lang để Lon Sellitto tham gia với họ. Anh chen vào, ngửi chiếc áo khoác của mình và nhăn mũi. “Bộ vest hai trăm bốn mươi đô-la chết tiệt. Lịch sử. Chó chết. Chuyện gì vậy, sĩ quan?”

“Tôi sẽ phụ trách hỏi nhân chứng, Thiếu úy. Anh có máy ghi âm ở đây chưa?”

“Chắc chắn rồi.” Anh lấy máy ra khỏi túi và đưa nó cho cô. “Có nhân chứng sao?”

Rhyme nói, “Quên nhân chứng đi, Sachs. Em biết họ không đáng tin thế nào mà. Hãy dựa vào bằng chứng.”

“Không, chúng ta sẽ có được thứ gì đó hay ho. Em chắc chắn là thế.”

Anh liếc mắt ra cửa. “Vậy đó là kẻ quái nào thế?”

“Anh,” cô nói, kéo chiếc ghế lại gần giường.

Chương hai mươi bảy

"Anh sao? Thật ngớ ngẩn."

"Không. Không ngớ ngẩn đâu."

"Quên chuyện đó đi. Hãy dò lại hiện trường lần nữa. Em đã bỏ lỡ thứ gì đó. Em tìm nhanh quá. Nếu em là tay mới..."

"Em không phải tay mới. Em biết cách tìm nhanh ở hiện trường và em biết khi nào đã tới lúc ngừng tìm kiếm và làm những việc hiệu quả hơn." Cô kiểm tra cái máy ghi âm nhỏ của Sellitto, kiểm tra băng, rồi bấm máy.

"Cảnh sát tuần tra NYPD Amelia Sachs, số phù hiệu Năm Tám Tám Năm, đang thẩm vấn Lincoln Rhyme, nhân chứng một vụ tấn công mã mười-hai mươi-bốn và phóng hỏa mã mười-hai mươi-chín ở số ba-bốn-năm Central Park West. Thứ Bảy, ngày hai mươi tháng Tư." Cô đặt máy ghi âm trên bàn gần Rhyme.

Anh liếc nhìn nó như thể nó là một con rắn. "Giờ," cô nói. "Là phần mô tả."

"Anh đã nói với Lon..."

"Nói với em đây này."

Một cái nhìn khổ sở lên trần nhà. "Gã người tầm thước, nam giới, trong khoảng từ năm mươi tới năm mươi lăm tuổi, mặc đồng phục của một cảnh sát. Lần này không có râu. Vết sẹo và vết màu không đồng nhất ở cổ và trên ngực."

"Gã phanh ngực áo ra sao? Anh nhìn thấy ngực gã à?"

"Xin lỗi," anh nói với sự mỉa mai sáng chói. "Vết sẹo ở cuối cổ gã có thể là kéo dài xuống tận ngực. Ngón út và ngón đeo nhẫn bàn tay trái bị dính với nhau. Gã... có vẻ có mắt màu nâu."

“Tốt, Rhyme,” cô nói. “Chúng ta không có màu mắt của gã trong những vụ trước.”

“Và vụ này cũng không nếu gã đeo kính sát tròng,” anh đột lại, cảm thấy mình đã ghi điểm ở đây. “Anh có lẽ sẽ nhớ tốt hơn nếu được giúp một chút.” Anh nhìn về phía Thom.

“Được giúp một chút ư?”

“Anh cho là ta còn một chai Macallan chưa cháy ở đâu đó trong nhà bếp.”

“Để sau,” Sachs nói. “Hãy để đầu óc anh minh mẫn.”

“Nhưng…”

Lấy móng tay gãi đầu, cô tiếp tục, “Giờ. Em muốn anh nói lại tất cả những gì đã diễn ra. Gã đã nói gì?”

“Anh không nhớ được nhiều,” anh nói một cách sốt ruột. “Chủ yếu là những câu lầm bầm điên loạn. Và anh không có tâm trạng chú ý tới.”

“Có thể nghe điên khùng với anh. Nhưng em cá là sẽ có thứ gì đó hữu ích mà chúng ta có thể sử dụng.”

“Sachs,” anh nói một cách chế giễu, “em nghĩ là anh có thể hoảng loạn và rối trí ư? Ý anh là chỉ một chút phân tâm thôi, có lẽ thế?”

Cô chạm vào vai anh, nơi mà anh có thể cảm nhận được. “Em biết là anh không tin các nhân chứng. Nhưng đôi khi họ thực sự nhìn thấy điều quan trọng… Đây là chuyên môn của em, Rhyme.”

Amelia Sachs, cảnh sát nhân dân.

“Em sẽ hướng dẫn qua cho anh về việc này. Như anh đã hướng dẫn em đi theo ô để dò hiện trường. Chúng ta sẽ tìm thấy điều gì đó quan trọng.”

Cô đứng lên, đi về phía cửa và gọi, “Kara?”

Phải, anh không tin nhân chứng, ngay cả những người có quan điểm đúng đắn và bản thân không tham gia hành động. Bất kỳ ai liên quan tới một hiện trường tội ác thực sự – nhất là nạn nhân của một vụ bạo lực – hoàn toàn không đáng tin cậy. Ngay cả hiện giờ, nghĩ về chuyến ghé thăm của kẻ sát nhân, tất cả những gì Rhyme có thể thấy là một chuỗi sự kiện ngẫu nhiên – Gã phù thủy

ở đằng sau lưng anh, đứng phủ bóng lên người anh, đốt lửa. Những lưỡi dao lam. Mùi rượu whisky, mùi khói nồng nặc. Anh thậm chí không có được một cảm nhận về trình tự chuyến ghé thăm của kẻ sát nhân.

Ký ức, như Kara đã nói, chỉ là một ảo ảnh.

Một lát sau, cô gái trẻ xuất hiện. "Anh ổn không, Lincoln?"

"Ổn," anh lầm bầm.

Sachs giải thích rằng cô muốn Kara cùng nghe; cô ấy có thể nhận ra điều gì đó có ích trong những lời mà kẻ sát nhân nói. Nữ cảnh sát ngồi xuống lần nữa và kéo chiếc ghế của cô lại gần. "Hãy trở lại đoạn đó đi, Rhyme. Cho em biết chuyện gì đã xảy ra. Chỉ cần nói chung chung thôi."

Anh lưỡng lự, liếc nhìn máy ghi âm. Rồi anh bắt đầu thuật lại những sự kiện như anh nhớ. Gã phù thủy xuất hiện, thừa nhận rằng gã đã ăn cắp đồng phục rồi giết viên cảnh sát, nói với Rhyme về thi thể viên cảnh sát.

Thời tiết đang ấm…

Rồi anh nói, "Có vẻ như gã giả vờ là mình đang biểu diễn còn anh là một bạn diễn của gã." Vẫn còn nghe tiếng lầm bầm lạ lùng của gã trong tâm trí, Rhyme nói, "Anh quả có nhớ lại một chuyện. Gã bị suyễn. Hay ít ra là gã cứ rít lên. Gã thở hổn hển rất nhiều, thì thầm nữa."

"Tốt," Sachs nói. "Em đã quên là gã phát ra tiếng động như thế lúc ở ao nước sau vụ tấn công Marston. Gã còn nói gì nữa?"

Rhyme nhìn lên trần nhà tối tăm của căn phòng cho khách nhỏ bé. Lắc đầu. "Thế thôi. Hoặc là gã đốt anh hoặc là dọa xẻ thịt anh… Ồ, em có tìm thấy lưỡi dao lam nào khi lục soát căn phòng không?"

"Không."

"À, đấy đấy. Anh đang nghĩ chuyện đó – bằng chứng. Anh biết gã đã ném một lưỡi dao lam vào chiếc quần ngủ của anh. Nhưng các bác sĩ không tìm thấy. Nó hẳn đã rơi ra. Thấy không, đó mới là thứ mà em nên tìm kiếm."

"Nó có lẽ không bao giờ rơi xuống quần anh," Kara nói. "Tôi biết

trò đó. Gã đã giấu lưỡi dao lam."

"Quan điểm của tôi là cô không có xu hướng chịu nghe người ta thật kỹ khi có người đang tra tấn cô."

"Coi nào, Rhyme, trở lại đoạn đó đi. Lúc đó là đầu giờ tối. Kara và em đi mua đồ ăn. Anh đang xem các bằng chứng. Thom đưa anh lên lầu. Anh thấy mệt, đúng không?"

"Không," nhà tội phạm học nói. "Anh không mệt. Nhưng anh ta vẫn đưa anh lên."

"Hãy tưởng tượng là anh không thích thú gì chuyện đó."

"Đúng, anh chẳng thích thú gì."

"Vậy là anh lên trên phòng."

Mường tượng ra những ngọn đèn, bóng của những con chim. Thom đang đóng cửa.

"Lúc đó thật yên tĩnh…" Sachs bắt đầu.

"Không, không hề yên tĩnh chút nào. Có một gánh xiếc chết tiệt ở bên kia đường. Dẫu thế nào, anh cũng đã đặt chuông báo thức…"

"Mấy giờ?"

"Anh không biết. Một tiếng. Điều đó có gì khác biệt chứ?"

"Một chi tiết có thể dẫn tới hai chi tiết khác."

Anh cau có. "Câu đấy ở đâu ra vậy, trong một cái bánh may mắn à?"

Cô mỉm cười. "Em tự nghĩ ra. Nhưng nghe có vẻ hay ho đúng không? Hãy dùng câu đó trong cuốn sách mới của anh."

"Anh không viết sách về các nhân chứng," Rhyme nói. "Anh viết sách về bằng chứng." Lại cảm thấy chiến thắng với câu đáp trả đó.

"Giờ, làm sao anh dám chắc là gã đã ở đây từ trước? Anh có nghe thấy gì không?"

"Không, anh cảm thấy một luồng gió. Lúc đầu anh nghĩ đấy là máy điều hòa. Nhưng là gã. Gã đang thổi vào cổ và má anh."

“Chỉ để… Tại sao?”

“Anh đoán là để dọa cho anh sợ. Và nhân đây, điều đó có tác dụng đấy.” Rhyme nhắm mắt lại. Rồi anh gật đầu khi vài ký ức trở lại. “Anh cố gọi cho Lon trên điện thoại. Nhưng gã” – anh liếc nhìn Kara. “Gã bắt được tính toán của anh. Gã dọa giết anh… Không, gã dọa sẽ làm anh mù… nếu anh định gọi người giúp. Anh nghĩ gã sẽ làm thế. Nhưng – chuyện này thật lạ – gã có vẻ bị ấn tượng. Gã khen ngợi anh vì trò đánh lạc hướng…” Giọng anh nhỏ dần khi ký ức của anh trôi vào hư ảo.

“Gã lọt vào bằng cách nào?”

“Gã đi vào cùng viên cảnh sát mang theo bằng chứng từ vụ bắn Grady.”

“Chó chết,” Sellitto nói. “Từ giờ trở đi chúng ta phải kiểm tra giấy tờ tùy thân của bất kỳ ai bước qua cánh cửa chết tiệt đó. Ý tôi là *tất cả mọi người*.”

“Gã nói về việc đánh lạc hướng,” Sachs nói tiếp. “Gã khen ngợi anh. Gã còn nói gì nữa?”

“Anh không biết,” Rhyme lầm bầm. “Không có gì hết.”

“Không có gì hết sao?” Cô hỏi, giọng như thì thầm.

“Anh. Không. Biết.” Lincoln Rhyme nổi giận với Sachs vì cô đang bức bách anh. Vì cô đã không để anh uống một ly nhằm làm dịu đi nỗi kinh hoàng.

Nổi giận nhiều nhất là với chính anh vì đã làm cô thất vọng. Nhưng cô phải hiểu việc bắt anh quay lại nơi đó khó khăn đến thế nào… với những ngọn lửa, với khói luồn vào trong mũi anh và đe dọa lá phổi mong manh của anh…

Đợi đã. Khói…

Lincoln Rhyme nói, “Lửa.”

“Lửa ư?”

“Anh nghĩ rằng đó là điều gã nói tới nhiều nhất. Gã bị ám ảnh với lửa. Có một màn biểu diễn mà gã nhắc tới. Màn… Phải rồi, *Tấm gương cháy*. Là màn đó. Những ngọn lửa ở khắp sân khấu, anh nghĩ thế. Ảo thuật gia phải thoát khỏi chúng. Ông ta biến thành

quỷ sứ. Hay ai đó biến thành quỷ sứ."

Cả Rhyme và Sachs đều nhìn Kara, người đang gật đầu. "Tôi có nghe nói tới. Nhưng đó là một màn hiếm. Cần phải sắp đặt trước rất nhiều và nó cũng khá nguy hiểm. Hầu hết hiện nay các chủ sân khấu sẽ không để nghệ sĩ trình diễn làm trò đó."

"Gã cứ nói mãi về lửa. Về việc đó là thứ mà ta không thể làm giả trên sân khấu. Khán giả của gã nhìn thấy lửa và họ bí mật hy vọng có thể nhà ảo thuật sẽ bị đốt cháy. Đợi đã. Anh nhớ được một chuyện nữa. Gã..."

"Tiếp tục đi, Rhyme, anh đang vào đà rồi."

"Đừng ngắt lời anh," anh nạt. "Anh nói với em là gã cư xử như thể mình đang trình diễn đúng không? Gã có vẻ bị ảo giác. Gã cứ nhìn vào bức tường trống và nói chuyện với ai đó. Như thể, 'Khán giả *gì đó* của tôi.' Anh không nhớ gã gọi họ là gì. Gã là một tên điên."

"Một khán giả tưởng tượng."

"Đúng rồi. Đợi đã... Anh nghĩ đó là 'quý khán giả thân mến.' Nói trực tiếp với họ, 'Quý khán giả thân mến của tôi.'"

Sachs nhìn sang Kara, cô nhún vai. "Chúng tôi luôn nói chuyện với khán giả. Là kiểu nói chuyện liên tục để gây phân tâm. Ngày xưa, các nghệ sĩ trình diễn sẽ gọi họ là 'khán giả trân quý của tôi,' hay 'thưa các quý bà, quý ông thân mến.' Nhưng rồi mọi người nghĩ nói như thế nghe thật rẻ tiền và giả tạo. Việc gọi khán giả giờ ít trang trọng hơn nhiều."

"Kể tiếp xem nào."

"Anh không biết, Sachs. Anh nghĩ anh chỉ biết thế thôi. Mọi thứ khác hoàn toàn mờ ảo."

"Em cá là vẫn còn nữa. Giống như mảnh bằng chứng kia ở hiện trường. Nó ở đó, nó có thể là chìa khóa cho cả vụ án. Anh chỉ phải nghĩ khác đi một chút để tìm ra nó." Cô nghiêng người lại gần Rhyme hơn. "Giả sử đây là phòng ngủ của anh. Anh đang ở trên cái giường Flexicair đó. Gã đã đứng ở đâu?"

Nhà tội phạm học hất đầu. "Đằng kia. Gần cuối giường, đối mặt với anh. Phía bên trái anh, gần với cánh cửa nhất."

"Tư thế của gã ra sao?"

“Tư thế ư? Anh không biết.”

“Thử xem.”

“Anh đoán là đối mặt với anh. Gã liên tục chuyển động tay. Như thể đang phát biểu với công chúng vậy.”

Sachs đứng lên tạo tư thế. “Như thế này hả?”

“Gần hơn.”

Cô lại gần.

“Đúng rồi.”

Tư thế đứng của cô ở đó quả có mang lại một ký ức. “Có một chuyện… Gã nói về các nạn nhân. Gã nói gã giết họ không phải là vì hiềm khích cá nhân.”

“Không có gì cá nhân.”

“Gã giết… Phải, giờ anh nhớ ra rồi. Gã giết họ vì điều mà họ *đại diện*.”

Sachs gật đầu, nguệch ngoạc những ghi chú để bổ sung cho băng ghi âm. “Đại diện ư?” Cô nói. “Điều đó có nghĩa gì?”

“Anh không biết. Một nhạc công, một luật sư, một nghệ sĩ trang điểm. Tuổi khác, giới tính khác, nghề nghiệp khác, nơi ở cũng khác, không có gì kết nối họ với nhau cả. Họ có thể đại diện cho điều gì? Lối sống trung lưu bậc trên, dân đô thị, giáo dục bậc cao… Có thể một trong những điều đó là chìa khóa – kiểu tư duy duy lý khi chọn họ. Ai mà biết được?”

Sachs nhíu mày. “Có gì đó không đúng.”

“Sao cơ?”

Cuối cùng cô cũng nói, “Có điều gì đó không đúng về những gì anh nhớ lại.”

“Chà, có phải là đúng từng từ một đâu. Anh có phải là máy tốc ký chó chết nào đó đâu.”

“Không, ý em không phải thế.” Cô suy nghĩ một phút. Rồi cô gật đầu. “Anh đang *hình tượng hóa* những gì gã nói. Anh đang dùng ngôn ngữ *của anh*, không phải của gã. ‘Dân thành thị.’ ‘Tư duy duy

lý.' Em muốn những lời gã nói."

"Chà, anh không nhớ những lời đó, Sachs. Gã nói gã không có thù hận cá nhân gì với những nạn nhân. Chấm hết."

Cô lắc đầu. "Không, em cá là gã đã không nói thế."

"Ý em là sao?"

"Những kẻ sát nhân *không bao giờ* nghĩ người chúng giết là 'nạn nhân.' Không thể nào. Chúng không bao giờ nhìn họ nhân đạo như thế. Ít ra là những kẻ làm theo mô thức như Gã phù thủy sẽ không như vậy."

"Đó là chuyện nhảm nhí trong lớp tâm lý học vỡ lòng ở trường cảnh sát, Sachs."

"Không, nó là trong thế giới thật. Chúng ta biết họ là nạn nhân, nhưng kẻ thủ ác luôn tin rằng họ đáng phải chết vì lý do này hay lý do khác. Hãy nghĩ về điều đó. Gã không nói 'nạn nhân,' đúng không?"

"Chà, như thế thì có gì khác chứ?"

"Vì gã nói họ đại diện cho điều gì đó và chúng ta phải tìm ra điều đó. Gã gọi họ thế nào?"

"Anh không nhớ."

"Gã không nói là 'nạn nhân.' Điều đó thì em biết. Gã có nói về một người cụ thể nào không? Svetlana, Tony… Còn Cheryl Marston thì sao? Gã gọi cô ấy là người phụ nữ tóc vàng? Hay là luật sư? Gã có nói là người phụ nữ ngực lớn? Em đảm bảo rằng gã không nói là 'dân thành thị.'"

Rhyme nhắm mắt, cố gắng nhớ lại. Cuối cùng anh lắc đầu. "Anh không…"

Và rồi một từ chợt nảy ra với anh.

"'Người cưỡi ngựa.'"

"Sao cơ?"

"Em đã đúng. Từ đó không phải là 'nạn nhân.' Gã gọi cô ấy là 'người cưỡi ngựa.'"

“Tuyệt vời!” Cô nói.

Rhyme cảm thấy một niềm tự hào phi lý bùng phát. “Còn những người khác thì sao?”

“Không, cô ấy là người duy nhất gã nhắc tới.” Rhyme chắc chắn về chuyện này.

Sellitto nói, “Vậy là gã nghĩ các nạn nhân là những người đang làm một việc cụ thể nào đó – đó có thể là hoặc không là công việc thực sự của họ.”

“Đúng,” Rhyme xác nhận. “Chơi nhạc. Trang điểm cho người khác. Cưỡi ngựa.”

“Nhưng chúng ta làm được gì với chuyện này?” Sellitto hỏi.

Và giống như Rhyme đã rất thường xuyên nói với cô, khi cô nêu ra cùng câu hỏi này về bằng chứng ở hiện trường tội ác, cô đáp, “Chúng ta chưa biết, thanh tra. Nhưng đó là một bước gần hơn tới việc hiểu được gã.” Nữ cảnh sát xem lại những ghi chú của cô. “Được rồi, gã làm trò với lưỡi lam, có nhắc tới màn Tấm gương cháy. Gã nói chuyện với quý khán giả thân mến của gã. Gã bị ám ảnh với lửa. Gã chọn một nghệ sĩ trang điểm, một nhạc công và một người cưỡi ngựa để sát hại vì những gì mà họ đại diện – dù cho điều đó có là gì. Anh còn nghĩ được gì khác không?”

Anh lại nhắm mắt. Cố nghĩ kỹ.

Nhưng chỉ thấy những lưỡi dao lam, ngọn lửa, mùi khói.

“Không,” anh nói, nhìn lại cô. “Anh nghĩ chỉ có thế thôi.”

“Được rồi. Tốt, Rhyme.”

Và anh nhận ra tông điệu trong giọng nói của cô.

Anh biết điều đó vì đó là giọng anh vẫn hay nói.

Nó có nghĩa là cô vẫn chưa xong đâu.

Sachs ngẩng lên khỏi những ghi chú của cô và nói chậm rãi, “Anh biết không, anh lúc nào cũng trích dẫn Locard[69].”

---

[69] *Edmond Locard (1877 - 1966), nhà tội phạm học người Pháp, người tiên phong trong khoa học pháp y, được biết đến với cái tên “Sherlock Holmes của*

Pháp."

Rhyme gật đầu khi cô nhắc tới thanh tra pháp y và nhà tội phạm học người Pháp thời kỳ đầu, người đã phát triển nguyên lý sau này được đặt theo tên ông. Quy tắc đó nói rằng ở mỗi hiện trường tội ác luôn có sự trao đổi bằng chứng giữa kẻ thủ ác và nạn nhân hay chính địa điểm, dù ít ỏi tới đâu.

"Em nghĩ là có cả sự trao đổi về tâm lý nữa. Giống như sự tiếp xúc vật chất."

Rhyme cười lớn trước ý tưởng điên rồ đó. Locard là một nhà khoa học; ông hẳn sẽ bác bỏ việc áp dụng nguyên lý của mình cho một điều kém ổn định như tâm lý con người. "Ý em là gì?"

Cô nói tiếp, "Anh không bị bịt miệng trong suốt quãng thời gian đó, đúng không?"

"Không, chỉ vào lúc cuối thôi."

"Vậy điều đó có nghĩa là anh cũng trao đổi điều gì đấy. Anh cũng tham gia vào việc *tương tác*."

"Anh hả?"

"Không phải sao? Không phải là anh cũng nói gì đó với gã sao?"

"Đúng. Nhưng vậy thì sao? Những gì gã nói mới quan trọng."

"Em đang nghĩ gã có thể đã nói gì đó đáp lại anh."

Rhyme quan sát kỹ Sachs. Một vệt bồ hóng hình một phần tư mặt trăng trên má cô, mồ hôi lấm tấm trên môi trên vểnh lên của cô. Cô đang ngồi thẳng người, và dù giọng cô trầm tĩnh, anh có thể cảm nhận được sự căng thẳng vì tập trung trong tư thế của cô. Tất nhiên là cô không biết điều đó, nhưng cô có vẻ đang cảm thấy chính xác những gì mà anh cảm thấy khi anh hướng dẫn cô làm việc ở một hiện trường tội ác cách xa nhiều dặm.

"Hãy nghĩ về điều đó đi, Rhyme," cô nói. "Hãy tưởng tượng rằng anh đang ở một mình với thủ phạm. Không nhất thiết phải là Gã phù thủy. Bất kỳ thủ phạm nào. Anh sẽ nói gì với tên đó? Anh muốn biết điều gì?"

Phản ứng của anh là tiếng thở dài mệt mỏi mà anh xoay xở sao cho nó nghe đầy vẻ yếm thế. Nhưng chắc chắn rồi, câu hỏi của cô

đang nhảy múa trong tâm trí anh. “Anh nhớ rồi!” Anh nói. “Anh hỏi gã gã là ai.”

“Câu hỏi hay đấy. Và gã nói gì?”

“Gã nói gã là một phù thủy… Không, không chỉ là một phù thủy mà là điều gì đấy rất cụ thể.” Rhyme nheo mắt khi anh cố nhớ lại những diễn biến khó chịu đó. “Nó nhắc anh nghĩ tới Phù thủy xứ Oz… Phù thủy độc ác phương Tây.” Anh nhíu mày. Rồi anh nói, “Rồi, nhớ rồi. Gã nói gã là Phù thủy phương Bắc. Anh chắc chắn là thế.”

“Điều đó có ý nghĩa gì với cô không?” Sachs hỏi Kara.

“Không.”

“Gã nói mình có thể trốn thoát khỏi bất kỳ thứ gì. Trừ việc, gã không nghĩ là có thể trốn thoát khỏi chúng ta. Cụ thể là khỏi anh. Gã lo là sẽ bị chúng ta ngăn cản. Đó là lý do gã tới đây. Gã nói phải ngăn anh trước buổi chiều ngày mai. Đó là khi gã sẽ lại bắt đầu giết người nữa.”

“Phù thủy phương Bắc,” Sachs nói, nhìn qua những ghi chú của cô. “Giờ thì…”

Rhyme thở dài. “Anh thực sự nghĩ là hết rồi, Sachs. Giếng. Đã. Cạn.”

Sachs tắt máy ghi âm rồi nghiêng về phía trước với một miếng khăn giấy để lau mồ hôi trên trán anh. “Em hiểu. Giờ em định nói là anh cần một ly rượu. Được không?”

“*Nếu em* hoặc Kara rót,” Rhyme nói với cô. “Đừng để anh ta rót.” Hất đầu về phía Thom.

“Cô có muốn dùng gì không?” Thom hỏi Kara.

Rhyme nói, “Cô ấy sẽ muốn cà phê Ireland, tôi cá thế… Tại sao Starbucks không bán thứ đó nhỉ?”

Kara từ chối rượu nhưng xin một ly cà phê đen Maxwell House hay Folgers.

Sellitto hỏi xem có gì ăn được không bởi món bánh mì kẹp kiểu Cuba của anh đã không sống sót được qua chuyến trở lại căn nhà phố.

Lúc người trợ lý biến mất vào trong bếp, Sachs đưa những ghi chú của cô cho Kara và yêu cầu cô viết ra bất kỳ thứ gì cô nghĩ là có liên quan lên phần bảng của ảo thuật gia. Người phụ nữ trẻ đứng lên và đi vào phòng thí nghiệm.

"Tốt đấy," Sellitto nói với Sachs, "cuộc thẩm vấn ấy. Tôi không biết có trung sĩ nào có thể làm được tốt hơn thế."

Cô gật đầu công nhận mà không cười gì cả, nhưng Rhyme có thể nói là cô hài lòng với lời khen đấy.

Vài phút sau, Mel Cooper bước vào qua ngưỡng cửa, mặt anh cũng bị dính bẩn. Anh giơ lên một cái túi nhựa. "Đây là tất cả bằng chứng từ chiếc Mazda." Trong túi có một thứ giống một tờ bốn trang – một tờ giấy lớn gấp lại – của báo The New York Times. Rõ ràng Sachs không phải là người kiểm tra hiện trường đó; bằng chứng ướt lẽ ra phải được chứa trong hộp giấy hay hộp sợi mắt lưới, chứ không phải túi nhựa, vốn làm rêu mốc tăng trưởng và có thể phá hủy nó nhanh chóng.

"Đây là tất cả những gì họ tìm thấy hả?" Rhyme hỏi.

"Cho tới giờ. Họ vẫn chưa đưa được chiếc xe lên. Như thế quá nguy hiểm."

Rhyme hỏi anh, "Anh có xem được ngày không?"

Cooper kiểm tra tờ báo sũng nước. "Từ hai ngày trước."

"Vậy thì nó phải là của Gã phù thủy," Rhyme lưu ý. "Chiếc xe bị đánh cắp trước đó. Tại sao lại có người chỉ giữ một mảnh mà không phải toàn bộ tờ báo?" Câu hỏi đó, như nhiều câu hỏi khác của Rhyme, chỉ là câu hỏi tu từ và anh không bận lòng để người khác có cơ hội trả lời. "Vì trong đó có một bài báo quan trọng với gã. Và vì thế có thể quan trọng với chúng ta. Tất nhiên, gã có thể là một tên già dâm ô và thích các quảng cáo của Victoria's Secret. Nhưng ngay cả điều đó cũng là thông tin có ích. Anh có đọc được gì trên đó không?"

"Không. Và tôi không muốn mở nó ra lúc này. Quá ướt."

"Được rồi, đưa nó tới chỗ phòng thí nghiệm tài liệu đi. Nếu họ không mở nó ra được thì ít ra họ có thể chụp lại các dòng tít bằng máy hồng ngoại."

Cooper sắp xếp để một người đưa tin đưa mẫu tới phòng thí

nghiệm tội phạm NYPD ở Queens rồi gọi cho người đứng đầu bộ phận giám định tài liệu để xúc tiến việc phân tích. Anh biến mất vào trong phòng thí nghiệm để chuyển tờ báo sang một chỗ chứa tốt hơn.

Thom quay lại cùng mấy món đồ uống và một đĩa bánh mì kẹp, Sellitto tấn công ngay lập tức.

Vài phút sau, Kara trở lại, vui vẻ cầm cốc cà phê lên. Khi bắt đầu đổ đường vào, cô nói với Sachs, "Tôi đã viết những thứ chúng ta tìm được về gã trên bảng? Và tôi nảy ra một ý. Nên tôi gọi một cú điện thoại. Tôi nghĩ là tôi đã biết tên thật của gã."

"Ai cơ?" Rhyme hỏi, nhấp ngụm whisky tuyệt diệu của anh.

"À, Gã phù thủy."

Tiếng lanh canh mờ nhạt khi Kara khuấy đường trong cốc cà phê trở thành âm thanh duy nhất trong căn phòng bỗng trở nên im lặng như tờ.

Chương hai mươi tám

Cô biết tên gã rồi hả?" Sellitto hỏi. "Gã là ai?"

"Tôi nghĩ gã là một người đàn ông tên Erick Weir."

"Đánh vần thế nào?" Rhyme hỏi.

"W-E-I-R." Thêm đường vào cốc. Rồi cô nói tiếp. "Gã là một người trình diễn, một ảo thuật gia từ vài năm trước. Tôi đã gọi cho ông Balzac – không ai rành về nghề này bằng ông ấy. Và tôi đã cho ông ấy biết hồ sơ lập được và kể với ông ấy những chuyện gã đã nói với Lincoln tối nay. Gã có phần hơi lạ lùng – nếu không muốn nói là điên rồ." Cô liếc Sachs. "Thái độ của ông ấy sáng nay. Lúc đầu ông ấy không muốn giúp. Nhưng cuối cùng ông ấy bình tĩnh lại và nói với tôi là nghe có vẻ giống Weir."

"Tại sao?" Sachs hỏi.

"À, vì khoảng tuổi đó. Ngoài năm mươi. Và Weir nổi tiếng với những tiết mục nguy hiểm. Trò nhanh tay lẹ mắt với dao lam và dao. Gã cũng là một trong số ít người từng thực hiện màn *Tấm gương cháy*. Còn nhớ tôi đã nói các ảo thuật gia luôn chuyên môn hóa không? Rất khác thường khi một nghệ sĩ trình diễn giỏi quá nhiều trò khác nhau – tạo ảo giác, trốn thoát, biến y, nhanh tay lẹ mắt, thậm chí cả nói bụng và thao túng tâm lý nữa? Weir làm tất cả những trò đó. Và gã là một chuyên gia về Houdini. Một số điều gã làm cuối tuần này là các tiết mục của Houdini, hay dựa trên các tiết mục đó.

"Rồi những gì gã nói nữa – về tay phù thủy. Có một ảo thuật gia hồi những năm 1800, John Henry Anderson[70]. Ông ấy tự gọi mình như thế – Phù thủy phương Bắc. Ông ấy rất tài năng. Nhưng ông ấy không gặp may mắn với lửa. Buổi diễn của ông ấy từng suýt tan nát vài lần. David nói với tôi rằng Weir đã bị bỏng nặng trong một vụ hỏa hoạn ở rạp xiếc."

[70] John Henry Anderson (1814 - 1874), ảo thuật gia chuyên nghiệp người Scotland, một trong những người đầu tiên đưa các màn biểu diễn đường phố lên sân khấu chính thức.

"Những vết sẹo," Rhyme nói. "Nỗi ám ảnh với lửa."

"Vậy có vẻ giọng của gã như vậy không phải là do bị suyễn," Sachs gợi ý. "Lửa có thể đã phá hủy phổi hoặc thanh quản của gã."

"Vụ tai nạn của Weir xảy ra khi nào?" Sellitto hỏi.

"Ba năm trước. Lều rạp mà gã diễn thử trong đó bị phá hủy và vợ Weir chết. Họ vừa mới kết hôn. Không có ai khác bị thương đáng kể."

Đó là một đầu mối tốt. "Mel!" Rhyme hét, quên mất những lo ngại của anh về việc gây tổn hại cho lá phổi. "Mel!"

Một lát sau, Cooper bước vào. "Khá hơn chưa, tôi nghe rồi."

"Tìm trên Lexis/Nexis, VICAP, NCIC và các bộ dữ liệu bang. Chi tiết về Erick Weir. W-E-I-R. Nghệ sĩ trình diễn, người tạo ảo giác, ảo thuật gia. Gã có thể là nghi phạm của chúng ta."

Kara bổ sung, "Tên đánh vần là E-R-I-C-K."

"Anh đã tìm ra tên gã hả?" Người kỹ thuật viên hỏi, lấy làm ấn tượng.

Một cái hất đầu về phía Kara. *"Cô ấy."*

"Trời."

Sau vài phút, Cooper trở lại với mấy tờ giấy in. Anh lật nhanh qua chúng khi nói với cả nhóm. "Không có gì nhiều," anh nói. "Có vẻ như gã che giấu mọi thứ về cuộc đời mình. Erick Albert Weir. Sinh ở Las Vegas, tháng Mười năm 1950. Gần như không có gì về thời thanh niên. Weir làm việc cho rất nhiều rạp xiếc, sòng bạc và công ty giải trí trong vai trò trợ lý rồi gã tự hành nghề trong vai trò ảo thuật gia và nghệ sĩ biến y. Kết hôn với Marie Cosgrove ba năm trước. Ngay sau đó gã xuất hiện ở gánh xiếc Thomas Hasbro và The Keller Brothers tại Cleveland. Trong một buổi diễn thử, trận hỏa hoạn xảy ra. Lều bị phá hủy. Gã bị bỏng nặng – độ ba – còn vợ gã thiệt mạng. Không còn thông tin gì về gã sau đó."

“Lần theo gia đình Weir.”

Sellitto nói anh sẽ chịu trách nhiệm việc đó. Do Bedding và Saul đang rất bận, viên thanh tra gọi một số thanh tra khác thuộc đội điều tra án giết người ở tổng hành dinh và giao việc cho họ.

“Còn vài điều nữa,” Cooper nói, lật qua những tờ giấy in. “Vài năm trước trận hỏa hoạn, Weir bị bắt và bị kết tội gây nguy hiểm do bất cẩn ở New Jersey. Tù ba mươi bảy ngày. Một khán giả bị bỏng nặng khi có sai sót xảy ra trên sân khấu. Rồi có một số vụ kiện dân sự của các quản lý vì hư hại nhà hát và thương tật của nhân viên và một số vụ kiện Weir vì phá vỡ hợp đồng. Trong một buổi diễn, người quản lý phát hiện ra Weir dùng súng và đạn thật trong một tiết mục. Weir không chịu thay đổi màn đó nên người quản lý sa thải gã.” Lại đọc thêm nữa. Rồi người kỹ thuật viên nói tiếp, “Tôi tìm được trong một bài báo tên hai trợ lý làm việc với gã vào lúc xảy ra vụ hỏa hoạn. Một ở Reno và một ở Las Vegas. Tôi có số của họ từ Cảnh sát bang Nevada.”

“Lúc này ở bên họ vẫn còn sớm,” Rhyme chỉ ra, liếc về phía đồng hồ. “Bật loa lên đi, Thom.”

“Không, sau mọi thứ tối nay anh cần nghỉ ngơi một chút.”

“Chỉ hai cuộc điện thoại thôi. Rồi tới giờ ngủ. Hứa đấy.”

Người trợ lý cân nhắc.

“Làm ơn và cảm ơn hả?”

Thom gật đầu rồi biến mất. Một lát sau anh trở lại với chiếc điện thoại, cắm vào, để nó trên chiếc bàn cạnh giường ngủ gần chỗ Rhyme. “Mười phút thôi rồi tôi rút dây ra đấy,” người trợ lý nói với đủ sự đe dọa để khiến Rhyme tin là anh sẽ làm thế.

“Được thôi.”

Sellitto ăn xong chiếc bánh kẹp và ấn số người trợ lý thứ nhất trong danh sách của Cooper. Giọng ghi âm từ vợ của Arthur Loesser trả lời và thông báo rằng gia đình họ đang không có nhà nhưng xin để lại lời nhắn. Sellitto làm theo rồi gọi cho người trợ lý thứ hai.

John Keating trả lời ngay sau tiếng reo đầu tiên và Sellitto giải thích họ đang trong một cuộc điều tra và có vài câu hỏi cho anh ta. Một quãng im lặng rồi một giọng lo lắng vang lên trên chiếc loa

nhỏ xíu. “Ừm, có chuyện gì vậy? Là cảnh sát thành phố New York à?”

“Đúng.”

“Được. Tôi đoán là được.”

Sellitto hỏi, “Anh từng làm việc cho một người tên là Erick Weir, đúng không?”

Im lặng một lát. Rồi người đàn ông lắp bắp liên hồi. “Anh Weir ư? À, ừ, hừm. Quả thế. Tại sao?” Giọng nói đó bứt rứt và cao. Anh ta nói nghe như thể vừa uống cả chục ly cà phê.

“Anh có tình cờ biết anh ta ở đâu không?”

“Tôi muốn hỏi tại sao quý vị lại hỏi tôi về anh ấy?”

“Chúng tôi muốn nói chuyện với anh ta về một vụ điều tra hình sự.”

“Ôi, Chúa ơi… Về chuyện gì? Quý vị muốn tìm anh ta về chuyện gì?”

“Chúng tôi chỉ có vài câu hỏi chung thôi,” Sellitto nói. “Gần đây anh có liên lạc với anh ta không?”

Một khoảng lặng. Đây là khi người đàn ông lo lắng này hoặc sẽ nói hết hoặc sẽ bỏ chạy, Rhyme biết điều đó.

“Thưa anh?” Sellitto hỏi.

“Hay thật, được rồi. Vậy là anh hỏi tôi, ý tôi là hỏi tôi về anh ta.” Những từ đó lanh canh như tiếng đá cẩm thạch va vào kim loại. “Thế này nhé. Tôi sẽ nói cho anh biết. Tôi đã không nghe tin gì về anh Weir nhiều năm rồi. Tôi nghĩ anh ta đã chết. Có vụ hỏa hoạn ở Ohio, đó là lần cuối cùng chúng tôi làm với nhau. Anh ta bị bỏng. Rất nặng. Anh ta biến mất và tất cả chúng tôi đều nghĩ anh ta đã chết. Nhưng có lẽ là sáu hay bảy tuần trước, anh ta gọi.”

“Từ đâu?” Rhyme hỏi.

“Tôi không biết. Anh ta không nói. Tôi cũng không hỏi. Người ta thường không hay nghĩ tới việc hỏi một ai đó xem họ gọi từ đâu. Không phải điều đầu tiên. Ta chỉ đơn giản là không nghĩ tới chuyện đó. Anh có bao giờ hỏi thế không?”

Rhyme hỏi, “Anh ta muốn gì?”

“Được rồi, được rồi. Anh ta muốn biết liệu tôi có còn liên lạc với ai ở rạp xiếc nơi vụ hỏa hoạn xảy ra không. Rạp của gánh Hasbro. Nhưng là ở Ohio. Từ ba năm trước. Và Hasbro bây giờ thậm chí còn giải tán rồi. Sau vụ hỏa hoạn, người chủ dẹp gánh xiếc và rạp chuyển sang diễn thứ khác. Tại sao tôi lại duy trì liên lạc với bất kỳ ai ở đó chứ? Tôi đang ở Reno. Tôi nói tôi không có. Và anh ta trở nên rất khó chịu, anh biết đấy.”

Rhyme lại nhíu mày.

Sachs gợi ý, “Giận dữ hả?”

“Ồ, chết tiệt. Phải rồi.”

“Tiếp đi,” Rhyme nói, cố kiềm sự nóng ruột. “Cho chúng tôi biết anh ta còn nói gì nữa.”

“Chỉ thế thôi. Tất cả chỉ có thế. Tôi vừa nói với anh đấy. Ý tôi là có những chuyện lặt vặt khác. À, anh ta vẫn ăn nói kiểu cộc lốc như thế. Y như ngày xưa… Anh biết anh ta làm gì khi gọi tới không?”

“Làm gì?” Rhyme khuyến khích người kia.

“Tất cả những gì anh ta nói là, ‘Erick đây.’ Không ‘Xin chào.’ Không ‘À, John, anh khỏe không? Nhớ tôi không?’ Không hề. Chỉ ‘Erick đây.’ Tôi đã không nói chuyện với anh ta từ vụ hỏa hoạn. Và anh ta nói gì chứ? ‘Erick đây.’ Ngần ấy năm trời từ khi tôi thoát khỏi anh ta, làm việc cật lực để thoát khỏi… và rồi như thể là tôi chưa từng thoát ra vậy. Tôi biết là mình không làm gì sai. Ấy vậy mà anh ta vẫn nói như thể là tôi có lỗi. Như thể là tôi đã nhận đặt hàng của khách, rồi lại mang cho họ món mà họ không gọi vậy. Nhưng mọi người đều biết chuyện gì đã xảy ra – họ đổi ý và nói như thể là ta làm sai. Là lỗi của ta và ta là người gặp rắc rối.”

Sachs nói tiếp, “Anh có thể cho tôi biết điều gì đó về anh ta nói chung không? Những bạn bè khác, những nơi anh ta thích tới, những sở thích.”

“Chắc chắn rồi,” giọng anh ta trở nên gắt gỏng. “Tất cả những chuyện đó chỉ gói gọn trong hai chữ: ảo thuật.”

“Sao cơ?” Rhyme hỏi.

“Đó là bạn bè của anh ta, là nơi anh ta thích tới, là sở thích. Anh

hiểu ý tôi không? Không có gì khác nữa. Anh ta hoàn toàn chìm đắm trong việc đó."

Sachs cố một lần nữa. "À, còn về thái độ của anh ta với mọi người thì sao? Quan điểm của anh ta thế nào? Anh ta nghĩ về mọi thứ ra sao?"

Một khoảng im lặng dài. "Năm mươi phút mỗi lần, hai lần mỗi tuần trong ba năm, tôi đã cố gắng hiểu anh ta và tôi không thể. Trong *ba* năm đấy. Và anh ta vẫn làm tôi tổn thương. Tôi..." Keating tuôn ra một tràng cười nghiệt ngã, đáng sợ. "Anh hiểu không. Tôi nói 'tổn thương.' Ý tôi là 'ám ảnh.' Anh ta vẫn ám tôi. Như thế Freud[71] tới cỡ nào? Tôi sẽ có gì đó để chia sẻ vào thứ Hai tới lúc chín giờ sáng, đúng không? Anh ta vẫn ám ảnh tôi và tôi không hề biết quan điểm sống chết tiệt của anh ta là gì."

---

[71] Nguyên văn là "Freudian" – liên quan tới những quan điểm và phương pháp của Sigmund Freud, đặc biệt là về cái cách mà con người che giấu suy nghĩ và cảm xúc có ảnh hưởng lên hành động của họ.

Rhyme có thể thấy cả nhóm đã phát chán với những tràng lan man của gã này. Anh nói, "Chúng tôi nghe nói vợ anh ta đã chết trong vụ hỏa hoạn. Anh có biết gì về gia đình cô ấy không?"

"Marie hả? Không, họ lấy nhau chỉ một, hai tuần trước vụ hỏa hoạn. Họ thực sự yêu nhau. Chúng tôi nghĩ cô ấy sẽ giúp anh ta bình tĩnh lại. Khiến anh ta ít ám chúng tôi hơn. Chúng tôi đã hy vọng thế. Nhưng chúng tôi chưa bao giờ thực sự biết rõ cô ấy."

"Anh có thể cho chúng tôi tên của bất kỳ ai có thể biết gì đó về anh ta không?"

"Art Loesser là trợ thủ thứ nhất. Tôi là thứ hai. Chúng tôi là người sai vặt của anh ta. Họ gọi chúng tôi là 'những cậu bé của Erick.' Ai cũng gọi thế."

Rhyme nói, "Chúng tôi đã gọi Loesser rồi. Còn ai không?"

"Người duy nhất tôi có thể nghĩ tới là giám đốc rạp Hasbro lúc bấy giờ. Tên ông ấy là Edward Kadesky. Ông ấy hiện là một nhà sản xuất ở Chicago, tôi nghĩ thế."

Sellitto ghi lại tên đó. Rồi hỏi, "Weir có bao giờ gọi lại không?"

"Không. Nhưng anh ta không cần gọi lại. Chỉ năm phút sau là anh

ta lại kiếm chuyện. Gây tổn thương và ám ảnh."

Erick đây…

"Nghe này, tôi phải đi rồi. Tôi phải là bộ đồng phục. Tôi làm việc ca sáng Chủ nhật. Ca đấy đông khách lắm."

Sau khi họ gác máy, Sachs đi tới chỗ loa và nhấn nút ngắt kết nối. "Bạn cùng nghề thế đấy," cô lầm bầm.

"Anh ta cần thêm thuốc an thần," Sellitto nhận xét.

"Ít ra thì chúng ta có một đầu mối," Rhyme nói. "Hãy lần theo tay Kadesky đó."

Mel Cooper biến mất vài phút và khi trở lại, anh có một tờ giấy in bộ dữ liệu của các công ty sân khấu. Kadesky Productions có văn phòng ở đường South Wells, thành phố của gió[72]. Sellitto gọi một cuộc và không có gì ngạc nhiên, vào tối muộn thứ Bảy thế này, cuộc gọi được chuyển qua máy trả lời tự động. Anh để lại lời nhắn.

---

[72] *Biệt danh của Chicago.*

Sellitto nói, "Được rồi. Weir gây chuyện với trợ lý của gã. Gã bất ổn. Gã làm người trong đám khán giả bị thương và giờ gã là một kẻ giết người hàng loạt. Nhưng điều gì khiến gã trở nên như vậy chứ?"

Sachs nhìn lên. "Hãy gọi cho Terry."

Terry Dobyns là một chuyên gia tâm lý học của NYPD. Có vài người như thế trong lực lượng cảnh sát, nhưng Dobyns là người phân tích hành vi duy nhất, một kỹ năng anh đã được học và rèn giũa ở FBI tại Quantico, Virginia. Nhờ báo chí và tiểu thuyết phổ thông, dư luận được nghe rất nhiều về việc lập hồ sơ tâm lý và giá trị của nó – nhưng Rhyme cảm thấy điều đó chỉ đúng với một số loại tội phạm hạn chế. Nhìn chung không có gì bí ẩn về cách vận hành của tâm trí một thủ phạm. Nhưng trong những vụ mà động cơ là bí ẩn và mục tiêu tiếp theo của gã là khó phán đoán, việc lập hồ sơ tâm lý có thể có giá trị. Nó giúp các điều tra viên tìm được những người cung cấp thông tin hay các cá nhân có thể quen biết nghi phạm, phán đoán hành động tiếp theo của gã, giăng bẫy ở những chỗ thích hợp, đặt mai phục hoặc tìm kiếm những tội ác tương tự trong quá khứ.

Sellitto lướt qua danh mục các số điện thoại của NYPD và gọi cho số của Dobyns.

“Terry.”

“Lon. Tôi đang bật loa đấy. Tôi đoán là Lincoln cũng ở đây.”

“Ừ,” Rhyme xác nhận. Anh quý Dobyns, người đầu tiên anh thấy khi tỉnh lại sau tai nạn cột sống. Rhyme nhớ là người đàn ông đó thích bóng bầu dục, opera và các bí ẩn trong tâm trí con người ở mức độ gần tương đương nhau – tất cả đều đầy đam mê.

“Xin lỗi vì đã muộn thế này,” Sellitto nói, nghe không hề có vẻ hối lỗi chút nào. “Nhưng chúng tôi cần hỗ trợ trong một vụ giết người hàng loạt. Chúng tôi đã có tên nghi phạm nhưng không có thêm gì hơn nữa.”

“Có phải vụ báo chí đang đưa tin không? Giết sinh viên âm nhạc sáng nay? Và viên cảnh sát tuần tra nữa?”

“Đúng rồi. Gã cũng đã giết một nghệ sĩ trang điểm và tìm cách giết một người cưỡi ngựa. Vì những gì mà gã cho là họ đại diện. Hai phụ nữ, một người đàn ông đồng tính. Không có gì liên quan tới tình dục. Chúng tôi đang lạc lối. Và gã nói với Lincoln là sẽ bắt đầu lại vào chiều mai.”

“Gã nói với Lincoln sao? Qua điện thoại? Hay qua thư?”

“Trực tiếp,” Rhyme nói.

“Hừm. Đấy hẳn phải là một cuộc nói chuyện ra trò.”

“Anh không biết đâu.”

Sellitto và Rhyme nói qua với anh những tội ác của Weir và những gì họ biết được về gã.

Dobyns hỏi hàng loạt câu hỏi. Rồi anh im lặng một lát và cuối cùng nói, “Tôi thấy có hai lực lượng trong gã. Nhưng chúng gia cố cho nhau và dẫn tới cùng kết quả… Gã vẫn còn biểu diễn chứ?”

“Không,” Kara nói. “Gã đã không biểu diễn nữa từ vụ hỏa hoạn. Không có màn nào mà người ta biết tới.”

“Biểu diễn trước công chúng,” Dobyns nói, “là một trải nghiệm rất căng thẳng. Nó rất hấp dẫn, nên khi một người đã từng thành công bị từ chối điều đó, thì mất mát là rất lớn. Các diễn viên và

nhạc sĩ – cả các ảo thuật gia nữa, tôi cho là thế – có xu hướng định nghĩa họ thông qua chính sự nghiệp của mình. Nên trận hỏa hoạn về cơ bản đã xóa sổ con người cũ của gã."

Người đàn ông biến mất, Rhyme nhớ lại.

"Điều đó có nghĩa là giờ động cơ của gã không phải là tham vọng thành công hay làm hài lòng khán giả hay sự tận hiến cho nghề nghiệp, mà là sự giận dữ. Và điều đó tăng lên bởi một lực thứ hai: trận hỏa hoạn làm gã biến dạng và hủy hoại phổi của gã. Là một người của công chúng, gã đặc biệt tự ý thức về những dị dạng đó. Chúng nhân cơn giận lên theo cấp logarit. Chúng tôi gọi đó là hội chứng *Bóng ma trong nhà hát*. Gã sẽ nhìn nhận mình là một kẻ biến thái."

"Vậy là gã muốn trả thù?"

"Phải, nhưng không nhất thiết là theo nghĩa đen: trận hỏa hoạn đã giết chết gã – con người cũ của gã – và bằng cách giết người khác, gã cảm thấy khá hơn; nó làm giảm sự lo lắng và giận dữ dâng cao trong gã."

"Tại sao lại là những nạn nhân này?"

"Không thể nào biết được. 'Những gì họ đại diện.' Nói lại xem họ làm gì?"

"Sinh viên âm nhạc, nghệ sĩ trang điểm và một luật sư dù gã gọi cô ta là một người cưỡi ngựa."

"Có điều gì đó về họ đụng chạm tới cơn giận dữ của gã. Tôi không biết điều đó có thể là gì – chưa biết, chưa biết nếu không có thêm thông tin. Câu trả lời theo sách giáo khoa là mỗi người đó đã dành cuộc đời của họ cho việc mà Weir coi là 'những khoảnh khắc thử thách.' Những thời điểm quan trọng làm thay đổi cuộc đời. Có thể vợ gã là một nhạc công hay họ gặp nhau ở một nhạc hội. Nghệ sĩ trang điểm – đó có thể là một vấn đề với bà mẹ. Lấy ví dụ, những lúc duy nhất mà gã thấy hạnh phúc khi ở cùng bà ta có thể là khi gã còn là một cậu bé ngồi trong phòng tắm và nhìn mẹ trang điểm. Còn những con ngựa ư? Ai mà biết được? Có thể gã và cha từng đi cưỡi ngựa một lần và gã thích việc đó. Niềm hạnh phúc trong những khoảnh khắc như thế đã bị tước đoạt khỏi gã vì trận hỏa hoạn và gã nhắm vào những người nhắc nhở gã nhớ tới những thời điểm đó. Hay cũng có thể là ngược lại; gã có những mối liên hệ tồi tệ với những gì mà các nạn nhân đại diện. Anh nói là vợ gã chết trong một buổi diễn thử. Có thể có nhạc chơi lúc đó."

“Gã sẽ trải qua ngần ấy rắc rối, theo đuôi họ, lên những kế hoạch tỉ mỉ để tìm thấy và giết họ sao?” Rhyme hỏi. “Những việc đó hẳn phải mất nhiều tháng.”

“Gã phải thỏa mãn được nỗi ám ảnh của mình,” Dobyns nói. “Một việc nữa, Terry. Gã dường như luôn nói chuyện với một khán giả tưởng tượng… Đợi đã, tôi nghĩ là một ‘quý khán giả kính mến.’ Nhưng tôi vừa nhớ lại – là ‘thân mến.’ Gã nói với họ như thể họ thực sự có mặt ở đó. ‘Giờ, thưa quý khán giả thân mến, chúng ta sẽ làm chuyện này hay chuyện kia.’”

“‘Thân mến,’” nhà tâm lý học nói. “Điều đó quan trọng đấy. Sau khi sự nghiệp của gã và người mà gã yêu thương bị lấy mất, gã đã chuyển sự thân thương, tình yêu đó cho khán giả – một đám đông tưởng tượng. Những người thích các nhóm hay đám đông có thể lạm dụng bạo lực, thậm chí gây nguy hiểm, với những cá nhân đơn lẻ khác. Không chỉ là người lạ mà cả bạn đời, vợ, con, và gia đình họ nữa.”

John Keating, Rhyme nhớ lại, thực sự nghe giống một đứa trẻ đã bị cha mình bạo hành.

Dobyns nói tiếp, “Và trong trường hợp của Weir, kiểu tư duy này thậm chí còn nguy hiểm hơn vì gã không nói chuyện với khán giả thật sự, mà chỉ với khán giả tưởng tượng mà thôi. Tôi cho rằng như vậy có nghĩa là những con người thực không hề có giá trị gì với gã. Gã không gặp chút vấn đề nào trong việc sát hại người khác ngay cả là một số lượng lớn. Gã này là một ca khó đấy.”

“Cảm ơn, Terry.”

“Nếu bắt được gã, hãy cho tôi biết nhé. Tôi muốn được gặp.” Sau khi họ gác máy, Sellitto bắt đầu, “Có lẽ chúng ta có thể…”

“Đi ngủ nào,” Thom nói.

“Hả?” Viên thanh tra hỏi.

“Và đó không phải là một câu hỏi “có thể” hay không. Đó là một câu khẳng định. Anh phải đi ngủ, Lincoln. Và mọi người khác phải về. Anh nhìn thật nhợt nhạt và mệt mỏi. Không được có biến cố tim mạch hay thần kinh nào trong phiên trực của tôi. Nếu anh còn nhớ, tôi đã muốn anh đi ngủ từ mấy tiếng trước rồi.”

“Được rồi, được rồi,” Rhyme chịu thua. Thực ra, anh đã mệt thật. Và dù anh sẽ không chịu thừa nhận với bất kỳ ai, trận hỏa hoạn đã

làm anh cực kỳ sợ hãi.

Cả nhóm rời đi. Kara tìm áo khoác của cô và khi cô mặc vào, Rhyme thấy cô buồn bực một cách rõ ràng.

"Cô ổn chứ?" Sachs hỏi cô.

Một cái nhún vai tỏ vẻ không quan tâm. "Tôi phải nói với ông Balzac lý do tôi cần hỏi ông ấy về Weir. Ông ấy bực lắm. Tôi sẽ phải chuộc lỗi."

"Chúng tôi sẽ viết một tin nhắn cho ông ấy," Sachs đùa nhẹ nhàng, "xin phép để cô nghỉ học."

Cô gái mỉm cười mệt mỏi.

Rhyme gọi ra, "Quên tin nhắn đi. Nếu không có cô, chúng tôi sẽ không thể biết hung thủ là ai. Hãy bảo ông ấy gọi cho tôi. Tôi sẽ xử lý chuyện này."

Kara nói yếu ớt, "Cảm ơn."

"Cô sẽ không về lại cửa hàng chứ, đúng không?" Sachs hỏi.

"Chỉ một lát thôi. Ông Balzac không xử lý được các việc chi tiết ở cửa hàng. Tôi sẽ phải ghi lại hóa đơn. Và cho ông ấy xem tiết mục của tôi vào ngày mai."

Rhyme không ngạc nhiên với việc cô sẽ làm những gì mà người đàn ông đó yêu cầu. Anh để ý thấy là cô nói ông Balzac. Đôi khi gọi ông ấy là "David." Nhưng không phải lúc này. Điều này gợi lại những gì họ đã nghe trước đó: bất chấp việc Gã phù thủy suýt nữa thì hủy hoại cuộc đời của John Keating, tay trợ lý đã nói tới kẻ sát nhân với cùng cách gọi kính trọng như thế. Sức mạnh của người thầy với người học việc của họ…

"Về nhà đi," nữ cảnh sát khăng khăng. "Ý tôi là, Chúa ơi, hôm nay cô đã bị đâm chết cơ mà."

Một tiếng cười yếu ớt nữa, đi kèm là một cái nhún vai. "Tôi sẽ không ở đó lâu đâu." Cô dừng lại ở bậc cửa. "Tôi có buổi diễn vào buổi chiều. Nhưng tôi sẽ trở lại vào sáng mai nếu quý vị cần."

"Chúng tôi rất cảm ơn," Rhyme nói. "Dù sao chúng tôi cũng sẽ cố gắng tóm được tên Weir trước bữa trưa để cô không phải ở lại đây lâu."

Thom đưa cô ra hành lang rồi qua cửa trước.

Sachs bước ra cửa và hít vào bầu không khí ám khói. “Phù,” cô thở ra. Rồi biến mất trên những cầu thang. “Em đi tắm,” cô nói.

Mười phút sau, Rhyme nghe tiếng cô bước xuống lầu. Nhưng cô không lên giường với anh ngay. Từ những phía khác nhau trong căn nhà vang lên những tiếng cót két, những lời thì thầm với Thom. Cuối cùng cô trở lại phòng cho khách. Cô mặc bộ đồ ngủ yêu thích nhất – áo phông đen và quần soóc lụa – nhưng có thêm hai phụ kiện không điển hình cho đồ ngủ. Khẩu súng ngắn Glock và ngọn đèn pin hình trụ dài màu đen.

Cô để cả hai lên bàn cạnh giường ngủ.

“Gã lọt vào đây quá dễ dàng,” cô nói, leo lên giường nằm cạnh anh. “Em đã kiểm tra từng góc một trong nhà, chặn tất cả các cánh cửa và nói với Thom là nếu anh ấy nghe thấy bất kỳ tiếng động gì thì cứ hét lên – nhưng hãy cảnh giác. Em đang muốn bắt ai đó, nhưng em thật sự muốn đó không phải là gã.”

II
PHƯƠNG PHÁP

Chủ nhật, ngày 21 tháng Tư

“Một hiệu ứng ảo thuật cũng giống một sự cám dỗ. Cả hai đều dựa trên những chi tiết tỉ mỉ được cài cắm vào trong tâm trí của đối tượng.”

– Sol Stein

Chương hai mươi chín

Sáng Chủ nhật trôi qua đầy thất vọng khi cuộc tìm kiếm Erick Weir vẫn giậm chân tại chỗ.

Nhóm biết được rằng sau trận hỏa hoạn ở Ohio, tay ảo thuật gia đã ở lại khoa bỏng của một bệnh viện địa phương trong vài tuần rồi tự ý rời đi, không chính thức làm thủ tục xuất viện. Có hồ sơ cho thấy gã đã bán căn nhà ở trung tâm Las Vegas không lâu sau đó, nhưng không có hồ sơ về việc mua một căn nhà khác. Tuy nhiên, Rhyme ngờ rằng trong một thành phố toàn xài tiền mặt như thế, người ta có thể dễ dàng mua được một chốn nho nhỏ trên sa mạc bằng một đống giấy bạc mà không cần phải hỏi gì cũng không cần giấy tờ chính thức.

Nhóm xoay xở tìm được mẹ người vợ quá cố của Weir. Nhưng bà Cosgrove không biết gã ở đâu. Gã chưa bao giờ liên lạc với họ sau tai họa đó để gửi lời chia buồn về cái chết của con gái họ. Tuy nhiên, bà nói là mình cũng không ngạc nhiên. Bà giải thích rằng Weir là một kẻ ích kỷ, độc ác, kẻ đã trở nên ám ảnh với đứa con gái nhỏ của bà và cuối cùng thôi miên nó khiến nó lấy gã. Không ai trong gia đình Cosgrove có liên lạc gì với Weir.

Cooper tập hợp những thông tin còn lại từ những lần tìm kiếm trên máy tính về Weir, nhưng không có gì nhiều. Không có báo cáo nào trên VICAP hay NCIC. Không có chi tiết gì khác thêm về gã, các cảnh sát lần theo gia đình Weir chỉ tìm thấy thông tin là cha mẹ gã đều đã chết, rằng gã là con một và không có người thân trực hệ nào có thể xác định được.

Đến cuối buổi sáng, người trợ lý kia của Weir, Art Loesser, gọi lại cho họ từ Las Vegas. Anh ta không ngạc nhiên khi biết sếp cũ có liên quan tới một tội ác và nói lại những gì họ đã biết: rằng Weir là một trong những ảo thuật gia xuất sắc nhất thế giới, nhưng gã quá coi trọng nghề nghiệp đó và nổi tiếng với những màn ảo thuật nguy hiểm cùng tính khí cáu bẳn. Loesser vẫn còn gặp ác mộng về

thời làm tập sự cho gã.

Tôi nói "tổn thương." Ý tôi là "ám ảnh." Anh ta vẫn còn ám tôi.

"Tất cả những trợ lý trẻ đều chịu ảnh hưởng của người thầy," Loesser nói với nhóm qua loa. "Nhưng người trị liệu tâm lý cho tôi nói rằng trong trường hợp của Weir, chúng tôi bị anh ta thôi miên."

Vậy là cả hai người họ đều đi trị liệu.

"Anh ta nói rằng việc ở cùng Weir tạo ra một mối quan hệ theo kiểu hội chứng Stockholm. Anh biết điều đó không?"

Rhyme nói anh biết – đó là khi con tin hình thành mối quan hệ gần gũi, thậm chí thấy quý mến và yêu thương kẻ bắt cóc.

"Lần cuối anh gặp anh ta là khi nào?" Sachs hỏi. Bài tập đánh giá đã kết thúc, hôm nay cô mặc quần áo thoải mái – quần bò và một chiếc áo len màu xanh lá cây.

"Trong bệnh viện, ở khoa bỏng. Vào khoảng ba năm trước. Lúc đầu tôi tới thăm anh ta khá thường xuyên, tất cả những gì anh ta nói là phải tính sổ với bất kỳ kẻ nào làm tổn thương anh ta hay không đồng ý với kiểu ảo thuật của anh ta. Rồi anh ta biến mất và tôi không bao giờ gặp lại anh ta nữa."

Nhưng rồi, người học việc cũ giải thích, Weir bỗng nhiên gọi lại khoảng hai tháng trước. Cùng một thời điểm, Rhyme nhớ lại lời của người trợ thủ kia. Vợ của Loesser là người nhận cuộc gọi đó. "Anh ta không để lại số và nói sẽ gọi lại nhưng không bao giờ gọi. Cảm ơn Chúa. Thực lòng, tôi không biết mình có thể xử lý nổi cuộc gọi đấy không."

"Anh có biết anh ta ở đâu khi gọi tới không?"

"Không. Tôi đã hỏi Kathy – tôi sợ là anh ta đã trở lại thành phố – nhưng cô ấy nói anh ta không cho biết mình ở đâu và cuộc gọi là từ một số 'ngoài vùng.'"

"Anh ta không nói với vợ anh là anh ta gọi tới vì việc gì à? Anh có đầu mối nào để biết anh ta ở đâu không?"

"Cô ấy nói anh ta nghe có vẻ kỳ lạ, bực dọc. Anh ta thầm thì, khó mà nghe được. Tôi nhớ điều đó bắt đầu từ sau trận hỏa hoạn. Phổi anh ta bị thương tổn. Khiến anh ta còn đáng sợ hơn."

Tôi biết, Rhyme nghĩ.

"Anh ta hỏi xem chúng tôi có nghe tin gì về Edward Kadesky không – ông ấy là giám đốc rạp Hasbro khi vụ hỏa hoạn xảy ra. Thế thôi."

Loesser không thể cung cấp được thông tin nào có ích và họ gác máy.

Thom để hai nữ cảnh sát vào phòng thí nghiệm. Sachs gật đầu chào và giới thiệu họ với Rhyme. Diane Franciscovich và Nancy Ausonio.

Anh nhớ lại, họ là những cảnh sát phản ứng hiện trường ở vụ giết người đầu tiên và đã được phân công lần theo cái còng tay cũ.

Franciscovich nói, "Chúng tôi đã nói chuyện với tất cả những người bán hàng mà giám đốc bảo tàng đề xuất." Cả hai nữ cảnh sát, người cao lớn tóc nâu và người thấp hơn tóc vàng, đều có vẻ rất mệt mỏi. Họ đã rất nghiêm túc với nhiệm vụ của mình, và có lẽ đã không ngủ chút nào từ tối hôm trước.

"Đó là còng tay Darby, như anh nghĩ," Ausonio nói. "Chúng khá hiếm và đắt tiền. Nhưng chúng tôi có một danh sách của mười hai người…"

"Ôi, Chúa ơi, nhìn kìa." Franciscovich chỉ vào bản đồ nhân chứng, nơi Thom đã viết:

• Nhân thân nghi phạm: Erick A. Weir.

Ausonio lật qua những tờ giấy cô đang cầm trong tay. "Erick Weir đặt mua qua thư một cặp còng tay từ cửa hàng Ridgeway Antique Weapons ở Seattle tháng trước."

"Địa chỉ?" Rhyme hỏi đầy phấn khích.

"Hộp thư bưu điện ở Denver. Chúng tôi đã kiểm tra. Nhưng địa chỉ đó sai. Không có hồ sơ gì về một địa chỉ thường trú."

"Và không có hồ sơ gì về việc Weir từng sống ở Denver."

"Phương pháp thanh toán?" Sachs hỏi.

"Tiền mặt," là câu trả lời đồng thanh từ Ausonio và Rhyme. Anh nói thêm, "Gã sẽ không phạm phải những sai lầm ngu xuẩn. Không đâu. Đầu mối này là ngõ cụt. Nhưng ít ra chúng ta xác định

được rằng gã chính là người cần tìm."

Rhyme cảm ơn các cảnh sát và Sachs tiễn họ ra cửa.

Một cuộc gọi khác vào máy của Rhyme. Mã vùng của số hiện ra trông rất quen, nhưng Rhyme không thể xác định được. "Lệnh, trả lời điện thoại… Xin chào?"

"Thưa ông. Tôi là thiếu úy Lansing, cảnh sát bang. Tôi đang cố liên lạc với thanh tra Roland Bell. Tôi được biết số này là điểm chỉ huy tạm thời của anh ấy."

"Này, Harv," Bell gọi và đi gần lại loa. "Tôi đây." Anh giải thích với Rhyme, "Liên lạc viên của chúng ta về vụ Constable ở Canton Falls."

Lansing nói tiếp, "Chúng tôi đã nhận được bằng chứng anh gửi tới sáng nay. Người bên pháp y của tôi đã xem qua. Chúng tôi cũng cử vài thanh tra tới nói chuyện với vợ của Swensen – tay mục sư mà các anh bắt được tối hôm qua. Bà ấy không cung cấp được điều gì có ích và người của tôi không tìm thấy thứ gì trong căn nhà xe kéo có thể kết nối ông ta với Constable hay bất kỳ ai trong Hội Ái quốc."

"Không gì hết sao?" Bell thở dài. "Tệ quá. Tôi tưởng ông ta là loại người bất cẩn, dễ bị kích động."

"Có lẽ mấy gã bên Hội Ái quốc đã tới đó trước và dọn dẹp sạch sẽ rồi."

"Điều đó khó có khả năng xảy ra. Trời, tôi cảm thấy chúng ta cần chút may mắn ở đây. Được rồi, tiếp tục đi, Harv. Cảm ơn."

"Chúng tôi sẽ báo cho anh biết nếu tìm được gì nữa, Roland."

Họ gác máy.

"Vụ Constable rồi cũng khó như vụ này." Anh hất đầu về phía mấy tấm bảng trắng.

Lại có tiếng gõ cửa.

Cầm trên tay một ly cà phê lớn, Kara bước vào phòng, nhìn mệt mỏi và phờ phạc hơn cả những nữ cảnh sát.

Sellitto đang có bài diễn văn về những cách thức mới để giảm cân thì bài giảng kiểu Jenny Craig[73] của anh bị cắt ngang bởi một cuộc

điện thoại nữa.

---

[73] Jenny Craig, sinh năm 1932, là chuyên gia về giảm cân người Mỹ.

"Lincoln hả?" Giọng nói vang lên trên loa. "Bedding đây. Chúng tôi nghĩ là đã thu hẹp được chiếc chìa khóa xuống còn ba khách sạn. Lý do chậm trễ như thế là…"

Giọng cộng sự của anh, Saul, cắt ngang. "Hóa ra rất nhiều khách sạn cho thuê theo tháng và cho thuê dài hạn cũng sử dụng những chiếc thẻ chìa khóa đó."

"Chưa kể tới những nơi cho thuê theo giờ. Nhưng đó là một câu chuyện hoàn toàn khác."

"Chúng tôi đã kiểm tra tất cả. Dẫu sao, đây là những gì chúng tôi tìm thấy. Tôi cho là *có lẽ*, có lẽ, hoặc là Chelsea Lodge, hoặc là Beckman hoặc là… là gì nhỉ?"

"Hoặc là Lanham Arms," cộng sự của anh nói.

"Đúng vậy. Đó là những nơi duy nhất dùng mẫu 42 màu xám. Hiện chúng tôi đang ở Beckman. Đường 34 và đường 5. Chúng tôi đang định thử nó đây."

"Ý anh là gì khi nói thử nó?" Rhyme nói.

"Nói thế nào nhỉ?" Bedding hoặc Saul tự nhủ. "Những chìa khóa này chỉ dùng được một phía, còn phía kia thì không được."

"Tức là sao?" Rhyme hỏi.

"Tức là, chỉ có ổ khóa trên cửa phòng khách sạn đọc được chìa. Thiết bị ở bàn lễ tân tạo mã cho thẻ chìa khóa trắng không thể đọc được thẻ đã được tạo và xác định được số phòng."

"Tại sao lại không? Thế thì thật điên rồ."

"Không ai có nhu cầu biết chuyện đó."

"Tất nhiên, trừ chúng ta, đó là lý do chúng tôi phải đi từng phòng và thử tất cả chúng."

"Chó chết," Rhyme nói.

“Cũng là cảm tưởng của chúng tôi,” một trong hai thanh tra cảnh sát nói.

Sellitto hỏi. “Được rồi. Các anh có cần thêm người không?”

“Không. Chúng tôi chỉ có thể đi từng cửa một. Không có cách nào khác. Và nếu có một vị khách mới trong phòng…”

“… thì chiếc thẻ sẽ không còn hiệu lực. Điều đó cũng không giúp ích gì cho tâm trạng của chúng tôi.”

“Này, các quý ông?” Bell nói vào điện thoại. “Đang nghe đây, Roland.”

“Chúng tôi đã nhận được giọng.”

“Anh nói là Lanham Arms. Chỗ đó ở đâu đấy?”

“Đường 75 Đông. Gần Lex.”

“Tên nghe quen quen. Không nhớ chính xác được.” Bell nhíu mày, lắc đầu.

“Đó là khách sạn tiếp theo trong danh sách của chúng tôi.”

“Sau Beckman.”

“Với sáu trăm tám mươi hai phòng. Tốt hơn là nên làm thôi.”

Họ để Cặp song sinh bắt tay vào công việc khó nhọc đấy.

Máy tính của Cooper kêu bíp và anh đọc một thư điện tử vừa gửi tới. “Phòng thí nghiệm FBI ở Washington… Cuối cùng đã có báo cáo về dằm kim loại tìm thấy trong túi thể thao của Gã phù thủy. Họ nói các dấu vết cho thấy chúng tương đồng với phần máy của đồng hồ.”

“Nó *không* phải là đồng hồ,” Rhyme nói. “Rõ ràng là thế.”

“Làm sao anh biết?” Bell hỏi.

“Đó là một kíp nổ,” Sachs nói nghiêm trang.

“Tôi cũng cho là thế,” Rhyme xác nhận.

“Như quả bom xăng kia hả?” Cooper hỏi, hất đầu về phía chiếc khăn tay “kỷ niệm” thấm đẫm xăng mà Weir bỏ lại tối qua.

“Có khả năng.”

“Gã có nguồn dẫn xăng và gã bị ám ảnh bởi lửa. Gã sẽ thiêu nạn nhân tiếp theo.”

Giống như những gì đã xảy ra với anh.

Trận hỏa hoạn đã giết chết gã – con người cũ của gã – và bằng cách giết người khác, gã cảm thấy khá hơn; nó làm giảm sự lo lắng và giận dữ dâng cao trong gã…

Rhyme để ý là đã sắp mười hai giờ. Gần trưa rồi… Nạn nhân tiếp theo sẽ sớm thiệt mạng. Nhưng khi nào? Mười hai giờ một phút hay bốn giờ? Một cơn ớn lạnh vì thất vọng và giận dữ bắt đầu dâng lên dưới hộp sọ anh rồi biến mất trong cơ thể mất cảm giác của anh. Họ còn quá ít thời gian.

Có thể chẳng còn thời gian nữa.

Nhưng anh không thể đi tới kết luận dựa trên những bằng chứng họ có. Và ngày cứ thế trôi đi, chậm rãi như một cuộc truyền tĩnh mạch.

Một văn bản fax tới. Cooper đọc nó. “Từ tài liệu của người khám nghiệm ở Queens. Họ đã mở tờ báo trong chiếc Mazda. Không có ghi chú ở đâu cả và không có gì được khoanh lại. Còn đây là những dòng tít.”

Anh gõ lên bảng.

Cúp điện. Đóng đồn cảnh sát gần 4 tiếng

New York trước Đại hội Đảng Cộng hòa.

Phụ huynh biểu tình vì an ninh yếu kém ở trường nữ sinh.

Âm mưu giết người của lực lượng dân quân. Phiên tòa bắt đầu hôm thứ Hai.

Lễ hội cuối tuần ở MET để quyên tiền từ thiện. Giải trí mùa xuân cho trẻ em.

Thống đốc, thị trưởng họp về kế hoạch mới cho khu West Side.

“Một trong các dòng tít đó là điều quan trọng,” Rhyme nói. Nhưng dòng nào? Phải chăng kẻ sát nhân đang nhắm tới trường nữ sinh? Hay lễ hội? Phải chăng gã đã thử nghiệm một trò làm ngắt điện ở

đồn cảnh sát? Anh thấy càng chán nản hơn vì họ có thêm vài bằng chứng mới, nhưng ý nghĩa của nó vẫn chưa được hiểu hết.

Điện thoại của Sellitto reo. Lúc anh nghe máy, mọi người nhìn anh chằm chằm, chờ đợi tin có thêm người chết.

Giờ là một giờ ba phút.

Đã qua trưa lâu rồi, đã tới giờ giết chóc.

Nhưng có vẻ tin tức nhận được không phải là tin xấu. Viên thanh tra nhướng mày ngạc nhiên một cách hài lòng và nói vào điện thoại, "Đúng rồi… Thật sao? À, không xa lắm. Ông có thể tới đây được không?" Sau đó anh đọc địa chỉ của Rhyme và gác máy.

"Ai vậy?"

"Edward Kadesky. Tay giám đốc gánh xiếc ở Ohio, nơi mà Weir bị bỏng. Ông ta đang trong thành phố. Ông ta đã nhận được tin nhắn ở Chicago và tới đây nói chuyện với chúng ta."

GÃ PHÙ THỦY

Hiện trường tội ác trường Âm nhạc

• Mô tả nghi phạm: Tóc nâu, râu giả, không có gì nổi bật, tầm vóc trung bình, chiều cao trung bình, tuổi: ngoài năm mươi. Ngón tay đeo nhẫn và ngón út dính với nhau. Thay đồ nhanh để giống một người gác cổng lớn tuổi, hói đầu.

• Không có động cơ rõ ràng.

• Nạn nhân: Svetlana Rasnikov.

• Sinh viên âm nhạc toàn thời gian

• Kiểm tra gia đình, bạn bè, các sinh viên, đồng nghiệp để có thêm đầu mối khả dĩ.

• Không có bạn trai, không có kẻ thù. Trình diễn ở tiệc sinh nhật cho trẻ em.

• Bảng mạch điện tử có gắn loa.

• Đã gửi cho phòng thí nghiệm FBI, thành phố New York.

• Máy ghi âm kỹ thuật số, có thể chứa giọng nói của nghi phạm. Mọi dữ liệu đã bị hủy.

• Đoạn ghi âm là một "mánh." Tự làm.

• Sử dụng còng tay sắt kiểu cũ để còng nạn nhân.

• Còng tay là loại Darby. Scotland Yard. Kiểm tra với Bảo tàng Houdini ở New Orleans để có thêm đầu mối.

• Phá hủy đồng hồ của nạn nhân vào đúng 8 giờ sáng.

• Dây vải giữ ghế. Loại dây thường. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Pháo tạo hiệu ứng tiếng súng. Đã bị hủy. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Dây dẫn cháy. Loại phổ biến. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Cảnh sát hiện trường cho biết có đèn nháy trong không trung. Không tìm thấy vật liệu liên quan.

• Là vải chớp sáng hoặc giấy chớp sáng.

• Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Giày của nghi phạm: hiệu Ecco cỡ 10.

• Sợi tơ, nhuộm màu xám, đã xử lý để trở nên mờ xỉn.

• Từ bộ đồ người gác cổng thay nhanh.

• Đối tượng có thể đội tóc giả màu nâu.

• Gỗ hồ đào đỏ và địa y Parmelia, được tìm thấy chủ yếu ở công viên Trung Tâm.

• Bụi có dính dầu khoáng khác thường. Đã gửi cho FBI để phân tích.

• Dầu Tack-Pure dùng cho yên cương và da.

• Mảnh lụa đen, khoảng 1,8 x 1,2 mét. Được dùng làm vật ngụy trang. Không thể truy nguồn gốc.

• Các ảo thuật gia thường xuyên sử dụng.

• Đeo bọc ngón tay của ảo thuật gia để giấu vân tay.

• Dấu vết cao su, dầu thầu dầu, mỹ phẩm.

• Đồ hóa trang cho sân khấu.

• Dấu vết alginate.

• Sử dụng trong các "thiết bị" tạo khuôn cao su.

• Vũ khí giết người: dây thừng lụa trắng với lõi là lụa đen.

• Sợi thừng là một trò ảo thuật. Màu sắc thay đổi. Không truy được nguồn gốc.

• Nút thắt khác thường.

• Đã được gửi cho FBI và Bảo tàng Hàng hải – không có thông tin gì.

• Các nút thắt giống như trong những màn trình diễn của Houdini, gần như không thể cởi ra.

• Dùng mực vô hình trong sổ đăng ký.

Hiện trường tội ác ở East Village

• Nạn nhân thứ hai: Tony Calvert.

• Nghệ sĩ trang điểm, đoàn kịch.

• Không có kẻ thù.

• Có vẻ không có liên hệ gì với nạn nhân thứ nhất.

• Không có động cơ rõ ràng.

• Nguyên nhân tử vong:

• Vết thương do vật cùn đập vào đầu, sau đó cơ thể bị cắt ra khi đã chết bằng cưa tay.

• Hung thủ trốn thoát giả làm một phụ nữ ngoài bảy mươi. Kiểm tra khu vực lân cận xem có đồ hóa trang bị bỏ đi và các bằng chứng khác không.

• Không tìm thấy gì.

• Đồng hồ bị đập chính xác lúc 12 giờ.

• Có thể là mô thức không? Nạn nhân tiếp theo có thể bị hại vào 4 giờ chiều.

• Hung thủ trốn đằng sau tấm gương. Không thể truy nguồn gốc. Vân tay đã được gửi cho FBI.

• Không có vân tay nào khớp.

• Sử dụng mèo đồ chơi ("feke") để dụ nạn nhân vào con hẻm. Món đồ chơi không thể truy nguồn gốc.

• Tìm thấy thêm dầu khoáng, giống ở hiện trường thứ nhất. Đang đợi báo cáo của FBI.

• Dầu Tack-Pure cho yên cương và da.

• Tìm thấy thêm cao su và đồ trang điểm từ những miếng bịt ngón tay.

• Tìm thấy thêm alginate.

• Để lại giày Ecco.

• Tìm thấy lông chó trên giày, từ ba giống chó khác nhau. Cả phân nữa.

• Là phân ngựa, không phải phân chó.

Hiện trường tội ác sông Hudson và những khu vực liên quan

• Nạn nhân: Cheryl Marston.

• Luật sư.

• Ly dị nhưng chồng cũ không phải là nghi can.

• Không có động cơ.

• Nghi phạm nói tên là "John." Có sẹo ở cổ và ngực. Bàn tay dị dạng được xác nhận.

• Nghi phạm thay đồ nhanh thành một doanh nhân không có râu, mặc quần tây và áo sơ- mi dài tay, rồi một tay đi mô-tô mặc áo phông Harley vải bò.

• Chiếc xe vẫn ở dưới sông Harlem. Nghi phạm có thể đã đen.

• Mực không phai, màu trốn thoát.

• Keo dán để bịt miệng. Không truy được nguồn gốc.

• Pháo giống như lần trước. Không truy được nguồn gốc.

• Dây xích và khóa, loại phổ biến, không truy được nguồn gốc.

• Dây thừng, loại phổ biến, không truy được nguồn gốc.

• Thêm đồ trang điểm, cao su và dầu Tack-Pure.

• Túi tập thể dục, sản xuất ở Trung Quốc, không truy được nguồn gốc. Bao gồm:

• Dấu vết của loại thuốc dùng trong những vụ hiếp dâm flunitrazepam.

• Sáp dính của ảo thuật gia, không truy được nguồn gốc.

• Dăm đồng (?). Đã gửi cho FBI.

• *Nhất quán với máy trong đồng hồ. Có thể là thiết bị bom hẹn giờ.*

• Mực không phai, màu đen

• Tìm thấy áo gió màu xanh hải quân, không có chữ viết tắt hay ký hiệu của tiệm giặt ủi. Bao gồm:

• Thẻ phóng viên của kênh truyền hình cáp CTN, thẻ của Stanley Saferstein. (Anh ta không phải là nghi phạm – tìm kiếm trên NCIC, VICAP không cho ra kết quả.)

• Thẻ chìa khóa khách sạn bằng nhựa, American Plastic Cards, Akron, Ohio. Mẫu APC- 42, không có dấu vân tay.

• CEO đang tìm hồ sơ bán hàng.

• Các cảnh sát Bedding và Saul đang lùng các khách sạn.

• *Khoanh lại còn các khách sạn Chelsea Lodge, Beckman và Lanham Arms. Vẫn đang kiểm tra.*

• Hóa đơn nhà hàng ở Riverside Inn, Bedford Junction, NY, cho thấy có bốn người ăn trưa, bàn 12, ngày thứ Bảy, hai tuần trước. Gà tây, bánh thịt xay, bít-tết, món đặc biệt trong ngày. Nước ngọt. Nhân viên nhà hàng không biết khách ăn là ai. (Đồng phạm?)

• Con hẻm nơi Gã phù thủy bị bắt.

• Phá khóa còng tay.

• Nước bọt (đồ phá khóa giấu trong miệng).

• Không xác định được nhóm máu.

• Dao cạo nhỏ để thoát khỏi dây trói (cũng được giấu trong miệng).

• Không biết cảnh sát Burke đang ở đâu.

• *Có tin thi thể ở đâu đó thuộc khu Upper West Side.*

Hiện trường sông Harlem:

• Không có bằng chứng, trừ dấu trượt trên bùn.

• *Tờ báo lấy từ chiếc xe. Các dòng tít:*

Cúp điện. Đóng đồn cảnh sát gần 4 tiếng

New York trước Đại hội Đảng Cộng hòa

Phụ huynh biểu tình vì an ninh yếu kém ở trường nữ sinh

Âm mưu giết người của lực lượng dân quân. Phiên tòa bắt đầu hôm thứ Hai

Lễ hội cuối tuần ở MET quyên tiền cho từ thiện

Giải trí mùa xuân cho trẻ em

Thống đốc, thị trưởng họp về kế hoạch mới cho khu West Side.

Hiện trường tội ác vụ Lincoln Rhyme

• *Nạn nhân: Lincoln Rhyme.*

• *Nhân thân nghi phạm: Erick A. Weir.*

• *LKA Las Vegas.*

• *Bị bỏng trong vụ hỏa hoạn ở Ohio từ ba năm trước. Gánh xiếc Hasbro và Keller Brothers. Biến mất sau đó. Bỏng độ ba. Nhà sản xuất là Edward Kadesky.*

• *Bị kết án ở New Jersey vì bất cẩn gây nguy hiểm cho người khác.*

• Ám ảnh với lửa.

• Điên loạn. Nói tới "quý khán giả thân mến."

• Biểu diễn những màn nguy hiểm.

• Đã kết hôn với Marie Cosgrove, thiệt mạng trong vụ hỏa hoạn.

• Không liên lạc với gia đình cô ấy kể từ đó.

• Cha mẹ đã chết, không có người thân trực hệ.

• Không có trong hồ sơ VICAP hay NCIC.

• Tự gọi mình là "Phù thủy phương Bắc."

• Tấn công Rhyme để ngăn anh trước chiều thứ Bảy. (Nạn nhân tiếp?)

• Màu mắt – nâu.

• Hồ sơ tâm lý học (theo Terry Dobyns, NYPD): Sự báo thù tạo động cơ cho gã dù gã có thể không nhận ra. Gã muốn tính toán sòng phẳng. Lúc nào cũng tức giận. Bằng cách giết người, gã làm giảm bớt đôi chút sự đau đớn vì cái chết của vợ, sự mất mát khả năng biểu diễn.

• Weir gần đây đã liên lạc với các trợ lý: John Keating và Arthur Loesser, ở Nevada. Hỏi về vụ hỏa hoạn và những người liên quan. Mô tả Weir là điên dại, độc đoán, loạn trí, nguy hiểm, nhưng tài năng.

• Liên lạc với cựu giám đốc lúc xảy ra vụ hỏa hoạn, Edward Kadesky.

• Giết nạn nhân vì điều mà họ đại diện cho – có thể là những khoảnh khắc hạnh phúc hay bi kịch trước trận hỏa hoạn.

• Chiếc khăn tay đẫm xăng, không truy được nguồn gốc.

• Giày Ecco, không truy được nguồn gốc.

Hồ sơ của ảo thuật gia

• Nghi phạm sẽ dùng việc đánh lạc hướng để đối phó với các nạn nhân và che mắt cảnh sát.

• Đánh lạc hướng về vật lý (để gây phân tâm).

• Đánh lạc hướng về tâm lý (để loại trừ sự nghi ngờ).

• Nghi phạm trốn thoát ở trường Âm nhạc bằng cách thức giống

với tiết mục ảo thuật *Người biến mất*. Quá phổ thông để truy nguồn gốc.

• Nghi phạm về cơ bản là một ảo thuật gia.

• Có tài trong thể loại nhanh tay lẹ mắt.

• Cũng biết ảo thuật biến y (thay đồ nhanh). Sẽ sử dụng quần áo tách ra được, ni-lông và lụa, mũ hóa trang hói đầu, bọc ngón tay và các thiết bị cao su khác. Có thể ở bất kỳ độ tuổi, giới tính hay chủng tộc nào.

• Cái chết của Calvert mô phỏng màn trình diễn *Cắt một phụ nữ làm đôi* của Selbit.

• Giỏi mở khóa (có thể là mở khóa "hàng loạt"). Biết các kỹ thuật trốn thoát.

• Có kinh nghiệm ảo thuật với động vật.

• Sử dụng thuật thao túng tâm lý để có thông tin về nạn nhân.

• Sử dụng thuật nhanh tay lẹ mắt để bỏ thuốc cô ấy.

• Cố gắng giết nạn nhân thứ ba với màn trốn thoát của Houdini. *Ngục nước.*

• Biết thuật nói tiếng bụng.

• *Những lưỡi dao lam.*

• *Quen thuộc với trò* Tấm gương cháy. *Rất nguy hiểm, ngày nay hiếm khi được biểu diễn.*

Người đàn ông vạm vỡ, chiều cao trung bình. Một bộ râu bạc và mái tóc bồng bềnh cùng màu.

Rhyme, giờ đa nghi sau chuyến ghé thăm mới nhất của Weir tối qua, chào Edward Kadesky rồi hỏi giấy tờ tùy thân.

"Xin cảm phiền ông," Sellitto nói tiếp, giải thích rằng gần đây họ gặp rắc rối với một nghi phạm chuyên đóng giả người khác.

Kadesky – một người vốn không quen với việc không được ai nhận ra, chứ đừng nói là phải trình giấy tờ – lấy làm khó chịu, nhưng ông tuân theo và cho Sellitto xem tấm bằng lái Illinois của mình. Mel Cooper kín đáo nhìn vào bức ảnh và tay sản xuất rồi gật đầu

với Rhyme. Người kỹ thuật viên đã lên mạng của Nha lộ vận Illinois và kiểm tra những đặc điểm của bằng lái và ảnh người đàn ông. Tất cả đều khớp.

"Tin nhắn của các anh nói nội dung cuộc gặp này là về Erick Weir?" Kadesky hỏi. Ánh mắt ông như diều hâu và rất cao ngạo. "Đúng."

"Vậy là anh ta vẫn còn sống?"

Việc người này hỏi câu đó là một sự thất vọng với Rhyme; nó có nghĩa là Kadesky thậm chí còn biết ít hơn cả họ.

Rhyme nói, "Còn sống khỏe. Gã là nghi phạm của hàng loạt các vụ giết người trong thành phố."

"Không! Anh ta đã giết những ai?"

"Vài dân địa phương. Cả một cảnh sát nữa," Sellitto giải thích. "Chúng tôi hy vọng ông có thể cung cấp cho chúng tôi vài thông tin giúp tìm ra gã."

"Tôi chưa nghe gì về anh ta kể từ sau vụ hỏa hoạn. Quý vị biết chuyện đó chứ?"

"Một chút," Sachs nói. "Xin thông tin thêm cho chúng tôi."

"Anh ta đổ lỗi cho tôi vì vụ hỏa hoạn, các vị biết đấy... Cách đây ba năm. Weir và các trợ lý của anh ta đang thực hiện một màn ảo thuật và biến y trong buổi diễn của chúng tôi. Chà, họ giỏi lắm. Ý tôi là thật sự gây kinh ngạc. Nhưng chúng tôi đã nhận được nhiều lời than phiền trong nhiều tháng. Từ các nhân viên và cả khán giả. Weir làm người ta sợ. Anh ta hơi giống một kẻ độc tài. Những trợ lý của anh ta – chúng tôi gọi họ là hai chàng mộng mơ. Anh ta đã truyền giáo cho họ. Ảo thuật với anh ta giống như một tôn giáo. Đôi khi có người bị thương khi diễn thử hoặc trong buổi diễn – thậm chí là cả những khán giả tình nguyện. Và Weir chẳng mảy may quan tâm. Anh ta nghĩ ảo thuật hay nhất là khi có chút rủi ro. Anh ta nói ảo thuật phải là một thanh sắt nóng; nó phải đóng dấu lên linh hồn ta." Nhà sản xuất cười khẩy định. "Nhưng chúng tôi không thể làm thế trong ngành kinh doanh biểu diễn ngày nay, đúng không? Vì thế tôi nói chuyện với Sidney Keller – ông ấy là chủ – và chúng tôi quyết định là phải sa thải anh ta. Một sáng thứ Bảy trước buổi diễn chiều, tôi nói với giám đốc sân khấu để anh ta đi."

“Đó là ngày xảy ra vụ hỏa hoạn à?” Rhyme hỏi.

Kadesky gật đầu. “Tay giám đốc tìm thấy Weir đang lắp ống dẫn propan vào sân khấu cho một tiết mục của anh ta. *Tấm gương cháy*. Ông ấy nói với anh ta quyết định của chúng tôi. Nhưng Weir nổi đóa lên – anh ta xô tay giám đốc xuống cầu thang và tiếp tục lắp ống. Tôi đi xuống sân khấu. Anh ta chụp lấy tôi. Chúng tôi không thực sự đánh nhau, chỉ là xô đẩy, nhưng một ống propan bung ra. Chúng tôi ngã vào mấy chiếc ghế kim loại, và tôi đoán là một tia lửa đã bắt vào đám khí thoát ra. Anh ta bị bỏng và vợ anh ta chết. Cả căn lều bị phá hủy. Chúng tôi đã cân nhắc tới việc kiện anh ta, nhưng anh ta trốn khỏi bệnh viện và biến mất.”

“Chúng tôi tìm thấy một vụ ở New Jersey. Gã đã gây nguy hiểm cho người khác vì bất cẩn. Ông có biết là gã còn bị bắt ở đâu nữa không?” Rhyme hỏi.

“Không biết.” Kadesky lắc đầu. “Tôi lẽ ra không nên thuê anh ta. Nhưng nếu anh đã từng xem anh ta biểu diễn, anh sẽ hiểu. Anh ta là người giỏi nhất. Khán giả có thể kinh hoàng, họ có thể bị dọa nạt, nhưng họ vẫn mua vé để xem anh ta. Giá mà anh nghe được những tràng pháo tay.” Tay sản xuất chương trình nhìn đồng hồ của ông ta. Lúc đó là một giờ bốn lăm phút. “Quý vị biết đấy, buổi diễn của tôi bắt đầu trong mười lăm phút nữa… Tôi nghĩ sẽ là ý hay nếu đưa vài xe cảnh sát tới đó. Vì Weir đang ở quanh đây và những chuyện đã xảy ra giữa chúng tôi.”

“Tới đâu?” Rhyme hỏi.

“Tới buổi diễn của tôi.” Ông ta hất đầu về phía công viên Trung Tâm.

“Đó là *của ông* hả? Gánh Cirque Fantastique?”

“Phải. Tôi tưởng quý vị biết điều đó. Có xe cảnh sát đậu ở đó… Quý vị biết rằng Cirque Fantastique là gánh Hasbro và Keller Brothers cũ, phải không?”

“Sao cơ?” Sellitto hỏi.

Rhyme liếc mắt nhìn Kara, người đang lắc đầu. “Ông Balzac không hề nói với tôi điều đó khi tôi gọi cho ông ấy tối qua.”

“Sau vụ hỏa hoạn,” Kadesky nói, “chúng tôi tái thiết. Cirque du Soleil thành công tới mức tôi đề xuất với Sid Keller rằng chúng tôi nên làm theo những điều họ đã làm. Khi chúng tôi có tiền bảo

hiểm, chúng tôi khởi sự Fantastique."

"Không, không, không," Rhyme thì thầm, nhìn trừng trừng vào sơ đồ bằng chứng.

"Có chuyện gì, Linc?" Sellitto hỏi.

"Đó là việc mà Weir sẽ làm," anh tuyên bố. "Buổi diễn của ông là mục tiêu của gã. Cirque Fantastique."

"Sao cơ?"

Anh lướt qua bằng chứng lần nữa. Áp dụng các dữ kiện vào tiền đề.

Rhyme gật đầu. "Những con chó!"

"Sao cơ?" Sachs hỏi.

"Những con chó chết tiệt! Hãy nhìn vào sơ đồ đi. Nhìn nó đi! Lông động vật và bụi ở công viên Trung Tâm là từ sân chơi cho chó! Ngay bên ngoài cửa sổ này." Một cái hất đầu mạnh về phía trước căn nhà phố của anh. "Gã không theo dõi Cheryl Marston trên con đường cưỡi ngựa; gã đang theo dõi gánh xiếc. Tờ báo, tờ báo trên chiếc Mazda – hãy xem dòng tít: '*Giải trí cho trẻ em.*' Hãy xem tờ báo xem – xem nó có thông tin gì về gánh xiếc không. Thom – gọi cho Peter! Nhanh lên."

Người trợ lý là bạn tốt của một phóng viên ở tờ *Times*, một chàng trai trẻ thỉnh thoảng từng giúp đỡ họ trong quá khứ. Anh chụp lấy điện thoại và thực hiện cuộc gọi. Peter Hoddins làm việc ở ban quốc tế, nhưng anh mất không tới một phút để tìm ra câu trả lời. Anh chuyển lại thông tin cho Thom, người tuyên bố, "Gánh xiếc là tâm điểm của câu chuyện đó. Tất cả các chi tiết – giờ giấc, các màn diễn, tiểu sử nhân viên. Thậm chí có cả một mục phụ về an ninh."

"Chết tiệt," Rhyme quát. "Gã đang thực hiện nghiên cứu của mình… Và tấm thẻ báo chí? Để gã có quyền tiếp cận hậu trường." Rhyme nheo mắt khi nhìn vào sơ đồ bằng chứng. "Phải! Tôi hiểu rồi. Những nạn nhân. Họ đại diện cho điều gì? Là những công việc trong gánh xiếc. Nghệ sĩ trang điểm. Người cưỡi ngựa… Và nạn nhân đầu tiên! Phải, cô ấy là một sinh viên nhưng công việc của cô ấy là gì? Hát và giúp vui cho trẻ em – như việc một chú hề vẫn làm."

"Và bản thân các kỹ thuật giết người nữa," Sachs chỉ ra. "Chúng

đều là các trò ảo thuật."

"Phải. Gã đang săn lùng buổi diễn của ông. Terry Dobyns nói rằng động cơ cuối cùng của gã là báo thù. Trời, gã đã cài một quả bom xăng."

"Lạy Chúa tôi," Kadesky nói. "Đang có hai nghìn người ở đó! Và buổi diễn sẽ bắt đầu trong vòng mười phút nữa."

Vào lúc hai giờ chiều…

"Buổi diễn chiều Chủ nhật," Rhyme bổ sung. "Đúng như ở Ohio ba năm trước."

Sellitto chụp chiếc bộ đàm Motorola của anh và gọi cho các cảnh sát ở rạp xiếc. Không có trả lời. Viên thanh tra nhíu mày và thực hiện một cuộc gọi trên loa của Rhyme.

"Cảnh sát Koslowski nghe đây," người đàn ông trả lời sau một lát.

Sellitto xưng tên và quát, "Tại sao anh không nghe bộ đàm, anh cảnh sát?"

"Bộ đàm ư? Thì chúng tôi đang không làm nhiệm vụ mà thiếu úy."

"Không làm nhiệm vụ? Anh vừa được giao nhiệm vụ mà."

"Thưa thanh tra, chúng tôi đã nhận được lệnh rút lui."

"Các anh nhận được lệnh sao?"

"Một vị thanh tra nào đấy tới đây khoảng nửa tiếng trước và nói không cần chúng tôi nữa. Anh ta bảo chúng ta có thể nghỉ luôn hôm nay. Tôi đang trên đường tới bãi biển Rockaway với gia đình. Tôi có thể…"

"Mô tả gã ta đi."

"Ngoài năm mươi. Có râu, tóc nâu."

"Gã đã đi đâu?"

"Không biết. Đi tới xe, giơ phù hiệu và bảo chúng tôi giải tán."

Sellitto giập mạnh máy. "Đúng thế rồi… Ôi trời, đúng thế rồi." Anh quát lên với Sachs,"Gọi đội sáu, đưa đội phá bom tới đó." Rồi chính anh gọi cho Trung tâm và yêu cầu cử các đội Khẩn cấp và xe cứu

hỏa tới rạp xiếc.

Kadesky chạy về phía cửa. “Tôi sẽ sơ tán khu lều.”

Bell nói anh đã gọi cho đội Dịch vụ Cấp cứu Khẩn cấp và có các nhóm chuyên về trị bỏng túc trực ở bệnh viện Columbia Presbyterian.

“Tôi muốn có thêm nhiều cảnh sát chìm hơn trong công viên,” Rhyme nói. “Thật nhiều. Tôi có linh cảm là Gã phù thủy sẽ ở đó.”

“Ở đó sao?” Sellitto hỏi.

“Để chứng kiến trận hỏa hoạn. Gã sẽ ở gần. Tôi nhớ cặp mắt gã khi nhìn những ngọn lửa trong phòng tôi. Gã thích xem lửa. Không, gã sẽ không bỏ lỡ điều này dù phải đánh đổi cả thế giới.”

Chương ba mươi

Ông không quá lo lắng về bản thân vụ hỏa hoạn.

Lúc Edward Kadesky chạy nước rút trên khoảng cách ngắn từ căn hộ của Lincoln Rhyme về lều của Cirque Fantastique, ông đang nghĩ là với những quy chuẩn và chất chống cháy mới, ngay cả những trận hỏa hoạn sân khấu và lều rạp xiếc tệ hại nhất cũng sẽ xảy ra khá là chậm. Không, mối đe dọa thực sự là từ sự hoảng loạn, hàng tấn cơ bắp con người, sự giẫm đạp làm tan nát, phá hủy, nghiền nát và bóp nghẹt. Những chiếc xương bị gãy, những lá phổi như bị nổ tung, những người bị ngộp thở…

Cứu người ở một thảm họa tại rạp xiếc là phải đưa họ ra khỏi nơi đó mà không hoảng loạn. Theo cách truyền thống, để báo động với những chú hề và nghệ sĩ nhào lộn và mọi người khác rằng một trận hỏa hoạn đã xảy ra, người dẫn chương trình sẽ gửi đi một tín hiệu tinh tế cho người chỉ huy dàn nhạc, người sau đó sẽ cho phát đi bài hành khúc sôi động của John Philip Sousa , "*Lá cờ sao sọc muôn năm*." Những người làm trong rạp xiếc phải đứng vào các vị trí khẩn cấp và bình tĩnh dẫn khán giả qua những lối thoát hiểm đã được định sẵn (nhân viên nào không phải làm việc đó thì đơn giản tự mình rời khỏi).

Trải qua nhiều năm tháng, bản nhạc đã được thay thế bằng những quy trình hiệu quả hơn để sơ tán một lều diễn xiếc. Nhưng nếu một quả bom xăng phát nổ, khiến chất lỏng gây cháy lan ra khắp nơi thì sao?

Đám đông sẽ chạy vội ra những lối thoát và hàng nghìn người có thể sẽ chết trong đám đông xô đẩy.

Edward Kadesky chạy về lều và thấy hai nghìn sáu trăm người đang háo hức chờ đợi đến giờ mở màn buổi diễn của ông.

Buổi diễn của ông.

Đó là những gì ông nghĩ. Buổi diễn mà ông đã tạo ra. Kadesky từng là người rao những buổi diễn phụ, kẻ kéo màn ở các sân khấu hạng hai tại những thành phố hạng ba, người trả lương và bán vé ở những gánh xiếc vùng miền đến mướt mồ hôi. Ông đã vật lộn nhiều năm để mang tới cho công chúng những buổi diễn vượt ra ngoài sự phô trương hào nhoáng của nghề này, ngoài sự phỉnh phờ bề ngoài của những gánh xiếc. Ông từng làm điều đó một lần, với buổi diễn của Hasbro và Keller Brothers – mà Erick Weir đã phá hỏng. Rồi ông làm lại điều đó với Cirque Fantastique, một buổi diễn nổi tiếng thế giới mang tới sự chính danh, thậm chí là uy tín, cho một nghề nghiệp thường bị những người hay tới nhà hát và sân khấu opera chê bai, và bị những người xem E![74] và MTV phớt lờ.

---

[74] E!: Viết tắt của "Entertainment Television", là kênh truyền hình cáp và vệ tinh của hãng NBC nổi tiếng ở Mỹ.

Ông nhớ lại cái nóng khủng khiếp từ vụ cháy lều Hasbro ở Ohio. Tàn tro nhìn như những bông tuyết xám chết chóc. Tiếng gào thét của ngọn lửa – âm thanh thật kinh khủng – khi buổi biểu diễn của ông chết ngay trước mặt ông.

Tuy nhiên, có một sự khác biệt: ba năm trước, căn lều trống. Hôm nay hàng nghìn những người đàn ông, phụ nữ và trẻ em sẽ ở giữa đám cháy lớn.

Trợ lý của Kadesky, Katherine Tunney, một cô gái trẻ tóc nâu có nhiều thành tựu trong việc tổ chức công viên giải trí theo chủ đề Disney trước khi tới làm việc cho ông, để ý thấy ánh mắt đầy lo lắng và ngay lập tức tiến lại gặp ông. Đó là một trong những tài năng lớn của Katherine: nhận ra suy nghĩ của ông gần như một kiểu thần giao cách cảm. "Có chuyện gì?" Cô thì thầm.

Ông nói với cô những gì ông biết được từ Lincoln Rhyme và cảnh sát. Mắt cô bắt đầu quét qua lều rạp xiếc, ông cũng thế, để tìm kiếm quả bom và những nạn nhân.

"Chúng ta xử lý sao đây?" Cô hỏi ngắn gọn.

Ông cân nhắc điều đó một lát rồi chỉ thị cho cô. Ông nói thêm, "Rồi cô rời khỏi đây. Đi ngay."

"Nhưng ông còn ở lại mà? Còn...?"

"Làm ngay đi," ông nói một cách cương quyết. Rồi siết chặt tay cô.

Bằng giọng nhỏ nhẹ hơn, ông nói thêm, “Tôi sẽ gặp cô ở ngoài. Sẽ ổn thôi.”

Cô muốn ôm ông, ông cảm thấy thế. Nhưng ánh mắt ông nói không. Hầu hết mọi người đang ngồi trong rạp đều thấy họ; ông không muốn bất kỳ ai trong đám khán giả nghĩ, dù chỉ trong chốc lát, là có chuyện gì đó không hay xảy ra. “Đi từ từ thôi. Hãy cứ mỉm cười. Chúng ta trước tiên là những nghệ sĩ biểu diễn, hãy ghi nhớ điều đó.”

Katherine gật đầu và đi tới chỗ người phụ trách ánh sáng đầu tiên, rồi người chỉ huy ban nhạc để truyền đạt những chỉ dẫn của Kadesky. Cuối cùng, cô đi tới chỗ bên cạnh lối vào chính.

Vuốt thẳng lại cà-vạt và cài lại áo khoác, Kadesky liếc nhìn dàn nhạc, gật đầu. Một hồi trống dồn vang lên.

Tới giờ trình diễn, ông nghĩ.

Vào lúc ông sải bước, mỉm cười tươi tắn, đứng vào giữa vòng sân khấu, khán giả bắt đầu im lặng. Ông dừng lại ngay trung tâm vòng tròn và tiếng trống ngưng lại. Lát sau, hai luồng ánh sáng trắng hướng vào ông. Dù bản thân ông đã nói với Katherine là yêu cầu người phụ trách ánh sáng chiếu đèn chính vào ông, ông vẫn thở dốc, trong thoáng chốc chợt nghĩ rằng thứ ánh sáng chói lóa đó là từ quả bom xăng đang phát nổ.

Nhưng nụ cười của ông không mảy may suy suyển và ông hồi phục ngay lập tức. Ông nâng chiếc micro không dây lên môi và bắt đầu nói. “Thưa các quý bà, quý ông, chào mừng tới Cirque Fantastique.” Bình tĩnh, khôi hài, kiểm soát. “Chúng tôi đã chuẩn bị một buổi diễn tuyệt vời cho quý vị ngày hôm nay. Và để bắt đầu, tôi xin nhờ quý vị một việc. Tôi e rằng sẽ phải làm phiền quý vị một chút, nhưng tôi nghĩ nỗ lực này là hoàn toàn xứng đáng. Chúng tôi có một màn trình diễn đặc biệt ở ngoài lều. Xin thứ lỗi… Chúng tôi đã cố đưa khách sạn Plaza vào trong này, nhưng ban quản lý bên đó không cho phép. Các vị khách có vẻ không đồng ý.”

Một khoảng lặng để những tiếng cười vang lên.

“Nên tôi sẽ đề nghị quý vị cầm cuống vé và bước ra ngoài, vào công viên Trung Tâm.”

Đám đông bắt đầu rộ lên tiếng xì xào, tự hỏi màn trình diễn có thể là gì.

Ông mỉm cười. “Hãy tìm những chỗ trống ở bất kỳ đâu gần đây. Nếu quý vị có thể nhìn thấy những tòa nhà ở đường Central Park South, quý vị có thể theo dõi được màn trình diễn.”

Những tiếng cười lớn và sự phấn khích lan đi trên các khu ghế. Ông ấy có ý gì đây? Phải chăng những kẻ táo bạo sẽ thực hiện trò đi dây giữa các tòa nhà chọc trời?

“Giờ, từ những hàng thấp hơn trước, một cách trật tự, nếu quý vị không phiền. Hãy sử dụng bất kỳ lối ra nào gần quý vị.”

Đèn trong lều bật lên. Ông thấy Katherine Tunney đứng ở cửa, mỉm cười và ra hiệu cho mọi người đi ra. Làm ơn, ông nghĩ về cô, đi ngay đi. Đi!

Khán giả chuyện trò lớn tiếng lúc đứng lên – ông có thể mơ hồ nhìn thấy họ qua ánh sáng lóa mắt. Họ đang nhìn những người đi cùng, tự hỏi ai nên ra trước. Đi đường nào. Rồi họ tập hợp đám trẻ con, lấy túi xách và những hộp bỏng ngô, kiểm tra cuống vé.

Kadesky mỉm cười khi ông theo dõi họ đứng lên và chen vai thích cánh đi an toàn ra những lối thoát. Nhưng ông đang nghĩ:

Chicago, Illinois, tháng Mười hai năm 1903. Trong một màn trình diễn vào buổi chiều, tiết mục tạp kỹ nổi tiếng của Eddie Foy ở nhà hát Iroquois, một ngọn đèn sân khấu đã làm bùng lên ngọn lửa rồi nhanh chóng lan từ sân khấu xuống chỗ ghế ngồi. Hai nghìn người bên trong tranh nhau tới lối thoát, chen chúc tới mức lính cứu hỏa không thể qua được cửa. Hơn sáu trăm người trong đám đông khán giả đã phải chịu cái chết kinh hoàng.

Hartford, Connecticut, tháng Bảy năm 1944. Một màn trình diễn buổi chiều khác. Ở gánh xiếc Ringling Bros. và Barnum & Bailey, ngay lúc gia đình Wallenda nổi tiếng bắt đầu tiết mục đi dây trứ danh của họ, một ngọn lửa nhỏ bùng lên ở phía Đông Nam của căn lều và nhanh chóng ngấu nghiến phần vải bạt – vốn được chống thấm nước bằng xăng và pa-ra-phin. Trong vài phút, hơn một trăm năm mươi người bị thiêu cháy, ngộp thở, hay xô đẩy tới chết.

Chicago, Hartford và nhiều thành phố nữa. Hàng nghìn cái chết kinh hoàng trong những trận hỏa hoạn xảy ra ở các nhà hát và rạp xiếc qua nhiều năm tháng. Liệu điều đó có xảy ra ở đây? Liệu đó có phải là những gì người ta sẽ nhớ về Cirque Fantastique, về buổi diễn của ông?

Khu lều thưa dần người một cách êm thấm. Nhưng cái giá của việc tránh sự hoảng loạn là sự rời đi chậm chạp. Vẫn còn rất nhiều người bên trong. Và có vẻ một số người muốn ngồi lại ghế của họ, muốn ở lại và bỏ qua màn trình diễn ở công viên. Khi hầu hết mọi người đã rời đi, ông sẽ phải nói với những người còn lại chuyện gì đang thực sự diễn ra.

Khi nào quả bom sẽ nổ? Có lẽ không phải ngay lúc này. Weir sẽ để những người tới trễ có cơ hội vào trong và ngồi vào chỗ của họ – để gây ra nhiều thương vong nhất. Lúc này là hai giờ mười. Có thể gã sẽ hẹn giờ chẵn: hai giờ mười lăm hoặc hai rưỡi.

Và quả bom ở đâu?

Ông không biết nơi ai đó có thể để lại một quả bom để nó gây ra nhiều tổn hại nhất.

Nhìn qua phía bên kia lều tới chỗ đám đông đang tụ tập ở lối vào cửa trước, ông thấy bóng dáng Katherine – cánh tay cô gái đang ra hiệu ông rời đi.

Nhưng ông ở lại. Ông sẽ làm bất kỳ điều gì cần thiết để sơ tán căn lều, bao gồm dắt tay mọi người và dẫn họ ra cửa, xô họ ra ngoài nếu phải làm thế và quay lại để đưa thêm người ra – ngay cả nếu căn lều đang rực cháy xung quanh ông. Ông sẽ là người cuối cùng thoát ra.

Mỉm cười thật tươi, ông lắc đầu với cô rồi nhấc micro lên và tiếp tục nói với khán giả một màn trình diễn lý thú ra sao đang đợi họ bên ngoài. Bỗng nhiên một tiếng nhạc thật lớn cắt lời ông. Ông liếc nhìn về phía ban nhạc. Những nhạc công đã rời đi – như lệnh của Kadesky – nhưng người chỉ huy dàn nhạc đứng trên bộ điều khiển máy tính, nó kiểm soát phần nhạc ghi âm sẵn mà thi thoảng họ vẫn dùng. Mắt họ gặp nhau và Kadesky gật đầu chấp thuận. Người chỉ huy, một tay lão luyện với đời sống rạp xiếc, đã cho một cuốn băng vào và bật âm thanh lớn lên. Đó là giai điệu *"Lá cờ sao sọc muôn năm."*

***

Amelia Sachs chen qua những đám đông đang rời Cirque Fantastique và chạy vào trung tâm căn lều, nơi nhạc hành khúc đang vang lên inh ỏi và Edward Kadesky đang cầm micro, nhiệt tình hối thúc mọi người ra ngoài để xem một màn ảo thuật đặc biệt – để tránh sự hoảng loạn, cô cho là thế.

Cô nghĩ ý tưởng đó thật là xuất sắc khi hình dung ra cuộc chen lấn kinh hoàng nếu bằng ấy người chạy ra những lối thoát hiểm.

Sachs là cảnh sát đầu tiên tới nơi – tiếng còi hụ ngày càng gần báo với cô rằng những người cứu hộ khác cũng sẽ sớm có mặt – nhưng cô không muốn đợi ai hết; cô bắt đầu cuộc lục soát ngay lập tức. Cô nhìn quanh, cố xác định xem đâu là nơi tốt nhất để cài một quả bom xăng. Để gây ra nhiều thiệt hại nhân mạng nhất, cô cho rằng gã sẽ đặt bom dưới một chỗ ngồi nào đấy, gần lối thoát.

Thiết bị – hay những thiết bị – sẽ rất cồng kềnh. Không giống thuốc nổ hay chất nổ dẻo, bom xăng phải đủ lớn mới gây ra được thiệt hại đáng kể. Chúng có thể được giấu trong một thùng chở đồ hay một hộp các-tông lớn. Có thể trong một phuy xăng. Cô để ý thấy một thùng rác nhựa – một thùng lớn như thế có thể chứa được khoảng gần một trăm chín mươi lít. Nó nằm ngay cạnh lối ra chính và hàng chục người đang từ từ đi qua nó trên đường ra. Có hai mươi hay hai mươi lăm thùng như thế trong lều. Những chiếc thùng lớn màu xanh lá cây đậm sẽ là sự lựa chọn hoàn hảo để giấu bom.

Cô chạy tới chỗ gần mình nhất và dừng lại ở chỗ chiếc thùng hình trụ. Cô không thể nhìn thấy bên trong – nắp thùng có một hình chữ V ngược với một cửa xoay ngang – nhưng Sachs biết cánh cửa không cần bị thay đổi để tạo ra vụ nổ; dăm đồng cho họ biết rằng gã sử dụng đồng hồ hẹn giờ. Cô lấy một chiếc đèn pin nhỏ từ túi sau và chiếu nó vào trong thùng rác lộn xộn, bốc mùi. Thùng rác đã đầy hơn một nửa giấy, vỏ bao bì đồ ăn và cốc rỗng; cô không thể nhìn tới đáy. Cô thử di chuyển cái thùng; nó quá nhẹ để chứa dù chỉ khoảng năm lít xăng.

Cô liếc nhìn lần nữa quanh căn lều. Vẫn còn hàng trăm người bên trong, đang từ từ đi tới những cánh cửa.

Và hàng chục thùng rác khác cần kiểm tra. Cô bắt đầu với thùng kế tiếp.

Rồi cô dừng lại và nheo mắt. Dưới khu chỗ ngồi chính và ngay gần lối ra ở phía nam của căn lều là một vật thể khoảng nửa mét vuông, che vải dầu đen. Cô ngay lập tức nghĩ tới trò của Weir dùng một tấm vải để che chính gã. Dù cho có gì dưới tấm vải thì cũng gần như không thể thấy và đủ lớn để chứa vài trăm lít xăng.

Một đám đông lớn cách nó khoảng sáu mét.

Bên ngoài, tiếng còi hụ lớn hơn và bắt đầu im lặng khi những

chiếc xe cứu hộ đậu gần lều. Lính cứu hỏa và cảnh sát bước vào trong. Cô giơ phù hiệu ra với người gần nhất. "Đội phá bom đã tới đây chưa?"

"Chắc khoảng năm, sáu phút nữa."

Cô gật đầu và yêu cầu họ kiểm tra kỹ lưỡng các thùng rác rồi bắt đầu đi về phía chiếc hộp phủ vải dầu.

Và rồi nó xảy ra.

Không phải là quả bom. Mà là sự hoảng loạn, điều có vẻ bùng lên cũng nhanh như một vụ nổ.

Sachs không rõ chuyện gì gây ra điều đó – cảnh tượng những chiếc xe cứu hộ bên ngoài và lính cứu hỏa đang chen nhau vào trong lều có thể khiến một số khán giả thấy bất an. Rồi Sachs nghe thấy một tràng tiếng nổ lốp bốp ở chỗ lối vào chính. Cô nhận ra âm thanh đó giống ngày hôm qua: tiếng phần phật của tấm băng-rôn khổng lồ về đoàn kịch dell'arte Harlequin trong gió. Nhưng khán giả đang ở chỗ lối ra hẳn nghĩ nó là tiếng súng nổ và quay trở lại, hoảng loạn, tìm những lối thoát khác. Bỗng nhiên căn lều tràn ngập một tiếng nói chung khổng lồ, như một làn hơi hít vào trong khi sợ hãi. Một tiếng gầm rú.

Rồi đợt sóng tràn qua.

La hét và gào thét, người ta giẫm đạp lên nhau để ra các cửa. Sachs bị một đám đông kinh hãi ập tới từ phía sau. Gò má cô va vào vai một người đàn ông ở phía trước, khiến cô choáng váng. Những tiếng la hét vang lên, những tràng gào rú và kêu thét về hỏa hoạn, về bom, về bọn khủng bố.

"Đừng xô đẩy!" Cô kêu lên. Nhưng không ai nghe cô nói. Không thể ngăn được dòng thác người. Một nghìn người đã trở thành một thực thể duy nhất. Một số người cố chống lại khối người chen lấn đó, nhưng trong làn sóng dồn từ phía sau, họ bị ép vào và trở thành một phần của con quái vật, vốn đang lảo đảo đến tuyệt vọng tiến về phía cửa.

Sachs vùng được tay ra khỏi hai cậu thiếu niên, khuôn mặt đỏ bừng của chúng đầy sợ hãi. Đầu cô bị đẩy mạnh về phía trước và cô liếc thấy một dáng người rúm ró ở sàn căn lều. Cô thở gấp, nghĩ rằng đó là một đứa trẻ đang bị giẫm đạp. Nhưng không, nó là một quả bóng rách. Một chai sữa của em bé, một mảnh vải màu xanh lá, bỏng ngô, mặt nạ lưu niệm Harlequin, một máy nghe nhạc di

động Discman bị giẫm nát dưới sức nặng kinh khủng của những đôi chân. Nếu có người ngã xuống, họ sẽ chết chỉ trong vài giây. Bản thân Sachs không hề giỏi giữ cân bằng hay kiểm soát tốt; cô có thể ngã xuống sàn bất cứ lúc nào.

Rồi đôi chân cô thực sự lơ lửng trên sàn nhà, cô bị kẹp giữa hai cơ thể đẫm mồ hôi – một người đàn ông to lớn mặc chiếc áo phông Izod màu đỏ sẫm, đang giữ một bé trai khóc nức nở trên đầu, và một phụ nữ có vẻ đã bất tỉnh. Những tiếng la hét lớn hơn, của cả trẻ em và người lớn, và cơn hoảng loạn càng tăng thêm. Hơi nóng bao phủ lấy cô và cô nhanh chóng thấy khó thở. Áp lực đè nặng lên ngực cô có nguy cơ khiến tim ngừng đập. Chứng sợ không gian hẹp – một nỗi sợ lớn của Amelia Sachs – giờ đang siết chặt cánh tay của nó quanh cô và cô cảm thấy bản thân bị nuốt chửng bởi cảm giác chật hẹp không thể nào chịu nổi.

Khi ta di chuyển thì họ không bắt được ta…

Nhưng cô không di chuyển đi đâu cả. Cô đang bị giữ chặt bởi một đám đông nghẹt thở, những cơ thể mạnh mẽ, ướt át, giờ thậm chí không phải là con người nữa, mà là một tập hợp cơ bắp và mồ hôi và nắm đấm và nước bọt và những đôi chân ngày càng ép chặt vào nhau.

Làm ơn, không! Làm ơn, để tôi đi! Để một bàn tay của tôi tự do thôi. Để tôi được hớp một ngụm không khí.

Cô nghĩ cô đã thấy máu. Cô nghĩ cô đã thấy da thịt bị xé rời.

Có thể là da thịt của chính cô.

Vì kinh hoàng cũng như vì đau đớn và nghẹt thở, Amelia Sachs thấy mình dần bất tỉnh.

Không! Đừng ngã xuống chân họ. Đừng ngã!

Làm ơn!

Cô không thở nổi. Không một chút không khí nào vào được phổi cô. Rồi cô thấy một cái đầu gối chỉ cách mặt cô một chút xíu. Nó đập vào má cô và cứ ở đó. Cô ngửi thấy mùi quần bò bẩn, nhìn thấy một đôi bốt mòn vẹt trước mắt cô, chỉ cách vài xen-ti-mét.

Làm ơn đừng để tôi ngã xuống!

Rồi cô nhận ra rằng có lẽ cô đã ngã xuống rồi.

Chương ba mươi mốt

Mặc một bộ đồng phục của nhân viên khuân vác gần khớp với của những nhân viên khách sạn Lanham Arms, trên đường Upper East Side ở Manhattan, Malerick đi dọc theo hành lang tầng mười lăm của khách sạn. Gã bê một khay phục vụ phòng nặng, trên đó có một chiếc đĩa có nắp đậy và một bình hoa cắm một đóa tulip đỏ lớn.

Mọi thứ về gã hòa hợp với những thứ xung quanh tới mức không gây ra chút nghi ngờ nào. Bản thân Malerick chính là hình mẫu của một nhân viên khách sạn luôn tôn trọng khách, luôn thoải mái. Cặp mắt nửa nhìn đi chỗ khác, nụ cười nửa miệng, bước đi khiêm nhường, chiếc khay sạch bong.

Chỉ có một điều khiến gã khác với những nhân viên khách sạn khác ở Lanham này: dưới chiếc nắp đậy kim loại trên khay không phải là một đĩa trứng Benedict hay bánh mì kẹp mà là một khẩu súng ngắn tự động Beretta đã nạp đạn, lắp thêm thiết bị giảm thanh dày như một cây xúc xích, và một túi da đựng đồ phá khóa cùng các dụng cụ khác.

“Quý vị có hài lòng với việc nghỉ ở đây?” Gã hỏi một cặp đôi.

Có, quả là như thế, và họ chúc gã một buổi chiều tốt lành.

Gã tiếp tục gật đầu và mỉm cười với những vị khách đang trở lại phòng của họ sau bữa sáng muộn ngày Chủ nhật hay đang trên đường đi ngắm cảnh vào buổi chiều xuân đẹp đẽ này.

Gã đi qua một cửa sổ, ở đó gã có thể nhìn thấy chút màu xanh – một phần của công viên Trung Tâm. Gã tự hỏi sự phấn khích thế nào đang diễn ra ở đó vào thời điểm này, bên trong căn lều trắng của Cirque Fantastique – nơi mà gã đã bỏ ra vài ngày để dẫn dắt cảnh sát với những đầu mối gã bỏ lại ở những hiện trường các vụ giết người.

Hay đánh lạc hướng họ, nói ngắn gọn là thế.

Đánh lạc hướng và mưu mẹo là những yếu tố then chốt để ảo thuật thành công và không ai giỏi trò đó hơn Malerick, người đàn ông có hàng triệu khuôn mặt, người đàn ông hiện ra như một que diêm bật sáng, và biến mất như một ngọn lửa thình lình tắt.

Người tự làm mình biến mất.

Tất nhiên là cảnh sát sẽ rối lên, tìm quả bom xăng mà họ tin rằng sẽ phát nổ bất kỳ lúc nào. Nhưng không có quả bom nào cả, không có nguy hiểm nào với hai nghìn người ở Cirque Fantastique (không có rủi ro nào ngoài khả năng một số người sẽ bị giẫm đạp tới chết trong cơn hoảng loạn vô tri).

Đến cuối hành lang, Malerick liếc nhìn lại đằng sau và thấy gã chỉ có một mình. Thật nhanh chóng, gã đặt khay trên sàn gần ngưỡng cửa và nhấc chiếc nắp đậy lên. Gã lấy khẩu súng lục màu đen và tuồn nó vào trong chiếc túi có khóa kéo của bộ đồng phục nhân viên khách sạn. Gã mở chiếc túi da đựng dụng cụ, lấy ra một chiếc tua vít và cũng bỏ vào túi.

Hành động thật nhanh, gã nới thanh kim loại ra khiến cánh cửa sổ chỉ mở hé được một chút (con người có vẻ như tận dụng bất cứ cơ hội nào để tự giết bản thân, có phải không? Gã nghĩ) và đẩy cửa sổ lên hết mức. Gã cẩn thận bỏ chiếc tua vít vào đúng chỗ của nó trong chiếc túi da và kéo khóa lại. Cánh tay mạnh mẽ của gã khéo léo đẩy người qua bệ cửa sổ. Gã bước đi thận trọng trên bệ cửa sổ cách mặt đất gần năm chục mét.

Bệ cửa sổ rộng hơn nửa mét – gã đã đo bệ cửa sổ giống thế ở căn phòng mà gã ở tại đây vài ngày trước – và dù gã không hay diễn trò nhào lộn trong đời mình, gã có sự thăng bằng tuyệt vời của những nhà ảo thuật lớn. Lúc này gã di chuyển dọc theo rìa đá hoa cương một cách thoải mái như thể đó là trên vỉa hè. Sau một cuộc tản bộ chỉ khoảng năm mét, gã đi tới góc khách sạn và dừng lại, nhìn vào tòa nhà bên cạnh Lanham Arms.

Chỗ này, một tòa nhà chung cư ở đường 75 Đông, không có bệ cửa sổ chìa ra nhưng có một lối thoát hiểm, cách chỗ gã đang đứng bây giờ gần hai mét – nhìn xuống một ống thông gió lúc nào cũng thổi phần phật vì máy điều hòa. Malerick lấy đà và nhảy qua khoảng trống không đáy đó, gã dễ dàng bám được vào cầu thang thoát hiểm và đu lên chấn song.

Gã trèo lên hai nhịp thang và dừng lại ở một cửa sổ của tầng mười

bảy. Gã liếc vào trong. Hành lang không người. Gã đặt khẩu súng và bộ dụng cụ lên bệ cửa sổ rồi cởi bộ đồ nhân viên khách sạn giả ra bằng một động tác thật nhanh, để lộ bên trong là một bộ vest xám đơn giản, sơ-mi trắng và cà-vạt. Khẩu súng được giắt vào thắt lưng và gã lại sử dụng các dụng cụ lần nữa để mở khóa cửa sổ. Gã nhảy vào trong.

Đứng đó bất động, lấy hơi. Malerick sau đó bắt đầu đi về cuối hành lang, tới chỗ căn hộ gã tìm kiếm. Dừng ở cửa, gã quỳ gối xuống và lại mở bộ dụng cụ ra. Gã nhét một thanh chịu lực vào lỗ khóa và ở trên đó là đồ phá khóa. Chỉ trong ba giây, gã đã phá được khóa. Trong năm giây là then cửa. Gã đẩy cửa mở hé chỉ đủ để nhìn thấy bản lề, và xịt dầu lên đó từ một bình xịt nhỏ xíu, như bình xịt suyễn, để chúng không kêu. Một thoáng sau gã đã ở trong hành lang dài, tối tăm của căn hộ. Malerick khẽ đóng cửa lại.

Gã định hướng lại, nhìn quanh chỗ lối vào.

Trên tường có một số bản in những tranh phong cảnh siêu thực của Salvador Dalí được sản xuất hàng loạt, vài bức ảnh gia đình, và nổi bật nhất, một bức họa màu nước vụng về miêu tả thành phố New York do trẻ con vẽ (chữ ký của họa sĩ là "Chrissy"). Một cái bàn nhếch nhác đặt ở gần cửa ra vào, chiếc chân ngắn của nó được chèn cho khỏi cập kênh bằng tờ giấy viết khổ to gập lại màu vàng. Một chiếc giày trượt tuyết, dây buộc đã bung ra, nằm cô đơn dựa vào góc hành lang. Giấy dán tường đã cũ và ố vàng.

Malerick đi dọc hành lang, tới chỗ có âm thanh của chiếc ti- vi trong phòng khách, nhưng gã đi vòng một chút, bước vào một phòng nhỏ tối tăm có kê một cây đại dương cầm mini Kawai bằng gỗ mun. Một cuốn sách nhạc với các hướng dẫn được ghi chú ở lề mở ra phía trên cây đàn. Cái tên "Chrissy" cũng xuất hiện ở đây – viết trên bìa sách. Malerick chỉ có kiến thức sơ đẳng về âm nhạc, nhưng khi gã lật qua cuốn sách học nhạc, gã thấy rằng những bài học đó có vẻ khá khó.

Gã cho rằng cô bé có thể là một họa sĩ tệ, nhưng là một tài năng âm nhạc trẻ – cô bé Christine Grady này, con gái của trợ lý công tố quận New York Charles Grady.

Người đàn ông đó là chủ của căn hộ này. Người đàn ông mà Malerick đã được trả một trăm nghìn đô-la để sát hại.

***

Amelia Sachs ngồi trên đám cỏ bên ngoài căn lều của Cirque

Fantastique, nhăn nhó vì cơn đau đang nhói lên quanh quả thận bên phải của cô. Cô đã giúp vài chục người thoát khỏi cảnh bị chen lấn và tìm được một chỗ để hít thở.

Nhìn chằm chằm vào cô từ tấm băng-rôn trắng đen khổng lồ trên đầu là Arlecchino đeo mặt nạ, vẫn đang gào thét dữ dội trong gió. Anh ta có vẻ đáng sợ vào ngày hôm qua; còn giờ đây, sau cơn hoảng loạn ở trong kia – do chính anh ta đã gây ra – hình ảnh đó trở nên gớm ghiếc và kinh tởm.

Cô đã tránh được việc bị giẫm đạp tới chết; đầu gối và chiếc ủng đã đạp trúng người cô là của một người đàn ông đang quờ quạng trên đầu và vai của đám khán giả để chen ra cửa. Dẫu vậy, lưng, xương sườn và mặt cô đau nhức kinh khủng. Cô đã ngồi ở đây được gần mười lăm phút, chóng mặt và buồn nôn, một phần vì cuộc chen lấn, một phần vì chứng sợ hãi không gian hẹp. Về cơ bản, cô chịu được những căn phòng hẹp, thậm chí là thang máy. Nhưng bị ép chặt hoàn toàn, không thể cử động khiến cô phát bệnh thật sự và phủ nỗi kinh hãi lên cô.

Xung quanh cô, những người bị thương đang được chữa trị. Không có gì nghiêm trọng, người phụ trách bộ phận cứu thương đã báo lại với cô – chủ yếu là các ca bong gân và trầy xước. Có vài ca trật khớp và một cánh tay bị gãy.

Sachs và những người xung quanh cô đã bị đẩy ra chỗ lối ra phía nam của căn lều. Khi đã ở ngoài, cô khuỵu gối xuống cỏ, bò ra khỏi đám đông. Không còn bị mắc kẹt trong không gian khép kín với một quả bom sắp phát nổ hay một tên khủng bố có vũ trang, khán giả trở nên hiền lành hơn hẳn và giúp đỡ những người bị chóng mặt hay bị thương.

Cô vẫy tay gọi một cảnh sát ở đội phá bom, ngước nhìn anh ta từ chiếc nệm cỏ của cô, giơ phù hiệu ra và nói với anh ta về món đồ phủ vải dầu dưới những chiếc ghế gần cửa phía nam. Anh ta trở lại với các đồng sự của mình ở trong.

Rồi tiếng nhạc lanh lảnh trong lều dừng lại và Edward Kadesky bước ra ngoài.

Theo dõi đội phá bom làm việc, một số khán giả nhận ra là có một mối đe dọa thật sự và chính sáng kiến của Kadesky đã cứu họ khỏi một cơn hoảng loạn tồi tệ hơn; họ đã cho ông một tràng pháo tay bất ngờ, điều mà ông đã đón nhận một cách khiêm nhường khi đi vòng quanh để kiểm tra các nhân viên và khán giả của mình.

Những người đi xem xiếc khác – dù bị thương hay không – ít rộng lượng hơn và cau có đòi được biết chuyện gì đã xảy ra và than phiền rằng ông lẽ ra phải xử lý việc sơ tán tốt hơn.

Trong khi đó, đội phá bom và một tá lính cứu hỏa tản ra tìm kiếm khắp lều và không thấy dấu hiệu gì của bất kỳ thiết bị nào. Chiếc hộp bịt vải dầu hóa ra là thùng giấy vệ sinh. Cuộc tìm kiếm mở rộng tới những chiếc xe kéo và xe tải hậu cần nhưng cảnh sát cũng không tìm thấy gì ở đó.

Sachs nhíu mày. Họ đã sai chăng? Làm sao có thể như vậy? Cô tự nhủ. Bằng chứng quá rõ ràng. Rhyme có kiểu đưa ra những giả định táo bạo về bằng chứng và thi thoảng đúng là anh có phạm sai lầm. Nhưng trong trường hợp Gã phù thủy, có vẻ mọi bằng chứng đều ăn khớp với nhau và chỉ thẳng về mục tiêu của gã là Cirque Fantastique.

Rhyme đã biết là họ không tìm thấy quả bom nào chưa? Cô tự hỏi. Ngày càng bất an, cô đi mượn bộ đàm của ai đó; chiếc Motorola của cô, giờ đã vỡ tan thành từng mảnh gần cửa phía nam của căn lều, có vẻ là nạn nhân đã tử vong duy nhất của cơn hoảng loạn.

***

Bước đi lặng lẽ ra khỏi phòng nhạc trong căn hộ của Charles Grady, Malerick trở lại hành lang tối tăm và dừng lại, lắng nghe âm thanh từ phòng khách và nhà bếp.

Gã tự hỏi chuyện này có thể nguy hiểm tới mức nào.

Gã bước đi sao cho làm giảm khả năng những vệ sĩ của Grady sẽ hoảng loạn và bắn hạ gã. Trong bữa trưa tại Riverside Inn thuộc khu Bedford Junction hai tuần trước, gặp gỡ Jeddy Barnes và những kẻ khác trong nhóm vũ trang ở vùng thượng New York, Malerick đã vạch ra kế hoạch này. Gã quyết định rằng tốt nhất là để ai đó tìm cách lấy mạng tay công tố viên trước khi Malerick đột nhập vào căn hộ của Grady hôm nay. Kẻ được vũ trụ lựa chọn làm bình phong hứng chịu là một mục sư truỵ lạc ở Canton Falls tên là Ralph Swensen. (Barnes có thể ít nhiều thao túng tay mục sư nhưng hắn giải thích với Malerick rằng hắn không hoàn toàn tin tưởng ông ta. Nên sau khi thoát khỏi sông Harlem hôm qua, tay ảo thuật gia đã mặc bộ đồ gác cổng và đi theo lão mục sư từ khách sạn tồi tàn của lão tới khu Greenwich Village – chỉ để đảm bảo rằng lão khốn đó không chùn bước vào phút chót.)

Việc Swensen thất bại đã nằm trong kế hoạch của Malerick (khẩu

súng mà Barnes cung cấp cho lão thực chất đã hỏng kim hỏa). Malerick lập luận rằng việc bắt được một tay sát thủ sẽ khiến những vệ sĩ của Grady trở nên tự mãn và về mặt tâm lý sẽ ít phản ứng kịch liệt hơn khi thấy kẻ sát nhân thứ hai.

Chà, lý thuyết là thế, gã nghĩ không thật thoải mái. Hãy xem liệu điều đó có đúng trong thực tế không.

Gã bước đi lặng lẽ qua những bức tranh xấu òm khác, thêm những bức ảnh gia đình, qua những chồng tạp chí – về pháp luật và những tờ *Vogue* và *The New Yorkers* – những món đồ cổ đường phố cũ mèm mà nhà Grady đã mua với ý định sửa sang lại nhưng rồi nằm yên ở đó như những vật chứng trường tồn rằng họ chẳng có đủ thời giờ.

Malerick biết hết đường lối trong căn hộ; gã từng ở đây một thời gian ngắn trước kia – đóng giả làm một người bảo trì – nhưng đó chỉ là công tác thăm dò cơ bản, tìm hiểu cách bố trí, lối vào và các lối thoát. Gã đã không có đủ thời gian để để ý tới khía cạnh riêng tư của đời sống gia đình này: những bằng cấp của tay Grady và vợ cũng là một luật sư. Những bức ảnh cưới. Các ảnh chụp người thân và cả một phòng tranh ảnh của cô con gái tóc vàng chín tuổi của họ.

Malerick nhớ lại cuộc gặp của gã với Barnes và các cộng sự trong bữa trưa. Những kẻ vũ trang đó đã lạc đề sang việc có nên giết cả vợ và con gái Grady không. Theo kế hoạch của Malerick, hy sinh Swensen là hợp lý. Nhưng gã tự nhủ mục đích của việc giết cả gia đình Grady là gì? Gã đã nêu câu hỏi đó với Barnes và những người khác trong khi ăn những miếng gà tây quay rất ngon.

“Giờ thì, ông Weir,” Jeddy Barnes nói với Malerick. “Đấy là một câu hỏi hay. Tôi sẽ nói là ông nên giết hết chúng.”

Và Malerick đã gật đầu, bộc lộ một cử chỉ trầm tư; gã hiểu biết đủ để không bao giờ coi thường cả khán giả lẫn những người bạn diễn cùng. “Tôi không ngại giết họ,” gã giải thích. “Nhưng chẳng phải là sẽ hợp lý hơn nếu để họ còn sống, trừ khi họ là một nguy cơ – như nguy cơ họ có thể nhận dạng tôi? Hay giả sử, con bé chạy tới chỗ điện thoại và gọi cảnh sát? Có lẽ bên phía các anh cũng có những người phản đối việc giết phụ nữ và trẻ em.”

“Đấy là kế hoạch của ông, ông Weir,” Barnes nói. “Chúng tôi sẽ chấp nhận những gì ông tính toán.” Dù ý tưởng hành động chừng mực có vẻ khiến hắn không hài lòng đôi chút.

Giờ Malerick dừng lại bên ngoài phòng khách của Grady và đeo một phù hiệu NYPD giả vào cổ, chiếc phù hiệu gã đã giơ ra cho các cảnh sát ở gần Cirque Fantastique khi gã nói họ được phép về nhà hôm nay. Gã liếc nhìn vào một tấm gương mua ở chợ trời mà mặt gương cần phải được sơn phủ lại.

Phải, gã đã vào vai, nhìn hệt như một thanh tra cảnh sát có mặt ở đây để bảo vệ một công tố viên chống lại những lời dọa sát hại kinh khủng.

Gã hít một hơi thật sâu. Không lo lắng.

Và giờ, thưa quý khán giả thân mến, đèn đã bật, màn đã kéo lên.

Buổi diễn thực sự sắp sửa bắt đầu…

Tay buông tự nhiên bên cạnh thân người, Malerick rẽ ở góc hành lang và bước vào trong phòng khách.

CHƯƠNG BA MƯƠI HAI

Này, mọi chuyện thế nào rồi?" Người đàn ông trong bộ vest màu xám hỏi, làm Luis Martinez – viên thanh tra ít nói, vạm vỡ làm việc cho Roland Bell – giật mình.

Tay vệ sĩ đang ngồi trên ghế bành trước ti-vi, với một tờ *The New York Times* ngày Chủ nhật ở trên đùi. "Trời, làm tôi giật mình." Anh gật đầu chào, liếc nhìn phù hiệu và thẻ căn cước rồi lướt qua cả khuôn mặt của người mới tới. "Anh là người thay ca?"

"Phải."

"Làm sao anh vào được? Họ đưa anh chìa khóa à?"

"Lấy chìa khóa dưới Trung tâm." Anh ta nói giọng thì thầm khàn khàn, như là bị cảm.

"May cho anh," Luis lầm bầm. "Chúng tôi phải dùng chung một chìa. Phiền phức không tả nổi."

"Anh Grady đâu?"

"Trong bếp. Với vợ anh ấy và Chrissy. Sao anh tới sớm vậy?"

"Tôi không biết," người đàn ông đáp. "Tôi chỉ được yêu cầu hỗ trợ. Họ nói tôi tới giờ này."

"Đời chúng ta là thế nhỉ?" Luis nói. Anh ta nhíu mày. "Tôi không nghĩ là mình biết anh."

"Tôi là Joe David," người đàn ông nói. "Thường làm việc ở khu vực Brooklyn."

Luis gật đầu. "Phải, đó là nơi tôi lớn lên, khu Bảy Mươi."

"Đây là ca đầu tiên của tôi ở đây. Làm cảnh vệ, ý tôi là thế." Một âm

thanh lớn phát ra từ quảng cáo trên ti-vi.

“Xin lỗi,” Luis nói. “Tôi nghe không rõ. Anh nói là ca đầu tiên của anh hả?”

“Phải.”

Viên thanh tra cao lớn nói, “Được rồi, nếu đây là ca cuối luôn thì sao?” Luis bỏ tờ báo xuống và nhảy ra khỏi ghế bành, rút khẩu Glock của anh ra nhẹ nhàng và chĩa nó vào người đàn ông mà anh biết là Erick Weir. Bình thường luôn điềm đạm, giờ đây Luis đang hét vào micro của anh, “Gã *ở đây*! Gã đã vào đây – trong phòng khách!”

Hai cảnh sát khác đã chờ sẵn trong nhà bếp – thanh tra Bell và viên thiếu úy mập mạp, Lon Sellitto – xô vào qua một cánh cửa khác, cả hai đều lộ vẻ sững sờ. Họ vồ lấy tay của Weir và lôi ra một khẩu súng ngắn giảm thanh từ thắt lưng của gã.

“Nằm xuống ngay lập tức!” Sellitto hét lên với giọng thô ráp, gai góc, khẩu súng của anh ấn vào mặt gã. Và biểu cảm trên gương mặt đó mới ấn tượng làm sao! Luis nghĩ. Anh đã nhìn thấy nhiều nghi phạm bị bất ngờ nhiều năm qua. Nhưng kẻ này là số một. Gã đang thở gấp, không nói nên lời. Nhưng Luis cho rằng gã cũng không ngạc nhiên gì hơn so với những cảnh sát có mặt ở đó.

“Gã ở chỗ quái nào ra thế?” Sellitto hỏi trong hơi thở gấp gáp. Bell lắc đầu bực dọc.

Khi Luis thô bạo còng tay Weir hai lần, Sellitto ngả người về phía thủ phạm. “Mày chỉ có một mình hả? Mày còn có viện trợ bên ngoài không?”

“Không.”

“Đừng giỡn mặt!”

“Tay tôi, các anh làm tay tôi đau!” Weir kêu lên. “Còn có ai khác ngoài mày không?”

“Không, không, tôi xin thề.”

Bell gọi những người khác trên bộ đàm của anh. “Xin Chúa cứu rỗi – gã đã vào trong… Tôi không biết bằng cách nào.”

Hai cảnh sát mặc đồng phục được chỉ định cho nhóm giải cứu

nhân chứng vội vã bước vào từ hành lang, nơi họ đã ẩn nấp gần thang máy. “Có vẻ gã đã cạy cửa sổ ở tầng này,” một người trong số họ nói. “Các anh biết đấy, cửa sổ chỗ cầu thang thoát hiểm.”

Bell liếc nhìn Weir và anh hiểu ngay vấn đề. “Bệ cửa sổ bên Lanham hả? Mày nhảy qua à?”

Weir không nói gì nhưng đó chắc hẳn là câu trả lời. Họ đã cắt cử cảnh sát canh chừng con hẻm giữa Lanham và tòa nhà của Grady và cả trên nóc của hai tòa nhà đó. Nhưng họ chưa bao giờ nghĩ rằng gã sẽ đi dọc theo bệ cửa sổ và nhảy qua ống thông hơi.

Bell hỏi mấy viên cảnh sát, “Không có dấu hiệu của người nào khác nữa à?”

“Không. Có vẻ gã chỉ có một mình.”

Sellitto đeo găng tay cao su vào và lục soát người gã. Anh thu được các thiết bị đột nhập cùng nhiều đồ vật và đồ dùng cho ảo thuật. Thứ lạ nhất là những đầu ngón tay giả, dính chặt với nhau bằng keo. Sellitto kéo chúng ra và bỏ vào một túi bằng chứng. Nếu tình hình không nghiêm trọng như thế – khi một sát thủ đã thực sự lọt vào trong căn hộ của gia đình mà họ phải bảo vệ – hình ảnh mười chiếc đầu ngón tay trong một chiếc túi hẳn sẽ thật nực cười.

Họ nhìn qua con mồi trong lúc Sellitto tiếp tục lục soát gã. Weir cơ bắp và có vóc dáng đẹp, bất chấp việc trận hỏa hoạn đã gây ra một số tổn thương nghiêm trọng – những vết sẹo khá khó coi.

“Có giấy tờ tùy thân gì không?” Bell hỏi.

Sellitto lắc đầu. “FAO Schwarz.” Có nghĩa là phù hiệu NYPD và giấy tờ tùy thân giả chất lượng thấp. Không hơn gì những món đồ chơi.

Weir liếc về phía bếp, gã không nhìn thấy ai cả. Gã nhíu mày.

“Ồ, nhà Grady không có ở đây,” Bell nói, như thể mọi chuyện thật rõ ràng.

Gã nhắm mắt lại và ngả đầu lên tấm thảm sờn. “Bằng cách nào? Làm sao mà các anh biết được?”

Sellitto trả lời đại khái. “Chà, đoán xem? Sẽ có người thích được trả lời câu hỏi đó cho mày. Đi nào, chúng ta đi một chuyến.”

***

Nhìn qua kẻ sát nhân bị xích đứng ở ngưỡng cửa phòng thí nghiệm, Lincoln Rhyme nói, "Chào mừng trở lại."

"Nhưng… đám cháy." Bực tức, gã nhìn về phía chiếc cầu thang dẫn lên phòng ngủ.

"Xin lỗi vì bọn tao đã làm hỏng màn trình diễn của mày," Rhyme nói lạnh lùng. "Tao đoán là rốt cuộc mày không thể thoát được tao, đúng không, Weir?"

Gã quay lại nhìn vào nhà tội phạm học và rít lên, "Đó không còn là tên tao nữa."

"Mày đổi tên rồi hả?"

Weir lắc đầu. "Không chính thức. Nhưng Weir đã từng là tên tao. Giờ tao là người khác."

Rhyme nhớ lại nhận xét của chuyên gia tâm lý học Terry Dobyns rằng trận hỏa hoạn đã "giết chết" con người cũ của Weir và gã đã trở thành người khác.

Kẻ sát nhân lúc này đang nhìn vào cơ thể Rhyme. "Mày hiểu mà, đúng không? Tao nghĩ mày cũng thích quên đi quá khứ và trở thành một người khác."

"Mày tự gọi mình là gì?"

"Đó là chuyện của tao và khán giả của tao."

À, phải, quý khán giả thân mến của gã.

Bị còng tay hai lần, có vẻ bối rối và khuất phục, Weir mặc một bộ vest xám kiểu doanh nhân. Mái tóc giả gã đội tối qua đã biến mất; mái tóc thật của gã dày, dài và có màu vàng sậm. Trong ánh sáng ban ngày, Rhyme có thể thấy vết sẹo phía trên cổ áo gã rõ hơn; trông nó khá nghiêm trọng.

"Làm sao bọn mày tìm được tao?" Gã rít lên. "Tao đã dẫn bọn mày tới…"

"Tới Cirque Fantastique đúng không? Quả thế." Khi Rhyme dắt mũi được tên hung thủ, tâm trạng của anh cải thiện đáng kể và anh trò chuyện thoải mái. "Ý mày là mày đã chỉ dẫn sai cho chúng tao tới đó. Thấy không, tao đã xem xét bằng chứng và tao thấy là

cả vụ này như vậy thì có vẻ dễ dàng quá."

"Dễ sao?" Gã ho một chập.

"Ở hiện trường tội ác có hai loại bằng chứng. Có những bằng chứng mà hung thủ vô tình bỏ lại và những bằng chứng được sắp đặt sẵn, là những thứ cố tình được bỏ lại để đánh lạc hướng bọn tao.

Sau khi tất cả mọi người chạy đi tìm những quả bom xăng ở rạp xiếc, tao có cảm giác là một số vật chứng đã được sắp đặt vào. Chúng có vẻ quá rõ ràng. Những chiếc giày mày bỏ lại ở căn hộ của nạn nhân thứ hai có lông chó, chất bẩn và dấu vết dẫn tới công viên Trung Tâm. Tao chợt nhận ra rằng một thủ phạm thông minh có thể bỏ đất và đám lông vào giày và để chúng lại hiện trường khiến bọn tao tìm thấy và nghĩ rằng đó là sân chơi cho chó cạnh rạp xiếc. Và tất cả những thứ về vụ hỏa hoạn khi mày tới thăm tao tối qua." Anh liếc về phía Kara. "Là sự đánh lạc hướng bằng lời, đúng không, Kara?"

Đôi mắt khó chịu của Weir nhìn cô gái trẻ từ trên xuống dưới.

"Phải," cô nói, đổ đường vào ly cà phê của mình.

"Nhưng tao đã tìm cách giết mày," Weir rít lên. "Nếu tao nói với mày những chuyện đó để đánh lạc hướng, tao phải để mày sống chứ."

Rhyme cười lớn. "Mày hoàn toàn không tìm cách giết tao. Mày chưa bao giờ định làm thế. Mày muốn mọi việc có vẻ như thế để khiến những gì mày nói với tao đáng tin. Điều đầu tiên mày làm sau khi phóng hỏa phòng ngủ của tao là chạy ra ngoài và gọi 911 từ một chiếc điện thoại trả trước. Tao đã kiểm tra với người nhận cuộc gọi. Người gọi tới nói là đã nhìn thấy lửa từ một bốt điện thoại. Ngoại trừ việc bốt điện thoại đó ở góc đường. Mày không thể nhìn thấy phòng tao từ đó. Thom đã kiểm tra chuyện đó, nhân đây. Cảm ơn, Thom," Rhyme gọi người trợ lý, tình cờ lúc đó đi ngang qua cửa.

"Không có chi," lời đáp lại đầy lo lắng.

Weir nhắm mắt lại, lắc đầu khi gã nhận ra sai lầm của mình nghiêm trọng thế nào.

Rhyme nheo mắt, nhìn vào bảng bằng chứng. "Tất cả các nạn nhân đều có công việc hoặc sở thích tương ứng với những màn

trình diễn trong rạp xiếc – nhạc công, nghệ sĩ trang điểm, người cưỡi ngựa. Và các kỹ thuật giết người cũng là những trò ảo thuật. Nhưng nếu động cơ thực sự của mày là để hủy hoại Kadesky, mày hẳn đã dẫn bọn tao khỏi Cirque Fantastique, chứ không phải tới đó. Điều đó có nghĩa là mày đang dẫn dắt bọn tao khỏi điều gì đó khác. Là gì? Tao xem xét bằng chứng lần nữa. Ở hiện trường thứ ba, ở bờ sông, bọn tao đã làm mày bất ngờ. Mày đã không có thời gian để lấy chiếc áo khoác với tấm thẻ báo chí và thẻ phòng khách sạn trong túi, nó có nghĩa là đó không thể là những đầu mối được cài cắm. Chúng có liên hệ hợp lý nào đó với những gì mày đang thật sự toan tính.

Tấm thẻ phòng khách sạn là từ một trong ba khách sạn, trong đó có Lanham Arms. Thanh tra Bell nghĩ cái tên đó nghe quen quen và kiểm tra sổ danh bạ của anh ấy. Hóa ra anh ấy từng uống cà phê với Charles Grady ở quầy bar trong sảnh để trao đổi về chi tiết an ninh cho gia đình ấy một tuần trước. Roland nói với tao rằng Lanham ở ngay bên cạnh khu căn hộ của Grady. Còn tấm thẻ báo chí thì sao? Tao gọi cho phóng viên mà mày đã đánh cắp thẻ. Anh ta đang đưa tin về phiên tòa của Andrew Constable và đã phỏng vấn Charles Grady vài lần… Bọn tao tìm thấy ít vụn đồng và tưởng đó là điều tồi tệ nhất, rằng chúng là từ một quả bom hẹn giờ. Nhưng chúng có thể là từ một chiếc chìa khóa hay một dụng cụ nào đó."

Sachs kể tiếp câu chuyện. "Còn trang báo của tờ *The New York Times* mà bọn tao tìm thấy trong chiếc xe của mày dưới dòng sông ư? Nó có một bài báo về rạp xiếc, đúng. Nhưng cũng có một bài báo về phiên tòa của Constable."

Một cái hất đầu về phía bảng bằng chứng.

Âm mưu giết người của lực lượng vũ trang. Phiên tòa khai mạc hôm thứ Hai

Rhyme nói tiếp, "Cả hóa đơn nhà hàng nữa. Lẽ ra mày nên vứt nó đi."

"Hóa đơn nào?" Weir hỏi, mày nhíu lại.

"Cũng trong áo khoác của mày. Thứ Bảy tuần trước nữa."

“Nhưng cuối tuần đó tao...” Bỗng nhiên gã im lặng.

“Không ở trong thành phố, ý mày là thế đúng không?” Sachs hỏi. “Phải, bọn tao biết. Từ hóa đơn từ một nhà hàng ở Bedford Junction.”

“Tao không biết bọn mày đang nói về chuyện gì.”

“Một cảnh sát tiểu bang ở Canton Falls đang điều tra Hội Ái quốc đã gọi vào điện thoại của tao, hỏi gặp Roland,” Rhyme nói. “Tao nhận ra mã vùng từ số gọi đến giống với mã vùng của nhà hàng trên tờ hóa đơn.”

Đôi mắt Weir ngừng lại và Rhyme tiếp tục, “Bedford Junction hóa ra là thị trấn bên cạnh Canton Falls, vốn là nơi Constable sống.”

“Bọn mày nói Constable nào vậy?” Gã hỏi thật nhanh. Nhưng Rhyme có thể nhìn thấy những dấu hiệu bộc lộ sự thú nhận trên khuôn mặt gã.

Sellitto tiếp tục. “Có phải Barnes là một trong số những người mày đã ăn trưa cùng? Jeddy Barnes?”

“Tao không biết mày nói đến ai.”

“Nhưng mày biết Hội Ái quốc chứ?”

“Chỉ những gì tao đọc được trên báo.”

“Bọn tao không tin mày,” Sellitto nói.

“Tin gì thì mặc xác bọn mày,” Weir quát. Rhyme có thể thấy cơn giận dữ dội trong mắt gã, cơn giận mà Dobyns đã tiên đoán. Một lát sau, gã hỏi, “Làm sao bọn mày tìm ra tên thật của tao?”

Không ai trả lời, nhưng đôi mắt Weir dừng lại ở dòng cuối cùng trên sơ đồ bằng chứng. Gã sầm mặt lại và kêu lên, “Có người đã phản bội tao, phải không? Kẻ đó đã nói với bọn mày về trận hỏa hoạn và Kadesky. Ai?” Một nụ cười độc ác khi gã liếc từ Sachs sang Kara và cuối cùng dừng lại ở Rhyme. “Là John Keating phải không? Nó đã nói với bọn mày là tao gọi cho nó, đúng không? Thằng chó hèn nhát. Nó chưa bao giờ bảo vệ tao. Art Loesser nữa, phải không? Bọn chúng đều là những thằng Judas[75] chó chết. Tao sẽ nhớ chúng. Tao sẽ nhớ những kẻ nào đã phản bội tao.” Gã ho sặc sụa. Khi tràng ho kết thúc, Weir nhìn qua căn phòng. “Kara... Tên mày đúng không? Và mày là ai?”

[75] *Kẻ phản bội Chúa Jesus, chỉ điểm cho quân La Mã bắt giữ và đóng đinh Chúa.*

"Tôi là một ảo thuật gia," cô nói cứng cỏi.

"Một trong số bọn ta," Weir mỉa móc, nhìn cô từ đầu đến chân. "Một nữ ảo thuật gia. Và mày làm gì? Tư vấn hay cái gì? Có thể sau khi tao được thả ra, tao sẽ ghé thăm mày. Có thể tao sẽ làm mày biến mất."

Sachs quát, "À, mày sẽ không được thả ra trong cuộc đời này đâu, Weir."

Tiếng cười lớn như mắc nghẹn của Gã phù thủy thật đáng sợ. "Vậy thì lúc tao trốn thoát thì sao? Những bức tường, xét cho cùng, cũng chỉ là một ảo ảnh."

"Tao không nghĩ trốn thoát là một lựa chọn đâu," Sellitto nói. Rhyme nói, "Chà, tao đã trả lời câu hỏi 'làm sao' của mày, Weir. Hay mày thích gọi là gì thì mặc mày. Thế bây giờ mày trả lời tao 'tại sao' nhé? Chúng tao đã nghĩ đó là một màn báo thù Kadesky. Nhưng rồi hóa ra là mày lại săn đuổi Grady. Mày là gì? Một nhà ảo thuật giết thuê à?"

"Báo thù?" Weir hỏi, giận dữ. "Báo thù thì có cái chó gì hay? Nó có làm những vết sẹo biến mất và chữa lành lá phổi của tao không? Nó có mang vợ tao trở về không?... Mày đếch hiểu gì hết! Thứ duy nhất trong đời tao, thứ duy nhất có ý nghĩa với tao là trình diễn. Ma thuật, ảo thuật. Thầy tao đã trui rèn tao để biểu diễn suốt cả cuộc đời tao. Ngọn lửa đã lấy điều đó của tao. Tao không có sức khỏe để biểu diễn. Tay tao biến dạng. Giọng nói bị hủy hoại. Ai sẽ đi xem tao đây? Tao chẳng thể làm thứ duy nhất mà Chúa ban cho tao tài năng để làm. Nếu cách duy nhất để tao có thể trình diễn là phạm pháp, thì tao sẽ làm thế."

Hội chứng Bóng ma trong nhà hát…

Gã liếc nhìn cơ thể Rhyme lần nữa. "Mày cảm thấy thế nào sau tai nạn, có nghĩ mày không bao giờ làm cảnh sát được nữa không?" Rhyme im lặng. Nhưng những lời của kẻ sát nhân đã trúng đích. Anh đã cảm thấy thế nào? Tức giận, tương tự Erick Weir. Và phải, sau tai nạn, lối tư duy đúng và sai đã hoàn toàn biến mất. *Tại sao không trở thành tội phạm chứ?* Anh đã nghĩ trong cơn điên loạn vì giận dữ và tuyệt vọng. Mình có thể tìm thấy bằng chứng tốt hơn

bất kỳ ai trên trái đất này. Điều đó có nghĩa mình cũng có thể thao túng nó. Mình có thể phạm tội ác hoàn hảo…

Cuối cùng, tất nhiên là, nhờ vào những người như Terry Dobyns, các bác sĩ khác cùng vài đồng đội và tinh thần của chính anh, những suy nghĩ đó mờ nhạt dần. Nhưng đúng, anh biết chính xác Weir đang nói gì. Dù ngay cả trong những khoảnh khắc trống trải và giận dữ nhất, anh cũng chưa bao giờ nghĩ tới việc tước đoạt một mạng sống – tất nhiên, trừ mạng sống của chính anh.

"Vậy là mày đã bán tài năng của mình như một gã lính đánh thuê à?"

Có vẻ Weir nhận ra rằng gã đã mất kiểm soát trong chốc lát và nói quá nhiều. Gã không nói thêm bất kỳ điều gì nữa.

Cơn giận của Sachs bùng nổ và cô bước lên tấm bảng trắng, xé toạc vài bức ảnh của hai nạn nhân đầu tiên. Gí chúng vào mặt Weir, cô quát, "Mày giết những người này chỉ để đánh lạc hướng? Với mày họ chỉ có nghĩa như thế thôi sao?"

Weir nhìn thẳng vào mắt cô, ra chiều ngán ngẩm. Rồi gã nhìn quanh và cười lớn. "Bọn mày thực sự nghĩ là có thể giữ được tao trong tù hả? Bọn mày có biết rằng trong một thử thách, Harry Houdini đã bị lột trần truồng và bỏ vào buồng biệt giam ở Washington, D.C không? Ông ấy đã thoát ra khỏi xà lim của mình nhanh tới mức còn có thời gian để mở tất cả những cánh cửa trong cả khu đó và tráo đổi các tử tù đã bị kết án ở các buồng với nhau trước khi nhóm kiểm tra thử thách quay lại sau giờ ăn trưa."

Sellitto nói, "Phải, chuyện đó đã từ lâu lắm rồi. Ngày nay bọn tao tinh vi hơn thế." Rồi nói với Rhyme và Sachs, "Tôi sẽ đưa gã xuống Trung tâm, xem gã có gì chia sẻ thêm với chúng ta không."

Nhưng vào lúc họ bắt đầu ra đến cửa, Rhyme nói, "Đợi đã." Mắt anh đang nhìn vào sơ đồ bằng chứng.

"Chuyện gì?" Sellitto hỏi.

"Khi gã thoát khỏi Larry Burke sau hội chợ đồ thủ công, gã đã mở được chiếc còng tay."

"Đúng."

"Chúng ta tìm thấy nước bọt, nhớ không? Tìm thử trong miệng gã xem có đồ phá khóa hay chìa khóa giấu trong đó không."

Weir nói, "Tao không có, thật đấy."

Sellitto đeo găng tay cao su mà Mel Cooper đưa. "Mở miệng ra. Mày mà cắn tao thì tao sẽ làm bi của mày biến mất đấy. Hiểu chưa? Một nhát cắn, không còn bi."

"Đã hiểu." Gã phù thủy mở miệng ra và Sellitto rọi đèn pin vào trong, tìm kiếm một chút. "Không thấy gì."

Rhyme nói, "Có một chỗ khác mà chúng ta phải kiểm tra." Sellitto càu nhàu. "Tôi sẽ đảm bảo họ làm điều đó dưới Trung tâm, Linc. Những điều mà tôi sẽ không làm với đồng lương họ đang trả cho tôi."

Vào lúc viên thanh tra dẫn Weir đi ra cửa, Kara nói, "Đợi đã. Hãy kiểm tra răng của gã. Hãy lắc thử xem. Nhất là răng hàm ấy."

Weir cứng người lại khi Sellitto tới gần. "Mày không được làm thế."

"Mở miệng ra," viên thanh tra to lớn quát. "À, và vẫn áp dụng quy tắc mất bi nhé."

Gã phù thủy thở dài. "Răng hàm trên bên phải. Ý tôi là bên phải của tôi."

Sellitto liếc nhìn Rhyme rồi thò tay vào và nhẹ nhàng kéo ra. Anh rút ra một chiếc răng giả. Bên trong là một mẩu kim loại nhỏ uốn cong. Anh ném nó lên một bảng kiểm tra bằng chứng rồi đặt được chiếc răng lại.

Viên thanh tra nói, "Khá là nhỏ. Gã thực sự có thể sử dụng nó sao?"

Kara kiểm tra nó. "Ồ, gã có thể mở một chiếc còng bình thường trong khoảng hai giây với thứ đó."

"Mày rắc rối quá, Weir. Đi nào."

Rhyme nghĩ ra điều gì đó. "À, Lon?" Viên thanh tra liếc về phía anh. "Anh có cảm giác là khi gã giúp chúng ta tìm ra đồ phá khóa trong răng của gã, đó có thể là một màn đánh lạc hướng nho nhỏ không?"

Kara gật đầu. "Anh có lý."

Weir tỏ vẻ ghê tởm trong lúc Sellitto tìm kiếm lần nữa. Lần này

viên thanh tra kiểm tra từng chiếc răng một. Anh tìm thấy một cái phá khóa thứ hai trong một chiếc răng giả tương tự ở hàm dưới bên trái.

“Tao đảm bảo sẽ nhốt mày ở một nơi hết sức đặc biệt,” viên thanh tra nói như báo một điềm không lành. Rồi anh gọi một cảnh sát khác trong phòng và lệnh cho anh ta xích chân Weir lại bằng hai bộ còng.

“Thế này tao không thể đi được,” Weir rít lên than phiền.

“Đi từng bước nhỏ,” Sellitto nói bằng giọng lạnh lùng. “Đi từng bước nhỏ thôi.”

Chương ba mươi ba

Người đàn ông nhận tin nhắn ở một nhà hàng trên đường 244, vì hắn không có điện thoại trong chiếc xe kéo của mình – không muốn và cũng không tin điện thoại. Đây là nơi hắn nhận và gọi tất cả các cuộc gọi.

Thi thoảng, phải vài ngày trôi qua hắn mới nhận tin nhắn, nhưng vì hôm nay hắn đang đợi một cuộc điện thoại quan trọng nên hắn vội vã hơn, chưa bao giờ hắn vội như thế, đến thẳng Elma's Diner ngay sau khi tan lớp ở lớp giáo lý.

Hobbs Wentworth là một gã đàn ông to như gấu với bộ râu đỏ mỏng quanh mặt và mớ tóc xoăn, nhạt hơn bộ râu. "Sự nghiệp" là một từ mà không ai ở Canton Falls, New York, dành cho Hobbs. Không có nghĩa là hắn không làm việc như trâu. Hắn sẽ làm xứng với tiền công, miễn đó là công việc ngoài trời, không đòi hỏi tính toán quá nhiều và người thuê là một người Công giáo da trắng.

Hobbs kết hôn với một phụ nữ ít nói, khô khan tên là Cindy, người dành phần lớn thời gian nuôi dạy con ở nhà, nấu ăn, khâu vá và thăm những cô bạn cũng làm công việc tương tự. Bản thân Hobbs dành phần lớn thời gian để làm việc và săn bắn, buổi tối thì tụ tập với mấy ông bạn, nhậu nhẹt và cãi cọ (dù hầu hết các cuộc "tranh luận ý kiến" này nên được gọi là "nhất trí quan điểm" vì hắn và bạn bè hắn suy nghĩ cực kỳ giống nhau).

Là người sống cả đời ở Canton Falls, hắn thích nơi này. Có rất nhiều khu đất săn bắn tốt, gần như không khu nào được đăng tải trên mạng. Con người ở đây đáng tin, tốt bụng và hiểu rõ về nhau ("suy nghĩ cực kỳ giống nhau" có thể áp dụng cho hầu hết những người ở Canton Falls). Hobbs có nhiều cơ hội để làm những thứ mà hắn thích. Hơn tất cả thì hắn thích dạy học ở lớp giáo lý. Học hết lớp tám và có một chiếc mũ tốt nghiệp ăn cắp được, nhưng học hành được mấy để khoe khoang, Hobbs chưa bao giờ am tường vũ trụ tư duy của Chúa Trời mà bất kỳ ai muốn hắn chỉ dạy.

Nhưng hóa ra hắn có tài trong việc dạy trẻ ở các lớp giáo lý Chủ nhật. Hắn không chủ trì các buổi cầu nguyện hay tư vấn hay các buổi hát thánh ca Chúa-yêu-con-và-con-biết… Không, tất cả những gì hắn làm là kể chuyện trong Kinh Thánh cho bọn trẻ. Nhưng hắn thành danh ngay lập tức, chủ yếu nhờ vào việc hắn không chịu tuân theo mạch truyện thông thường. Lấy ví dụ, trong phiên bản của hắn, thay vì Jesus cho đám đông ăn hai con cá và năm ổ bánh mì, Hobbs kể việc Con Trai Chúa Trời đi săn bằng cung và giết một con hươu từ khoảng cách hơn chín mươi mét rồi tự mình lột da xẻ thịt nó ở quảng trường thị trấn cho người dân ăn. (Để minh họa cho câu chuyện, Hobbs mang theo cây cung trợ lực Clearwater MX Flex tới lớp học và, chíu, một mũi tên đầu cứng cắm sâu bảy phân vào một bức tường bê tông than xỉ, làm những đứa nhóc khoái trá.)

Vừa dạy xong một lớp như thế, hắn bước vào quán Elma's. Nữ phục vụ đi tới chỗ hắn.

"Chào, Hobbs. Bánh nướng chứ?"

"Không, cho một chai Vernors và trứng chiên phô mai. Nhiều tương Kraft. Này, tôi có nhận được một cuộc gọi…"

Hắn còn chưa nói xong thì nữ phục vụ đã đưa cho hắn một mảnh giấy.

Trên đó có mấy chữ: *Gọi cho tôi – JB.*

Cô hỏi, "Là gã Jeddy đó hả? Nghe có vẻ là gã. Vì dạo gần đây cảnh sát xuất hiện ở quanh đây, cảnh sát bang, ý tôi là thế, tôi chưa gặp gã bao giờ."

Hắn phớt lờ câu hỏi của cô ta và chỉ nói, "Khoan hãy đặt món." Rồi hắn đi tới chỗ chiếc điện thoại công cộng, lục túi quần bò tìm tiền xu, tâm trí hắn quay ngay lại với bữa trưa tuần trước nữa ở Riverside Inn tại Bedford Junction. Có hắn, Frank Stemple và Jeddy Barnes từ Canton Falls và một người tên là Erick Weir, mà sau này Barnes gọi là Nhà Ảo thuật, vì hơn tất thảy anh ta là một ảo thuật gia chuyên nghiệp.

Barnes đã làm Hobbs sướng rơn bằng cách mỉm cười và đứng lên khi Hobbs tới, rồi nói với Weir, "Đây, thưa anh, xin gặp tay súng giỏi nhất mà chúng tôi có ở hạt này. Chưa kể đây là một tay xạ thủ dùng cung. Và một người điều hành sắc sảo nữa."

Hobbs đã ngồi ăn thứ đồ ăn hào nhoáng ở nhà hàng hào nhoáng

đó, vừa tự hào vừa bồn chồn (hắn chưa bao giờ mơ tới việc ăn ở Riverside), chọc chiếc nĩa của hắn vào món đặc biệt trong ngày của quán và lắng nghe khi Barnes và Stemple kể với hắn chuyện bọn họ đã gặp Weir thế nào. Anh ta đại khái là một kiểu lính đánh thuê, điều mà Hobbs vốn biết rất rõ bởi hắn là độc giả thường xuyên của tờ *Soldier of Fortune*[76]. Hobbs để ý thấy những vết sẹo trên ngực người đàn ông và những ngón tay bị biến dạng, tự hỏi anh ta đã tham gia vào những cuộc chiến kiểu gì để bị tổn thương tới mức như thế. Có lẽ là bom napan.

---

[76] *Tờ tạp chí Mỹ thành lập năm 1975 với những chủ đề về chiến tranh hiện đại, vũ khí, lính đánh thuê…*

Tất nhiên, ban đầu Barnes rất miễn cưỡng dù chỉ là gặp gỡ Weir, nghĩ rằng đó là một cái bẫy. Nhưng Nhà Ảo thuật đã trấn an hắn bằng cách bảo họ hãy theo dõi tin tức vào một ngày cụ thể. Câu chuyện chính là về vụ sát hại một người làm vườn người Mexico – một người nhập cư bất hợp pháp – làm việc cho một gia đình giàu có ở thị trấn gần đó. Weir đã mang cho Barnes chiếc ví của người đàn ông đó. Một chiến tích, giống như bộ sừng của một con hươu đực vậy.

Weir đi thẳng vào vấn đề. Anh ta nói với họ rằng anh ta chọn nạn nhân Mexico vì quan điểm của Barnes về dân nhập cư, nhưng cá nhân anh ta không tin vào những sứ mệnh cực đoan của họ – anh ta chỉ bận tâm tới việc kiếm tiền với tài năng đặc biệt của mình. Điều thích hợp với tất cả mọi người. Trong bữa trưa, Nhà Ảo thuật Weir vạch ra kế hoạch của anh ta về Charles Grady, rồi anh ta bắt tay họ và rời đi. Vài ngày trước, Barnes và Stemple đã đưa lão mục sư chểnh mảng, mê gái trẻ Swensen tới New York với chỉ thị giết Grady vào tối thứ Bảy. Và lão mục sư đã làm hỏng việc như dự tính.

Hobbs được cho là phải "đợi một cuộc gọi", anh Weir đã nói thế. "Trường hợp cần tới anh ta."

Và giờ có lẽ đã cần tới hắn. Hắn bấm số chiếc di động mà Barnes vẫn dùng, số này đứng tên một người khác, và nghe thấy tiếng trả lời đột ngột "Sao?"

"Là tôi đây."

Vì cảnh sát bang đang tỏa khắp hạt để tìm Barnes, họ đã nhất trí sẽ nói chuyện qua điện thoại càng ít càng tốt.

Barnes nói, “Anh phải làm những gì chúng ta đã trao đổi vào bữa trưa.”

“Ừ hừm. Tới hồ nước.”

“Đúng.”

“Tới hồ nước và mang theo đồ câu cá?” Hobbs nói.

“Đúng rồi.”

“Được thưa sếp. Khi nào?”

“Bây giờ. Ngay bây giờ.”

“Thế thì tôi làm ngay.”

Barnes đột ngột gác máy và Hobbs đổi trứng rán thành một ly cà phê và bánh sandwich trứng với thịt xông khói, nhiều tương Kraft, mang đi. Khi Jeddy Barnes nói bây giờ, ngay bây giờ, thì ta phải làm đúng như thế.

Khi đồ ăn đã sẵn sàng hắn ra ngoài, khởi động chiếc xe bán tải của hắn và lái thật nhanh trên đường cao tốc. Hắn phải tới điểm dừng chân dọc đường – chiếc xe kéo của hắn. Rồi hắn sẽ đổi sang chiếc Dodge cũ mèm đăng ký dưới tên một người không tồn tại và lái thật nhanh xuống “hồ nước”, vốn không hề có nghĩa là một hồ nước tí nào: nó có nghĩa là một địa điểm cụ thể ở thành phố New York.

Giống như “đồ câu cá” mà hắn phải mang đi chắc chắn không có nghĩa là cần câu hay dây câu.

***

Trở lại trong Hầm mộ.

Ở một phía của chiếc bàn gắn vào sàn nhà là Joe Roth mặt dữ tợn, tay luật sư béo lùn của Andrew Constable.

Charles Grady ở phía bên kia, ngồi cạnh là cấp dưới của anh, Roland Bell. Amelia Sachs đứng; căn phòng thẩm vấn khắc nghiệt, với những cửa sổ vàng vọt, bẩn thỉu, cho cô một cảm giác mới của

chứng sợ không gian hẹp, thời gian để áp chế nó lâu hơn sau cơn hoảng loạn kinh hoàng ở Cirque Fantastique. Cô cựa quậy và đu đưa người.

Cánh cửa mở ra và người canh giữ Constable để cho tay tù nhân đi vào phòng, còng tay gã lại ở phía trước mặt. Rồi anh đóng cánh cửa và trở lại hành lang.

"Không xong rồi" là câu đầu tiên Grady nói với gã. Giọng trầm tĩnh, không cảm xúc một cách lạ lùng, Sachs nghĩ, khi tính tới việc gia đình anh suýt thì bị giết sạch.

"Cái gì không...?" Constable lên tiếng. "Lần này là về thằng ngu Ralph Swensen đó hả?"

"Không, chuyện này là về Erick Weir," Grady nói.

"Ai cơ?" Một cái nhíu mày thực sự đã lướt qua khuôn mặt gã đàn ông.

Vị công tố viên tiếp tục giải thích về nỗ lực lấy mạng gia đình anh của tay cựu ảo thuật gia chuyển ngạch thành sát thủ chuyên nghiệp.

"Không, không, không... Tôi không dính líu gì với Swensen. Và tôi cũng không liên quan gì tới chuyện này." Gã đàn ông nhìn một cách tuyệt vọng vào mặt bàn đầy vết cắt xẻ. Có mấy hình graffiti bằng sơn màu xám cạnh tay hắn. Đó có vẻ là một chữ A, rồi một chữ C và một phần chữ K. "Tôi đã nói hết với các người rồi, Charles, có những người tôi quen biết trong quá khứ sẽ quá tay với những chuyện này. Họ coi các người và chính quyền bang là kẻ thù – làm việc cùng với bọn người Do Thái và người Mỹ gốc Phi và bất kỳ người nào nữa – và họ bóp méo lời lẽ của tôi, sử dụng tôi như một cái cớ để săn đuổi các người." Hắn thấp giọng, "Tôi nhắc lại lần nữa. Tôi thề với các vị là tôi không liên quan gì đến chuyện này."

Roth nói với tay công tố viên, "Đừng chiêu trò nữa, Charles. Anh chỉ đoán mò thôi. Nếu anh có điều để gì kết nối thân chủ của tôi với vụ đột nhập vào căn hộ của anh, thì..."

"Hôm qua Weir đã giết hai người và một cảnh sát. Đó là giết người cấp độ một."

Constable chớp mắt. Luật sư của hắn huych toẹt chen vào, "À, tôi rất tiếc vì chuyện đó. Nhưng tôi thấy rằng anh không cáo buộc

thân chủ của tôi. Vì anh không có bằng chứng nào kết nối anh ấy với Weir, đúng không?"

Grady bỏ qua câu đó và nói tiếp, "Ngay lúc này chúng tôi đang thương lượng với Weir về việc giao nộp bằng chứng cho bên công tố."

Constable nhìn sang Sachs, nhìn cô từ trên xuống dưới. Hắn có vẻ tuyệt vọng và ánh mắt cho thấy hắn đang cầu khẩn cô sẽ giúp đỡ thắn kiểu gì đó. Có lẽ cô được cho là sẽ mang tới tiếng nói với lý lẽ kiểu phụ nữ. Nhưng cô vẫn im lặng, Bell cũng thế. Việc của họ không phải là tranh luận với nghi phạm. Viên thanh tra ở đây là để trông chừng Grady và xem anh có thể biết thêm được gì về âm mưu lấy mạng viên trợ lý công tố và các cuộc tấn công có thể xảy ra trong tương lai hay không. Sachs ở đây để xem cô có thể biết thêm về Constable và những đối tác của hắn nhằm củng cố chứng cứ vụ án chống lại Weir không.

Ngoài ra, cô cũng tò mò về người đàn ông này – người mà cô nghe nói là vô cùng độc ác nhưng đồng thời lại có vẻ rất biết lý lẽ, hiểu biết và thật sự khó chịu với những biến cố trong mấy ngày qua. Rhyme chỉ hài lòng với việc xem xét bằng chứng; anh không có kiên nhẫn cho việc tìm hiểu tâm trí hay tâm hồn một thủ phạm. Tuy nhiên, Sachs lại rất hứng thú với những câu hỏi về thiện và ác. Cô đang nhìn vào một người đàn ông vô tội hay một Adolf Hitler nữa?

Constable lắc đầu. "Nghe này, không lý gì tôi lại tìm cách giết anh. Bang sẽ cử một trợ lý công tố khác thay thế. Phiên tòa vẫn sẽ diễn ra, chỉ là tôi có thêm bản án giết người chụp lên đầu. Tại sao tôi lại muốn làm thế? Lý do khả dĩ nào khiến tôi phải giết anh?"

"Vì anh là một kẻ cuồng tín và là một tên sát nhân và..." Constable nóng giận cắt ngang, "Nghe này. Tôi đã gặp đủ chuyện, thưa anh. Tôi bị bắt, bị sỉ nhục trước gia đình tôi. Tôi đã bị hành hạ ở đây và trên báo chí. Và anh có biết tội ác duy nhất của tôi là gì không?" Hắn nhìn thẳng vào Grady. "Đặt những câu hỏi khó." "Andrew." Roth chạm vào cánh tay hắn. Nhưng, với một tiếng hét lớn, tay tù nhân giật tay lại. Hắn đang căm phẫn và không thể kiềm chế.

"Ngay trong căn phòng này, ngay bây giờ, tôi sẽ phạm tội ác duy nhất mà tôi thực sự phạm phải. Tội thứ nhất: Tôi nêu câu hỏi là anh có đồng ý không, rằng khi chính quyền trở nên quá đồ sộ, nó xa rời người dân. Rằng khi cảnh sát rốt cuộc lại có quyền nhét một cây lau sàn vào hậu môn một tù nhân da đen bị tạm giam – một tù

nhân vô tội, xin nói rõ."

"Họ đã bị bắt," Grady đáp lại một cách thờ ơ.

"Việc chúng vào tù không trả lại phẩm giá cho người đàn ông tội nghiệp đó, đúng không? Và bao nhiêu kẻ đã không bị bắt?... Hãy xem những gì đã xảy ra ở Washington. Họ để bọn khủng bố đi thẳng vào đất nước này, với ý định giết chết tất cả chúng ta, và chúng ta không dám làm phật lòng chúng bằng cách chặn chúng lại hay buộc chúng phải cung cấp vân tay hay mang giấy tờ tùy thân... Còn tội khác thì sao? Tôi hỏi anh, tại sao chúng ta không đơn giản thừa nhận rằng có sự khác biệt giữa các sắc tộc và các nền văn hóa? Tôi không bao giờ nói rằng một chủng tộc này tốt hay xấu hơn chủng tộc kia. Nhưng tôi có nói rằng anh sẽ chịu đau đớn nếu anh tìm cách trộn lẫn họ."

"Chúng ta đã chấm dứt việc cách li một nhóm người chỉ vì chủng tộc của họ từ nhiều năm trước rồi," Bell giọng lè nhè. "Anh biết đó là tội ác mà."

"Bán rượu cũng từng là tội ác, thưa thanh tra. Đi làm vào Chủ nhật từng là tội ác. Sử dụng đám trẻ mười tuổi làm việc ở nhà máy từng là hợp pháp. Rồi người ta ngoan hơn và thay đổi những luật lệ đó vì chúng không phản ánh bản chất thực sự của con người."

Hắn ngả người về phía trước và nhìn từ Bell sang Sachs. "Hai người bạn cảnh sát của tôi đây... Tôi xin hỏi hai vị một câu hỏi khó. Hai vị được tin báo một người đàn ông có thể đã phạm tội giết người và anh ta là người da đen hoặc gốc Tây Ban Nha. Hai vị thấy anh ta trong một con hẻm. Phải chăng ngón tay của hai vị sẽ siết chặt vào cò súng hơn nếu như anh ta là người da trắng? Hay nếu anh ta là một người da trắng và có vẻ là sáng sủa – nếu anh ta còn đủ răng và mặc đồ không bốc mùi như nước tiểu qua đêm – thì khi đó, liệu quý vị có bóp cò chậm hơn một chút không? Khi lục soát các vị có nhẹ nhàng hơn chút không?"

Tay tù nhân ngồi trở lại, lắc đầu. "Đó là những tội ác của tôi. Vậy thôi. Nêu những câu hỏi như vậy."

Grady nói đầy châm biếm, "Hay lắm, Andrew. Nhưng trước khi anh chơi lá bài bị truy bức, anh sẽ nói gì về việc Erick Weir đã ăn trưa với ba người khác ở quán Riverside Inn thuộc khu Bedford Junction hai tuần trước. Vốn chỉ cách nơi họp mặt của Hội Ái quốc ở Canton Falls hai cây số và cách nhà anh khoảng năm cây."

Constable chớp mắt. "Quán Riverside Inn?" Hắn nhìn ra ngoài cửa

sổ, nó u ám tới mức không thể nói bầu trời màu xanh da trời hay là màu vàng ô nhiễm hay là màu xám lạnh lẽo.

Mắt Grady nheo lại. "Sao? Anh biết gì về nơi đó à?"

"Tôi..." Luật sư của hắn chạm vào tay hắn để ra hiệu im lặng. Họ thì thầm với nhau một lát.

Grady không thể cưỡng lại việc thúc ép thêm. "Anh có biết ai là khách quen ở đó không?"

Constable liếc nhìn Roth, người đang lắc đầu và tay tù nhân im lặng.

Một lát sau Grady hỏi, "Xà lim của anh ra sao, Andrew?"

"Cái gì?"

"Xà lim của anh trong khu giam giữ này."

"Không quan tâm lắm. Tôi tưởng là anh biết rồi."

"Ở trong tù còn tệ hơn. Và anh sẽ bị biệt giam bởi vì đám da đen sẽ rất thích thú được..."

"Thôi nào, Charles," Roth nói đầy lo lắng. "Chúng tôi không cần nghe chuyện đó."

Tay công tố viên nói, "À, Joe, tôi nói nốt này. Tất cả những gì tôi nghe thấy là tôi không làm chuyện nọ, tôi không làm chuyện kia. Rằng có người đã gài bẫy và lợi dụng anh ta. Chà, nếu là như thế" – anh quay người nhìn thẳng Constable – "thì hãy lê mông khỏi đó và chứng minh cho tôi thấy. Chứng minh cho tôi thấy là anh không liên quan gì với cố gắng tìm cách giết tôi và gia đình tôi, và cho tôi tên của những người đã làm, rồi chúng ta sẽ nói chuyện."

Một lượt tư vấn thì thầm nữa giữa thân chủ và luật sư.

Cuối cùng Roth nói, "Thân chủ của tôi sẽ thực hiện vài cuộc gọi. Dựa trên những gì chúng tôi biết được, anh ấy sẵn lòng cân nhắc về việc hợp tác."

"Như thế không đủ. Cho tôi những cái tên ngay bây giờ."

Khó chịu, Constable nói trực tiếp với Grady, "Chuyện phải vậy. Tôi cần chắc chắn về việc này."

“Sợ là anh sẽ phải bán đứng vài người bạn hả?” Tay công tố viên nói lạnh lẽo. “Chà, anh nói anh thích nêu những câu hỏi khó. Để tôi hỏi anh một câu: Bạn bè kiểu gì mà sẵn sàng để anh ngồi tù suốt phần đời còn lại?” Grady đứng lên. “Đến chín giờ tối nay, nếu tôi không nghe được gì từ anh, chúng tôi sẽ mở phiên tòa vào ngày mai theo đúng kế hoạch.”

Chương ba mươi bốn

Sân khấu không có gì là hoành tráng.

Khi David Balzac giải nghệ nghề ảo thuật xiếc mười năm trước và mua lại Smoke & Mirrors, ông đã phá bỏ nửa phía sau cửa hàng để dựng một sân khấu nhỏ. Balzac không có giấy phép biểu diễn nên ông không thể thu tiền, nhưng ông vẫn tổ chức các buổi diễn ở đây – chiều Chủ nhật và tối thứ Năm hàng tuần – để học trò của ông có thể lên sân khấu và trải nghiệm xem việc biểu diễn thực thụ là thế nào.

Và nó thật sự khác biệt.

Kara biết rằng việc tập luyện ở nhà và biểu diễn trên sân khấu khác biệt. Có điều gì đó không thể giải thích được xảy ra khi bạn đứng trước mặt mọi người. Những trò tưởng như bất khả mà bạn liên tục làm rối tinh lúc ở nhà lại diễn ra hoàn hảo, bởi một đám andrenalin tâm linh bí ẩn chiếm lấy tay bạn và tuyên bố, "Không được làm hỏng màn này."

Ngược lại, trong một buổi trình diễn, bạn có thể làm hỏng một trò được coi là cơ bản, như trò giấu đồng xu Pháp, một trò đơn giản tới mức bạn thậm chí không bao giờ nghĩ rằng mình cần đề phòng nó trục trặc.

Một tấm màn đen, rộng chia tách sân khấu với phần kinh doanh của cửa hàng. Thỉnh thoảng nó lại đung đưa trong gió khi cửa trước mở ra và đóng lại cùng tiếng kêu bíp bíp yếu ớt từ cái mắt thần điện tử trên khung cửa.

Gần bốn giờ chiều Chủ nhật, người ta đang vào sân khấu và tìm chỗ ngồi – luôn bắt đầu từ phía sau (trong các buổi biểu diễn ảo thuật và ảo giác, không ai muốn ngồi hàng đầu; bạn không bao giờ biết khi nào mình có thể phải "tình nguyện" để rồi bị làm bẽ mặt trên sân khấu).

Đứng đằng sau tấm màn phông, Kara nhìn ra sân khấu. Những bức tường đen bằng phẳng được cạo và tạo thành sọc, sàn gỗ sồi cong vênh được phủ bằng vài tá băng dính giấy của những người biểu diễn khi che chắn các động tác của họ khi diễn thử. Phông nền chỉ là một tấm khăn màu đỏ mận cũ sờn. Và toàn bộ sân khấu đó nhỏ xíu: ba nhân ba mét sáu.

Dẫu vậy, với Kara nó vẫn là sân khấu Carnegie Hall[77] hay MGM Grand[78] và cô chuẩn bị để cống hiến cho khán giả tất cả những gì cô có.

Giống như các nghệ sĩ tạp kỹ hay ảo thuật gia phòng trà, hầu hết những người tạo ảo giác chỉ đơn giản là kết hợp hàng loạt các tiết mục lại với nhau. Những nghệ sĩ trình diễn có thể phân bổ các tiết mục một cách thận trọng, xây dựng dần cho màn hồi hộp cuối cùng, nhưng Kara cảm thấy cách thức đó giống như khi xem pháo hoa – mỗi quả pháo nổ ít hay nhiều đều ngoạn mục, nhưng tổng thể về mặt cảm xúc thì không làm thỏa mãn vì không có chủ đề hay sự tiếp nối giữa những lần pháo nổ. Màn trình diễn của một ảo thuật gia phải kể một câu chuyện, tất cả các màn kết nối với nhau, cái này dẫn tới cái kia với một hoặc nhiều những trò ban đầu quay trở lại ở cuối để cho khán giả, một hay hai điểm nhấn lý thú khiến họ, cô hy vọng, hồi hộp đến nghẹt thở.

---

[77] Nơi tổ chức các buổi hòa nhạc danh giá ở New York.

[78] Là khách sạn và sòng bài nổi tiếng ở Las Vegas, nơi cũng nổi tiếng về các buổi trình diễn ảo thuật.

Ngày càng nhiều người hơn tới rạp. Cô băn khoăn liệu hôm nay có nhiều người tới không, dù thực ra với cô thì chẳng có gì khác biệt. Cô yêu câu chuyện về Robert-Houdin, người đã bước lên sân khấu một đêm nọ và thấy chỉ có ba khán giả. Ông vẫn trình diễn như thể rạp hát đầy người – trừ tiết mục cuối cùng có hơi khác; ông mời khán giả về nhà ông ăn tối sau đó.

Cô tự tin với tiết mục của cô – ông Balzac đã bắt cô tập luyện, thậm chí cho những buổi nhỏ thế này, trong vòng nhiều tuần lễ. Và lúc này, vài phút cuối trước giờ mở màn, cô không nghĩ về những tiết mục của cô mà nhìn chằm chằm vào khán giả, tận hưởng trong thoáng chốc sự bình yên trong tâm trí. Cô cho rằng cô không được quyền cảm thấy thoải mái. Có rất nhiều lý do khiến cô không được tự hài lòng: tình trạng của mẹ cô đang tồi tệ hơn. Những rắc rối về tiền bạc ngày càng nhiều. Sự tiến bộ chậm chạp của cô trong mắt

ông Balzac. Cái gã cùng cô ăn bữa nửa buổi trên giường đã bỏ đi ba tuần tính đến hôm nay hứa là sẽ gọi cho cô. Chắc chắn rồi. Anh hứa.

Nhưng trò Bạn trai biến mất, Tiền bạc bốc hơi và Bà mẹ đãng trí không thể ảnh hưởng tới cô ở đây.

Không thể khi cô ở trên sân khấu.

Không có gì quan trọng với cô ngoại trừ thử thách tạo ra một vẻ mặt cụ thể trên khuôn mặt khán giả. Kara có thể thấy rõ điều đó: miệng khẽ mỉm cười, đôi mắt mở to vì ngạc nhiên, những cặp lông mày nhíu lại, thắc mắc về vấn đề hấp dẫn nhất trong mọi màn trình diễn ảo thuật: Họ làm điều đó như thế nào?

Trong những màn ảo thuật cự ly gần, có các màn nhanh tay lẹ mắt được gọi là lấy đi và bỏ lại. Ta tạo ra hiệu ứng biến đổi một vật từ thứ này thành thứ khác bằng cách lấy món đồ gốc đi một cách tinh tế và bỏ món thứ hai vào đúng chỗ đó, thế nhưng hiệu ứng khán giả nhìn thấy là món đồ này biến thành món đồ khác. Và đó chính xác là triết lý trình diễn của Kara: lấy đi sự buồn bã hay nhàm chán hay giận dữ nơi khán giả của cô và thay vào đó là niềm hạnh phúc, sự thích thú, sự bình yên, biến họ thành những người với tim đập rộn rã, dù trong thoáng chốc.

Sắp tới giờ bắt đầu rồi. Cô nhìn qua tấm màn lần nữa.

Hầu hết những chiếc ghế đã có người, cô lấy làm ngạc nhiên. Trong những ngày đẹp trời thế này, lượng khán giả thường khá ít. Cô hài lòng khi Jaynene từ nhà dưỡng lão cũng tới, vóc dáng cao to của chị trong một thoáng che mất lối vào phía sau. Vài y tá khác từ nhà an dưỡng Stuyvesant Manor đi cùng chị. Họ đi sâu hơn vào trong và tìm thấy ghế ngồi. Vài người bạn khác nữa của Kara nữa, từ tờ tạp chí và khu căn hộ nhà cô ở đường Greenwich.

Rồi ngay sau bốn giờ, bức màn phía sau mở rộng và người khán giả cuối cùng bước vào – một người mà cả triệu năm nữa cô cũng không mong chờ là sẽ tới xem buổi diễn của cô.

***

"Vào được," Lincoln Rhyme bình luận ráo hoảnh, đang lái chiếc xe lăn Storm Arrow bóng loáng của anh tới một vị trí ở lưng chừng lối đi giữa hai hàng ghế trong Smoke & Mirrors, rồi dừng lại. "Không kiện cáo ADA[79] hôm nay."

[79] *ADA (The Americans with Disabilities Act): Đạo luật về Người Mỹ Tàn tật đảm bảo cho tất cả người tàn tật có thể hòa nhập hoàn toàn vào xã hội Mỹ. Trong đó có những luận điểm yêu cầu các địa điểm công cộng phải đảm bảo an toàn và tiện lợi cho người khuyết tật.*

Một tiếng trước, anh đã làm Sachs và Thom ngạc nhiên khi đề nghị họ lái xe tới cửa hàng bằng chiếc xe tải nhỏ của anh – chiếc Rollx có lối dốc lên xuống – để xem màn biểu diễn của Kara.

Rồi anh nói thêm, "Thế nhưng thật xấu hổ khi lãng phí một buổi chiều xuân đẹp đẽ thế này trong nhà."

Khi họ nhìn anh chằm chằm – bởi trước khi tai nạn xảy ra, anh cũng hiếm khi trải qua một buổi chiều mùa xuân đẹp đẽ ngoài trời – anh nói, "Tôi đùa thôi. Cảm phiền anh lái xe, Thom."

"Có cả 'cảm phiền' cơ đấy," người trợ lý nói.

Vào lúc anh nhìn quanh cái rạp xập xệ, anh để ý thấy một phụ nữ da đen to lớn nhìn anh. Chị ta đứng lên từ từ và đến ngồi gần họ, cạnh Sachs, bắt tay cô và gật đầu với Rhyme. Chị ta hỏi có phải họ chính là các cảnh sát mà Kara đã kể với chị. Anh nói phải và họ tự giới thiệu với nhau.

Chị ta là Jaynene, y tá làm việc ở trung tâm chăm sóc người cao tuổi mà mẹ Kara đang sống.

Người phụ nữ cố ý nhìn Rhyme, người đang dành cho chị một cái nhìn vẻ châm biếm với sự mô tả đó, nên chị nói, "Ấy. Tôi nói thế hả? Ý tôi là 'nhà dưỡng lão'."

"Tôi từng ở 'TIMC'," nhà tội phạm học nói.

Người phụ nữ nhíu mày và cuối cùng lắc đầu. "Tôi mới nghe lần đầu."

Thom nói, "Trung tâm Giảm nhẹ Sang chấn Biến cố[80]."

Rhyme nói, "Tôi gọi đó là Nhà trọ Què."

"Nhưng anh ta cố tình gây sự," Thom nói thêm.

"Tôi từng làm ở bộ phận về cột sống. Chúng tôi rất thích những bệnh nhân thích gây chuyện. Những người lặng lẽ, vui vẻ khiến chúng tôi sợ hãi."

Rhyme nhớ lại, đó là vì họ là những người có bạn bè tuồn cho họ hàng trăm viên Seconal[81] để bỏ vào đồ uống. Hoặc họ là những người mà, nếu còn cử động được tay, rót nước lên đèn điều khiển bếp lò và bật lửa lên mức cao nhất.

---

[80] Nguyên văn: "Traumatic Incident Mitigation Center."

[81] Secobarbital natri là một loại thuốc có tính chất gây mê, chống co giật, giải lo âu, an thần và thôi miên.

Chết vì bỏng độ bốn, người ta vẫn gọi thế.

Jaynene hỏi Rhyme, "Anh là mức C4 hả?"

"Đúng rồi."

"Hãy tắt máy thông gió. Tốt cho anh."

"Mẹ Kara có đây không?" Sachs hỏi và nhìn quanh.

Jaynene khẽ nhíu mày và nói, "À, không."

"Bà ấy có bao giờ tới thăm cô ấy không?"

Người phụ nữ nói thận trọng, "Mẹ cô ấy không thực sự tham gia vào sự nghiệp của Kara."

Rhyme nói, "Kara nói với tôi rằng bà ấy bị ốm. Bà ấy có khá hơn không?"

"Một chút, có," người phụ nữ nói.

Ryhme cảm thấy có một câu chuyện đằng sau, nhưng giọng nói của người phụ nữ cho thấy chị không muốn trao đổi những vấn đề riêng tư với những người lạ.

Rồi những ánh đèn mờ dần và đám đông trở nên im lặng. Một người đàn ông tóc trắng leo lên sân khấu. Bất chấp tuổi tác và những dấu hiệu của một cuộc sống khó khăn – mũi của một bợm nhậu và hàm râu lấm tấm tàn thuốc lá – mắt ông sắc sảo, tư thế thẳng thớm và ông bước về phía giữa sân khấu với thái độ của một người biểu diễn chuyên nghiệp. Ông đứng cạnh thứ duy nhất trên bục – một miếng gỗ cắt theo hình cột La Mã. Khung cảnh xung quanh tối tàn, nhưng người đàn ông mặc một bộ vest cắt khéo léo, như thể ông có quy tắc là bất kỳ khi nào đứng trên sân khấu, nhìn ta phải đẹp nhất dành cho khán giả của ta.

A, Rhyme suy luận, người thầy khét tiếng, David Balzac. Ông ta không tự giới thiệu bản thân nhưng nhìn về phía khán giả một lát, mắt ông dừng lại ở Rhyme lâu hơn so với hầu hết những người khác. Dù nghĩ gì đi nữa thì ông ta cũng giấu đi và ông nhìn qua chỗ khác. "Hôm nay, thưa các quý ông quý bà, tôi hân hạnh được giới thiệu một trong những học trò hứa hẹn nhất của tôi. Tính tới giờ Kara đã học với tôi được hơn một năm. Cô ấy sẽ chiêu đãi quý vị một vài màn ảo thuật huyền bí trong lịch sử nghề nghiệp của chúng tôi – một số là tiết mục của tôi, một số là của cô ấy. Xin đừng kinh ngạc" – một ánh mắt quỷ quái có vẻ như hướng thẳng về phía Rhyme – "hay bị sốc bởi bất kỳ điều gì quý vị nhìn thấy hôm nay. Và bây giờ, thưa các quý ông quý bà… Tôi xin giới thiệu… Kara."

Rhyme quyết định giết thời gian bằng cách làm một nhà khoa học. Anh thích thú với thách thức phát hiện ra cách thức thực hiện các màn ảo thuật của cô, để ý cách cô thực hiện những trò đó, cách những lá bài và đồng xu được giấu trong bàn tay và nơi những bộ trang phục biến y được che giấu. Kara vẫn dẫn trước vài điểm trong trò mèo bắt chuột này, trò mà cô chắc chắn không biết là họ đang chơi.

Cô gái trẻ bước ra sân khấu, mặc một bộ áo liền quần màu đen ôm sát người với một mảnh giấy cắt hình trăng lưỡi liềm trên ngực, dưới một tấm áo choàng lấp lánh, xuyên thấu, giống như một cái áo toga La Mã trong suốt. Anh chưa bao giờ nghĩ là Kara quyến rũ, chứ đừng nói là gợi tình, nhưng bộ đồ bó đó rất gợi cảm. Cô di chuyển như một vũ công hấp dẫn và thướt tha. Một khoảng lặng dài trong lúc cô từ tốn khảo sát khán giả của mình. Có vẻ như cô đang nhìn vào từng người. Sự căng thẳng bắt đầu tăng lên. Cuối cùng: "Biến đổi," cô nói với giọng đầy chất sân khấu. "Biến đổi… Nó khiến chúng ta phấn khích làm sao. Giả kim thuật – biến đồng và thiếc thành vàng…" Cô giơ một đồng xu bạc lên. Nắm chặt nó trong bàn tay rồi mở ra ngay sau đó, lúc này trong tay cô là một đồng xu vàng rồi cô ném nó lên không trung; nó biến thành một cơn mưa kim tuyến màu vàng.

Tiếng vỗ tay vang lên từ khán giả và những tiếng thì thầm hài lòng.

"Đêm…" Những ngọn đèn trong phòng bỗng nhiên mờ đi, tối đen và một thoáng sau – chỉ vài giây – bật lên trở lại. "… trở thành ngày." Kara giờ mặc bộ đồ bó tương tự, nhưng có màu vàng kim và phần cắt trước ngực là một quầng sáng lớn. Rhyme phải bật cười với tốc độ của màn biến y. "Sự sống…" Một đóa hồng đỏ hiện ra

trên tay cô. "… trở thành cái chết…" Cô khum bàn tay lại và nó biến thành một đóa hoa khô vàng úa. "… trở thành sự sống." Một bó hoa tươi bằng cách nào đó đã thay cho đóa hoa héo vừa rồi. Cô ném chúng cho một phụ nữ đang phấn khích trong đám khán giả. Rhyme nghe thấy tiếng thì thầm kinh ngạc: "Là hoa thật đấy!"

Kara hạ bàn tay của cô xuống bên cạnh người phụ nữ và nhìn về phía khán giả lần nữa với một biểu cảm nghiêm túc trên mặt. "Có một cuốn sách," cô nói, giọng cô ngập khắp căn phòng. "Một cuốn sách viết hàng nghìn năm trước của Ovid[82], một tác giả La Mã. Cuốn sách có tựa đề *Metamorphoses*. Giống như 'hóa thân[83]' – khi một con sâu biến thành…" Cô mở bàn tay ra, một con bướm bay ra và biến mất đằng sau sân khấu.

Rhyme từng học tiếng Latinh bốn năm. Anh nhớ lại cuộc vật lộn với phần dịch sách của Ovid trong lớp. Anh nhớ đó là một loạt mười bốn hay mười lăm truyện thần thoại ngắn viết dưới dạng thơ. Kara định làm gì đây? Giảng giải về văn chương kinh điển với một đám đông khán giả gồm các bà mẹ là luật sư với những đứa nhóc chỉ nghĩ tới những món đồ chơi điện tử Xbox và Nintendo của chúng (dù anh để ý là bộ đồ bó của cô thu hút được sự chú ý của mọi cậu thiếu niên trong đám khán giả).

Cô nói tiếp, "*Metamorphoses*… Đó là một cuốn sách về sự biến đổi. Về những con người trở thành người khác, thành động vật, cây cối, các đồ vật vô tri vô giác. Một số câu chuyện của Ovid là bi kịch, một số thật mê hoặc, nhưng tất cả đều một điểm chung." Một khoảng lặng rồi cô nói bằng giọng thật lớn, "Ma thuật!" Với một quầng sáng bùng lên và một làn khói, cô biến mất.

---

[82] Publius Ovidius Naso (43 trước Công nguyên – 17 hoặc 18), tức Ovid, nhà thơ lớn của La Mã có ảnh hưởng lâu dài và sâu đậm trong nghệ thuật châu Âu.

[83] Tiếng Anh là "metamorphosis."

Trong bốn mươi phút tiếp theo, Kara mê hoặc khán giả với hàng loạt màn ảo thuật và trò nhanh tay lẹ mắt dựa trên một số bài thơ trong cuốn sách. Còn về việc bắt được những động tác của cô, Rhyme đã bỏ cuộc hoàn toàn. Thực vậy, anh lạc lối trong màn kịch với những câu chuyện của cô. Nhưng ngay cả khi anh đã ra khỏi bùa mê của cô và tập trung vào đôi tay cô, anh vẫn không thể nhận ra cách thức cô làm. Sau một sự tung hô kéo dài và yêu cầu diễn lại, trong lúc đó cô biến y thành một bà già nhỏ xíu và rồi biến trở lại ("Trẻ trở thành già… già trở thành trẻ"), cô rời sân

khấu. Năm phút sau đó, Kara xuất hiện trong bộ quần bò và áo cánh trắng và bước về phía khán giả để chào bạn bè mình.

Một người bán hàng bày biện trên bàn một bình rượu vang, cà phê và xô-đa, bánh quy.

“Không có whisky à?” Rhyme hỏi, nhìn qua chỗ bày biện.

“Xin lỗi, thưa ông,” người đàn ông trẻ râu ria đáp.

Sachs, cầm ly rượu vang, gật đầu với Kara, người vừa tới chỗ họ. “Này, thật tuyệt. Tôi chưa bao giờ nghĩ sẽ gặp mọi người ở đây.”

“Tôi có thể nói gì đây?” Sachs đáp. “Tuyệt vời.”

“Xuất sắc,” Rhyme nói với cô rồi quay trở lại quầy bar. “Có thể có whisky phía sau, Thom.”

Thom hất đầu về phía Rhyme và nói với Kara, “Cô có thể thay đổi được tính tình anh ta không?” Anh lấy hai ly Chardonnay, bỏ ống hút vào một ly và đưa ra cho sếp của mình. “Đây hoặc không gì hết, Lincoln.”

Anh nhấp một ngụm rồi nói, “Tôi thích cái kết trẻ - già. Không ngờ đấy. Tôi sợ là cô sẽ biến thành một con bướm ở đoạn cuối. Khuôn sáo lắm, cô biết đấy.”

“Anh lo là phải. Với tôi, hãy trông đợi điều bất ngờ. Nhanh tâm lẹ trí, nhớ không?”

“Kara,” Sachs nói, “cô phải thử ở Cirque Fantastique.” Cô gái cười lớn nhưng không nói gì.

“Không, tôi nghiêm túc đó – buổi diễn đạt đẳng cấp chuyên nghiệp,” Sachs khăng khăng.

Rhyme có thể nói rằng Kara không muốn nói tiếp chuyện đó. Cô nói nhẹ nhàng, “Tôi đang đúng lộ trình. Không có gì phải gấp. Rất nhiều người phạm sai lầm khi nhảy quá sớm.”

“Hãy kiếm chút đồ ăn nào,” Thom đề nghị. “Tôi đói ngấu rồi. Jaynene, chị cũng đi cùng nhé.”

Người phụ nữ to lớn nói chị rất thích và đề xuất một nơi gần chợ Jefferson ở đường Sáu và Mười.

Tuy nhiên, Kara từ chối, nói cô phải ở lại và tập một số tiết mục cô

đã làm chưa tốt trong màn trình diễn.

“Cô bé, không đời nào,” nữ y tá nói, nhíu mày. “Cô phải làm việc sao?”

“Chỉ vài tiếng thôi. Có người bạn của ông Balzac diễn một buổi riêng tối nay và ông ấy sẽ đóng cửa hàng sớm để đi xem.” Kara ôm Sachs và nói tạm biệt. Họ trao đổi số điện thoại, hứa sẽ giữ liên lạc.

Rhyme cảm ơn cô lần nữa vì sự hỗ trợ trong vụ Weir. “Chúng tôi đã không bắt được hắn nếu không có cô.”

“Chúng tôi sẽ tới xem cô ở Las Vegas,” Thom nói.

Rhyme bắt đầu điều khiển chiếc Storm Arrow về phía trước cửa hàng. Khi anh liếc sang bên trái thì thấy cặp mắt tĩnh tại của Balzac dõi theo anh từ phòng sau. Nhà ảo thuật sau đó quay sang Kara khi cô tới gặp ông. Ngay lập tức, trước sự hiện diện của ông, cô là một cô gái rất khác, rụt rè và không tự nhiên. Hóa thân, Rhyme nghĩ, và anh nhìn Balzac từ từ đóng cánh cửa lại, ngăn cách phần còn lại của thế giới với thầy phù thủy và người tập sự của ông.

Chương ba mươi lăm

Tao sẽ nói lại lần nữa. Mày có quyền có luật sư, nếu mày muốn."

"Tôi hiểu điều đó," Erick Weir lầm bầm trong tiếng thở đầy nặng nhọc.

Họ đang ở trong văn phòng của Lon Sellitto ở One Police Plaza. Đó là một căn phòng nhỏ, chủ yếu là màu xám, được trang trí với – chính viên thanh tra sẽ viết trong báo cáo là – "một bức ảnh trẻ sơ sinh, một bức ảnh bé trai, một bức ảnh phụ nữ trưởng thành, một bức ảnh chụp hồ nước không xác định được địa điểm, một cái cây – đã chết."

Sellitto đã thẩm vấn hàng trăm nghi phạm trong văn phòng này. Khác biệt duy nhất giữa chúng và nghi phạm hiện giờ là Weir bị còng hai lần vào chiếc ghế màu xám bên kia bàn. Và một cảnh sát tuần tra trang bị vũ khí đứng sau lưng hắn.

"Mày hiểu không?"

"Tôi đã nói là tôi hiểu rồi," Weir tuyên bố. Và thế là cuộc thẩm vấn bắt đầu.

Không giống Rhyme, vốn chuyên về pháp y, thanh tra bậc một Lon Sellitto là cảnh sát chuyên nghiệp. Anh là thanh tra theo đúng nghĩa của từ này. Anh "tra" ra sự thật, sử dụng những nguồn lực mà NYPD và các cơ quan thành viên có, cũng như sự tinh ranh đường phố và sự lì lợm của anh. Đó là công việc tuyệt vời nhất thế gian, anh thường nói thế. Công việc này đòi hỏi bạn phải là một diễn viên, một chính trị gia, một kỳ thủ và đôi khi một tay găng-xtơ và đập lộn.

Và một trong những phần hay nhất là trò chơi thẩm vấn, khiến các nghi phạm thú tội hay tiết lộ tên đồng phạm và vị trí của vụ

cướp hay thi thể nạn nhân.

Nhưng ngay từ đầu đã rõ là tên khốn này sẽ không cung cấp nhiều thông tin cho anh.

"Giờ thì, Erick, mày biết gì về Hội Ái quốc?"

"Như tôi đã nói, chỉ những gì tôi đọc được về họ," Weir đáp, cố hết sức gãi cằm bằng vai. "Anh có thể tháo mấy chiếc còng này ra chỉ một lát thôi không?"

"Không được. Mày chỉ đọc về hội đó thôi hả?"

"Đúng." Weir hắng một chốc.

"Ở đâu?"

"Tạp chí *Time*, tôi nghĩ vậy."

"Và mày là người có học, mày nói điều tốt. Tao đoán là mày không tin triết lý của bọn chúng."

"Tất nhiên là không." Gã càu nhàu, "Với tôi họ có vẻ giống những kẻ điên rồ cuồng tín."

"Vậy là nếu mày không tin vào quan điểm chính trị của bọn chúng thì lý do duy nhất để giết Charles Grady cho bọn chúng là vì tiền. Điều mà mày đã thú nhận ở nhà Rhyme. Nên tao muốn biết chính xác ai đã thuê mày."

"Ồ, tôi không định giết anh ta," tay tù nhân thì thầm. "Anh hiểu sai ý tôi rồi."

"Có gì mà hiểu sai? Mày đột nhập vào nhà anh ấy với một khẩu súng đã nạp đạn."

"Xem này, tôi thích những thử thách. Thử xem tôi có thể lọt vào những nơi mà không ai có thể không. Tôi sẽ không bao giờ làm ai bị thương." Nửa câu gửi tới Sellitto, nửa câu còn lại là tới cái máy quay cũ mèm đang chĩa vào mặt gã.

"Vậy nói coi, món bánh thịt xay thế nào? Hay là mày đã ăn gà tây quay?"

"Món gì?"

"Ở Bedford Junction. Trong nhà hàng Riverside Inn. Tao đoán là

mày ăn gà tây, và đám tay chân của Constable ăn bánh thịt xay, bít-tết và món đặc biệt trong ngày. Jeddy ăn món nào?"

"Ai cơ? Ồ, người mà anh đã hỏi tôi đấy hả? Barnes. Anh đang nói về tờ hóa đơn đó, đúng không?" Weir nói, rít lên. "Sự thật là tôi vừa tìm thấy nó. Tôi phải viết vài thứ ra và chụp vội một tờ giấy."

Sự thật ư? Sellitto nghĩ. Phải rồi. "Mày chỉ muốn viết thứ gì đó ra thôi hả?"

Thở khó nhọc, Weir gật đầu.

"Mày đã ở đâu?" Lon Sellitto, đã trở nên chán chường, vẫn kiên trì. "Khi mày cần mẩu giấy đó?"

"Tôi không biết. Một quán Starbucks."

"Quán nào?"

Weir nheo mắt. "Không nhớ."

Dạo gần đây, những tên tội phạm đã bắt đầu viện dẫn quán Starbucks rất nhiều khi đưa ra bằng chứng ngoại phạm. Sellitto cho rằng lý do là vì có quá nhiều tiệm cà phê như thế và trông chúng hệt như nhau – bọn tội phạm nghe có vẻ đáng tin khi nói mình không chắc ở quán nào vào một thời điểm cụ thể.

"Tại sao nó lại còn trắng?" Sellitto tiếp tục.

"Cái gì còn trắng?"

"Mặt sau tờ hóa đơn. Nếu mày lấy nó để viết thứ gì đó thì tại sao mày lại không viết lên đó?"

"Ồ. Tôi nghĩ là tôi không tìm thấy bút."

"Họ có bút ở Starbucks. Người ta trả tiền cho rất nhiều thứ ở đó. Họ cần bút để ký biên lai thẻ tín dụng."

"Người bán hàng đang bận. Tôi không muốn làm phiền."

"Mày muốn viết cái gì?"

"Ừm," rồi có tiếng thở nặng nhọc, "giờ chiếu phim."

"Thi thể Larry Burke ở đâu?"

“Ai cơ?”

“Viên cảnh sát đã bắt mày ở đường Tám Mươi Tám. Mày nói với Lincoln Rhyme tối qua rằng mày giết anh ấy và thi thể anh ấy ở đâu đó bên khu West Side.”

“Tôi đã cố gắng làm cho anh ta nghĩ rằng tôi sẽ tấn công rạp xiếc, dẫn dắt anh ta lạc hướng. Cung cấp thông tin giả cho anh ta.”

“Và khi mày thừa nhận đã giết các nạn nhân kia thì sao? Đó cũng là thông tin giả à?”

“Chính xác. Tôi không giết ai cả. Có người đã làm thế và đổ cho tôi.”

A, trò bào chữa cũ kỹ nhất. Tệ hại nhất. Đáng hổ thẹn nhất.

Tuy nhiên lời bào chữa đó, tất nhiên, thi thoảng có hiệu quả, Sellitto biết điều đó – phụ thuộc vào sự cả tin của bồi thẩm đoàn.

“Ai muốn cài bẫy mày?”

“Tôi không biết. Nhưng người đó quen tôi, hiển nhiên thế.” “Vì họ có thể tiếp cận quần áo, lông tóc và đồ đạc của mày, để cài cắm ở hiện trường.”

“Chính xác.”

“Tốt. Vậy thì sẽ có một danh sách ngắn thôi. Hãy cho tao vài cái tên.”

Weir nhắm mắt lại. “Tôi không nghĩ ra gì cả.” Đầu gã sụp xuống. “Thật đáng thất vọng.”

Sellitto cũng có thể nói câu đó.

Nửa giờ nhạt nhẽo của trò chơi này đã trôi qua. Cuối cùng, viên thanh tra bỏ cuộc. Anh tức giận, nghĩ rằng mình có thể sớm về nhà với bạn gái anh và bữa tối mà cô đang làm – gà tây, thật trớ trêu, đúng như trên thực đơn bữa trưa tại Riverside Inn ở khu Bedford Junction – nhưng cảnh sát Larry Burke sẽ không bao giờ về với vợ được nữa. Anh từ bỏ vẻ ngoài của một người thẩm vấn thân thiện, bền bỉ và thì thầm, “Tao muốn mày cút đi cho khuất mắt.”

Sellitto và các cảnh sát khác lái xe đưa tù nhân đi qua hai dãy nhà tới Trung tâm Giam giữ Manhattan với các cáo buộc giết người,

mưu sát, tấn công và phóng hỏa. Viên thanh tra cảnh báo các cảnh sát trong trại giam về kỹ năng trốn thoát của gã và họ đảm bảo với anh rằng Weir sẽ được nhốt trong khu giam giữ đặc biệt, một nơi gần như không thể trốn thoát.

"À, thanh tra Sellitto," Weir gọi bằng tiếng thì thầm phát ra từ cổ họng.

Viên thanh tra quay lại.

"Tôi thề có Chúa là tôi không làm điều đó," gã thở gấp, giọng gã âm vang với âm điệu nghe như hối hận thật sự. "Có thể sau khi tôi nghỉ ngơi một chút, tôi sẽ nhớ ra điều gì đó giúp anh tìm được tên sát nhân thực sự. Tôi thực sự muốn giúp anh."

***

Dưới lầu trong khu Hầm mộ, hai cảnh sát nắm chặt hai cánh tay tên tù nhân để gã lê chân vào phòng đăng ký.

Trông không có vẻ uy hiếp mình, sĩ quan của Cục Trại giam Linda Welles nghĩ. Gã mạnh mẽ, cô có biết thế, nhưng không giống một số con quái vật mà họ từng xử lý ở đây, những thằng nhóc từ khu Alphabet City hay Harlem với thân hình hoàn hảo mà dù cho cả một lượng lớn ma túy, đánh đấm và rượu mạnh cũng không thể làm yếu đi.

Không, cô không biết tại sao họ lại nhắng lên như thế về gã đàn ông gầy gò lớn tuổi này, Weir, Erick A.

"Để mắt tới gã, lúc nào cũng phải theo dõi tay gã. Không được tháo xích ra." Thanh tra Sellitto đã cảnh báo như thế. Nhưng nghi phạm trông chỉ có vẻ buồn bã, mệt mỏi và thở nặng nhọc. Cô tự nhủ chuyện gì đã xảy ra với bàn tay và cổ gã, những vết sẹo đó. Lửa hay dầu sôi. Nghĩ về sự đau đớn đó khiến cô rùng mình.

Welles nhớ lại những gì gã đã nói với thanh tra Sellitto ở cổng vào. *Tôi thực sự muốn giúp*. Weir nghe như thể một cậu học trò đã làm cha mẹ mình thất vọng.

Bất chấp những lo ngại của thanh tra Sellitto, việc lấy vân tay và chụp ảnh phạm nhân diễn ra suôn sẻ và thật nhanh chóng, gã đã bị còng tay và xích chân lại. Welles và Hank Gersham, một nam sĩ quan cao lớn của Cục Trại giam, mỗi người xách một tay gã rồi họ bắt đầu đi dọc hành lang dài tới khu giam giữ.

Welles đã xử lý hàng nghìn tội phạm ở đây và cho rằng cô đã miễn nhiễm với những khẩn nài, phản đối và nước mắt của bọn họ. Nhưng có gì đó về lời hứa buồn bã của Weir với thanh tra Sellitto làm cô cảm động. Có thể gã thực sự vô tội. Gã hầu như không có vẻ là một kẻ giết người.

Gã nheo mắt và Welles thả lỏng bàn tay như gọng kìm của cô trên vai gã ra một chút.

Một lát sau, gã tù nhân rên rỉ và tựa vào người cô. Mặt gã nhăn nhúm vì đau đớn.

"Sao?" Hank hỏi.

"Chuột rút," gã thở gấp. "Đau lắm… Trời ơi." Gã thét lên lanh lảnh. "Xích chân!"

Chân trái gã duỗi ra, run rẩy, cứng như gỗ.

Tay lính gác hỏi cô, "Mở ra nhé?"

Welles do dự. Rồi nói, "Không." Rồi nói với Weir, "Hãy ngồi xuống, bên cạnh anh ta. Rồi sẽ ổn thôi." Là một người chạy bộ, cô biết cách xử lý chuột rút. Có lẽ không phải giả vờ – gã có vẻ đau đớn thực sự và cơ bắp cứng ngắc.

"Ôi, Chúa ơi," Weir kêu thảm thiết. "Xích chân!"

"Chúng ta phải tháo ra," đồng sự của cô nói.

"Không," Welles lặp lại cương quyết. "Để anh ta xuống sàn. Tôi sẽ xử lý."

Họ nhẹ nhàng đặt Weir xuống và Welles bắt đầu mát-xa cái chân tê dại của hắn. Hank lùi lại và theo dõi cô làm việc. Rồi cô tình cờ liếc mắt lên. Cô để ý thấy đôi tay bị còng của Weir, vẫn ở sau lưng gã nhưng đã dịch sang bên cạnh sườn và xích chân của gã đã tuột xuống một chút.

Cô nhìn kỹ hơn. Cô thấy một miếng băng cá nhân đã được lột ra khỏi hông gã và dưới đó – cái quái gì thế này? Cô nhận ra đó là một mảnh da.

Đó cũng là lúc tay gã đấm thẳng vào mũi cô, làm lệch hẳn phần sụn mũi. Một cơn đau kinh khủng xé nát mặt cô và làm cô nghẹt thở.

Một chiếc chìa khóa! Gã có một chiếc chìa khóa hay đồ phá khóa giấu trong kẽ da dưới tấm băng cá nhân đó.

Đồng sự của cô vươn tới thật nhanh, nhưng Weir đứng lên còn nhanh hơn và thúc cùi chỏ vào họng anh. Người đàn ông gục xuống, thở gấp rồi ôm lấy cổ, ho và hớp không khí. Weir thò một tay vào khẩu súng ngắn của Welles và cố rút nó ra khỏi bao. Cô dùng cả hai tay giằng khẩu súng lại, với toàn bộ sức lực của mình. Cô cố gắng hét lên, nhưng máu từ chiếc mũi gãy chảy xuống cổ họng và cô bắt đầu bị nghẹn.

Vẫn nắm chặt khẩu súng của cô, gã tù nhân với tay trái xuống và dường như chỉ mất vài giây tháo xích chân của gã ra. Rồi bằng cả hai tay, gã dùng hết sức lôi khẩu Glock ra khỏi tay cô.

"Giúp tôi!" Cô hét lên, ho sặc sụa trong máu. "Có ai đó không, giúp với!"

Weir rút được món vũ khí khỏi bao súng của cô, nhưng Welles nghĩ tới các con mình, cô túm chặt lấy cổ tay gã. Họng súng vung vẩy trong hành lang vắng người, qua Hank, trượt xuống tay và đầu gối anh, khi anh đang nôn ọe và ngớp không khí.

"Cứu! Cảnh sát đâu! Cứu!" Welles hét lên.

Có động tĩnh ở cuối hành lang khi một cánh cửa mở ra và ai đó chạy vào. Nhưng hành lang dường như dài tới mười lăm cây số và Weir sắp giằng được khẩu súng. Họ vật lộn trên sàn, đôi mắt liều lĩnh của gã chỉ cách cô vài xen-ti-mét, họng súng dần hướng về phía cô. Nó dừng lại giữa hai người họ. Thở gấp, gã cố gắng đưa ngón trỏ vào cò súng.

"Không, xin đừng, không, không," cô thút thít. Gã tù nhân mỉm cười tàn nhẫn khi cô nhìn chằm chằm vào con mắt đen ngòm của món vũ khí, chỉ cách mặt cô một chút, có thể nhả đạn bất cứ lúc nào.

Cô nhìn thấy các con cô, thấy chồng, thấy mẹ của mình…

Không đời nào, Welles nghĩ, căm hờn. Cô đạp chân vào tường và đẩy mạnh. Weir ngã ngửa ra sau và cô đè lên gã.

Khẩu súng nổ lớn, nó giật mạnh làm cổ tay cô ê ẩm, âm thanh chát chúa vang lên.

Máu bắn lên tường.

Không, không, không!

Cầu cho Hank không sao! Cô cầu nguyện.

Nhưng Welles thấy đồng đội của mình vất vả đứng lên. Anh không sao. Rồi cô nhận ra rằng lúc này cô không còn giành giật món vũ khí. Nó đang nằm trong tay cô; Weir không còn nắm chặt nó nữa. Run rẩy, cô nhảy lên và lùi lại khỏi gã.

Ôi, Chúa ơi…

Viên đạn đã xuyên thẳng qua thái dương gã tù nhân, để lại một vết thương kinh hoàng. Trên tường đằng sau gã là một vệt máu, não và xương. Weir nằm ngửa, mắt trợn trừng nhìn trần nhà. Máu chảy từ thái dương gã xuống sàn.

Run rẩy, Welles khóc váng, "Chó chết, xem tôi đã làm gì đây! Ôi mẹ kiếp! Có ai không, giúp gã đi!"

Khi cả tá cảnh sát tụ tập lại ở hiện trường, cô quay sang nhìn mấy người, nhưng rồi thấy họ bất động và ở vào tư thế phòng ngự.

Welles thở gấp. Phải chăng có nghi phạm nào khác đằng sau cô? Cô quay người lại và thấy hành lang trống trơn. Cô quay lại rồi thấy mấy viên cảnh sát đang thụp người xuống, giơ tay họ lên cảnh báo. Hét lớn. Tai điếc đặc vì tiếng súng nổ, cô không thể hiểu nổi họ đang nói gì.

Cuối cùng cô nghe thấy, "Chúa ơi, súng của cô, Linda! Cho vào bao đi! Cô đang chĩa nó đi đâu đấy!"

Cô nhận ra rằng trong cơn hoảng loạn, cô đang vẫy khẩu Glock xung quanh – lên trần nhà, xuống sàn, về phía họ – giống như một đứa trẻ với một khẩu súng đồ chơi.

Cô cười một tiếng thẫn thờ về sự bất cẩn của mình. Khi cô đút khẩu súng ngắn vào bao, cô cảm thấy có thứ gì cấn cấn ở thắt lưng và lấy nó ra. Cô xem xét mảnh xương dính máu từ sọ của Weir. "Ồ," cô nói, thả nó xuống và cười lớn như con gái cô khi bị cù. Cô nhổ nước bọt vào lòng bàn tay và quẹt tay vào quần. Việc cọ quẹt ngày càng gấp gáp cho tới khi tiếng cười bỗng nhiên dừng lại và cô quỳ sụp xuống, khóc nức nở.

Chương ba mươi sáu

Mẹ phải thấy, mẹ ạ. Con nghĩ là con đã làm họ ngây ngất."

Kara ngồi trên thành ghế, cầm ly cà phê Starbucks âm ấm trong tay cô, hơi ấm từ chiếc cốc giấy thật giống với độ ấm của da người – như nhiệt độ làn da mẹ cô chẳng hạn, làn da vẫn còn hồng hào, còn rạng rỡ.

"Con có nguyên sân khấu cho riêng mình trong bốn mươi lăm phút. Hay không?"

"Con…?"

Từ đó không phải là của một cuộc đối thoại tưởng tượng. Người phụ nữ đã thức giấc và hỏi một câu rành rọt.

Con.

Dù Kara không biết được ý mẹ mình là gì. Nó có thể có nghĩa là: Con vừa nói gì?

Hay: Con là ai? Tại sao con vào phòng ta và ngồi ở đây như thể chúng ta quen biết nhau?

Hay: Ta từng nghe từ "con" ở đâu đó rồi nhưng ta không biết nó có nghĩa gì và ta xấu hổ quá không dám hỏi. Ta biết là nó quan trọng, nhưng ta không nhớ nổi. Con, con, con…

Rồi mẹ cô nhìn ra cửa sổ vào đám thường xuân leo, rồi nói, "Mọi việc sẽ ổn. Chúng ta rồi sẽ vượt qua chuyện này thôi."

Kara biết sẽ chỉ thất vọng mà thôi nếu tiếp tục nói chuyện với bà khi bà đang ở trong trạng thái tâm trí thế này. Những câu nói của bà chẳng liên quan gì tới nhau. Thậm chí đôi khi bà còn quên mất dòng suy nghĩ của mình ngay trong một câu và giọng nói của bà sẽ lặng dần, trở thành sự tĩnh lặng đầy bối rối.

Nên bản thân Kara lúc này cũng chỉ nói lan man, về màn trình diễn Hóa thân mà cô vừa thực hiện. Và rồi, còn xúc động hơn, cô kể với mẹ về việc giúp cảnh sát bắt được một kẻ giết người.

Trong một khoảnh khắc, lông mày mẹ cô nhướn lên như thể nhận ra điều gì đó và tim Kara bắt đầu đập mạnh. Bà ngả người về phía trước.

"Ta đã tìm thấy chiếc hộp thiếc. Ta nghĩ là ta không bao giờ thấy nó nữa chứ."

Rồi bà lại ngả xuống gối.

Tay Kara nắm lại thành nắm đấm. Hơi thở của cô dồn dập. "Là con đây mà, mẹ! Là con! Nhóc hoàng gia đây. Mẹ không thấy con sao?"

"Con?"

Mẹ kiếp! Kara điên tiết trong im lặng với con quỷ dữ đã nhập vào người phụ nữ tội nghiệp này và ngấu nghiến linh hồn của bà. Hãy để bà ấy yên! Trả bà ấy lại cho tao!

"Xin chào." Giọng một phụ nữ ở cửa làm Kara giật mình, cô kín đáo lau những giọt nước mắt trên má, gọn gàng như khi biểu diễn màn đồng xu Pháp, rồi quay lại.

"Chào," cô nói với Amelia Sachs. "Cô theo đuôi tôi hả?"

"Tôi là cảnh sát. Đó là những gì chúng tôi làm." Cô bước vào phòng, tay cầm hai ly Starbucks. Cô liếc nhìn ly cà phê trong tay Kara. "Xin lỗi. Hơi thừa rồi."

Kara gõ gõ chiếc cốc giấy mà cô đang cầm. Cô cầm lấy ly cà phê thứ hai đầy biết ơn. "Tôi không bao giờ lãng phí cafein." Cô bắt đầu nhấp cà phê. "Cảm ơn. Mọi người vui chứ?"

"Chắc chắn rồi. Người phụ nữ kia thật tuyệt. Jaynene ấy. Thom đã phải lòng chị ấy. Và chị ấy thực sự làm Lincoln cười."

"Chị ấy đúng là khiến tất cả mọi người vui vẻ," Kara nói. "Một người tuyệt vời."

Amelia nói, "Balzac lôi cô đi khá nhanh lúc buổi diễn kết thúc. Tôi chỉ muốn ghé qua và cảm ơn cô lần nữa. Và nói rằng cô nên gửi hóa đơn cho chúng tôi vì thời gian cô đã bỏ ra."

"Tôi không bao giờ nghĩ tới chuyện đó. Cô đã giới thiệu tôi với cà

phê kiểu Cuba. Thù lao vậy là đủ."

"Không, hãy tính tiền chúng tôi đi. Gửi cho tôi và tôi đảm bảo thành phố sẽ chi trả."

"Làm việc cho nhà nước," Kara nói. "Đấy sẽ là câu chuyện tôi kể cho con cháu mình… Này, tối nay tôi rảnh, ông Balzac đi với bạn. Tôi sẽ gặp một số người ở dưới SoHo. Cô muốn đi cùng không?"

"Chắc chắn rồi," nữ cảnh sát nói. "Chúng ta có thể…" Cô nhìn lên, qua vai Kara. "Xin chào."

Kara liếc lại sau lưng và thấy mẹ cô, đang nhìn nữ cảnh sát đầy tò mò, và ánh mắt đánh giá đó. "Bây giờ bà ấy không biết gì đâu."

"Là hồi mùa hè," người phụ nữ lớn tuổi nói. "Là tháng Sáu, ta chắc chắn thế." Bà nhắm mắt lại và nằm xuống.

"Bà ấy không sao chứ?"

"Chỉ tạm thời thôi. Bà ấy sẽ sớm hồi phục. Tâm trí bà ấy đôi khi hơi lạ lùng." Kara vuốt cánh tay người phụ nữ rồi hỏi Sachs, "Cha mẹ cô thì sao?"

"Nghe sẽ quen đấy, tôi có cảm giác thế. Cha tôi đã chết. Mẹ tôi sống gần tôi ở Brooklyn. Quá gần để thấy thoải mái. Nhưng chúng tôi đã đi tới một… sự thấu hiểu."

Kara biết rằng sự thấu hiểu giữa mẹ và con gái cũng phức tạp ngang các hiệp ước quốc tế và cô không yêu cầu Amelia nói rõ, không phải giờ. Sẽ có thời gian cho chuyện đó trong tương lai.

Một tiếng bíp lanh lảnh tràn ngập căn phòng và cả hai người phụ nữ với tay lấy máy nhắn tin ở thắt lưng họ. Amelia thắng. "Tôi đã tắt điện thoại di động khi tới đây. Có biển báo ở sảnh không cho sử dụng. Cô không phiền chứ?" Cô hất đầu về phía chiếc điện thoại trên bàn.

"Không sao, gọi đi."

Cô cầm điện thoại lên và bấm số, Kara đứng lên để kéo lại chăn trên giường mẹ cô. "Còn nhớ khách sạn mà chúng ta nghỉ ở Warwick không, mẹ? Gần lâu đài ấy?"

Mẹ còn nhớ không? Nói với con là mẹ còn nhớ đi!

Giọng Amelia: "Rhyme hả? Em đây."

Tuy nhiên, cuộc đối thoại một chiều của Kara bị cắt ngang vài giây sau đó khi cô nghe giọng viên cảnh sát trở nên khẩn trương, "Sao cơ? Khi nào?"

Quay sang nữ cảnh sát, Kara nhíu mày. Amelia đang nhìn cô, lắc đầu. "Em sẽ tới ngay… Em đang ở cùng cô ấy. Em sẽ báo với cô ấy." Cô gác máy.

"Có chuyện gì vậy?" Kara hỏi.

"Có vẻ tôi không đi cùng mọi người được. Chúng ta đã bỏ sót một vật phá khóa hoặc một chiếc chìa khóa. Weir tháo được còng tay ở nơi giam giữ và lấy được súng của ai đó. Gã đã chết."

"Ôi Chúa ơi."

Amelia đi về phía cửa. "Tôi sẽ phải tới khám nghiệm hiện trường ở đó." Cô dừng lại và liếc nhìn Kara. "Cô biết đấy, tôi đã lo về việc phải giam gã trong phiên tòa. Gã đơn giản là quá khó để nắm giữ. Nhưng tôi đoán là vẫn còn công lý. À, chuyện hóa đơn? Dù cô định tính bao nhiêu tiền, hãy gấp đôi số đó lên nhé."

***

"Constable có thông tin," giọng người đàn ông quả quyết qua điện thoại.

"Hắn đã chơi trò thám tử, phải không?" Charles Grady ráo hoảnh hỏi tay luật sư.

Ráo hoảnh – nhưng không mỉa mai. Công tố viên không ghét bỏ gì Joseph Roth, người dù bào chữa cho một kẻ tồi tệ, là một luật sư đã xoay xở đi vòng qua được những điều tồi tệ mà thân chủ của anh ta đã làm cũng như đối xử với văn phòng công tố và cảnh sát một cách trung thực và tôn trọng. Grady coi trọng điều đó.

"Phải, đúng thế. Đã gọi vài cuộc lên Canton Falls và gợi nỗi sợ Chúa trong vài tay ở Hội Ái quốc. Họ đã kiểm tra thử. Có vẻ như một số thành viên cũ đã phát cuồng."

"Là ai? Barnes? Stemple?"

"Chúng tôi không đào sâu. Tất cả những gì tôi biết là anh ta khá bực dọc. Anh ta cứ nói mãi, 'Judas, Judas, Judas.' Hết lần này tới lần khác."

Grady không mấy cảm thông. Chơi với dao thì thế thôi... Anh nói với tay luật sư, "Hắn biết là tôi sẽ không để hắn thoát được dễ dàng."

"Anh ta hiểu điều đó, Charles."

"Anh biết là Weir đã chết chứ?"

"Có... Tôi phải nói với anh rằng Andrew vui lòng được nghe điều đó. Tôi thực sự tin rằng anh ta không liên quan gì tới việc làm hại anh, Charles."

Grady chẳng hứng thú gì với ý kiến của tay luật sư bào chữa, ngay cả với những tay luật sư thẳng thớm như Roth. Anh hỏi, "Và hắn ta có thông tin gì chắc chắn không?"

"Có, anh ta có."

Grady tin anh ta. Roth là một người bạn đơn giản là không thể qua mặt được; nếu anh ta nghĩ Constable sẽ khai ra một vài người của hắn thì điều đó sẽ xảy ra. Tất nhiên, sự thành công của vụ án tới đâu thì lại là vấn đề khác. Nhưng nếu Constable đưa ra thông tin tương đối chính xác và nếu cảnh sát bang làm việc khá khẩm một chút với cuộc điều tra và bắt giữ của họ, anh tự tin anh có thể tóm được những thủ phạm. Grady cũng sẽ đảm bảo Lincoln Rhyme sẽ giám sát phần pháp y.

Grady có cảm xúc lẫn lộn về cái chết của Weir. Trong khi công khai, anh bày tỏ sự quan ngại về vụ nổ súng của hắn ta và hứa sẽ tiến hành điều tra chính thức, còn thâm tâm anh vui mừng vì kẻ xấu xa đó đã bị xử lý. Anh vẫn còn sốc và giận dữ vì một kẻ sát nhân đã bước thẳng vào căn hộ nơi vợ và con gái anh sống, còn sẵn sàng giết cả họ.

Grady nhìn vào ly rượu vang mà anh đang rất muốn uống, nhưng nhận ra rằng một hệ quả của cuộc gọi đó là lúc này đây, nó không cho phép anh uống rượu. Vụ Constable hết sức quan trọng tới mức anh cần tập trung toàn bộ tâm trí của anh.

"Anh ta muốn gặp mặt trực tiếp," Roth nói.

Đó là rượu Grgich Hills Cabernet Sauvignon. Một chai năm 1997, chứ không phải năm nào khác. Nho tuyệt ngon, năm tuyệt vời.

Roth nói tiếp, "Bao giờ anh có thể xuống nơi giam giữ?"

“Nửa tiếng. Tôi đi bây giờ đây.”

Grady gác máy và tuyên bố với vợ mình, “Tin tốt là sẽ không có phiên tòa nào hết.”

Luis, tay vệ sĩ có đôi mắt lờ đờ, nói, “Tôi sẽ đi với anh.”

Sau cái chết của Weir, Lon Sellitto đã giảm nhóm vệ sĩ xuống còn một người.

“Không, anh ở đây với gia đình tôi, Luis. Tôi thấy thế tốt hơn.”

Vợ anh hỏi thận trọng, “Anh yêu, nếu đó là tin tốt, thì tin xấu là gì?”

“Anh sẽ không về ăn tối được,” công tố viên đáp, ném một nắm bánh quy giòn Goldfish vào miệng và chiêu một ngụm lớn thứ rượu vang ngon lành, trong đầu nghĩ, mặc kệ, cứ ăn mừng đã nào.

***

Chiếc Camaro SS màu vàng rách bươm vì chiến trận của Sachs dừng lại bên ngoài số 100 đường Centre. Cô ném tấm biển NYPD lên kính trước rồi bước ra ngoài. Cô gật đầu với một nhân viên khám nghiệm hiện trường đang đứng cạnh chiếc xe kéo của họ. “Hiện trường ở đâu?”

“Phía sau tầng một. Hành lang tới phòng giam.”

“Phong tỏa chưa?”

“Rồi.”

“Vũ khí của ai?”

“Linda Welles. Cục Trại giam. Cô ấy khá là sốc. Gã khốn đó đã làm vỡ mũi cô ấy.”

Sachs chụp một cái valy và treo nó vào một chiếc xe đẩy hành lý có bánh, rồi đi về phía cửa trước tòa nhà Tòa án Hình sự. Những kỹ thuật viên hiện trường khác cũng làm thế và đi theo cô.

Hiện trường này sẽ dễ thôi, hẳn vậy. Một vụ vô ý nổ súng liên quan tới một cảnh sát và một nghi phạm tìm cách trốn thoát ư? Chỉ là vấn đề thủ tục. Dẫu vậy, biến cố đó vẫn gây chết người và đòi hỏi một báo cáo hiện trường đầy đủ cho Ủy ban Sự cố Nổ súng và bất kỳ cuộc điều tra và kiện tụng nào. Amelia Sachs sẽ kiểm tra

nó kỹ lưỡng như mọi hiện trường khác.

Một lính gác kiểm tra giấy tờ tùy thân của họ và để nhóm đi qua một mê cung những hành lang vào trong tầng hầm. Cuối cùng họ tới chỗ một dải băng vàng của cảnh sát giăng ngang qua một cánh cửa đóng. Ở đây cô thấy một thanh tra đang trao đổi với một cảnh sát mặc đồng phục, mũi cô ấy nhét đầy giấy ăn và băng gạc.

Sachs tự giới thiệu và giải thích rằng cô sẽ kiểm tra hiện trường. Viên thanh tra bước sang một bên và Sachs hỏi Linda Welles chuyện gì đã xảy ra.

Bằng giọng nghẹt mũi ngập ngừng, nữ cảnh vệ giải thích rằng trên đường từ chỗ lấy dấu vân tay tới chỗ nhốt, nghi phạm không biết bằng cách nào đã tháo được còng tay. "Gã chỉ mất hai, ba giây. Tất cả các còng. Cứ như thế, chúng mở ra. Gã không lấy được chìa khóa của tôi." Cô chỉ vào túi áo của mình, nơi chìa khóa hẳn nằm ở đó. "Gã có đồ phá khóa hay chìa khóa hay thứ gì đó ở hông."

"Trong túi sao?" Sachs hỏi, nhíu mày. Cô nhớ là họ đã lục soát người gã rất kỹ lưỡng.

"Không, chân gã. Rồi cô sẽ thấy." Cô hất đầu về phía hành lang nơi thi thể Weir đang nằm. "Có một vết cắt trên da gã. Dưới miếng băng cá nhân. Mọi thứ diễn ra quá nhanh."

Sachs cho rằng gã đã tự rạch cơ thể mình để tạo ra một nơi giấu đồ. Một ý nghĩ khiến cô buồn nôn.

"Rồi gã chụp lấy vũ khí của tôi và chúng tôi vật lộn giành giật nó. Nó được rút ra. Tôi không cố ý bóp cò. Tôi thực sự không cố ý. Nhưng... Tôi đã cố gắng để kiểm soát tình hình và tôi không thể. Súng nổ."

Kiểm soát... Súng nổ. Những từ đó, ngôn ngữ chính thức của cảnh sát, có lẽ là một nỗ lực để giúp cô nguôi ngoai cảm giác tội lỗi hiện giờ. Chuyện này không liên quan gì tới thực tế là một kẻ giết người đã chết, rằng sinh mạng cô đã bị đe dọa, hay hơn một chục cảnh sát khác đã bị gã này qua mặt; không, đó là một phụ nữ đang run rẩy. Phụ nữ làm việc ở NYPD bị yêu cầu những chuẩn mực cao; những yêu cầu với họ luôn khó khăn hơn với nam giới.

"Chúng tôi đã bắt và lục soát gã," Sachs nói thật dịu dàng. "Và chúng tôi cũng đã bỏ sót chiếc chìa khóa đó."

"Phải," người cảnh sát thì thầm. "Nhưng chuyện này vẫn sẽ được

nêu ra."

Ý cô là ở cuộc điều tra nổ súng. Và đúng, sẽ là như thế.

Sachs sẽ trình bày hết sức tỉ mỉ trong báo cáo của cô để hỗ trợ nữ cảnh sát nhiều nhất có thể.

Welles khẽ chạm vào mũi mình. "Ôi, đau quá." Nước mắt tràn mi. "Mấy đứa con tôi sẽ nói gì đây? Chúng luôn hỏi tôi là tôi có làm gì nguy hiểm không. Và tôi luôn nói với chúng là không. Giờ hãy xem này..."

Đeo găng tay cao su vào, Sachs hỏi lấy khẩu Glock của người phụ nữ. Cô cầm nó, lấy ổ đạn ra và đổ đạn khỏi hộp đạn. Tất cả mọi thứ được cho vào một túi nhựa đựng bằng chứng.

Chuyển sang trạng thái trung sĩ, Sachs nói, "Cô có thể xin nghỉ phép, cô biết đấy."

Welles còn không nghe lời cô nói. "Súng cứ thế nổ," người phụ nữ nói bằng giọng trống rỗng. "Tôi không muốn thế. Tôi không muốn giết ai cả."

"Linda?" Sachs nói. "Cô có thể xin nghỉ phép. Một tuần hoặc mười ngày."

"Được sao?"

"Hãy nói chuyện với cấp trên của cô."

"Chắc chắn rồi. Phải. Tôi có thể làm thế." Welles đứng lên và lững thững đi về phía tay bác sĩ đang điều trị cho đồng đội của cô, anh ta bị một vết bầm chướng mắt ở cổ nhưng ngoài ra thì có vẻ ổn.

Đội hiện trường lập một khu vực kiểm soát tạm thời bên ngoài cửa dẫn vào hành lang nơi vụ nổ súng xảy ra, mở các valy và sắp xếp thiết bị thu thập bằng chứng, thiết bị lấy vân tay, máy quay phim và chụp ảnh. Sachs mặc bộ áo liền quần Tyvek trắng và thêm phụ kiện bằng những dải cao su quấn quanh chân cô.

Cô chỉnh lại micro ở trên đầu và yêu cầu kết nối với điện thoại của Lincoln Rhyme. Xé dải băng của cảnh sát ra, cô mở cửa, trong đầu nghĩ: Một vết cắt trên da để giấu đồ phá khóa và chìa khóa còng tay ư? Trong tất cả những nghi phạm cô và Lincoln đã đối phó, Gã phù thủy là...

“Ôi, mẹ kiếp,” cô bật ra.

“Chào em, Sachs,” Rhyme nói chua chát qua tai nghe của cô. “Ít ra anh nghĩ đó là em. Chẳng thấy lên tiếng gì cả.”

“Không thể tin nổi, Rhyme ơi. Người khám nghiệm pháp y đã lấy thi thể đi trước khi em kịp xử lý.” Sachs đang nhìn dọc theo hành lang, đẫm máu nhưng không một bóng người.

“Sao cơ?” Anh quát. “Ai cho phép điều đó?”

Quy tắc khám nghiệm hiện trường vụ án là những người phụ trách cấp cứu có thể vào hiện trường để cứu một người bị thương, nhưng trong trường hợp chết người, thi thể phải được tất cả mọi người giữ nguyên tại chỗ, bao gồm vị bác sĩ của văn phòng Khám nghiệm Pháp y, cho tới khi nó đã được xử lý bởi người giám định pháp y. Đây là công tác cơ bản của cảnh sát và sự nghiệp của bất kỳ ai đã đưa xác của Gã phù thủy đi giờ chắc chắn đang lâm nguy.

“Có vấn đề sao, Amelia?” Một kỹ thuật viên gọi cô từ lối vào.

“Xem này,” cô nói đầy phẫn nộ, hất đầu về phía hành lang. “Người khám nghiệm pháp y đã đưa thi thể đi trước khi chúng ta xử lý nó. Đã xảy ra chuyện gì vậy?”

Người kỹ thuật viên trẻ tuổi tóc ngắn nhíu mày. Anh liếc nhìn đồng sự rồi nói, “Ừm, vị bác sĩ ở ngoài kia. Ông ấy là người đang trao đổi với chúng tôi khi cô tới. Người cho bồ câu ăn ấy. Ông ấy đang đợi để đưa thi thể đi khi chúng ta xong việc.”

“Có chuyện gì xảy ra vậy?” Rhyme càu nhàu. “Anh nghe có những tiếng nói, Sachs.”

Cô nói với anh, “Một người của văn phòng Khám nghiệm Pháp y ở ngoài, Rhyme. Có vẻ như họ chưa đưa thi thể đi. Có chuyện...”

“Ôi Chúa ơi. Không!”

Cơn ớn lạnh xâm chiếm linh hồn cô. “Rhyme, anh không nghĩ là...?”

Anh nạt ngang, “Em nhìn thấy gì, Sachs? Vết máu trông như thế nào?”

Cô chạy tới chỗ vụ nổ súng đã xảy ra và nghiên cứu vết máu trên tường. “Ôi, không. Trông không giống từ một vụ nổ súng bình

thường, Rhyme."

"Não thì sao, xương nữa?"

"Màu xám, phải. Nhưng cũng không ổn. Có một ít xương. Tuy nhiên, không nhiều, với một phát đạn từ cự ly gần."

"Làm xét nghiệm máu đi. Sẽ xác định được ngay."

Cô chạy nhanh tới cửa vào.

"Có chuyện gì...?" Một kỹ thuật viên hỏi, nhưng anh ta im lặng khi thấy cô đào xới điên loạn đống valy.

Sachs chụp lấy bộ thử máu bằng chất xúc tác Kastle-Meyer rồi trở lại hành lang và lấy máu trên tường bằng một cái tăm bông. Cô xử lý nó với phenolphthalein và lát sau đã có câu trả lời. "Em không biết là gì, nhưng chắc chắn không phải là máu." Cô liếc xuống đống lộn xộn đo đỏ dưới sàn nhà. Tuy nhiên, dưới này nhìn lại thật. Cô thử một mẫu và đó đúng là máu. Rồi cô chú ý thấy con dao cạo đẫm máu ở góc tường.

"Chúa ơi, Rhyme, gã đã làm giả vụ nổ súng. Tự cắt vào người để đổ máu thật và đánh lừa những người lính gác."

"Gọi an ninh ngay."

Sachs quát, "Đây là một vụ vượt ngục – lập tức đóng hết tất cả các lối thoát lại!"

Viên thanh tra đi nhanh dọc hành lang và nhìn chằm chằm xuống sàn nhà. Linda Welles đi cạnh anh ta, mắt cô mở to. Sự nhẹ nhõm trong giây lát khi cô thực ra không liên quan gì tới cái chết của một con người đã tan biến ngay khi cô nhận ra những ngụ ý tệ hại hơn nhiều của những gì đã xảy ra. "Không thể nào! Gã đã ở đó. Mắt gã mở trừng trừng. Gã đã chết." Giọng cô vang lên, hoảng loạn. "Ý tôi là, đầu gã... đầy máu. Tôi có thể thấy... Tôi có thể thấy vết thương đó!"

Cô chỉ thấy *ảo giác* về một vết thương, Sachs cay đắng nghĩ.

Viên thanh tra gọi, "Họ đã lưu ý những người canh gác ở tất cả các lối ra. Nhưng Chúa ơi, đây không phải là một hành lang kín. Ngay khi chúng ta đóng các cửa ở đây, gã có thể đã đứng lên và lang thang tới bất kỳ đâu. Có lẽ gã đang ăn cắp một chiếc xe ngay lúc này hoặc đang trên tàu điện ngầm tới Queens."

Amelia Sachs bắt đầu ban bố các mệnh lệnh. Dù cho cấp bậc của viên thanh tra là gì, thì anh ta vẫn quá sốc bởi vụ trốn tù tới mức anh ta không nghi vấn gì về quyền ra lệnh của cô. "Gửi ngay một thông báo vượt ngục," cô nói. "Tất cả các đơn vị trong khu vực trung tâm. Liên bang và bang. Đừng quên Cơ quan Giao thông Thành phố. Tên kẻ vượt ngục là Erick Weir. Đàn ông da trắng. Ngoài năm mươi. Quý vị đã có ảnh nghi phạm rồi."

"Gã mặc gì?" Viên thanh tra hỏi Welles và cộng sự của cô, cả hai đều đang cố nhớ lại. Họ đưa ra một mô tả đại khái.

Tuy nhiên, Sachs đang nghĩ điều đó không còn quan trọng nữa. Gã đã thay quần áo khác rồi. Cô nhìn dọc theo bốn lối ra của những hành lang tối tăm mà cô thấy được từ đây và quan sát thấy bóng dáng vài chục người. Lính gác, giám thị, cảnh sát…

Hay có lẽ là Gã phù thủy, cải trang làm một người trong số đó.

Nhưng hiện giờ, cô để việc săn đuổi trong tay những người khác và trở lại với lĩnh vực chuyên môn của riêng mình: hiện trường tội ác, mà cuộc tìm kiếm ban đầu tưởng chỉ là thủ tục ngắn gọn, nhưng giờ đã trở thành một vấn đề sống còn.

Chương ba mươi bảy

Thận trọng đi qua tầng hầm của Trung tâm Giam giữ Manhattan, Malerick nhớ lại cuộc đào tẩu của hắn, nhủ thầm mấy lời ba hoa với quý khán giả thân mến của hắn.

Tôi xin được chia sẻ với quý vị một mẹo của nghề ảo thuật.

Để thực sự đánh lừa được người ta, sẽ không đủ nếu chỉ đánh lạc hướng họ trong suốt màn trình diễn. Như thế là vì khi đối mặt với một hiện tượng phản lại logic, não bộ con người sẽ liên tục chiếu lại cảnh tượng đó để cố gắng tìm hiểu xem điều gì đã xảy ra. Ảo thuật gia chúng tôi gọi điều đó là "sự tái dựng", và trừ khi chúng tôi đã bày đặt màn biểu diễn đủ khéo léo, một khán giả thông minh, đầy ngờ vực sẽ chỉ bị đánh lừa trong chốc lát và sẽ hiểu ra phương pháp của chúng tôi sau khi tiết mục kết thúc.

Vậy bằng cách nào chúng tôi đánh lừa được những khán giả này? Chúng tôi sử dụng phương pháp có vẻ đáng ngờ nhất mà chúng tôi có thể – hoặc là đơn giản đến lố bịch, hoặc là cực kỳ phức tạp.

Một ví dụ: một ảo thuật gia nổi tiếng có vẻ như đẩy cả chiếc lông công qua một chiếc khăn tay. Khán giả hiếm khi hiểu được kiểu thủ thuật nhanh tay lẹ mắt nào được sử dụng để khiến chiếc lông công có vẻ thực sự đi xuyên qua tấm vải. Phương pháp là gì? Nó quả là đã đi xuyên qua tấm vải. Có một cái lỗ trên chiếc khăn tay! Lúc đầu khán giả có nghĩ tới phương pháp này, nhưng rồi luôn cho rằng nó quá đơn giản với một nghệ sĩ trình diễn nổi tiếng như thế. Họ muốn nghĩ rằng anh ta đã làm điều gì đó tinh tế hơn nhiều.

Một trò khác: một ảo thuật gia gặp gỡ bạn bè để ăn tối ở một nhà hàng và được đề nghị biểu diễn cho họ xem vài trò. Lúc đầu anh ta từ chối nhưng cuối cùng cũng chấp nhận. Anh lấy một cái khăn trải bàn không dùng ra, giơ nó lên trước bàn của một cặp đôi đang ăn tối gần đó và làm biến mất họ và bàn của họ trong một giây. Những người bạn sửng sốt. Làm sao anh ấy làm được như thế? Họ không bao giờ

đoán được là, do nghĩ anh ấy có lẽ sẽ được yêu cầu trình diễn, nhà ảo thuật đã sắp xếp với những người hầu bàn chuẩn bị trước một chiếc bàn sập và thuê một cặp diễn viên đóng vai cặp đôi đó. Khi anh ta giơ mảnh vải lên, họ đã biến mất ngay.

Khi tái hiện lại những gì họ đã thấy, những người ăn tối bác bỏ câu trả lời thực tế bởi nó quá là bất khả với một màn biểu diễn có vẻ ngẫu hứng như thế.

Và đó là điều xảy ra với màn ảo thuật quý vị vừa chứng kiến, màn mà tôi gọi là Tù nhân bị bắn.

Tái dựng. Nhiều ảo thuật gia quên tiến trình tâm lý này. Nhưng Malerick không bao giờ quên. Và gã đã cân nhắc cẩn trọng khi hoạch định cuộc đào thoát ở Trung tâm Giam giữ. Những cảnh sát áp giải gã trong hành lang để nhốt gã lại tin rằng họ nhìn thấy một tù nhân đã tháo được còng tay, chụp một khẩu súng và cuối cùng bị bắn chết ngay trước mắt họ.

Đã có một cú sốc, đã có sự sững sờ, đã có nỗi kinh hoàng. Nhưng thậm chí ở những khoảnh khắc cao trào như thế, tâm trí vẫn làm điều nó phải làm và trước khi khói kịp tan, các cảnh sát đã phân tích những biến cố, cân nhắc các lựa chọn và hướng hành động. Giống như bất kỳ khán giả nào khác, họ bắt đầu quá trình tái dựng, biết rằng Erick Weir là một ảo thuật gia có tài, chắc chắn họ đã tự hỏi phải chăng tiếng súng là giả.

Nhưng tai họ đã nghe thấy một phát súng thật bắn ra từ một viên đạn thật.

Mắt họ đã nhìn thấy một cái đầu vỡ toác vì viên đạn đó, và khoảnh khắc sau, một thi thể quặt quẹo với máu, não, xương và cặp mắt trợn trừng.

Sự tái dựng dẫn tới một kết luận là không thể nào một người lại tỉ mỉ tới thế để làm giả một vụ nổ súng. Nên, tự tin là gã đã chết, họ sẽ để gã lại một mình, không bị xích, trong hành lang, trong khi họ ra ngoài thực hiện cuộc gọi bộ đàm hay điện thoại hoảng loạn của họ.

Và phương pháp của tôi ư, thưa quý khán giả thân mến?

Khi họ đi dọc theo hành lang, Malerick đã lột mẩu băng dính ở hông gã ra và lấy ra một chiếc mở khóa còng tay vạn năng từ một vết đứt nhỏ trên da. Một khi thoát khỏi còng tay, gã đánh vào mặt người lính gác nữ, vào cổ họng người kia và lôi khẩu súng ra khỏi

bao súng của cô ta. Một cuộc vật lộn… và cuối cùng gã nhắm khẩu súng vào sau đầu mình và bóp cò. Cùng lúc, gã cho nổ bằng cách nối mạch điện quả pháo ném nhỏ xíu gắn vào phần đầu đã cạo trên da đầu gã dưới mái tóc dài, cho nổ một túi máu giả nhỏ, những mẩu cao su màu xám và mảnh xương bò. Để tăng thêm sự khả tín cho màn trình diễn, gã sử dụng một con dao lam – giấu trong hông hắn cùng chiếc chìa khóa – để cắt da đầu, vùng cơ thể sẽ chảy máu rất dữ nhưng không đau đớn mấy.

Rồi gã nằm xuống như một hình nhân bị vứt bỏ, thở nhẹ nhất có thể. Mắt gã trợn trừng vì gã đã nhỏ vào đó những giọt nước nhỏ mắt nhớp nháp tạo ra vẻ mờ đục và giúp gã không chớp mắt.

Trời ơi, nhìn xem tôi đã làm gì đây! Ôi trời ơi! Cứu anh ta đi, có ai đó không!

A, nhưng cảnh sát Welles, đã quá trễ để cứu tôi rồi.

Tôi đã chết như một con nai bị cán ven đường.

Giờ gã đi xuống những hành lang lộng gió trong khu tầng hầm thông với nhau của các tòa nhà chính quyền cho tới khi tới chỗ tủ đồ mà gã đã ngụy trang vài ngày trước. Bên trong căn phòng nhỏ, gã lột bỏ quần áo rồi giấu các thiết bị tạo vết thương, quần áo và giầy cũ vào sau mấy chiếc hộp.

Gã mặc bộ đồ mới và trang điểm một chút, gã đã nhập vai trong không đầy mười giây.

Gã liếc nhìn ra cửa. Hành lang không người. Gã bước ra ngoài và vội vã đi tới cầu thang. Đã gần tới lúc cho màn diễn cuối.

***

“Đó là một lối thoát,” Kara nói.

Cô gái trẻ đã đi vội vã trở lại căn nhà phố của Rhyme từ Stuyvesant Manor được một lát.

“Một lối thoát ư?” Nhà tội phạm học hỏi. “Là gì vậy?”

“Nó có nghĩa là một kế hoạch thay thế. Tất cả những ảo thuật gia giỏi đều có một hoặc hai kế hoạch dự phòng cho mỗi tiết mục. Nếu anh làm hỏng hay bị khán giả phát hiện, anh phải có một kế hoạch thoát hiểm để cứu lấy màn trình diễn. Gã hắn đã tính đến khả năng bị bắt nên đã chuẩn bị một cách để trốn thoát.”

“Làm sao gã làm được điều đó?”

“Chất nổ đặt dưới một quả bóng đựng máu trong tóc. Phát súng ư? Đó có thể là một khẩu súng giả,” cô nói. “Phần lớn những tiết mục dùng tay bắt đạn dùng đạn giả, súng giả. Chúng có một ổ đạn thứ hai. Hay chúng là súng thật, được nạp đạn giả. Gã có thể đã tráo khẩu súng của người cảnh sát đưa hắn tới phòng giam.”

“Tôi nghi ngờ điều đó,” Rhyme nói, nhìn Sellitto.

Viên cảnh sát đầu bù tóc rối đồng ý. “Phải, tôi không hiểu làm sao hắn có thể tráo được một khẩu súng của cảnh sát. Hay lấy đạn ra và nạp lại bằng đạn giả.”

Kara nói, “À, có thể đơn giản là gã giả vờ tự bắn vào mình. Tận dụng góc nhìn.”

“Còn cặp mắt thì sao?” Rhyme hỏi. “Các nhân chứng nói mắt gã trợn trừng. Gã không hề nháy mắt. Và chúng có vẻ đờ đẫn.”

“Có cả tá món đồ và thiết bị giả chết. Gã có thể dùng nước nhỏ mắt làm mờ đôi mắt. Anh có thể giữ cho mắt mở mười hoặc mười lăm phút. Và còn cả kính áp tròng tự mờ nữa. Chúng tạo ra vẻ ngoài đờ đẫn, như thể anh là một xác sống.”

Xác sống và máu giả… Chúa ơi, thật là một đống hỗn loạn.

“Làm sao gã qua được chiếc máy dò kim loại chết tiệt?”

“Chưa có những máy đó ở khu tạm giam,” Sellitto giải thích.“Họ đang trên đường tới chỗ có máy.”

Rhyme thở dài. Rồi anh hỏi, “Bằng chứng ở chỗ quái nào rồi?” Anh nhìn ra cửa tới Mel Cooper, như thể tay kỹ thuật viên gày gò có thể ngay lập tức ra lệnh chuyển bằng chứng từ Trung tâm Giam giữ vậy. Hóa ra là có hai hiện trường vụ án trong trung tâm: một là hành lang nơi vụ nổ súng giả xảy ra. Hiện trường kia là một tủ đồ của lao công ở tầng hầm khu tòa án. Một nhóm tìm kiếm đã tìm thấy thiết bị làm giả vết thương, quần áo và một số thứ khác được giấu trong một chiếc túi ở đó.

Thom phản hồi tiếng chuông cửa và lát sau Roland Bell vội vã đi vào phòng thí nghiệm. “Không thể tin nổi,” anh nói không kịp thở, tóc anh ướt đẫm mồ hôi bết lên trán. “Đã xác nhận rồi phải không? Gã đã thoát?”

“Chắc chắn rồi,” Rhyme thì thầm ảm đạm. “Đội Khẩn cấp đã lục soát nơi đó. Amelia cũng đang ở đó. Nhưng họ chưa tìm thấy đầu mối nào.”

Bell nhăn mặt, “Có thể gã đã trốn đi rồi, nhưng tôi nghĩ đã tới lúc đưa Charles và gia đình anh ấy tới nhà an toàn cho đến khi chúng ta tìm hiểu ra mọi chuyện.”

Sellitto nói, “Chắc chắn rồi.”

Viên thanh tra rút điện thoại di động của anh ra và gọi. “Luis hả? Roland đây. Nghe này, Weir đã trốn thoát… Không, không, gã không hề chết. Là giả đấy. Tôi muốn Grady và gia đình anh ấy ở nhà an toàn cho tới khi bắt được gã. Tôi sẽ gửi tới một… Cái gì?”

Trước âm thanh đột ngột, kinh hãi đó, sự chú ý của mọi người hướng về phía Bell. “Ai đang đi cùng anh ấy?… Một mình sao? Thế quái nào?”

Rhyme nhìn mặt Bell, cái nhíu mày đen tối, bí hiểm trên một khuôn mặt mà ngoài điều đó ra thì khá là thư thái. Một lần nữa, như đã quá thường xảy ra trong vụ này, Rhyme cảm thấy những biến cố có vẻ như không thể đoán trước thực ra đã được dự tính một thời gian dài trước đấy, giờ bắt đầu diễn ra.

Bell quay sang Sellitto. “Luis nói anh đã gọi và ra lệnh cho đội bảo vệ giải tán.”

“Gọi ai?”

“Gọi tới nhà Grady. Anh nói Luis cho tất cả mọi người về nhà, trừ anh ấy.”

“Tại sao tôi lại làm thế?” Sellitto hỏi. “Chó chết, lại là hắn rồi. Giống như việc lệnh cho những người canh gác ở rạp xiếc về nhà.”

Bell nói với cả nhóm, “Tình hình đang tồi tệ hơn – Grady đang một mình đi xuống trung tâm để gặp Constable về một thỏa thuận mặc cả nhận tội nào đó.” Rồi anh nói vào điện thoại, “Hãy đảm bảo gia đình đó ở cạnh nhau, Luis. Và gọi cho những người khác trong nhóm. Đưa họ trở lại ngay lập tức. Không để ai vào căn hộ đó trừ khi anh biết họ. Tôi sẽ cố tìm Charles.” Anh gác máy và gọi một số khác. Anh nghe đầu dây bên kia reo một lúc lâu. “Không ai trả lời.” Anh để lại một lời nhắn: “Charles, là Roland đây. Weir đã trốn thoát và chúng tôi không biết gã đang ở đâu và định làm gì. Ngay khi anh nghe được tin này, hãy tới gần một cảnh sát

có vũ trang mà anh biết rồi gọi lại cho tôi."

Anh cho số của anh và gọi một cuộc nữa, cho Bo Haumann, giám đốc Đội Khẩn cấp. Anh báo động với Bo rằng Grady đang trên đường tới Trung tâm Giam giữ, không có người bảo vệ.

Người đàn ông có hai khẩu súng gác máy và lắc đầu. "Gã đã bỏ chúng ta rất xa." Anh nhìn trừng trừng vào sơ đồ bằng chứng. "Vậy thì tên khốn này toan tính gì đây?"

"Có một chuyện mà tôi biết," Rhyme nói. "Gã không rời thành phố. Gã thích thú việc này."

Điều duy nhất trong đời tôi, điều duy nhất có ý nghĩa gì với tôi là trình diễn. Ảo giác, ảo thuật…

***

"Cảm ơn, thưa ông. Cảm ơn."

Tay lính gác hơi ngập ngừng trước những lời nhẹ nhàng đó khi anh đưa người đàn ông nói ra những lời đó – Andrew Constable – vào phòng thẩm vấn ở trên khu Hầm mộ, hạ Manhattan.

Tên tù nhân mỉm cười như một thầy giảng cảm ơn những giáo dân của mình vì khoản cúng dường.

Tay lính gác tháo còng tay của Constable từ tư thế còng sau lưng rồi còng lại trong tư thế còng trước mặt.

"Ông Roth đã ở đây chưa, thưa ông?"

"Ngồi xuống, câm miệng."

"Chắc chắn rồi." Constable ngồi xuống.

"Câm miệng."

Hắn cũng làm theo.

Tay lính gác rời đi và, còn lại một mình trong phòng, tên tù nhân nhìn trừng trừng vào ô cửa sổ mờ đục mở ra phía thành phố. Hắn là dân quê từ đầu tới chân, nhưng hắn vẫn thích thú New York. Hắn cảm thấy sững sờ và giận dữ không thể nói nên lời với vụ 11 tháng Chín. Nếu hắn và Hội Ái quốc có quyền, biến cố đó sẽ không bao giờ xảy ra vì những kẻ định phá hoại lối sống Mỹ sẽ bị nhổ tận gốc và bị bóc trần.

Một lát sau, cánh cửa kim loại nặng nề mở ra và tay lính gác để Joseph Roth vào trong phòng.

"Chào, Joe. Grady đã đồng ý thương lượng rồi hả?"

"Phải. Anh ta sẽ tới trong khoảng mười phút nữa, tôi đoán thế. Tuy nhiên, anh ta sẽ cần điều gì đó thật sự quan trọng từ anh, Andrew."

"Ồ, anh ta sẽ có thôi." Gã đàn ông thở dài. "Và tôi đã biết được nhiều hơn kể từ lần cuối tôi nói chuyện với anh. Tôi sẽ nói với anh thế này, Joseph, tôi thật sự chán nản với những gì đang xảy ra ở Canton Falls. Và chuyện đó đã xảy ra ngay dưới mũi tôi được khoảng một năm. Câu chuyện mà Grady vẫn nói đi nói lại đấy – về việc giết các cảnh sát bang? Tôi nghĩ chuyện đó thật vớ vẩn. Nhưng không, có những kẻ thực sự toan tính điều đó."

"Anh có cái tên nào không?"

Constable nói, "Phải có chứ. Bạn bè của tôi. Bạn tốt. Ít ra từng là thế. Bữa trưa đó ở Riverside Inn ư? Một số người quả đã thuê gã Weir đấy để giết Grady. Tôi có tên tuổi, ngày tháng, địa điểm, số điện thoại. Và còn nhiều thứ nữa. Rất nhiều người trong Hội sẽ hợp tác hoàn toàn. Đừng lo."

"Tốt," Roth nói, có vẻ nhẹ nhõm. "Lúc đầu Grady sẽ rất khó để mặc cả. Đó là phong cách của anh ta. Nhưng tôi nghĩ mọi chuyện sẽ ổn."

"Cảm ơn, Joe." Constable cân đo tay luật sư của hắn. "Tôi mừng là đã thuê anh."

"Tôi phải nói với anh điều này, Andrew, lúc đầu tôi có hơi ngạc nhiên, anh thuê một luật sư người Do Thái. Anh biết đấy, với những gì tôi nghe về anh."

"Nhưng rồi anh biết tôi."

"Rồi tôi được biết anh hơn."

"Điều đó khiến tôi nhớ chuyện này, Joe, tôi đã có ý hỏi. Lễ Vượt qua là khi nào?"

"Gì cơ?"

“Ngày lễ của các anh ấy. Là khi nào?”

“Khoảng một tháng trước. Còn nhớ buổi tối tôi về sớm không?”

“Phải rồi.” Gã gật đầu. “Nó có nghĩa gì vậy, ‘Vượt qua’?”

“Khi đứa trẻ đầu tiên ở Ai Cập được sinh ra, Chúa ‘đi qua’ nhà của những người Do Thái. Ngài đã cứu những đứa con trai họ.”

“Ồ. Tôi nghĩ nó có nghĩa là các anh vượt qua một đường biên giới tới nơi an toàn hay đại khái thế. Như Hồng Hải.”

Roth cười lớn. “Phải, nghe hợp lý đó.”

“Dẫu sao đi nữa. Xin lỗi vì tôi đã không chúc mừng ngày lễ của anh.”

“Tôi trân trọng điều đó, Andrew.” Rồi anh nhìn vào mắt gã đàn ông. “Nếu mọi chuyện diễn ra như tôi mong đợi, có lẽ anh và vợ anh có thể tới lễ Seder của chúng tôi năm tới. Đó là một bữa tối, một dịp ăn mừng. Chúng tôi có khoảng mười lăm người. Không phải ai cũng là người Do Thái. Sẽ vui đấy.”

“Anh có thể coi là lời mời đó được chấp nhận.” Hai người đàn ông bắt tay nhau. “Càng có thêm động cơ để tôi ra khỏi đây. Vậy hãy bắt tay vào việc đi. Hãy cho tôi biết về những cáo buộc một lần nữa và anh nghĩ chúng ta có thể làm gì để Grady chấp nhận.” Constable duỗi ra. Cảm thấy dễ chịu vì tay để trước mặt và được tháo xích dưới mắt cá. Thực tế hắn cảm thấy dễ chịu tới mức thấy thật lý thú khi nghe luật sư của mình nêu ra một danh sách những lý do tại sao người ở bang New York thấy hắn không phù hợp với các mối quan hệ xã hội. Tuy nhiên, màn độc thoại bị cắt ngang một lát sau khi tay lính gác bước vào cửa. Anh ta ra hiệu cho Roth ra ngoài.

Khi trở lại, tay luật sư có vẻ khó chịu và nói, “Chúng ta sẽ phải ngồi yên ở đây một lát. Weir đã trốn thoát.”

“Không! Grady an toàn chứ?”

“Tôi không biết. Tôi cho là anh ta có người bảo vệ.”

Tên tù nhân thở dài chán ngán. “Anh biết ai sẽ ra tay không? Là tôi đây. Tôi chịu đựng đủ rồi. Tôi phát bệnh và quá mệt mỏi với đống lộn xộn này. Tôi sẽ tìm ra Weir ở đâu và hắn định làm gì.”

“Anh sao? Bằng cách nào?”

“Tôi có tất cả mọi người mà tôi có thể huy động được ở Canton Falls để lần theo Jeddy Barnes. Có lẽ họ có thể thuyết phục hắn ta cho chúng ta biết Weir đang ở đâu và hắn sẽ làm gì.”

“Từ từ đã, Andrew,” Roth nói khó chịu. “Không được làm gì bất hợp pháp đấy.”

“Không đâu. Tôi chắc chắn mà.”

“Tôi chắc chắn là Grady sẽ đánh giá cao điều đó.”

“Giữa tôi và anh nhé, Joe, tôi chẳng quan tâm đếch gì tới Grady. Việc này là vì tôi. Trao đầu Weir và Jeddy cho họ trên dĩa – tôi sẽ làm thế và có thể cuối cùng tất cả mọi người sẽ tin rằng tôi trung thực. Giờ hãy gọi vài cuộc và lần tới đáy đống hỗn loạn này.”

Chương ba mươi tám

Hobbs Wentworth không hay rời Canton Falls.

Ăn mặc như một người lao công, đẩy một chiếc xe có chổi, đồ lau sàn và "dụng cụ câu cá" (tức khẩu súng trường bán tự động Colt AR-15 của gã), Hobbs Wentworth nhận ra rằng cuộc sống ở thành phố lớn đã thay đổi khá nhiều trong hai mươi năm qua, kể từ lần cuối cùng hắn tới đây.

Và hắn để ý thấy mọi thứ hắn nghe được về căn bệnh ung thư đang từ từ gặm nhấm chủng tộc da trắng là có thật.

Chúa ở trên những cánh đồng xanh của chúng con, hãy nhìn điều này đi: đám người Nhật hay người Tàu hay gì đó – ai mà biết được – còn đông hơn ở Tokyo. Và bọn Tây Ban Nha ở khắp nơi trong khu này của thành phố New York, như ruồi bọ. Và cả bọn đội khăn trùm đầu, mà hắn không hiểu tại sao họ không đơn giản là gom hết bọn đó lại và bắn bỏ vì vụ tòa tháp Thương mại. Một phụ nữ mặc đồ Hồi giáo kiểu thế, trùm kín mít, đang băng qua đường. Hắn cảm thấy một thôi thúc bất chợt muốn giết ả vì ả có thể quen biết một kẻ nào đó, người quen biết một kẻ từng tấn công đất nước hắn.

Và cả bọn Ấn Độ và Pakistan nữa, những kẻ lẽ ra phải bị tống cổ về nước vì hắn không hiểu nổi bọn chúng nói cái quái gì, chứ chưa kể tới là chúng không phải người Công giáo.

Hobbs cáu tiết bởi những gì chính quyền đã làm, mở cửa biên giới và để đám súc vật này lọt vào, ngấu nghiến đất nước này và buộc những người đàng hoàng phải rút về những hòn đảo an toàn – những nơi như Canton Falls – vốn đang dần bị thu hẹp mỗi ngày.

Nhưng Chúa đã nháy mắt với Hobbs Wentworth tháo vát và trao cho gã vai trò được ban phước của một người chiến đấu cho tự do. Vì Jeddy Barnes và bạn bè anh ta biết rằng Hobbs có một tài năng

khác ngoài việc dạy những câu chuyện trong Thánh Kinh cho trẻ em. Hắn biết giết người. Và hắn làm điều đó rất, rất giỏi. Đôi khi bộ đồ nghề câu cá của gã là một con dao Ka-Bar, thi thoảng là một sợi dây thắt cổ, đôi khi là một khẩu Colt đẹp đẽ, có lúc là cung trợ lực. Hơn một chục nhiệm vụ của hắn trong vài năm qua đã diễn ra hoàn hảo. Một tên khốn Latinh ở Massachusetts, một chính trị gia cánh tả ở Albany, một thằng mọi ở Burlington, một tay bác sĩ giết trẻ em ở Pennsylvania.

Giờ hắn sẽ bổ sung một công tố viên vào danh sách của mình.

Hắn đẩy chiếc xe đi qua bãi đậu xe dưới hầm gần như trống không của đường Centre và dừng lại trước một cánh cửa, chờ đợi. Trông có vẻ vô cảm như một người lao công đang chờ để bắt đầu ca đêm. Sau vài phút, cánh cửa mở ra và hắn gật đầu vui vẻ với người phụ nữ bước ra sảnh dưới cầu thang, một phụ nữ trung niên mang valy, mặc quần bò và áo trắng. Bà mỉm cười nhưng kéo chặt cánh cửa phía sau lưng và nói, xin lỗi, bà không thể để hắn vào, hắn hiểu, với tình hình an ninh thế này.

Hắn nói, chắc chắn rồi, hắn hiểu. Và mỉm cười đáp lại.

Một phút sau, hắn ném thi thể đang co giật của bà ta vào trong chiếc xe đẩy và lấy chiếc dây buộc thẻ nhận dạng của bà ta ra khỏi đầu. Hắn trượt nó qua máy đọc điện tử và cánh cửa mở ra.

Giờ hắn đang đi thang máy lên tầng ba, đẩy chiếc xe phía trước gã, thi thể người phụ nữ bị những túi rác che kín. Hobbs tìm thấy văn phòng mà ông Weir cho rằng đó sẽ là nơi tốt nhất. Nó có tầm nhìn đẹp xuống dưới đường, và bởi nó thuộc về Sở Thống kê Nha lộ vận, gần như không có gì khẩn cấp khiến các nhân viên phải có mặt ở đây vào tối Chủ nhật. Cánh cửa khóa, nhưng gã đàn ông to lớn đá tung cửa vào trong dễ dàng (ông Weir đã nói không có thời gian để dạy hắn phá khóa).

Vào trong, Hobbs lấy khẩu súng khỏi chiếc xe đẩy, gắn ống ngắm lên và nhắm xuống dưới đường. Một góc bắn hoàn hảo. Hắn không thể bắn trượt.

Tuy nhiên, thành thật mà nói, hắn thấy bất an.

Việc bắn Grady không làm khó hắn; hắn có thể dễ dàng làm điều đó, không vấn đề gì. Vấn đề hắn lo là trốn thoát được sau đó. Hắn thích cuộc sống ở Canton Falls, thích kể chuyện trong Thánh Kinh cho trẻ nhỏ, thích săn bắn và câu cá và ngồi tán gẫu với những bạn bè có suy nghĩ giống gã. Ngay cả Cindy cũng có những buổi tối hài

hước, nếu được kích động đủ và uống đủ rượu.

Nhưng kế hoạch của Nhà Ảo thuật Weir đã có dự phòng cho việc hắn trốn thoát.

Khi Grady xuất hiện, Hobbs sẽ bắn năm viên, liên tiếp nhau, qua cửa sổ khóa chặt. Viên đạn đầu tiên sẽ làm vỡ cửa kính và có thể trượt, nhưng những viên còn lại sẽ giết chết tay công tố. Rồi, theo ông Weir giải thích, Hobbs phải đẩy cửa thoát hiểm ra – nhưng không thực sự trốn theo đường đó. Nó sẽ "đánh lạc hướng" cảnh sát, khiến họ nghĩ rằng đấy là đường thoát của hắn. Thay vào đó, hắn cần trở lại bãi đậu xe. Hắn sẽ đưa chiếc Dodge cũ vào chỗ đậu xe của người tàn tật rồi leo vào trong cốp. Một lúc nào đấy – có thể là ngay tối đó, nhưng nhiều khả năng hơn là hôm sau – chiếc xe sẽ bị kéo đi vì vi phạm quy định đậu xe.

Những nhóm kéo xe bị cấm mở cửa đã khóa hay cốp xe mà họ kéo và bởi thế, họ sẽ lôi chiếc xe khỏi nhà để xe, lái qua bất kỳ rào chắn nào mà không hề hay biết có một hành khách trong đó. Khi mọi việc có vẻ đã an toàn, Hobbs sẽ ra khỏi cốp xe từ bên trong và trốn trở lại Canton Falls. Có rất nhiều nước và đồ ăn trong cốp và một chiếc bình trống phòng khi gã phải đi tiểu.

Đó là một kế hoạch thông minh.

Và là một người giỏi giang được Chúa lựa chọn, Hobbs sẽ cố gắng hết sức làm được điều đó.

Nhắm vào khách bộ hành đi qua để có cảm nhận về việc giết chóc, Hobbs nhớ lại rằng Weir hẳn từng có những màn trình diễn ảo thuật hay ho. Hắn tự nhủ, sau khi chuyện này qua đi, liệu hắn có thể mời ông ấy trở lại Canton Falls và diễn ở lớp giáo lý không.

Hobbs cho rằng là ít ra thì hắn sẽ dựng lên một số câu chuyện về việc Jesus là một nhà ảo thuật và dùng những tiết mục của ông để khiến bọn La Mã và dị giáo biến mất.

***

Đổ mồ hôi.

Những cơn rùng mình vì đổ mồ hôi lạnh lan khắp hai bên và lưng Amelia Sachs.

Cả rùng mình vì sợ hãi nữa.

Hãy tìm kiếm kỹ…

Cô quay người lại hành lang u ám của tòa nhà Tòa án Hình sự, tay đặt ở gần súng.

…nhưng hãy để ý sau lưng.

A, đương nhiên rồi, Rhyme. Ai chẳng muốn thế. Nhưng canh chừng ai đây? Một kẻ mặt mày nhẵn nhụi ngoài năm mươi có thể có có thể không để râu ư? Một phụ nữ lớn tuổi trong đồng phục quán ăn ư? Một công nhân, một lính gác của Trung tâm Trại giam, một lao công, một cảnh sát, một bác sĩ, một đầu bếp, một lính cứu hỏa, một y tá ư? Bất kỳ ai trong hàng chục người đang có mặt ở đây một cách hợp lý vào một ngày Chủ nhật.

Ai, ai, ai?

Bộ đàm của cô rung lên. Đó là Sellitto. "Tôi đang ở tầng ba, Amelia. Không có gì."

"Tôi đang ở tầng hầm. Tôi đã thấy cả tá người. Giấy tờ tùy thân của họ khớp, nhưng ai mà biết gã có lên kế hoạch trước chuyện này nhiều tuần và đã chuẩn bị sẵn một phù hiệu giả rồi hay không."

"Tôi sẽ lên tầng bốn."

Họ ngừng trao đổi và cô trở lại cuộc tìm kiếm. Thêm nhiều hành lang nữa. Hàng chục cánh cửa. Tất cả đều khóa.

Nhưng tất nhiên, những ổ khóa đơn sơ như thế này chẳng nghĩa lý gì với gã. Gã có thể mở nó trong vài giây và trốn vào trong một căn phòng kho tối tăm. Gã có thể lọt vào phòng của một thẩm phán, và trốn ở đó tới thứ Hai. Gã có thể lẻn qua một trong những cánh cổng sắt có khóa móc dẫn xuống các đường hầm thoát nước, mà tới lượt nó sẽ cho phép hắn tiếp cận một nửa các tòa nhà ở trung tâm Manhattan, cũng như tàu điện ngầm.

Cô rẽ ở góc và lao xuống một hành lang tối tăm. Thử từng nắm đấm cửa khi cô đi qua, cô thấy một cánh cửa không khóa.

Nếu gã ở trong tủ, gã hẳn sẽ nghe thấy cô – tiếng lách cách của tay đấm cửa, chưa kể tiếng bước chân cô – nên việc duy nhất phải làm là ập vào thật nhanh. Đẩy cánh cửa vào trong, đèn pin bật lên, sẵn sàng nhảy sang trái nếu cô nhìn thấy một khẩu súng nhắm vào mình (cô nhớ lại là một tay súng thuận tay phải có xu hướng đẩy

khẩu súng về bên trái khi bắn trong lúc hoảng loạn, điều sẽ khiến viên đạn đi về phía phải của mục tiêu).

Đầu gối bị thấp khớp của cô đang la hét khi cô khom người xuống một chút, cô hất ánh đèn halogen qua khắp căn phòng. Vài chiếc hộp và tủ hồ sơ. Không còn gì khác. Dù vậy, khi cô quay lưng lại để rời đi, cô nhớ rằng hắn từng trốn trong bóng tối bằng cách sử dụng một miếng vải đen đơn giản. Cô nhìn quanh phòng lần nữa chậm rãi hơn, dùng cây đèn pin để lục soát.

Vào lúc đó cô cảm thấy có thứ gì đó chạm vào cổ mình.

Một tiếng thở gấp và cô quay ngoắt lại, giơ khẩu súng lên – chĩa vào giữa một mạng nhện bụi bặm đang vuốt ve làn da cô.

Trở lại hành lang.

Thêm những cánh cửa khóa. Thêm những ngõ cụt.

Có tiếng bước chân lại gần. Một người đàn ông đang đi ngang qua cô ngay lúc này, hói đầu, ngoài sáu mươi, mặc đồng phục một lính gác và đeo phù hiệu phù hợp. Ông ta gật đầu khi đi qua. Ông ta cao hơn Weir nên cô để ông ta đi qua mà không cần nhìn theo.

Nhưng rồi cô nghĩ rằng có thể có cách để một nghệ sĩ biến y thay đổi chiều cao.

Quay lại, thật nhanh.

Người đàn ông đã đi mất; cô chỉ nhìn thấy một hành lang trống vắng. Hay hành lang có vẻ trống vắng. Cô nhớ lại lần nữa miếng lụa mà Gã phù thủy đã giấu đằng sau để giết Svetlana Rasnikov, tấm gương để giết Tony Calvert. Cơ thể cô căng lên như dây đàn, cô rút khẩu súng khỏi bao và bắt đầu đi về nơi tay lính gác – hay có vẻ là tay lính gác – đã biến mất.

***

Ở đâu? Weir ở đâu?

Đi nhanh dọc đường Centre, Roland Bell quan sát khung cảnh trước mặt anh. Xe hơi, xe tải, những người bán bánh mì kẹp xúc xích đứng trước chiếc xe đẩy kim loại bốc khói của họ, những người trẻ tuổi đã làm việc cho những công ty luật lâu đời hay

ngân hàng đầu tư, những người khác chếnh choáng vì mấy vại bia ở South Street Seaport, người dắt chó, người đi mua sắm, cả tá người Manhattan lang thang trên đường phố vào những ngày đẹp đẽ và những ngày u ám đơn giản vì năng lượng của thành phố lôi họ ra ngoài.

Ở đâu?

Bell nghĩ phần lớn cuộc đời giống như việc nổ súng – bắn một phát, theo phương ngữ quê anh. Anh lớn lên ở vùng Albemarle Sound của Bắc Carolina, nơi những khẩu súng là thứ cần thiết, không phải là vật thờ, và anh đã được dạy cần tôn trọng chúng. Một phần của việc đó là sự tập trung. Ngay cả những phát súng đơn giản – vào một mục tiêu bằng giấy, một con rắn chuông hay rắn hổ mang, một con nai – cũng có thể đi chệch và nguy hiểm nếu ta không tập trung vào mục tiêu.

Cuộc đời cũng giống như thế. Và Bell biết là dù cho có chuyện gì xảy ra bên trong Hầm mộ ngay lúc này, hiện giờ anh phải tập trung vào một việc duy nhất: bảo vệ Charles Grady.

Amelia Sachs gọi tới và báo cô đang kiểm tra từng người cô tìm thấy trong tòa nhà Tòa án Hình sự, dù cho tuổi tác, chủng tộc hay vóc dáng có ra sao (cô vừa đuổi theo và kiểm tra giấy tờ của tay lính gác hói đầu, người cao hơn Weir nhiều và nhìn không có vẻ gì là một kẻ sát nhân, nhưng đã qua được kiểm tra vì hóa ra ông ấy biết người cha quá cố của cô). Cô vừa kiểm tra xong một cánh của tầng hầm và sắp sửa bắt đầu ở cánh bên kia.

Các nhóm dưới quyền Sellitto và Bo Haumann vẫn đang tìm kiếm các tầng trên của tòa nhà, và sự bổ sung lạ lùng nhất vào cuộc săn đuổi không ai khác ngoài chính Andrew Constable, người đang lần theo các đầu mối dẫn tới Weir ở thượng New York. Đó sẽ là một cú hích lớn, Bell nghĩ – nếu kẻ lúc đầu bị cáo buộc cố ý giết người trở thành người tìm xem nghi phạm thật sự là ai.

Nhìn vào những chiếc xe hơi trong lúc anh đi bộ nhanh qua, nhìn những chiếc xe tải trên đường, nhìn dọc những ngõ hẻm, những khẩu súng sẵn sàng nhưng không rút ra. Bell cho rằng sẽ là hợp lý nhất với chúng nếu tấn công Grady trên đường ở vị trí này, trước khi anh bước vào tòa nhà, nơi cơ hội sống sót cao hơn. Anh không nghĩ những kẻ này muốn tự sát – điều đó không hợp với hồ sơ của chúng. Trong giây phút từ khi Grady đỗ xe lại và ra khỏi xe tới khi anh bước vào những cánh cửa lớn của tòa nhà Tòa án Hình sự u ám, kẻ sát nhân sẽ ra tay. Và việc nổ súng sẽ dễ dàng – gần như

không có gì che chắn ở đây.

Weir đang ở đâu?

Và quan trọng không kém, Grady đang ở đâu?

Vợ anh ta nói chồng đi xe nhà, không phải xe của thành phố. Bell đã yêu cầu định vị khẩn cấp chiếc Volvo của tay công tố viên, nhưng không ai nhìn thấy nó.

Bell từ từ xoay người, quan sát khung cảnh, xoay vòng như một ngọn hải đăng. Mắt anh ngẩng lên tòa nhà bên kia đường, một tòa nhà trụ sở chính quyền, còn mới, với vài chục cửa sổ quay ra đường Centre. Bell từng tham gia một vụ giải cứu con tin vào Chủ nhật trong tòa nhà đó và anh biết nó lúc này về cơ bản là không có người. Một nơi hoàn hảo để ẩn nấp và phục kích Grady.

Nhưng con đường cũng là điểm nổ súng tốt – chẳng hạn như, cho một kẻ lái xe xả súng.

Ở đâu, ở đâu?

Roland Bell nhớ lại thời gian anh đi săn với cha ở đầm lầy Great Dismal phía nam Virginia. Họ bị một con lợn rừng xông tới và cha anh bắn vào hông con vật. Nó biến mất trong bụi rậm. Người đàn ông thở dài và nói, "Chúng ta phải tìm được nó. Không bao giờ được để lại một con thú bị thương."

"Nhưng nó định tấn công chúng ta," cậu bé phản đối.

"À, con trai, chúng ta đi vào thế giới của nó. Nó không đi vào thế giới của chúng ta. Nhưng vấn đề không phải là đây hay đó. Đó không phải là một câu hỏi về sự công bằng. Nó là một câu hỏi về việc chúng ta phải tìm ra nó dù có mất cả ngày. Là không nhân đạo với nó và giờ nó nguy hiểm gấp đôi với bất kỳ ai khác tới đây."

Nhìn xung quanh họ vào những bụi cây và lau sậy rậm rạp không thể nào đi qua được cùng cỏ đầm lầy và thứ nước sền sệt kéo dài hàng dặm, Roland trẻ nói, "Nhưng nó có thể ở bất cứ đâu, cha."

Cha anh cười lớn dứt khoát. "À, đừng lo về việc tìm thấy nó. Nó sẽ tìm chúng ta. Sẵn sàng ngón tay ở chốt an toàn đi, con trai. Con có thể phải bắn nhanh đấy. Con ổn chứ?"

"Dạ có, thưa cha."

Bell giờ nhìn lần nữa qua loạt xe tải, những ngõ hẻm gần đó, những tòa nhà bên cạnh và bên kia đường chỗ tòa nhà tòa án.

Không gì hết.

Không Charles Grady.

Không Erick Weir, không dấu hiệu gì những kẻ đồng phạm của gã sát nhân.

Bell gõ tay vào báng súng của anh.

Đừng lo việc tìm ra nó. Nó sẽ tìm chúng ta…

Chương ba mươi chín

Em đang lục soát từng cánh cửa một, Rhyme. Cánh cuối cùng của khu tầng hầm."

"Hãy để Đội Khẩn cấp lo." Anh thấy đầu mình vươn về phía trước hết sức khi anh nói vào micro.

"Chúng ta cần tất cả mọi người," Sachs thì thầm. "Đây là một tòa nhà lớn kinh khủng." Cô đang ở trong khu Hầm mộ ngay lúc này, lần mò tìm đường qua những hành lang. "Đáng sợ nữa. Giống như ở trường Âm nhạc."

Ngày càng bí ẩn hơn…

"Một ngày nào đó anh phải thêm một chương vào cuốn sách của anh về việc xử lý những hiện trường tội ác ở những nơi rờn rợn," cô đùa để bớt bồn chồn lo lắng. "Được rồi, giờ em sẽ im lặng đây, Rhyme. Em sẽ gọi anh sau."

Rhyme và Cooper trở lại với các bằng chứng. Ở hành lang trên lối vào các phòng giam trong khu Hầm mộ, Sachs đã phát hiện ra lưỡi dao lam và những mảnh xương bò và miếng xốp màu xám – để làm giả xương sọ và não – cũng như những mẫu máu giả: si-rô với phẩm màu đỏ. Gã đã sử dụng áo khoác hay áo phông để lau sạch tối đa máu thật dưới sàn nhà và trên chiếc còng, nhưng Sachs đang xử lý hiện trường cẩn thận hơn bao giờ hết và cô đã khôi phục đủ một mẫu để phân tích. Gã mang theo chìa khóa và đồ phá khóa mà gã sử dụng để mở còng. Không còn bằng chứng nào có ích ở hiện trường hành lang.

Chiếc tủ của người lao công ở dưới lầu nơi gã thực hiện màn biến y mang lại nhiều thứ hơn – một chiếc túi giấy lớn trong đó gã giấu quả pháo và bóng đựng máu giả và những gì gã mặc khi họ bắt giữ gã ở chỗ của Grady: bộ vest xám, chiếc áo sơ-mi trắng gã đã sử dụng để lau chùi và một đôi giày doanh nhân kiểu Oxford. Cooper

đã tìm thấy bằng chứng dấu vết đáng kể trên những đồ vật đó: thêm cao su và đồ trang điểm, những mảnh sáp dính của ảo thuật gia, những vết mực giống với vết họ đã tìm được trước đó, những sợi ni-lông dày và các vết ố của máu giả nhiều hơn.

Những sợi đó hóa ra là thảm màu xám tro. Máu giả là sơn. Bộ dữ liệu họ tiếp cận không cung cấp bất kỳ thông tin nào về những chất liệu đó, nên anh gửi phân tích hợp chất hóa học và các bức ảnh cho FBI, với yêu cầu truy nguồn gốc khẩn cấp.

Rồi Rhyme nảy ra một ý. "Kara," anh gọi, thấy cô gái đang ngồi cạnh Mel Cooper, xoay một đồng hai mươi lăm xu giữa các ngón tay lúc cô nhìn trừng trừng vào hình ảnh máy tính trên của một vật hình sợi. "Cô giúp chúng tôi một chuyện được không?"

"Chắc chắn rồi."

"Cô có thể tới Cirque Fantastique và tìm Kadesky không? Nói với ông ấy về vụ vượt ngục xem ông ta có thể nhớ ra điều gì khác về Weir không. Bất kỳ màn ảo thuật nào mà gã đặc biệt thích, những nhân vật hay hóa trang mà gã diễn đi diễn lại, kiểu tiết mục nào gã thường lặp lại nhất... Bất kỳ điều gì cho chúng ta chút thông tin về việc trông gã có thể ra sao."

"Có thể ông ấy có vài bức ảnh cũ của Weir khi mặc đồ hóa trang," cô nói, đeo chiếc túi trắng đen lên vai.

Anh nói với cô rằng đó là một ý hay rồi trở lại với sơ đồ bằng chứng, điều vẫn là sự xác thực cho nhận xét trước đó của anh: họ càng thấy được nhiều, họ càng biết ít.

GÃ PHÙ THỦY

Hiện trường tội ác trường Âm nhạc

• Mô tả nghi phạm: Tóc nâu, râu giả, không có gì nổi bật, tầm vóc trung bình, chiều cao trung bình, tuổi: ngoài năm mươi. Ngón tay đeo nhẫn và ngón út dính với nhau. Thay đồ nhanh để giống một người gác cổng lớn tuổi, hói đầu.

• Không có động cơ rõ ràng.

• Nạn nhân: Svetlana Rasnikov.

• Sinh viên âm nhạc toàn thời gian

• Kiểm tra gia đình, bạn bè, các sinh viên, đồng nghiệp để có thêm đầu mối khả dĩ.

• Không có bạn trai, không có kẻ thù. Trình diễn ở tiệc sinh nhật cho trẻ em.

• Bảng mạch điện tử có gắn loa.

• Đã gửi cho phòng thí nghiệm FBI, thành phố New York.

• Máy ghi âm kỹ thuật số, có thể chứa giọng nói của nghi phạm. Mọi dữ liệu đã bị hủy.

• Đoạn ghi âm là một "mánh." Tự làm.

• Sử dụng còng tay sắt kiểu cũ để còng nạn nhân.

• Còng tay là loại Darby. Scotland Yard. Kiểm tra với Bảo tàng Houdini ở New Orleans để có thêm đầu mối.

• Phá hủy đồng hồ của nạn nhân vào đúng 8 giờ sáng.

• Dây vải giữ ghế. Loại thường. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Pháo tạo ra hiệu ứng tiếng súng. Đã bị hủy. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Dây dẫn cháy. Loại phổ biến. Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Cảnh sát hiện trường cho biết có đèn nháy trong không trung. Không tìm thấy vật liệu liên quan.

• Là vải chớp sáng hoặc giấy chớp sáng.

• Quá nhiều nguồn cung cấp.

• Giày của nghi phạm: hiệu Ecco cỡ 10.

• Sợi tơ, nhuộm màu xám, đã xử lý để trở nên mờ xỉn.

• Từ bộ đồ người gác cổng thay nhanh.

• Đối tượng có thể đội tóc giả màu nâu.

• Gỗ hồ đào đỏ và địa y Parmelia, được tìm thấy chủ yếu ở công viên Trung Tâm.

• Bụi có dính dầu khoáng khác thường. Đã gửi cho FBI để phân

tích.

• Dầu Tack-Pure dùng cho yên cương và da

• Mảnh lụa đen, 1,8 x 1,2 mét. Được dùng làm vật ngụy trang. Không thể truy nguồn gốc.

• Các ảo thuật gia thường xuyên sử dụng.

• Đeo bọc ngón tay của ảo thuật gia để giấu vân tay.

• Dấu vết cao su, dầu thầu dầu, mỹ phẩm.

• Đồ hóa trang cho sân khấu.

• Dấu vết alginate.

• Sử dụng trong các "thiết bị" tạo khuôn cao su.

• Vũ khí giết người: dây thừng lụa trắng với lõi là lụa đen.

• Sợi thừng là một trò ảo thuật. Màu sắc thay đổi. Không truy được nguồn gốc.

• Nút thắt khác thường.

• Đã được gửi cho FBI và Bảo tàng Hàng hải – không có thông tin gì.

• Các nút thắt giống những màn trình diễn của Houdini, gần như không thể cởi ra.

• Dùng mực vô hình trong sổ đăng ký.

Hiện trường tội ác ở East Village

• Nạn nhân thứ hai: Tony Calvert.

• Nghệ sĩ trang điểm, đoàn kịch.

• Không có kẻ thù.

• Có vẻ không có liên hệ gì với nạn nhân thứ nhất.

• Không có động cơ rõ ràng.

• Nguyên nhân tử vong:

• Vết thương do vật cùn đập vào đầu, sau đó cơ thể bị cắt ra khi đã chết bằng cưa tay.

• Hung thủ trốn thoát giả làm một phụ nữ ngoài bảy mươi. Kiểm tra khu vực lân cận xem có đồ hóa trang bị bỏ đi và các bằng chứng khác không.

• Không tìm thấy gì.

• Đồng hồ bị đập bể chính xác lúc 12 giờ.

• Có thể là mô thức không? Nạn nhân tiếp theo có thể bị hại vào 4 giờ chiều.

• Hung thủ trốn đằng sau tấm gương. Không thể truy nguồn gốc. Vân tay đã được gửi cho FBI.

• Không có vân tay nào khớp.

• Sử dụng mèo đồ chơi ("feke") để dụ nạn nhân vào con hẻm. Món đồ chơi không thể truy nguồn gốc.

• Tìm thấy thêm dầu khoáng, giống với ở hiện trường thứ nhất. Đang đợi báo cáo của FBI.

• Dầu Tack-Pure cho yên cương và da.

• Tìm thấy thêm cao su và đồ trang điểm từ những miếng bịt ngón tay.

• Tìm thấy thêm alginate.

• Để lại giày Ecco.

• Tìm thấy lông chó trên giày, từ ba giống chó khác nhau. Cả phân nữa.

• Là phân ngựa, không phải phân chó.

Hiện trường tội ác sông Hudson và những khu vực liên quan

• Nạn nhân: Cheryl Marston.

• Luật sư.

• Ly dị nhưng chồng cũ không phải là nghi can.

• Không có động cơ.

• Nghi phạm nói tên là "John." Có sẹo ở cổ và ngực. Bàn tay dị dạng được xác nhận.

• Nghi phạm thay đồ nhanh thành một doanh nhân không có râu mặc quần tây và áo sơ- mi dài tay, rồi một tay đi mô-tô mặc áo phông Harley vải bò.

• Chiếc xe đã xuống sông Harlem. Nghi phạm có thể đã trốn thoát.

• Keo dán để bịt miệng. Không truy được nguồn gốc.

• Pháo giống như lần trước. Không truy được nguồn gốc.

• Dây xích và khóa, loại phổ biến, không truy được nguồn gốc.

• Dây thừng, loại phổ biến, không truy được nguồn gốc.

• Thêm đồ trang điểm, cao su và dầu Tack-Pure.

• Túi tập thể dục, sản xuất ở Trung Quốc, không truy được nguồn gốc. Bao gồm:

• Dấu vết của loại thuốc dùng trong những vụ hiếp dâm flunitrazepam.

• Sáp dính của ảo thuật gia, không truy được nguồn gốc.

• Dăm đồng (?). Đã gửi cho FBI.

• Nhất quán với máy trong đồng hồ. Có thể là thiết bị bom hẹn giờ.

• Mực không phai, màu đen.

• Tìm thấy áo gió màu xanh hải quân, không có chữ viết tắt hay ký hiệu của tiệm giặt ủi. Bao gồm:

• Thẻ phóng viên của kênh truyền hình cáp CTN, thẻ của Stanley Saferstein. (Anh ta không phải là nghi phạm – tìm kiếm trên NCIC, VICAP không cho ra kết quả.)

• Thẻ chìa khóa khách sạn bằng nhựa, American Plastic Cards, Akron, Ohio. Mẫu APC- 42, không có dấu vân tay.

• CEO đang tìm hồ sơ bán hàng.

• Các cảnh sát Bedding và Saul đang lùng các khách sạn.

• Khoanh lại còn các khách sạn Chelsea Lodge, Beckman và Lanham Arms. Vẫn đang kiểm tra

• Hóa đơn nhà hàng ở Riverside Inn, Bedford Junction, NY, cho thấy có bốn người ăn trưa, bàn 12, ngày thứ Bảy, hai tuần trước. Gà tây, bánh thịt xay, bít-tết, món đặc biệt trong ngày. Nước ngọt. Nhân viên nhà hàng không biết khách ăn là ai. (Đồng phạm?)

• Con hẻm nơi Gã phù thủy bị bắt.

• Phá khóa còng tay.

• Nước bọt (đồ phá khóa giấu trong miệng).

• Không xác định được nhóm máu.

• Dao cạo nhỏ để thoát khỏi dây trói (cũng được giấu trong miệng).

• Không biết cảnh sát Burke đang ở đâu.

• Có tin thi thể ở đâu đó thuộc khu Upper West Side.

Hiện trường sông Harlem:

• Không có bằng chứng, trừ dấu trượt trên bùn.

• Tờ báo lấy từ chiếc xe. Các dòng tít:

Cúp điện. Đóng đồn cảnh sát gần 4 tiếng

New York trước Đại hội Đảng Cộng hòa

Phụ huynh biểu tình vì an ninh yếu kém ở trường nữ sinh

Âm mưu giết người của lực lượng dân quân. Phiên tòa bắt đầu hôm thứ Hai

Lễ hội cuối tuần ở MET quyên tiền cho từ thiện

Giải trí mùa xuân cho trẻ em

Thống đốc, thị trưởng họp về kế hoạch mới cho khu West Side.

Hiện trường tội ác vụ Lincoln Rhyme

• Nạn nhân: Lincoln Rhyme.

• Nhân thân nghi phạm: Erick A. Weir.

• LKA Las Vegas.

• Bị bỏng trong vụ hỏa hoạn ở Ohio từ ba năm trước. Gánh xiếc Hasbro và Keller Brothers. Biến mất sau đó. Bỏng độ ba. Nhà sản xuất là Edward Kadesky.

• Bị kết án ở New Jersey vì bất cẩn gây nguy hiểm cho người khác.

• Ám ảnh với lửa.

• Điên loạn. Nói tới "quý khán giả thân mến."

• Biểu diễn những màn nguy hiểm.

• Đã kết hôn với Marie Cosgrove, thiệt mạng trong vụ hỏa hoạn.

• Không liên lạc với gia đình cô ấy kể từ đó.

• Cha mẹ đã chết, không có người thân trực hệ.

• Không có trong hồ sơ của VICAP hay NCIC.

• Tự gọi mình là "Phù thủy phương Bắc."

• Tấn công Rhyme để ngăn anh trước chiều thứ Bảy. (Nạn nhân tiếp?)

• Màu mắt – nâu.

• Hồ sơ tâm lý học (theo Terry Dobyns, NYPD): Sự báo thù tạo động cơ cho gã dù gã có thể không nhận ra. Gã muốn tính toán sòng phẳng. Lúc nào cũng tức giận. Bằng cách giết người, gã làm giảm bớt đôi chút sự đau đớn vì cái chết của vợ, sự mất mát khả năng biểu diễn.

• Weir gần đây đã liên lạc với các trợ lý: John Keating và Arthur Loesser, ở Nevada. Hỏi về vụ hỏa hoạn và những người có liên quan. Mô tả Weir là điên dại, độc đoán, loạn trí, nguy hiểm, nhưng tài năng.

• Liên lạc với cựu giám đốc lúc xảy ra vụ hỏa hoạn, Edward Kadesky.

• Giết nạn nhân vì điều mà họ đại diện cho – có thể là những khoảnh khắc hạnh phúc hay bi kịch trước trận hỏa hoạn.

• Chiếc khăn tay đẫm xăng, không truy được nguồn gốc.

• Giày Ecco, không truy được nguồn gốc.

Hiện trường vụ vượt ngục ở Trung tâm Giam giữ

• *Pháo ném và túi máu làm giả vết thương – tự làm, không có nguồn gốc.*

• *Máu nhân tạo (si-rô + phẩm màu đỏ), những mảnh vụn xương bò, bọt biển màu xám làm giả não, máu thật, dao lam.*

• *Khẩu Glock của cảnh sát ở Trung tâm Giam giữ.*

• *Còng tay.*

• *Nỗ lực lau sạch vết máu bất thành.*

• *Thêm các mảnh cao su và đồ trang điểm, giống các hiện trường trước.*

• *Sáp dính.*

• *Mực không xóa được, màu đen, giống với những gì tìm thấy trước đó.*

• *Máu nhân tạo đã khô (sơn), đã gửi cho FBI.*

• *Sợi thảm, đã gửi cho FBI.*

Hồ sơ về ảo thuật gia

• Nghi phạm sẽ sử dụng việc đánh lạc hướng để đối phó với nạn nhân và che mắt cảnh sát.

• Đánh lạc hướng về vật lý (để gây phân tâm).

• Đánh lạc hướng về tâm lý (để loại trừ sự nghi ngờ).

• Trốn thoát ở trường Âm nhạc giống với màn biểu diễn ảo thuật *Người biến mất*. Quá phổ biến để truy ra nguồn gốc.

• Nghi phạm về cơ bản là một ảo thuật gia.

• Giỏi trò nhanh tay lẹ mắt.

• Cũng biết ảo thuật biến y (thay đồ nhanh). Sẽ sử dụng quần áo có khớp nối, ni-lông và lụa, mũ bịt đầu giả hói, bịt ngón tay và các thiết bị cao su khác. Có thể thuộc bất kỳ độ tuổi, giới tính hay

chủng tộc nào.

• Cái chết của Calvert mô phỏng màn trình diễn *Cắt một phụ nữ làm đôi* của Selbit.

• Giỏi mở khóa (có thể là mở khóa "hàng loạt").

• Biết các kỹ thuật trốn thoát.

• Có kinh nghiệm ảo thuật với động vật.

• Sử dụng thuật thao túng tâm lý để có thông tin về nạn nhân.

• Sử dụng thuật nhanh tay lẹ mắt để bỏ thuốc cô ấy.

• Cố gắng giết nạn nhân thứ ba với màn trốn thoát của Houdini. *Ngục nước*.

• Biết thuật nói tiếng bụng.

• Những lưỡi dao lam.

• Quen thuộc với trò *Tấm gương cháy*. Rất nguy hiểm, ngày nay hiếm khi được biểu diễn.

Rạp Cirque Fantastique đã sống động trở lại, một tiếng trước màn biểu diễn buổi tối.

Kara đi qua tấm băng-rôn Arlecchino và để ý thấy một chiếc xe cảnh sát mà Lincoln Rhyme đã ra lệnh ở lại sau cơn hoảng loạn vào buổi chiều. Cảm thấy sự thân thiết với họ từ khi bản thân cô cũng chơi trò cảnh sát, cô mỉm cười và vẫy tay với hai sĩ quan, những người, dù không biết cô, vẫn vẫy tay lại.

Hiện chưa có người soát vé nên Kara lang thang vào trong và đi ra sau sân khấu. Cô để ý thấy một người đàn ông trẻ tuổi đang cầm một kẹp hồ sơ. Một tấm thẻ nhân viên giắt trên thắt lưng anh ta giống như khẩu súng của Amelia.

"Phiền anh," cô nói.

"Vâng?" Anh ta đáp bằng giọng đậm kiểu Pháp hoặc Pháp - Canada.

"Tôi tìm ông Kadesky."

"Ông ấy giờ không có ở đây. Tôi là một trong các trợ lý của ông ấy."

“Ông ấy đâu?”

“Không có ở đây. Cô là ai?”

“Tôi làm việc cho cảnh sát. Ông Kadesky đã gặp họ trước đó. Họ có thêm một số câu hỏi cho ông ấy.”

Người đàn ông trẻ tuổi liếc nhìn ngực cô, dù không cần thiết, để tìm thẻ phù hiệu.

“Ừ hử. A. Cảnh sát. Ông ấy đi ăn tối. Ông ấy sẽ sớm trở lại.”

“Anh có biết ông ấy ăn ở đâu không?” cô hỏi.

“Không. Cô phải ra khỏi đây. Cô không được vào trong này.”

“Tôi chỉ cần gặp ông ấy…”

“Cô có vé không?”

“Không, tôi…”

“Vậy thì cô không thể đợi. Cô phải ra khỏi đây. Ông ấy chẳng nói gì về cảnh sát cả.”

“Tôi thật sự cần gặp ông ấy,” cô nói một cách cương quyết với người đàn ông điển trai có vẻ ngoài xứ Gô-loa và tính khí lạnh lùng.

“Thật sự, cô phải đi ra. Cô có thể đợi ông ấy bên ngoài.”

“Tôi có thể bỏ lỡ ông ấy.”

“Tôi sẽ phải gọi bảo vệ,” anh ta đe dọa bằng giọng có ngữ điệu nặng nề. “Tôi sẽ gọi đấy.”

“Tôi sẽ mua vé,” cô nói.

“Bán hết rồi. Và ngay cả nếu cô có mua được vé cô cũng không được vào trong này. Tôi sẽ đưa cô ra.”

Anh ta dẫn cô ra ngoài cửa chính, nơi những người soát vé đang làm việc. Ở bên ngoài cô dừng lại và chỉ qua vai anh ta về phía một chiếc xe kéo với một tấm bảng trên đó, NƠI BÁN VÉ. “Tôi có thể mua vé ở đó hả?”

Một sự khinh thị thoáng xẹt qua mặt anh ta. “Đó là quầy vé.

Nhưng như tôi đã nói, không còn vé nào đâu. Cô có thể gọi cho công ty của ông Kadesky nếu cô cần hỏi ông ấy chuyện gì đó."

Sau khi anh ta đã đi, Kara đợi một lát, rồi rẽ qua góc lều và đi về phía lối vào sân khấu ở phía sau. Cô mỉm cười với tay bảo vệ và anh ta mỉm cười lại, chỉ liếc qua thắt lưng cô, nơi giờ đã có tấm thẻ của tay nhân viên Pháp - Canada, mà cô đã dễ dàng lấy ra khỏi thắt lưng anh ta khi cô chỉ và hỏi câu hỏi khá ngu xuẩn, nhưng giúp đánh lạc hướng tốt về quầy vé.

Nhớ quy tắc đấy nhé, cô nghĩ: Đừng bao giờ giỡn mặt với một người biết trò nhanh tay lẹ mắt.

Lúc đã ở trong phần sau sân khấu của khu lều lần nữa, cô giấu tấm phù hiệu vào túi và tìm được một nhân viên thân thiện hơn. Người phụ nữ này, Katherine Tunney, gật đầu cảm thông khi Kara giải thích những gì cô đang làm ở đó – rằng một cựu ảo thuật gia đang bị truy nã vì giết người đã được xác định là người mà ông Kadesky từng làm việc cùng từ rất lâu rồi. Người phụ nữ đã nghe nói tới những vụ giết người và mời Kara đợi tới khi nhà sản xuất quay lại sau bữa tối. Katherine cho Kara một tấm thẻ để ngồi trong một ghế VIP rồi bỏ đi làm việc lặt vặt, hứa rằng cô ta sẽ báo với bảo vệ để đảm bảo là ông Kadesky tới gặp Kara ngay khi ông ấy trở lại.

Trên đường đi ra chỗ ngồi, máy nhắn tin của cô reo lên một tiếng bíp khẩn cấp.

Cô thở gấp khi nhìn thấy số điện thoại, chạy tới một trụ điện thoại trả tiền, tay vẫn run rẩy, thực hiện cuộc gọi.

"Stuyvesant Manor," bên kia đầu dây nói.

"Xin cho gặp Jaynene Williams."

Một khoảng đợi dài.

"Chào?"

"Là tôi đây. Kara. Mẹ tôi không sao chứ?"

"Ồ, bà ấy ổn, cô bé. Nhưng tôi muốn nói với cô là – đừng hy vọng nhiều quá. Có thể sẽ chẳng được gì đâu. Nhưng vài phút trước, bà ấy tỉnh giấc và hỏi cô. Bà ấy biết hiện là tối Chủ nhật và bà ấy nhớ trước đó cô có ghé qua."

“Ý chị là nhớ ‘tôi’, thực sự là tôi ấy hả?”

“Phải, tên thật của cô. Rồi bà ấy nhíu mày và nói, ‘Trừ khi bây giờ nó chỉ còn gọi nó bằng cái nghệ danh điên khùng đó, Kara.’”

Chúa ơi… Có khi nào bà đã minh mẫn trở lại?

“Và bà ấy nhớ tôi và hỏi xem cô ở đâu. Nói bà ấy có chuyện muốn kể với cô.”

Tim Kara đập mạnh.

Có chuyện muốn kể…

“Tốt hơn là tới đây sớm đi, cô bé. Có thể mọi chuyện ổn. Nhưng có thể không. Cô biết rồi đấy.”

“Tôi đang mắc kẹt một việc, Jaynene. Tôi sẽ tới đó ngay khi có thể.”

Họ gác máy và bấn loạn, Kara trở lại chỗ ngồi của cô. Sự căng thẳng tới mức không thể chịu nổi. Ngay lúc này mẹ cô có thể đang hỏi con gái bà ở đâu. Nhíu mày và thất vọng vì cô bé không có ở đó.

Xin làm ơn, cô cầu nguyện, lại nhìn về phía lối vào đợi Kadesky.

Vẫn không có gì.

Cô ước gì mình có thể chạm vào một cây đũa phép bằng gỗ hồ đào trên hàng rào kim loại méo mó trước mặt cô, chĩa nó vào cửa và làm tay sản xuất chương trình hiện ra ở đó.

Xin làm ơn, cô lại nghĩ, nhắm chiếc đũa thần tưởng tượng về phía lối vào. Làm ơn…

Lúc này vẫn không có gì. Rồi vài bóng người bước vào. Nhưng không có ai là Kadesky. Họ chỉ là ba phụ nữ mặc trang phục thời trung cổ và đeo mặt nạ mà biểu cảm bi thương trên khuôn mặt trái ngược với bước chân rộn rã của những diễn viên sắp sửa bắt đầu màn trình diễn buổi tối của họ.

***

Roland Bell đang đứng trong một tại những vực sâu của khu trung tâm Manhattan: đường Centre nằm giữa tòa nhà to lớn, ảm đạm trụ sở Tòa án Hình sự, trên đầu là cầu Than Thở, và một tòa nhà văn phòng không tên tuổi bên kia đường.

Vẫn không thấy dấu hiệu gì về chiếc Volvo của Charles Grady.

Anh lại xoay tròn như hải đăng lần nữa. Ở đâu, ở đâu, ở đâu?

Một tiếng còi vang lên bên cạnh, hướng lối vào cây cầu. Một tiếng hét.

Bell quay lại và bước vài bước về phía âm thanh đó, tự nhủ: Đánh lạc hướng chăng?

Nhưng không, đó chỉ là một vụ cãi cọ trên đường phố.

Anh quay lại, về phía lối vào tòa nhà Tòa án Hình sự, và thấy mình đang nhìn thẳng vào Charles Grady, người đang lững thững đi bộ dọc con đường, cách đó một dãy nhà. Tay công tố viên đang đi, cúi đầu xuống, chìm đắm trong suy nghĩ. Viên thanh tra chạy thật nhanh tới chỗ người đàn ông đó, kêu lên, "Charles! Nằm xuống! Weir đã trốn thoát!"

Grady dừng lại, nhíu mày.

"Nằm xuống!" Bell gọi không kịp thở.

Người đàn ông vừa được cảnh báo khom người xuống vỉa hè, giữa hai chiếc xe đang đỗ. "Có chuyện gì?" Anh hét lên. "Gia đình tôi!"

"Tôi đã đưa người tới chỗ họ," viên thanh tra nói. Rồi anh nói với các khách bộ hành: "Tất cả mọi người! Cảnh sát đang làm việc! Rời khỏi con đường này ngay!"

Mọi người ngay lập tức tản ra.

"Gia đình tôi!" Grady kêu lên tuyệt vọng. "Anh chắc chứ?"

"Họ không sao."

"Nhưng Weir..."

"Một vụ nổ súng giả trong trại tạm giam. Gã trốn ra và đang ở đâu đó quanh đây. Tôi đang cử một xe chống đạn tới."

Lại quay lại, nheo mắt, anh quan sát hiện trường.

Roland Bell cuối cùng với tay sang chỗ Grady và đứng lên phía trên anh, lưng quay về cửa sổ tối đen của tòa nhà chính phủ bên kia đường.

“Ở yên chỗ đó, Charles,” Bell nói. “Chúng ta sẽ rời khỏi đây an toàn.” Và lôi chiếc bộ đàm khỏi thắt lưng của anh.

***

Chuyện gì vậy?

Hobbs Wentworth dõi theo mục tiêu của hắn phía dưới – tay công tố viên – đang lom khom trên vỉa hè đằng sau một người đàn ông mặc áo khoác thể thao, rõ ràng là cảnh sát.

Con ruồi trên ống ngắm của Hobbs di chuyển qua lại quanh lưng viên cảnh sát, tìm kiếm bất thành một góc bắn trúng Grady.

Tay công tố viên ở dưới thấp, gã cảnh sát đang đứng. Hobbs thấy có vẻ nếu bắn qua phần lưng thấp của viên cảnh sát, hắn có lẽ sẽ bắn trúng ngực trên của Grady do anh ta đang cúi lom khom. Nhưng nguy cơ là phát đạn đó sẽ đi chệch và Grady sẽ chỉ bị thương và lẩn vào chỗ an toàn sau một chiếc xe hơi.

Chà, hắn sẽ phải ra tay thật nhanh. Tay cảnh sát đang nói chuyện trên bộ đàm. Sẽ có thêm cả trăm tên nữa chỉ trong một phút tới. Coi nào, con người sắc sảo, hắn tự nhủ với bản thân. Ta sẽ làm gì đây?

Phía dưới hắn, tên cảnh sát vẫn đang nhìn quanh, che chắn cho Grady, người ngồi xổm như một con chó tha mồi cái đang đi tè.

Được rồi. Hắn sẽ bắn tên cảnh sát ở phần thân trên, phần hông. Như thế nhiều khả năng tên cảnh sát sẽ ngã ra, làm lộ ra tên công tố viên. Khẩu Colt là súng bán tự động nên gã có thể bắn năm viên trong hai giây. Không hoàn hảo nhưng là cách tốt nhất mà Hobbs có thể nghĩ ra.

Hắn sẽ cho viên cảnh sát một khoảnh khắc nữa để bước ra hay tránh sang một bên.

Cả hai mắt hắn mở ra khi mắt phải nhìn chằm chằm qua ống ngắm, chĩa con ruồi thẳng vào lưng viên thanh tra và nghĩ rằng khi gã trở lại Canton Falls, hắn sẽ bịa một câu chuyện trong Thánh Kinh về việc này. Jesus sẽ đóng vai hắn và sẽ được vũ trang một cây cung trợ lực thượng hạng, sắp sửa mai phục một đám lính La Mã, những kẻ đã tra tấn người Công giáo. Julius Caesar sẽ trốn đằng sau một tên lính và nghĩ rằng mình an toàn, nhưng Jesus sẽ

bắn xuyên qua tên lính đó và giết luôn thằng chó đẻ.

Một câu chuyện hay. Lũ trẻ sẽ khoái nó.

Tên cảnh sát vẫn đung đưa qua lại trước tay công tố viên.

Chà, thế thì, Hobbs nghĩ, bật chốt an toàn khẩu Colt lớn. Không còn thời gian nữa. Sẽ bị thiêu đốt trong lưu huỳnh, những tên La Mã giết người Công giáo.

Hắn nhắm đầu ruồi vào sau chân tên cảnh sát và bắt đầu chậm rãi nhấn cò, nghĩ rằng sự hối tiếc duy nhất của hắn là tên cảnh sát là người da trắng, không phải da đen.

Nhưng có một điều Hobbs Wentworth đã học được trong đời: ta hạ mục tiêu của mình như cách ta tìm ra chúng.

Chương bốn mươi

Roland Bell ngửi thấy mùi nhựa/mồ hôi/kim loại đặc trưng của chiếc bộ đàm Motorola khi anh gí nó vào mặt.

“Đội khẩn cấp số bốn, sẵn sàng chưa, K?” Anh cúi xuống micro. “Rõ, K,” một người đáp.

“Được rồi, giờ thì...”

Đúng khi đó thì tiếng lách cách của hàng loạt phát đạn giảm thanh vang vọng trong khắp “vực thẳm” của con đường.

Bell nhảy lên.

“Tiếng súng!” Charles Grady thét. “Tôi nghe có tiếng súng! Anh trúng đạn không?”

“Cứ nằm yên đi,” Bell nói khi anh khom người xuống. Anh quay lại, nâng khẩu súng lên và nhìn thật kỹ tòa nhà văn phòng chính phủ bên kia đường.

Anh đang đếm đầy tức giận.

“Đã định vị được,” anh nói trong bộ đàm. “Tôi cho là tầng ba, văn phòng thứ năm từ góc bắc của tòa nhà.” Rồi Bell nhìn vào cửa kính. “Ái.”

“Nói lại đi, K?” Một cảnh sát gọi.

“Tôi nói, ‘Ái.’”

“Ừm. Rõ. Hết.”

Grady, nằm trên vỉa hè, nói, “Có chuyện gì xảy ra vậy?” Anh bắt đầu nhổm dậy.

“Ở yên đó,” viên thanh tra nói với Grady rồi thận trọng đứng lên. Giờ anh quay từ phía cửa sổ sang và nhìn khu vực vỉa hè xung quanh anh. Có khả năng là có thêm những tay súng nữa ở quanh đây. Một lát sau, một chiếc xe tải bọc thép của Đội Khẩn cấp dừng lại và năm giây sau, Bell và Grady đã ở trong xe, chiếc xe hụ còi inh ỏi rời khỏi nơi xảy ra vụ nổ súng và đưa tay công tố viên trở lại khu Upper East Side với gia đình anh.

Bell liếc nhìn sau anh và thấy thêm những cảnh sát của Đội Khẩn cấp tràn vào tòa nhà bên kia đường từ tòa án.

Đừng lo… Hắn sẽ tìm ra chúng ta.

Chà, anh có thể chắc chắn là thế.

Bell đã kết luận rằng cách tốt nhất để bắn Grady sẽ là từ tòa nhà văn phòng bên kia đường. Khả năng cao nhất là kẻ sát nhân sẽ đột nhập vào một trong những văn phòng ở dưới thấp quay mặt ra vỉa hè. Nóc nhà khó có khả năng là địa điểm phục kích vì nó có hàng chục máy quay an ninh giám sát. Bell đã ở lại chỗ thoáng đãng để làm mồi vì có một điều anh biết về tòa nhà này từ tình huống giải cứu con tin mà anh đã tham gia trước đó: cửa sổ, như nhiều tòa nhà chính quyền mới hơn ở đây, không mở ra được và làm bằng kính chống bom.

Anh cho là có chút ít rủi ro rằng kẻ nổ súng sẽ sử dụng đạn xuyên giáp, vốn có thể đi qua kính dày vài xen-ti-mét. Nhưng Bell đã nhớ lại câu nói anh nghe được trong một vụ vài năm trước: “Chúa không đảm bảo chắc chắn gì cả.”

Anh sẽ chấp nhận rủi ro để dẫn dụ tay súng bắn tỉa nổ súng, với hy vọng viên đạn sẽ làm vỡ cửa kính và tiết lộ địa điểm của gã đó.

Và ý tưởng của anh đã thành công – dù có một biến số khác, như Bell đã nói với Đội Khẩn cấp. Ái…

“Đội Khẩn cấp Bốn gọi Bell. Haumann đây. Anh đã đúng, K.”

“Làm đi, K.”

Viên chỉ huy đội chiến thuật nói tiếp, “Chúng tôi đã vào trong. Đã kiểm soát hiện trường. Chỉ là không biết họ gọi là gì nhỉ? Giải thưởng Darwin phải không? Anh biết đấy, khi tội phạm làm những chuyện ngu xuẩn, K?”

“Rõ,” Bell đáp. “Hắn đã làm đạn văng vào mình, K?”

Bell đã thấy địa điểm của tay súng không phải vì kính vỡ mà vì một vệt máu lớn trên cửa sổ. Người đứng đầu Đội Khẩn cấp giải thích rằng những viên đạn bọc đồng mà gã đàn ông đó bắn về phía Bell đã đập vào kính, làm kính vỡ ra và bắn ngược vào chính kẻ nổ súng gần một chục chỗ, nghiêm trọng nhất là vào bẹn, nơi nó có vẻ đã bị cắt đứt một tĩnh mạch hay động mạch lớn. Gã đàn ông chảy máu dữ dội khi Đội Khẩn cấp tới được chỗ văn phòng.

"Hãy nói với tôi đó là Weir đi, K," Bell nói.

"Không phải. Rất tiếc. Một tay nào đó tên là Hobbs Wentworth. Địa chỉ, Canton Falls."

Bell cau có giận dữ. Vậy là Weir và có thể là những kẻ làm việc với gã vẫn còn chưa bị bắt. Anh hỏi, "Có tìm thấy bất kỳ thứ gì cho chúng ta đầu mối về nơi Weir ở hay gã định làm gì tiếp không?"

"Không có," viên chỉ huy nói giọng bực tức. "Chỉ có giấy tờ tùy thân của tay bắn súng. Và chúng tôi lấy được thứ này, một cuốn sách truyện kể Thánh Kinh cho trẻ em." Rồi một khoảng lặng. "Tôi không muốn nói điều này, nhưng chúng ta có một nạn nhân nữa, Roland. Hắn đã giết một phụ nữ để lọt vào tòa nhà, có vẻ như… Được rồi, chúng tôi sẽ kiểm soát nơi này và tiếp tục tìm Weir. Hết."

Viên thanh tra lắc đầu và nói với Grady, "Vẫn không biết gã ở đâu."

Tất nhiên, trừ việc đó là toàn bộ vấn đề. Có thể họ đã tìm thấy rất nhiều dấu vết của Weir, có thể họ thậm chí đã tìm thấy chính Weir – dưới dạng một cảnh sát khác, một người hỗ trợ y tế, một cảnh sát Đội Khẩn cấp, một phóng viên, một thanh tra thám tử mặc quần áo thường, một khách bộ hành hay một người vô gia cư – và đơn giản là họ không biết.

***

Qua khung cửa sổ vàng vọt trong phòng thẩm vấn, Andrew Constable có thể thấy khuôn mặt dữ dằn của một tay lính gác da đen cao lớn nhìn vào trong và nhìn hắn. Khuôn mặt đó biến mất khi hắn bước ra khỏi cửa.

Constable đứng lên khỏi chiếc bàn kim loại và đi qua luật sư của hắn tới chỗ cửa sổ. Hắn nhìn ra ngoài và thấy hai tay lính gác ở hành lang nói chuyện với nhau vẻ căng thẳng.

Được rồi.

“Có chuyện gì vậy?” Joseph Roth hỏi thân chủ của anh.

“Không có gì,” Constable đáp. “Tôi đâu có nói gì đâu.”

“Ồ, tôi tưởng là anh nói gì đó.”

“Không.”

Dù hắn tự hỏi phải chăng mình đã nói gì đó. Đưa ra bình luận gì đó, thốt lên một lời cầu nguyện.

Hắn trở lại bàn, nơi tay luật sư nhìn lên từ một tập giấy viết khổ rộng màu vàng bao gồm sáu cái tên và số điện thoại, mà các cộng sự của Constable ở Canton Falls vừa cung cấp trả lời những câu hỏi của họ về việc Weir có thể đang suy tính gì, hắn có thể đang ở đâu.

Roth trông không thoải mái. Họ vừa biết rằng một người đàn ông có súng trường đã tìm cách lấy mạng Grady ngay trước tòa nhà này vài phút trước. Nhưng đấy không phải là Weir, người vẫn chưa định vị được. Tay luật sư nói, “Tôi lo là Grady sẽ quá hoảng sợ để thỏa thuận với chúng ta lúc này. Tôi nghĩ chúng ta nên gọi tới nhà anh ta và nói cho anh ta biết những gì chúng ta đã tìm được.” Gõ ngón tay lên những tờ giấy. “Hay ít ra là đưa thứ này cho viên thanh tra đó. Tên anh ta là gì nhỉ? Bell, đúng không?”

“Cứ thế đi,” Constable nói.

Di chuyển ngón tay núc ních của anh trên tờ giấy có những cái tên và số điện thoại, Roth nói, “Anh có nghĩ ra ai đó ở đây sẽ biết điều gì đó cụ thể về Weir không? Đó là điều họ muốn, thứ gì đó cụ thể.”

Constable ngả người về phía trước và nhìn vào danh sách. Rồi nhìn vào chiếc đồng hồ trên tay luật sư của hắn. Hắn từ từ lắc đầu. “Tôi ngờ là không,” hắn nói.

“Anh… anh ngờ là không?”

“Phải. Thấy số đầu tiên không?”

“Có.”

“Đó là hiệu giặt ủi trên đường Harrison ở Canton Falls. Và số dưới đó là siêu thị IGA. Tiếp theo là nhà thờ Báp-tít. Và những cái tên này ư?” Gã tù nhân nói tiếp. “Ed Davis, Brett Samuels, Joe James Watkins ư?”

“Phải,” Roth nói. “Những cộng sự của Jeddy Barnes.”

Constable cười khúc khích. “Trời, không. Đó toàn là những cái tên giả.”

“Gì cơ?” Roth nhíu mày.

Nghiêng người gần lại tay luật sư, tên tù nhân nhìn trừng trừng vào đôi mắt bối rối của anh ta. “Tao đang nói là những cái tên và con số đó đều là giả.”

“Tôi không hiểu.”

Constable thì thầm, “Tất nhiên là mày không hiểu, thằng chó Do Thái khốn khiếp,” và đấm mạnh hết sức vào mặt tay luật sư đang sững sờ trước khi Roth kịp nâng tay lên để bảo vệ mình.

Chương bốn mươi mốt

Andrew Constable là một người tráng kiện, khỏe mạnh nhờ leo núi và những chuyến đi săn và câu cá ngoài trời, nhờ xẻ thịt lột da nai, nhờ việc đốn gỗ.

Joseph Roth đẫy đà không phải là đối thủ của hắn. Tay luật sư cố gắng đứng lên và kêu cứu nhưng Constable giáng một đòn thật mạnh vào cổ họng anh. Tiếng hét của người đàn ông trở thành một âm thanh ồng ộc.

Tên tù nhân kéo anh ta xuống sàn nhà và bắt đầu đấm tới tấp người đàn ông đang đổ máu bằng nắm tay có còng của hắn. Trong thoáng chốc, Roth đã bất tỉnh nhân sự, mặt anh sưng lên như một quả dưa. Constable lôi anh trở lại bàn và dựng anh lên, lưng quay ra cửa. Nếu một tay lính gác tình cờ liếc qua đó lần nữa thì nhìn sẽ có vẻ như là anh ta đang đọc tài liệu, đầu cúi xuống. Constable khom xuống, lột một chiếc giày và tất của tay luật sư ra và lau máu trên mặt bàn sạch hết mức có thể và phủ lên phần máu còn lại bằng tài liệu và các tệp giấy. Hắn sẽ giết tay luật sư sau. Ngay lúc này, ít ra là trong vài phút, hắn cần một mặt bàn nhìn có vẻ vô tội.

Một vài phút thôi – tới khi hắn tự do.

Tự do…

Vốn là toàn bộ vấn đề trong kế hoạch của Erick Weir.

Bạn thân nhất của Constable, Jeddy Barnes, chỉ huy phó của Hội Ái quốc, đã thuê Weir không phải để giết Grady, mà là để đưa một tù nhân thoát khỏi Trung tâm Giam giữ Manhattan vốn khét tiếng an ninh cao, đưa hắn tới tự do qua cầu Than Thở và cuối cùng vào trong hoang dã của New England, nơi Hội có thể tiếp tục sứ mệnh của mình, tổ chức cuộc chiến tranh chống lại những kẻ bị vấy bẩn, không sạch sẽ, ngu dốt. Để giúp đất nước này thoát khỏi bọn da

đen, đồng tính, Do Thái, Tây Ban Nha, bọn ngoại quốc – "Bọn chúng" mà Constable chửi bới trong những bài giảng hàng tuần của hắn ở Hội Ái quốc và trên những trang web bí mật được hàng nghìn công dân thiên hữu đăng ký trên cả nước.

Lúc này Constable đứng lên, bước ra cửa, nhìn ra ngoài lần nữa. Những tay lính gác không hay biết về những gì vừa xảy ra bên trong phòng thẩm vấn.

Tên tù nhân nhận ra mình phải có một món vũ khí nào đó, nên hắn đã lấy một cây bút chì kim loại ra khỏi chiếc áo đẫm máu của tay luật sư rồi nhét quản bút vào trong chiếc tất vo tròn lại để bảo vệ bàn tay của hắn. Đầu nhọn đó sẽ là một dụng cụ để đâm ổn.

Rồi hắn ngồi lại, thẳng hàng với Roth, chờ đợi và nghĩ về kế hoạch được Weir hay "Nhà Ảo thuật" như Barnes gọi anh ta nghĩ ra. Đó là một kiệt tác, bao gồm hàng chục tiết mục của nghề ảo thuật. Lừa gạt rồi lại lừa gạt lần nữa, canh thời gian cẩn thận, đáng lạc hướng thông minh. Nó bắt đầu với việc Weir cẩn thận cài cắm cho cảnh sát ý tưởng là có một âm mưu sát hại Grady. Lão mục sư Ralph Swensen thiết lập cơ sở cho việc này bằng một nỗ lực lấy mạng tay công tố viên. Vụ mưu toan giết người vụng về đó sẽ củng cố lòng tin của cảnh sát là có một âm mưu sát hại tay công tố viên và họ sẽ ngưng điều tra vụ án nào khác nữa – chẳng hạn như một vụ vượt ngục được lên kế hoạch.

Bản thân Weir sẽ cố ý để bị bắt trong nỗ lực thứ hai nhằm sát hại Grady và bị đưa tới nơi giam giữ.

Trong khi đó, Constable được yêu cầu tự mình thực hiện một số việc nhằm đánh lạc hướng. Hắn sẽ làm những kẻ bắt giữ hắn mất cảnh giác bằng cách tỏ ra là một người duy lý, biện hộ cho sự vô tội của mình và giành lấy sự cảm thông và lôi kéo Grady tới trụ sở tòa án tối nay bằng cách đề nghị sẽ đưa ra bằng chứng kết tội Barnes và những kẻ đồng phạm khác. Constable thậm chí sẽ cố giúp tìm kiếm nhà ảo thuật, khiến cảnh sát mất cảnh giác và cho hắn cơ hội truyền đi một tin nhắn đã mã hóa về địa điểm chính xác của hắn trong Trung tâm Giam giữ, điều mà Barnes sẽ chuyển tiếp cho Weir.

Khi Grady tới, Hobbs Wentworth sẽ gắng giết tay công tố viên, nhưng việc anh ta có thành công hay không không quan trọng; điều quan trọng là Hobbs sẽ đánh lạc hướng cảnh sát khỏi Trung tâm Giam giữ. Rồi Weir – người đang tự do trong tòa nhà sau khi giả chết – sẽ lẻn vào đây trong bộ dạng cải trang, giết những tên

lính gác và đưa Constable trốn thoát.

Còn một phần khác của kế hoạch – một khía cạnh mà Constable đã trông đợi nhiều tuần. Ngay trước khi Weir tới phòng thẩm vấn, Jeddy Barnes đã nói với hắn thế, Constable "phải lo cho được gã luật sư."

"Có nghĩa là sao?"

"Weir nói là tùy anh. Anh ta chỉ nói là anh cần lo được Roth để hắn ta không cản đường."

Lúc này đây, chứng kiến máu nhỏ ra từ mắt và miệng tay luật sư, hắn nghĩ, chà, đã lo xong tay Do Thái.

Constable tự hỏi Weir sẽ giết những tay lính gác bằng cách nào, anh ta sẽ ngụy trang kiểu gì, lối thoát ra của họ sẽ ra sao, lúc nào – theo lịch trình – hắn sẽ nghe được tiếng ồn ã đặc trưng của cánh cửa bên ngoài.

A, cỗ xa mã tới tự do của hắn đã tới.

Constable lôi Roth ra khỏi chiếc ghế dài và ném anh ta vào góc căn phòng thẩm vấn. Hắn nghĩ tới việc giết anh ta ngay lúc này, bằng cách giẫm lên khí quản. Nhưng hắn cho rằng Weir có một khẩu súng giảm thanh. Hoặc một con dao. Hắn có thể dùng mấy thứ đó.

Hắn nghe tiếng lách cách của chìa khóa trong ổ khóa phòng thẩm vấn.

Cánh cửa bật mở.

Trong thoáng chốc hắn nghĩ: Thật đáng kinh ngạc! Weir đã xoay xở tự biến mình thành một phụ nữ.

Nhưng rồi hắn nhớ ra cô ta; đây là viên cảnh sát tóc đỏ đã ở cùng thanh tra Bell hôm qua.

"Có người bị thương ở đây," cô ta hét lên khi nhìn xuống Roth. "Gọi Đội Khẩn cấp!"

Đằng sau cô ta, một lính gác chụp lấy điện thoại và một người nữa ấn nút màu đỏ trên tường, tiếng báo động vang khắp hành lang.

Chuyện gì đang xảy ra vậy? Constable không hiểu. Weir đâu?

Hắn nhìn lại về phía người phụ nữ và thấy một bình xịt hơi cay –

thứ vũ khí duy nhất được phép dùng trong khu giam giữ – trong tay cô ta. Hắn nghĩ thật nhanh và bắt đầu rên rỉ thật lớn tiếng, ôm bụng. "Ai đó vào đây đi! Một tù nhân khác. Hắn định giết chúng tôi!" Giấu cây bút chì sắt, hắn ôm bàn tay đẫm máu vào bụng. "Tôi bị thương. Tôi đã bị đâm!"

Hắn liếc nhanh ra ngoài. Vẫn không có dấu hiệu gì của Nhà Ảo thuật.

Người phụ nữ nhíu mày và nhìn quanh căn phòng trong khi Constable đổ sụp xuống sàn. Hắn nghĩ: Khi cô ta tới gần hơn, hắn sẽ dùng cây bút chì đâm vào mặt cô ta. Có thể là vào mắt. Hắn có thể lấy chiếc bình xịt, đập vào miệng hay mắt cô. Có thể gí cây bút chì vào lưng cô; những người lính gác sẽ nghĩ đấy là một khẩu súng và mở cửa cho hắn. Weir hẳn phải ở gần đây – có lẽ anh ta ở ngay bên ngoài những cánh cửa an ninh kia.

Nào, em yêu. Gần hơn một chút. Cô ta có thể mặc áo chống đạn, hắn tự nhắc bản thân; nhắm vào khuôn mặt xinh đẹp của cô ta.

"Luật sư của anh?" Cô ta hỏi, nghiêng về phía Roth. "Anh ta cũng bị đâm hả?"

"Phải! Một tù nhân da đen. Hắn ta nói tôi là kẻ phân biệt chủng tộc. Hắn nói muốn dạy tôi một bài học." Đầu hắn cúi xuống, nhưng hắn có thể cảm nhận được cô đang bước lại gần hơn.

"Joe bị thương nặng. Chúng ta phải cứu ông ấy!"

Chỉ vài bước nữa thôi…

Hay nếu anh ta là một người da trắng và có vẻ là sáng sủa – nếu anh ta còn đủ răng và mặc đồ không bốc mùi như nước tiểu qua đêm – thì khi đó, liệu quý vị có bóp cò chậm hơn một chút không?

Constable rên rỉ.

Hắn cảm thấy cô đã ở rất gần.

Cô ta nói, "Để tôi xem anh bị thương nặng tới cỡ nào."

Hắn nắm chặt cây bút chì. Sẵn sàng phóng lên. Hắn nhìn lên để tìm mục tiêu.

Và nhìn thấy miệng bình xịt hơi cay, cách mắt hắn ba mươi xen-ti-mét.

Cô ấn nút và dòng hơi nóng rát bắn thẳng vào mặt hắn. Cả trăm mũi kim nóng rẫy xé tan miệng, mũi và mắt hắn.

Constable hét lên khi nữ cảnh sát đoạt lấy cây bút từ tay và đá vào lưng hắn.

“Tại sao cô làm thế?” Hắn hét lên, chống cùi chỏ để ngồi dậy. “Tại sao?”

Câu trả lời của cô là không tranh luận nhiều và xịt vào hắn một luồng hơi cay bỏng rát nữa.

Chương bốn mươi hai

Amelia Sachs cất bình xịt hơi cay đi.

Viên trung sĩ tiềm năng trong cô có hơi đắn đo với cú xịt hơi cay ân huệ thứ hai vào mặt Constable.

Nhưng khi thấy mảnh nhọn mười bốn mi-li-mét giấu trong tay hắn, Sachs, viên cảnh sát đường phố hoàn toàn thích thú khi nghe tên cuồng tín tàn độc thét lên như một con lợn lúc cô xịt hơi cay vào hắn lần nữa. Cô bước qua một bên khi hai người lính gác xách tay gã tù nhân và lôi hắn ra.

"Bác sĩ! Tìm bác sĩ cho tôi. Mắt tôi! Tôi có quyền được gặp bác sĩ!"

"Tao đã nói mày câm miệng lại mà." Tay lính gác lôi hắn dọc hành lang. Constable giẫy giụa hai chân. Họ dừng lại, xích mắt cá của hắn, rồi lôi hắn qua góc hành lang.

Sachs và hai lính gác nữa xem qua Joseph Roth. Anh ta còn thở nhưng đã bất tỉnh và bị thương nặng. Cô quyết định tốt nhất là đừng di chuyển anh ta. Thật nhanh chóng, một nhóm thuộc Đội Khẩn cấp tới, sau khi Sachs kiểm tra giấy tờ tùy thân của họ, họ vào xử lý tay luật sư, giúp anh ta thở dễ dàng hơn và nẹp cổ cho anh ta, rồi quàng anh ta vào một chiếc cáng, mà họ dùng đặt lên một chiếc giường đẩy. Họ đưa anh ta ra khu vực an toàn để tới bệnh viện.

Sachs lùi lại và quan sát căn phòng và khu sảnh để đảm bảo rằng Weir đã không thừa dịp lẻn vào. Không, cô chắc chắn là hắn đã không vào. Sau đó cô đi ra ngoài và chỉ khi cô lấy lại khẩu Glock từ viên cảnh sát ở bàn kiểm tra, cô mới cảm thấy thoải mái hơn. Cô gọi cho Rhyme và kể với anh những gì đã xảy ra. Rồi cô nói thêm, "Constable đang đợi hắn, Rhyme."

"Đợi Weir à?"

“Em nghĩ thế. Hắn ngạc nhiên khi em mở cửa. Hắn cố che giấu nhưng em có thể nói là hắn đang đợi một ai đó.”

“Vậy Weir đang toan tính điều gì chứ – muốn giải thoát cho Constable sao?”

“Em đang nghĩ thế.”

“Lại là vụ đánh lạc hướng khốn khiếp,” anh lầm bầm. “Gã đã khiến chúng ta tập trung vào âm mưu giết Grady. Anh chưa bao giờ nghĩ đây lại là một vụ vượt ngục.” Rồi anh nói thêm, “Trừ khi vụ vượt ngục là để đánh lạc hướng và nhiệm vụ của Weir thực sự là giết Grady.”

Cô cân nhắc điều đó. “Cũng có thể như thế.”

“Và vẫn không có dấu hiệu gì của Weir ở bất cứ đâu?”

“Không có.”

“Được rồi, anh vẫn sẽ xem qua những gì em tìm thấy ở Trung tâm Giam giữ, Sachs. Hãy trở lại đây và chúng ta sẽ xem xét chúng.”

“Em không thể, Rhyme,” cô nói, nhìn khắp hành lang trong đó một tá những người tò mò đang đứng nhìn chằm chằm đầy phấn khích vào khu vực an ninh của sảnh. “Gã phải ở đâu đó tại đây. Em sẽ tiếp tục cuộc săn lùng.”

***

Các bài học dương cầm Suzuki cho trẻ em bao gồm tập luyện qua hàng loạt những bài trong các cuốn sách nhạc càng lúc càng khó hơn, mỗi cuốn có đại khái hơn chục bản nhạc. Khi một học trò hoàn thành một cuốn sách thành công, cha mẹ thường mở một bữa tiệc nhỏ cho bạn bè, gia đình và giáo viên âm nhạc, ở buổi đó người học trò sẽ trình diễn một trích đoạn.

Bữa tiệc Sách Suzuki Tập Ba của Christine Grady được lên lịch trong một tuần nữa từ tối nay và cô bé đã luyện tập rất chăm chỉ cho buổi hòa nhạc mini của mình. Lúc này cô đang ngồi trong phòng tập đàn trong căn hộ của gia đình, chơi nốt bản “The Wild Rider” của Schumann[84].

Phòng học đàn tối và nhỏ, nhưng Chrissy thích ở đây. Nó chỉ có

vài chiếc ghế, những chiếc kệ để tập chép nhạc và một cây đại dương cầm thấp đẹp đẽ, bóng loáng – tâm điểm của căn phòng.

Với chút nỗ lực, cô bé chơi phần khoan thai trong bản Sonata cung đô trưởng của Clementi[85] rồi tự thưởng cho mình bằng cách chơi bản Sonata của Mozart[86], một trong những bản cô bé thích nhất. Tuy nhiên, cô không nghĩ là mình đã chơi thật tốt. Cô bị phân tâm vì cảnh sát trong căn hộ nhà mình. Những người đàn ông và phụ nữ đều rất tử tế và nói chuyện vui vẻ về Star Wars hay Harry Potter hay những trò chơi Xbox với nụ cười tươi rói trên mặt. Nhưng Chrissy biết họ đều không thực sự tươi cười; họ chỉ làm thế để cô thấy thoải mái. Nhưng tất cả những nụ cười gượng gạo đó thực sự chỉ khiến cô bé sợ hãi hơn.

Bởi vì, mặc dù họ không nói ra, thực tế là việc cảnh sát có mặt ở đây có nghĩa là có người đang định làm hại cha cô. Cô bé không lo lắng về việc có kẻ định làm hại mình. Điều làm cô sợ hãi là một kẻ xấu nào đó sẽ cướp đi cha cô khỏi cô. Cô ước gì ông thôi không làm công việc ở tòa án nữa. Có lần, cô bé đã lấy hết can đảm và nói điều đó với ông. Nhưng ông nói với cô, "Con thích chơi đàn dương cầm tới mức nào, con yêu?"

---

[84] Robert Schumann (1810 - 1856): nhà soạn nhạc và phê bình âm nhạc người Đức. Ông được coi là một trong những nhà soạn nhạc vĩ đại nhất thời kỳ lãng mạn.

[85] Muzio Clementi (1752 - 1832): nhà soạn nhạc và nhạc trưởng người Anh, sinh ra ở Ý.

[86] Wolfgang Amadeus Mozart (1756 - 1791): nhà soạn nhạc thiên tài người Áo.

"Rất nhiều."

"Cha cũng thích công việc của mình như thế."

"À. Con hiểu," cô bé nói. Dù cô không hề hiểu. Vì chơi nhạc không khiến người ta ghét bạn và muốn giết bạn. Giờ cô bé đang nheo mắt lại và tập trung hơn. Đã nhầm mất một đoạn và rồi cố gắng chơi lại.

Và giờ, cô đã biết, họ sẽ phải tới sống ở nơi khác một khoảng thời gian. Chỉ một hoặc hai ngày, mẹ cô nói. Nhưng sẽ ra sao nếu lâu hơn thế? Sẽ ra sao nếu họ phải hủy buổi tiệc Suzuki? Buồn bã, cô bé không chơi nữa, đóng cuốn sách nhạc lại và bắt đầu cho nó vào

trong chiếc túi đựng sách của cô.

Ồ, nhìn này!

Nằm trên kệ nhạc là một túi kẹo sô-cô-la bạc hà York. Không phải một cái nhỏ, mà nguyên túi lớn, kiểu được bán ở các quầy tính tiền tại Food Emporium. Cô bé tự hỏi ai đã bỏ lại chúng. Mẹ cô không thích ai ăn uống trong phòng nhạc và Chrissy không bao giờ được phép ăn kẹo hay bất kỳ thứ gì nhớp nháp lúc đang chơi đàn.

Có thể là cha cô. Cô bé biết ông cảm thấy có lỗi với cô vì tất cả những cảnh sát ở đây và vì cô đã không được tới buổi hòa nhạc tối qua ở trường Neighborhood.

Chắc là thế – một món quà bí mật của cha.

Chrissy liếc lại phía sau, qua khe cửa. Cô thấy người ta đi tới lui. Nghe thấy giọng trầm tĩnh của vị cảnh sát tử tế người Bắc Carolina, người có hai cậu con trai mà cô bé sẽ gặp một ngày nào đó. Mẹ cô mang một chiếc valy ra từ phòng ngủ. Bà nhìn thấy khuôn mặt buồn bã của cô bé và nói, "Chuyện này thật điên rồ. Tại sao cácmvị không tìm được hắn? Hắn chỉ có một người. Các vị có hàng trăm. Tôi không hiểu."

Chrissy ngồi lại, mở túi đựng ra và từ từ ăn kẹo. Khi ăn xong, cô bé cẩn thận kiểm tra mấy đầu ngón tay. Phải, có sô-cô-la trên đó. Cô sẽ đi vào phòng tắm để rửa tay. Và trong khi cô ở đó, cô sẽ vứt vỏ kẹo xuống toa-lét để mẹ cô không tìm thấy. Như thế gọi là "phi tang chứng cứ," điều cô bé biết được từ chương trình truyền hình cảnh sát điều tra hiện trường mà cha mẹ không cho cô xem, dù sao cô bé đã xoay xở để xem được, thỉ thoảng được một chút.

***

Roland Bell an toàn trở về căn hộ cùng Charles Grady, nơi gia đình anh đang gói ghém đồ đạc tới một nơi trú ẩn của NYPD ở khu Murray Hill. Anh kéo rèm cửa xuống và nói với gia đình tránh xa những cửa sổ. Anh có thể thấy điều đó làm tăng sự bất an nơi họ. Nhưng công việc của anh không phải là chăm sóc tâm lý. Công việc của anh là không để một kẻ giết người rất thông minh lấy mạng họ.

Điện thoại di động của anh reo. Là Rhyme. "Mọi thứ ở đó ổn chưa?" Nhà tội phạm học hỏi.

“Ổn như trong phòng ngủ một em bé,” Bell đáp.

“Constable đã được đưa vào buồng giam an ninh.”

“Và chúng ta biết rõ những lính gác của hắn, đúng không?” Bell hỏi.

“Amelia nói Weir có thể giỏi, nhưng gã không đủ giỏi để biến mình thành hai người giống Shaquille O’Neal[87].”

---

[87] Shaquille O’Neal: sinh năm 1972, một trong những cầu thủ bóng rổ vĩ đại nhất ở Mỹ. Anh chơi cho 6 câu lạc bộ khác nhau trong sự nghiệp kéo dài 19 năm, giành 4 chức vô địch NBA.

“Hiểu rồi. Tay luật sư sao rồi?”

“Roth hả? Anh ta sẽ sống. Nhưng bị đánh tệ lắm. Tôi…” Rhyme ngừng nói khi một người khác trong phòng bắt đầu lên tiếng. Bell tin rằng anh nghe thấy giọng mềm mỏng của Mel Cooper.

Sau đó anh quay lại nói với Bell. “Tôi vẫn đang tìm hiểu những gì Amelia đã tìm thấy ở các hiện trường trong Trung tâm Giam giữ. Chưa có bất kỳ đầu mối cụ thể nào. Nhưng chúng ta có một thứ khác mà tôi muốn nói tới. Bedding và Saul cuối cùng đã tìm ra căn phòng ở Lanham Arms dùng chiếc thẻ chìa khóa đó.”

“Ai đăng ký phòng đó?”

“Tên giả và địa chỉ giả,” Rhyme giải thích. “Nhưng người lễ tân nói vị khách khớp hoàn toàn với mô tả về Weir. Đội hiện trường không tìm được gì nhiều, nhưng họ thấy một ống tiêm dưới bàn phấn. Chúng ta không biết có phải Weir bỏ nó lại không, nhưng tôi sẽ giả định rằng đấy là gã. Mel tìm thấy những vệt sô-cô-la và saccarôzơ trên kim tiêm.”

“Saccarôzơ – là đường phải không?”

“Đúng. Và asen trong ống tiêm.”

Bell nói, “Vậy là gã đã tiêm chất độc vào đồ ngọt.”

“Có vẻ thế. Hỏi nhà Grady xem có ai đưa kẹo bánh gì tới cho họ gần đây không.” Bell truyền đạt lại câu hỏi đó tới tay công tố viên và vợ anh ta và họ lắc đầu, bực tức thậm chí là khi nghe câu hỏi đó.

“Không, chúng tôi không có kẹo trong nhà,” vợ tay công tố viên

nói.

Nhà tội phạm học khi đó hỏi Bell, "Anh nói gã làm anh ngạc nhiên chính vì việc đột nhập vào căn hộ của Grady chiều nay sao?"
"Phải. Chúng tôi nghĩ chúng tôi sẽ bắt được gã ở sảnh, tầng hầm hay nóc nhà. Chúng tôi không bao giờ ngờ là gã lại vào qua đường cửa trước."

"Sau khi lọt vào, gã đi đâu?"

"Gã chỉ là xuất hiện trong phòng khách. Khiến tất cả chúng tôi sửng sốt."

"Vậy là gã có thể đã có thời gian để bỏ lại bánh kẹo trong bếp."

"Không, không thể là trong bếp được," Bell giải thích. "Lon và tôi ở trong đó."

"Còn phòng nào khác mà gã có thể vào không?"

Bell nêu câu hỏi đó với Grady và vợ anh.

"Có chuyện gì xảy ra vậy, Roland?" tay công tố viên hỏi.

"Lincoln vừa tìm thấy thêm bằng chứng và đang nghĩ là Weir có thể tìm cách đưa chất độc vào nhà anh. Có vẻ như là trong bánh kẹo gì đó. Chúng tôi không chắc chắn là gã làm thế nhưng..."

"Kẹo ấy ạ?" Một giọng mềm mại, cao vút vang lên sau họ.

Bell, vợ chồng Grady và hai cảnh sát khác của đội bảo vệ quay sang và thấy con gái của tay công tố viên đang nhìn viên thanh tra chằm chằm, mắt mở to vì sợ hãi.

"Chrissy?" Mẹ cô bé hỏi. "Có chuyện gì vậy?"

"Kẹo ấy ạ?" Cô bé lại thì thầm.

Miếng giấy gói rơi từ tay cô bé ra và cô bắt đầu nức nở.

***

Hai tay vã mồ hôi, Bell nhìn những người khách bộ hành trên vỉa hè phía trước căn hộ của Charles Grady.

Có hàng mấy chục người.

Có khi nào một trong số đó là Weir?

Hay một kẻ nào khác từ Hội Ái quốc chết tiệt kia?

Chiếc xe cứu thương đậu lại và hai kỹ thuật viên nhảy ra. Nhưng trước khi họ qua được cửa chính, viên thanh tra cẩn trọng kiểm tra giấy tờ tùy thân của họ.

"Tất cả chuyện này có nghĩa là gì?" Một người trong họ hỏi, lấy làm phật ý.

Bell phớt lờ anh ta và kiểm tra những chiếc xe trên đường, những khách bộ hành, cửa sổ những tòa nhà gần đó. Khi đã an toàn, anh huýt sáo và Luis Martinez, tay cảnh vệ ít nói, đẩy cô bé ra và đưa vào trong một chiếc xe cứu thương, đi cùng là mẹ cô.

Chrissy chưa cho thấy triệu chứng nào của việc bị nhiễm độc dù trông cô bé nhợt nhạt và run rẩy bởi khóc lóc do sợ hãi. Cô bé đã ăn kẹo sô-cô-la bạc hà xuất hiện một cách bí ẩn trong phòng tập đàn. Với Bell điều này quá độc ác – làm hại trẻ con và dù anh đã bị lôi kéo bởi màn nói chuyện ngọt xớt của Constable trong chốc lát, biến cố này cho thấy rõ ràng sự băng hoại của những kẻ ở Hội Ái quốc kia.

Khác biệt văn hóa ư? Khác biệt chủng tộc ư? Không, thưa ngài. Chỉ có một sự khác biệt. Điều tốt và tử tế ở một bên còn sự độc ác ở phía bên kia.

Nếu cô bé này phải chết, Bell sẽ coi việc cả Weir và Constable nhận sự trừng phạt xứng đáng với những gì chúng gây ra cho Chrissy là một vấn đề cá nhân – tử hình bằng tiêm thuốc độc.

"Đừng lo, cháu yêu," lúc này anh đang nói với cô bé khi một bác sĩ kiểm tra huyết áp của cô. "Cháu sẽ không sao đâu."

Cô bé đáp lại bằng tiếng thút thít lặng lẽ. Anh liếc qua mẹ của Chrissy, khuôn mặt với vẻ dịu dàng không thể giấu được cơn thịnh nộ rõ ràng là lớn hơn sự tức giận của Bell nhiều.

Viên thanh tra gọi bộ đàm về Trung tâm và được kết nối với Khoa Cấp cứu ở bệnh viện mà họ đang tới lúc này. Anh nói với người phụ trách ở đó, "Chúng tôi sẽ đưa bệnh nhân tới trong hai phút nữa. Giờ nghe cho kỹ đây – tôi muốn rằng khu vực và đường tới trung tâm chống độc không có một ai cả. Tôi không muốn thấy dù chỉ một linh hồn lảng vảng ở đó trừ khi họ có phù hiệu dán hình."

“À, thưa thanh tra, chúng tôi không thể làm thế,” người phụ nữ nói. “Đó là khu vực rất đông đúc của bệnh viện.”

“Tôi sẽ là ‘đầu bò’ trong chuyện này đấy, thưa chị.”

“Anh sẽ thế nào?”

“Sẽ cứng đầu đấy. Có một nghi phạm vũ trang đang săn đuổi cô bé này và gia đình cô ấy. Và nếu tôi thấy bất kỳ ai trong tầm mắt mà không có phù hiệu, họ sẽ bị còng tay một cách không lấy gì làm nhẹ nhàng đâu.”

“Đây là phòng cấp cứu của một bệnh viện thành phố, anh thanh tra,” người phụ nữ đáp cáu kỉnh. “Anh có biết tôi đang đứng trước bao nhiêu người ngay lúc này không?”

“Không, thưa chị, tôi không biết. Nhưng hãy tưởng tượng là tất cả họ đều bị trói gô lại. Đó là điều chúng tôi sẽ làm nếu họ không biến đi lúc chúng tôi tới. Và khi nói lúc, ý tôi là hai phút nữa kể từ bây giờ.”

Chương bốn mươi ba

"Các vụ án thay đổi màu sắc."

Charles Grady ngồi khom người lại trên chiếc ghế nhựa màu da cam trong một phòng chờ thuộc Khoa Cấp cứu, nhìn trừng trừng vào tấm nhựa lót sàn màu xanh lá cây, đã bị hàng nghìn đôi chân tuyệt vọng chà đạp lên.

"Các vụ hình sự, ý tôi là thế."

Roland Bell ngồi cạnh anh. Nhóm gác đầy cảnh giác của Luis gác một lối vào và gần đó, ở lối vào một hành lang đông đúc, là một cảnh sát SWAT khác của Bell, Graham Wilson, một thanh tra đẹp trai, quyết liệt với đôi mắt cương quyết, sắc sảo và tài năng phát hiện ra những kẻ mang theo vũ khí như thể đôi mắt có gắn tia X.

Vợ của Grady đã đi cùng Chrissy vào phòng chăm sóc đặc biệt, cùng Luis và một cảnh sát khác của đội bảo vệ.

"Tôi từng quen một giáo sư trường luật," Grady nói tiếp, không cảm xúc. "Ông ấy từng là công tố viên rồi làm thẩm phán. Có lần ông ấy nói với chúng tôi trong lớp rằng trong tất cả những năm tháng hành nghề luật, ông chưa bao giờ thấy một vụ nào chỉ có trắng và đen. Chúng đều là những sắc thái khác nhau của màu xám. Có những vụ xám xịt và những vụ xám trắng. Nhưng chúng đều là màu xám."

Bell nhìn về phía hành lang, về chỗ phòng đợi tạm thời mà người y tá tận tụy đã lập ra cho những người trượt ván và đi xe đạp bị thương. Như Bell đã khăng khăng yêu cầu khu vực này của bệnh viện không có người.

"Nhưng rồi, một khi chính anh tham gia vào vụ việc, nó đổi màu. Nó trở thành đen và trắng. Dù anh là công tố viên hay luật sư bào chữa, màu xám biến mất. Phía của anh tốt đẹp một trăm phần trăm. Phía kia xấu xa một trăm phần trăm. Đúng hoặc sai. Ông

giáo sư của tôi nói rằng ta phải cẩn trọng trước điều đó. Ta phải liên tục tự nhắc nhở mình rằng những vụ án thực ra là màu xám."

Bell để ý thấy một y tá. Tay người Latinh trẻ tuổi đó có vẻ vô hại, nhưng viên thanh tra hất đầu về phía Wilson, người ngăn anh ta lại và vẫn kiểm tra phù hiệu. Anh ra hiệu với Bell là mọi chuyện ổn.

Chrissy đã ở trong phòng cấp cứu được mười lăm phút. Tại sao không có ai ra và ít nhất cho họ biết một chút về tình hình?

Grady nói tiếp, "Nhưng anh biết không, Roland, suốt những ngày tháng kể từ khi chúng tôi tìm ra âm mưu ở Canton Falls, tôi vẫn cứ nhìn vụ Constable như đen và trắng. Tôi chưa một lần coi nó là xám. Tôi đã săn đuổi hắn với tất cả mọi thứ tôi có." Một tiếng cười buồn bã. Anh nhìn lên hành lang lần nữa, nụ cười cay đắng nhạt dần. "Tay bác sĩ ở chỗ quái nào?"

Anh lại cúi đầu xuống.

"Nhưng có lẽ nếu tôi nhìn thấy nhiều màu xám hơn, có lẽ nếu tôi không săn đuổi hắn quyết liệt như thế, nếu tôi nhượng bộ hơn, hắn có thể đã không thuê Weir. Hắn có thể đã không..." Anh hất đầu về nơi con gái anh đang ở ngay lúc này. Anh nấc lên và khóc trong lặng lẽ.

Bell nói, "Tôi nghĩ là ông giáo sư của anh đã sai, Charles. Ít ra về những kẻ như Constable. Hay bất cứ ai làm những gì như hắn đã làm, chà, không có vùng xám với những người như thế."

Grady lau mặt.

"Mấy thằng nhóc nhà anh, Roland. Chúng đã bao giờ phải vào bệnh viện chưa?"

Đi thăm mẹ chúng là ý nghĩ đầu tiên của viên thanh tra. Nhưng Bell không nói gì về chuyện đó. "Thỉnh thoảng. Không có gì nghiêm trọng – chỉ là xử lý những vết thương trên trán hay ngón tay vì một trái bóng mềm. Hay vì bị một đối thủ quật ngã khi đang có bóng."

"Chà," Grady nói, "nó làm anh không thở nổi." Anh lại nhìn lên hành lang vắng lặng. "Lấy đi hết hơi sức của anh."

Vài phút sau, viên thanh tra thấy có chuyển động ở hành lang. Một bác sĩ mặc đồng phục xanh lá cây thấy Grady và từ từ đi về

phía họ. Bell không đọc được gì từ nét mặt ông ấy.

“Charles,” viên thanh tra nói nhẹ nhàng.

Nhưng dù đầu anh đang cúi xuống, Grady vẫn dõi theo ông bác sĩ đang tới gần.

“Đen và trắng,” anh thì thầm. “Chúa ơi.” Anh đứng lên để nói chuyện với bác sĩ.

***

Nhìn chăm chăm ra cửa sổ vào bầu trời đêm, Lincoln Rhyme nghe tiếng điện thoại reo.

“Lệnh, trả lời điện thoại.”

Cạch.

“Vâng?”

“Lincoln hả? Roland đây.”

Mel Cooper quay sang nhìn anh với vẻ nghiêm trọng. Họ biết Bell đang ở bệnh viện với Christine Grady và gia đình cô bé.

“Sao rồi?”

“Con bé không sao.”

Cooper khép mắt lại trong phút chốc và nếu có bao giờ một tín đồ Tin lành lại tự cầu phước cho mình, thì đó chính là lúc này. Cả Rhyme cũng cảm thấy nhẹ nhõm.

“Không có chất độc ư?”

“Không có gì cả. Đó chỉ là kẹo. Không có một chút chất độc nào cả.”

“Lại là một màn đánh lạc hướng nữa,” nhà tội phạm học nói.

“Có vẻ là thế.”

“Nhưng điều đó có nghĩa quái gì chứ?” Rhyme hỏi bằng giọng uể oải, câu hỏi không hẳn là cho Bell, mà là cho chính anh.

Viên thanh tra nói, “Tôi cá là Weir chỉ chúng ta tới Grady đúng không? Tôi nghĩ điều đó có nghĩa là gã vẫn đang cố làm điều gì đó

khác để giải thoát Constable ở trại giam. Gã đang ở đâu đó trong trụ sở tòa án."

"Anh đang trên đường tới nơi trú ẩn hả?"

"Phải. Cả gia đình. Chúng tôi sẽ ở lại đó cho tới khi anh bắt được tên này."

Cho tới khi ư?

Còn *nếu* thì sao?

Họ gác máy và Rhyme quay ra khỏi cửa sổ và đẩy chiếc xe lăn trở lại sơ đồ bằng chứng.

Tay thì nhanh hơn mắt.

Trừ việc không phải là như thế.

Bậc thầy ảo thuật Erick Weir đang nghĩ gì?

Cảm thấy cơ bắp ở cổ anh căng lên tới mức như bị chuột rút, anh nhìn trừng trừng ra cửa sổ khi cân nhắc điều bí ẩn mà họ đang đối mặt:

Hobbs Wentworth, tay sát thủ, đã chết và Grady cùng gia đình anh đã an toàn. Constable chắc chắn đang chuẩn bị để trốn thoát khỏi phòng thẩm vấn ở khu Hầm mộ, nhưng không có nỗ lực rõ ràng nào từ phía Weir để giải thoát cho hắn. Nên có vẻ như kế hoạch của Weir đang hỏng bét.

Nhưng Rhyme không thể chấp nhận kết luận rõ ràng đó. Với vụ được cho là tìm cách lấy mạng Christine Grady, gã đã lôi kéo sự chú ý của họ ra khỏi trung tâm thành phố và Rhyme giờ nghiêng về kết luận của Bell là sẽ sớm có một nỗ lực nữa để giải cứu Constable.

Hay còn có chuyện gì khác đang diễn ra – có thể là một nỗ lực sát hại Constable để hắn không thể ra làm chứng.

Sự thất vọng cào xé anh. Rhyme từ lâu đã chấp nhận rằng với tình trạng của anh, anh sẽ không bao giờ tự mình bắt được một nghi phạm. Nhưng bù lại điều đó là sức mạnh cuồn cuộn của một bộ óc tài tình. Ngồi yên trên ghế hay trên giường, anh ít ra có thể suy nghĩ thấu đáo hơn những tên tội phạm mà anh truy đuổi.

Trừ với Erick Weir, Gã phù thủy, anh không làm được điều đó. Đây

là một kẻ mà tâm trí được dành cho việc lừa gạt người khác.

Rhyme cân nhắc xem còn có điều gì khác có thể làm để tìm câu trả lời cho những câu hỏi bất khả được vụ này nêu ra hay không.

Sachs, Sellitto và Đội Khẩn cấp đang lùng sục Trung tâm Giam giữ và khu tòa án. Kara đang ở Cirque Fantastique đợi Kadesky. Thom đang gọi Keating và Loesser, những trợ lý cũ của kẻ sát nhân, để xem hắn có liên lạc với họ trong ngày hôm qua hay xem họ có tình cờ nhớ ra điều gì khác hữu ích hay không. Một Đội Phản ứng nhanh với Bằng chứng Vật lý, mượn của FBI, đang lục soát hiện trường tòa nhà văn phòng nơi Hobbs Wentworth đã tự bắn mình, và các kỹ thuật viên ở Washington vẫn đang phân tích đám sợi và sơn giả làm máu mà Sachs tìm thấy ở Trung tâm Giam giữ.

Nhưng Rhyme còn có thể làm gì khác nữa để tìm ra Weir đang nghĩ gì?

Chỉ có một việc.

Anh quyết định thử làm một việc mà anh đã không làm trong nhiều năm.

Đích thân Rhyme bắt đầu đi tìm hiểu hiện trường. Cuộc tìm kiếm bắt đầu ở hiện trường trốn trại đẫm máu trong Trung tâm Giam giữ, đưa anh qua những hành lang lộng gió, được thắp sáng bằng ánh đèn huỳnh quang màu xanh tảo. Quanh các góc hành lang đã bị đâm mòn nhẵn suốt nhiều năm vì những chiếc xe đẩy đồ và khay chuyển hàng chạy quá nhanh. Vào trong những chiếc tủ và các căn phòng sưởi. Cố gắng theo bước chân và nhận rõ những suy nghĩ của Erick Weir.

Tất nhiên, chuyến đi được thực hiện với đôi mắt khép lại và diễn ra hoàn toàn trong tâm trí anh. Dẫu thế, vẫn có vẻ là phù hợp khi anh đang lao vào một cuộc săn đuổi nóng bỏng trong trí tưởng tượng khi con mồi anh săn là một người đàn ông đã biến mất.

***

Đèn giao thông chuyển sang màu xanh và Malerick từ từ tăng tốc.

Gã đang nghĩ về Andrew Constable, cũng là một phù thủy theo kiểu của gã, như những gì Jeddy Barnes kể. Giống như một chuyên gia thao túng tâm lý, Constable có thể phán đoán về một người chỉ trong vài giây và tạo lập một vị thế khiến gã ngay lập tức được lòng người khác. Nói chuyện hài hước, thông minh, có hiểu biết.

Đưa ra lập trường duy lý, cảm thông.

Bán thứ thuốc chết người cho những kẻ khờ dại.

Tất nhiên là có rất nhiều kẻ cả tin như thế. Chắc hẳn bạn nghĩ rằng người ta sẽ coi khinh những điều vớ vẩn mà các nhóm như Hội Ái quốc mửa ra. Nhưng như ông bầu gánh xiếc vĩ đại trong chính nghề của Malerick, P. T. Barnum[88], từng nói, mỗi phút lại có một thằng ngu ra đời.

Khi gã chọn con đường để vượt qua tình hình giao thông tối Chủ nhật, Malerick thích thú nghĩ tới sự bối rối của Constable ngay lúc này. Một phần kế hoạch vượt ngục của tên tù nhân đòi hỏi Constable đánh chết tay luật sư của hắn. Hai tuần trước, trong nhà hàng ở Bedford Junction, Jeddy Barnes đã nói với gã, "À, anh Weir, vấn đề là, Roth là người Do Thái. Andrew sẽ rất thích thú được tẩn hắn ra trò."

"Chẳng có gì khác biệt với tôi," Malerick đã đáp. "Anh ta có thể giết hắn nếu muốn. Điều đó không ảnh hưởng gì tới kế hoạch của tôi. Tôi chỉ muốn xử lý hắn. Loại bỏ hắn."

Barnes gật đầu. "Tôi nghĩ đó sẽ là tin tốt với anh Constable."

Gã có thể tưởng tượng được sự thất vọng và hoảng loạn của Constable khi hắn ngồi trên thi thể đã lạnh của tay luật sư, đợi Weir cầm súng và cải trang tới để đưa mình ra khỏi tòa nhà – chuyện tất nhiên là sẽ không bao giờ xảy ra.

Cửa phòng giam sẽ mở và một tá lính gác sẽ lôi gã đàn ông trở lại xà lim của hắn. Phiên tòa sẽ tiếp tục và Andrew Constable – cũng bối rối như Barnes và Wentworth và tất cả những kẻ trong tộc người Neanderthal[89] của hắn ở vùng thượng New York – sẽ không bao giờ biết là họ đã bị lợi dụng.

Vào lúc chờ đợi một đèn đỏ nữa, gã tự hỏi trò đánh lạc hướng kia của gã đang diễn ra thế nào. Tiết mục Bé gái bị đầu độc (sến súa, Malerick đánh giá, nếu không muốn nói là hoàn toàn khuôn sáo, nhưng gã đã biết được qua nhiều năm trình diễn rằng khán giả thích thú hơn những điều hiển nhiên kiểu vậy). Không phải là màn đánh lạc hướng hay nhất thế giới, tất nhiên; gã không chắc là họ có phát hiện ra ống tiêm ở Lanham không. Gã cũng không chắc là bé gái hay bất kỳ ai khác có ăn túi kẹo không. Nhưng Rhyme và người của hắn ta giỏi tới mức hắn chắc rằng có khả năng họ sẽ nhảy ngay tới kết luận kinh hoàng đây là một cố gắng nữa nhằm lấy mạng tay công tố viên và gia đình. Rồi họ sẽ thấy không hề có

chất độc trong kẹo.

---

[88] Phineas Taylor Barnum (1810 - 1891): doanh nhân, chính trị gia và ông bầu giải trí người Mỹ.

[89] Neanderthal là một loài của chi Người (hiện đại) đã tuyệt chủng. Địa bàn sinh sống chủ yếu ở châu Âu. Họ có đặc điểm nổi bật là hung dữ và bạo lực.

Họ sẽ nghĩ gì về chuyện đó?

Còn kẹo nhiễm độc ở đâu nữa không?

Hay phải chăng việc đánh lạc hướng này là để dẫn họ ra khỏi Trại giam Manhattan, nơi Malerick có thể đang toan tính cách đưa Constable trốn thoát?

Ngắn gọn, cảnh sát sẽ mờ mịt trong món súp hỗn độn, không chắc chắn là chuyện gì đang thực sự diễn ra.

Chà, những gì đã diễn ra hai ngày qua, thưa quý khán giả thân mến, là một màn trình diễn tuyệt vời có sự kết hợp hoàn hảo của việc đánh lạc hướng cả về vật lý và tâm lý.

Về mặt vật lý – bằng cách hướng sự chú ý của cảnh sát tới căn hộ của Charles Grady và Trung tâm Giam giữ.

Về mặt tâm lý – bằng cách chuyển sự nghi ngờ khỏi những gì mà Malerick sẽ thực sự làm và nhắm tới động cơ khả tín mà Lincoln Rhyme tự hào tin rằng anh ta đã phát hiện ra: vụ thuê giết Grady và đạo diễn cuộc đào thoát của Andrew Constable. Một khi cảnh sát đã loại suy như thế, tâm trí họ không còn tìm kiếm bất kỳ lời giải thích nào khác nữa cho điều gã thực sự đang toan tính.

Điều mà tuyệt đối chẳng dính dáng gì tới vụ Constable. Tất cả các đầu mối gã đã bỏ lại quá rõ ràng – những cuộc tấn công bằng các trò ảo thuật vào ba nạn nhân đầu tiên, những người đại diện cho các tiết mục của rạp xiếc, chiếc giày với lông chó và bụi đất trên đó dẫn tới công viên Trung Tâm, những liên hệ với vụ hỏa hoạn ở Ohio và sự kết nối với rạp Cirque Fantastique… tất cả những điều đó đã thuyết phục cảnh sát rằng ý định thực sự của hắn không thể nào là báo thù Kadesky, vì điều đó, như Lincoln Rhyme đã nói với gã, quá rõ ràng. Gã phải toan tính điều gì đó khác hơn.

Nhưng gã không như vậy.

Giờ, mặc bộ đồng phục nhân viên y tế, gã lách chiếc xe cấp cứu mình đang lái qua lối vào của khu lều có rạp xiếc nổi tiếng, được công nhận ở tầm cỡ quốc tế Cirque Fantastique.

Gã đậu xe lại dưới giàn giáo của khu lều, ra khỏi xe và khóa cửa lại. Không có người phụ trách sân khấu, cảnh sát hay nhân viên bảo vệ nào chú ý tới hắn hay chiếc xe cứu thương. Sau vụ dọa đánh bom trước đó trong ngày, thì hoàn toàn bình thường khi một chiếc xe cứu thương đậu ở đây – tuyệt đối tự nhiên, theo lời một ảo thuật gia.

Xem đây, quý khán giả thân mến, nhà ảo thuật của các bạn có mặt ở đây, ở trung tâm sân khấu nhưng hoàn toàn vô hình.

Anh ta là Người biến mất, hiện hữu nhưng vô hình.

Thậm chí chẳng ai liếc qua chiếc xe, vốn không phải là một xe cứu thương bình thường, mà là hàng nhái. Thay vì các thiết bị y tế, chiếc xe lúc này đang chở hơn chục chiếc trống nhựa có trong đó tổng cộng bảy trăm ga-lông xăng, được gắn một thiết bị phát nổ đơn giản, sẽ nhanh chóng làm mớ chất lỏng cháy bùng lên, thổi luồng lửa chết chóc vào những chỗ ngồi không có mái che, vào vải bạt, vào đám đông khán giả hơn hai nghìn người.

Trong đó sẽ có Edward Kadesky.

Thấy chưa, ngài Rhyme, chúng ta trao đổi lúc trước đó? Những gì tôi nói đâu chỉ là ba hoa. Kadesky và Cirque Fantastique đã hủy hoại cuộc đời tôi và tình yêu của tôi, và tôi sẽ hủy hoại ông ta. Tất cả chuyện này là để báo thù.

Không bị ai để ý tới, nhà ảo thuật giờ đang từ từ đi ra khỏi khu lều tiến vào công viên Trung Tâm. Gã sẽ thay bộ đồng phục nhân viên y tế ra và mặc một bộ hóa trang mới rồi trở lại dưới lớp vỏ bọc đó vào buổi tối, trở thành một người trong đám khán giả và tìm một vị trí tốt để tận hưởng màn cuối cùng của buổi diễn.

Chương bốn mươi bốn

Những gia đình, những nhóm bạn, các cặp đôi, trẻ nhỏ đang từ tốn vào trong lều, tìm chỗ ngồi của họ, lấp đầy các ghế có và không có mái che, dần chuyển từ những cá nhân thành một sinh vật được gọi là khán giả, toàn bộ trở nên rất khác so với từng phần của nó.

Hóa thân…

Kara quay ra khỏi chỗ đó và ngăn một người bảo vệ lại. "Tôi đã đợi một lúc rồi. Anh có biết khi nào thì ông Kadesky sẽ trở lại không? Chuyện này thực sự quan trọng."

Không, anh ta không biết và cả hai người cô hỏi cũng vậy.

Lại liếc nhìn đồng hồ, cô cảm thấy cực kỳ thất vọng. Hình ảnh người mẹ hiện ra trong đầu cô, bà nằm trong nhà dưỡng lão Stuyvesant, nhìn quanh căn phòng, đầu óc hoàn toàn minh mẫn và tự hỏi con gái bà đâu. Kara muốn khóc vì thất vọng do mắc kẹt ở đây. Biết rằng mình phải ở lại, phải làm những gì cô có thể để ngăn Weir, nhưng lại mong muốn đến tuyệt vọng được ở cạnh mẹ mình.

Cô quay lại khu vực bên trong được chiếu sáng rực rỡ của lều rạp xiếc khổng lồ. Các nghệ sĩ đang đợi bên cánh gà, sẵn sàng cho màn mở đầu, đeo những chiếc mặt nạ hài kịch dell'arte[90] kỳ quái của họ. Những đứa trẻ trong đám khán giả cũng đeo mặt nạ, những món hàng lưu niệm giá cao bán ở các quầy bên ngoài. Những chiếc mũi khoằm và bẹt, những chiếc mỏ. Chúng nhìn quanh, chủ yếu là bởi phấn khích và choáng váng. Nhưng cả bởi bất an nữa, cô có thể thấy điều đó. Những chiếc mặt nạ và sự trang trí lạ lùng có lẽ khiến rạp xiếc với chúng giống một cảnh tượng từ phim kinh dị. Kara thích việc biểu diễn cho trẻ em, nhưng cô biết ta phải thận trọng; thực tại của chúng khác với của người lớn và một ảo thuật gia có thể dễ dàng hủy hoại cảm giác dễ chịu vốn dễ dao động của

những đứa trẻ. Cô chỉ làm những trò vui trong các buổi diễn cho trẻ nhỏ của cô và thường tụ tập bọn trẻ lại sau đó và tiết lộ bí mật các trò cho chúng.

---

[90] Hài kịch ứng tác, phổ biến vào thế kỷ XV - XVI.

Nhìn tất cả những ma thuật xung quanh cô, cảm nhận sự phấn khích, sự mong đợi… Hai bàn tay cô đổ mồ hôi như thể chính cô sắp sửa ra biểu diễn. Ôi, cô sẽ dám từ bỏ những gì để được đứng trong căn lều tối nay. Hài lòng, tự tin, nhưng gắng sức, cảm nhận nhịp tim đập tăng dần lên vì trông đợi tiếng đồng hồ điểm giờ biểu diễn. Không có cảm giác nào giống thế trong thế giới này.

Cô cười buồn bã với chính mình. Chà, cô thực sự đã vào được Cirque Fantastique rồi này.

Nhưng chỉ là một cô gái để sai vặt.

Cô tự hỏi là lúc này đây mình đã đủ giỏi chưa? Bất chấp những gì David Balzac nói, đôi khi cô tin rằng cô đã. Ít ra là giỏi bằng Harry Houdini trong những buổi diễn ban đầu của ông – màn thoát hiểm duy nhất thời đó là những khán giả ra khỏi nơi biểu diễn, chán nản hay ngượng thay khi chứng kiến ông ấy làm hỏng những trò nhanh tay lẹ mắt đơn giản. Robert-Houdin đã lo lắng trong những màn trình diễn ban đầu của ông tới mức cuối cùng ông đã đưa ra cho khán giả những chiếc đồng hồ máy với động tác máy móc như một con rối chơi cờ[91].

---

[91] Nguyên văn là "the Turk": một chiếc máy chơi cờ tự động có hình dáng giống một người Thổ Nhĩ Kỳ xuất hiện lần đầu vào cuối thế kỷ XVIII.

Nhưng vào lúc cô nhìn trở lại phía sau sân khấu, nơi có hàng trăm nghệ sĩ đã làm việc này từ khi còn thơ ấu, giọng nói cương quyết của Balzac vang lên trong tâm trí cô: *Vẫn chưa, vẫn chưa, vẫn chưa…* Cô đã nghe những lời đó với sự thất vọng nhưng thoải mái. Ông ấy có lý, cuối cùng cô đã quyết định vậy. Ông ấy là chuyên gia, cô là người học việc. Cô phải tin tưởng ở ông. Một hoặc hai năm nữa. Sự chờ đợi sẽ xứng đáng.

Bên cạnh đó, còn có mẹ cô…

Người có thể đang ngồi trên giường ngay lúc này, trò chuyện với Jaynene, tự hỏi con gái bà đang ở đâu – cô con gái đã bỏ bà vào

đúng buổi tối mà lẽ ra cô nên ở đây.

Trợ lý của Kadesky, Katherine Tunney, hiện ra ở đỉnh cầu thang và ra hiệu cho cô.

Phải chăng Kadesky đã ở đây? Làm ơn…

Nhưng người phụ nữ nói, "Ông ấy vừa gọi. Ông ấy có một cuộc phỏng vấn trên đài phát thanh sau bữa tối và sẽ tới muộn. Ông ấy sẽ quay lại sớm thôi. Chỗ ông ấy ngay phía trước kia. Tại sao cô không đợi ở đó?"

Kara gật đầu và chán nản, đi tới chỗ ngồi mà Katherine chỉ, ngồi xuống và nhìn trừng trừng trở lại khu lều. Cô thấy rằng sự biến đổi ma thuật cuối cùng đã xong; mọi chỗ ngồi đã được lấp kín. Trẻ con, đàn ông, phụ nữ giờ đã là khán giả.

Thùng.

Kara nhảy lên khi một tiếng trống lớn vang dội trong khu lều.

Đèn mờ dần, rồi tắt hết, nhấn chìm họ trong bóng tối, chỉ bị phá vỡ bởi những ánh đèn đỏ ở lối thoát hiểm.

Thùng.

Đám đông bỗng nhiên im lặng hoàn toàn.

Thùng… thùng… thùng.

Tiếng trống thật chậm rãi. Có thể cảm nhận được nó trong lồng ngực.

Thùng… thùng…

Ánh sáng chói lòa chiếu vào trung tâm vòng tròn biểu diễn của khu lều, rọi lên người diễn viên đóng vai Arlecchino, mặc bộ áo liền quần ca-rô đen trắng, đeo mặt nạ nửa mặt cùng màu. Giơ cao một chiếc vương trượng trong không trung, anh ta tinh quái nhìn xung quanh.

Thùng.

Anh ta bước lên trước và bắt đầu đi quanh vòng tròn vào lúc một đoàn các nghệ sĩ trình diễn xuất hiện sau lưng anh ta: những nhân vật hài kịch dell'arte khác, cùng những hồn ma, nàng tiên, công chúa và hoàng tử, phù thủy. Một số bước đi, một số nhảy

nhót, một số nhào lộn từ từ như thể đang ở dưới nước, một số đi cà kheo thật cao nhưng bước đi duyên dáng hơn hầu hết những người đi bộ trên vỉa hè, một số cưỡi mã xa hay xe kéo trang trí bằng voan và lông vũ và đăng-ten và những ngọn đèn lấp lánh nhỏ xíu.

Mọi người di chuyển nhịp nhàng hoàn hảo với nhịp trống.

Thùng… thùng…

Những khuôn mặt đeo mặt nạ, những khuôn mặt sơn trắng hay đen hay bạc hay vàng, những khuôn mặt lấp lánh kim tuyến. Những bàn tay tung hứng các quả bóng lóng lánh, những bàn tay mang các quả cầu thủy tinh hay lửa hay nến hay lồng đèn, những bàn tay tung kim tuyến như tuyết rơi lóng lánh.

Nghiêm trang, đường bệ, vui tươi, xấu xí.

Thùng…

Cả cổ xưa và hiện đại, chuyến diễu hành thật mê đắm. Và thông điệp của nó không thể nhầm lẫn: tất cả những gì tồn tại bên ngoài khu lều vô nghĩa ở đây. Bạn có thể quên hết mọi thứ bạn biết về cuộc đời, về bản chất con người, về chính các định luật vật lý. Trái tim của bạn hiện giờ đập không phải với nhịp của riêng nó, mà theo nhịp trống dồn, và linh hồn bạn không còn là của bạn; nó đã bị cuộc diễu hành siêu nhiên tóm lấy, khiến nó bước vào thế giới được sắp đặt của ảo ảnh.

Chương bốn mươi lăm

Giờ chúng ta đã đi tới màn biểu diễn cuối cùng, thưa quý khán giả thân mến.

Đã tới lúc trình diễn tiết mục được tán thưởng nhất – và gây tranh cãi nhất – của chúng tôi. Một biến thể của màn Tấm gương cháy khét tiếng.

Trong màn trình diễn của chúng tôi cuối tuần này, quý vị đã xem các tiết mục ảo thuật do các bậc thầy như Harry Houdini và P. T. Selbit và Howard Thurston nghĩ ra. Nhưng ngay cả họ cũng không thử một màn như Tấm gương cháy.

Nghệ sĩ trình diễn của chúng tôi, tưởng như mắc kẹt trong địa ngục, vây quanh là những ngọn lửa ở gần tới khó tin – và lối thoát duy nhất là một lối ra nhỏ xíu bị một bức tường lửa vây quanh.

Dẫu vậy, tất nhiên, cánh cửa đó có thể không phải là lối thoát. Có thể đó chỉ là một ảo ảnh.

Tôi đã cảnh báo quý vị, thưa quý khán giả thân mến, rằng lần gần nhất người ta thử biểu diễn màn này, nó đã kết thúc trong bi kịch.

Tôi biết, bởi tôi đã ở đó.

Vì vậy, làm ơn, vì chính quý vị, hãy bỏ ra giây lát nhìn quanh khu lều và cân nhắc xem quý vị sẽ làm gì nếu tai họa xảy đến…

Nhưng giờ ngẫm lại, không, không quá muộn cho việc đó. Có lẽ điều tốt nhất quý vị có thể hy vọng lúc này là cầu nguyện.

***

Malerick đã trở lại công viên Trung Tâm và đang đứng dưới một tán cây cách khu lều trắng lấp lánh của Cirque Fantastique khoảng hơn bốn chục mét.

Giờ đã có râu, gã mặc một bộ đồ chạy bộ và áo len cao cổ. Những lọn tóc vàng bết mồ hôi thò ra dưới chiếc mũ có dòng chữ "Chase Manhattan 10K Run for the Cure". Những vệt ố mồ hôi giả – từ một cái chai – xác nhận cho vai diễn hiện giờ của gã: giám đốc tài chính cấp thấp ở một ngân hàng lớn đang chạy bộ vào tối Chủ nhật. Gã dừng lại lấy hơi và lơ đễnh nhìn về phía lều rạp xiếc.

Hoàn toàn tự nhiên.

Gã thấy mình bình tĩnh một cách lạ lùng. Sự bình yên này nhắc gã tới khoảnh khắc ngay sau vụ cháy rạp xiếc Hasbro tại Ohio, trước khi những hàm ý đầy đủ của tai họa đó trở nên rõ ràng. Trong khi gã có quyền hét lên, thực tế gã thấy mình hoàn toàn nín lặng. Trong một cơn hôn mê cảm xúc. Gã cảm thấy y hệt ở thời điểm hiện tại, nghe tiếng nhạc, những nhịp bass khuếch đại lên, có vẻ như bởi chính lều bạt căng phồng. Tiếng hoan hô, tiếng cười lan đi, những tiếng kêu kinh ngạc.

Trong những năm tháng biểu diễn của mình, gã hiếm khi thấy lo lắng trên sân khấu. Khi ta biết màn diễn của ta rõ như lòng bàn tay, khi ta đã diễn tập đủ nhiều, còn gì phải lo lắng chứ? Đó là những gì gã đang trải qua lúc này. Mọi chuyện đã được lên kế hoạch thật tỉ mỉ tới mức gã biết màn trình diễn này sẽ diễn ra như dự kiến.

Quét qua khu lều trong những phút cuối cùng của nó trên trái đất, gã thấy hai bóng người ở ngay bên ngoài lối vào chính cho bộ phận phục vụ mà gã đã lái chiếc xe cứu thương tới không lâu trước đó. Một người đàn ông và một phụ nữ. Trao đổi với nhau, miệng kề vào tai vì tiếng nhạc quá lớn.

Phải! Một trong hai người đó là Kadesky. Gã đã lo là tay sản xuất chương trình có thể không có mặt khi vụ nổ xảy ra. Người kia là Kara.

Kadesky chỉ vào trong và họ cùng nhau đi về hướng ông ta chỉ. Malerick ước lượng là họ đứng cách chiếc xe cấp cứu không quá ba mét.

Gã nhìn đồng hồ. Đã gần tới giờ.

Và giờ, thưa các bạn của tôi, quý khán giả thân mến của tôi…

Chính xác vào lúc chín giờ tối, một quầng lửa bắn ra từ lối vào khu lều. Một lát sau, những ngọn lửa khổng lồ lan khắp khu lều bạt lấp lánh khi chúng nuốt sạch những ghế ngồi, đám khán giả, những

đồ trang trí. Nhạc đột ngột dừng lại, thay vào đó là những tiếng la hét, và những cuộn khói đen bắt đầu tuôn lên từ đỉnh khu lều.

Gã nghiêng người về phía trước, bị mê hoặc bởi nỗi kinh hoàng của cảnh tượng đó.

Nhiều khói hơn, nhiều tiếng la hét hơn.

Cố gắng không để một nụ cười không đúng lúc lộ ra trên mặt, hắn thầm cầu nguyện những lời tạ ơn. Malerick chẳng tin thần thánh nào, nhưng gã gửi những lời biết ơn đó cho linh hồn của Harry Houdini, người cùng tên và thần tượng của gã, vị thánh bảo hộ của các ảo thuật gia.

Những tiếng thở than và khóc lóc khi những người xung quanh hắn trong phần được khoanh lại này của khu công viên chạy về phía đó để giúp đỡ hay bàng hoàng. Malerick đợi thêm một lát nữa, nhưng gã biết là sớm thôi, hàng trăm cảnh sát sẽ tràn ngập công viên. Ra vẻ lo lắng, rút chiếc điện thoại ra giả vờ gọi cho sở cứu hỏa, gã từ từ đi về phía vỉa hè. Dẫu vậy, gã không cưỡng được việc dừng lại một lần nữa. Gã quay lại nhìn, một phần mờ mắt vì khói, đám băng-rôn khổng lồ phía trước khu lều. Một trong đó có hình Arlecchino đeo mặt nạ, chìa tay ra phía trước, cho thấy lòng bàn tay trống không của anh ta.

Xem này, quý khán giả thân mến, trong tay tôi chẳng có gì cả.

Trừ việc, như một ảo thuật gia nhanh tay lẹ mắt, nhân vật đó đang cầm một thứ gì đó – thứ gì đó không thể thấy trong tầm mắt với thủ thuật giấu ở ngón tay phía mu bàn tay rất hoàn hảo.

Và chỉ Malerick biết đó là gì.

Gã Harlequin rụt rè đang nắm tử thần trong tay.

III
LỘ MÁNH

Chủ nhật, 21 tháng Tư tới thứ Năm, 25 tháng Tư

“Để là một nhà ảo thuật vĩ đại, ta phải có khả năng trình diễn một tiết mục sao cho người ta không chỉ thấy bối rối, mà còn xúc động sâu sắc.”

– S. H. Sharp

Chương bốn mươi sáu

Chiếc Camaro của Amelia Sachs đạt tới tốc độ gần 145 km/h trên đường West Side, lao nhanh về phía công viên Trung Tâm.

Không giống đường FDR, vốn là cao tốc có kiểm soát ở lối vào, đường ở đây chi chít những đèn tín hiệu dừng và ở đường Mười Bốn, có một người chạy bộ khiến chiếc Chevrolet xộc xệch của cô phải thắng gấp, kết quả là một nụ hôn khét lẹt giữa miếng thép và hàng rào bê-tông.

Vậy là kẻ sát nhân đã lừa họ với một màn diễn thiên tài nữa. Cả việc lấy mạng Charles Grady lẫn vụ vượt ngục của Andrew Constable đều không phải mục tiêu của Weir; rốt cuộc đó chỉ là những sự đánh lạc hướng. Kẻ sát nhân đã làm những gì mà họ bác bỏ hôm qua vì quá hiển nhiên – Cirque Fantastique.

Lúc cô sắp sửa đá cửa vào một trong số ít những điểm ẩn nấp còn lại trong tầng hầm của khu tòa án và Trung tâm Giam giữ, khẩu Glock giương cao, Rhyme đã gọi cho cô và nói với cô tình hình hiện tại. Lon Sellitto và Roland Bell đang trên đường tới rạp xiếc, Mel Cooper đang chạy sang để hỗ trợ. Bo Haumann và vài nhóm thuộc Đội Khẩn cấp cũng đang trên đường. Lúc này cần tới tất cả mọi người và Rhyme muốn cô lên khu này nhanh hết mức có thể.

"Em đang trên đường," cô nói, rồi dập máy.

Cô đã quay lại và bắt đầu chạy nước rút ra khỏi tầng hầm nhưng rồi dừng lại, quay trở lại cánh cửa cô đã đứng đó và vẫn đá cửa xông vào.

Chỉ để phòng ngừa.

Trong đó hoàn toàn không có người, hoàn toàn im lặng – trừ âm thanh tiếng cười chế nhạo của kẻ sát nhân trong tưởng tượng của cô.

Năm phút sau, cô đã ở trong chiếc Camaro, nhấn ga lút sàn.

Đèn giao thông ở đường 23 chống lại cô, nhưng xe cộ qua lại không quá đông nên cô lao qua thật nhanh, dựa vào tay lái của mình, thay vì phanh xe hay lương tâm của các công dân khiến họ nhường đường cho ánh đèn xanh chớp nháy của mình, để sang phía bên kia đường.

Khi đã sang tới bên kia, một cú chuyển số nhanh, rồi lại đạp chân ga lút sàn và tiếng âm thanh rầm rĩ đẩy cô lên tốc độ 128 km/h. Bàn tay cô tìm thấy chiếc bộ đàm Motorola và cô gọi Rhyme để nói với anh vị trí của cô và hỏi xem chính xác thì anh cần cô làm gì.

***

Malerick từ từ đi ra khỏi công viên, bị những người đang chạy theo hướng ngược lại về phía trận hỏa hoạn xô đẩy.

“Có chuyện gì xảy ra vậy?”

“Chúa ơi!”

“Cảnh sát… Có ai gọi cảnh sát chưa?”

“Có nghe thấy tiếng hét không? Có nghe không?”

Ở góc đường Central Park West và một đường ngang, gã va vào một phụ nữ trẻ người Á, nhìn chằm chằm đầy lo lắng về phía công viên. Cô ta hỏi, “Anh có biết chuyện gì xảy ra không?”

Malerick nghĩ, có, thật ra là do tôi làm đấy: gã đàn ông và gánh xiếc đó đã hủy hoại đời tôi đang tàn lụi. Nhưng gã nhíu mày và nói với cô ta bằng giọng trầm trọng. “Tôi không biết. Nhưng có vẻ khá nghiêm trọng.”

Gã tiếp tục đi về hướng tây, bắt đầu một hành trình sẽ rất vòng vèo, mất chừng nửa tiếng để trở lại căn hộ của gã, trong lúc đó gã sẽ thực hiện vài màn biến y và đảm bảo tuyệt đối chắc chắn là không có ai bám theo.

Kế hoạch của gã đòi hỏi gã phải ở lại trong căn hộ tối nay rồi sáng mai rời sang châu Âu, nơi sau vài tháng tập luyện, gã sẽ biểu diễn trở lại – dưới một cái tên mới. Không một ai trên trái đất này, ngoài quý khán giả thân mến của gã, biết cái tên “Malerick” và đó sẽ là nhân vật công khai của gã từ giờ trở đi. Gã có một điều nuối tiếc – là sẽ không thể trình diễn tiết mục ưa thích nhất của gã,

Tấm gương cháy; quá nhiều người đã gắn điều đó với gã. Thực ra, gã sẽ phải từ bỏ rất nhiều thứ. Gã sẽ bỏ trò nói tiếng bụng, thao túng tâm lý, và nhiều trò biểu diễn cự ly gần khác đã từng làm. Những tiết mục lớn như thế có thể – như đã xảy ra cuối tuần này – làm lộ nhân thân của gã.

Malerick đi tiếp tới đường Broadway, rồi vòng ngược lại căn hộ của gã. Gã tiếp tục kiểm tra những con đường đằng sau và xung quanh. Không có ai đi theo.

Gã bước vào sảnh một tòa nhà và dừng lại, nhìn ngắm con đường suốt năm phút liền.

Một người đàn ông lớn tuổi – Malerick nhận ra ông ta là hàng xóm bên kia đường – đang dắt con chó xù của ông ta đi dạo. Một đứa trẻ đang trượt ván. Hai đứa con gái đang ăn kem ốc quế. Không còn ai nữa. Con đường vắng lặng: ngày mai là thứ Hai, một ngày đi làm và đi học. Mọi người giờ đang ở nhà là quần áo, giúp con làm bài tập… và dán mắt vào ti-vi xem CNN đưa tin về thảm kịch kinh hoàng ở công viên Trung Tâm.

Gã hối hả về căn hộ, tắt hết đèn.

Và giờ buổi biểu diễn đã khép lại, thưa quý khán giả thân mến, như vẫn luôn như thế.

Nhưng bản chất nghệ thuật của chúng tôi là những gì cũ với khán giả hôm nay sẽ mới mẻ và đầy sáng tạo với khán giả ở nơi khác, vào ngày mai và những ngày sau đó nữa.

Quý vị có biết chăng, các bạn của tôi, những tràng vỗ tay sau khi màn hạ không phải là để cảm ơn người trình diễn mà là để anh ta có cơ hội cảm ơn khán giả của mình – những người đã vui lòng cho anh ta mượn sự chú ý của họ trong suốt màn trình diễn của anh ta.

Vì vậy, tôi xin vỗ tay hoan hô quý vị vì đã cho tôi có duyên được hiện diện với quý vị trong những màn trình diễn khiêm nhường này. Tôi hy vọng tôi đã mang tới cho quý vị sự thích thú và niềm vui. Tôi hy vọng tôi đã mang niềm vui tới tận trong tim quý vị khi quý vị cùng tôi bước vào thế giới diệu kỳ này, nơi sự sống biến thành cái chết, cái chết thành sự sống và điều có thực thành không thực.

Tôi xin được cúi chào quý vị, quý khán giả thân mến…

Gã thắp một ngọn nến lên và ngồi vào ghế bành. Gã nhìn chằm chằm vào ngọn lửa. Tối nay, gã biết rằng nó sẽ rung lên, rằng gã sẽ

nhận được một thông điệp.

Gã nhìn trừng trừng, ngồi thẳng, đắm mình trong sự thỏa mãn của cuộc báo thù đã hoàn tất, nghiêng ngả ra trước rồi ra sau một cách mê dại, thở chậm rãi.

Ngọn nến bập bùng. Phải!

Hãy lên tiếng với ta đi.

Ngọn nến lại bập bùng…

Và quả thật nó bập bùng chỉ chốc lát sau đó.

Nhưng sự bập bùng đó không phải là tin nhắn từ linh hồn siêu nhiên của một người yêu thương đã ra đi từ lâu mà đó là bởi trận gió lạnh đêm tháng Tư tràn ngập căn phòng khi nửa tá cảnh sát mặc đồ chống bạo động phá cửa lao vào. Họ đè nghiến gã ảo thuật gia xuống sàn nhà, nơi một người – nữ cảnh sát tóc đỏ hắn còn nhớ từng thấy ở căn hộ của Lincoln Rhyme – chĩa khẩu súng ngắn vào sau đầu và đọc rõ ràng những quyền của gã.

Chương bốn mươi bảy

Những cánh tay của họ run rẩy bởi sức nặng của cả Lincoln Rhyme và chiếc xe lăn Storm Arrow của anh, hai cảnh sát của Đội Khẩn cấp đang mang anh lên những bậc cầu thang trong tòa nhà và đặt nhà tội phạm học ở hành lang. Sau đó anh tự di chuyển được và đưa chiếc xe lăn của anh tới căn hộ của Gã phù thủy, nơi anh dừng lại cạnh Amelia Sachs.

Vào lúc các cảnh sát thuộc Đội Khẩn cấp lục soát căn phòng, Rhyme dõi theo Bell và Sellitto đang cẩn trọng lục soát tên sát nhân vẫn còn sửng sốt. Rhyme đã đề nghị họ mượn một bác sĩ của văn phòng Khám nghiệm Y khoa nhằm hỗ trợ cuộc lục soát. Một lát sau anh ta tới theo yêu cầu. Hóa ra đó là một ý hay; viên bác sĩ tìm thấy vài vết cắt trên da gã – chúng nhìn như những vết sẹo nhỏ nhưng có thể mở ra được. Bên trong là các thiết bị bằng kim loại nhỏ xíu.

"Hãy chiếu tia X qua gã ở nơi giam giữ," Rhyme nói. "Mẹ kiếp, đợi đã, chụp MRI luôn đi. Từng tấc một đấy."

Khi Gã phù thủy đã bị còng tay ba lần và xích chân hai lần, hai cảnh sát kéo gã xuống ngồi trên sàn nhà. Nhà tội phạm học đang kiểm tra phòng ngủ trong đó có một bộ sưu tập lớn đồ đạc và thiết bị ảo thuật. Những chiếc mặt nạ, tay giả và phụ tùng cao su khiến nơi đó thật đáng sợ, chắc chắn thế, nhưng Rhyme cảm nhận được chủ yếu là sự đơn độc, anh nhìn thấy qua các đồ vật chất chứa ở đây mục đích kinh hoàng của gã sát nhân khi chúng được dùng cho một buổi diễn giải trí cho hàng nghìn người.

"Sao lại thế?" Gã phù thủy thì thầm.

Rhyme để ý thấy vẻ mặt sửng sốt. Cả sự thất vọng nữa. Nhà tội phạm học thích thú sự kích động đó. Tất cả các thợ săn sẽ nói với bạn rằng lúc săn đuổi con mồi là phần hay nhất của cuộc chơi. Nhưng không thợ săn nào thực sự trở nên vĩ đại trừ khi anh ta

cảm nhận được sự hài lòng cực điểm khi cuối cùng anh ta cũng hạ được con mồi.

"Làm sao mày biết được?" Gã đàn ông lặp lại trong tiếng rít như bị suyễn.

"Rằng mục đích của mày là tấn công rạp xiếc hả?" Rhyme liếc nhìn Sachs.

Cô nói, "Không có nhiều bằng chứng lắm, nhưng có thể thấy..."

"'Có thể thấy ư,' Sachs? Anh sẽ nói là chắc chắn thấy rõ."

"Có thể thấy," cô nói tiếp, không để ý gì tới câu cắt ngang của anh, "rằng những gì mày thực sự sẽ làm. Trong tủ đồ – tủ ở tầng hầm tòa nhà Tòa án Hình sự – bọn tao tìm thấy chiếc túi với quần áo đã được thay ra của mày, vết thương giả."

"Mày tìm thấy chiếc túi đó sao?"

Cô nói tiếp, "Có một số sơn đỏ khô trên giày và áo mày. Và những sợi thảm."

"Tao đã nghĩ sơn đó là máu giả." Rhyme lắc đầu, tức giận với chính bản thân. "Thật lô-gic khi giả định thế, nhưng tao lẽ ra phải nghĩ tới những nguồn khác. Hóa ra bộ dữ liệu sơn của FBI xác định đó là sơn xe hơi của hãng Jenkin Manufacturing. Tông màu cam - đỏ được dùng riêng cho xe cứu thương. Loại sơn đặc biệt đó được bán thành những lon nhỏ – để sơn phủ. Sợi cũng là từ xe hơi – chúng từ loại thảm thương mại nặng lắp vào trong xe cứu thương GMC cho đến tám năm trước."

Sachs, "Vậy là Lincoln suy đoán rằng mày đã mua hoặc ăn cắp một chiếc xe cứu thương cũ và sửa sang nó. Nó có thể dùng để trốn thoát hay cho một nỗ lực khác để lấy mạng Charles Grady. Nhưng rồi anh ấy nhớ lại nhúm vụn đồng – sẽ ra sao nếu nó thực sự là từ một chiếc đồng hồ hẹn giờ, như bọn tao đã nghĩ ban đầu? Và bởi mày sử dụng xăng trên chiếc khăn tay trong nhà của Lincoln, chà, điều đó có nghĩa là có thể mày đang giấu một quả bom xăng trong một chiếc xe cứu thương giả."

Rhyme nói, "Rồi tao đơn giản là sử dụng lô-gic..."

"Ý anh ấy là anh ấy dựa vào linh cảm," Bell nói.

"Linh cảm," Rhyme nói, "chẳng nghĩa lý gì hết. Lô-gic thì khác. Lô-

gic là xương sống của khoa học, và khoa học hình sự là bộ môn khoa học thuần túy."

Sellitto đảo mắt với Bell.

Nhưng những phản ứng đó từ đồng đội không làm cùn nhụt sự háo hức của Rhyme. "Tôi đang nói tới lô-gic. Kara đã nói với chúng ta về việc hướng sự chú ý của khán giả vào nơi mà ta không muốn họ nhìn vào."

Những ảo thuật gia giỏi nhất sẽ thao túng màn trình diễn giỏi tới mức họ chỉ thẳng ra phương pháp của họ, thẳng vào những gì họ sẽ thực sự làm. Nhưng ta sẽ không tin họ. Ta sẽ nhìn theo hướng ngược lại. Khi chuyện đó xảy ra, thì đã xong rồi. Ta đã thua và họ đã thắng.

"Đó là những gì mày đã làm. Và tao phải nói rằng đó là một ý hay. Tao không hay khen ngợi người khác, đúng không, Sachs?... Mày muốn báo thù Kadesky vì trận hỏa hoạn đã hủy hoại cuộc đời mày. Và vì thế mày tạo ra một tiết mục sẽ cho phép mày làm điều đó và rồi trốn thoát – đúng như khi mày tạo ra một ảo ảnh trên sân khấu, với các lớp lang đánh lạc hướng." Rhyme nheo mắt lại cân nhắc. Anh nói, "Sự đánh lạc hướng đầu tiên: Mày 'dồn ép' – Kara nói với bọn tao là giới ảo thuật dùng từ đó, đúng không?"

Kẻ sát nhân không nói gì.

"Tao chắc chắn rằng đó là những gì cô ấy nói. Trước hết, mày dồn ép cho chúng tao ý tưởng là mày sẽ hủy diệt rạp xiếc để báo thù. Nhưng tao sẽ không tin điều đó – nó quá rõ ràng. Và sự nghi ngờ của bọn tao dẫn tới sự đánh lạc hướng thứ hai: Mày cài lại một bài báo về Grady, hóa đơn nhà hàng, thẻ phóng viên và chiếc chìa khóa khách sạn để khiến bọn tao kết luận là mày sẽ giết anh ta... Ồ, chiếc áo khoác chạy bộ cạnh sông Hudson ư? Mày cố tình để nó lại hiện trường, đúng không? Đó là bằng chứng được cài cắm mà mày muốn bọn tao tìm ra."

Gã phù thủy gật đầu. "Phải, đúng vậy. Nhưng nó hiệu quả hơn khi tỏ ra là cảnh sát bọn mày làm tao ngạc nhiên và có vẻ tự nhiên hơn khi tao để lại chiếc áo khoác lúc trốn thoát."

"Giờ, lúc đó," nhà tội phạm học nói tiếp, "bọn tao nghĩ mày là một sát thủ được thuê, sử dụng ảo thuật để tiếp cận Charles Grady và giết anh ấy... Bọn tao đã hiểu ra mục đích của mày. Vậy là bọn tao không còn nghi ngờ nữa... Ở một mức độ nào đó."

Gã phù thủy gượng nở một nụ cười yếu ớt. "'Ở một mức độ nào

đó,'" gã rít lên. "Thấy không, khi tao dùng sự đánh lạc hướng để lừa mọi người – những người thông minh – họ sẽ tiếp tục nghi ngờ."

"Vậy là mày lại hướng bọn tao tới sự đánh lạc hướng thứ ba. Để kéo sự tập trung của bọn tao khỏi rạp xiếc, mày khiến bọn tao nghĩ rằng mày cố tình bị bắt để vào trong Trung tâm Giam giữ, không phải để giết Grady, mà là để giải cứu Constable. Tới lúc đó, bọn tao đã quên hoàn toàn chuyện rạp xiếc và Kadesky. Nhưng thực ra mày không hề quan tâm tới Constable hay Grady."

"Bọn chúng chỉ là đạo cụ, những sự đánh lạc hướng để lừa mày," gã thừa nhận.

"Hội Ái quốc, bọn chúng sẽ không vui với chuyện này đâu," Sellitto thì thầm.

Một cái hất đầu về phía những chiếc xích chân, "Tao nghĩ đó là điều vớ vẩn nhất tao cần quan tâm lúc này, đúng không?"

Biết được những gì gã đã làm với Constable và những người khác trong Hội, Rhyme không chắc về chuyện đó lắm.

Bell hất đầu về phía Gã phù thủy và hỏi Rhyme, "Nhưng tại sao gã lại mất công như thế để dựng lên vụ Constable và kế hoạch vượt ngục giả?"

Sellitto trả lời, "Quá rõ ràng – để, anh biết đấy, đánh lạc hướng chúng ta khỏi rạp xiếc hòng giúp hắn dễ dàng cài bom ở đây hơn."

"Thật ra, không phải thế, Lon," Rhyme nói chậm rãi. "Có lý do khác."

Trước những lời đó, hay có lẽ là trước giọng bí hiểm của Rhyme, kẻ sát nhân quay sang nhà tội phạm học, anh có thể thấy được sự thận trọng trong mắt gã – sự thận trọng thật sự, không phải nỗi sợ hãi – lần đầu tiên trong tối hôm đó.

Bắt được ngươi rồi, Rhyme nghĩ.

Anh nói, "Thấy chưa, còn một sự đánh lạc hướng thứ tư."

"Thứ tư sao?" Sellitto nói.

"Đúng vậy... Gã không phải là Erick Weir," Rhyme tuyên bố bằng giọng mà ngay cả anh cũng phải thừa nhận là điệu bộ một cách

thái quá.

Chương bốn mươi tám

Với một tiếng thở dài, gã sát nhân tựa nhẹ vào một chân ghế, mắt nhắm lại.

"Không phải Weir sao?" Sellitto hỏi.

"Điều đó," Rhyme nói tiếp, "là toàn bộ lý do cho những gì gã đã làm cuối tuần này. Gã muốn báo thù Kadesky và rạp xiếc Hasbro – giờ là rạp Cirque Fantastique. Thật dễ để báo thù nếu ta không quan tâm tới việc trốn thoát. Nhưng" – một cái hất đầu về phía Gã phù thủy – "gã muốn trốn thoát, muốn tránh xa nhà tù, muốn tiếp tục được biểu diễn. Vì thế gã đã có một màn biến y về nhân dạng. Gã trở thành Erick Weir, để bị bắt vào chiều nay, bị lấy dấu vân tay rồi trốn thoát."

Sellitto gật đầu. "Vậy là sau khi gã giết Kadesky và đốt cháy rạp xiếc, mọi người đều sẽ tìm Weir, chứ không phải nhân thân thật của gã." Một cái nhíu mày. "Vậy thì gã là kẻ quái nào chứ?"

"Arthur Loesser, trợ thủ của Weir."

Kẻ giết người thở gấp khi vỏ bọc cuối cùng của gã – và hy vọng trốn thoát – giờ đã tan biến.

"Nhưng Loesser đã gọi cho chúng ta," Sellitto chỉ ra. "Anh ta ở bờ tây. Ở Nevada."

"Không, không hề. Tôi đã kiểm tra lịch sử cuộc gọi. Cuộc gọi hiển thị là 'Không có tên người gọi' trên điện thoại của tôi vì gã đã gọi từ một số điện thoại đường dài trả trước. Gã gọi từ một buồng điện thoại trả tiền ở đường 87 Tây. Gã không có vợ. Tin nhắn trong hộp thư thoại của gã ở Vegas là giả."

"Giống như khi gã gọi cho người trợ thủ kia, Keating, và giả vờ là Weir, đúng không?" Sellitto hỏi.

“Phải. Hỏi về trận hỏa hoạn ở Ohio, nghe có vẻ kỳ lạ và đe dọa. Để củng cố những gì chúng ta nghĩ: rằng Weir đang ở New York để báo thù Kadesky. Gã phải để lại những dấu vết cho thấy Weir đã xuất hiện trở lại. Như việc đặt mua còng tay Darby bằng tên của Weir. Cả khẩu súng mà gã đã mua nữa.”

Rhyme nhìn qua kẻ sát nhân. “Còn giọng nói thì sao?” Anh hỏi đầy chế giễu. “Phổi mày đã khá hơn chưa?”

“Mày biết là nó ổn mà,” Loesser bật lại. Tiếng thì thầm và rú rít đã biến mất. Phổi gã không bị sao cả. Đó chỉ là một trò giả mạo nữa để khiến họ tin rằng gã là Weir.

Rhyme hất đầu về phía phòng ngủ.

“Tao nhìn thấy vài thiết kế bích chương quảng cáo trong đây. Tao cho là mày vẽ. Tên trên đó là ‘Malerick.’ Giờ đó là tên mày, đúng không?”

Gã sát nhân gật đầu. “Những gì tao nói với mày trước đó là đúng – tao ghét cái tên cũ của mình, tao ghét mọi thứ về tao trước trận hỏa hoạn. Thật khó để nhớ lại thời đó. Malerick là cái tên tao đặt cho mình hiện giờ… Làm sao mày biết được điều đó?”

“Sau khi họ phong tỏa hành lang khu trại giam, mày đã dùng áo phông của mày để lau sàn và những chiếc còng tay,” Rhyme giải thích. “Nhưng khi tao nghĩ về chuyện đó, tao không hiểu tại sao. Để lau sạch máu ư? Vô nghĩa. Không, câu trả lời duy nhất mà tao nghĩ ra được là mày muốn xóa hết những dấu vân tay của mày. Nhưng mày đã được lấy vân tay rồi; tại sao mày lại lo lắng về việc để lại vân tay trong hành lang?” Rhyme nhún vai cho rằng câu trả lời rõ ràng đến đau đớn. “Vì vân tay thật của mày khác với những vân tay mà mày đã lăn và được cho vào hồ sơ.”

“Thế quái nào mà hắn làm được vậy?” Sellitto hỏi.

“Amelia tìm thấy những dấu mực còn mới ở hiện trường đó. Mực đó được in lên tay gã tối nay. Dấu vết đó bản thân nó không quan trọng, nhưng quan trọng ở chỗ nó khớp với vết mực chúng ta tìm thấy trong chiếc túi đồ thể thao ở vụ tấn công Marston. Điều đó có nghĩa là gã đã tiếp xúc với mực in dấu vân tay trước ngày hôm nay. Tôi đoán là gã đã ăn cắp một chiếc thẻ in vân tay trống và in nó ở nhà với vân tay thật của Erick Weir. Gã sử dụng sáp dính để giấu nó trong đường may áo vest mặc tối nay – chúng ta tìm kiếm vũ khí và chìa khóa, chứ không phải những mảnh bìa cứng – và rồi sau khi họ lấy vân tay của gã, gã đánh lạc hướng người kỹ

thuật viên và tráo tấm thẻ. Có thể gã đã bỏ tấm thẻ lấy vân tay mới vào bồn cầu hay ném nó đi."

Loesser mặt nhăn nhúm vì giận dữ như lời xác nhận cho suy đoán của Rhyme.

"Trung tâm Giam giữ đã gửi tấm thẻ họ có trong hồ sơ tới và Mel đã xử lý nó. Nó cho ra các dấu vân tay của Weir, nhưng dấu mờ hơn là của Loesser. Gã có trong dữ liệu AFIS từ khi gã bị bắt với Weir trong các cáo buộc vô ý gây nguy hiểm ở New Jersey. Chúng tôi đã kiểm tra cả khẩu Glock của viên cảnh sát ở Trung tâm Giam giữ. Cô ấy giằng lại được khẩu súng và gã không có cơ hội để lau nó. Những dấu tay đó hóa ra cũng khớp với của Loesser. À, và chúng ta có một phần dấu tay đó từ lưỡi dao lam nữa." Rhyme liếc miếng băng dính nhỏ trên thái dương Loesser. "Mày đã quên cầm theo."

"Tao không tìm thấy," gã sát nhân quát lên. "Tao không có thời gian để tìm."

"Nhưng," Sellitto chỉ ra với Rhyme, "gã trẻ hơn so với Weir."

"Gã quả là trẻ hơn Weir." Anh hất đầu về phía khuôn mặt Loesser. "Những nếp nhăn chỉ là hóa trang. Giống như những vết sẹo – tất cả đều là giả. Weir sinh năm 1950. Loesser trẻ hơn hai mươi tuổi, nên gã phải hóa trang cho già đi."

Rồi anh thì thầm, "Ồ, tôi lỡ mất điều đó. Lẽ ra phải nghĩ tới chứ. Nhớ những mảnh cao su phủ phấn trang điểm mà Amelia tìm thấy ở các hiện trường không? Tôi cho rằng chúng là từ đồ bọc ngón tay mà gã đeo. Nhưng nó không hợp lý. Chẳng ai lại trang điểm cho ngón tay. Nó sẽ rơi ra. Không, nó là phụ kiện cho vị trí khác." Rhyme nhìn kỹ gò má và lông mày của gã sát nhân. "Đám cao su dẻo đó hẳn phải rất khó chịu."

"Rồi cũng quen thôi."

"Sachs, hãy xem gã thật ra trông như thế nào."

Với một chút khó khăn, cô bóc bộ râu và những mảng nếp nhăn quanh mắt gã ra. Khuôn mặt sau đó lấm tấm vết bẩn vì keo dính, nhưng phải, gã rõ ràng là trẻ hơn nhiều. Cấu trúc khuôn mặt gã cũng khác, không hề giống người đàn ông mà gã từng cải trang.

"Không giống những chiếc mặt nạ trong Điệp vụ bất khả thi hả? Đeo vào, lột ra."

“Không, đồ thật không hề giống thế.”

“Cả các ngón tay nữa.” Rhyme hất đầu về phía bàn tay trái của tên sát nhân.

Để làm cho hai ngón tay dính vào nhau trông có vẻ đáng tin, chúng đã được gắn lại bằng băng dính rồi phủ cao su dày lên. Kết quả là hai ngón tay nhăn nhúm, mềm oặt và gần như trắng bệch, nhưng tất nhiên, chúng là những ngón tay bình thường. Sachs kiểm tra chúng. “Tao đã hỏi Rhyme là tại sao mày không tháo nó ra ở chỗ hội chợ – bởi bọn tao đang tìm một kẻ với bàn tay trái biến dạng.”

Nhưng hai ngón tay thật đó cũng có vẻ ngoài bị biến dạng theo kiểu riêng của chúng và sẽ làm gã bị lộ.

Rhyme nhìn tên sát nhân lần nữa và nói, “Gần như một tội ác hoàn hảo: một nghi phạm đảm bảo chắc chắn là chúng ta sẽ truy tố một người khác. Chúng ta biết là Weir có tội, có nhận dạng khớp. Nhưng rồi gã biến mất. Loesser sẽ tiếp tục cuộc đời mình và kẻ vượt ngục – Weir – sẽ biến mất mãi mãi. Người Biến mất.”

Và dù Loesser đã chọn các nạn nhân của gã ngày hôm qua để đánh lạc hướng cảnh sát, chứ không phải vì thôi thúc tâm lý học sâu xa nào, song rốt cuộc thì chẩn đoán của Terry Dobyns vẫn khớp hoàn hảo – tìm kiếm sự trả thù cho vụ hỏa hoạn đã hủy hoại một người mà gã yêu thương. Sự khác biệt là thảm kịch đó đã khiến Weir mất sự nghiệp và khiến vợ anh ta thiệt mạng; còn mất mát của Loesser là người thầy của gã, chính là Weir.

“Nhưng có một vấn đề,” Sellitto chỉ ra. “Tất cả những gì gã làm khi tráo các tấm thẻ vân tay là để chúng ta sẽ săn đuổi Weir thật sự. Tại sao gã lại làm thế với thầy gã?”

Rhyme nói, “Tại sao anh lại nghĩ tôi yêu cầu các cảnh sát trẻ vạm vỡ kia đưa tôi lên lầu tới nơi cực kỳ khó vào này, Lon?” Anh nhìn quanh phòng. “Tôi muốn tự mình đi khảo sát hiện trường – ồ, xin lỗi, tôi nên nói là lăn xe khảo sát hiện trường.” Lúc này anh đang điều khiển xe qua căn phòng một cách nhuần nhuyễn, sử dụng điều khiển cảm ứng. Anh dừng lại chỗ lò sưởi và nhìn lên. “Tôi nghĩ tôi đã tìm ra nghi phạm của chúng ta, Lon.” Anh nhìn lên bệ lò sưởi, trên đó có một chiếc hộp khảm và một ngọn nến. “Đấy là Erick Weir, đúng không? Tro cốt của anh ta.”

Loesser nói nhỏ tiếng, “Đúng. Anh ấy biết mình không còn lại nhiều thời gian. Anh ấy muốn ra khỏi khoa bỏng ở Ohio và trở lại

nhà ở Vegas trước khi chết. Tao đã giúp anh ấy thoát ra một tối nọ và chở anh ấy về nhà. Anh ấy sống thêm vài tuần nữa sau khi bọn tao tới đó. Tao đã hối lộ cho một người trực ca đêm ở nhà xác để hỏa táng anh ấy."

"Và những dấu vân tay?" Rhyme hỏi. "Mày lấy vân tay anh ta sau khi anh ta chết đúng không? Làm thành những con dấu để mày có thể làm tấm thẻ vân tay giả?"

Một cái gật đầu xác nhận.

"Vậy là mày đã lên kế hoạch chuyện này nhiều năm rồi?"

Loesser nói đầy xúc động, "Phải! Cái chết của anh ấy... Nó như một vết bỏng không bao giờ ngưng nhức nhối."

Bell hỏi, "Mày mạo hiểm tất cả chuyện này để báo thù sao? Vì sếp của mày hả?"

"Sếp? Anh ấy còn hơn thế," Loesser hét lên điên loạn. "Bọn mày không hiểu. Tao chỉ nghĩ về cha tao vài lần một năm... và ông ta vẫn còn sống. Nhưng tao nghĩ về Ngài Weir từng ngày từng giờ. Kể từ khi anh ấy bước vào cửa hàng ở Vegas nơi tao từng trình diễn... Houdini Trẻ, chính là tao đây... Khi đó tao mười bốn tuổi. Đó là một ngày mới tuyệt vời làm sao! Anh ấy nói với tao anh ấy sẽ cho tao tầm nhìn để trở nên vĩ đại. Vào sinh nhật mười lăm tuổi của tao, tao đã bỏ nhà để đi cùng anh ấy."

Giọng gã run rẩy trong chốc lát rồi rơi vào im lặng. Gã nói tiếp, "Ngài Weir có thể đã đánh đập và chửi bới tao và đôi khi biến đời tao thành địa ngục, nhưng anh ấy nhìn thấy những gì sâu thẳm trong tao. Anh ấy quan tâm tới tao. Anh ấy đã dạy dỗ tao trở thành một nhà ảo thuật..." Khuôn mặt người đàn ông trở nên mờ mịt. "Và rồi người ta tước mất anh ấy khỏi tao. Vì Kadesky. Hắn và việc kinh doanh chó chết của hắn đã giết Ngài Weir... Và cả tao nữa. Arthur Loesser đã chết trong trận hỏa hoạn đó." Gã nhìn chiếc hộp và trên mặt hắn biểu lộ sự đau buồn, hy vọng và một tình yêu lạ lùng tới mức Rhyme cảm thấy sự ớn lạnh bò dọc cổ anh cho tới khi nó biến mất vào trong cơ thể đã tê liệt của mình.

Loesser nhìn trở lại vào Rhyme và cười lớn lạnh lẽo. "Mày có thể đã bắt được tao. Nhưng Ngài Weir và tao đã thắng. Mày đã không ngăn bọn tao kịp. Gánh xiếc không còn nữa, Kadesky không còn nữa. Nếu hắn chưa chết thì sự nghiệp của hắn cũng đã đi tong."

"À, phải, rạp Cirque Fantastique, trận hỏa hoạn." Rhyme lắc đầu

một cách nghiêm nghị. Rồi anh nói thêm, "Dẫu vậy..."

Loesser nhíu mày, quét mắt khắp căn phòng, cố gắng tìm hiểu xem ý Rhyme là gì. "Sao? Mày định nói gì?"

"Hãy nghĩ lại một chút. Trước đó trong tối nay. Mày ở công viên Trung Tâm, chứng kiến vụ hỏa hoạn, khói, sự phá hoại, nghe thấy những tiếng thét... Mày nghĩ tốt hơn là mình nên rời đi bởi bọn tao sẽ sớm đi tìm mày. Mày đang trên đường trở lại đây. Một người nào đó – một phụ nữ trẻ, một phụ nữ người Á mặc đồ chạy bộ – đã va vào mày. Mày nói vài lời về chuyện đang diễn ra. Rồi mày đi đường mày."

"Mày đang nói cái quái gì thế?" Loesser quát.

"Hãy kiểm tra phía sau dây đeo đồng hồ của mày," Rhyme nói.

Trong tiếng lách cách của còng tay, gã xoay cổ tay lại. Trên dây đeo là một chiếc đĩa nhỏ màu đen. Sachs lột nó ra. "Thiết bị theo dõi GPS. Bọn tao sử dụng thứ đó để theo mày tới tận đây. Mày không ngạc nhiên sau khi bọn tao bất thần xuất hiện và phá cửa nhà mày?"

"Nhưng ai...? Đợi đã! Là ảo thuật gia đó, con bé đó! Kara! Tao đã không nhận ra nó."

Rhyme nói ráo hoảnh, "Toàn bộ trò tạo ra ảo giác là thế mà, đúng không? Bọn tao đã nhận ra mày ở công viên nhưng bọn tao sợ là mày sẽ trốn thoát. Mày vẫn hay làm trò đó mà, mày biết đấy. Và bọn tao cho rằng mày sẽ đi rất lòng vòng để trở lại nơi mày thực sự đang ở. Nên tao đã nhờ Kara để tự cô ấy diễn một chút màn ngụy trang. Cô ấy giỏi lắm, cô gái đó. Chính tao cũng khó mà nhận ra cô ấy. Khi cô ấy va vào mày, cô ấy đã gắn chiếc cảm biến lên đồng hồ."

Sachs nói tiếp, "Bọn tao có thể bắt mày ngay ở ngoài đường,nhưng mày giỏi trò trốn thoát quá. Dù sao đi nữa, bọn tao muốn tìm ra nơi trú ẩn của mày."

"Nhưng điều đó có nghĩa là bọn mày đã biết trước về trận hỏa hoạn!"

"À," Rhyme nói vẻ tùy tiện, "chiếc xe cứu thương của mày ư? Đội Phá bom đã tìm thấy nó và xử lý nó trong vòng sáu mươi giây. Họ lái xe đi và thay vào đó bằng một chiếc xe khác để mày không nghĩ là bọn tao đã nhận ra. Bọn tao biết mày muốn xem trận hỏa hoạn. Bọn tao đưa tối đa số cảnh sát mặc thường phục vào công viên,

tìm kiếm một người đàn ông vóc người như mày đứng xem trận hỏa hoạn nhưng rồi rời đi không lâu sau khi nó bắt đầu. Hai cảnh sát đã nhìn thấy mày và bọn tao đã cử Kara gắn chip lên mày. Và úm ba la...” Rhyme mỉm cười với lựa chọn từ ngữ của anh. “Giờ bọn tao ở đây.”

“Nhưng trận hỏa hoạn… Tao đã nhìn thấy!”

Rhyme nói với Sachs, “Có thấy những gì anh vẫn nói về bằng chứng so với nhân chứng không? Hắn nhìn thấy trận hỏa hoạn; vì thế nó phải là thật.” Rồi với Loesser anh nói, “Nhưng giờ nó không phải là thật, đúng chưa?”

Sachs nói, “Những gì mày thấy là khói từ hai quả lựu đạn khói của Vệ binh Quốc gia mà bọn tao đặt lên trên nóc căn lều bằng cần cẩu. Còn lửa ư? Là từ đèn xì propan ở lối vào sân khấu nơi chiếc xe cứu thương đậu. Rồi chiếu thêm vài hình ảnh lửa trong sân khấu giữa rạp và phóng những ngọn lửa đó ra bên cạnh lều.”

“Tao đã nghe những tiếng la hét,” Loesser thì thầm.

“À, đó là ý tưởng của Kara. Cô ấy nghĩ rằng bọn tao có thể để Kadesky nói với khán giả là họ sẽ nghỉ giải lao một chút để một đoàn quay phim có thể quay một cảnh trong khu lều – về một vụ hỏa hoạn trong rạp xiếc. Ông ấy đã khiến tất cả mọi người hét lên theo hiệu lệnh. Họ rất thích điều đó. Tăng thêm hiệu quả.”

“Không,” Gã phù thủy thì thầm. “Đó là...”

“... một ảo ảnh,” Rhyme nói với hắn. “Tất cả là một ảo ảnh.”

Chút nhanh trí từ màn Người đàn ông bất động.

“Tốt hơn là em nên kiểm tra hiện trường ở đây,” Sachs nói, hất đầu quanh căn phòng, và nhíu mày.

“Chắc chắn rồi, Sachs. Anh đã nghĩ gì vậy nhỉ? Chúng ta cứ ngồi đây trò chuyện và làm ô nhiễm hiện trường vụ án sao.”

Với rất nhiều còng tay và xích chân trên người gã và mỗi bên kèm một viên cảnh sát, tên sát nhân được dẫn ra cửa, không còn kiêu ngạo như lần cuối gã bị dẫn xuống Trung tâm Giam giữ nữa.

Vào lúc hai cảnh sát của Đội Khẩn cấp sắp sửa mang Rhyme ra ngoài lần nữa, điện thoại của Lon Sellitto reo. Anh nhận cuộc gọi. “Cô ấy ở ngay đây...” Anh nhìn Sachs. “Anh muốn nói chuyện với

cô ấy hả…?" Rồi anh lắc đầu với cô và tiếp tục lắng nghe, vẻ mặt nghiêm trọng. "Được rồi, tôi sẽ nói với cô ấy." Anh gác máy.

"Là Marlow," anh nói với Sachs.

Trưởng phòng Tuần tra. Có việc gì? Nhà tội phạm học tự hỏi, nhìn thấy vẻ khó chịu trên mặt Sellitto.

Viên thanh tra nhăn nhó nói tiếp, hướng về phía Sachs, "Anh ấy muốn cô xuống Trung tâm ngày mai lúc mười giờ sáng. Về việc thăng chức của cô." Rồi Sellitto nhíu mày. "Còn một việc khác anh ấy muốn tôi nói với cô, liên quan đến điểm trong cuộc sát hạch của cô. Là điều gì nhỉ?" Anh lắc đầu, nhìn trừng trừng lên sàn nhà. Rõ ràng là khó chịu. "Điều gì nhỉ?"

Sachs nhìn theo mà không nói gì, dù Rhyme quan sát thấy một ngón tay khẽ bấm vào móng ngón tay cái của cô.

Rồi viên thanh tra búng tay. "À, phải rồi, giờ tôi nhớ rồi. Anh ta nói là cô có điểm thi cao thứ ba trong lịch sử sở cảnh sát." Một cái nhíu mày trên khuôn mặt anh và anh nhìn Rhyme. "Anh biết điều đó có nghĩa là gì, đúng không? Xin Chúa xót thương – giờ ta sẽ không thể sống thiếu cô ấy."

***

Cô bước nhanh, thở gấp.

Hành lang như dài cả dặm.

Kara chạy trên miếng lót sàn màu xám, chỉ nghĩ duy nhất một điều trong đầu: không phải là Erick Weir quá cố hay gã trợ thủ tâm thần của anh ta, Art Loesser, không phải sự xuất sắc của màn ảo giác với lửa ở Cirque Fantastique. Không, tất cả những gì cô nghĩ là: Mình có về kịp không?

Dọc hành lang tối tăm. Những bước chân dồn dập trên sàn.

Đi qua những cánh cửa đóng và mở. Nghe thấy tiếng ti-vi và nhạc, những đối thoại chia tay khi các gia đình sắp sửa ra về vào cuối ngày Chủ nhật sau giờ thăm viếng.

Nghe thấy chính tiếng bước chân trống rỗng của mình.

Cô dừng lại bên ngoài căn phòng. Hít sâu hơn một chục lần để

giọng nói bình thường lại và, còn hồi hộp hơn bất kỳ lần nào đứng trên sân khấu, cô bước vào phòng.

Một khoảng lặng. Rồi: "Con chào mẹ."

Mẹ cô quay ra khỏi ti-vi. Bà chớp mắt ngạc nhiên và mỉm cười. "Sao chứ, xem ai đây nào. Chào con yêu."

Ôi Chúa ơi, Kara nghĩ, nhìn vào đôi mắt sáng của bà. Bà đã trở lại! Bà đã thực sự trở lại.

Cô bước đến và ôm người phụ nữ rồi kéo ghế lại gần hơn. "Mẹ khỏe không?"

"Khỏe. Tối nay hơi lạnh."

"Con sẽ đóng cửa sổ." Kara đứng lên và kéo cửa sổ lại. "Ta nghĩ là con sẽ không tới kịp, con yêu."

"Tối nay bận quá. Con sẽ phải nói với mẹ con đã gặp những chuyện gì, mẹ. Mẹ sẽ không tin nổi đâu."

"Ta rất nóng lòng."

Kara hỏi đầy phấn khích, "Mẹ có muốn uống trà hay gì đó không?" Cô cảm thấy một sự thôi thúc dữ dội muốn trút ra mọi chuyện về cuộc đời cô trong sáu tháng qua, lảm nhảm cũng được. Nhưng cô tự nhủ là hãy chậm lại; cô cảm thấy là kể hết chuyện mọi chuyện có thể làm mẹ cô ngợp, bà có vẻ cực kỳ mong manh ở thời điểm này.

"Không, không cần gì đâu, con yêu… Con tắt ti-vi được không? Ta thích nói chuyện với con hơn. Điều khiển ở kia. Ta không bao giờ bấm được. Đôi lúc ta gần như nghĩ là có người lẻn vào đây và thay đổi các nút bấm."

"Con mừng là mình đã tới đây trước khi mẹ đi ngủ."

"Ta sẽ thức đợi con mà."

Kara mỉm cười với bà. Rồi mẹ cô nói, "Ta chỉ đang nghĩ về bác con, con yêu. Anh trai ta."

Kara gật đầu. Người anh quá cố của mẹ cô là con cừu đen của gia đình. Ông đã đi về miền tây khi Kara còn nhỏ và không bao giờ liên lạc lại với gia đình. Mẹ cô và ông bà ngoại Kara không chịu nói chuyện với bác và tên ông ấy bị cấm trong những cuộc gặp mặt gia

đình. Nhưng tất nhiên, những tin đồn lan đi: ông là người đồng tính, ông không đồng tính và đã kết hôn nhưng ngoại tình với một mụ di-gan, ông đã bắn một người đàn ông vì một phụ nữ khác, ông không kết hôn và là một nhạc công jazz nghiện rượu…

Kara luôn muốn biết sự thật về ông ấy.

"Mẹ nghĩ gì về bác, mẹ?"

"Con muốn nghe không?"

"Chắc chắn rồi – kể chuyện cho con đi," cô hỏi, ngả người về phía trước và đặt bàn tay cô lên vai bà.

"À, để xem nào, là khi nào nhỉ? Ta nhớ là tháng Năm năm bảy mươi, có thể là bảy mốt. Không chắc là năm nào – trí nhớ của ta là thế – nhưng ta chắc đó là tháng Năm. Bác con và mấy người đồng đội vừa trở về từ Việt Nam."

"Bác ấy là lính sao? Con chưa bao giờ biết điều đó."

"Ồ, bác con rất đẹp trai khi mặc quân phục. Phải rồi, họ gặp nhiều chuyện kinh khủng ở đó." Giọng bà trở nên nghiêm túc. "Bạn thân nhất của bác con chết ngay cạnh ông ấy. Chết trên tay ông ấy. Một anh chàng da đen to lớn. Chà, Tom và một người lính khác đã nghĩ tới việc bắt đầu một công việc để hỗ trợ gia đình người bạn đã chết của họ. Vì thế họ đi về miền nam và mua một chiếc tàu. Con có thể tưởng tượng được bác con trên một chiếc tàu không? Ta nghĩ đó là điều lạ lùng nhất từng xảy ra. Họ bắt đầu làm nghề đánh bắt tôm. Tom đã kiếm được cả một gia tài."

"Mẹ," Kara nhẹ nhàng nói.

Mẹ cô mỉm cười với ký ức nào đó rồi lắc đầu. "Một chiếc tàu… Chà, công ty đó rất thành công. Và mọi người ngạc nhiên vì, chà, Tom chưa bao giờ là người sáng láng." Đôi mắt mẹ cô lấp lánh. "Nhưng con có biết anh ấy thường nói gì với họ không?"

"Nói gì vậy mẹ?"

"'Làm điều ngốc thì mới ngốc.'"

"Đó là một câu thật hay," Kara thì thầm.

"À, con hẳn sẽ thích anh ấy, Jenny. Con có biết là anh từng gặp tổng thống Hoa Kỳ không. Và chơi bóng bàn ở Trung Quốc."

Không để ý rằng con gái mình đang lặng lẽ khóc, người phụ nữ lớn tuổi tiếp tục kể với Kara phần còn lại câu chuyện phim *Forrest Gump*, bộ phim bà vừa xem trên ti-vi không lâu trước đó. Cậu của Kara tên là Gil, nhưng trong ảo mộng của bà, ông ấy là Tom – có lẽ là theo tên của ngôi sao trong phim, Tom Hanks[92]. Bản thân Kara thì đã trở thành Jenny, bạn gái của Forrest.

---

[92] Tom Hanks, sinh năm 1956, tài tử lừng lẫy người Mỹ. Phim Forrest Gump với Hanks đóng vai chính, ra mắt năm 1994, giành 6 giải Oscar, bao gồm giải nam chính xuất sắc nhất.

Không, không, không, Kara suy nghĩ trong tuyệt vọng. Rốt cuộc mình đã không tới đúng lúc.

Linh hồn mẹ cô đã tới rồi đi, chỉ còn để lại ảo ảnh.

Câu chuyện của người phụ nữ trở thành một dòng chảy bị xê dịch đi, từ chiếc tàu đánh bắt tôm ở vùng Vịnh tới một tàu đánh cá kiếm ở Bắc Đại Tây Dương rơi vào một "cơn bão hoàn hảo" sang một tàu chở khách xuyên đại dương bị chìm trong khi anh trai bà, mặc tuxedo, chơi vĩ cầm trên boong. Những suy nghĩ, những ký ức và hình ảnh từ hàng chục bộ phim hay cuốn sách khác nhau tạo thành ký ức thật. Rất nhanh, "ông bác" của Kara, cùng tất cả những gì có vẻ nhất quán, biến mất hoàn toàn.

"Nó ở đâu đó ngoài kia," người phụ nữ lớn tuổi nói dứt khoát. "Ta biết nó ở ngoài kia." Bà nhắm mắt lại.

Kara ngồi ngả người về phía trước, nhẹ nhàng đặt tay cô lên cánh tay mịn màng của mẹ cho tới khi người phụ nữ già đã ngủ. Cô nghĩ: Nhưng bà ấy đã tỉnh táo trước đó. Jaynene đã không nhắn tin cho cô nếu không phải vậy.

Và nếu điều này xảy ra một lần, cô nghĩ đầy bướng bỉnh, nó có thể xảy ra lần nữa.

Cuối cùng Kara đứng lên và đi ra khỏi hành lang tối tăm, nhớ lại rằng, dù là một nghệ sĩ trình diễn tài năng, cô vẫn thiếu một kỹ năng mà cô đang cần một cách tuyệt vọng: bằng sự nhiệm màu đưa mẹ cô tới nơi mà những trái tim đầy yêu thương đập ấm áp bất chấp những năm tháng mà Chúa đã cho họ sống. Nơi mà tâm trí còn giữ lại hoàn hảo từng chương trong lịch sử phong phú của gia đình. Nơi mà dù cho khoảng cách giữa những người thân yêu có vẻ lớn đến đâu chăng nữa thì cuối cùng, không hơn gì những

hiệu ứng, những ảo ảnh nhất thời.

Chương bốn mươi chín

Gerald Marlow, một người đàn ông với mái tóc dày, vuốt sáp cứng, là trưởng Phòng Tuần tra của NYPD. Tính tình tỉ mỉ của ông đã được tôi luyện sau khi đi tuần tra hai mươi năm và trầm tĩnh nhờ thêm mười lăm năm nữa ở một công việc nhiều rủi ro hơn là giám sát các cảnh sát tuần tra.

Lúc này, sáng thứ Hai, Amelia Sachs đang đứng nghiêm trước mặt ông, quyết chí khiến đầu gối bỏ qua cơn thấp khớp đang cắt xẻ đào xới bên trong nó. Họ đang ở văn phòng của Marlow thuộc Tòa nhà Lớn, One Police Plaza, trung tâm thành phố.

Marlow liếc nhìn lên từ tập hồ sơ ông đang đọc và nhìn vào bộ đồ màu xanh hải quân được là phẳng phiu của cô. "Ồ, ngồi đi, sĩ quan. Xin lỗi. Ngồi đi… Vậy là, con gái Herman Sachs à."

Ngồi xuống, cô để ý thấy một chút lưỡng lự trong năm từ cuối cùng của câu nói. Phải chăng từ "cô bé" đã được thay thế nhanh chóng?

"Đúng vậy."

"Tôi đã tới đám tang."

"Tôi còn nhớ."

"Đám tang thật suôn sẻ."

Các đám tang đều thế.

Nhìn thẳng vào cô, lưng thẳng lên, Marlow nói, "Được rồi, sĩ quan. Là thế này. Cô có chút rắc rối."

Câu nói như một cú đấm vào cô. "Xin lỗi, thưa sếp?"

"Một hiện trường vụ án hôm thứ Bảy, bờ sông Harlem. Xe hơi lao

xuống nước. Cô là người xử lý đúng không?"

Nơi mà chiếc Mazda của Gã phù thủy đã lao vào túp lều của tay nghiện ma túy Carlos và rồi chìm nghỉm.

"Phải, đúng vậy."

"Cô đã bắt một người ở hiện trường đó," Marlow nói.

"À, chuyện đó hả. Không hẳn là bắt. Người đó đi qua dải phân cách hiện trường và đào xới quanh một khu vực bị phong tỏa. Tôi phải cho áp giải và tạm giữ anh ta."

"Tạm giữ, bắt. Vấn đề là anh ta đã bị tạm giữ một lúc lâu."

"Chắc chắn là thế. Tôi cần anh ta tránh ra. Đó là một hiện trường đang được điều tra."

Sachs bắt đầu hiểu rắc rối của cô. Tay công dân kinh tởm kia đã khiếu nại. Chuyện thường ngày. Không ai để ý tới những gã khốn như thế. Cô bắt đầu thấy thoải mái.

"Chà, 'anh ta' hả? 'Anh ta' chính là Victor Ramos."

"Phải, tôi nghĩ anh ta có nói với tôi thế."

"Nghị sĩ Victor Ramos."

Sự thư giãn biến mất.

Viên đại úy mở một tờ *New York Daily News* ra. "Xem nào, xem nào. A, đây rồi." Ông lật tờ báo và giơ một trang ở giữa lên, trong đó có một bức ảnh lớn của một người đàn ông tay bị còng. Dòng tít viết "HẾT GIỜ CHƠI" RỒI, VICTOR.

"Cô nói với các cảnh sát khác ở hiện trường là anh ta 'hết giờ chơi' rồi hả?"

"Anh ta..."

"Cô có nói không?"

"Có, thưa sếp, tôi tin là tôi có nói."

Marlow nói, "Anh ta tuyên bố là mình đang tìm kiếm người còn sống sót."

“Người còn sống sót?” Cô kêu lên cười lớn. “Đó là một túp lều mười nhân mười sập xuống khi chiếc xe của nghi phạm lao xuống sông. Một phần bức tường đổ xuống và...”

“Cô có hơi nóng giận, sĩ quan.”

“... và tôi nghĩ có một chiếc túi trống không bị xé rách. Tất cả thiệt hại là thế. Đội Khẩn cấp đã dọn dẹp căn lều và tôi đã phong tỏa nó. Thứ duy nhất sống sót còn lại cần cứu ở nơi đó là đám chấy rận.”

“Ừm, hừm,” Marlow nói từ tốn, không thoải mái với tính khí của cô. “Anh ta nói rằng mình chỉ muốn chắc chắn ai đó sống tại đó sẽ được an toàn.”

Cô nói thêm với sự mỉa mai không kiềm chế, “Chủ căn nhà đó đã tự mình đi ra. Không ai bị thương. Dù tôi biết là một trong số họ sau đó đã bị bầm ở má khi cố chống lại việc bắt giữ.”

“Bắt giữ?”

“Gã ăn cắp đèn pin của một lính cứu hỏa rồi còn đái lên người đó.”

“Ồ. Người anh em...”

Cô thì thầm, “Bọn họ không bị thương, bọn họ phê thuốc và là một lũ khốn. Đó là những công dân mà Ramos đã lo lắng cho sao?”

Vẻ mặt nhăn nhó của viên đại úy, cùng cả sự cẩn trọng và cảm thông biến mất dần. Cảm xúc được thay thế bằng vẻ ngoài quan liêu lạnh lùng. “Cô có chắc chắn rằng có bằng chứng nào mà Ramos đã phá hủy có thể liên quan tới việc bắt giữ được nghi phạm không?”

“Có hay không cũng không khác biệt gì, thưa sếp. Quy trình mới là quan trọng.” Cô cố gắng bình tĩnh, giữ giọng mình không quá chói tai. Rốt cuộc, Marlow là sếp của sếp của sếp cô.

“Đang cố gắng xử lý vấn đề thôi, sĩ quan Sachs,” ông nói cương quyết. Rồi nhắc lại, “Cô có chắc chắn rằng có bằng chứng bị hủy hoại không?”

Cô thở dài. “Không.”

“Vậy là sự hiện diện của anh ta tại hiện trường là không có liên quan.”

“Tôi...”

“Không có liên quan đúng không?”

“Phải, thưa sếp.” Cô hắng giọng. “Chúng tôi đang đuổi theo một kẻ giết cảnh sát, thưa đại úy. Chuyện đó có nghĩa lý gì không?” Cô cay đắng hỏi.

“Với tôi, với nhiều người, có. Với Ramos, không.”

Cô gật đầu. “Được rồi, vậy chúng ta sắp phải đối mặt với nước sôi lửa bỏng thế nào đây?”

“Có một nhóm phóng viên truyền hình ở đây, sĩ quan. Cô có xem tin tức tối không?”

Không, cô nghĩ, tôi còn bận đi tóm cổ một tên sát nhân. Sachs chọn một câu trả lời khác: “Không, thưa sếp.”

“À, Ramos xuất hiện rất nhiều, bị dẫn đi trong chiếc còng tay.”

Cô nói, “Ông biết rằng lý do duy nhất anh ta có mặt ở hiện trường ngay từ đầu là để được quay cảnh anh ta mạo hiểm cuộc sống tốt đẹp của bản thân để tìm người còn sống… Tôi rất tò mò, thưa sếp: Ramos sắp tái vận động tranh cử đúng không?”

Ngay cả việc xác nhận những chỉ trích như thế cũng có thể khiến ta phải về hưu sớm. Hoặc chẳng có chế độ hưu luôn. Marlow không nói gì.

“Vậy thì…?”

“Tóm lại nhé?” Môi Marlow mím chặt. “Tôi rất tiếc, sĩ quan.

Cô đã bị loại. Ramos đã chiếu tướng cô. Phát hiện kì thi trung sĩ của cô. Anh ta đã giật dây. Anh ta đã đánh trượt cô.”

“Anh ta làm gì?”

“Đánh trượt. Anh ta đã nói chuyện với các sĩ quan chấm thi.”

“Tôi có điểm thi cao thứ ba trong lịch sử của sở,” cô nói, cười cay đắng. “Phải thế không?”

“Phải, trong bài thi trắc nghiệm và vấn đáp. Nhưng cô cần phải qua cả bài thi sát hạch nữa.”

“Tôi đã làm tốt.”

“Kết quả ban đầu thì tốt. Nhưng trong báo cáo cuối cùng, cô bị trượt.”

“Không thể nào. Chuyện gì đã xảy ra?”

“Một trong những sĩ quan chấm điểm không cho cô qua.”

“Không cho tôi qua? Nhưng tôi…” Giọng cô tắt dần khi cônhớ lại tay cảnh sát đẹp trai với khẩu súng ngắn bước ra từ đằng sau thùng rác. Người đàn ông mà cô đã từ chối.

Pằng, pằng…

Viên đại úy đọc một tờ giấy, “Anh ta nói cô đã không, trích dẫn này, ‘thể hiện sự tôn trọng phù hợp với những người ở vị trí cấp trên. Và cô cho thấy hành vi thiếu tôn trọng với những người ngang hàng, dẫn tới những tình huống có thể gây nguy hiểm’.”

“Vậy là Ramos đã tìm ra người sẵn sàng hạ tôi và mớm cho anh ta những dòng này. Tôi xin lỗi, đại úy, nhưng ông thật sự nghĩ rằng một cảnh sát đường phố sẽ ăn nói vậy sao? ‘Những tình huống có thể gây nguy hiểm’? Thôi nào.”

Chà, cha ơi, cô nghĩ tới cha mình, làm sao nuốt trôi chuyện này chứ? Cô thấy đau lòng.

Rồi cô cẩn trọng nhìn Marlow. “Còn gì nữa không, sếp? Còn chuyện gì đó nữa, đúng không?”

Cho sự công nhận của ông, ông đã nhìn thẳng vào mắt cô và nói, “Phải, sĩ quan. Còn nữa. Còn tệ hơn, tôi e là thế.”

Hãy nghe xem chính xác còn gì có thể tệ hơn nữa nào, cha ơi.

“Ramos đang tìm cách đình chỉ cô.”

“Đình chỉ. Vớ vẩn.”

“Anh ta muốn mở một cuộc điều tra.”

“Thằng…” Từ “đểu” chưa nói ra thì cô thấy ánh mắt của Marlow nhắc cô rằng chính thái độ này đã khiến cô gặp rắc rối ngay từ đầu.

Ông nói thêm, “Tôi phải nói với cô rằng ông ta cũng tức giận đến mức… Anh ta muốn đình chỉ không lương.”

Hình phạt này thường chỉ dành cho các cảnh sát bị cáo buộc phạm tội hình sự.

"Tại sao?"

Marlow không trả lời. Nhưng ông không cần trả lời, tất nhiên. Sachs biết: để củng cố uy tín nên Ramos phải thể hiện rằng con bé đã dám nói hắn "hết giờ chơi rồi," đã làm hắn mất mặt phải bị trừng phạt ra trò.

Và lý do khác nữa là hắn ta là một thằng đểu. "Lý do là gì?"

"Bất tuân lệnh, thiếu năng lực."

"Tôi không để mất phù hiệu được, sếp." Cô gắng để không có vẻ tuyệt vọng.

"Tôi không thể làm gì với việc bài thi của cô bị đánh trượt, Amelia. Việc đó là của hội đồng và họ đã quyết định rồi. Nhưng tôi sẽ đấu tranh chống lệnh đình chỉ. Tuy nhiên, tôi không thể hứa bất cứ điều gì. Ramos nhiều quan hệ. Khắp thành phố."

Cô đưa tay lên đầu. Cô gãi tới khi cảm thấy đau đớn. Cô hạ tay xuống, cảm thấy đã rớm máu. "Tôi nói cho ra lẽ nhé, sếp?"

Marlow thu mình lại một chút trên ghế của ông. "Chúa ơi, sĩ quan, tất nhiên rồi. Cô phải biết là tôi thấy chuyện này rất tệ. Nói bất cứ điều gì cô muốn. Và cô không phải ngồi nghiêm như vậy. Chúng ta không ở trong quân đội, cô biết đấy."

Sachs hắng giọng. "Nếu anh ta định đình chỉ tôi, thưa sếp, tôi sẽ gọi cho một luật sư của Công đoàn Cảnh sát. Tôi sẽ làm rõ trắng đen chuyện này. Tôi sẽ làm tới cùng."

Và cô sẽ làm thế. Dù cô biết các cảnh sát không cấp bậc kiện cáo chống lại sự phân biệt đối xử hay án đình chỉ qua Hiệp hội Công đoàn Cảnh sát sẽ bị cho vào danh sách đen không chính thức. Rất nhiều người trong số họ phải chứng kiến sự nghiệp của mình chệch hướng kể cả dù họ giành được thắng lợi khi kiện tụng.

Marlow nhìn thẳng vào mắt cô khi ông nói, "Đã hiểu, sĩ quan."

Vậy là đã tới thời khắc chiến đấu.

Đó là cách cha cô vẫn nói. Về việc làm cảnh sát.

Amie, con phải hiểu: đôi khi đó là một cuộc chạy đua, đôi lúc con tạo

ra sự khác biệt, có lúc mọi việc thật chán ngán. Và đôi khi, không quá thường xuyên, cảm ơn Chúa, sẽ tới lúc phải chiến đấu. Nắm đấm chọi nhau với nắm đấm. Con sẽ chỉ có một mình, không ai giúp con đâu. Và ý ta là không chỉ đối với đám tội phạm. Đôi khi con phải chống lại sếp của mình. Đôi khi chống lại cả đám sếp sòng của bọn chúng. Có thể con phải chống lại bạn bè mình nữa. Con làm cảnh sát, con phải sẵn sàng làm chuyện đó một mình. Không có cách gì để tránh được.

"Hiện giờ thì cô vẫn làm việc bình thường."

"Vâng, thưa sếp. Khi nào thì tôi sẽ được biết?"

"Một hoặc hai ngày nữa."

Cô đi ra cửa.

Cô dừng lại, quay lưng. "Thưa sếp?"

Marlow ngước nhìn lên như thể ông ngạc nhiên vì cô vẫn còn ở đây.

"Ramos đã ở giữa hiện trường của tôi. Nếu là sếp ở đó, hay ngài thị trưởng, hay thậm chí tổng thống, tôi vẫn sẽ làm như vậy."

"Đó là lý do tại sao cô là con gái cha cô, sĩ quan, và là lý do tại sao ông ấy sẽ thấy tự hào về cô." Marlow nhấc điện thoại của ông lên. "Chúng ta sẽ hy vọng vào điều tốt đẹp nhất."

Chương năm mươi

Thom để Lon Sellitto vào trong hành lang, nơi Lincoln Rhyme đang ngồi trên chiếc ghế màu đỏ sẫm của anh, càu nhàu với những công nhân xây dựng bắt họ phải chú ý những đồ đạc bằng gỗ khi đẩy những thứ bỏ đi xuống dưới lầu từ việc sửa chữa căn phòng ngủ đã bị hủy hoại bởi trận hỏa hoạn.

Đi ngang qua chỗ anh tới nhà bếp để chuẩn bị bữa trưa, Thom càu nhàu lại, "Để họ yên, Lincoln. Anh thì quan tâm gì tới việc làm mộc chứ."

"Đó là vấn đề nguyên tắc," nhà tội phạm học căng thẳng đáp. "Đó là đồ gỗ của tôi và sự lóng ngóng của họ."

"Anh ấy luôn thế này khi một vụ án đã xong," tay trợ lý nói với Sellitto. "Anh có vụ cướp của hay giết người nào thật khó nhằn cho anh ấy không? Để trấn an anh ấy?"

"Tôi không cần được trấn an," Rhyme độp lại khi tay trợ lý biến mất. "Tôi chỉ cần người ta thận trọng với những bức tường!"

Sellitto nói, "Này, Linc. Chúng ta phải nói chuyện."

Nhà tội phạm học để ý tông giọng và nhìn vào mắt Sellitto. Họ đã làm việc cùng nhau nhiều năm và anh có thể đọc vị từng cảm xúc mà anh ta bộc lộ, nhất là khi đang khó chịu. Chuyện gì nhỉ? Anh tự nhủ.

"Vừa mới nghe từ trưởng bộ phận tuần tra. Là về Amelia." Sellitto hắng giọng.

Trái tim Rhyme rõ ràng là đang đập nhanh hơn trong lồng ngực. Tất nhiên, anh chẳng bao giờ cảm thấy điều đó, dù anh quả thực có cảm thấy máu dồn lên cổ, đầu và mặt.

Anh nghĩ: Một viên đạn, một vụ tai nạn xe hơi. Anh nói đều đều bằng giọng trầm, "Tiếp đi."

"Cô ấy trượt rồi. Kỳ thi lên trung sĩ."

"Cái gì?"

"Ừ."

Sự nhẹ nhõm vừa mới đó của Rhyme ngay lập tức biến thành nỗi sầu muộn dành cho cô.

Viên thanh tra nói tiếp, "Chưa phải chính thức. Nhưng tôi đã biết chuyện."

"Anh nghe được ở đâu?"

"Bộ đàm của cảnh sát. Thằng chó chết nào đó. Tôi không biết. Sachs là một ngôi sao. Khi những chuyện kiểu này xảy ra thì chuyện sẽ lan nhanh."

"Điểm thi của cô ấy thế nào?"

"Bất chấp điểm của cô ấy trong kỳ thi."

Rhyme đẩy xe lăn vào phòng thí nghiệm. Viên thanh tra, hôm nay có vẻ đặc biệt cau có, đi theo.

Nguyên do hóa ra là hoàn toàn tại Sachs. Cô đã lệnh cho ai đó ra khỏi một hiện trường vụ án đang điều tra, và khi hắn ta không chịu đi, đã còng tay hắn.

"Thật tệ cho cô ấy, gã đó hóa ra là Victor Ramos."

"Tay nghị sĩ." Lincoln Rhyme gần như không quan tâm tới chính quyền địa phương, nhưng anh biết Ramos: chính trị gia cơ hội, đã bỏ bằng các cử tri Latinh nói tiếng Tây Ban Nha ở khu Harlem tới gần đây, giờ thì điều kiện chính trị của hắn thích hợp – và quy mô của đội ngũ cử tri – có nghĩa là hắn có thể tranh giành vị trí ở Albany hay một suất ở Washington.

"Bọn họ có thể đánh trượt cô ấy không?"

"Thôi nào, Linc, bọn chúng có thể làm bất cứ điều gì chúng muốn. Chúng thậm chí còn nói tới việc đình chỉ."

"Cô ấy có thể đấu tranh. Cô ấy sẽ đấu tranh."

“Và anh có biết chuyện gì xảy ra với cảnh sát tuần tra đối đầu với cấp trên không. Khả năng là, thậm chí nếu cô ấy thắng, họ sẽ đẩy cô ấy sang Đông New York. Trời, thậm chí còn tệ hơn, họ sẽ đẩy cô vào một công việc bàn giấy ở Đông New York.”

“Chó đẻ,” nhà tội phạm học quát.

Sellitto bước quanh phòng, qua những sợi dây cáp và liếc nhìn vào mấy tấm bảng trắng ghi thông tin vụ Gã phù thủy. Viên thanh tra ngồi xuống một chiếc ghế mà nó kẽo kẹt vì sức nặng của anh. Anh xoa tay vào đám mỡ quanh eo mình; vụ Gã phù thủy đã làm chệch hướng thói quen ăn uống của anh một cách nghiêm trọng. “Có một việc,” anh nhẹ giọng, có mùi âm mưu trong đó.

“Hả?”

“Có một người mà tôi quen. Anh ta là người đã dọn dẹp khu Mười Tám.”

“Lúc mà tất cả ma túy và thuốc lắc biến mất ở tủ bằng chứng à? Vài năm trước phải không?”

“Phải. Là vụ đó đó. Anh ta có quan hệ khắp tổng hành dinh. Thành viên hội đồng sẽ nghe anh ta và anh ta sẽ nghe tôi. Anh ta nợ tôi.” Rồi thanh tra vẫy tay về phía những tấm bảng có bằng chứng vụ Gã phù thủy. “Và, chó đẻ thật, hãy xem những gì chúng ta vừa làm kìa. Chúng ta đã tóm được một gã đáng tởm làm sao. Để tôi gọi cho anh ta. Giật dây một chút cho cô ấy xem sao.”

Và đôi mắt Rhyme cũng nhìn vào những bảng biểu, rồi vào thiết bị, bàn làm việc, những cuốn sách – tất cả được dành cho sự nghiên cứu phân tích bằng chứng mà Sachs đã gỡ ra hoặc lấy được từ những hiện trường vụ án trong vài năm họ ở cùng nhau. “Tôi không biết nữa,” anh nói.

“Có vấn đề gì?”

“Nếu cô ấy lên trung sĩ theo cách đó, chà, cô ấy sẽ không tự làm được điều đó.”

Viên thanh tra đáp, “Anh biết việc thăng chức này có ý nghĩa thế nào với cô ấy mà, Linc.”

Phải, anh biết.

“Thế này, tất cả những gì chúng ta làm là chơi theo luật của

Ramos. Hắn ta muốn hạ gục ta thì chúng ta cũng thế. Anh biết đấy, biến nó thành một cuộc chơi." Sellitto thích ý tưởng của mình. Anh ta nói thêm, "Amelia sẽ không bao giờ biết. Tôi sẽ nói với người của tôi giấu nhẹm mọi thứ. Anh ấy sẽ làm thế."

Anh biết việc thăng chức này có ý nghĩa thế nào với cô ấy mà…

"Vậy anh nghĩ sao?" Viên thanh tra hỏi.

Rhyme không nói gì trong một lát, tìm kiếm lời đáp trong những thiết bị pháp y câm lặng quanh mình, rồi trong đám mây mù màu xanh lá của những bụi cây mùa xuân tươi tốt trong công viên Trung Tâm.

Những vết trầy trên gỗ đã được làm nhẵn và mọi dấu vết của trận hỏa hoạn trong phòng ngủ đã "biến mất", như Thom nói, khá là khéo léo, Rhyme nghĩ. Mùi khói vẫn còn rất nồng, nhưng điều đó khiến Lincoln Rhyme nghĩ tới scotch ngon nên không vấn đề gì.

Bây giờ, nửa đêm, căn phòng tối om, Rhyme nằm trên chiếc giường Flexicair của mình, nhìn chằm chằm ra cửa sổ. Bên ngoài là cử động chao đảo khi một con chim cắt, một trong những tạo vật duyên dáng nhất của Tạo hóa, đậu lên trên mỏm đá. Phụ thuộc vào ánh sáng, và mức độ cảnh giác của nó, những con chim có vẻ nhỏ lại hoặc to lên. Tối nay chúng có vẻ to hơn trong ánh sáng ban ngày, hình dáng của chúng thật ngoạn mục. Đầy đe dọa nữa; chúng không bằng lòng với những tiếng ồn phát ra từ Cirque Fantastique trong công viên Trung Tâm.

Chà, Rhyme cũng chẳng vui gì với chuyện đó. Anh chợp mắt độ mười phút trước để rồi bị đánh thức bởi tiếng vỗ tay thật lớn từ khu lều.

"Họ lẽ ra phải có lệnh giới nghiêm với thứ đó," Rhyme càu nhàu với Sachs, đang nằm cạnh anh trên giường.

"Em có thể bắn hỏng máy phát điện của họ," cô đáp, giọng cô thật trong trẻo. Cô có vẻ chưa hề ngủ chút nào. Đầu cô trên chiếc gối cạnh gối của anh, môi chạm vào cổ anh, và anh cảm thấy hơi nhột vì tóc cô và làn da mịn màng, mát lạnh của cô. Ngực cô cũng tựa vào ngực anh, eo đè vào hông anh, chân gác lên chân anh. Anh biết điều đó chỉ nhờ nhìn thấy, tất nhiên; không có cảm giác gì của việc động chạm. Dẫu vậy anh vẫn hoàn toàn thích thú với sự gần gũi đó.

Sachs luôn tuân thủ quy tắc nghiêm ngặt của Rhyme là những

người kiểm tra hiện trường không xức nước hoa vì họ có thể bỏ lỡ bằng chứng dạng mùi ở hiện trường vụ án. Nhưng lúc này cô đang không làm việc và anh nhận ra trên da cô một thứ mùi dễ chịu, một hỗn hợp phức tạp, mà anh suy luận là hương nhài, dành dành và dầu máy tổng hợp.

Chỉ có hai người họ trong căn hộ. Họ đã cho Thom đi xem phim với bạn cậu ta, Peter, và dành cả tối xem mấy CD mới, ăn nửa lạng trứng cá Sevruga, bánh quy Ritz, và rất nhiều rượu Moët, bất chấp những khó khăn của việc uống sâm panh bằng ống hút. Giờ thì trong bóng tối, anh đang nghĩ về âm nhạc, về việc một hệ thống thuần cơ khí của tông điệu và quãng lặng lại có thể bao trọn lấy ta trọn vẹn như thế nào. Nó khiến anh thấy phấn khích. Càng nghĩ về nó, anh càng cho rằng vấn đề này dường như không bí ẩn tới mức đó. Rốt cuộc, âm nhạc đã ăn sâu bén rễ trong thế giới của anh: khoa học, lô-gíc và toán học.

Một người sẽ viết một giai điệu như thế nào? Nếu những bài tập vật lý trị liệu mà bây giờ anh đang thực hiện có tác động nào đó… có khi nào anh thực sự có thể nhấn tay mình lên phím đàn không? Khi anh nghĩ ngợi về điều này, anh để ý thấy Sachs đang nhìn vào khuôn mặt anh trong ánh sáng mờ ảo. “Anh nghe về kỳ thi thăng cấp trung sĩ chưa?” Cô hỏi.

Anh lưỡng lự một chút. Rồi đáp: “Có.” Anh đã cẩn thận né tránh chuyện đó cả buổi tối; khi nào Sachs thấy sẵn sàng chia sẻ thì cô ấy sẽ nói. Cho tới lúc ấy thì đề tài đó không tồn tại.

“Anh biết chuyện gì đã xảy ra chứ?” Cô hỏi.

“Không chi tiết lắm. Anh cho rằng nó rơi vào thể loại quan chức chính quyền băng hoại, vị kỷ đối đầu với một cảnh sát hiện trường vụ án anh hùng làm việc quá sức. Đại loại thế?”

Một tiếng cười lớn. “Đúng rồi.”

“Anh từng trải qua chuyện đó mà, Sachs.”

Tiếng nhạc từ gánh xiếc tiếp tục bập bùng, gây ra phản hồi lẫn lộn. Không hiểu sao ta cảm thấy tức giận khi nó xâm nhập vào không gian của ta, nhưng ta không cưỡng lại được sự thích thú với từng nhịp điệu.

Rồi cô hỏi, “Lon có nói với anh về việc chạy chọt cho em không? Gọi điện cho tòa thị chính ấy?”

Amelia sẽ không bao giờ biết. Tôi sẽ nói với người của tôi giữ kín…

Anh cười khúc khích. “Anh ấy có nói, quả thế. Em biết Lon mà.”

Tiếng nhạc dừng lại. Rồi tiếng vỗ tay tràn ngập màn đêm. Âm thanh nhạt nhòa nhưng kích thích ngay sau đó của người dẫn chương trình.

Cô nói, “Em nghe nói là anh ấy có thể thu xếp mọi thứ. Qua mặt Ramos.”

“Có lẽ thế. Anh ấy quen biết rộng.”

Sachs hỏi, “Và anh nói sao?”

“Em nghĩ sao?”

“Em đang hỏi mà.”

Rhyme nói, “Anh từ chối. Anh sẽ không để anh ấy làm thế.”

“Anh từ chối ư?”

“Không. Anh nói với anh ấy là em sẽ tự thăng tiến hoặc là không gì cả.”

“Chết tiệt,” cô thì thầm.

Anh nhìn xuống cô, thoáng hoảng hốt. Phải chăng anh đã đánh giá sai về cô?

“Em giận Lon bởi thậm chí anh ấy từng nghĩ tới chuyện đó.” “Anh ấy có ý tốt thôi.”

Anh tin rằng đôi tay cô vòng qua ngực anh đang siết chặt hơn. “Những gì anh nói với anh ấy, Rhyme, có ý nghĩa với em hơn bất cứ điều gì.”

“Anh biết.”

“Mọi chuyện có thể trở nên tồi tệ. Ramos muốn em bị đình chỉ. Mười hai tháng, không lương. Em không biết mình sẽ làm gì nữa.”

“Em sẽ đi tư vấn. Cùng với anh.”

“Một thường dân không thể kiểm tra hiện trường, Rhyme. Nếu em phải ngồi một chỗ, em sẽ phát điên.”

Khi ta di chuyển họ không thể bắt được ta…

"Chúng ta sẽ vượt qua chuyện này."

"Yêu anh," cô thì thầm. Lời đáp của anh là hít sâu vào mùi hương hoa và dầu máy Quaker State của cô và nói với cô rằng anh cũng yêu cô.

"Ôi trời, chói quá." Cô nhìn ra cửa sổ, đang sáng bừng lên vì ánh sáng đèn chiếu từ rạp xiếc. "Màn cửa đâu rồi?"

"Cháy rồi, em không nhớ sao?"

"Em tưởng Thom đã mua cái mới."

"Cậu ấy định treo lên nhưng lại càm ràm nhiều quá. Đo đạc rồi đủ thứ. Anh đã xua cậu ấy đi và nói cậu ấy làm việc đó sau."

Sachs ra khỏi giường và tìm thấy một miếng ga giường không dùng rồi phủ nó lên cửa sổ, ngăn gần hết ánh sáng lại. Cô trở lại giường, cuộn người vào người anh và nhanh chóng thiếp đi.

Nhưng Lincoln Rhyme thì không. Trong lúc nằm đó nghe nhạc và giọng nói bí hiểm của người dẫn chương trình, vài ý tưởng bắt đầu hình thành trong đầu anh và cơ hội để ngủ được đến rồi đi. Rất nhanh chóng, anh đã hoàn toàn tỉnh táo, trôi dạt trong những suy nghĩ của mình.

Những suy nghĩ, không có gì ngạc nhiên, về rạp xiếc.

***

Gần trưa hôm sau, Thom bước vào phòng ngủ và thấy Rhyme có một vị khách.

"Xin chào," anh nói với Jaynene Williams, đang ngồi trên một trong những chiếc ghế mới cạnh giường của anh.

"Thom." Cô bắt tay anh.

Người trợ lý, vừa đi mua sắm về, rõ ràng là ngạc nhiên khi thấy có người ở đây. Nhờ chiếc máy tính, các thiết bị điều khiển môi trường và máy quay an ninh, tất nhiên là Rhyme hoàn toàn có thể gọi cho ai đó, mời họ tới và cho họ vào nhà khi họ tới.

"Không cần phải tỏ vẻ sốc như thế," Rhyme châm chọc. "Tôi từng mời nhiều người tới đây, anh biết mà."

“Chuyện lạ chưa từng thấy.”

“Có thể tôi sẽ thuê Jaynene để thay anh.”

“Sao anh không thuê cả chị ấy và tôi? Với hai người, chúng tôi có thể chia sẻ việc bị anh hành hạ.” Thom mỉm cười với Jaynene. “Tuy nhiên, tôi sẽ không làm thế với chị.”

“Tôi từng xử lý những chuyện tệ hơn.”

“Chị thích cà phê hay trà?”

Rhyme nói, “Xin lỗi. Phép lịch sự của tôi đâu rồi chứ? Lẽ ra giờ này nước phải sôi rồi.”

“Cà phê được rồi.”

“Cho tôi scotch,” Rhyme nói. Khi Thom liếc nhìn đồng hồ, nhà tội phạm học bổ sung, “Một ly nhỏ thôi vì mục đích y học.”

“Cà phê hết,” tay trợ lý nói và biến mất.

Sau khi cậu ta đã đi khỏi, Rhyme và Jaynene chuyện trò về những bệnh nhân bị thương tổn xương sống và các bài tập và lúc này anh đang tập một cách điên cuồng. Rồi, vẫn thiếu kiên nhẫn như thường lệ, Rhyme cho rằng anh đã đóng vai vị chủ nhà lịch sự đủ lâu rồi và hạ giọng nói, “Có một vấn đề khiến tôi phiền lòng. Tôi nghĩ chị có thể giúp. Tôi hy vọng chị giúp được.”

Cô nhìn anh cảnh giác. “Có thể.”

“Chị đóng cửa lại được không?”

Người phụ nữ phốp pháp liếc nhìn cửa, đứng lên và rồi làm như anh nói. Cô trở lại ghế của mình.

“Chị biết Kara bao lâu rồi?” Anh hỏi.

“Kara hả? Hơn một năm. Kể từ khi mẹ cô ấy tới Stuyvesant.”

“Đó là một nơi đắt đỏ, đúng không?”

“Cắt cổ,” Jaynene nói. “Họ thu phí cao khủng khiếp. Nhưng tất cả những nơi như chỗ chúng tôi thì mức phí cũng khá tương đương nhau.”

“Mẹ cô ấy có bảo hiểm không?”

"Chỉ có Medicare[93]. Phần lớn là Kara phải tự trả." Chị nói thêm, "Gắng hết sức luôn. Cô ấy hiện giờ ổn, nhưng cũng nhiều lần không trả kịp."

Rhyme chậm rãi gật đầu. "Tôi sẽ hỏi chị một câu hỏi nữa. Hãy suy nghĩ trước khi chị trả lời. Và chị phải hoàn toàn trung thực."

"Chà," người y tá nói vẻ mông lung, nhìn xuống sàn nhà mới được đánh véc-ni lại. "Tôi sẽ cố hết sức."

***

Chiều hôm đó Roland Bell có mặt tại phòng khách của Rhyme. Trong tiếng nhạc jazz chơi bằng dương cầm lôi cuốn của Dave Brubeck[94], họ nói chuyện về bằng chứng trong vụ Andrew Constable.

Charles Grady và đích thân tổng chưởng lý bang đã quyết định hoãn vụ xét xử hắn để đưa ra thêm các cáo buộc nhằm vào kẻ cuồng tín đó – cố sát với luật sư của chính hắn, âm mưu giết người và giết đồng phạm. Đó sẽ là một vụ không dễ – kết nối Constable với Barnes và những kẻ cùng âm mưu khác trong Hội Ái quốc – nhưng nếu có người kết tội được hắn, thì đó sẽ là Grady. Anh cũng sẽ theo đuổi án tử hình với Arthur Loesser vì vụ giết cảnh sát tuần tra Larry Burke, thi thể đã được tìm thấy trong một ngõ hẻm ở khu Upper West Side. Lon Sellitto đã có mặt tại lễ tang trọng thể của viên cảnh sát ở Queens.

Amelia Sachs giờ đang đi qua cửa, rã rời sau cuộc gặp cả ngày với các luật sư theo sắp xếp của Hội Công đoàn Cảnh sát về khả năng cô bị đình chỉ. Lẽ ra cô phải về từ mấy tiếng trước rồi, nhìn mặt cô, Rhyme suy đoán rằng kết quả cuộc gặp không tốt.

---

[93] Chương trình bảo hiểm y tế quốc gia tại Hoa Kỳ, cung cấp bảo hiểm y tế cho người Mỹ từ 65 tuổi trở lên, người trẻ tuổi bị khuyết tật được xác nhận bởi Sở An sinh Xã hội, người mắc bệnh thận giai đoạn cuối và người bệnh xơ cứng teo cơ một bên. Trung bình, Medicare chi trả một nửa chi phí chăm sóc sức khoẻ cho những người tham gia.

[94] Dave Brubeck (1920 - 2012), nghệ sĩ piano và nhà soạn nhạc jazz có ảnh hưởng người Mỹ.

Bản thân anh có một số tin tức mới – về cuộc gặp của anh với Jaynene và những gì xảy ra sau đó – và đã cố gắng liên lạc với cô nhưng không được. Tuy nhiên, hiện giờ không có thời gian để cho

cô biết vì một vị khách khác xuất hiện.

Thom đưa Edward Kadesky vào trong phòng.

"Anh Rhyme," ông nói, gật đầu. Ông đã quên tên Sachs nhưng vẫn gật đầu cái nữa để chào cô. Ông bắt tay Roland Bell. "Tôi đã nhận được tin nhắn của anh, nói là vụ này còn chuyện gì đó nữa."

Rhyme gật đầu. "Sáng nay, tôi đào xới một chút, xem xét một số đầu mối lỏng lẻo."

"Đầu mối lỏng lẻo nào?" Sachs hỏi.

"Những đầu mối mà anh không biết là lỏng lẻo. Những đầu mối lỏng lẻo chưa được biết."

Cô nhíu mày. Nhà sản xuất cũng tỏ vẻ khó chịu. "Trợ lý của Weir – Loesser. Gã không trốn thoát đấy chứ?"

"Không, không. Gã vẫn đang bị giam giữ."

Chuông cửa reo. Thom biến mất và một lát sau Kara bước qua cửa vào trong phòng. Cô nhìn quanh, vò mái tóc ngắn của cô, vốn đã mất đi màu tím óng ánh và giờ chuyển sang hoe hoe như màu tàn nhang. "Chào," cô nói với cả nhóm, chớp mắt ngạc nhiên khi cô thấy Kadesky.

"Tôi lấy cho mọi người thứ gì đấy nhé?" Thom hỏi.

"Có lẽ anh nên để chúng tôi ở đây một lát, Thom. Cảm ơn." Người trợ lý liếc nhìn Rhyme và nghe thấy âm điệu cứng rắn, khó chịu trong giọng nói của anh, gật đầu và rời căn phòng. Nhà tội phạm học nói với Kara, "Cảm ơn vì đã ghé qua. Chỉ là tôi cần hỏi thêm một vài điều về vụ này."

"Chắc chắn rồi," cô nói.

Những đầu mối lỏng lẻo…

Rhyme giải thích, "Tôi muốn biết thêm một vài chi tiết về buổi tối mà Gã phù thủy lái chiếc xe cấp cứu chở bom tới rạp xiếc."

Cô gái trẻ gật đầu, những móng tay màu đen cọ cọ vào nhau. "Bất kỳ điều gì tôi có thể giúp đỡ, tôi rất sẵn lòng."

"Buổi diễn theo lịch sẽ bắt đầu lúc tám giờ, đúng không?" Rhyme hỏi Kadesky.

“Đúng.”

“Ông chưa trở lại sau bữa tối và cuộc phỏng vấn với đài phát thanh khi Loesser đậu chiếc xe cứu thương ở lối vào đúng không?”

“Không, tôi chưa về.”

Rhyme quay sang Kara. “Nhưng cô có ở đó?”

“Phải. Tôi thấy chiếc xe cứu thương chạy vào. Tôi không nghĩ gì về nó lúc đó.”

“Chính xác thì Loesser đậu nó ở đâu?”

“Nó ở dưới mấy chỗ ngồi được chống bằng giàn giáo,” cô nói.

“Không phải dưới những ghế đắt tiền ư?” Rhyme hỏi Kadesky. “Không,” người đàn ông nói.

“Vậy là nó ở gần lối thoát hiểm chính, nơi mà hầu hết mọi người sẽ sơ tán.”

“Phải.”

Bell hỏi, “Lincoln, ý anh là sao?”

“Ý tôi là Loesser đậu chiếc xe cứu thương sao cho nó gây ra tổn hại lớn nhất nhưng vẫn cho một số người ở chỗ ghế vé rẻ cơ hội trốn thoát. Làm sao gã biết chính xác phải đậu xe ở đâu?”

“Tôi không biết,” nhà sản xuất đáp. “Có lẽ gã đã kiểm tra trước và thấy đó là địa điểm tốt nhất. Ý tôi là, tốt nhất theo quan điểm của hắn. Và tồi tệ nhất cho chúng ta.”

“Gã có thể đã kiểm tra trước đó,” Rhyme nói. “Nhưng gã sẽ không muốn bị bắt gặp khi đi thám thính quanh rạp xiếc – bởi chúng ta có cảnh sát trực ở đó.”

“Đúng.”

“Vậy là có khả năng một ai đó ‘bên trong’ cho gã biết nên đậu xe ở đó?”

“Bên trong sao?” Kadesky hỏi, nhíu mày. “Ý anh là có người đã giúp hắn hả? Không, người của tôi không làm thế.”

“Rhyme,” Sachs nói, “ý anh là gì?”

Anh phớt lờ cô và lại quay sang Kara. “Tôi yêu cầu cô tới lều tìm ông Kadesky vào lúc nào nhỉ?”

“Tôi cho là khoảng bảy giờ mười lăm.”

“Và cô ở khu vực ghế vé rẻ đúng không?” Cô gật đầu và anh nói tiếp, “Gần hàng ghế chỗ lối thoát hiểm đúng không?”

Cô gái nhìn quanh căn phòng một cách lúng túng. “Tôi nghĩ vậy. Phải, đúng thế.” Cô nhìn Sachs. “Tại sao anh ấy lại hỏi tôi tất cả những chuyện này? Có chuyện gì xảy ra vậy?”

Rhyme trả lời, “Tôi hỏi vì tôi nhớ một điều mà cô đã nói với chúng tôi, Kara. Về những người tham gia vào một màn diễn của nhà ảo thuật. Có trợ thủ – người mà chúng ta biết là đang làm việc với ảo thuật gia. Rồi có tình nguyện viên từ phía khán giả. Rồi còn người khác nữa: những tay trong. Đó là những người thực sự hợp tác với ảo thuật gia nhưng có vẻ như không liên quan gì tới ông ta. Họ giả vờ là người dựng cảnh hay tình nguyện viên.”

Kadesky nói, “Không sai, nhiều ảo thuật gia sử dụng các tay trong.”

Rhyme quay sang Kara và nói sắc lẻm, “Cũng là vai mà cô đã đóng từ đầu tới cuối, đúng không?”

“Chuyện gì vậy?” Bell hỏi, giọng nói lè nhè của anh rõ hơn khi ngạc nhiên.

Cô gái trẻ thở gấp, lắc đầu.

“Cô ta đã hợp tác với Loesser ngay từ đầu,” Rhyme nói với Sachs.

“Không!” Kadesky nói. “Cô ấy ư?”

Rhyme nói tiếp, “Cô ta rất cần tiền và Loesser đã trả cô ta năm mươi nghìn để giúp gã.”

Tuyệt vọng, Kara nói, “Nhưng Loesser và tôi chưa từng gặp nhau trước hôm nay!”

“Cô không cần gặp trực tiếp gã. Balzac là người trung gian. Ông ta cũng tham gia.”

“Kara?” Sachs thì thầm. “Không. Em không tin. Cô ấy sẽ không làm thế!”

“Phải không? Em biết gì về cô ta? Thậm chí em có biết tên thật của cô ta không?”

“Em…” Đôi mắt phiền muộn của Sachs hướng về phía cô gái trẻ. “Không,” cô thì thầm. “Cô ấy chưa bao giờ nói với em.”

Cô gái trẻ đẫm nước mắt lắc đầu. Cuối cùng, cô nói, “Amelia, tôi xin lỗi… Nhưng cô không hiểu đâu… Ông Balzac và Weir là bạn bè. Họ trình diễn với nhau nhiều năm và ông ấy rất buồn khi Weir chết trong vụ hỏa hoạn. Loesser nói với ông Balzac những gì gã sẽ làm và họ buộc tôi phải giúp gã. Nhưng các vị phải tin tôi, tôi không biết là họ sẽ làm hại người khác. Ông Balzac nói đó chỉ là một vụ tống tiền – để trả thù ông Kadesky. Tới lúc tôi nhận ra Loesser giết người thì đã quá muộn. Họ nói nếu tôi không tiếp tục giúp gã, gã sẽ khai tôi với cảnh sát. Tôi sẽ ở tù mãi mãi. Cả ông Balzac nữa…” Cô lau mặt. “Tôi không thể làm thế với ông ấy.”

“Với người thầy đáng kính của cô,” Rhyme nói cay nghiệt.

Với vẻ hoảng loạn trong đôi mắt xanh thông minh của cô, cô gái trẻ lao qua Sachs và Kadesky rồi nhảy ra cửa.

“Chặn cô ta lại, Roland!” Rhyme hét.

Bell chạy thật nhanh và lao vào cô gái. Họ đổ xuống góc phòng. Cô rất khỏe, nhưng Bell đã xoay xở còng tay cô lại. Anh ta đứng lên, thở dốc và lôi chiếc bộ đàm Motorola ra khỏi thắt lưng, gọi cho một chiếc xe chuyển tù nhân ở Trung tâm Giam giữ.

Anh cất bộ đàm với vẻ ghê tởm và đọc các quyền cho Kara.

Rhyme thở dài. “Anh đã cố nói trước với em, Sachs. Anh không thể liên lạc được qua điện thoại. Anh ước rằng đây là sai sót. Nhưng thế đấy. Cô ta và Balzac hợp tác với Loesser từ đầu tới cuối. Họ lừa bịp chúng ta như thể chúng ta là khán giả của họ.”

Chương năm mươi mốt

Thì thầm, nữ cảnh sát nói, "Chỉ là… Em không hiểu cô ấy làm như thế nào."

Rhyme nói với Bell, "Cô ấy bóp méo chứng cứ, nói dối chúng ta, cài cắm những đầu mối giả… Roland, hãy quay qua những tấm bảng đi. Tôi sẽ cho anh xem."

"Kara cài cắm bằng chứng sao?" Sachs hỏi sửng sốt.

"À, chắc chắn là thế. Và cô ấy còn làm rất giỏi nữa, từ hiện trường đầu tiên, thậm chí là trước khi em tìm ra cô ta. Em nói với anh rằng cô ta ra hiệu cho em tới gặp cô ta trong tiệm cà phê. Họ đã dàn dựng chuyện đó từ đầu."

Bell đang ở chỗ những tấm bảng trắng và lúc anh chỉ vào các bằng chứng trên đó, Rhyme giải thích Kara đã lừa gạt họ thế nào.

Một lát sau Thom gọi vào, "Có một cảnh sát ở đây."

"Cho vào đi," Rhyme nói.

Một nữ cảnh sát đi qua cửa và đến chỗ Sachs, Bell và Kadesky, quan sát họ qua cặp kính sành điệu với vẻ tò mò trên mặt. Cô gật đầu với Rhyme và hỏi Bell bằng giọng Tây Ban Nha, "Anh đã gọi xe chở tù nhân phải không, thanh tra?"

Bell hất đầu về phía góc phòng. "Cô ta ở kia. Tôi đã đọc quyền Miranda[95] rồi."

---

[95] "Mirandized", là việc các nhân viên chấp pháp ở Mỹ khi bắt người phải đọc rõ ràng và đảm bảo rằng người bị bắt hiểu được các quyền của mình. Nguyên văn của các quyền Miranda: "Anh/chị có quyền giữ im lặng và từ chối trả lời câu hỏi. Bất cứ điều gì anh/chị nói có thể sẽ được dùng để chống lại anh/chị trước tòa. Anh/ chị có quyền có luật sư trước khi khai báo với cảnh sát và luật sư sẽ hiện diện khi cảnh sát thẩm vấn anh/chị. Nếu anh/chị không thể tìm

được luật sư, anh/chị sẽ được cung cấp một luật sư trước khi trả lời các câu hỏi. Anh/chị có thể trả lời câu hỏi khi không có luật sư, nhưng anh/chị vẫn có quyền ngưng trả lời bất cứ lúc nào để chờ sự có mặt của luật sư."

Người phụ nữ liếc về phía góc căn phòng chỗ Kara đang nằm sấp và nói, "Được rồi, tôi sẽ đưa cô ta tới trung tâm." Cô lưỡng lự. "Nhưng trước hết tôi có một câu hỏi."

"Câu hỏi gì?" Rhyme hỏi, nhíu mày.

"Cô nói gì vậy, sĩ quan?" Bell hỏi.

Phớt lờ viên thanh tra, nữ cảnh sát chăm chú nhìn Kadesky. "Tôi muốn xem giấy tờ tùy thân được không, thưa ông?"

"Tôi sao?" Nhà sản xuất hỏi.

"Phải thưa ông. Tôi cần xem bằng lái của ông."

"Cô lại muốn kiểm tra giấy tờ của tôi sao? Tôi đã trình hôm trước rồi mà."

"Xin cảm phiền, thưa ông."

Cáu kỉnh, người đàn ông thò tay vào túi quần và rút chiếc ví của ông ra.

Ngoại trừ việc, đó không phải là ví của ông.

Ông nhìn chằm chằm vào một chiếc ví gấp da ngựa vằn nhàu nát. "Đợi đã, tôi… tôi không biết đây là cái gì."

"Không phải của ông sao?" Viên cảnh sát hỏi.

"Không," ông ta nói, lấy làm khó chịu. Ông bắt đầu vỗ những chiếc túi của mình. "Tôi không biết…"

"Thấy chưa, đó là điều mà tôi lo ngại," nữ cảnh sát nói. "Tôi xin lỗi, thưa ông. Ông bị bắt vì hành vi móc túi. Ông có quyền giữ im lặng…"

"Chuyện này thật vớ vẩn," Kadesky lầm bầm. "Phải có nhầm lẫn gì đó." Ông mở ví ra và nhìn chằm chằm vào đó một lát. Rồi ông bật cười sửng sốt, giơ chiếc bằng lái xe ra cho mọi người thấy. Đó là bằng lái của Kara.

Có một mảnh giấy viết tay trong đó. Nó rơi ra. Ông nhặt lên. "Nó

viết là, 'Lừa được ông rồi'," Kadesky nói, nheo mắt lại và nhìn nữ cảnh sát thật kỹ, rồi nhìn tấm bằng lái xe. "Đợi đã, là cô phải không?"

"Viên cảnh sát" cười lớn rồi gỡ kính ra, cả chiếc mũ cảnh sát của cô và mái tóc giả màu nâu bên dưới, một lần nữa để lộ ra mái tóc ngắn màu hung đỏ. Bằng chiếc khăn mà Roland Bell, lúc này đang cười khúc khích, đưa cho cô, cô lau phần trang điểm khiến da sậm đi và cặp lông mày dày, gỡ bộ móng tay giả màu đỏ phủ lên những chiếc móng đen bóng. Sau đó, cô lấy chiếc ví của mình từ tay Edward Kadesky đang sửng sốt và đưa ví lại cho ông ta. Cô đã lấy nó khi cô va vào ông ta cùng Sachs lúc cô "trốn thoát" ra phía cửa.

Sachs lắc đầu, vô cùng kinh ngạc không biết phải phản ứng ra sao. Cô và Kadesky đều nhìn chằm chằm vào thân hình đang nằm trên sàn nhà.

Nhà ảo thuật trẻ tuổi bước vào trong góc phòng và nâng thiết bị đó lên, một bộ khung nhẹ có hình thù một người nằm sấp. Mái tóc ngắn màu tím đỏ che phủ một phần đầu, và cơ thể đó mặc quần áo giống với bộ quần bò và áo gió mà Kara đã mặc khi Bell còng tay cô. Cánh tay của thiết bị hóa ra được làm bằng cao su, móc lại với nhau bởi chiếc còng tay của Bell, Kara đã thoát ra rồi còng lại vào cổ tay của hình nộm.

"Nó là đồ giả," Rhyme lúc này tuyên bố với mọi người, hất đầu về phía hình nộm. "Kara giả."

Khi Sachs và những người khác quay đi, bị Rhyme đánh lạc hướng về phía biểu đồ, Kara đã thoát khỏi chiếc còng tay, đặt hình nộm và rồi lặng lẽ lẻn ra cửa để biến y ở hành lang.

Giờ cô đang gập thiết bị thành một gói có kích thước tương đương một chiếc túi nhỏ, cô đã giấu nó dưới áo khoác của cô khi cô tới. Hình nộm đó sẽ không qua mắt được nếu nhìn ở cự ly gần, nhưng trong bóng tối, với khán giả đã bị đánh lạc hướng và không ngờ vực gì, không ai để ý đó không phải là cô gái.

Kadesky lắc đầu. "Cô làm cả màn trốn thoát và biến y đó không tới một phút sao?"

"Bốn mươi giây."

"Bằng cách nào?"

"Ông nên thấy hiệu ứng thôi," Kara nói với ông. "Tôi nghĩ tôi sẽ

giữ bí mật phương pháp của mình."

"Vậy tôi cho rằng mục đích của việc này," Kadesky nói châm chọc, "là cô muốn một buổi diễn thử?"

Kara lưỡng lự và Rhyme nhìn cô gái trẻ đầy khích lệ.

"Không, đây là buổi diễn thử. Tôi muốn một công việc."

Kadesky nhìn cô thật kỹ. "Đó chỉ là một chiêu trò thôi. Cô còn những trò khác không?"

"Nhiều lắm."

"Cô đã thực hiện bao nhiêu màn biến y trong một buổi?"

"Bốn mươi hai màn. Ba mươi nhân vật. Trong một tiết mục ba mươi phút."

"Bốn mươi hai bộ đồ trong nửa giờ sao?" Nhà sản xuất hỏi, nhướng mày.

"Phải."

Ông chỉ cân nhắc trong vài giây. "Tới gặp tôi vào tuần sau. Tôi sẽ không cắt giảm giờ diễn của các nghệ sĩ của tôi hiện tại. Nhưng họ có thể nhận một trợ thủ và một người học việc. Và có lẽ cô có thể diễn vài màn ở trại mùa đông của chúng tôi tại Florida."

Rhyme và Kara trao đổi ánh mắt. Anh gật đầu quyết đoán.

"Được," người phụ nữ trẻ nói với Kadesky. Cô bắt tay ông.

Kadesky liếc nhìn hình nộm đã đánh lừa được họ. "Cô làm ra thứ đó hả?"

"Phải."

"Có thể cô muốn đăng ký bản quyền đấy."

"Tôi chưa bao giờ nghĩ tới việc đó. Cảm ơn. Tôi sẽ tìm hiểu."

Ông nhìn cô lần nữa. "Bốn mươi hai trong ba mươi phút." Rồi gật đầu, ông rời phòng. Cả ông và Kara trông như thể mỗi người họ đều đã mua được một chiếc xe thể thao rất đẹp, với giá cả rất phải chăng.

Sachs cười lớn. “Trời, cô đã lừa được tôi.” Cô nhìn Rhyme. “Cả hai người.”

“Đợi đã,” Bell nói, giả bộ cảm thấy tổn thương. “Tôi cũng tham gia mà. Tôi là người đã trói cô ấy.”

Sachs lại lắc đầu. “Anh nghĩ ra việc này khi nào?”

Bắt đầu từ tối qua, Rhyme giải thích, khi nằm trên giường, lắng nghe tiếng nhạc từ Cirque Fantastique, giọng nói trầm trầm của người dẫn chương trình, tiếng vỗ tay và cười lớn từ đám đông. Anh không ngừng nghĩ về Kara, về màn trình diễn của cô ở Smoke & Mirrors đã thú vị ra sao, nhớ lại việc cô còn thiếu tự tin và việc Balzac kiểm soát cô.

Nhớ lại cả những gì Sachs đã nói với anh về tình trạng của mẹ cô, điều đã khiến Rhyme mời Jaynene tới vào sáng hôm sau.

“Tôi sẽ hỏi chị thêm một câu nữa,” Rhyme nói với người phụ nữ đó. “Hãy nghĩ kỹ trước khi chị trả lời. Và tôi cần chị phải hoàn toàn trung thực.”

Câu hỏi đó là: “Liệu mẹ cô ấy có hy vọng bình phục không?”

Jaynene đã trả lời rằng, “Liệu bà ấy có tỉnh táo lại không, ý anh là thế hả?”

“Phải. Liệu bà ấy có bình phục được không?”

“Không.”

“Vậy là Kara sẽ không thể đưa bà ấy sang Anh?”

Một tiếng cười buồn bã. “Không, không, không. Người phụ nữ ấy sẽ chẳng đi đâu được cả.”

“Kara nói cô ấy không thể bỏ công việc hiện giờ vì cô ấy cần phải cho mẹ được ở nhà dưỡng lão đó.”

“Chắc chắn là bà ấy cần được chăm sóc. Nhưng không phải ở chỗ của chúng tôi. Kara đang trả chi phí trị liệu và chăm sóc, can thiệp y tế. Chăm sóc ngắn hạn. Mẹ của Kara thậm chí không biết năm nay là năm nào. Bà ấy có thể ở bất cứ đâu. Rất tiếc phải nói điều này, nhưng tất cả những gì bà ấy cần lúc này là sự ổn định.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cô ấy tìm một nơi lâu dài?”

“Bà ấy sẽ ngày càng tệ hơn cho tới lúc chết. Cũng giống như là bà ấy ở với chúng tôi thôi. Chỉ là điều đó sẽ không làm Kara bị khánh kiệt.”

Sau đó, Jaynene và Thom đi ăn trưa với nhau, chắc chắn đã chia sẻ những câu chuyện của họ về những người mà họ chăm sóc. Rhyme lúc bấy giờ đã gọi cho Kara. Cô tới và họ nói chuyện với nhau. Cuộc đối thoại thật kì quặc; anh chưa bao giờ xử lý tốt những vấn đề cá nhân. Đối mặt với một kẻ sát nhân vô lương dễ dàng so với việc xâm nhập vào tâm hồn nhạy cảm của ai đó.

“Tôi không biết rõ nghề nghiệp của cô,” Rhyme nói. “Nhưng khi tôi xem màn trình diễn của cô ở cửa hàng hôm Chủ nhật, tôi rất ấn tượng. Và làm tôi ấn tượng không dễ. Cô thật sự rất giỏi.”

“Với người tập sự thì là thế,” cô đáp lại nhún nhường.

“Không,” anh nói thật rõ ràng, “với một nghệ sĩ trình diễn. Cô lẽ ra phải ở trên sân khấu.”

“Tôi chưa sẵn sàng. Nhưng tôi sẽ ở đó thôi.”

Sau một khoảng im lặng dài, Rhyme nói, “Vấn đề là với thái độ đó, nó khiến cô đôi khi không ở đó được.” Anh liếc xuống cơ thể mình. “Đôi khi có những chuyện… xen ngang. Và rồi thế là, cô trì hoãn việc gì đó quan trọng. Và cô sẽ bỏ lỡ nó vĩnh viễn.”

“Nhưng ông Balzac…”

“… đang kéo cô lùi lại. Rõ ràng là thế.”

“Ông ấy chỉ nghĩ tới điều tốt nhất cho tôi.”

“Không, không phải thế. Tôi không biết ông ta nghĩ gì. Nhưng có một điều ông ta không nghĩ tới đó là cô. Hãy xem Weir và Loesser đi. Và Keating. Những người thầy có thể mê hoặc cô. Hãy cảm ơn Balzac vì những gì ông ấy đã làm, giữ mối quan hệ bạn bè, hãy gửi vé mời cho ông ấy trong buổi diễn đầu tiên của cô ở Carnegie Hall. Nhưng giờ hãy rời xa ông ấy, khi cô còn có thể.”

“Tôi không bị mê hoặc,” cô nói, cười lớn.

Rhyme không đáp và anh cảm thấy cô đang cân nhắc xem cô đang bị người đàn ông đó điều khiển tới mức nào. Anh nói tiếp, “Chúng ta ít nhiều có ơn với Kadesky – sau tất cả những gì chúng ta đã làm. Amelia nói với tôi cô thích Cirque Fantastique đến mức nào.

Tôi nghĩ cô nên diễn thử."

"Kể cả nếu tôi có làm được, tôi vẫn có vấn đề cá nhân. Mẹ..." "Mẹ cô," Rhyme ngắt lời.

"Phải."

"Tôi đã nói chuyện với Jaynene rồi." Cô gái im lặng.

Rhyme nói, "Để tôi kể cô nghe một chuyện."

"Chuyện gì?"

"Tôi đứng đầu bộ phận pháp y ở đây, tại New York. Công việc đó có những đòi hỏi khó chịu về mặt hành chính, cô có thể tưởng tượng đó. Nhưng điều tôi thích nhất – và điều tôi giỏi nhất – là điều tra các hiện trường vụ án, nên ngay cả sau khi tôi được thăng chức, tôi vẫn ra hiện trường thường xuyên hết sức có thể. Chúng tôi từng có một gã hiếp dâm hàng loạt ở khu Bronx vài năm trước. Tôi sẽ không nói chi tiết, nhưng tình thế lúc đó rất tồi tệ và tôi muốn tên đó bị bắt. Tôi rất muốn tóm hắn. Tôi nhận được cuộc gọi từ một cảnh sát tuần tra nói là đã có một cuộc tấn công nữa, chỉ nửa giờ trước, và có vẻ như có bằng chứng tốt. Tôi đích thân tới đó điều tra hiện trường.

Ngay khi tới nơi, tôi thấy đội phó – và một người bạn tốt của tôi – bị trụy tim. Rất tệ. Một ca nặng. Anh ấy còn trẻ, khỏe mạnh. Thế là, anh ấy yêu cầu gặp tôi." Rhyme dẹp bỏ ký ức đau buồn và nói tiếp, "Nhưng tôi đã ở lại và điều tra hiện trường đó, điền hết các lệnh tạm giam rồi tới bệnh viện. Tôi tới đó nhanh hết sức, nhưng đã quá muộn. Anh ấy đã qua đời nửa tiếng trước. Tôi không tự hào vì điều đó. Điều đó vẫn khiến tôi đau buồn sau từng ấy thời gian. Nhưng tôi vẫn sẽ không làm khác đi."

"Vậy ý của anh là tôi nên đưa mẹ tôi vào một nhà dưỡng lão tồi tệ nào đó," cô nói cay đắng. "Một nơi rẻ tiền hơn. Để tôi có thể hạnh phúc."

"Tất nhiên là không. Hãy đưa bà ấy vào một nơi cho bà ấy những gì bà cần – bạn bè và sự chăm sóc. Chứ không phải những gì cô cần. Không phải là một trung tâm phục hồi sẽ làm cô khánh kiệt... Ý tôi ư? Ý tôi là nếu có chuyện gì đó mà tôi biết cô cần làm nó trong đời, thì nó nên được ưu tiên hơn so với mọi chuyện khác. Hãy tìm một công việc ở Cirque Fantastique. Hay một gánh khác. Nhưng cô phải tiến lên."

“Anh có biết một số nhà dưỡng lão kiểu vậy thế nào không?”

“À, vậy thì việc của cô là tìm một nơi mà cả hai người đều có thể hài lòng. Xin lỗi vì nói thẳng. Nhưng tôi đã nói trước với cô là tôi không giỏi trong việc tỏ ra tế nhị.”

Cô lắc đầu. “Nghe này, Lincoln, ngay cả nếu tôi quyết định thế, anh có biết có bao nhiêu người sẵn sàng chết để được làm việc ở Cirque Fantastique không? Họ nhận được hàng trăm đơn xin việc mỗi tuần.”

Cuối cùng anh cũng mỉm cười. “À, giờ thì tôi đã nghĩ tới chuyện đó. Người Bất Động có một ý tưởng cho tiết mục mà tôi nghĩ chúng ta nên thử.”

Lúc này Rhyme đã kể hết câu chuyện với Sachs.

Kara nói, “Chúng tôi nghĩ chúng tôi sẽ gọi tiết mục đó là Nghi phạm Tẩu thoát. Tôi sẽ thêm nó vào kho tiết mục của mình.”

Sachs quay sang Rhyme. “Và lý do anh không nói trước với em là…?”

“Anh xin lỗi. Em ở Trung tâm. Anh không liên lạc được.”

“À, có thể đã hay hơn nếu anh nói trước với em. Anh lẽ ra nên để lại một tin nhắn.”

“Anh. Xin. Lỗi. Đó. Anh xin lỗi rồi. Anh không hay làm thế, em biết mà. Anh nghĩ em sẽ thích. Tuy nhiên, giờ em nhắc tới chuyện đó, anh không thật sự biết làm thế nào để màn diễn đó tốt hơn. Vẻ mặt em lúc đó thật vô giá. Làm tăng thêm độ tin cậy.”

“Còn Balzac thì sao?” Sachs hỏi. “Ông ấy không biết Weir sao? Ông ấy thực sự không liên quan sao?”

Rhyme hất đầu về phía Kara. “Hoàn toàn hư cấu. Bọn anh đã viết kịch bản, hai người bọn anh.”

Sachs nhìn cô gái trẻ. “Đầu tiên cô bị đâm chết khi tôi tưởng là tôi đang phải trông chừng cô. Rồi cô trở thành một nghi phạm giết người.” Nữ cảnh sát thở dài thườn thượt. “Đây có thể là một tình bạn khó khăn.”

Kara đề nghị đi xuống phố để mua đồ ăn Cuba, thứ mà họ đã bỏ lỡ lần trước, dù Rhyme ngờ rằng đó chỉ là một cái cớ để cô đi kiếm cà

phê đậm đặc ở nhà hàng đó. Nhưng trước khi họ quyết định gọi món gì, họ bị tiếng chuông điện thoại của Rhyme cắt ngang. Anh ra lệnh, "Lệnh, trả lời điện thoại." Một lát sau, giọng Sellitto vang lên trên loa. "Linc, anh có bận gì không?"

"Còn tùy," anh càu nhàu. "Có chuyện gì?"

"Không được nghỉ ngơi chút nào… Chúng tôi lại cần anh giúp. Chúng tôi có một vụ giết người kỳ lạ."

"Lần trước là 'quái lạ', nếu tôi nhớ đúng. Tôi nghĩ anh chỉ nói thế để khiến tôi chú ý."

"Không, thật đấy, chúng tôi không thể hiểu được vụ này."

"Được rồi, được rồi," nhà tội phạm học càu nhàu, "cho tôi biết chi tiết đi."

Thái độ cấm cảu của Lincoln Rhyme được diễn dịch đơn giản là anh hài lòng đến nhường nào vì sự nhàm chán sẽ biến mất ít ra là một khoảng thời gian nữa.

***

Kara đứng bên ngoài Smoke & Mirrors, thấy những điều cô không hề chú ý trong một năm rưỡi làm việc ở đó. Một cái lỗ ở góc trên bên trái của mảnh kính bởi một phát súng BB hoặc súng đạn ghém. Một bức graffiti nguệch ngoạc nhỏ xíu trên cửa. Một cuốn sách bụi bặm về Houdini tại cửa sổ, mở ra ngay trang nói về loại thừng chéo ông thích dùng trong tiết mục của ông.

Cô nhìn thấy ánh lửa lóe lên trong cửa hàng – ông Balzac đang đốt một điếu thuốc.

Hít một hơi sâu. Làm thôi, cô nghĩ và đẩy cửa vào.

Ông đứng ở quầy với người bạn vừa tới thành phố cuối tuần rồi, một ảo thuật gia từ California. Balzac giới thiệu cô là học trò của ông và người đàn ông tuổi trung niên bắt tay cô. Họ nói chuyện xã giao về việc màn trình diễn của ông tối qua ra sao, về những người khác có mặt trong thành phố… kiểu trò chuyện điển hình với các nghệ sĩ trình diễn khắp nơi. Cuối cùng người đàn ông cầm chiếc valy của ông lên. Ông đang trên đường ra sân bay Kennedy để trở về nhà và ghé qua cửa hàng để trả lại những đồ đạc ông đã mượn. Ông ôm Balzac, gật đầu với Kara và rời cửa hàng.

“Cô đến muộn,” ảo thuật gia càu nhàu với cô. Rồi quan sát thấy cô không đặt túi xuống sau quầy như mọi khi. Ông liếc nhìn tay cô. Không có ly cà phê. Tất nhiên, điều đó gợi ra nhiều chuyện.

Một cái nhíu mày. “Chuyện gì?” Ông hỏi, nhấc điếu thuốc ra. “Nói xem.”

“Tôi xin nghỉ.”

“Cô…”

“Tôi đã nói chuyện với Ed Kadesky. Tôi được nhận việc ở Cirque Fantastique.”

“Với họ sao? Kadesky ư? Không, không, không, thật sai lầm với cô. Đó không phải là ảo thuật. Đó là…”

“Đó là điều tôi muốn làm.”

“Chúng ta đã nói chuyện này cả chục lần rồi. Cô chưa sẵn sàng. Cô giỏi. Nhưng chưa xuất sắc.”

“Điều đó không quan trọng,” cô nói cương quyết. “Quan trọng là được đứng trên sân khấu. Trình diễn.”

“Nếu cô vội vã…”

“Vội vã ư, David? Vội vã ư? Khi nào thì tôi sẽ sẵn sàng? Sang năm ư? Năm năm nữa ư?” Thường thì cô thấy khó mà giữ ánh mắt của ông ta; hôm nay cô nhìn thẳng vào ông và nói, “Ông có bao giờ để tôi ra đi không?”

Một khoảng im lặng, trong khi ông sắp xếp giấy tờ, ông đập mạnh chúng lên quầy bán hàng đã mòn vẹt, sứt sẹo. “Kadesky,” ông nhạo báng. “Và cô sẽ làm gì cho ông ta?”

“Đầu tiên là trợ lý. Rồi buổi diễn mùa đông của riêng tôi ở Florida. Còn sau đó ai mà biết được?”

Ông dập điếu thuốc lá. “Đó là một sai lầm. Cô sẽ lãng phí tài năng của mình. Những gì ông ta làm, đó không phải là kiểu ảo thuật ta dạy cô.”

“Tôi được nhận công việc này nhờ những gì ông đã dạy tôi.”

“Kadesky,” ông nói giọng khinh thường. “Ảo thuật kiểu mới.”

“Phải, đúng là thế,” cô nói. “Nhưng tôi sẽ diễn các tiết mục của tôi nữa. Hóa thân, nhớ không – cũ trở thành mới.”

Ông không mỉm cười dù cô có thể cảm nhận thấy việc nhắc tới màn biểu diễn đó khiến ông hài lòng.

“David, tôi muốn tiếp tục học hỏi ông. Khi tôi trở lại thành phố tôi muốn học thêm. Tôi sẽ trả tiền.”

“Ta không nghĩ có thể làm như thế. Cô không thể phục vụ hai ông chủ,” người đàn ông lầm bầm. Khi Kara không nói gì cả, ông nói miễn cưỡng, “Chúng ta cứ đợi xem sao. Có thể ta đã không có thời gian. Có thể ta sẽ không có.”

Cô nâng chiếc túi của mình cao hơn trên vai.

“Ngay bây giờ sao?” Ông hỏi. “Cô đi ngay bây giờ hả?”

“Phải. Tôi nghĩ thế là tốt nhất.”

Ông gật đầu.

“Thế nhé,” Kara nói.

Nhà ảo thuật nói một câu “Vậy, tạm biệt” thật chính thức rồi bước ra đằng sau quầy, không nói thêm gì nữa.

Cố nén nước mắt, cô bước ra cửa.

“Đợi đã,” ông gọi khi cô đã ở bên ngoài. Balzac bước trở lại vào trong cửa hàng và rồi tới chỗ cô. Ông cầm thứ gì đó trên tay và đẩy nó về phía cô. Đó là một hộp đựng xì-gà có những mảnh lụa ba màu của Tarbell.

“Đây. Cầm cái này đi… Ta thích cách cô diễn màn đó. Đó là một màn hay.”

Cô nhớ lời khen ngợi mà cô đã nhận được vì màn đó. À… Kara bước lên và ôm ông thật mau lẹ, nghĩ rằng đó là sự tiếp xúc cơ thể đầu tiên của họ kể từ khi cô bắt tay ông lúc cô gặp ông mười tám tháng trước.

Ông lóng ngóng ôm lại cô rồi lùi về phía sau.

Kara bước ra ngoài, dừng lại và quay sang vẫy tay, nhưng Balzac đã biến mất vào trong bóng tối mờ ảo của cửa hàng. Cô nhét hộp đựng những mảnh lụa vào túi và đi về phía đại lộ Số Sáu, đưa cô

tới căn hộ của mình ở trung tâm thành phố.

Chương năm mươi hai

Vụ giết người quả là lạ lùng.

Một vụ giết người kép ở một vùng hẻo lánh của đảo Roosevelt – mảnh đất hẹp với những nhà chung cư, bệnh viện và những đống đổ nát trên sông Đông. Vì trạm xe điện nằm cách không xa trụ sở Liên Hiệp Quốc ở Manhattan, nhiều nhà ngoại giao và nhân viên Liên Hiệp Quốc sống trên đảo đó.

Và hai người trong số đó – những phái viên cấp thấp đến từ Balkan – đã bị sát hại, mỗi người đều bị bắn hai phát vào sau đầu, tay bị trói lại.

Có vài thứ kỳ lạ mà Amelia Sachs đã tìm thấy khi kiểm tra hiện trường. Cô tìm thấy tàn của một loại thuốc lá không có trong dữ liệu thuốc lá của bang hay liên bang, những dấu vết của một loài thực vật vốn xa lạ với vùng đô thị này cùng những dấu vết của một chiếc valy nặng đã được đặt xuống và có vẻ là mở ra cạnh các nạn nhân sau khi họ bị bắn.

Và lạ lùng nhất là việc mỗi người đều mất chiếc giày bên phải của mình. Không tìm thấy chúng ở đâu cả. "Cả hai đều là giày bên phải, Sachs," Rhyme nói, nhìn vào bảng bằng chứng trước mặt anh, còn cô đi qua đi lại. "Chúng ta nghĩ gì về điều đó?"

Nhưng câu hỏi tạm thời bị cắt ngang vì điện thoại di động của Sachs reo. Đó là thư ký của đại úy Marlow, hỏi liệu cô có thể tới gặp ông ở văn phòng không. Đã vài ngày trôi qua kể từ khi họ khép lại vụ Gã phù thủy, đã vài ngày kể từ khi cô biết Victor Ramos đang chống lại cô. Không có thêm tin tức gì về vụ đình chỉ.

"Khi nào?" Sachs hỏi.

"À, ngay bây giờ," người phụ nữ đáp.

Sachs gác máy, với một cái liếc và nụ cười nửa miệng về phía Rhyme, cô nói, "Thế đấy. Em phải đi rồi."

Họ thoáng nhìn vào mắt nhau. Rồi Rhyme gật đầu và cô bước ra cửa.

Nửa tiếng sau, Sachs đã ở trong văn phòng của đại úy Gerald Marlow, ngồi đối mặt với người đàn ông đang đọc một tập tài liệu vàng nhạt trong số đám tài liệu bất tận của mình. "Một giây thôi, sĩ quan." Ông tiếp tục xem xét thứ giấy tờ đang hút hết tâm trí mình, thỉnh thoảng lại ghi chú.

Cô cựa quậy sốt ruột. Cấu vào viền móng tay, rồi đến móng tay. Hai phút dài đằng đẵng trôi qua. Ôi Chúa ơi, cô nghĩ thầm rồi hỏi, "Được rồi, sếp. Có chuyện gì? Hắn ta đã nhượng bộ sao?"

Marlow đánh dấu một điểm trên tờ giấy ông đang đọc rồi nhìn lên. "Ai cơ?"

"Ramos. Về kỳ thi trung sĩ đấy?"

Và cả gã khốn nhỏ mọn kia – tay cảnh sát dê xồm ở bài tập đánh giá.

"Nhượng bộ hả?" Marlow hỏi. Ông ngạc nhiên vì sự ngây thơ của cô. "Chà, sĩ quan, đó chưa bao giờ là một lựa chọn, anh ta nhượng bộ ấy."

Vậy là chỉ còn một lý do cho cuộc nói chuyện trực tiếp này. Cô hiểu ra với sự rõ ràng sắc bén như phát đạn súng ngắn đầu tiên bắn ra ở trường bắn ngoài trời. Phát đạn đầu tiên… trước khi cơ bắp, đôi tai và làn da ta trở nên trơ lì vì những phát đạn liên tiếp. Chỉ có một lý do để cô bị gọi lên đây. Marlow sẽ thu hồi vũ khí và phù hiệu của cô. Giờ cô bị đình chỉ.

Chó chết, chó chết, chó chết…

Cô cắn môi.

Nhẹ nhàng khép tập hồ sơ lại, Marlow nhìn cô theo cách của một người cha khiến cô lo lắng; như thể cái án mà cô sắp bị tuyên trầm trọng tới mức cô cần sự dỗ dành ân cần của người cha. "Những người như Ramos, sĩ quan, ta không thể đánh bại họ. Không phải ở trên sân của họ. Ta đã thắng trận đấu, còng tay anh ta ở hiện trường. Nhưng anh ta thắng cuộc chiến. Những người như thế luôn thắng cuộc chiến."

“Ý ông là những người ngu ngốc? Những người nhỏ mọn? Những người tham lam?”

Một lần nữa, vẻ thản nhiên đã ăn vào máu của một sĩ quan cảnh sát chuyên nghiệp đã khiến ông lờ đi câu hỏi đó.

“Hãy nhìn chiếc bàn này đi,” ông vừa nói vừa làm theo. Trên bàn la liệt hồ sơ giấy tờ. Hàng chồng hàng đống những tập hồ sơ và biên bản. “Và tôi vẫn nhớ tôi đã kêu ca về công việc giấy tờ khi còn là một cảnh sát tuần tra.” Ông lục lọi một trong những đống giấy đó, có vẻ đang tìm thứ gì đấy. Rồi bỏ cuộc. Cố tìm ở một chồng khác. Ông rút ra vài tài liệu cũng không phải là những gì ông muốn rồi dành chút thời gian quý báu của mình sắp xếp lại chúng rồi tiếp tục cuộc tìm kiếm lần nữa.

Ôi trời, mình chưa bao giờ nghĩ sẽ phải trải qua chuyện này.

Lúc đó, trong cô, nỗi buồn và sự thất vọng kết lại thành một hòn đá. Rồi cô nghĩ: Được rồi, họ muốn chơi kiểu này đúng không? Có lẽ mình sẽ bị hạ nhưng họ sẽ bị thương. Ramos và tất cả những kẻ khốn nạn như Ramos sẽ được nếm mùi máu.

Đã tới lúc ăn thua…

“Phải rồi,” viên đại úy nói, cuối cùng cũng tìm thấy thứ ông ta muốn, một phong bì lớn với một mảnh giấy được ghim trên đó. Ông đọc nó thật nhanh. Liếc nhìn chiếc đồng hồ có hình bánh lái con tàu trên bàn của mình. “Chết tiệt, nhìn đồng hồ đi. Bắt tay vào việc thôi, sĩ quan. Tôi cần phù hiệu của cô.”

Chán nản, cô ngoan ngoãn thò tay vào túi. “Bao lâu?”

“Một năm, sĩ quan,” Marlow nói. “Xin lỗi.”

Bị đình chỉ một năm, cô nghĩ trong tuyệt vọng. Cô đã tưởng tệ nhất chỉ là ba tháng.

“Đó là điều tốt nhất tôi có thể làm. Một năm. Phù hiệu, tôi đang yêu cầu đây.” Marlow lắc đầu. “Xin lỗi vì gấp gáp thế này. Tôi có một cuộc họp khác ngay bây giờ. Những cuộc họp – chúng làm tôi phát điên. Cuộc này là về bảo hiểm. Công chúng nghĩ tất cả những gì chúng ta làm là bắt nghi phạm. Hoặc nhiều khả năng hơn, không bắt được nghi phạm. Ừm, hừm – một nửa công việc này toàn là những thứ hợp tác vớ vẩn. Cô có biết cha tôi gọi việc hợp tác kinh doanh là gì không? ‘Hợp tác quay-cuồng.’ Ông ấy làm việc cho American Standard ba mươi chín năm. Là đại diện kinh

doanh. B-Ậ-N-quay-cuồng. Công việc của chúng ta cũng giống như vậy." Ông chìa tay ra.

Nỗi tuyệt vọng tràn ngập quanh cô, nhấn chìm cô. Cô đưa cho ông ta chiếc bọc da đã sờn cũ có phù hiệu bạc và thẻ cảnh sát.

Phù hiệu số Năm Tám Tám Năm…

Cô có thể làm gì đây? Đi làm bảo vệ sao?

Đằng sau ông ta, điện thoại của viên đại úy reo và ông ta quay lại để trả lời.

"Marlow đây… Vâng thưa ngài… Chúng tôi sẽ sắp xếp an ninh cho việc đó." Và trong lúc ông ta tiếp tục nói chuyện với người gọi đến, điều gì đó về phiên tòa xử Andrew Constable, có vẻ là vậy, viên đại úy đặt chiếc phong bì nội bộ lên đùi. Ông ta kẹp điện thoại ở cổ, quay sang đối mặt với Sachs và tiếp tục cuộc nói chuyện của mình trong khi tháo sợi chỉ đỏ quấn quanh móc cài của chiếc phong bì được đóng dấu.

Tiếp tục rì rầm về phiên tòa, về những cáo buộc mới chống lại Constable và những kẻ khác trong Hội Ái quốc, về các cuộc đột kích vào Canton Falls. Sachs để ý thấy giọng nói uyển chuyển, tôn trọng một cách hoàn hảo của ông ta, cách ông ta chơi trò kính trên nhường dưới xuất sắc. Có lẽ ông ta đang nói chuyện với thị trưởng hay thống đốc.

Có thể chính là nghị sĩ Ramos.

Chơi trò chơi đó, trò chơi chính trị… Đó có thực sự là công việc của cảnh sát không? Nó quá xa lạ với bản tính của cô tới mức cô tự nhủ liệu cô có liên quan gì tới công việc cảnh sát này không.

Chẳng bận-quay-cuồng.

Suy nghĩ đó làm cô đau khổ. Ôi, Rhyme chúng ta sẽ phải làm gì đây?

Chúng ta sẽ vượt qua, anh ấy sẽ nói thế. Nhưng cuộc đời không chỉ là vượt qua. Vượt qua là thua rồi.

Marlow, vẫn đang kẹp điện thoại giữa tai và vai, lầm bầm không dứt thứ ngôn ngữ của chính quyền. Ông ta cuối cùng cũng mở được phong bì ra và bỏ phù hiệu của cô vào trong đó.

Rồi ông ta với tay và rút ra thứ gì đó được bọc trong một tờ giấy ăn.

"... không có thời gian để làm lễ. Sẽ làm thứ gì đó sau." Thông điệp này chỉ thì thầm và Sachs thấy có vẻ ông ta đang nói với cô.

Lễ sao?

Ông ta liếc nhìn cô. Giờ lại một lời thì thầm nữa, tay ông ta che tai nghe. "Đây là chuyện bảo hiểm. Ai mà hiểu được chứ? Tôi phải học tất cả những thứ về bảng thống kê tỉ lệ tử vong, tiền trợ cấp, bồi thường bảo hiểm kép..."

Marlow mở tấm khăn giấy ra, để lộ một huy hiệu vàng của NYPD.

Trở lại với giọng bình thường khi ông ta nói trong điện thoại: "Vâng thưa ngài, chúng tôi đang xử lý tình huống đó... Chúng tôi cũng có người ở Bedford Junction nữa. Và khu Harrisonburg ở đầu đường. Chúng tôi hoàn toàn chủ động."

Rồi lại thì thầm, với cô. "Giữ số cũ của cô nhé, sĩ quan." Ông giơ phù hiệu lên, màu vàng óng ánh. Những con số giống với số tuần tra của cô: 5885. Ông nhét chiếc phù hiệu vào trong bọc phù hiệu bằng da của cô. Rồi ông tìm thấy thứ gì đó khác trong chiếc phong bì màu vàng: thẻ cảnh sát tạm thời. Ông gắn nó lên cái bọc phù hiệu rồi trả lại.

Thẻ định danh cô là Amelia Sachs, thanh tra thám tử bậc ba.

"Vâng thưa ngài, chúng tôi đã nghe chuyện đó rồi và đánh giá mối đe dọa của chúng tôi là đó là một tình thế xử lý được... Tốt, thưa ngài." Marlow gác máy rồi lắc đầu. "Giao cho tôi phiên tòa của một kẻ cuồng tín vào bất kỳ ngày họp bảo hiểm nào còn hơn. Được rồi, sĩ quan, cô cần phải chụp ảnh để làm thẻ cảnh sát chính thức." Ông cân nhắc điều gì đó rồi nói thêm một cách cẩn trọng, "Đây không phải là áp đặt gì nên đừng hiểu lầm, nhưng họ thích phụ nữ búi tóc hơn, chứ không để xõa, cô biết đấy, tóc xoã. Tôi cho là nhìn rắn rỏi hơn. Cô có vấn đề gì với chuyện đó không?"

"Nhưng, tôi không bị đình chỉ sao?"

"Đình chỉ ư? Không, cô đã trở thành thanh tra cảnh sát. Họ không gọi cho cô sao? O'Connor lẽ ra phải gọi cho cô. Hay trợ lý của anh ta hay một ai đó."

Dan O'Connor, người đứng đầu Cục Thanh tra.

“Không ai gọi cho tôi cả. Trừ thư ký của ông.”

“À. Lẽ ra họ phải gọi.”

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?”

“Tôi nói với cô là tôi sẽ làm những gì có thể. Tôi đã làm. Ý tôi là, hãy đối mặt với chuyện này – không lý nào tôi để cô bị đình chỉ. Không thể để mất cô được.” Ông lưỡng lự, nhìn vào đống hồ sơ. “Đó là chưa kể, sẽ là một cơn ác mộng nếu chống lại cô trong bộ vest của Hội Công đoàn Cảnh sát hoặc trong phiên xét xử. Sẽ xấu xí lắm.”

Cô nghĩ: Ồ phải, thưa sếp, hẳn là thế. Thực sự xấu xí. “Nhưng một năm? Ông đã nói gì đó về một năm.”

“Đấy là bài thi trung sĩ mà tôi đang nói tới. Cô không thể thi lại cho tới tháng Tư năm sau. Đó là bên hành chính công và tôi không thể làm gì được. Nhưng tái bổ nhiệm cô vào Cục Thanh tra, đó là việc trong quyền của tôi. Ramos không thể ngăn được điều đó. Cô sẽ là cấp dưới của Lon Sellitto.”

Cô nhìn chằm chằm vào tấm phù hiệu vàng. “Tôi không biết phải nói gì.”

“Cô có thể nói, ‘Cảm ơn rất nhiều, đại úy Marlow. Tôi đã rất vui được làm việc với ông ở Phòng Cảnh sát tuần tra suốt ngần ấy năm. Và tôi rất tiếc vì không thể tiếp tục công việc đó’.”

“Tôi…”

“Tôi đùa thôi, sĩ quan. Bất kể cô nghe được gì thì tôi quả thực có biết đùa. À, cô là bậc ba nhé, hẳn là cô đã thấy.”

“Vâng, thưa sếp.” Cô cố gắng giữ mình không bị cười đến hụt hơi. “Tôi…”

“Nếu cô muốn lên được bậc một và trung sĩ, tôi sẽ suy nghĩ kĩ về việc cô bắt giữ, hay nhốt ai ở hiện trường vụ án. Và đồng thời, cách cô nói chuyện với người ta. Chỉ là vài lời khuyên thôi.”

“Đã hiểu, thưa sếp.”

“Giờ, xin cô thứ lỗi, sĩ quan… Ý tôi là, thanh tra thám tử. Tôi còn khoảng năm phút để học mọi thứ cần phải biết về bảo hiểm.”

***

Bên ngoài, trên đường Centre, Amelia Sachs đi vòng quanh chiếc Camaro của cô, kiểm tra hư hại ở bên hông và đầu xe từ vụ va chạm với chiếc Mazda của Loesser ở Harlem.

Chiếc xe tội nghiệp cần một đợt đại tu để trở lại như cũ.

Xe là điểm mạnh của cô, tất nhiên, và cô biết địa điểm, cũng như hình dạng đầu xe, chiều dài và kiểu xoắn của từng chiếc đinh và ốc trong xe. Và có lẽ cô có tất cả những máy bắn đinh, búa đầu tròn, máy mài và các thiết bị khác mà cô cần ở ga-ra của cô ở Brooklyn để tự mình sửa hầu hết những hư hại.

Nhưng Sachs không thích công việc sửa chữa. Cô thấy công việc đó nhàm chán, tẻ nhạt như việc làm người mẫu thời trang hay hẹn hò với những gã cảnh sát đẹp trai, kiêu căng, lỗ mãng. Không phải chuyện gì cao siêu, nhưng có lẽ trong sâu thẳm cô không tin tưởng những gì chỉ có bề ngoài, hời hợt. Với Amelia Sachs, bản chất của những chiếc xe nằm trong trái tim và linh hồn nóng bỏng của chúng: tiếng đập phẫn nộ như trống dồn của cần pít-tông, tiếng rú của động cơ, tiếng sang số hoàn hảo biến một tấn kim loại, da và nhựa thành tốc độ thuần khiết.

Cô quyết định sẽ đưa chiếc xe tới một cửa hiệu ở Astoria, Queens, một hiệu sửa xe cô từng tới trước kia, nơi các thợ máy lành nghề, tương đối trung thực và tôn trọng những cỗ máy mạnh mẽ như chiếc xe này.

Giờ ngồi vững ở ghế trước, cô khởi động máy. Tiếng rầm rầm của nó thu hút sự chú ý của nửa tá cảnh sát, luật sư và doanh nhân gần đó. Rời chỗ đậu xe của cảnh sát, cô quyết định thêm một chuyện nữa. Vài năm trước, sau vài lần đánh bóng, cô đã quyết định sơn lại chiếc xe vốn có màu đen lúc xuất xưởng. Cô đã chọn màu vàng chói. Đó là lựa chọn bốc đồng, nhưng tại sao lại không? Sao lại phải kìm hãm những ý thích bất chợt với các quyết định về màu móng, màu tóc và màu xe của bạn?

Nhưng giờ cô nghĩ rằng đằng nào xưởng sửa xe cũng sẽ phải thay một phần tư tấm kim loại của chiếc Chevy và kiểu gì cũng phải sơn lại nó, cô sẽ chọn một màu khác. Màu đỏ như xe cứu hỏa là lựa chọn nhất thời của cô. Màu đó có hai ý nghĩa với cô. Đó không chỉ là màu mà cha cô luôn nói là phải sơn cho những chiếc xe "cơ bắp", nó còn hợp với màu chiếc xe vận động của Rhyme, chiếc xe lăn Storm Arrow. Đó sẽ là thứ tình cảm mà nhà tội phạm học sẽ tỏ ra hoàn toàn hững hờ, nhưng trong thâm tâm anh sẽ hết sức hài lòng.

Phải, cô nghĩ, sẽ là màu đỏ.

Cô nghĩ tới việc bỏ chiếc Chevy ở lại xưởng ngay lúc này, nhưng rồi nghĩ lại, cô quyết định sẽ đợi. Cô có thể lái một chiếc xe xập xệ vài ngày nữa; cô từng làm thế rất nhiều lần khi còn niên thiếu. Hiện giờ cô muốn về nhà, về với Lincoln Rhyme, chia sẻ với anh tin tức về trò giả kim thuật đã biến chiếc phù hiệu của cô từ bạc thành vàng, và trở lại với công việc lần giở những bí ẩn gay cấn đang chờ đợi họ: hai nhà ngoại giao bị sát hại, thực vật ngoại lai, những dấu vết đáng ngờ ở vùng đất bùn lầy và hai chiếc giày mất tích.

Cả hai đều là giày chân phải.

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin cảm ơn Jane Davis, người đã có màn ảo thuật mang thương hiệu của riêng cô và không gì sánh được trong việc cai quản trang web của tôi, cảm ơn em gái và bạn đồng nghiệp tác giả sách của tôi Julie Reece Deaver, cảm ơn người bạn thân thiết và tác giả truyện ly kỳ xuất sắc John Gilstrap, và cảm ơn Robby Burroughs, người đã đi cùng tôi tới màn trình diễn của rạp xiếc Big Apple Circus, mà ở đó ý tưởng cho câu chuyện này ra đời.

Tôi cũng thấy những nguồn sau đây hết sức hữu ích cho việc viết cuốn tiểu thuyết này: *The Creative Magician's Handbook* (tạm dịch: Sổ tay của ảo thuật gia sáng tạo), Marvin Kaye; *The Illustrated History of Magic* (tạm dịch: Lịch sử ảo thuật có minh họa), Milbourne và Maurine Christopher; *The Magic and Methods of Ross Bertram* (tạm dịch: Ảo thuật và các phương pháp của Ross Bertram), Ross Bertram; *Magicians and Illusionists* (tạm dịch: Ảo thuật gia và người tạo ảo giác), Adam Woog; *The Annotated Magic of Slydini* (tạm dịch: Ảo thuật có chú giải của Slydini), Slydini và Gene Matsuura; *The Tarbell Course in Magic* (tạm dịch: Khóa học Tarbell về ảo thuật), Harlan Tarbell;*Houdini on Magic* (tạm dịch: Houdini bàn về ảo thuật), Walter B. Gibson và Morris N. Young, biên tập; và *Magic in Theory* (tạm dịch: Lý thuyết ảo thuật), Peter Lamont và Richard Wiseman.